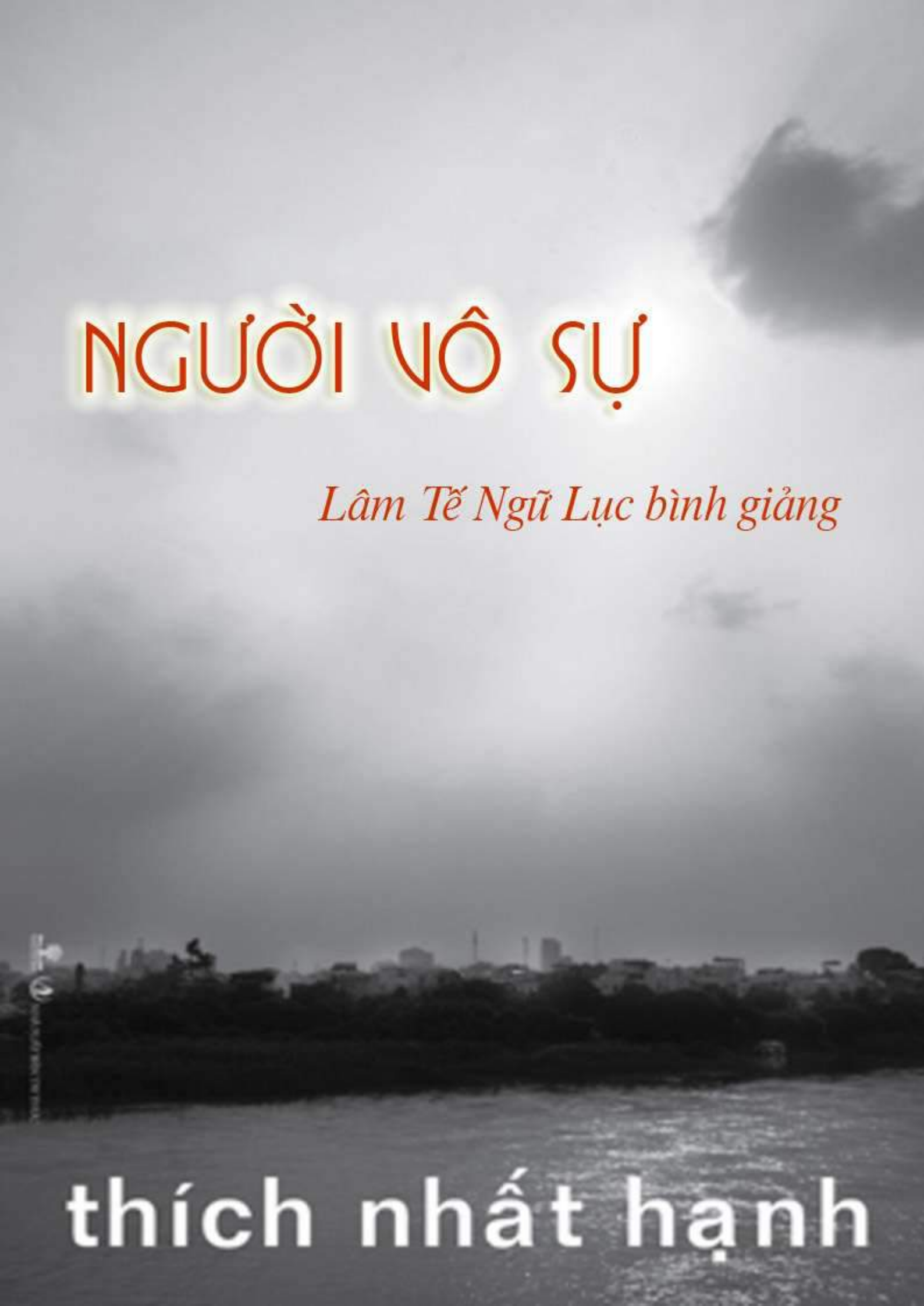

NGƯỜI VÔ SỰ

Lâm Tế Ngữ Lục bình giảng

thích nhất hạnh

Mục lục

Dẫn nhập 3

Phần Nguyên Lục 5

Dạy chúng 5

Đối trị căn cơ 36

Du hành 56

Tinh yếu Lâm Tế Lục 74

Phần Bình Giảng 82

Dạy Chúng 82

Đối Trị Căn Cơ 367

Bốn Phép Độ Người 414

Bốn Trường Hợp Khách và Chủ 424

Tinh Yếu Lâm Tế Lục 438

Lời Cuối 518

https://thuviensach.vn

Dẫn nhập

Chúng ta sẽ bắt đầu bằng phần thứ hai của Lâm Tế Lục là phần Dạy Chúng (Khai thị).

Tổ Lâm Tế là một người con có hiếu, và rất thông minh. Tổ xuất gia từ hồi còn nhỏ. Tổ đã được học rất nhiều kinh, luật và luận. Nhưng sau đó, Tổ thấy phong trào học Phật tuy rầm rộ, mà nhiều kẻ tu hành không đàng hoàng, chỉ lo tìm kiếm danh, lợi và địa vị, cho nên Tổ chán và quyết định tu thiền để đạt tới sự chứng ngộ. Có lúc Tổ tuyên bố: 'Tất cả những gì ta học trong kinh, luật, luận đều vô ích. Làm sao cho mỗi giờ phút trong đời sống hàng ngày, ta sống được cho thật, đừng đánh mất cuộc đời trong sự tìm kiếm học hỏi.' Phần lớn những người xuất gia thường đánh mất đời mình trong sự học hỏi, tìm kiếm.

Chúng ta nên nhớ rằng Lâm Tế Lục không phải là một tác phẩm do Tổ Lâm Tế viết ra. Tổ không có mục đích làm ra một tác phẩm. Đây là văn nói. Tổ chỉ dạy buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều. Những đoạn chúng ta đang học đây là nội dung những lời Tổ dạy vào buổi chiều cho nhiều người, gọi là Khai Thị. Đệ tử của Ngài là Pháp Sư Tuệ Nhiên đã ghi chép lại. Tiếc là thầy Tuệ Nhiên không ghi hôm nay là ngày mấy, lúc mấy giờ chiều, năm mấy. Chúng ta chỉ biết rằng Tổ nói những lời ấy vào buổi chiều, còn buổi sáng thì có những vấn đáp. Tổ thử xem chúng ta tu chứng tới đâu. Nếu tu chứng không đàng hoàng thì Ngài đánh. Lâm Tế Lục kêu gọi chúng ta trở về sống cuộc đời của chính ta một cách đàng hoàng đích thực mà đừng phí đời mình trong sự tìm kiếm, dù đó là tìm kiếm Niết Bàn, tìm kiếm chân tâm, tìm kiếm giác ngộ.

Đọc Lâm Tế Lục chúng ta sẽ khám phá ra con người thật của thiền sư Lâm Tế, và chúng ta cũng thấy được con người thật của thiền sư Lâm Tế ở trong ta, chứ không phải không. Nguyên bản của Lâm Tế Lục bắt đầu bằng phần Đối Trị Căn Cơ. Nhưng chúng ta sẽ không bắt đầu bằng phần này mà bắt đầu bằng phần thứ hai, gọi là phần Khai Thị. Tại sao? Tại vì những người chưa biết gì về thiền, về phương pháp

https://thuviensach.vn

của Tổ mà bắt đầu bằng phần Đối Trị Căn Cơ thì có thể cảm thấy bối rối, lạc lõng. Khai Thị có nghĩa là chỉ bày, chỉ bày cho những thiền khách hoặc những đệ tử bằng những ngôn từ rất từ bi. Đọc Lâm Tế Lục, chúng ta sẽ thấy được đức từ bi lớn của Tổ. Có nhiều khi Tổ la mắng: 'Bọn bây ngu quá, không có đủ niềm tin ở bản thân của mình...', lời nói khá nặng, nhưng kỳ thực rất từ bi. Điều đó không khó hiểu gì cả. Nếu ta mở rộng lòng ra thì ta hiểu được tất cả những điều Tổ nói, không có gì là bí hiểm cả. Nó giống như: Ăn cơm đi! Dạ, ăn cơm xong rồi. Vậy thì uống nước đi! Ngồi chơi đi ! Rất là đơn giản.

https://thuviensach.vn

Phần Nguyên Lục

Dạy chúng

1- Thiền Sư dạy

Thời bây giờ, người học Phật cần phải có chánh kiến. Có chánh kiến rồi thì sinh tử không còn động được tới mình nữa, lúc ấy ở và đi đều tự do, không cần đi tìm cái siêu việt mà cái siêu việt tự tìm tới mình. Này các bạn tu (đạo lưu), các vị cổ đức ngày xưa vị nào cũng đều có hiến tặng con đường thoát cho người, còn chỗ chỉ dạy của ông thầy tu núi này chỉ là khuyên các vị đừng có để cho người ta làm mê hoặc. Sử dụng được lời khuyên này thì hãy sử dụng liền, đừng có chần chừ nghi hoặc. Người tu học thời nay nếu không thành đạt được, đó là vì sao? Đó là vì họ không có đức tự tin. Bởi vì quý vị không đủ đức tự tin cho nên quý vị cứ bận rộn (gấp gáp) chạy theo hàng vạn thứ hoàn cảnh bên ngoài rồi bị các hoàn cảnh ấy xoay chuyển làm mất hết tự do. Nếu quý vị ngừng được những tư tưởng chạy đuổi tìm cầu ấy lại thì quý vị sẽ thấy giữa quý vị và Tổ Phật không có gì khác nhau. Quý vị có muốn biết Tổ Phật là ai không? Tổ Phật chính là quý vị đang đứng trước mặt tôi mà nghe pháp đấy. Kẻ tu hành mà không có đủ đức tự tin thì cứ hướng ra ngoài mà rong ruổi tìm cầu. Dù mà tìm được một cái gì thì cái ấy cũng chỉ là những hình thái đẹp đẽ của văn tự mà không phải là cái năng lượng tuệ giác sống động của Tổ sư. Chư vị thiền đức ơi, đừng có lầm! Trong giây phút hiện tại này mà quý vị không gặp gỡ được Tổ Bụt thì trong ngàn vạn kiếp sau quý vị sẽ phải luân hồi trong ba cõi, cứ tiếp tục chạy theo để nắm bắt những cảnh huống dễ chịu để rồi sẽ liên tiếp sinh vào trong bụng trâu lừa.

Này các bạn tu, theo cái thấy của ông thầy tu núi là tôi đây thì quý vị có khác gì đức Thích Ca đâu? Ngày hôm nay, trong mọi sinh hoạt thường nhật của chúng ta, quý vị còn cảm thấy thiếu thốn điều gì? Có lúc nào mà sáu đạo thần quang của quý vị ngừng chiếu tỏa? Ai mà thấy được như thế thì sẽ suốt đời là một kẻ vô sự.

https://thuviensach.vn

Này các vị đại đức, ba cõi không an, giống như nhà lửa, nơi đó không phải là chỗ cư trú lâu dài của quý vị. Quỷ vô thường mỗi phút giây đều ra tay sát hại, không phân biệt già trẻ, quý tiện. Nếu quý vị muốn không khác với Tổ Phật thì đừng hướng ngoại tìm cầu. Mỗi tâm niệm mà phát ra được ánh sáng thanh tịnh, đó là pháp thân Bụt đang ở ngay trong nhà của quý vị; ánh sáng vô phân biệt phát ra từ tâm niệm của quý vị chính là báo thân Bụt đang ở ngay trong nhà của quý vị; ánh sáng vô phân biệt phát ra từ mỗi tâm niệm của quý vị chính là hóa thân Bụt đang ở ngay trong nhà của quý vị. Ba Thân ấy không là gì khác ngoài quý vị đang đứng trước mặt tôi nghe pháp. Cái công dụng (mầu nhiệm) này chỉ có thể có được khi quý vị không hướng ngoại truy cầu. Nương tựa vào các nhà nghiên cứu và chú giải kinh luận người ta đi tìm Ba Thân như những tiêu chuẩn tuyệt đối. Theo tôi thì không phải như thế. Ba Thân ấy chỉ là danh ngôn, và cũng chỉ là ba cái nương tựa vào nhau mà có. Các vị cổ đức đã nói: 'Thân là dựa vào ý nghĩa mà thành lập, độ là dựa vào bản thể mà luận.' Vậy thì thân của pháp tánh và độ của pháp tánh thật ra (rõ ràng) chỉ là quang ảnh.

Này các vị đại đức, các vị nên biết rằng cái con người đang cầm nắm và đùa giỡn được với quang ảnh đó là nguồn gốc của chư Bụt. Đối với kẻ ấy, chỗ nào cũng là nhà để trở về (nơi nào cũng là quê hương trở về của người tu tập). Sắc thân tứ đại của quý vị không biết nói pháp nghe pháp, tỳ vị gan mật không biết nói pháp nghe pháp, hư không không biết nói pháp nghe pháp... vậy thì cái gì biết nói pháp nghe pháp? Đó là cái sáng rỡ rõ ràng không chút mảy may hình tướng trước mặt quý vị đấy. Chính cái đó biết nói pháp nghe pháp. Nếu thấy được như thế thì quý vị sẽ không khác gì với Tổ với Bụt. Chỉ có một điều là giữ nó cho miên mật, đừng để cho nó bị gián đoạn, mắt chạm đến đâu là thấy được đến đấy.

Chỉ vì tình thức phát sinh nên trí tuệ ngăn cách, cũng vì tri giác biến đổi cho nên chân thể bị biến hình, vì thế mới có luân hồi trong ba cõi, chịu đựng mọi thứ khổ đau. Theo cái thấy của tôi, thì không có gì là không thâm diệu, không có gì là không giải thoát.

https://thuviensach.vn

Này các bạn tu, tâm pháp không hình tướng, thông suốt mười phương, nơi mắt gọi là cái thấy, nơi tai gọi là cái nghe, nơi mũi gọi là cái ngửi, nơi miệng gọi là đàm luận, nơi tay gọi là cầm nắm, nơi chân gọi là cái chạy nhảy, tất cả chỉ từ một cái tinh minh (shining) chia ra thành sáu hòa hợp. Chỗ nào tâm ý không còn phát sinh thì chỗ ấy cũng là giải thoát. Tôi nói như thế nghĩa là sao? Chỉ vì mọi thứ tìm cầu của quý vị chưa chấm dứt cho nên quý vị mới bị lọt vào những cái bẫy của cổ nhân bày ra.

Này các bạn tu, hãy thử sử dụng cái thấy của tôi xem. Hãy chặt đứt hết những cái đầu của mọi báo thân và hóa thân của Bụt. Hãy thấy rằng các bậc Bồ-tát trong mười địa chỉ là những người làm công, các vị Đẳng Giác và Diệu Giác đều là những tên tù đang mang gông cùm, các vị La-hán, Bích-chi đều như những cái hố xí, Bồ Đề và Niết Bàn đều như những cái cọc buộc lừa. Tại sao? Chỉ vì các vị không thông đạt được cái Không của ba a tăng kỳ kiếp cho nên quý vị mới gặp phải những chướng ngại (mà quý vị đang có). Nếu là một người tu chân chính thì quý vị sẽ không như thế. Chỉ nên tùy duyên giúp làm tiêu nghiệp cũ, cứ thanh thản mặc áo, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, đừng có một khoảnh khắc nào mong cầu quả vị Bụt.

Tại sao? Người xưa nói: 'Nếu muốn tìm Bụt bằng cách lao tác, thì Bụt sẽ trở thành điềm báo trước của sinh tử.'

Này các vị đại đức! Thì giờ quý báu, quý vị hãy ngừng lại cái tâm bôn ba chạy sang nhà láng giềng để học thiền học đạo, tìm câu tìm chữ, cầu Tổ cầu Bụt, cầu thiện tri thức. Đừng lầm lạc như thế. Này các bạn tu, các vị chỉ có một cha một mẹ, vậy thì còn đi tìm gì nữa? Các vị hãy tự nhìn lại đi! Cổ nhân nói: 'Diễn Nhã Đạt Đa (Yajnadatta) tưởng đã mất đầu, nhưng khi cái tâm đi tìm cầu ngưng lại là chàng đạt tới vô sự (sans affaires) ngay.'

Các vị đại đức, các vị hãy sống cuộc đời của chính mình một cách rất bình thường, đừng làm dáng làm điệu. Có một bọn đầu hói không phân biệt được thế nào là tốt xấu, nói rằng mình thấy thần thấy quỷ, chỉ Đông vẽ Tây, cầu mưa cầu tạnh, bọn này quyết chắc sẽ phải trả nợ

https://thuviensach.vn

đã vay, và sẽ có ngày trước mặt Diêm Vương nuốt hòn sắt nóng. Con cái nhà lành có thể bị bọn dã hồ tinh mị này mê hoặc, một ngày nào đó bọn ấy cũng sẽ phải trả nợ tiền cơm tiền gạo, không tránh thoát được đâu.'

2- Thiền Sư khai thị chúng

Này các bạn tu, các vị rất cần tìm cầu cho được chánh kiến, phải biết đi hiên ngang trong thiên hạ để khỏi bị bọn yêu tinh nói trên mê hoặc. Con người cao quý nhất là con người vô sự! Chỉ cần đừng nghĩ đến chuyện tạo tác (đến chuyện sự nghiệp). Chỉ nên làm một con người bình thường. Nếu quý vị cứ nghĩ tới chuyện hướng ngoại tìm cầu và tính toán tức là quý vị đã sai lầm rồi vậy.

Hãy đừng cầu Bụt, Bụt chỉ là danh từ suông. Các vị có biết kẻ đi tìm cầu là ai không? Các Bụt và Tổ trong ba đời từ xưa nay cũng chỉ đi tìm Pháp. Ngày hôm nay các vị tham thiền học đạo cũng chỉ là để cầu Pháp. Được Pháp thì mới giải quyết xong, còn chưa thì vẫn còn luân hồi trong năm đường. Mà Pháp là gì? Pháp là pháp của tâm. Tâm không hình, thông suốt mười phương, có diệu dụng ngay trước mắt. Vì người ta không có đủ tín tâm nên mới nhận lầm danh từ và câu nói, hướng về phía văn tự để tìm cầu pháp của Bụt; cũng vì vậy cho nên mới bị xa cách với Pháp như trời xa đất.

Này các bạn tu, nếu tôi nói Pháp thì Pháp ấy là gì? Tôi nói Pháp của tâm địa, có thể giúp ta vào phàm vào thánh, vào tịnh vào uế, vào chân vào tục. Nhưng không phải cái chân tục phàm thánh nơi quý vị có thể được diễn bày bằng các danh từ và các ý niệm về chân tục phàm thánh. Với lại cái chân tục phàm thánh ấy không bao giờ tự gọi mình bằng các danh từ chân tục phàm thánh.

Này các bạn tu, nếu nắm được cái then chốt này thì nên áp dụng ngay vào đời sống hàng ngày. Đừng nên vướng vào danh tự. Tôi gọi đó là huyền chỉ (nguyên tắc mầu nhiệm).

Pháp của ông thầy tu núi này nói ra với pháp của người trong thiên hạ nói ra rất khác. Dù cho Văn Thù, Phổ Hiền có xuất hiện ra trước

https://thuviensach.vn

mặt, mỗi vị hiện một thân khác nhau đến hỏi pháp, thì vừa mở miệng nói ra 'Bạch Hòa Thượng' là tôi đã có thể nhận ra được chân tướng của họ rồi. Tôi cứ ngồi yên đây, hễ có ai tới gặp tôi là tôi liền nhận ra được chân tướng và tung tích của người ấy. Tại sao thế? Tại vì cái thấy của tôi khác: ngoài thì không kẹt vào ý niệm phàm thánh, trong thì không dựa vào những cái gọi là nguyên tắc căn bản, vì vậy cái thấy ấy được thông suốt, chẳng còn chỗ nghi ngờ.'

3- Thiền Sư khai thị

Này các bạn tu, trong Phật pháp không cần có sự dụng công (mệt nhọc). Nguyên tắc là bình thường vô sự (tenir dans l'ordinaire, sans affaires), mặc áo ăn cơm, đi tiêu đi tiểu, mệt thì đi nghỉ. Kẻ ngu có thể cười ta nhưng người trí sẽ hiểu ta. Cổ nhân nói: 'Hướng ngoại để công phu, toàn là bọn ngu xuẩn.' Các vị nên tùy nơi làm chủ, nơi nào cũng chân, không để cảnh duyên bên ngoài lôi kéo. Như vậy thì dù có tập khí ngàn xưa, có gây năm nghiệp vô gián thì tất cả cũng thành ra biển cả giải thoát. Người học đạo ngày nay, phần lớn đều không hiểu pháp, giống như con dê gặp gì cũng ăn, không phân biệt thầy tớ chủ khách. Những kẻ ấy lấy tâm tà vào đạo, sẵn sàng đi vào những nơi huyên náo, không thể gọi họ là người xuất gia chân chính. Họ chỉ là những người thế tục. Người xuất gia chân chính thì phải có được những chánh kiến bình thường: phân biệt được Bụt với Ma, Chơn và Ngụy, Phàm và Thánh. Được như thế mới gọi là chân xuất gia. Nếu không phân biệt được Ma với Bụt, thì chỉ xuất một gia này để vào một gia khác, gọi là chúng sanh tạo nghiệp, chưa được gọi là xuất gia. Bây giờ đây lại có một loại hiện tượng nữa gọi là hiện tượng Bụt Ma, đồng thể không phân biệt, như nước với sữa hòa lại. Nghe nói Ngỗng Chúa chỉ uống sữa. Các bạn tu mắt sáng thì theo tôi nên đánh ngã cả Ma lẫn Bụt, nếu quý vị còn có khuynh hướng yêu thánh ghét phàm thì quý vị sẽ còn phải chìm đắm trong biển sinh tử dài dài.'

Hỏi: 'Thế nào là Bụt, thế nào là Ma?'

Thiền Sư đáp:

https://thuviensach.vn

Trong tâm của quý vị mà có một tư tưởng nghi ngờ (vô minh) thì đó là Ma. Nếu quý vị đạt tới tính vô sinh của vạn pháp, biết rằng tâm là huyễn hóa, thật ra không có một đối tượng nào, một hiện tượng nào có thật, đâu đâu cũng là thanh tịnh, thì đó là Bụt. Tuy vậy, người ta thường nghĩ là Bụt và Ma là hai cảnh giới nhiễm tịnh khác nhau. Theo cái thấy của tôi thì không có Bụt cũng không có chúng sinh, không có xưa không có nay, đạt được thì đạt ngay, không cần phải đi qua thời gian, không cần tu không cần chứng, không được không mất, trong bất cứ thời gian nào đều cũng không hề có một pháp nào khác biệt. Nếu có một pháp nào khác hơn, thì tôi nói pháp đó cũng chỉ là mộng, là huyễn, đó là tất cả cái gì tôi muốn nói.

Này các bạn tu, mỗi vị đang ngồi trước mặt tôi nghe pháp đây, ngay trong giờ phút hiện tại, đều là bản chất sáng tỏ rõ ràng, người nào cũng không bị ủng trệ, người nào cũng thông suốt mười phương, tự tại trong ba cõi, người nào cũng có thể tự do đi vào mọi cảnh giới không bị trở ngại, mỗi người trong thời gian một nháy mắt có thể thấu nhập pháp giới, gặp Bụt thì nói chuyện Bụt, gặp Tổ nói chuyện Tổ, gặp La-hán nói chuyện La-hán, gặp ngạ quỷ nói chuyện ngạ quỷ, rong chơi khắp mọi quốc độ để giáo hóa chúng sinh mà không cảm thấy một giây phút nào xa cách, ở đâu cũng thanh tịnh, ánh sáng soi thấu mười phương, thấy được vạn pháp là nhất như.

Này các bạn tu, ngày nay muốn làm một kẻ đại trượng phu thì phải tỏ ngộ được sự thật bản lai vô sự. Chỉ vì đức tin của quý vị chưa chín cho nên quý vị còn tiếp tục tìm cầu trong mỗi giây phút, bỏ đầu tìm đầu, không tự mình dừng lại được.

Các vị cứ hình dung những vị gọi là Bồ-tát viên đốn hiện thân, đi vào pháp giới, hướng về tịnh độ, ghét phàm yêu thánh mà xem. Nếu có những vị Bồ-tát như thế thì họ vẫn còn vướng vào sự nắm bắt và buông bỏ, trong tâm họ ý niệm về nhiễm tịnh vẫn còn. Theo kiến giải của Thiền, thì không thể như vậy. Cái mà tôi chủ trương là tất cả đều phải đang xảy ra ngay trong giờ phút này, không cần đợi tương lai. Trong giây phút hiện tại, thuốc và bịnh phải chữa trị lẫn nhau cùng một lúc, bởi vì thuốc và bịnh là hai cái tương đãi; ngoài ra không có

https://thuviensach.vn

cái gì khác gọi là có thật. Nếu thấy được như thế thì đó là người xuất gia chân thật, xứng đáng có thể được tiếp nhận phẩm vật cúng dường tương đương mười ngàn lạng vàng mỗi ngày.

Này các bạn tu, đừng để cho các bậc lão sư (giả mạo) đây đó ấn chứng bừa bãi để rồi đi rêu rao: 'Tôi đã hiểu thế nào là thiền, tôi đã hiểu thế nào là đạo', để rồi cứ biện luận thao thao như một dòng thác chảy. Tất cả những hành động đó chỉ là để tạo thêm nghiệp địa ngục. Nếu là người học đạo chân chính, thì ta không cần đi bươi móc những lỗi lầm của thế gian mà chỉ cần lập tức tìm cầu chánh kiến. Đạt được kiến giải chân chính tròn đầy mới gọi là thành công.

Hỏi: 'Thế nào là chánh kiến?'

Thiền Sư đáp:

Chánh kiến là thấy được tính cách thành, trú, hoại, không của các pháp khi quý vị đi vào phàm thánh, nhiễm tịnh, đi vào các quốc độ của chư Bụt bất kỳ ở đâu, đi vào lầu các của Di Lặc, đi vào pháp giới của Tỳ Lô Giá Na. Chánh kiến là thấy được các tướng không tới không đi, không sinh không diệt của các hiện tượng xuất thế, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết Bàn của Bụt. Chánh kiến là thấy được tường tận tướng Không của các pháp, rằng không pháp nào có thật khi quý vị đi vào pháp giới vô sinh, rong chơi trong các quốc độ, và đi vào thế giới hoa tạng. Chánh kiến là thấy rằng chính cái con người không cần chỗ tựa đang nghe pháp kia chính là mẹ của chư Bụt. Tại sao? Tại vì các đức Thế Tôn đều do chỗ không nương tựa mà phát sinh. Nếu ngộ được vô y thì thấy rằng bản chất của Bụt cũng là vô đắc. Thấy được như thế là chánh kiến. Người tu không hiểu, cứ chấp vào danh và cú, bị những danh từ như thánh, phàm, v.v.. làm trở ngại khiến cho mắt tuệ của họ không mở ra được, do đó họ không thấy được thực tại một cách rõ ràng. Mười hai thể tài của giáo lý cũng chỉ là để làm rõ sự thật này. Người tu chẳng hiểu mới hướng tới văn cú để vọng tìm kiến giải. Đó là thái độ đi tìm chỗ bám víu nương tựa, làm cho mình rơi vào vòng nhân quả, chưa có thể thoát khỏi vòng sinh tử trong ba cõi.

https://thuviensach.vn

Nếu các vị muốn được tự do đi lại trong sinh tử thì hãy nhận diện cho được con người đang nghe pháp đây, tuy là vô hình, vô tướng, vô căn, vô bản, không có trú xứ, nhưng linh động hoạt bát vô cùng, có thể thi thiết ra muôn ngàn diệu dụng, mà công dụng nào cũng đều có tính cách vô trụ.

Trái lại, nếu càng có ý niệm tìm cầu thì càng cách xa, càng sai trái. Tôi gọi điều này là bí quyết (mầu nhiệm).

Các bạn tu, đừng tự đồng nhất mình với cái anh bạn mộng huyễn này, tại vì sớm muộn gì chàng ta cũng phải được trả lại trong tay quỷ vô thường. Trong thế giới này, các vị cần những gì để tìm giải thoát? Các vị chỉ cần một bát cơm, một manh áo, ngoài ra phải để hết tâm lực và thì giờ để tìm thiện tri thức, đừng phí uổng ngày giờ, đuổi theo sự vui chơi. Thì giờ quý báu, cuộc sống vô thường, nói chung là bốn đại (địa, thủy, hỏa, phong) và nói riêng là bốn tướng (sanh, trụ, dị, diệt) đều đang bức bách ta. Các vị bây giờ đây phải nhận diện bốn cảnh vô tướng để cho đừng bị hoàn cảnh lôi kéo.

Hỏi: 'Bốn cảnh vô tướng là bốn cảnh nào?'

Thiền Sư đáp:

- Một niệm vô minh (nghi ngờ) nổi lên là quý vị bị đất làm chướng ngại.
- Một niệm tham ái nổi lên là quý vị bị nước làm chướng ngại.
- Một niệm sân hận nổi lên là quý vị bị lửa làm chướng ngại.
- Một niệm hí hửng nổi lên là quý vị bị gió làm chướng ngại.

Nếu thấy được như thế thì quý vị không còn bị hoàn cảnh lôi kéo, ở đâu quý vị cũng sử dụng được hoàn cảnh, nổi lên ở phương Đông thì lặn xuống ở phương Tây, nổi lên ở phương Nam thì lặn xuống ở phương Bắc, nổi lên ở phía giữa thì lặn xuống ở phía bên, nổi lên ở phía bên thì lặn xuống ở phía giữa, đi trên nước như đi trên đất, đi trên đất như đi trên nước. Tại sao làm được như thế? Đó là tại vì quý vị đã thấy được bốn đại là như mộng như huyễn.

https://thuviensach.vn

Này các bạn tu, cái kẻ đang ngồi nghe pháp đây không phải chỉ là bốn đại của quý vị, kẻ đó đang sử dụng được bốn đại mà bốn đại không sử dụng được kẻ đó. Thấy được như thế thì đi ở tự do. Theo cái thấy của tôi, là ta không nên chán ghét cái gì hết (hoặc yêu thích cái gì hết). Quý vị yêu cái thánh, ghét cái phàm phải không? Thánh chỉ là danh từ thánh. Có những hành giả leo lên núi Ngũ Đài Sơn để tìm đức Văn Thù. Làm thế là sai rồi. Trên núi Ngũ Đài Sơn làm gì có đức Văn Thù? Quý vị có muốn biết đức Văn Thù không? Văn Thù chính là cái diệu dụng trước mặt quý vị, xưa nay vẫn thế, ở đâu cũng không hề có sự nghi ngại. Đó là đức Văn Thù sống động. Cái ánh sáng vô phân biệt của mỗi niệm trong tâm của quý vị chiếu tới đâu thì đức Phổ Hiền chân thật hiện ra tới đó. Mỗi niệm trong tâm của quý vị mà không bị trói buộc, chỗ nào cũng tự do thì đó là tam muội của Bồ-tát Quan Thế Âm.

Ba cái ấy thay phiên nhau làm chủ và làm bạn. Khi xuất hiện thì cả ba đều xuất hiện, một là ba, ba là một. Thấy được như thế mới có khả năng học kinh học giáo.

4- Thiền Sư dạy chúng

Người học đạo thời nay cần có đức tự tin, đừng hướng ra ngoài mà tìm cầu. Tìm cầu như thế rốt cuộc chỉ vướng vào trần cảnh, không phân biệt được tà chính. Nói rằng có Bụt có Tổ thì đó cũng chỉ là những dấu tích trong kinh giáo. Thói thường thì khi có ai nêu lên một câu, một lời trong kinh ra, dù nghĩa lý là ẩn hay hiển, thì mình có khuynh hướng lập tức đặt ra nghi vấn, rồi nhìn trời nhìn đất, tìm tới kẻ khác mà tham vấn và càng tham càng thấy mờ mịt. Kẻ đại trượng phu là người không cần bàn vua bàn giặc, bàn thị bàn phi, bàn sắc bàn tài, không bỏ hết thì giờ vào sự đàm luận. Tôi đây, mỗi khi có người tới, dù người ấy xuất gia hay tại gia, tôi cũng nhìn thấy được tường tận gốc gác của kẻ ấy, nhận diện được rằng tất cả những âm thanh, danh từ và văn cú mà kẻ ấy đưa ra đều là mộng huyễn, và cũng thấy được con người thật của kẻ ấy, con người thật không bị trần cảnh làm chướng ngại. Cái cách nhìn này chính là tông chỉ huyền diệu của Bụt. Cảnh giới của Bụt không bao giờ tự xưng mình là 'cảnh giới của Bụt.'

https://thuviensach.vn

Chính cái con người học đạo vô y (không nương tựa bám víu) ấy mới chứng nghiệm được cảnh giới kia. Nếu có ai tới hỏi tôi về Bụt, tôi sẽ ứng hiện cảnh giới thanh tịnh; muốn hỏi tôi về Bồ-tát, tôi sẽ làm ứng hiện cảnh giới từ bi; muốn hỏi tôi về Bồ Đề, tôi sẽ làm ứng hiện cảnh giới tịnh diệu; muốn hỏi tôi về Niết Bàn, tôi sẽ làm ứng hiện cảnh giới tịch tĩnh. Cảnh thì muôn ngàn sai khác, nhưng người thì không. Vì vậy cho nên ta có thể ứng vật hiện hình, như mặt trăng trong nước.

Này các bạn tu, nếu quý vị muốn đạt được pháp chân như thì phải trở nên một bậc đại trượng phu (con người lớn) mới được, còn nếu cứ yếu đuối và cứ tiếp tục thỏa hợp thì không bao giờ thành. Cũng như một cái bình rạn nứt không thể chứa được đề hồ. Nếu muốn làm pháp khí lớn thì phải cương quyết không để cho kẻ khác lường gạt, tới đâu cũng tự mình làm chủ (active sovereignty, not as a victim), đứng đâu mình cũng chân thật là mình (vrai, true). Có ai đến mình cũng không bị ảnh hưởng. Có một niệm nghi ngờ là ma vương đã thâm nhập. Đối với một vị Bồ-tát, nghi hoặc tức là cơ hội của Ma sinh tử. Khi cảnh vật hiện tới, thì phải quán chiếu. Phải tin ở diệu dụng đang có của tâm, thì sẽ thấy được vô sự. Mỗi niệm của quý vị có công năng sinh ra ba cõi rồi theo cảnh giới đó mà có sáu trần. Trong cái ứng dụng hằng ngày của quý vị, quý vị đang thiếu thốn cái gì? Trong một sát na, quý vị có thể đi vào nhiễm tịnh, đi vào lầu các Di Lặc, đi vào các cõi nước ba Mắt, rong chơi mọi nơi và chỉ thấy tất cả đều là giả danh (không danh).

Hỏi: 'Các cõi nước của ba Mắt là gì?'

Thiền Sư đáp:

Các vị và tôi đi vào cõi nước của Tịnh Diệu, mặc áo Thanh Tịnh, nói về Bụt Pháp Thân, rồi đi vào cõi nước Vô Sai Biệt, mặc áo Vô Sai Biệt, nói về Bụt Báo Thân, rồi đi vào cõi nước Giải Thoát, mặc áo Quang Minh, nói về Bụt Hóa Thân. Tất cả các cõi nước của ba Mắt ấy đều do nương tựa (y) vào thể và vào nghĩa mà biến hiện. Theo kinh luận, thì Pháp Thân là căn bản, Báo Thân và Hóa Thân là công dụng. Theo cái thấy của tôi thì Pháp thân không biết thuyết pháp. Vì thế cho nên cổ

https://thuviensach.vn

nhân nói: thân thì nương vào nghĩa mà thành lập, độ thì căn cứ vào thể mà luận bàn (cái thân được thành lập do ý nghĩa người ta gán cho chúng. Các độ chỉ có mặt đứng về phương diện thể tánh của chúng mà thôi) (thân y nghĩa lập, độ cứ thể luận); thân của pháp tánh và độ của pháp tánh như thế rõ ràng đều là những pháp được kiến lập. Các cõi nước cũng như thế, đều nương vào nghĩa và vào thể mà thiết lập, tất cả đều chỉ là lá vàng và nắm tay không mà người ta sử dụng để gạt trẻ thơ!

Tất cả chỉ là như trái tật lê và gai ấu, toàn là chuyện đi tìm những giọt nước mát trong một mảnh xương khô. Ngoài tâm không có pháp, trong tâm cũng không có pháp, vậy quý vị đi tìm gì?

Các vị, đâu đâu người ta cũng nói tới đạo, rằng có tu thì có chứng. Đừng lầm. Dù có tu chứng đi nữa thì cái đó cũng chỉ là nghiệp sinh tử. Nói mình tu lục độ vạn hạnh, tôi thấy đó cũng là tạo nghiệp. Cầu Bụt cầu Pháp là tạo nghiệp địa ngục, cầu Bồ-tát cũng vậy, học kinh học giáo cũng là tạo nghiệp. Bụt và Tổ sư là những người vô sự. Đối với các bậc ấy, hữu lậu hay hữu vi, hoặc vô lậu hay vô vi, đều là nghiệp 'thanh tịnh.'

Có một bọn đầu sói mắt mù, ăn no liền ngồi xuống thực tập thiền quán, nắm giữ tâm niệm không cho phát khởi, chán ồn ưa tĩnh: phép thực tập của họ chẳng qua chỉ là pháp ngoại đạo. Có vị Tổ sư đã nói: 'Những kẻ tập trung tâm ý để quán chiếu cái tịnh rồi lấy tâm quán chiếu bên ngoài, hoặc nhiếp tâm lắng lại bên trong, ngưng tâm vào định, những kẻ ấy đều đang tạo tác. Còn quý vị, những người đang ngồi đó để nghe pháp, quý vị làm thế nào để con người của quý vị có thể tu, có thể chứng, có thể trang nghiêm tốt đẹp? Con người của quý vị không thể tu, không thể chứng, không thể trang nghiêm! Nếu dạy người ta trang nghiêm được thì cái gì mà không trang nghiêm được? Đừng lầm!

Này các bạn tu, nếu các bạn nắm bắt lấy những lời của các hạng thiền sư ấy rồi cho đó là chân đạo, cho rằng đó là những bậc thiện tri thức bất khả tư nghì, còn mình là tâm phàm phu không dám đo lường các

https://thuviensach.vn

bậc tôn túc ấy, thì quả thật các vị là những kẻ đui mù. Đó là thứ thành kiến mặc cảm mà quý vị sẽ mang theo suốt đời, và như thế là quý vị cô phụ đôi mắt của chính mình quá! Quý vị như một con lừa con đứng trên băng giá và đang run lên cầm cập: 'Tôi không dám hủy báng các bậc thiện tri thức đâu, tôi sợ tạo thành khẩu nghiệp.' Này các bạn tu, chỉ khi nào mình là một vị thiện tri thức lớn mình mới dám hủy Bụt báng Tổ, chỉ trích cuộc đời, mới dám bài xích giáo điển trong tam tạng, mới dám la mắng người khác như la mắng con nít, mới có thể trong các hoàn cảnh thuận nghịch tìm ra được con người. Cho nên trong mười hai năm qua, ngó lại đời mình, cố tìm cho ra một cái gì có tính chất của nghiệp báo, dù nhỏ như hạt cải mà tôi cũng không tìm ra được. Chúng ta thường chỉ gặp những vị thiền sư giống như các cô dâu mới về nhà chồng, cứ nơm nớp sợ sẽ bị người ta đuổi ra khỏi chùa, không cho ăn cơm. Cũng vì thế mà họ chẳng có an cũng chẳng có lạc. Các bậc tiền bối có tinh thần tiên phong từ xưa đến nay đi đâu cũng bị người ta không tin mà lại còn bị xua đuổi. Cái đó mới là cái quý. Chứ nếu đến đâu ai cũng tin cũng công nhận ngay thì làm được cái gì? Vì vậy cho nên một khi con sư tử rống lên là lập tức con dã can vỡ óc.

Này các bạn tu, ở đâu người ta cũng nói có đạo để tu, có pháp để chứng. Các vị nói chứng pháp gì, tu đạo gì? Trong đời sống của quý vị hiện nay, quý vị đang thiếu thốn cái gì, quý vị muốn tu bổ chỗ nào nữa? Những sư bé sanh sau đẻ muộn vì không hiểu thấu chỗ ấy cho nên cứ mãi chạy theo bọn chồn hoang tinh mỵ, cứ để cho bọn này huyên thuyên nói ra những điều có công năng ràng buộc kẻ khác, cho rằng 'lý hành phải tương ứng, ba nghiệp phải hộ trì' mới có thể thành Bụt. Họ cứ tiếp tục nhai đi nhai lại những điều như thế, giống hệt như mưa dầm dai dẳng mùa Đông.

Cổ đức có dạy: 'Giữa đường gặp người đạt đạo, tốt nhất là đừng nói chuyện tu với họ.'

Cũng vì vậy cho nên lại có người nói:

https://thuviensach.vn

‘Nếu ta có ý tu đạo, thì đạo sẽ chẳng để cho ta tu. Rồi đủ các thứ cảnh giới tà vậy sẽ giành nhau sinh khởi. Một khi lưỡi gươm trí tuệ rút ra thì sẽ không còn một vật gì nữa. Vì khi bên sáng còn chưa xuất hiện thì bên tối đã thành sáng rồi.’

Và cũng vì vậy cho nên cổ nhân nói: ‘Tâm bình thường là đạo.’

Này các vị đại đức! Các vị đang đi tìm gì? Trong giây phút hiện tại, các vị đang ngồi trước mặt tôi nghe pháp, sáng rỡ và rõ ràng, không cần nương tựa vào đâu cả, các vị không thiếu thốn gì hết mà phải đi tìm cầu.

Nếu quý vị muốn giữa quý vị và chư Bụt chư Tổ không có gì khác thì quý vị phải thấy điều này, đừng có nghi ngờ gì nữa, đừng có sai lầm gì nữa. Nếu cái thấy này cứ được tiếp tục duy trì như thế mãi (tâm tâm bất dị) thì quý vị là những vị Tổ sống. Nếu cái thấy ấy không còn được như thế (tâm nhược hữu dị) thì giữa tánh và tướng sẽ có sự phân biệt. Sở dĩ tâm không khác cho nên tánh và tướng mới không bị phân biệt ra làm hai.

Hỏi: ‘Thế nào gọi là cái thấy được tiếp tục (tâm tâm bất dị)?’

Thiền Sư đáp:

Đặt câu hỏi là đã có sự phân biệt (sự sai khác) rồi, và làm cho tánh tách rời khỏi tướng.

Này các bạn tu, xin đừng lầm. Tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều không có tự tánh, đều là vô sinh, cho nên chúng chỉ là giả danh (tên gọi suông), chính cái tên cũng là trống rỗng. Tại sao quý vị lại nhận cái danh làm cái thật? Như vậy là lầm lớn.

Giả sử có gì đi chăng nữa, thì đó cũng chỉ là những biểu hiện nương dựa vào nhau, gọi là y (y tha). Bồ Đề cũng thế mà Niết Bàn cũng thế, giải thoát cũng thế, mà Ba Thân cũng thế. Cảnh trí (connaissance des objects) cũng thế mà Bồ-tát hay Bụt cũng thế, đều là những cảnh do y biến. Quý vị tìm cái gì nơi những cảnh giới Bụt được biểu hiện trên sự nương tựa (vào nhau) đó? Tam thừa và mười hai thể tài giáo pháp

https://thuviensach.vn

cũng chỉ là giấy vệ sinh. Bụt là thân huyễn hóa, Tổ là những vị tỳ kheo già. Quý vị có phải do mẹ mình sinh ra hay không? Đi tìm Bụt quý vị sẽ bị ma Bụt hớp hồn, đi tìm Tổ sẽ bị ma Tổ trói buộc. Các vị càng cầu càng khổ, tốt hơn hết là chỉ nên vô sự. Có một bọn thầy tu đầu sói hay nói với người học đạo: 'Bụt là mục tiêu tối hậu (cứu cánh). Phải tu trong ba a-tăng-kỳ-kiếp lớn (ba đại vô lượng kiếp) cho công thành quả mãn thì mới thành Bụt được.' Này các bạn tu, nếu nói Bụt là cứu cánh, là mục tiêu tối hậu, thì tại sao chỉ mới có tám mươi năm đã phải nằm nghiêng giữa hai cây sala trong rừng Song Lâm tại thành Câu-thi-na mà chết? Bụt bây giờ ở đâu? Cho nên ta phải biết rõ ràng Bụt cũng sinh tử như ta, không khác. Nếu nói có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp là Bụt, thì hóa ra Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Bụt sao? Cho nên phải biết rằng tất cả đều là huyễn hóa. Cổ nhân bảo: 'Như Lai hiện thân tướng, vì chiều theo thế gian, sợ người sinh đoạn kiến, tạm thiết lập giả danh. Tạm gọi băm hai tướng, tám mươi cũng hư thanh, có thân không giác thể, vô tướng mới chân hình.'

Các vị nói Bụt có sáu thần thông không thể nghĩ bàn. Vậy thì chư thiên, chư thần tiên, các loài A-tu-la và các loài quỷ có sức mạnh lớn, vì có thần thông cho nên họ là Bụt cả hay sao? Các bạn tu, các bạn chớ lầm! Khi đoàn A-tu-la giao chiến với quân trời Đế Thích bị thua, cùng với 8.400 quyến thuộc núp vào trong một lỗ củ sen, họ có thần thông như vậy, liệu họ có là Bụt là Thánh chăng? Theo chỗ tôi nói thì tất cả những cái đó chỉ là thần thông của nghiệp và thần thông của sự nương tựa (nghiệp thông, y thông).

Sáu phép thần thông của Bụt rất khác. Bụt đi vào cảnh giới của Sắc mà không bị sắc mê hoặc, đi vào cảnh giới của Thanh mà không bị thanh mê hoặc, đi vào cảnh giới của Hương mà không bị hương mê hoặc, đi vào cảnh giới của Vị mà không bị vị mê hoặc, đi vào cảnh giới của Xúc mà không bị xúc mê hoặc, đi vào cảnh giới của Pháp mà không bị pháp mê hoặc, tại vì Bụt đã đạt tới cái thấy là sáu cái (sắc, thanh, hương vị, xúc và pháp) đều biểu hiện tính Không (không tướng) và những cái ấy đều không thể ràng buộc người tu không bám víu (vô y đạo nhân). Những người tu này tuy vẫn còn mang chất liệu

https://thuviensach.vn

hữu lậu của năm uẩn mà đã có thể thực hiện được phép lạ là đi trên mặt đất (địa hành thần thông).

Này các bạn tu, Bụt chân thật thì vô hình, Pháp chân thật thì vô tướng.

Tại sao quý vị lại nương vào trên cái huyễn hóa mà tạo tác ra những mô hình để nắm bắt? Dù có nắm bắt được cái gì đi nữa, thì cái ấy cũng chỉ là chồn hoang tinh mỵ, không phải là Bụt chân thật, mà chỉ là kiến giải của ngoại đạo. Người tu chân chính thì không nắm bắt Bụt, nắm bắt Bồ-tát, A la hán, không nắm bắt những cái gì gọi là hay đẹp nhất trong ba cõi. Người ấy một mình thong dong, không bị sự vật nào câu thúc. Dù trời đất có đảo ngược tôi cũng không bị một chút nghi hoặc nào làm cho ngần ngại. Dù cho chư Bụt mười phương có xuất hiện trước mặt thì tôi cũng không khởi một tâm vui mừng. Dù cho địa ngục và ba đường dữ xuất hiện trước mặt tôi thì tôi cũng không khởi một niệm sợ hãi. Tại sao thế? Tại vì tôi đã thấy được tướng không của các pháp, khi biểu hiện gọi là có, khi không biểu hiện gọi là không, ba cõi đều do tâm, vạn pháp đều do thức. Cũng vì vậy cho nên tất cả đều là mộng huyễn, đều là hoa đốm giữa hư không, tại sao ta phải đi tìm bắt cho mệt nhọc?

Duy chỉ có con người thật của các bạn đang có mặt nghe pháp trong giờ phút này và ngay ở đây mới có thể đi vào lửa mà không bị cháy, đi vào nước mà không bị trôi, đi vào địa ngục và ba đường mà như đi du ngoạn trong công viên, đi vào giới ma đói và súc sinh mà không nhận chịu quả báo. Tại sao như thế? Tại vì các vị không kỳ thị bất cứ một cái gì. Nếu quý vị còn yêu thánh ghét phàm thì quý vị sẽ còn bị nổi chìm trong biển sinh tử. Phiền não do tâm mà có, nếu vô tâm thì phiền não làm sao trói buộc được ta? Không mất công phân biệt, không kẹt vào tướng thì tự nhiên chứng đắc được đạo quả ngay trong khoảnh khắc.

Nếu các vị cứ bôn ba chạy đi tìm người mà học đạo thì dù có học hỏi trong vô lượng kiếp cuối cùng cũng vẫn còn qua lại trong cõi sinh tử.

https://thuviensach.vn

Chẳng bằng làm một con người vô sự, đi vào chùa, xếp bằng lại mà ngồi.

Này các bạn tu, giả dụ có kẻ học nhân từ nơi khác đến tham học. Sau khi chủ khách đã trông thấy nhau, khách bèn nói ra một câu để thăm dò vị thiện tri thức đang ngồi trước mặt. Kẻ ấy ném ra một câu hiểm hóc vào khóe miệng của vị thiện tri thức, có ý muốn hỏi: 'Thầy có hiểu cái này chăng?' Nếu vị thiện tri thức biết đó là một cái đối tượng (cảnh) thì ông ta sẽ nắm ngay lấy cái đó và liệng nó vào trong hố. Vị học nhân sẽ tìm lại được thái độ bình thường của mình, và sẽ xin vị thiện tri thức nói lên cho một lời. Vị thiện tri thức cũng sẽ làm như đã làm, và sẽ chặt đứt được luôn cái ý muốn tìm cầu mới này. Lúc đó vị học nhân sẽ nói: 'Thầy thật là một vị thượng căn thượng trí, là một vị đại thiện tri thức.' Và vị thiện tri thức sẽ nói: 'Đạo hữu hoàn toàn chẳng phân biệt được cái gì tốt cái gì xấu.'

Hoặc vị thiện tri thức có thể đưa ra một đối tượng (cảnh) và đùa bỡn với vị học nhân. Vị học nhân có khả năng nhận diện được rằng đó chỉ là một đối tượng (cảnh), không để mình rơi vào trong cái bẫy của đối tượng đó và từ tư thế khách ông chuyển ra đứng vào tư thế chủ. Vị thiện tri thức bây giờ thị hiện nửa thân, và vị học nhân hét. Vị thiện tri thức cũng có thể lại sử dụng những thứ ngữ ngôn trăm lối của mình mà dằn mặt vị học nhân. Nhưng vị học nhân có thể nói: 'Cái ông thầy sói đầu này chẳng biết phân biệt được cái gì tốt cái gì xấu.' Vị thiện tri thức liền ca ngợi: 'Ngươi thật là một người tu học chân chính.'

Đó đây có những vị thầy (thiện tri thức) không có khả năng biện biệt được tà chính. Khi có học nhân tới hỏi về cảnh trí của Bồ Đề, Niết Bàn và Ba Thân, các vị lão sư mù này liền tìm mọi cách giải thích. Bị các vị học nhân kia chê trách, họ liền lấy gậy đánh, nói rằng đã đi học đạo mà còn vô lễ. Thật ra, quý vị cũng đừng giận họ, bởi vì họ tuy được gọi là thầy mà chưa có con mắt tuệ, thế thôi.

Có một bọn sói đầu không biết được tốt xấu ra sao, cứ chỉ Đông trỏ Tây, ưa mưa thích tạnh, khen chiếc đèn lồng này đẹp hay cây trụ kia xinh. Nhìn họ xem, để coi lông mày của họ còn có bao nhiêu sợi!

https://thuviensach.vn

Những cơ sự như thế xảy ra không phải là không có nguyên do. Kẻ học nhân không hiểu, cho nên tâm trí bị mê cuồng. Những kẻ đó hoàn toàn là một bọn chồn hoang tinh mị. Những bậc học nhân chân chính thấy họ thì khúc khích cười chê, nói rằng bọn sói đầu mù mắt này chỉ gây rối loạn và mê hoặc trong nhân gian.

Này các bạn tu! Những người xuất gia còn trẻ thì cần phải học đạo; tôi đây (hồi còn trẻ) ngày nào cũng lưu tâm học hỏi giới luật và uy nghi, và đã từng nghiên cứu tìm hiểu và tham vấn không biết bao nhiêu kinh luận. Sau một thời gian tôi mới biết đó chỉ là những phương dược cứu đời, được diễn bày qua hình thức lý thuyết. Vì vậy cho nên tôi đã nhất thời buông bỏ tất cả để đi tham vấn và thực tập thiền. May mắn vì gặp được các bậc thiện tri thức lớn cho nên tôi mới có được con mắt đạo để có khả năng nhìn thấy rõ ràng, nhận ra được ai thật sự là những vị cao túc đang có mặt trên đời, ai là giả dối. Cái thấy này không phải tự mình có được từ khi mẹ mình sinh ra, mà là một cái thấy do sự mài dũa, luyện tập, thể nghiệm và nghiên tầm rồi một mai tự mình chứng ngộ.

Này các bạn tu, nếu các bạn muốn có được kiến giải đúng theo sự thật thì đừng để cho người khác mê hoặc. Bất cứ nội hướng hay ngoại hướng, hễ gặp cái gì thì đừng sợ hãi mà phải tìm cách diệt ngay cái đó. Gặp Bụt thì giết Bụt, gặp Tổ thì giết Tổ, gặp A-la-hán thì giết A-la-hán, gặp cha mẹ thì giết cha mẹ, gặp thân quyến thì giết thân quyến, như vậy mới giải thoát được. Đừng để cho sự vật trói buộc thì ta mới có thể ung dung tự tại.

Trong số các bạn tu bốn phương, chưa từng có một người nào tới đây mà không mang theo một cái gì mà họ đang vướng mắc phải. Ông thầy núi là tôi đây hễ nhận ra được cái đó thì đánh liền. Nếu họ diễn tả cái ấy bằng tay thì tôi đánh vào tay, nếu họ diễn tả cái ấy bằng miệng thì tôi đánh vào miệng, nếu họ diễn tả cái ấy bằng mắt thì tôi đánh vào mắt. Chưa có một ai tới mà chứng tỏ được rằng mình có độc lập tự do, tất cả đều vướng vào những cái bẫy sập của cổ nhân giăng ra. Tôi đây, tôi không có pháp nào để hiến tặng cho quý vị cả. Tôi chỉ giúp trị bệnh và cởi trói cho quý vị.

https://thuviensach.vn

Các vị học giả từ các nơi tới, quý vị hãy thử đừng nương tựa vào bất cứ một vật nào xem! Tôi muốn bàn bạc với các vị. Từ mười lăm năm nay, tôi thực sự chưa gặp được một (con) người, chỉ gặp toàn những hồn ma nương tựa vào tre vào gỗ, vào cỏ vào lá, những con chồn hoang tinh mị đang gặm nhấm loạn xạ trên những đống phân. Thật là những bọn mù. Họ chỉ làm uổng phí những phẩm vật cúng dường của tín thí mười phương. Kiến giải của họ chỉ nghèo nàn như thế đó, vậy mà họ cứ tuyên bố: 'Chúng tôi là những người xuất gia.'

Tôi muốn nói với quý vị rằng không có Bụt, không có Pháp, không có Tu cũng không có Chứng. Quý vị đi tìm cầu cái gì từ nơi người khác? Quý vị thiếu thốn cái gì? Đừng làm như những kẻ đui mù, trên cái đầu của mình lại muốn đặt thêm một cái đầu khác. Này các bạn tu, trong giờ phút này, cái diệu dụng của quý vị không có khác gì cái diệu dụng của Tổ của Bụt cả. Chỉ vì quý vị không có niềm tin cho nên quý vị mới đi tìm cầu bên ngoài. Đừng có lầm lẫn. Không có pháp nào ở ngoài để tìm, không có pháp nào ở trong để đạt. Chi bằng nên nghe lời tôi, hãy nghỉ ngơi đi và thực tập làm một người vô sự. Cái gì đã phát khởi, đừng để cho nó tiếp tục; cái gì chưa phát khởi, đừng để cho nó phát khởi. Làm được như thế còn có giá trị hơn mười năm đi hành cước.

Theo cái thấy của tôi thì quý vị có cần phải làm gì đâu, chỉ nên sống cho bình thường thôi. Hãy mặc áo, ăn cơm, ngày này qua ngày khác làm một người vô sự. Các vị từ bốn phương tới đây đều nghĩ rằng mình là những người có tâm cầu Bụt, cầu Pháp, cầu giải thoát, cầu ra khỏi ba cõi. Đồ ngu. Ra khỏi ba cõi thì quý vị đi đâu? Bụt và Tổ đều là những danh từ mà người ta ưa thích, để người ta sử dụng mà trói buộc chính mình. Quý vị có biết ba cõi là gì không? Ba cõi chính là đất tâm của chính quý vị, những người trong giây phút này đang ngồi đây nghe pháp. Một niệm tham dục của quý vị phát khởi, đó là dục giới. Một niệm sân hận của quý vị phát khởi, đó là sắc giới. Một niệm nghi ngờ của quý vị phát khởi, đó là vô sắc giới. Những cái ấy đều là bàn, ghế, chiếu, giường đang có mặt trong căn nhà của quý vị. Ba cõi không bao giờ tự nói rằng 'chúng tôi là ba cõi.' Chính quý vị đang có

https://thuviensach.vn

mặt tại đây với cái tinh minh sáng chói chiếu rõ muôn vật, chính quý vị là người ước lượng thế giới và cho ba cõi mỗi cõi một cái tên.

Này các vị đại đức! Sắc thân bốn đại này là vô thường, kể cả tỳ, vị, gan, mật, tóc, lông, răng, móng. Nếu nhìn vào, ta chỉ thấy tướng Không của các pháp. Khi quý vị ngưng lại được mọi ý niệm thì đó đã là cội Bồ Đề. Nếu ý niệm mà chưa ngưng được thì đó là cây vô minh. Vô minh không có chỗ ở, không có thỉ chung, nếu quý vị không ngưng được tâm ý thì quý vị sẽ leo lên cây vô minh, đi vào sáu nẻo, chui qua bốn cách thọ sinh để mang lông và đội sừng. Nhưng nếu quý vị ngưng được thì quý vị đạt ngay tới thế giới của pháp thân thanh tịnh. Đạt được trạng thái một niệm không sinh (nhất niệm bất sinh) thì quý vị leo lên được trên cây Bồ Đề, biến hóa thần thông trong ba cõi, sử dụng hóa thân sinh ra từ ý (ý sinh thân), đạt được pháp hỷ và thiền duyệt, hào quang nơi thân sẽ bắt đầu tự chiếu, nghĩ tới cái mặc thì sẽ có ngàn muôn lớp áo gấm sa, nghĩ tới cái ăn thì sẽ có đầy đủ hàng trăm hảo vị và quý vị sẽ không bao giờ lâm vào các chứng bệnh ngặt nghèo. 'Bồ Đề không có chỗ ở (trú xứ) vì vậy cho nên gọi nó là vô đắc.'

Này các bạn tu, là bậc đại trượng phu (con người lớn), các vị còn nghi ngờ gì nữa? Cái diệu dụng đang xảy ra trong giờ phút hiện tại, đó là ai vậy? Nắm được nó để sử dụng, và đừng bị kẹt vào danh tự, cái đó gọi là huyền chỉ (tông chỉ huyền diệu). Ai thấy được như thế, kẻ ấy không còn bị một cái gì làm trở ngại. Người xưa nói: 'Tâm tùy vạn cảnh mà đổi thay, và cái đổi thay này đâu có gì là lạ? Hãy tùy theo sự thay đổi ấy mà nhận ra tự tánh của mình, nhận ra được rồi thì vượt thoát cả mừng lẫn lo.'

5- Thiền Sư dạy

Này các bạn tu, theo kiến giải của thiền tông, thì sống chết là lẽ tuần hoàn (trong vũ trụ). Ta cần phải để hết tâm ý trong khi tham vấn. Khi chủ và khách gặp nhau, thế nào cũng có lời qua tiếng lại. Hoặc ứng hiện ra những hình tướng khác nhau, hoặc sử dụng toàn thân mà đối phó với đương sự. Có khi lại sử dụng những phương tiện cơ quyền

https://thuviensach.vn

như mừng giận, hoặc hiện nửa thân, hoặc ngồi trên lưng sư tử hay trên lưng voi chúa...

Trong trường hợp một học nhân đích thực thì người này có thể hét lên hoặc đưa ra một cái bẫy (bình keo) trước mặt vị thiện tri thức. Nếu vị này không nhận ra được cái 'cảnh' ấy mà lại rơi vào trong cái bẫy, cứ nương vào cái 'cảnh' ấy đặt ra đủ thứ mô hình, thì vị học nhân lại có thể hét lên nữa. Nếu vị thiện tri thức còn chưa chịu buông bỏ, thì đó thật là trường hợp của một bệnh nan y. Trường hợp này gọi là trường hợp khách khán chủ.

Hoặc giả vị thiện tri thức chẳng đưa ra cái gì hết, mà cứ đợi kẻ học nhân đưa ra cái gì thì đoạt lấy cái đó. Kẻ học nhân có thể tuy bị tước đoạt tất cả những gì mình muốn đưa ra mà vẫn còn chống cự lại, chết vẫn không chịu buông ra. Trường hợp này là trường hợp chủ khán khách.

Hoặc giả kẻ học nhân đứng trước vị thiện tri thức đưa ra một đối tượng (cảnh) thanh tịnh. Vị thiện tri thức nhận ra được đối tượng ấy, nắm lấy và liệng xuống hầm sâu. Vị học nhân liền nói: 'Thầy quả là một vị thầy lớn.' Vị thiện tri thức trả lời: '–i chà, anh chẳng biết cái gì là tốt cái gì là xấu.' Vị học nhân bèn lạy xuống. Trường hợp này gọi là chủ khán chủ.

Hoặc kẻ học nhân trình diện trước vị thiện tri thức như một người có mang gông cùm. Vị thiện tri thức thấy thế liền đem tới và đeo thêm cho vài cái gông và vài cái cùm khác. Vị học nhân vui mừng quá đổi đến nỗi không phân biệt được (ai là chủ ai là khách). Trường hợp này gọi là khách khán khách.

Này các vị đại đức! Những gì tôi vừa nói chỉ là để giúp quý vị nhận diện được ma quái và tà đạo, và phân biệt được tà chính.

Này các bạn tu, chân lý khó đạt tới, Phật pháp rất u huyền, tuy nhiên ta vẫn có thể đi vào các lãnh vực ấy để đạt được kiến giải. Ngày này qua ngày khác, tôi chỉ ngồi đây mà thuyết giảng và đánh phá, nhưng hầu hết bọn họ có chịu để ý đâu. Ngàn lần vạn lần họ vẫn tiếp tục

https://thuviensach.vn

dẫm chân lên những vùng đất đen tối, không nhận ra được một cái gì rõ ràng, độc lập, chiếu sáng. Chỉ vì các vị còn thiếu đức tự tin, cứ đi tìm kiến giải trên chữ nghĩa văn cú. Nửa đời người đã đi qua (nửa cõi trăm năm đã đi qua) mà cứ vẫn còn ỷ lại vào kẻ khác, tiếp tục khiêng tử thi của chính mình như một gánh nặng mà đi trong cõi nhân gian. Có ngày thế nào họ cũng sẽ phải trả tiền giày dép!

Này các vị đại đức! Khi nghe tôi nói rằng ngoài kia không có pháp gì để tìm cầu cả, thì lại có những kẻ học nhân hiểu lầm, nghĩ rằng phải đi tìm ở bên trong. Họ ngồi xuống bất động, quay mặt vào tường, lưỡi dán vào đóc họng, cho rằng đó là pháp môn của Bụt, của Tổ. Họ lầm to! Nếu quý vị cho cái tĩnh (cảnh thanh tịnh bất động) là đạo thì quý vị đã nhận cái vô minh là ông chủ. Người xưa đã nói: 'Lẵng lặng là cái hầm sâu đen ngòm, thật là dễ sợ.' Nếu ngược lại, quý vị nhận cái động là đạo thì hóa ra các loài cây cối đang động đậy ngoài kia đều là đạo hay sao? Động là phong đại, bất động là địa đại, động và bất động cả hai đều không có tự tính. Nếu quý vị muốn tìm nó trong cái động, nó sẽ đứng trong cái tĩnh; nếu quý vị muốn tìm nó trong cái tĩnh, nó sẽ đứng trong cái động, giống như con cá trong dòng suối đang vỗ sóng nhảy lên.

Này các vị đại đức, động và bất động chỉ là hai cảnh giới: con người tu không vướng mắc (vô y đạo nhân) có thể sử dụng cả động và bất động.

6- Thiền Sư dạy

Như tôi đây, khi có học giả tới, thì tôi sử dụng ba phép quyết đoán để đối phó với ba loại căn cơ. Nếu người có căn cơ dưới trung bình tới, tôi sẽ đoạt cảnh của họ, nhưng không đoạt pháp của họ. Nếu người có căn cơ trên trung bình tới, tôi sẽ đoạt cả cảnh cả pháp của họ. Nếu là người có căn cơ bén nhạy tới, tôi sẽ không đoạt cảnh cũng không đoạt pháp cũng không đoạt người. Nếu là người có kiến giải vượt bực tới, tôi sẽ sử dụng toàn thân để đối phó, mà không liệt họ vào một loại căn cơ nào cả.

https://thuviensach.vn

Này các vị đại đức! Trong trường hợp này, pháp lực của kẻ học nhân sẽ không để cho một ngọn gió nào đi qua và tốc độ của pháp lực ấy lửa đá và điện quang cũng không vượt qua được. Vị học nhân ấy chỉ cần chớp mắt là đã đánh mất sự tương giao, chỉ cần khởi ra một niệm là đã đi vào sự sai trái. Có hiểu được hay không là chỉ ngay trong giây phút đó mà thôi.

Này các vị đại đức, các vị mang bát, mang túi và mang một khúc ruột già đầy phân đi tới người ta để tìm cầu Phật và Pháp, quý vị có biết ai là kẻ đang đi tìm cầu ấy không? Đó là một kẻ sống động, linh hoạt, không vương vào dây mơ rễ má nào cả, lùa thì không vào, xua cũng không đi, chạy tìm thì nó càng lúc càng xa, không tìm thì nó đứng ngay trước mặt, tiếng nói của kẻ ấy đang vọng ngay vào tai quý vị. Không có đủ niềm tin nơi đây thì thật phí cả một cuộc trăm năm.

Các bạn tu, chỉ trong một khoảnh khắc là ta có thể đi vào cảnh giới của Hoa Tạng, đi vào cảnh giới của Bụt Tỳ Lô Giá Na, đi vào các quốc độ của giải thoát, của thần thông, của thanh tịnh, đi vào pháp giới, đi vào uế, đi vào tịnh, đi vào phàm, đi vào thánh, đi vào ngạ quỷ súc sinh và nơi nào ta cũng không tìm kiếm ra được cái gọi là sinh tử. Tất cả đều chỉ là danh từ suông (không danh), là hoa đốm huyễn hóa trong hư không, không đáng để ta nhọc công đi tìm bắt. Lúc đó thì ta sẽ buông bỏ được hết tất cả mọi cái đắc, thất, thị và phi.

Này các bạn tu, cái thấy về Phật pháp của tôi, tôi đã tiếp nhận từ các hòa thượng Ma Cốc, Đan Hà, Đạo Nhất, Lô Sơn và Thạch Đầu. Sự trao truyền của truyền thống này đã phổ biến trên thiên hạ, nhưng vì chưa tin nhận được nên nhiều người còn nhạo báng. Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất, thuần nhất và không tạp loạn như thế, mà cả ba trăm năm mươi người tới học cũng không nắm bắt được. Tổ Lô Sơn thảnh thơi và chính chân như thế, nắm vững được cả hai chiều thuận nghịch như thế, mà đệ tử cũng còn hoang mang không thăm dò được bờ mé của trí tuệ ngài. Tổ Đan Hà cũng vậy, đùa giỡn với hạt châu, khi ẩn khi hiện, kẻ học nhân tới không ai là không bị Tổ la mắng. Hành tung của Tổ Ma Cốc thì đắng như vỏ cây Hoàng bá, ai đến gần cũng không được. Tổ Thạch Củng thì bí quyết là tìm người trên đầu một mũi tên

https://thuviensach.vn

làm cho ai nấy cũng đều sợ hãi. Còn cái cách hành xử của ông thầy tu núi là tôi đây thì đó là sự thành hoại chân thực (chân chính thành hoại). Tôi đùa bỡn với sự thần biến tâm linh, tôi đi vào được trong tất cả mọi cơ cảnh, và ở đâu tôi cũng duy trì được (bản lĩnh của mình là) vô sự, cảnh không bao giờ đoạt được tôi. Nếu có ai tới tìm, tôi sẽ đi ra nhìn người ấy. Kẻ ấy không biết tôi. Tôi liền mặc áo vào. áo có nhiều thứ. Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi. Tội nghiệp cái ông thầy đui mù không mắt này quá đi; ông ta nhận lầm cái áo là tôi, cho tôi là hoặc vàng hoặc xanh hoặc trắng hoặc đỏ. Thấy thế tôi mới cởi hết áo đi và để lộ cái 'thanh tịnh' ra. Vị học nhân thấy thế, liền sinh tâm vui mừng và ham muốn. Tôi liền cởi bỏ luôn cái áo 'thanh tịnh' ấy ra nữa. Bấy giờ kẻ học nhân thất kinh, hoang mang, cuống cuồng bỏ chạy, nói rằng tôi 'trần truồng như nhộng.' Tôi mới nói với kẻ ấy: 'Chú có biết cái con người mặc áo trong tôi là ai chưa?' Hốt nhiên kẻ kia quay đầu lại và nhận ra tôi.

Này các vị đại đức! Các vị đừng có kẹt vào cái áo. Áo là bất động, chỉ có người mới có thể mặc áo. Có cái áo thanh tịnh, có cái áo vô sinh, có cái áo Bồ Đề, có cái áo Niết Bàn, có áo Tổ, có áo Bụt.

Các vị đại đức, nếu những cái đó chỉ là âm thanh, danh từ và văn cú thì tất cả đều chỉ là những chiếc áo được biến hiện ra, vận dụng từ huyệt khí hải dưới rốn đi lên làm hàm răng lách cách phát ra thành câu, thành ý, nên biết rõ những thứ ấy chỉ là trò huyễn hóa.

Này các đại đức, bên ngoài là hành động phát ra âm thanh ngôn ngữ, bên trong là tâm tư làm phát sinh ý niệm, tất cả đều chỉ là những loại áo. Tại sao các vị lại nhận những cái áo ấy làm kiến giải chân thật? Nếu cứ tiếp tục như thế thì dù có tu trải qua muôn vạn kiếp nhiều như vi trần thì cũng chỉ là để hết mặc áo này lại mặc áo khác (chưa phải là thần thông mà chỉ là y thông), chưa thoát ra được luân hồi sinh tử. Tất cả đều không bằng thực tập vô sự. 'Gặp nhau không biết nhau, trò chuyện tên chẳng biết.'

https://thuviensach.vn

Đời nay, người tu không đạt được đạo cũng vì cứ nhận lầm danh tự làm kiến giải. Họ ghi chép lại những câu nói, những lời lẽ của các ông già đã chết vào trong một cuốn sách lớn, đem cất dấu trong bốn năm lớp túi vải, không cho ai nhìn thấy, cho những điều ghi chép trong đó là 'huyền chỉ', rồi cất dấu bảo trọng. Lầm to! Này bọn mù kia, trong những khúc xương khô ấy, các anh tìm sao cho ra một giọt nước mát? Có một bọn không biết thế nào là xấu tốt, từ trong giáo pháp rút ra những huyền đàm lý luận, chế thành văn cú lý nghĩa, giống như bỏ vào miệng những cục phân rồi nhả ra và mớm lại cho kẻ khác, chẳng khác gì người thế tục chơi trò chuyền miệng. Một đời đi qua oan uổng, vậy mà cứ nói 'ta là người xuất gia.' Khi có kẻ đến tham vấn về Phật pháp, chúng ngậm miệng, không nói nên lời, hai mắt mở ra, thất thần và đen ngòm như những chiếc ống khói, còn miệng thì trệ xuống như thể một chiếc đòn gánh trĩu nặng hai đầu. Những kẻ như thế thì dù Bụt Di Lặc có ra đời bây giờ đi nữa, họ cũng bị đày đi các thế giới khác hoặc bị gửi xuống địa ngục để nhận chịu quả báo đau khổ.

Này các vị đại đức, các vị bôn ba khắp nơi để tìm kiếm cái gì cho đến nỗi hai bàn chân của quý vị bành ra như thế? Có Bụt đâu mà tìm, có Đạo đâu mà thành, có Pháp đâu mà đắc? Bụt với các tướng tốt mà bạn đang đi tìm ấy không giống bạn đâu. Muốn tự biết bản tâm bạn, thì phải thấy được Bụt với bạn không hợp cũng không ly.

Này các bạn tu, chân Phật vô hình, chân Đạo vô thể, chân Pháp vô tướng, cả ba pháp ấy dung hợp nhau làm thành một. Ai không thấy được điều này thì còn là chúng sinh với nghiệp thức mang mang.

Hỏi: 'Xin Thiền Sư khai thị cho chúng con: chân Phật là gì, chân Pháp là gì, chân Đạo là gì?'

Thiền Sư đáp:

Bụt thật (chân Phật) là sự thanh tịnh của tâm mình. Pháp thật (chân Pháp) là ánh sáng của thân mình. Đạo thật (chân Đạo) là ánh sáng thanh tịnh vô ngại (chiếu soi) khắp chốn. Ba cái là một; cả ba đều là giả danh mà không thật có. Người học đạo chân chính thì phải duy trì chánh niệm về ba đối tượng ấy một cách miên mật. Tổ Bồ Đề Đạt Ma

https://thuviensach.vn

từ Ấn-độ sang đây, chỉ cốt đi tìm kiếm cho được một con người không bị kẻ khác làm mê hoặc. Cuối cùng ngài gặp được Huệ Khả, Tổ thứ hai. Chỉ với một câu nói thôi ngài đã giúp cho Tổ Huệ Khả giác ngộ và thấy rõ rằng tất cả công phu trước đó đều là vô dụng. Theo cái thấy của tôi, thì chúng ta không khác gì Tổ và Bụt, hiểu ngay được câu đầu thì ta trở thành bậc thầy của Tổ và Bụt, và nếu đến câu thứ hai ta mới hiểu thì ta cũng có thể trở thành bậc thầy của loài người và loài trời. Nhưng nếu đến câu thứ ba mới hiểu thì ta tự cứu ta cũng còn chưa được huống hồ là mong làm thầy thiên hạ.

Hỏi: 'Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua đây có ý gì?'

Thiền Sư đáp: 'Nếu đã có ý, thì tự cứu mình cũng chưa được (huống hồ để độ người).'

Hỏi: 'Nếu không có ý, thì làm sao Tổ thứ hai đắc pháp được?'

Thiền Sư đáp: 'Đắc tức là vô đắc.'

Hỏi: 'Nếu đắc quả là bất đắc, thì làm sao lại có cái ý 'bất đắc'?'

Thiền Sư đáp:

Cũng vì đi tìm tâm khắp nơi mà không ngưng được, cho nên Tổ mới nói: 'Ôi hay! Kẻ trượng phu kia! Sao ngươi có đầu rồi mà còn đi tìm đầu mãi vậy?' Nghe được câu nói ấy mà biết đem ánh sáng trở về soi chiếu tự tâm, không còn tìm cầu cái gì khác nữa, thì mình biết được thân và tâm mình không khác gì với thân và tâm của Tổ và Bụt, và ngay trong giây phút này đạt được trạng thái vô sự. Cái đó mới gọi là đắc pháp.

Này các đại đức! Trong giờ phút này đây vì vạn bất đắc dĩ cho nên tôi mới nói ra những lời nói không mấy tao nhã. Quý vị đừng có vì vậy mà hiểu lầm tôi. Theo cái thấy của tôi thì thật ra chẳng có đạo lý gì để cho ta thuyết giảng. Nếu cần làm gì thì cứ làm đi, nếu không thì cứ nghỉ ngơi đi cho khỏe.

Khắp nơi người ta nói lục độ vạn hạnh là Phật pháp, còn tôi thì tôi nói đó chỉ là những phương tiện điểm trang, những phương tiện để mình

https://thuviensach.vn

làm Phật sự chứ chưa phải là Phật pháp. Cho đến những việc như trì trai, giữ giới, bưng một bát dầu đừng để nó sóng sánh rơi ra một giọt,... tất cả những cái ấy nếu không có khả năng làm cho con mắt đạo của quý vị sáng ra thì rốt cuộc quý vị cũng phải bị người ta đòi trả tiền cơm nước như thường. Tại sao?

'Vào đạo không thông lý
Luân hồi đền tín thí
Trưởng giả tám mươi mốt
Cây khô ra mộc nhĩ'

Dù cho quý vị có ở một mình trên đỉnh cô phong, mỗi ngày ăn một bữa, ngồi thiền suốt đêm, không đặt lưng xuống, tu tập sáu thời một ngày tinh chuyên, thì quý vị cũng chỉ là những người đang tạo nghiệp. Dù cho quý vị có bố thí cả quốc thành, thê tử, đầu, mắt, tủy não, voi ngựa, bảy báu, mọi thứ đều đem ra cho hết thì những cái ấy rốt cuộc cũng chỉ làm đau nhức thân tâm, đem về những quả báo khổ đau. Tất cả đều không bằng làm một kẻ vô sự, thuần nhất, không tạp loạn. Cho dù các vị Bồ-tát đã đi qua mười địa có muốn đem hết tâm mình mà đi tìm dấu vết của một người tu vô sự như thế cũng không tìm ra được. Sở dĩ người ấy được chư thiên ca tụng, được Địa thần nâng gót, được chư Bụt mười phương xưng tán, là tại vì sao? Tại vì những người tu ấy, ngay trong giây phút hiện tại, đang ngồi đây nghe pháp mà đang không để lại dấu vết gì.

Hỏi: 'Bụt Đại Thông Trí Thắng ngồi trong đạo tràng trong mười kiếp liên tục mà Phật pháp không biểu hiện trước mắt, và ngài không thực hiện được Phật đạo.' Câu ấy có nghĩa gì?

Thiền Sư đáp:

Đại Thông có nghĩa là ở đâu cũng tự mình đạt tới được sự thật vô tánh và vô tướng của vạn pháp. Trí Thắng có nghĩa là ở đâu cũng không có một niệm nghi hoặc, không thấy mình có đắc bất cứ một pháp nào. Bụt có nghĩa là sự thanh tịnh của tâm, ánh sáng (của sự thanh tịnh) ấy thấu triệt được cùng pháp giới. Mười kiếp liên tục ngồi ở đạo tràng chính là mười ba la mật. Phật pháp không biểu hiện trước

https://thuviensach.vn

mắt có nghĩa là Phật vốn không sinh, Pháp vốn không diệt, thì làm sao biểu hiện trước mắt? Không thực hiện được Phật đạo có nghĩa là Bụt đâu có cần thành Bụt nữa. Cổ nhân nói: 'Bụt thường ở thế gian mà không nhiễm pháp thế gian.' Này các bạn tu, nếu quý vị muốn làm Bụt thì đừng tùy thuộc vào vạn vật. Tâm sinh thì mọi pháp sinh, tâm diệt thì mọi pháp diệt, một tâm không sinh, thì các pháp không làm gì mình được nữa.

Trong thế gian cũng như ngoài thế gian (xuất thế gian) chẳng có Bụt mà cũng chẳng có Pháp, không thật sự có trong giây phút hiện tại mà cũng chẳng sẽ là không trong tương lai. Dầu nói có cái gì đi nữa, thì đó cũng chỉ là những danh ngôn và chương cú, chỉ có tác dụng tiếp dẫn được bọn con nít. Phương tiện thiết lập ra như thuốc để trị bệnh, sự biểu hiện danh cú có ra là vì thế. Với lại danh cú không tự gọi mình là danh cú. Chính quý vị đang có mặt đây trong giờ phút này với cái linh giác thấy, nghe sáng rỡ như một ngọn đuốc chiếu sáng kia, chính quý vị mới là người đã an bày ra tất cả các danh cú.

7- Thiền Sư khai thị

Các vị đại đức, phải tạo ra năm nghiệp vô gián thì mới được giải thoát.

Hỏi: 'Năm nghiệp vô gián là gì?'

Thiền Sư đáp:

Năm nghiệp vô gián là giết cha, giết mẹ, làm Bụt chảy máu, chia rẽ tăng đoàn và thiêu đốt linh tượng. Cha ở đây có nghĩa là vô minh. Nếu quý vị ngưng được sự tìm cầu, dù cho trong một khoảnh khắc, cái sinh khởi và cái hoại diệt (của các Pháp) như tiếng vang âm hưởng với hư không, nếu quý vị trong trường hợp nào cũng vô sự được, thì đó là đã giết được cha vô minh. Mẹ đây là sự tham ái. Nếu quý vị trong khi đi vào cõi Dục để tìm cầu đối tượng của sự tham ái mà có thể, dù cho trong một khoảnh khắc, thấy được rằng các pháp đều Không và bất cứ nơi đâu cũng được vô trước, đó gọi là giết được mẹ tham dục. Bụt ở đây là sự vướng mắc vào các kiến giải phân biệt. Nếu

https://thuviensach.vn

quý vị đi vào trong pháp giới thanh tịnh mà không làm phát sinh những kiến giải phân biệt, dù chỉ trong một sát na, tới đâu cũng giữ được trí vô phân biệt của mình, đó là quý vị đã làm Bụt (của biến kế sở chấp) chảy máu. Tăng đoàn ở đây là sự vướng mắc vào các ý niệm phiền não và sở y. Nếu quý vị đạt được cái thấy là tất cả các phiền não và kết sử đều Không và chẳng có chỗ nương tựa (sở y), thì dù chỉ trong một khoảnh khắc, quý vị cũng đã phá được tăng đoàn của phiền não, kết sử và sở y. Kinh tượng ở đây là những ý niệm về nhân duyên, về tâm và về pháp. Nếu quý vị, dù chỉ trong một khoảnh khắc, thấy được tính Không của nhân duyên, của tâm và của pháp và đoạn trừ được tất cả những khái niệm mình có về nhân duyên, về tâm và về pháp, đó là quý vị đã thiêu đốt được các kinh tượng của khái niệm, của tâm và của pháp.

Này các vị đại đức! Nếu làm được như thế, các vị sẽ không còn bị kẹt vào các danh từ phàm và thánh.

Quý vị trong mỗi ý niệm đã quen nhìn vào nắm tay không và ngón tay chỉ, cho đó là sự thật, dựa trên căn cảnh mà hình dung ra các pháp hư ngụy không thật có. Các vị có mặc cảm tự ty, cho nên chỉ biết khúm núm co rút mình lại, và tiếp tục nói: 'Ta chỉ là một kẻ phàm phu, còn vị ấy là một bậc thánh nhân.' Bọn trọc đầu ngu ngốc kia ơi! Tại sao các ngươi lại chạy đi hối hả tìm cái chết bằng cách đội lốt sư tử lên đầu để kêu thành tiếng của những con dã can như thế? Là kẻ đại trượng phu mà tại sao các ngươi không thở ra được khí phách của kẻ đại trượng phu? Những gì đã có sẵn trong nhà mình mà mình không tin, lại cứ đi tìm kiếm ở những nhà khác? Tại sao lại cứ sa vào cái bẫy danh cú của cổ nhân, hết nương vào âm lại tựa vào dương, rốt cuộc chẳng tự mình đạt được gì cả. Gặp hoàn cảnh nào cũng bám vào, gặp đối tượng nào cũng nắm bắt, tiếp xúc tới đâu thì bị lừa gạt tới đó, quý vị không hề có tiêu chuẩn nhận thức nào cả.

Các bạn tu, các bạn đừng bị kẹt vào lời nói của ông thầy tu núi này. Tại sao? Tại vì những lời tôi nói không thực sự có nền tảng nào cả, đó chỉ là những bức vẽ nhất thời trên không gian, dù chúng là những hình tượng có màu có sắc. Này các bạn tu, đừng lấy Bụt làm tiêu

https://thuviensach.vn

chuẩn tuyệt đối. Theo tôi thì cái quan niệm ta có về Bụt ấy đó cũng như một cái hố xí, và theo nghĩa đó, Bồ-tát và La-hán cũng chỉ là những kẻ đem tới gông cùm. Vì vậy cho nên mới có hiện tượng Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm và Ương Quật Ma đem đao tới chém Thích Ca.

Này các bạn tu, Bụt không phải là cái gì mà quý vị có thể nắm bắt được, cho đến giáo lý ba thừa, năm tánh, đốn giáo, viên giáo, tích môn, bản môn... Tất cả chỉ là thuốc và bệnh cùng hiện khởi đối lập nhau nhất thời, không phải là những pháp có thật. Mà dù cho có cái gì đi nữa thì đó cũng chỉ là những cái giả bày như có thật, những biểu hiện tạm thời dưới dạng văn tự để cho công chúng có tạm thời mà sử dụng. Chỉ nói thế thôi!

Này các bạn tu, có một bọn thầy tu thực tập hướng nội công phu, nghĩ rằng mình đang mong cầu pháp xuất thế. Họ lầm. Cầu Bụt thì mất Bụt. Cầu Đạo thì mất Đạo. Cầu Tổ thì mất Tổ. Các đại đức! Đừng lầm. Tôi không cần quý vị giải thích kinh luận cho hay, không cần quý vị làm quốc vương hay đại thần, tôi không cần quý vị biện giải thao thao như một dòng sông, tôi cũng không cần quý vị trở thành những bậc thông minh và trí tuệ. Tôi chỉ cần quý vị có được kiến giải chân chính. Nếu quý vị có giảng giải được một trăm bộ kinh luận đi nữa thì quý vị cũng không bằng được một ông thầy tu tầm thường mà vô sự. Giảng giải được kinh luận một cách thao thao chỉ làm cho các vị thêm tự hào tự đắc và sinh ra khinh miệt kẻ khác. Đó cũng chỉ là tâm sự của bọn A-tu-la, chỉ nghĩ đến thắng bại. Vô minh và sự tranh chấp nhân ngã chỉ làm lớn lên cái nghiệp địa ngục. Tỳ khưu Thiện Tinh (Sunaksatra) đấy, thông giải được mười hai thể tài của kinh điển vậy mà vẫn phải rơi vào địa ngục như thường, không còn được ở lại trên trái đất. Hơn hết là nên vô sự và chấm dứt mọi tìm cầu, đói thì ăn, buồn ngủ thì nhắm mắt lại, kẻ ngu có thể cười ta, nhưng người trí sẽ hiểu được ta.

Này các bạn tu, đừng đi tìm cầu gì trong văn tự để cho tâm mình thêm động, trí mình thêm mệt và phổi mình phải hớp vào những luồng khí lạnh, vô ích. Chi bằng thấy được trong một khoảnh khắc

https://thuviensach.vn

rằng các hiện tượng duyên khởi là vô sinh và siêu việt được cả các vị Bồ-tát quyền học trong ba thừa.

Các vị đại đức, đừng chần chừ cho qua ngày tháng. Ngày xưa, khi chưa thấy đạo, còn đang ở trong vùng mờ mịt đen tối, tôi đã không lúc nào dám làm biếng, bầu máu nóng trong người luôn luôn thúc đẩy tôi bôn ba đi tham cầu học đạo. Sau đó nhờ đạt được trí lực, bây giờ mới có dịp ngồi đây nói chuyện với quý vị. Tôi khuyên quý vị là đừng vì chuyện cơm áo và danh lợi mà để thì giờ đi qua. Gặp được thiện tri thức là một điều hy hữu, cũng giống như gặp hoa ưu đàm đang độ nở, lâu lắm mới có một lần. Có những vị từ khắp nơi về đây nghe nói có lão già Lâm Tế, liền tìm tới định vấn nạn thử giăng bẫy để lừa tôi nói ra những lời ngôn giáo, nhưng các vị ấy đã thất bại. Và khi lão tăng này đã đưa toàn thân ra để phơi bày công dụng, thì quý vị ấy ngồi đó hai mắt tráo trưng, miệng câm như hến, hoang mang đến nỗi không biết trả lời tôi ra sao. Tôi xin nói cho quý vị biết: với sức dẫm đạp của rồng voi thì lừa ngựa không thể nào chịu nổi.

Các vị ấy đã đi khắp nơi, đã trở ngực vỗ sườn, nói rằng mình hiểu thiền hiểu đạo. Nhưng các vị ấy đã không thể không tới đây, có khi đi thành hai người, có khi đi ba người một lúc, nhưng rốt cuộc tới đây họ cũng chẳng phô trương được một cái gì cả. Úi chà! Các vị cứ khiêng cái thân và cái tâm ấy của quý vị đi khắp nơi để khua tung hai mảnh da môi, lừa gạt dân trong xóm, coi chừng có ngày sẽ bị ăn thiết bổng. Bọn họ không phải là thật người xuất gia đâu, kỳ thực họ đang bị lùa về cảnh giới A-tu-la. Chỗ chí lý của đạo không phải là dùng lý luận để đề cao giáo lý của mình và để chinh phục người đạo khác. Chư Bụt và chư Tổ nối tiếp nhau cũng (đi theo tinh thần này và) không có chủ đích nào khác. Nếu các ngài có thiết lập ngôn giáo thì những ngôn giáo này cũng chỉ nằm trong những mô thức giáo hóa đưa người vào các phạm trù ba thừa, năm tánh và quả báo trời người. Giáo pháp viên đốn thì không như thế. Đồng tử Thiện Tài thật ra chưa từng đi qua một cuộc tham vấn tìm cầu nào cả.

Các vị đại đức! Đừng sử dụng tâm ý một cách lầm lạc. Biển lớn không bao giờ chấp nhận tử thi. Mang gánh nặng của tâm lý tìm cầu mà

https://thuviensach.vn

rong ruổi khắp nơi trong thiên hạ, điều này chỉ gây thêm chướng ngại cho cái thấy của chính tâm mình. Nếu mặt trời không bị mây che thì khắp nơi bầu trời được chiếu sáng. Mắt không bị dụi thì sẽ không có hoa đốm trong hư không.

Này các bạn tu! Nếu các bạn muốn sống theo tinh thần của Pháp thì chỉ cần chấm dứt nghi ngờ. Triển khai ra thì ôm lấy cả pháp giới, thu vén lại thì tơ tóc cũng không dung, một mình sáng rỡ, chưa từng thiếu thốn. Cái mà tai không nghe, mắt không thấy, ta gọi nó là cái gì? Người xưa nói: Nói nó là một vật thì cũng không đúng. Quý vị hãy tự mình quán chiếu xem có cái gì khác hơn không? Nói mãi cũng không cùng, mỗi người phải tự nỗ lực. Xin chào quý vị!

https://thuviensach.vn

Đối trị căn cơ

Quan Phủ Thường Thị họ Vương cùng với các quan thỉnh thiền sư lên pháp tọa. Thiền sư bước lên nói: 'Hôm nay vì việc bất đắc dĩ thuận theo nhân tình cho nên tôi mới lên ngồi trên pháp tòa này. Nếu nói đến chuyện chính thức đề xuống việc lớn của truyền thống tổ tông Thiền, tôi sẽ không thể mở miệng ra được và quý vị cũng sẽ không biết đặt chân vào đâu. Nhưng hôm nay vì quan Thường Thị cứ thỉnh cầu mãi thì làm sao tôi còn có thể dấu kín được tông chỉ cương yếu của Thiền? Vậy thì có vị chiến tướng nào muốn phất cờ mở trận thì hãy xin ra đối diện với đại chúng đây để nêu ra vài chứng cứ xem sao?

Có một vị xuất gia bước ra hỏi:

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền sư hét.

Vị xuất gia kia lạy.

Thiền sư nói:

- Ông thầy này có thể nói chuyện được đấy.

Một vị khác hỏi:

- Thiền sư xướng lên khúc hát của truyền thống nào, và tiếp nối tông phong của ai?

Sư đáp:

- Ngày xưa hồi tôi còn ở với thầy Hoàng Bích, ba lần tôi đặt câu hỏi, ba lần bị đánh.

Vị này suy nghĩ. Sư liền hét. Sau đó sư còn đánh thêm cho một cái và nói:

- Thầy đừng có mong đóng cọc trong hư không.

https://thuviensach.vn

Có vị tọa chủ lên hỏi:

- Giáo lý của ba thừa và của mười hai thể tài không lý không làm sáng lên được tính Bụt trong ta?

Thiền sư nói:

- Cỏ hoang của (vườn tâm) thầy, thầy chưa từng xới.

Tọa chủ thưa:

- Không có lý Bụt lại đánh lừa người?

Sư hỏi:

- Bụt ở đâu?

Vị tọa chủ không nói được.

Sư bảo:

- Có quan Thường Thị ở đây mà thầy lại muốn gạt ông thầy tu già này hả? Rút lui mau, rút lui mau! Để chỗ cho người khác hỏi.

Thiền sư lại nói:

- Vì việc lớn cho nên chúng ta mới thiết lập ra buổi tiệc pháp hôm nay. Còn ai muốn hỏi hay nói gì nữa không? Hãy mau ra đây. (Tôi nói trước cho quý vị biết) khi quý vị vừa mở miệng ra, thì quý vị đã đánh mất cái liên hệ rồi. Tại sao? Quý vị có nghe đức Thế Tôn nói rằng 'pháp không dính tới văn tự, không thuộc nhân cũng không do duyên' hay không? Chỉ vì đức tin của quý vị nơi tự thân còn chưa tới, cho nên hôm nay chúng ta chỉ có được những giây leo ký sinh (những lời nói lẻ), chỉ có tác dụng làm ủng trệ cái tâm của quan Thường Thị và của các quan khác, và làm cho Phật tính của quý vị ấy thêm lu mờ. Tốt hơn là nên rút lui.

https://thuviensach.vn

Rồi thiền sư hét lên và nói: 'Những người niềm tin bạc nhược kia ơi, bỏ ra cả ngày để chỉ nói qua nói lại như vậy cũng vô ích thôi! Quý vị đứng lâu mỏi chân rồi, vậy xin tạm biệt!'

Có lần thiền sư đến Hà phủ. Quan Thường Thị họ Vương thỉnh thiền sư lên pháp tòa.

Lúc bấy giờ có thầy Ma Cốc bước ra hỏi:

- Trong ngàn mắt ngàn tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính?

Thiền sư nói:

- Trong ngàn mắt ngàn tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính? Nói mau, nói mau!

Ma Cốc kéo thiền sư xuống tòa rồi tự ngồi lên trên tòa. Thiền sư đến gần, nói: 'Thầy có khỏe không?.' Ma Cốc còn đang lưỡng lự thì thiền sư kéo Ma Cốc xuống, rồi tự ngồi lên. Ma Cốc đi ra khỏi pháp đường. Thiền sư cũng đi xuống.

Một hôm thiền sư lên pháp đường nói:

- Trên đống thịt đỏ au này có một con người thật không có vị trí, thường đi ra đi vào ngay trước cửa mặt của quý vị. Ai chưa thấy được thì hãy nhìn kỹ xem, nhìn kỹ xem!

Lúc bấy giờ có một vị xuất gia đi lên, hỏi:

- Con người thật không có vị trí là gì?

Thiền sư từ thiền sàng bước xuống, nắm lấy vị ấy, bảo:

- Thầy nói đi, thầy nói đi (con người thật không có vị trí là gì?)

Vị ấy lưỡng lự. Thiền sư bèn thả vị ấy ra rồi nói:

- Con người thật không có vị trí là cái cọng cứt khô gì?

Nói xong liền quay về phương trượng.

https://thuviensach.vn

Thiền sư vừa lên pháp đường thì có một vị xuất gia ra lạy. Sư hét. Vị xuất gia nói:

- Xin lão hòa thượng đừng thử con.

Thiền sư hỏi:

- Thầy nói tôi nghe đi, cái (tiếng hét) ấy đã rơi vào đâu?

Vị xuất gia liền hét.

Có một vị thầy khác lên hỏi:

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền sư hét. Thầy ấy lạy. Thiền sư hỏi:

- Khuyết điểm là ở chỗ nào?

Thầy ấy nói:

- Nếu tái phạm sẽ không tha thứ lần nữa.

Thiền sư liền hét.

Hôm ấy hai vị thủ tọa của hai thiền đường vừa thấy nhau thì đồng thời cùng hét. Có một thầy hỏi thiền sư:

- Trong trường hợp này có chủ có khách đàng hoàng không?

Thiền sư nói:

- Chủ khách rõ ràng đó.

Và thiền sư nói:

- Đại chúng, nếu quý vị muốn biết về nguyên tắc tứ tân chủ thì hãy tới hỏi hai vị thủ tọa hai thiền đường.

- Nói xong thiền sư bước xuống.

Thiền sư lên pháp đường, có một vị xuất gia hỏi:

- Đại ý Phật pháp là gì?

https://thuviensach.vn

Thiền sư đưa phất trần lên. Vị ấy hét và bị thiền sư đánh cho một cái. Lại có một vị xuất gia khác lên hỏi:

- Đại ý Phật pháp là gì?

Thiền sư cũng đưa phất trần lên. Vị ấy hét. Thiền sư cũng hét. Vị ấy do dự, liền bị thiền sư đánh. Thiền sư mới bảo:

- Này đại chúng, người vì pháp thì không sợ táng thất thân mạng. Hai mươi năm về trước hồi còn ở với tiên sư Hoàng Bích, ba lần tới hỏi về đại ý Phật pháp ba lần tôi được ban cho một gậy, cũng giống như được tiên sư sờ đầu bằng một cành ngãi cứu (armoise) vậy. Đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ đến lần được Ngài đánh. Vậy thì ai có thể lên đây giúp tôi sống lại giây phút ấy?

Lúc bấy giờ có một vị xuất gia rời chỗ ngồi trong chúng đi lên, nói:

- Con đây có thể làm được việc ấy.

Thiền sư cầm gậy đưa cho vị kia. Vị kia ngần ngại khi tiếp nhận cây gậy. Thiền sư liền đánh cho vị ấy một gậy.

Thiền sư lên pháp đường, có vị xuất gia hỏi:

- Chuyện đầu lưỡi gươm bén là chuyện gì vậy?

Thiền sư nói:

- Nguy rồi! Nguy rồi!

Vị kia lưỡng lự, liền bị thiền sư đánh cho một cái.

Lại có người hỏi:

- Trong trường hợp người hành giả Thạch Thất giả gạo, giây phút anh ta quên mất việc dậm chân xuống chày thì anh ta đi đâu?

Thiền sư nói:

- Chìm xuống suối sâu.

Thiền sư lại nói:

https://thuviensach.vn

- Dù có ai tới với tôi đi nữa thì tôi cũng không phụ lòng người ấy. Luôn luôn tôi biết kẻ ấy từ đâu tới. Nếu người ấy tới với tư thế ấy, thì người ấy cũng giống như tự đánh mất mình, nếu người ấy không tới với tư thế ấy, thì cũng như không có dây mà người ấy tự trói mình. Này quý vị, bất cứ lúc nào cũng vậy, đừng có đắn đo suy nghĩ loạn lên như thế. Hiểu hay không hiểu đều là sai lầm. Tôi nói huỵch toẹt ra như thế đó. Thiên hạ có nói hành tôi thì cứ nói, không sao. Quý vị đứng lâu mỏi chân rồi, xin hẹn dịp khác!

Thiền sư lên pháp đường, và khai thị:

- Một người đứng trên chót vót đỉnh cô phong không có đường ra, còn một người đứng giữa ngã tư không tiến thối được. Giữa hai kẻ ấy, ai tới trước, ai tới sau? Đừng giả bộ làm Duy Ma Cật cũng đừng đóng vai Phó đại sĩ. Xin chào quý vị.

Thiền sư lên pháp đường, nói:

- Có một người đang mãi mãi ở ngoài đường mà chưa hề lìa khỏi nhà cửa, có một người đã lìa nhà cửa, nhưng mà không đang ở ngoài đường. Trong hai người ấy, ai là kẻ đáng được thiên và nhân cúng dường?

Nói xong liền bước xuống.

Thiền sư lên pháp đường. Có vị xuất gia hỏi:

- Câu nói thứ nhất là gì?

Thiền sư đáp:

- *Ấn tam yếu nhấc ra, điểm son rõ*
  Không hề lưỡng lự, chủ khách phân.

- Còn câu nói thứ hai?

- *Diệu giải ngại gì câu vấn đáp*
  Cơ quan thi thiết chẳng ngăn dòng.

https://thuviensach.vn

- Còn câu nói thứ ba?

- *Hãy nhìn con rối đang trình diễn*
  Có người dây kéo núp bên trong.

Thiền sư lại nói:

- Một câu nói phải có đủ ba huyền môn. Một huyền môn phải có đủ ba yếu lĩnh. Phải có quyền phải có dụng. Các vị hiểu như thế nào?

Nói xong, thiền sư bước xuống.

Tổ Hoàng Bích vào nhà bếp, hỏi thầy đầu bếp:

- Thầy làm gì đó?

Thầy đầu bếp trả lời:

- Con đang nhặt gạo cho chúng tăng.

Tổ Hoàng Bích hỏi:

- Mỗi ngày ăn nhiều ít?

Thầy đầu bếp nói:

- Hai thạch rưỡi.

Tổ Hoàng Bích:

- Như thế có nhiều quá hay không?

Thầy đầu bếp:

- Vậy mà còn sợ thiếu đấy.

Tổ Hoàng Bích liền đánh thầy đầu bếp một cái.

Thầy đầu bếp thuật chuyện này cho thiền sư Lâm Tế nghe. Thiền sư nói:

- Tôi sẽ hỏi ông già cho thầy về việc này.

https://thuviensach.vn

Thiền sư vừa đến đứng bên tổ Hoàng Bích thì tổ liền kể lại câu chuyện. Thiền sư nói:

- Thầy đầu bếp không hiểu, xin hòa thượng cho một câu trả lời để con chuyển lại cho thầy ấy.

Rồi thiền sư hỏi:

- Như thế có nhiều quá hay không?

Tổ Hoàng Bích nói:

- Tại sao (thầy ấy) không nói ngày mai lại phải ăn thêm một bữa nữa?

Thiền sư nói:

- Nói ngày mai mà làm gì? Phải ăn ngay ngày hôm nay chứ!

Nói xong thiền sư đánh tổ một cái. Tổ Hoàng Bích nói:

- Cái thằng điên này hôm nay dám tới đây vuốt râu hùm hả?

Thiền sư liền hét và đi ra.

Sau đó có dịp Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn về chuyện này:

- Hai vị tôn túc kia nói với nhau như thế là có ý gì?

Ngưỡng Sơn:

- Thầy nghĩ gì?

Quy Sơn nói:

- Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền.

Ngưỡng Sơn nói:

- Không phải vậy đâu.

Quy Sơn nói:

- Vậy thì sao?

https://thuviensach.vn

Ngưỡng Sơn nói:

- Cái đó cũng nghiêm trọng chẳng khác như đưa giặc về phá nhà.

Thiền sư hỏi một vị xuất gia:

- Thầy từ đâu tới?

Vị này hét.

Thiền sư liền chào và mời vị kia ngồi xuống. Vị kia lưỡng lự, bèn bị thiền sư đánh.

Thiền sư thấy một vị xuất gia đến, liền nâng phất trần lên. Vị xuất gia làm lễ, liền bị thiền sư đánh.

Lại một vị xuất gia khác đến, thiền sư cũng nâng phất trần lên. Vị này tỏ ra không quan tâm đến. Thiền sư cũng đánh vị này luôn.

Một hôm, thiền sư cùng thiền sư Phổ Hóa đi phó trai tại nhà một thí chủ.

Thiền sư hỏi:

- Sợi lông nuốt cả biển cả, hạt cải đựng được núi Tu Di, đó là diệu dụng thần thông, hay sự thực vốn là như thế?

Phổ Hóa kéo đổ cả mâm cơm. Thiền sư nói:

- Sao mà thô tháo như thế? (Sao không có uy nghi tế hạnh gì cả?)

Phổ Hóa nói:

- Đây là đâu mà nói thô nói tế?

Ngày hôm sau thiền sư lại cùng Phổ Hóa đi phó trai. Thiền sư lại hỏi:

- Hôm nay thức ăn cúng dường cũng tương tợ như hôm qua, phải không?

Phổ Hóa cũng kéo đổ bàn cơm như hôm trước. Thiền sư nói:

- Được thì được đấy, nhưng mà thô tháo thì vẫn rất thô tháo.

https://thuviensach.vn

Phổ Hóa nói:

- Đồ đui! Trong Phật pháp thì có gì là thô có gì là tế?

Thiền sư bèn le lưỡi.

Một hôm đó, thiền sư cùng với hai vị trưởng lão Hà Dương và Mộc Tháp ngồi sưởi chân trong tăng đường. Thiền sư nói:

- Ngày nào Phổ Hóa cũng làm kẻ điên ngoài phố chợ. Chẳng biết ông ta là phàm hay là thánh.

Ngay lúc ấy Phổ Hóa đi vào. Thiền sư liền hỏi:

- Thầy là phàm hay là thánh?

Phổ Hóa nói:

- Thầy hãy nói đi: tôi là phàm hay là thánh?

Thiền sư hét. Phổ Hóa lấy tay chỉ ba người và nói:

- Hà Dương là cô dâu mới, Mộc Tháp là thiền lão bà, còn Lâm Tế là một đứa bé con, nhưng nó lại có được một con mắt.

Thiền sư nói:

- Tên giặc này!

Phổ Hóa vừa đi ra vừa kêu: Có giặc! Có giặc!

Một hôm Phổ Hóa đang ăn bắp cải sống ở tăng đường. Thiền sư liền nói:

- Lớn như một con lừa!

Phổ Hóa liền giả tiếng lừa kêu. Thiền sư nói:

- Tên giặc này!

Phổ Hóa vừa đi ra vừa kêu: Có giặc! Có giặc!

Phổ Hóa thường đi rung chuông ngoài phố chợ và nói:

https://thuviensach.vn

- Phía sáng tới thì đánh phía sáng, phía tối đến thì đánh phía tối, bốn phương tám hướng đến, thì xoay vần mà đánh, hư không đến thì ta đây đánh hết mình.

Thiền sư sai một vị thị giả đi, dặn khi nghe Phổ Hóa nói như thế thì níu thầy ấy lại và hỏi: 'Nếu không có cái gì tới thì sao?' (Vị thị giả làm y như thế). Phổ Hóa đẩy thị giả ra và nói:

- Ngày mai sẽ có trai tăng ở Đại Bi Viện.

Nghe kể lại câu chuyện, thiền sư nói:

- Xưa nay mình vẫn nghi cái anh chàng này.

Có một vị lão túc tới tham vấn, không làm lễ chào hỏi cũng không vấn an. Vị này hỏi:

- Làm lễ là phải hay không làm lễ phải?

Thiền sư hét. Vị lão túc làm lễ. Thiền sư nói:

- Hay thay, bọn giặc cỏ này.

Vị lão túc la: 'Giặc cỏ! Giặc cỏ!' Và đi ra.

Thiền sư nói:

- Đừng nói vô sự là tốt.

Lúc bấy giờ có một vị thủ tọa đang đứng hầu một bên thiền sư. Thiền sư hỏi:

- Có lỗi hay không có lỗi?

Vị thủ tọa đáp:

- Cả hai đều có lỗi.

Thiền sư hỏi:

- Lỗi ở chỗ nào?

Vị thủ tọa đi ra.

https://thuviensach.vn

Thiền sư nói:

- Đừng nói vô sự là tốt.

Sau này có người kể lại câu chuyện với Nam Tuyền. Nam Tuyền phê bình:

- Ngựa quan đạp nhau.

Nhân vào phó trai ở một doanh trại của quân đội, thiền sư gặp một viên sĩ quan đứng đón ở cửa. Trỏ vào một cây cột trần, thiền sư hỏi:

- Cái này là phàm hay thánh?

Vị sĩ quan không nói được.

Thiền sư đánh vào cây cột trần và nói: 'Dù có nói được hay không thì nó cũng chỉ là một cây cột gỗ.' Bèn đi vào.

Thiền sư hỏi viện chủ: 'Thầy vừa từ đâu về?'

Viện chủ: 'Đi ra quận bán lúa về.'

Thiền sư: 'Bán được hết không?'

Viện chủ: 'Bán được hết.'

Thiền sư lấy gậy vạch một đường trước mặt, hỏi:

- Bán được cái này không?

Viện chủ hét. Thiền sư đánh.

Vị điển tọa tới. Thiền sư kể lại câu chuyện. Vị điển tọa nói:

- Viện chủ không hiểu được ý của hòa thượng.

Thiền sư nói:

- Còn thầy, thầy hiểu không?

Điển tọa nghiêng mình làm lễ, cũng bị thiền sư đánh luôn.

Có vị tọa chủ (giảng sư) tới thăm viếng, thiền sư hỏi:

https://thuviensach.vn

- Tọa chủ giảng những kinh luận nào?

Tọa chủ:

- Con còn dở lắm, chỉ giảng sơ sài được luận Bách Pháp Minh Môn.

Thiền sư nói:

- Có kẻ thông suốt cả giáo lý ba thừa và mười hai thể tài, lại có kẻ không biết gì về giáo lý tam thừa và mười hai thể tài, hai kẻ ấy giống nhau hay khác nhau?

Tọa chủ nói:

- Hiểu được thì giống nhau, không hiểu được thì khác nhau.

Lúc ấy Lạc Phổ đứng sau lưng làm thị giả, nói:

- Thưa tọa chủ, ở đây là đâu mà nói giống nhau hay khác nhau?

Thiền sư quay lại hỏi:

- Thị giả, vậy thì chú nghĩ sao?

Thị giả liền hét. Sau khi tiễn tọa chủ đi, thiền sư hỏi thị giả:

- Hồi nảy chú hét tôi hả?

Thị giả nói: 'Vâng.' Thiền sư bèn đánh thị giả.

Thiền sư nghe Đức Sơn đời thứ hai có nói: 'Nói được thì lãnh ba mươi gậy, không nói được cũng lãnh ba mươi gậy', bèn sai Lạc Phổ đi đến, dặn rằng:

- Sau khi hỏi: 'Nói được sao cũng lãnh 30 gậy?', chú hãy đợi cho Đức Sơn đánh thì hãy giật gậy và đẩy cho ông ta một cái mạnh, xem ông ta hành xử ra sao?

Lạc Phổ làm y như lời dặn. Đức Sơn thấy thế liền rút vào phương trượng. Lạc Phổ về thuật lại cho thiền sư hay. Thiền sư nói:

https://thuviensach.vn

- Từ trước tới nay, ta đã từng nghi ông già ấy. Tuy nhiên, chú thấy thế nào?

Lạc Phổ còn đang lưỡng lự thì bị thiền sư đánh.

Quan Thường Thị họ Vương một hôm đến thăm thiền sư. Hai người cùng đứng trước tăng đường nhìn vào. Quan hỏi:

- Các thầy ở đây có học kinh không?

Thiền sư nói: 'Không học kinh.'

Quan hỏi:

- Vậy các thầy có học thiền không?

Thiền sư nói: 'Cũng không học thiền.'

Quan hỏi:

- Kinh cũng không học, thiền cũng không học, thì làm cái gì nữa?

Thiền sư nói:

- Tôi chỉ dạy họ làm Bụt làm Tổ thôi.

Quan Thường Thị nói:

- Bụi vàng tuy quý, nhưng rơi vào mắt cũng xốn lắm.

Thiền sư bảo:

- Vậy mà xưa nay tôi cứ ngỡ ông là một kẻ tầm thường.

Thiền sư hỏi Hạnh Sơn:

- Thế nào là khoảng đất trống và con trâu trắng?

Hạnh Sơn rống ra tiếng trâu!

Thiền sư: 'Thầy câm hả?'

Hạnh Sơn nói: 'Còn hòa thượng thì sao?'

https://thuviensach.vn

Thiền sư nói: 'Con vật này!'

Thiền sư hỏi Lạc Phổ:

- Lâu nay, một người dùng gậy, một người dùng tiếng hét. Người nào thân thiết hơn?

Lạc Phổ:

- Cả hai đều không thân thiết.

Thiền sư hỏi:

- Thầy hiểu nghĩa chữ thân thiết thế nào?

Lạc Phổ hét, và bị thiền sư đánh.

Thấy một vị xuất gia đến, thiền sư đưa hai tay ra. Vị xuất gia không nói gì. Thiền sư hỏi: 'Thầy có hiểu không?'

Vị xuất gia: 'Con không hiểu.'

Thiền sư nói: 'Núi Côn Lôn khó mở, ta cho ngươi hai đồng.'

Đại Giác đến tham vấn. Thiền sư đưa phất trần lên. Đại Giác trải tọa cụ. Thiền sư ném phất trần xuống đất. Đại Giác liền lấy tọa cụ lên, đi vào tăng đường.

Trong chúng các thầy bàn với nhau:

- Thầy này có quen thân gì với thiền sư của chúng mình không, tại sao không lễ bái mà cũng không bị ăn đòn?

Nghe nói thế, thiền sư cho gọi Đại Giác đến. Thiền sư nói:

- Đại chúng đây nói rằng thầy chưa chào hỏi tôi.

Đại Giác trả lời:

- Thiền sư mạnh giỏi không?

Rồi trở vào với chúng.

https://thuviensach.vn

Trong thời gian hành cước, thiền sư Triệu Châu có dịp ghé lại thăm thiền sư, gặp lúc thiền sư đang rửa chân. Triệu Châu hỏi:

- Mục đích của Bồ Đề Đạt Ma qua đây là gì?

Thiền sư nói:

- Đúng vào lúc tôi đang rửa chân.

Triệu Châu tới gần ghé tai làm bộ nghe. Thiền sư nói:

- Bây giờ tôi phải lại đổ thêm một chậu nước dơ nữa hay sao?

Triệu Châu liền bỏ đi.

Có thượng tọa Định đến tham vấn, hỏi:

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền sư từ thiền sàng bước xuống, nắm lấy thượng tọa Định, đánh cho thượng tọa một cái, rồi thả thượng tọa ra. Thượng tọa Định đứng yên.

Có một vị xuất gia đứng đó nói:

- Thượng tọa Định, sao không lạy xuống đi!

Thượng tọa Định lạy xuống thì bỗng dưng đại ngộ.

Ma Cốc đến tham vấn, vừa trải tọa cụ vừa hỏi:

- Mười hai mặt của Quan Âm, mặt nào là mặt chính?

Thiền sư từ thiền sàng bước xuống, một tay nắm tọa cụ, một tay kéo Ma Cốc tới gần, hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt bây giờ đang đi đâu?

Ma Cốc xoay mình lại, định lên thiền sàng ngồi thì thiền sư nắm lấy gậy định đánh. Ma Cốc giật gậy. Cả hai sau đó cùng nắm gậy đi vào phương trượng.

Thiền sư hỏi một thầy:

https://thuviensach.vn

- Có lúc tiếng hét giống như lưỡi gươm báu của Kim Cương Vương ; có lúc tiếng hét giống như sư tử lông vàng đang ngồi xổm ; có lúc tiếng hét giống như chiếc sào dò bóng cỏ ; có lúc tiếng hét không có tác dụng của tiếng hét. Thầy hiểu không?

Vị xuất gia lưỡng lự, liền bị thiền sư đánh.

Thiền sư hỏi một ni sư:

- Thiện lai hay ác lai?

Ni sư hét. Thiền sư cầm gậy nói:

- Nói đi, nói đi!

Ni sư hét thêm một tiếng thứ hai nhưng vẫn bị thiền sư đánh.

Long Nha hỏi:

- Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn độ qua có mục đích gì?

Thiền sư nói:

- Đem thiền bản lại đây cho ta.

Long Nha đưa thiền bản. Thiền sư tiếp lấy thiền bản và đánh Long Nha. Long Nha:

- Đánh thì cứ đánh nhưng mục đích của tổ sư vẫn chưa thấy rõ ràng.

Sau đó, Long Nha đến thăm Thúy Vi, và hỏi:

- Tổ sư từ Ấn độ qua có mục đích gì?

Thúy Vi nói:

- Đem bồ đoàn lại đây cho ta.

Long Nha đưa bồ đoàn. Thúy Vi tiếp lấy bồ đoàn và đánh Long Nha. Long Nha nói:

https://thuviensach.vn

- Đánh thì đánh nhưng mục đích của tổ sư cũng vẫn chưa thấy rõ ràng.

Sau này, Long Nha làm Viện chủ, có một vị xuất gia đi vào thiền thất hỏi:

- Trong thời gian hòa thượng đi hành cước có tham vấn hai vị tôn túc, vậy hòa thượng có công nhận (tuệ giác) của hai vị ấy không?

Long Nha nói:

- Công nhận thì có công nhận, nhưng mục đích của tổ sư vẫn chưa thấy rõ ràng như thường.

Đồ chúng của thiền sư Kỉnh Sơn có tới 500 vị, nhưng trong số ấy có rất ít người đến tham thỉnh thiền sư. Tổ Hoàng Bích phái thiền sư đến thăm Kỉnh Sơn. Trước khi đi, tổ hỏi:

- Con đến đấy sẽ làm gì?

Thiền sư nói:

- Đến đó con mới biết sẽ làm gì.

Đến nơi, còn mang nguyên áo nón du hành, thiền sư đi thẳng vào pháp đường để gặp Kỉnh Sơn. Kỉnh Sơn vừa ngửng đầu lên thì thiền sư liền hét. Kỉnh Sơn vừa mở miệng chưa kịp nói gì thì thiền sư đã phất tay áo đi ra.

Ngay sau đó có một thầy hỏi Kỉnh Sơn:

- Cái ông thầy kia mới tới, có nói qua nói lại gì với hòa thượng không mà hét như vậy?

Kỉnh Sơn nói:

- Thầy ấy từ đạo tràng của Hoàng Bích tới đấy. Nếu muốn biết thì đi hỏi ông ta đi.

https://thuviensach.vn

Năm trăm đồ chúng của Kỉnh Sơn sau đó bị phân tán quá hơn một nửa.

Một hôm ngoài phố chợ, Phổ Hóa ngỏ lời xin chiếc áo một tấm. Ai cũng cho áo, nhưng Phổ Hóa không nhận. Nghe vậy thiền sư bảo viện chủ mua cho Phổ Hóa một chiếc quan tài. Lúc Phổ Hóa về, thiền sư nói:

- Tôi vừa mới may cho thầy một chiếc áo một tấm rồi đó.

Phổ Hóa liền vác chiếc quan tài đi qua phố chợ, nói:

- Lâm Tế vừa may cho tôi một chiếc áo một tấm. Bây giờ tôi sẽ đi ra cửa Đông để thoát hóa hình hài này.

Người ngoài chợ đi theo Phổ Hóa để xem. Nhưng tới nơi Phổ Hóa lại nói:

- Ngày hôm nay tôi chưa thoát hóa đâu. Ngày mai tôi sẽ thoát hóa tại cửa Nam.

Ngày hôm sau Phổ Hóa cũng nói là chưa thoát hóa, đợi ngày hôm sau nữa mới thoát hóa ở cửa khác. Ba ngày như vậy nói mà không làm nên không còn ai tin nữa. Đến ngày thứ tư chẳng có ai đi theo, Phổ Hóa một mình đi ra ngoài thành phố, tự nằm vào trong quan tài và đậy nắp lại, nhờ một người qua đường đóng đinh áo quan. Tin tức chuyền đi, lập tức người trong thành phủ đổ ập tới rất đông. Họ đòi mở quan tài ra. Nắp quan tài mở ra thì không thấy Phổ Hóa trong ấy nữa. Người ta chỉ nghe tiếng chuông rung trong hư không càng lúc càng xa.

Trong một buổi tham vấn chiều, thiền sư khai thị: 'Có lúc đoạt người không đoạt cảnh, có lúc đoạt cảnh không đoạt người, có lúc đoạt cả người cả cảnh, có lúc không đoạt người cũng không đoạt cảnh.'

Lúc bấy giờ có một vị xuất gia hỏi: 'Đoạt người không đoạt cảnh là sao?'

Thiền Sư đáp: 'Nắng dậy gấm thêu đầy mặt đất

https://thuviensach.vn

Hài nhi tóc rủ bạc như tơ.'

Hỏi tiếp: 'Đoạt cảnh không đoạt người là sao?'

Thiền Sư đáp: 'Lệnh vua truyền khắp trong thiên hạ
Biên thùy tướng sĩ khói mây tan.'

Hỏi: 'Còn đoạt cả người cả cảnh là sao?'

Thiền Sư đáp: 'Hai quận Biện Phần không liên lạc
Dân chúng một mình một cõi riêng.'

Hỏi: 'Còn không đoạt người cũng không đoạt cảnh là sao?

Thiền Sư đáp: 'Vua bước lên điện báu
Ông già quê hát ca.'

https://thuviensach.vn

Du hành

Trong thời gian còn tu học với tổ Hoàng Bích, sự tu tập của thiền sư rất thuần nhất. Vị thủ tọa có ý khen rằng tuy thầy thuộc về lớp sau nhưng thầy có những điểm đặc biệt. Thủ tọa hỏi:

- Thầy ở đây lâu chưa?

Thiền sư đáp:

- Được ba năm.

Thầy thủ tọa:

- Đã từng được tham vấn sư tổ chưa?

Thiền sư đáp:

- Con chưa từng tham vấn và cũng chẳng biết tham vấn về đề tài gì.

Thủ tọa bảo:

- Tại sao thầy không tới hỏi hòa thượng đường đầu 'đại ý của Phật pháp là gì?'

Thiền sư liền tới hỏi tổ Hoàng Bích câu ấy. Hỏi chưa hết câu đã bị tổ đánh. Thiền sư trở về. Vị thủ tọa hỏi: 'Sao?'

- Con chưa hỏi xong câu hỏi thì bị đánh. Con không hiểu tại sao.

- Vậy cứ tới hỏi lại lần thứ hai xem sao!

Thiền sư tới hỏi lần thứ hai. Và cũng bị tổ Hoàng Bích đánh. Như thế cho đến ba lần.

Thiền sư trở về hỏi vị thủ tọa:

- Cảm ơn Thủ tọa đã từ bi chỉ bảo cho con tới tham vấn hòa thượng, nhưng ba lần con hỏi là ba lần con bị hòa thượng đánh. Con tự hận là vì có nhiều chướng duyên nên không lãnh hội

https://thuviensach.vn

được ý chỉ sâu sắc của hòa thượng. Nay con xin giã từ đi nơi khác.

Thủ tọa nói:

- Nếu thầy đi thì nên tới từ giã hòa thượng trước khi đi.

Thiền sư lạy rồi rút lui. Vị thủ tọa tới hòa thượng thưa:

- Cái thầy còn trẻ tới tham vấn ấy có thể là một pháp khí tương lai đấy, vậy khi thầy ta tới từ giã xin hòa thượng dùng phương tiện để tiếp độ thầy ấy một chút. Trong tương lai thầy ấy có thể trở nên một cây đại thụ làm bóng mát cho rất nhiều người trong thiên hạ.

Khi thiền sư tới từ biệt tổ, tổ nói:

- Con không nên đi đâu cả, chỉ nên đi tới thầy Đại Ngu ở đầu sông Cao An mà thôi. Thầy Đại Ngu sẽ giúp con.

Thiền sư liền đi tới Đại Ngu. Đại Ngu nói: 'Thầy từ đâu tới?'

Thiền sư nói: 'Từ tu viện Hoàng Bích tới.'

Đại Ngu: 'Hoàng Bích có nói gì không?'

Thiền sư:

- Ba lần tôi tới hỏi về đại ý Phật pháp, ba lần tôi bị đánh. Tôi không biết là tôi có lỗi hay không có lỗi.

Đại Ngu nói:

- Hoàng Bích như một bà ngoại từ mẫn đã hết lòng hết sức giúp thầy vượt qua những khó khăn, vậy mà thầy lại còn nói có lỗi hay không có lỗi!

Nghe thế, thiền sư đại ngộ. Thiền sư nói:

- Thì ra Phật pháp của hòa thượng Hoàng Bích đâu có gì ghê gớm lắm đâu!

https://thuviensach.vn

Đại Ngu nói:

- Cái con quỷ đái dầm này, vừa than có lỗi không lỗi đó thì nay lại dám nói Phật pháp của Hoàng Bích không có gì là ghê gớm! Thầy thấy được cái gì, nói nghe xem, nói nghe xem!

Thiền sư mới thụi vào hông Đại Ngu ba cái. Đại Ngu đẩy thiền sư ra, nói:

- Thầy của ông là Hoàng Bích, chuyện này chẳng có dính líu gì đến tôi.

Thiền sư liền từ giã Đại Ngu trở về với tổ Hoàng Bích. Thấy thiền sư trở về, Hoàng Bích nói:

- Cái anh chàng này cứ đi đi về về như thế bao giờ mới chấm dứt?

Thiền sư nói:

- Chỉ vì hòa thượng từ bi quá nên con phải trở về.

Làm lễ xong, thiền sư đứng hầu một bên. Hoàng Bích hỏi:

- Đi đâu về thế?

- Mới đây theo lời dạy đầy tình thương của hòa thượng, con đã đến tham vấn Đại Ngu. Nay con mới về.

Hoàng Bích: 'Đại Ngu có nói gì không?'

Thiền sư liền kể lại đầu đuôi câu chuyện. Hoàng Bích nói:

- Cái lão Đại Ngu kia, đợi khi có dịp nắm được lão, ta sẽ đánh cho lão một trận.

Thiền sư liền nói:

- Đâu có cần đợi làm gì, hòa thượng? Hãy tiếp nhận ngay bây giờ đi.

Nói xong thiền sư liền thụi vào Hoàng Bích. Hoàng Bích la:

https://thuviensach.vn

- Cái thằng điên này, dám tới hang cọp vuốt râu hùm hả?

Thiền sư bèn hét.

Hoàng Bích nói:

- Thị giả đâu, dẫn thằng khùng này vào trong tăng đường đi.

Sau này Quy Sơn có dịp kể lại chuyện này cho Ngưỡng Sơn và hỏi Ngưỡng Sơn:

- Hồi ấy Lâm Tế tiếp nhận năng lượng từ Đại Ngu hay từ Hoàng Bích?

Ngưỡng Sơn nói:

- Nếu không cỡi đầu cọp, thì làm sao vuốt được đuôi cọp?

Thiền sư đang trồng tùng. Tổ Hoàng Bích hỏi:

- Trong núi sâu trồng tùng làm gì nhiều thế?

Thiền sư đáp:

- Trước là để làm cảnh cho sơn môn, sau là để làm tiêu chuẩn cho các thế hệ tương lai.

Nói xong, thiền sư lấy cuốc dộng xuống đất ba lần.

Hoàng Bích nói:

- Tuy là vậy nhưng thầy cũng đã bị tôi cho ăn ba chục gậy rồi (là ít) đấy.

Thiền sư lại dộng cuốc xuống đất ba lần nữa, rồi rên lên ư ử. Hoàng Bích nói:

- Tông phong của ta đến thế hệ của ngươi sẽ được hưng thịnh lớn trên đời.

Sau này Quy Sơn lặp lại lời này hỏi Ngưỡng Sơn:

https://thuviensach.vn

- Lúc ấy Hoàng Bích chỉ phó chúc cho một mình Lâm Tế hay còn phó chúc cho ai khác?

Ngưỡng Sơn:

- Còn chứ, nhưng tại vì hòa thượng quá lớn tuổi rồi nên tôi không nói làm chi đó thôi.

Quy Sơn nói:

- Tuy vậy tôi cũng muốn biết, thầy cứ nói xem.

Ngưỡng Sơn:

- Một người chỉ ngón tay về phương Nam, cả nước Ngô lẫn nước Việt đều tuân hành theo lệnh. Gặp gió lớn thì ngừng. (tiên đoán về hòa thượng Phong Huyệt)

Thiền sư một hôm đứng hầu thiền sư Đức Sơn. Đức Sơn nói:

- Hôm nay tôi mệt.

Thiền sư nói:

- Ông già này đang nói mơ gì đó?

Đức Sơn liền đánh.

Thiền sư lật đổ thiền sàng. Đức Sơn mới ngưng.

Thiền sư đang xới đất trong một buổi chấp tác toàn chúng, thì thấy Tổ Hoàng Bích tới, liền chống cuốc đứng yên. Hoàng Bích hỏi:

- Anh chàng này mệt rồi hả?

Thiền sư nói:

- Cuốc chưa nhấc lên mà mệt gì.

Hoàng Bích liền đánh thiền sư một cái. Sư giật lấy gậy của Hoàng Bích xô một cái, Hoàng Bích ngả xuống. Tổ Hoàng Bích gọi:

- Thầy Duy Na, thầy Duy Na, tới đỡ tôi dậy đi.

https://thuviensach.vn

Thầy Duy Na tới gần nói:

- Tại sao hòa thượng lại để cho anh chàng điên này làm một điều vô lễ như thế?

Hoàng Bích đứng lên được rồi liền đánh thầy Duy Na. Thiền sư thấy thế dộng cuốc xuống đất và nói:

- Ở các nơi khác thì người ta hỏa táng. Còn ở đây thì chỉ chôn sống.

Sau này Quy Sơn có dịp hỏi Ngưỡng Sơn:

- Tại sao Hoàng Bích lại đánh vị Duy Na?

Ngưỡng Sơn:

- Tên giặc thiệt thì đã chạy mất, còn người đuổi giặc lại bị ăn đòn.

Có một hôm ngồi ở tăng đường, thiền sư thấy Tổ Hoàng Bích đến, liền nhắm mắt lại. Hoàng Bích giả làm bộ sợ, đi về phương trượng. Thiền sư đi theo về phương trượng lễ tạ. Lúc ấy có thầy thủ tọa đang đứng hầu bên tả Hoàng Bích. Hoàng Bích nói:

- Thầy này còn trẻ, nhưng là kẻ biết được vấn đề.

Thủ tọa nói:

- Chân hòa thượng không chấm đất, mà hòa thượng lại ấn chứng cho cái anh chàng trẻ này.

Tổ Hoàng Bích lấy tay tự vả vào miệng Tổ một cái. Thầy thủ tọa nói:

- Nếu hòa thượng biết thì không sao.

Thiền sư đang ngủ trong tăng đường. Hoàng Bích thấy thế, lấy gậy gõ vào thiền sàng một cái. Thiền sư ngửng đầu lên thấy Hoàng Bích, liền nhắm mắt ngủ lại. Hoàng Bích lại gõ thêm một tiếng, rồi đi lên lầu trên. Thấy vị thủ tọa đang ngồi thiền, Hoàng Bích nói:

https://thuviensach.vn

- Lầu dưới, người trẻ đang ngồi thiền, tại sao trên này thầy còn ngồi với vọng tưởng?

Thủ tọa nói:

- Cái ông già này làm gì thế?

Hoàng Bích gõ thêm một cái trên thiền sáng rồi đi ra.

Sau này Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn câu chuyện Hoàng Bích vào tăng đường ấy có nghĩa gì. Ngưỡng Sơn nói:

- Một lá bài hai mặt.

Một hôm có buổi chấp tác của cả đại chúng, thiền sư đi sau. Tổ Hoàng Bích quay lại, thấy thiền sư tay không, hỏi:

- Cuốc để đâu?

Thiền sư nói:

- Có một người lấy đi mất rồi.

Hoàng Bích nói:

- Tới gần đây để cùng đàm luận.

Thiền sư đến gần. Đưa cuốc lên trời, Tổ nói:

- Cái này đây trong thiên hạ không ai giật khỏi tay ta.

Thiền sư liền giật lấy cuốc của Hoàng Bích, đưa lên và nói:

- Vậy tại sao bây giờ nó nằm trong tay con đây?

Hoàng Bích nói: 'Hôm nay đã có rất nhiều người chấp tác rồi.' Nói xong liền trở về tăng viện.

Sau này Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- Cây cuốc đang nằm trong tay Hoàng Bích tại sao lại vào tay Lâm Tế?

https://thuviensach.vn

Ngưỡng Sơn:

- Giặc là tiểu nhân, nhưng nếu có trí, thì tiểu nhân có thể hơn người quân tử.

Thiền sư đem thư của Tổ Hoàng Bích cho Quy Sơn. Lúc ấy Ngưỡng Sơn làm tri khách. Tiếp thư, Ngưỡng Sơn hỏi:

- Cái này là thư của Hoàng Bích, còn thư của người đưa thư đâu?

Thiền sư liền thụi Ngưỡng Sơn một cái. Ngưỡng Sơn ôm lấy Thiền sư, nói:

- Sư anh biết được như thế là hay rồi, chúng ta hãy thôi đừng đối đáp nữa.

Và cả hai cùng đi tới Quy Sơn. Quy Sơn hỏi:

- Học chúng của sư anh Hoàng Bích có được bao nhiêu vị?

Thiền sư đáp: 'Có bảy trăm vị.'

Quy Sơn: 'Trong số ấy ai là người dẫn dắt?'

Thiền sư: 'Người ấy vừa mới trao thư cho thầy đấy.'

Rồi thiền sư hỏi: 'Ở đây hòa thượng có bao nhiêu vị trong học chúng?'

Quy Sơn nói: 'Một ngàn năm trăm vị.'

Thiền sư nói: 'Nhiều quá nhỉ!'

Quy Sơn nói: 'Học chúng của sư anh Hoàng Bích ta cũng rất đông.'

Thiền sư chào từ giã Quy Sơn. Ngưỡng Sơn đưa Thiền sư ra, nói:

- Nếu mai này sư anh đi lên miền Bắc, sư anh sẽ có một chỗ cư trú.

Thiền sư nói: 'Sao có thể như thế được?'

Ngưỡng Sơn nói:

https://thuviensach.vn

- Cứ đi đi thì biết. Sau này sẽ có một người phụ tá cho sư anh, người này sẽ là có đầu mà không có đuôi, có thỉ mà không có chung.

Sau này thiền sư lên Trấn Châu quả gặp Phổ Hóa ở đấy. Khi thiền sư xuất hiện làm việc hóa độ, thì có Phổ Hóa phụ tá. Chưa ở với Phổ Hóa bao lâu thì Phổ Hóa đã đi, toàn thân không còn lưu dấu vết.

Giữa mùa an cư kết hạ, thiền sư đến thăm Tổ Hoàng Bích, thấy Tổ đang xem kinh. Thiền sư nói:

- Lâu nay con cứ tưởng thầy là một con người, ngờ đâu thầy chỉ là một vị hòa thượng già, đậu đen ngậm đầy miệng.

Thiền sư ở lại vài hôm rồi tới từ giã Tổ Hoàng Bích mà đi. Tổ nói:

- Nhà ngươi bỏ an cư tới đây là đã phá hạ, mà tới đây rồi lại không ở cho hết hạ lại còn bỏ đi.

Thiền sư nói:

- Con chỉ tạm đến đây vài ngày để thăm thầy thôi.

Hoàng Bích liền đánh và đuổi đi. Đi được vài dặm đường, thiền sư bỗng có nghi vấn về việc này, cho nên trở lại để ở cho hết hạ.

Hết hạ rồi, một hôm thiền sư đến từ giã Tổ Hoàng Bích. Tổ hỏi:

- Thầy đi đâu?

Thiền sư nói:

- Nếu không phải đi Hà Nam thì đi Hà Bắc.

Tổ liền đánh. Thiền sư nắm Tổ lại không cho Tổ đánh tiếp, rồi thụi Tổ một cái. Tổ cười lớn và gọi:

- Thị giả, đem thiền trượng và kỷ án của sư ông Bách Trượng đến đây cho ta.

Thiền sư nói:

https://thuviensach.vn

- Thị giả, đem lửa tới đây cho ta.

Tổ Hoàng Bích nói:

- Nói gì thì cứ nói, nhưng con hãy mang những thứ này theo với con. Sau này con sẽ có thể ngồi trên lưỡi của thiên hạ cho xem.

Sau này, Quy Sơn có dịp hỏi Ngưỡng Sơn:

- Lâm Tế có hơi bất nghĩa với Hoàng Bích không?

Ngưỡng Sơn nói: 'Không.'

Quy Sơn nói: 'Nghĩa là thế nào?'

Ngưỡng Sơn nói: 'Biết ơn mới có thể đền ơn.'

Quy Sơn nói:

- Từ xưa tới nay đã có trường hợp nào như thế chưa?'

Ngưỡng Sơn:

- Có chứ, nhưng chuyện đã xảy ra quá xưa rồi, mình không muốn nhắc đến.

Quy Sơn:

- Tuy nhiên tôi vẫn muốn nghe. Nói đi.

Ngưỡng Sơn:

- Trong hội Lăng Nghiêm, thầy Anan tán thán Bụt: 'Đem hết thân tâm này ra để cứu độ chúng sinh trong các cõi nhiều như vi trần thì mới gọi là báo đáp được ân đức của Bụt.' Đó chẳng phải là báo ân sao?

Quy Sơn nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Cái thấy của mình ngang bằng cái thấy của thầy làm cho mình chỉ có được một nửa uy đức tâm linh của

https://thuviensach.vn

thầy. Cái thấy của mình nếu hơn cái thấy của thầy thì mình mới xứng đáng là sự tiếp nối của thầy.

Thiền sư đến thăm tháp của Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Vị tháp chủ hỏi:

- Hòa thượng lễ Bụt trước hay lễ Tổ trước?

Thiền sư đáp:

- Tôi không lễ Bụt mà cũng không lễ Tổ.

Tháp chủ:

- Bụt và Tổ có oán cừu gì với hòa thượng mà hòa thượng không lễ?

Thiền sư liền phất tay áo ra đi.

Trong một chuyến hành cước, thiền sư ghé đạo tràng của thiền sư Long Quang. Khi Long Quang lên pháp đường, thiền sư ra hỏi:

- Không đưa mũi giáo ra, làm sao để chiến thắng?

Long Quang cứ ngồi yên. Thiền sư nói:

- Làm kẻ thiện tri thức lớn mà không thi triển phương tiện quyền xảo gì hết sao?

Long Quang trừng mắt nhìn thiền sư, nói: 'Hừ!'

Thiền sư lấy tay chỉ Long Quang và nói:

- Ông già này hôm nay thua cuộc rồi!

Thiền sư đến Tam Phong. Hòa thượng Bình hỏi:

- Từ đâu tới?

- Từ đạo tràng Hoàng Bích.

Bình nói:

- Hoàng Bích có nói gì không?

https://thuviensach.vn

Thiền sư nói:

- *Hôm qua trâu vàng lâm khốn đốn*
  Đến nay chửa thấy vết chân nào.

Bình nói:

- *Gió thu lồng sáo ngọc*
  Ai chính kẻ tri âm?

Thiền sư:

- *Vạn trùng quan san đà vượt thấu*
  Mà không ở lại chốn trời xanh.

Bình: 'Câu hỏi của thầy hơi cao đấy.'

Thiền sư:

- *Rồng sinh ra Kim phụng*
  Phá vỡ trời lưu ly.

Bình: 'Thôi ngồi xuống uống trà đi.' Rồi hỏi:

- Mấy hôm trước đây, thầy ở đâu?

Thiền sư:

- Tôi ở đạo tràng Long Quang.

Bình: 'Long Quang gần đây ra sao?'

Thiền sư liền bỏ đi ra.

Thiền sư đến viếng đạo tràng của thiền sư Đạo Từ. Đạo Từ đang ngồi trong phương trượng. Thiền sư hỏi:

- Ngồi yên trong thất thì thế nào?

Từ đáp:

- *Xanh xanh tùng đứng ngàn đông lạnh*
  Tay già hoa nở vạn miền xuân.

https://thuviensach.vn

Thiền sư:

- *Viên trí xưa nay từng siêu việt*
  Ba non mở được vạn trùng quan.

Từ bèn hét. Thiền sư cũng hét.

Từ hỏi: 'Thế nào?' Thiền sư phất tay áo bỏ ra.

Thiền sư đến Nhượng Châu, gặp thiền sư Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giả bộ dựa trên chiếc gậy để ngủ. Thiền sư nói:

- Hòa thượng, ngủ làm gì?

Nghiêm nói:

- Vị thiền khách này không giống những vị thiền khách khác.

Thiền sư nói:

- Thị giả! Đem trà lại mời hòa thượng.

Thiền sư Hoa Nghiêm mới gọi thầy Duy Na tới, dặn:

- Sắp cho vị thượng tọa này ngồi ở ghế thứ ba.

Thiền sư đến thăm thiền sư Túy Phong. Túy Phong hỏi:

- Thầy từ đâu tới?

- Từ đạo tràng Hoàng Bích tới.

- Hoàng Bích có nói câu gì để khai thị cho người ta không?

- Hoàng Bích không nói câu gì cả.

- Tại sao lại không được?

- Dù có nói thì cũng không lặp lại được.

Túy Phong nói: 'Cứ thử lặp lại xem.'

Thiền sư nói: 'Một mũi tên bay vào trời Tây.'

https://thuviensach.vn

Thiền sư đến thăm thiền sư Tượng Điền, hỏi:

- Không phải phàm mà cũng không phải thánh, thầy thấy sao nói liền đi.

Tượng Điền nói:

- Ông thầy già này chỉ như thế này thôi.

Thiền sư liền hét và nói:

- Một bọn trọc đầu đông đảo tới đây để mong tìm được cái chén bát nào?

Thiền sư đến thăm thiền sư Minh Hóa. Minh Hóa hỏi:

- Đi đi tới tới hoài như thế để làm cái gì?

Thiền sư nói:

- Chỉ để cho mòn đôi giép cỏ.

Minh Hóa hỏi:

- Cuối cùng để làm gì?

Thiền sư nói:

- Ông già này chẳng biết thế nào là trò chuyện cả sao?

Thiền sư đi thăm thiền sư Phụng Lâm, nửa đường gặp một bà già. Bà hỏi:

- Thầy đi đâu?

Thiền sư: 'Tôi đi thăm Phụng Lâm.'

Bà nói: 'Lúc này Phụng Lâm không có nhà.'

Thiền sư: 'Thế Phụng Lâm đi đâu?'

Bà già bước đi. Thiền sư gọi: 'Này bà!' Bà quay đầu lại, thì bị thiền sư đánh.

https://thuviensach.vn

Thiền sư tới Phụng Lâm. Phụng Lâm hỏi:

- Tôi có chuyện muốn hỏi. Được không?

Thiền sư nói:

- Làm sao xẻ thịt gây vết thương?

Lâm:

- *Biển lặng trăng không bóng*
  Cá đớp vì tự mê.

Thiền sư:

- *Trăng biển đã không bóng*
  Cá lội làm sao mê?

Lâm:

- *Thấy gió biết sóng dậy*
  Nhìn nước biết buồm xuôi

Thiền sư:

- *Một vầng chiếu rọi non sông lĩnh*
  Cười lên một tiếng đất trời kinh

Lâm:

- *Muốn đem ba tấc soi trời đất*
  Đối cơ một cú nói lên xem

Thiền sư:

- *Gặp người kiếm khách nên trình kiếm*
  Chẳng phải người thơ chẳng tặng thơ

Nghe như thế, Phụng Lâm mới thôi. Thiền sư lúc ấy lại nói một bài kệ tụng:

Đạo lớn đại đồng

https://thuviensach.vn

Đừng ngó tây đông
Lửa đá không kịp
Chớp lòe chẳng thông.

(Sau này) Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- 'Lửa đá không kịp, chớp lòe chẳng thông', xưa nay các bậc thánh tăng lấy gì để giúp người?

Ngưỡng Sơn: 'Thầy nghĩ sao?'

Quy Sơn: 'Chỉ có ngôn thuyết, không có ý nghĩa gì thật.'

Ngưỡng Sơn nói: 'Không phải thế đâu!'

Quy Sơn: 'Vậy thì thầy hiểu thế nào?'

Ngưỡng Sơn nói:

- Chính thức, thì một cây kim không lọt vào được. Tư riêng thì xe ngựa đều có thể chạy qua.

Thiền sư đến thăm thiền sư Kim Ngưu. Trông thấy thiền sư, Kim Ngưu đưa ngang cây gậy ngồi xổm chận đường vào cửa. Thiền sư lấy gậy đập xuống ba cái và đi vào trong pháp đường, ngồi vào ghế thứ nhất. Kim Ngưu vào thấy thế hỏi:

- Thói thường thì khi chủ khách gặp nhau, mỗi người đều thực tập uy nghi. Thượng tọa từ đâu tới mà hành xử vô lễ như thế?

Thiền sư nói:

- Hòa thượng đang nói cái gì thế?

Kim Ngưu sắp mở miệng thì bị thiền sư đánh một cái. Kim Ngưu giả bộ ngả xuống. Thiền sư lại đánh thêm một cái nữa. Ngưu nói:

- Hôm nay tôi không gặp may.

Sau này Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn:

- Trong hai vị tôn túc ấy có ai thắng ai bại không?

https://thuviensach.vn

Ngưỡng Sơn nói:

- Thắng thì thắng hết, bại thì bại hết.

Lúc sắp thoát hóa, thiền sư ngồi trên đơn và nói:

- Sau khi tôi chết, đừng để cho chánh pháp nhãn tạng của tôi bị tiêu diệt, nghe không.

Thầy Tam Thánh bước ra thưa:

- Chúng con sẽ không dám làm cho chánh pháp nhãn tạng của thầy tiêu diệt đâu.

Thiền sư hỏi:

- Thế thì sau này có người đến hỏi thầy, thầy sẽ trả lời người ấy làm sao?

Tam Thánh liền hét.

Thiền sư nói:

- Có ai ngờ rằng chính con lừa mù này sẽ làm cho chánh pháp nhãn tạng của tôi bị tiêu diệt hay không?

Nói xong, ngồi đoan nghiêm mà thị tịch.

Thiền sư tên húy là Nghĩa Huyền, họ Hình, người Nam Hoa thuộc quận Tào Châu. Hồi còn nhỏ đã thông minh khác thường. Lớn lên nổi tiếng là có hiếu. Sau khi xuất gia rồi thọ Giới Lớn, được cư trú tại học viện, có dịp học hỏi và nghiên cứu giới luật, và bác lãm về Kinh Luận. Nhưng một hôm sư than thở: 'Tất cả những thứ này đều là phương thuốc độ đời, không phải là tinh hoa được truyền lại từ ngoài kinh và giáo (giáo ngoại biệt truyền). Liền khoác áo du phương, ban đầu tới học với thiền sư Hoàng Bích. Sau đó lại đi yết kiến thiền sư Đại Ngu. Những cơ duyên và ngữ cú này đều có ghi chép ở phần hành lục. Sau khi được thiền sư Hoàng Bích ấn chứng, thiền sư liền tìm lên Hà Bắc, cư ngụ tại vùng Đông Nam thành Trấn Châu, tiếp cận bờ sông Hô Đà, trụ trì tại một thiền viện nhỏ. Tên Lâm Tế là do cuộc đất mà được đặt

https://thuviensach.vn

ra. Lúc bấy giờ thiền sư Phổ Hóa đã có mặt ở đấy rồi, khùng khùng điên điên trong nhân gian, là thánh hay phàm chẳng ai biết được. Thiền sư tới đó thì trước hết phụ tá cho Phổ Hóa. Khi sự nghiệp hóa độ của thiền sư bắt đầu hưng thịnh thì Phổ Hóa thoát hóa toàn thân, rất phù hợp với lời tiên đoán của thiền sư Ngưỡng Sơn về sự xuất hiện của một 'Tiểu Thích Ca.' Gặp thời chiến tranh, thiền sư liền bỏ nơi ấy ra đi. Quan Thái Úy Mạc Quân Hòa biến ngôi nhà trong thành của mình thành ra một ngôi chùa cũng lấy tên là chùa Lâm Tế và mời thiền sư đến cư trú ở đấy.

Sau đó thiền sư phất áo đi về phương Nam tới phủ Hà Bắc. Quan Thường Thị họ Vương là phủ chủ đã tôn kính tiếp mời thiền sư như một vị đạo sư của mình.

Ở đấy không lâu, thiền sư về chùa Hưng Hóa ở phủ Đại Danh và ở tại tăng đường phía Đông. Một hôm, không bệnh tật gì, thiền sư vén áo ngồi yên, nói chuyện với đệ tử là Tam Thánh vài câu, rồi im lặng qua đời. Đó là ngày mồng mười tháng giêng năm Đinh Hợi, niên hiệu Hàm Thông thứ tám đời Đường. Môn đồ đem toàn thân thiền sư nhập tháp ở phía Tây Bắc phủ Đại Danh. Vua sắc ban cho thiền sư tên thụy là Tuệ Chiếu Thiền Sư, tháp hiệu là Trừng Linh.

Nay chắp tay cúi đầu ghi lại đại lược.

Tiểu sư nối dòng pháp là Bảo Thọ ở Trấn Châu hiệu là Diên Chiểu kính ghi chép.

https://thuviensach.vn

Tinh yếu Lâm Tế Lục

Trong Lâm Tế Lục, Tổ có nói rằng mục đích của Tổ là đánh phá, trị bệnh và cởi trói. Như vậy thì mục đích của Tổ không phải là đưa ra những tư tưởng uyên áo để chúng ta học hỏi, đàm luận và mắc kẹt vào đấy. Vì vậy nếu ta học Lâm Tế Lục với mục đích tìm cầu những tư tưởng uyên áo để đàm luận và để mắc kẹt vào chúng là ta đã đi ngược với ý của Tổ. Những giáo lý và những phương tiện thi thiết của người xưa (người xưa ở đây là Bụt và Tổ) sẽ trở thành những cái bẫy sập giam hãm ta, vì vậy ta hãy cẩn thận, hãy nhớ tất cả những thi thiết ấy, dù là tam thân, thập địa, thế giới hoa tạng hay tịnh độ..., trước hết đều là những giả danh (Tổ gọi là danh từ suông, văn cú, chữ nghĩa). Nếu ta mắc kẹt vào những thi thiết ấy, cho chúng là những thực tại khách quan có mặt ngoài ta, là ta đã bị sa vào bẫy sập.

Ta không nên đi tìm cầu Bụt, Tổ, Bồ Tát, tam thân, thập địa, thế giới hoa tạng, lầu các của Di Lặc ngoài ta. Ta phải chấm dứt mọi tìm cầu. Phải ngưng sự tìm cầu ngay và hãy trở về bản thân trong giây phút hiện tại. Bản thân trong giây phút hiện tại chứa đựng tất cả những gì ta muốn tìm cầu: pháp thân, bát nhã, giải thoát, Bụt, Tổ và các cõi nước trang nghiêm. Bản thân ở đây không hẳn là năm uẩn, vì năm uẩn vô thường có đó không đó. Nhưng bản thân cũng không phải là một cái gì có thể nhận thức ngoài năm uẩn, bởi vì nhờ có năm uẩn nương nhau mà ta nhận diện được bản thân ấy vốn là con người thật của chính ta. Con người thật ấy là chân tâm sáng chói có diệu dụng nhận diện và tiếp xúc với mọi mầu nhiệm của sự sống: Tổ gọi đó là cái tinh minh sáng rỡ biểu hiện thành sáu đạo thần quang: khả năng thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và tư duy. Năm uẩn là vô thường nhưng bản tâm biểu hiện nhờ năm uẩn là con người thật của ta thì không sinh, không diệt, không có, không không, vượt thoát mọi khái niệm. Đó là con người thật không có vị trí (nghĩa là không thể được đồng nhất với một uẩn trong năm uẩn hoặc cả năm uẩn). Con người thật đó là Bụt. Bụt không phải là một thực thể có ngoài con người thật đó. Bụt và chúng sinh không phải là hai thực thể riêng biệt (Phật sinh vô nhị). Nếu không thấy được điều này, nếu không có đức tin vững

https://thuviensach.vn

chãi nơi sự thật này, thì không bao giờ chấm dứt được sự tìm cầu, phóng thể, vẫn không dừng lại được để làm một con người vô sự, vẫn còn có khuynh hướng chán phàm yêu thánh, vẫn chưa có được hạnh phúc và an vui thật sự.

Người nào có khả năng vận dụng được cái tâm sáng chói và sáu đạo thần quang kia thì có thể ngay tại đây trong giờ phút này tiếp xúc được với thế giới hoa tạng, với tam thân, với hằng sa Bụt và Bồ tát, có thể ứng thân hiện vật, độ đời, giúp người, và thấy rằng tất cả những cảnh giới này cũng đều là những hình ảnh phản chiếu (quang ảnh) của cái tâm sáng chói và mầu nhiệm kia.

Mẫu người lý tưởng trong đạo Bụt nguyên thỉ là vị La hán, mẫu người lý tưởng trong đạo Bụt đại thừa là vị Bồ tát, còn mẫu người lý tưởng trong thiền Lâm Tế là con người vô sự. Con người vô sự là con người không chạy theo nắm bắt bất cứ một cái gì nữa cả, dù đó là Bụt, là Tổ, là Niết bàn, là Tam thân, là Tịnh độ. Con người vô sự là người đã dừng lại, không còn dính mắc vào một lý thuyết, một giáo pháp, một đường lối nào nữa hết. Con người vô sự có tự do, có khả năng sống hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại, không bị bất cứ một cái gì có thể kéo đi, kể cả lý tưởng độ sinh, cứu đời. Bởi vì lý tưởng độ sinh cứu đời cũng có thể bắt mình chạy đi tìm cầu, bỏ mất giây phút hiện tại, bỏ mất cái tâm sáng chói và sáu đạo thần quang đang có mặt, vốn là nguồn gốc của tất cả chư Bụt và các Phật độ.

Bụt không phải là đối tượng tìm cầu của ta, đừng lấy Bụt làm mục tiêu lý tưởng của mình, đừng cho Bụt là một thực thể tồn tại ngoài ta. Hình ảnh của ta xây dựng trong đầu về Bụt không phải là Bụt. Bụt ấy có sinh, có trú, có hoại, có diệt, Bụt ấy không đáng là hình ảnh lý tưởng mà ta chạy theo. Bụt ấy là một bóng Ma, gọi là Ma Bụt, có thể hớp hồn ta, vì vậy gặp Ma Bụt ta phải chém đầu liền, gặp Ma Tổ cũng vậy, ta cũng phải chém đầu. Ta phải chém đầu tất cả các loài Ma, bởi vì tất cả những tạo dựng của trí óc, tất cả những thi thiết của cổ nhân chỉ có giá trị của thuốc hay trị bệnh, nếu ta xem những cái đó là những thực tại có thật biệt lập ngoài ta, không phải là những phương tiện chữa trị các căn bệnh si mê, tham ái, sân hận và tìm cầu của ta thì

https://thuviensach.vn

chúng trở thành chướng ngại, trở thành bẫy sập, vì vậy ta phải chặt đầu chúng mỗi khi chúng xuất hiện.

Con người thật, con người vô sự không bao giờ bị cảnh vật lôi kéo, vì vậy luôn luôn giữ được tự do. Cảnh giới Ma không lôi kéo mình được đã đành, cảnh giới Bụt cũng không lôi kéo mình được. Tại vì mình đã thấy rằng Ma và Bụt tương tức, Ma và Bụt bất nhị, đó là bệnh và thuốc có mặt một lần để trị nhau, để nương nhau. Con người vô sự vì thế thấy Ma cũng mỉm cười và thấy Bụt cũng mỉm cười. Con người vô sự có thể đánh dẹp được cả Ma và cả Bụt.

Tổ khuyên mọi người đừng ỷ lại vào kẻ khác, dù họ tự gọi là Bụt, là Tổ, là đại thiền sư, là thánh tăng, đừng đi tìm kiến giải nơi từ chương, nơi kinh điển, nơi văn cú, đừng kẹt vào các danh từ, đừng hy vọng tìm giải thoát và trí tuệ nơi sự học hỏi và nghiên tầm kinh điển. Tìm giải thoát và giác ngộ nơi sự nghiên tầm kinh điển cũng như hy vọng tìm được những giọt nước mát trong một bộ xương khô. Giáo điển chỉ là những bộ xương khô. Phải trở về giây phút hiện tại, vận dụng cái tâm sáng chói đang có mặt ngay tại đây thì mới có thể tiếp xúc được với giải thoát và giác ngộ, tiếp xúc được với Bụt và Tổ đang là những thực thể sống động nơi giây phút này.

Người tu đạo không cần phải dụng công mệt nhọc. Đừng đày đọa thân thể và tâm trí bằng cách chạy đi tìm cầu. Trong tinh thần vô đắc mình phải thấy rằng mình đã là cái mình đang tìm cầu rồi, cũng như đợt sóng tự biết mình là nước, có thể ngưng ngay lại sự bôn ba đi tìm nước. Phương pháp thực tập là dừng lại, bởi vì giây phút hiện tại nào cũng là giây phút trở về ngôi nhà đích thực của chính mình, từ bước chân, hơi thở cho đến hành động ăn cơm, mặc áo, uống nước, đi cầu. Không cần đi đâu hết, không cần làm gì nữa. Cái mà mình đi tìm đã có sẵn ngay ở đây. Vì vậy mình có thể thực sự là một người vô sự. Nếu mình tiếp tục đày đọa thân tâm vì sự thực tập, vì sự tìm cầu, vì sự nghiên cứu, vì sự dụng công khổ nhọc của mình thì mình đi ngược với con người của Tổ và của Bụt, và mình cách xa với Tổ và Bụt như trời xa cách đất.

https://thuviensach.vn

Con người vô sự là con người tự do, ở đâu cũng làm chủ được mình. Nếu mình có được cái thấy chân thật (kiến giải chân chính) thì mình không còn bị kẹt vào những tướng sinh, trú, dị, diệt của vạn pháp, kể cả những tướng sinh, trú, dị, diệt của Bụt Thích Ca, và vì vậy mình cũng không bị kẹt vào hóa thân Bụt. Dù sự vật quanh mình và chính bản thân năm uẩn của mình có đang đi ngang qua những tướng sinh, trú, dị, diệt ấy mình cũng không trở thành nạn nhân của sự buồn vui hay thương ghét. Mình không bị cảnh đoạt. Mình luôn luôn đứng vào vị trí chủ động, đứng vững trong chánh kiến của mình và không trở nên nạn nhân của hoàn cảnh, của kẻ khác, không than phiền rằng hoàn cảnh như thế đó, người ta như thế đó cho nên tôi đã phải như thế này. Mình chuyển được hoàn cảnh mà hoàn cảnh không thể chuyển được mình. Mình luôn luôn là con người thật của mình trong bốn động tác đi, đứng, nằm, ngồi, mình không cần phải đóng kịch, dù là đóng vai giải thoát, đóng vai giác ngộ, đóng vai đại thiền sư. Cái này gọi là 'tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân'. Con người thật có nghĩa như thế.

Vì mình có khả năng sống với con người thật của mình cho nên mình không cần phải làm dáng làm điệu. Mình đâu có cần phải chứng tỏ mình là giải thoát, là giác ngộ. Mình có thể sống một cuộc sống bình thường, mình chỉ cần làm một con người bình thường. Con người bình thường này là con người vô sự, có giá trị cao hơn cả những vị Bồ tát tự xưng là đang đi trên con đường viên đốn, đang đi ngang qua mười địa, đang đi vào tịnh độ, tại vì các vị này vẫn còn mang theo tâm niệm yêu thánh, ghét phàm, vẫn còn cái nhìn nhị nguyên, vẫn còn đi tìm cầu, chưa dừng lại được. Con người vô sự mới đích thực là con người đáng được chư thiên ca tụng, được địa thần nâng gót, được chư Bụt muôn phương xưng tán. Tại vì con người vô sự là con người hoàn toàn tự do, vô tướng, không làm dáng làm điệu, không cần để lại vết tích gì.

Con người vô sự này chính là Bụt, là Tổ đích thực. Ngay trong giờ phút này, con người (vô sự) ấy đang ở trên quê hương của mình, không cần đi tìm cầu gì nữa. Ngay trong giờ phút này, con người ấy có thể ứng thân hiện vật, thể hiện thần thông, tiếp xúc với chư Bụt

https://thuviensach.vn

mười phương, rong chơi nơi mọi cõi nước, và dù năm uẩn của mình vẫn còn là năm uẩn có sinh có diệt, người ấy vẫn có thể ngay trong giờ phút hiện tại, biểu diễn được phép thần thông là đi an lạc ngay trên mặt đất (địa hành thần thông). Người ấy không cần đi đâu hết, không cần phải ra khỏi tam giới. Tam giới đối với người ấy chỉ là quang ảnh. Người ấy có tự do cho nên người ấy thảnh thơi ngay tại nơi này, những yếu tố của tam giới là dục, sắc và vô sắc không động được người ấy.

Tổ Lâm Tế rất có ý thức là những lời nói của Tổ chỉ là những phương tiện đánh phá, cởi trói và trị bịnh nên Tổ không muốn chúng ta xem những lời nói ấy là khuôn vàng thước ngọc để học hỏi và tôn thờ. Tổ dạy rằng những lời Tổ nói chỉ là những bức vẽ được thực hiện trong hư không, chúng ta đừng bị kẹt vào chúng. Tổ dạy: Để độ đời, có khi ta phải mặc đủ thứ áo: áo thanh tịnh, áo giải thoát, áo giới luật, áo vô phân biệt... Thấy những chiếc áo ấy người ta phát sinh kiến giải rồi bị mắc kẹt vào những kiến giải ấy. Vì vậy có khi ta phải cởi hết áo ra, để cho người ta thấy được con người. Con người có thể mặc áo. Nhưng con người không phải là áo. Chỉ khi nào thấy được con người, ta mới tiếp xúc được với con người, và với con người trong ta, và chỉ lúc ấy ta mới buông bỏ được tất cả những gông cùm mình từng mang lấy xưa nay, những gông cùm do cổ nhân (Bụt, Tổ) thi thiết và đem tới. Thấy được con người thật, họ mới đạt được quả vị vô sự.

Không nên đi tìm Văn Thù trên Ngũ Đài Sơn, không nên đi tìm Quan Âm ngoài biển Nam Hải, không nên đi tìm Phổ Hiền ở Nga Mi Sơn. Các vị làm gì có mặt trên đó. Các vị đang có mặt tại đây, trong giờ phút này trước mặt chúng ta, trong tâm chúng ta. Phải tiếp xúc với các vị ngay trong giờ phút này. Nếu thất bại thì sẽ thất bại mãi mãi trong tương lai, tại vì Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm không có trong tương lai và không thể tiếp xúc được trong tương lai. Ta là kẻ đại trượng phu, tại sao ta phải đi tìm Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm ngoài ta. Ta chính là Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm ngay tại đây, trong giây phút hiện tại.

https://thuviensach.vn

Từ bỏ sự tìm kiếm bên ngoài không phải là để bắt đầu một sự tìm kiếm bên trong. Cái mà ta tìm cầu bên ngoài đã không có thì bên trong làm gì có! Trong và ngoài chỉ là hai ý niệm. Động cũng không phải là nó mà Tĩnh cũng không phải là nó. Đừng tưởng Tĩnh là cửa ngỏ và bức màn vén cho ta thấy sự thật. Sự thật vượt ra ngoài động và tĩnh, vượt ra khỏi trong và ngoài. Công án cũng như mặc chiếu đều là sự tìm cầu, không thể đưa ta tới trạng thái vô sự.

Để độ người, ta có thể hoặc đoạt cảnh, hoặc đoạt nhân, hoặc đoạt cả cảnh và nhân, hoặc không cần đoạt cái gì hết. Đoạt cảnh là giúp cho người ta chấm dứt sự tìm cầu bên ngoài. Con chó có Phật tính không, đại ý của Phật pháp là gì, chủ ý của Tổ Đạt Ma là gì? Tất cả những cái ấy đều là bẫy sập. Tìm hiểu tất cả những cái đó không có ích lợi gì cho sự thực hiện tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân cả. Phải đoạt tất cả những cảnh đó. Nếu cần thì đánh. Nết cần thì hét. Nhưng học nhân có thể trở về và mắc kẹt vào chủ thể nhận thức, nghĩ rằng mình đã thoát được đối tượng nhận thức. Nhưng chủ thể làm gì có, nếu đối tượng không có? Cho nên đoạt cảnh xong cũng phải đoạt người. Đoạt cảnh mà giúp người ta đừng kẹt vào người thì hay rồi, nhưng nếu người ấy còn kẹt vào nội hướng, vào chủ thể thì phải đoạt luôn. Có khi đoạt người có thể giúp kẻ kia thoát luôn cả cảnh cùng một lúc. Đó là những phương tiện đánh phá, cởi trói, trị bệnh, có gì là thần kỳ bí hiểm?

Kiến giải chân chính không phải là kết quả của công phu nghiên tầm học hỏi. Kiến giải chân chính là cái thấy sâu sắc về tính không sinh không diệt, không người không ta, không có không không của vạn pháp. Thấy được là thấy ngay, không thấy được thì có nói qua nói lại nhiều lần cũng vô ích. Cho nên đệ nhất cú, câu khai thị đầu, là cơ hội duy nhất. Đánh mất cơ hội này thì đánh mất hết. Đệ nhị cú là sự vớt vát. Đệ nhị cú chỉ là sự an ủi. Đệ tam cú là sự thất bại hoàn toàn. Tứ liệu giản không có gì bí hiểm thì tam huyền, tam yếu cũng như tiếng hét và cây gậy, cũng không có gì là bí hiểm. Trong quá trình học hỏi và tu chứng, công phu tham vấn được dựa trên nguyên tắc chủ và khách. Chủ đáng lý là phải độ được khách. Chủ là người thiện tri thức và khách là người đến tham vấn. Có khi khách giúp được chủ. Có khi

https://thuviensach.vn

khách giúp được khách. Có khi chủ giúp được khách. Có khi chủ giúp được chủ. Có khi chủ và khách đều giúp được nhau. Có khi chủ và khách làm hại cho nhau. Đó là những trường hợp ta có thể nhận diện nếu ta có được trực giác của chánh kiến. Cũng không có gì là bí hiểm trong tứ tân chủ.

Tuệ giác không phải là kiến thức khái niệm. Tuệ giác có khả năng mang tới sống động và tự do trong giây phút hiện tại. Kiến thức không làm được việc ấy. Vì vậy cho nên không hiểu thì bị đòn đã đành mà hiểu cũng bị đòn như thường, nếu 'hiểu' chỉ là kiến thức suông mà không phải tuệ giác. Nếu thấy được điều này, ta có thể cảm thông được với những gì đang xảy ra trong các cuộc đối diện: Ta không nên cố tìm trong các mẫu đối thoại và hành xử (khám biện) ấy những tư tưởng đặc thù hoặc những ý chỉ sâu sắc. Những gì ta thấy đang xảy ra giữa các đương sự là cơ hội của họ. Nếu đứng ngoài mà quán sát ta sẽ không thấy được gì. Nếu ta bước vào trong, đem hết sự sống của ta ra tham dự thì ta có thể có một cơ hội để tuệ giác bừng mở. Nếu bước vào trong mà ta không cảm được một cái gì hết, thì có nghĩa là trường hợp đó không phải là trường hợp của ta, thế thôi. Cũng như khi ta đứng ngắm một bức tranh siêu thực, ta đừng cố tìm hiểu nghĩa lý. Ta đừng nói là 'ta không hiểu'. Hiểu hay không hiểu ta cũng lãnh ba mươi gậy như thường. Tổ không có ý muốn khuyên ta chấm dứt sự học hỏi và thực tập giới, định và tuệ. Tổ chỉ muốn ta đừng mắc kẹt vào sự học hỏi và thực tập mà thôi. Học hỏi để trở thành học giả, tam tạng pháp sư, thuyết giảng thao thao bất tuyệt, Tổ không cần cái đó. Cái đó Tổ gọi là nghiệp địa ngục. Bản chất của nó là sự tìm cầu, không hẳn là sự tìm giải thoát mà là sự tìm cầu danh lợi. Ta cần học hỏi, ta cần hành trì, nhưng sự học hỏi và hành trì ấy phải có tác dụng giúp ta trở thành con người vô sự, con người giải thoát. Bằng không, những học hỏi và những thực tập đó chỉ là gông cùm.

Con người vô sự là con người tùy xứ tác chủ nên không phải là con người thụ động. Trái lại, người ấy luôn luôn đứng về phía chủ động. Ta không thể nào nói rằng: nếu người tu đạo không theo đuổi một chí hướng, không thao thức thực hiện một lý tưởng, không có mục đích theo đuổi, thì ai sẽ là người tế độ chúng sinh, cứu vớt những loài

https://thuviensach.vn

đang chìm đắm trong biển khổ? Bụt là một người vô sự, không tìm kiếm một cái gì. Nhưng Bụt là một người hoạt động độ sinh không ngừng nghỉ. Con người vô sự tuy rất tích cực trong việc giúp đời độ người, nhưng không bao giờ bị kéo theo hoàn cảnh và công việc, không bao giờ đánh mất mình trong mong cầu, trong dự án, trong công việc. Con người vô sự luôn luôn còn là mình, còn tự do, không bao giờ bị 'burn out' (hết xí quách), cho nên con người vô sự còn mãi thong dong. Tổ khuyên chúng ta: đừng chạy theo danh lợi, đừng chạy theo sự nghiệp, đừng bỏ thì giờ mua vui, đừng ham xây cất chùa lớn, đừng vận động làm tăng thống, đừng cố thi đậu bằng tiến sĩ, đừng mong cầu chức vụ đại thiền sư. Chỉ cần mỗi ngày một bát cơm, một manh áo, một chiếc giường nhỏ. Để thì giờ để sống thật với mình, để trở thành một con người vô sự, giải thoát thật sự. Tất cả những công phu học hỏi và tu tập đều phải giúp cho mình trở nên thong dong, đem lại hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại. Nếu không làm được như vậy, thì tất cả đều chỉ là gông cùm. Con người thật của ta, vô vị chân nhân, cũng như con người thật của Bụt, đang có mặt đích thật trong giờ phút hiện tại. Hãy trở về vận dụng cái tâm sáng chói với sáu đạo thần quang để nhận diện nó. Nó không phải là sáu trần đang mang tính thành, trú, hoại, không. Nó không phải là một vật, vì vậy gọi nó là một vật thì không đúng. Nhưng nó đang có mặt kia, và ta chỉ cần nhận diện nó.

https://thuviensach.vn

Phần Bình Giảng

Dạy Chúng

Thiền Sư dạy: Thời bây giờ, người học Phật cần phải có chánh kiến. Có chánh kiến rồi thì sanh tử không còn động được tới mình nữa, lúc ấy ở và đi đều tự do, không cần đi tìm cái siêu việt mà cái siêu việt tự tìm tới mình.

Nguyên văn là kiến giải chân chính, ở đây dịch là chánh kiến. Cái siêu việt tức là cái không sinh không diệt, không tới không đi, là đại trí đại bi.

Này các bạn tu (đạo lưu), các vị cổ đức ngày xưa vị nào cũng đều có hiến tặng con đường thoát cho người, còn chỗ chỉ dạy của ông thầy tu núi này chỉ là khuyên các vị đừng có để cho người ta làm mê hoặc. Sử dụng được lời khuyên này thì hãy sử dụng liền, đừng có chần chừ nghi hoặc. Người tu học thời nay nếu không thành đạt được, đó là vì sao? Đó là vì họ không có đức tự tin. Bởi vì quý vị không đủ đức tự tin cho nên quý vị cứ bận rộn (gấp gáp) chạy theo hàng vạn thứ hoàn cảnh bên ngoài rồi bị các hoàn cảnh ấy xoay chuyển làm mất hết tự do. Nếu quý vị ngừng được những tư tưởng chạy đuổi tìm cầu ấy lại thì quý vị sẽ thấy giữa quý vị và Tổ Phật không có gì khác nhau. Quý vị có muốn biết Tổ Phật là ai không? Tổ Phật chính là quý vị đang đứng trước mặt tôi mà nghe pháp đấy.

Các bạn tu được dịch từ chữ đạo lưu. Đạo là con đường, lưu là chảy. Hình ảnh của một dòng sông đang chảy, nghĩa là những thành phần cùng đi chung một hướng, cho nên đạo lưu dịch là các bạn tu thì phù hợp hơn. Này các bạn tu (đạo lưu), các vị cổ đức ngày xưa vị nào cũng đều hiến tặng con đường thoát cho người. Con đường thoát là những pháp môn, phương tiện. Còn chỗ chỉ dạy của ông thầy tu núi này... Ngài tự xưng là sơn tăng (ông thầy tu núi). Những đoạn sau, chữ sơn tăng được dịch là tôi cho dễ hiểu. Còn chỗ chỉ dạy của ông thầy tu núi này chỉ là khuyên các vị đừng có để cho người ta làm mê

https://thuviensach.vn

hoặc. Câu này rất quan trọng. Người ta làm mê hoặc mình bằng cách gì? Bằng các lý thuyết cao siêu, bằng những điều hấp dẫn..., và mình bị cuốn theo rồi tự đánh mất mình. Cho nên tất cả những gì mình học, mình nghe, mình tìm hiểu phải có tác dụng đưa mình trở về với mình và làm lớn lên khả năng tự do, hạnh phúc, vững chãi và thảnh thơi nơi mình thì mới được. Thiền sư Lâm Tế là một vị thầy không phải như những vị thầy khác, đây là một vị thầy dám nói thật.

Trong Lâm Tế Lục, thiền sư Lâm Tế có nói tới các vị thiền sư khác như những nàng dâu mới về nhà chồng. Sợ bà mẹ chồng không cho ăn cơm, sợ bị đuổi ra khỏi nhà, sợ đói lạnh..., nên không dám nói ra sự thật. Đi tu làm thiền sư hoặc làm trú trì cũng giống như đi làm dâu của mọi người. Bổn đạo nói gì thì mình phải làm theo, nếu không bổn đạo đóng cửa chùa và đuổi mình ra không cho ở tu nữa. Thiền sư con dâu là hình ảnh mà thiền sư Lâm Tế đã dùng để gọi những vị thiền sư, những ông thầy, những sư cô đã làm dâu cho bổn đạo. Đó là tình trạng xã hội trong thời đại của thiền sư Lâm Tế. Thấy như vậy, thiền sư Lâm Tế không chấp nhận được và đã có can đảm nói lên sư thật, vì thiền sư chỉ muốn làm một con người thật (chân nhân).

Này các bạn tu (đạo lưu), các vị cổ đức ngày xưa vị nào cũng đều có hiến tặng con đường thoát cho người, còn chỗ chỉ dạy của ông thầy tu núi này chỉ là khuyên các vị đừng có để cho người ta làm mê hoặc. Sử dụng được lời khuyên này thì hãy sử dụng liền, đừng có chần chừ nghi hoặc.

Đã nghe và biết rồi, nhưng mình vẫn còn yếu đuối chần chừ: 'Thôi để mai mốt sắp đặt xong, tôi sẽ có tự do.' Nhưng không bao giờ mình có tự do. Nếu quý vị có những người quen trong giới xuất gia, quý vị cũng đã biết những thầy cô đó cũng muốn thoát ra cảnh làm dâu cho bổn đạo, nhưng năm năm, mười năm, mười lăm năm và hai mươi năm đã trôi qua mà họ chưa bao giờ thoát ra được. Cho nên thiền sư Lâm Tế mới nói: sử dụng được lời khuyên này thì hãy sử dụng liền, đừng có chần chừ nghi hoặc. Chuyện đã xảy ra vào thế kỷ thứ chín, thứ mười, bây giờ cũng còn tiếp diễn trong xã hội thời nay của chúng ta.

https://thuviensach.vn

Người tu học thời nay nếu không thành đạt được, đó là vì sao? Đó là vì họ không có đức tự tin. Bởi vì quý vị không đủ đức tự tin cho nên quý vị cứ bận rộn (gấp gáp) chạy theo hàng vạn thứ hoàn cảnh bên ngoài rồi bị các hoàn cảnh ấy xoay chuyển làm mất hết tự do. Nếu quý vị ngừng được những tư tưởng chạy đuổi tìm cầu ấy lại thì quý vị sẽ thấy giữa quý vị và Tổ Phật không có gì khác nhau. Quý vị có muốn biết Tổ Phật là ai không? Tổ Phật chính là quý vị đang đứng trước mặt tôi mà nghe pháp đấy.

Ngay trong đoạn này, thiền sư Lâm Tế khuyên chúng ta trở về nơi chính mình và phải có đức tự tin nơi mình, đừng mặc cảm mình không là gì cả mà chỉ là đau khổ. Nếu áp dụng được thái độ tự tin này thì áp dụng liền. Theo ngôn từ của Làng Mai là trong mỗi chúng ta đều có hạt giống của hạnh phúc, của giác ngộ, của bất sinh bất diệt, và sự học hỏi của chúng ta là làm cho chúng được tưới tẩm và lớn lên. Những điều chúng ta đi tìm không phải ở trong kinh điển hay trong một vị thiền sư. Kinh điển và thiền sư chỉ có khả năng giúp tưới tẩm những hạt giống đã sẵn có trong ta. Không có niềm tin, ta không thể nào tu được. Nếu có mặc cảm là mình không có giá trị, mình chỉ là con số không, thì mình thấy phải đi tìm kiếm bên ngoài. Đó là thái độ sai lầm căn bản. Cái ý này được lặp đi lặp lại trong Lâm Tế Lục bằng nhiều cách.

Khi học Lâm Tế Lục, ta hình dung ra được một ông thầy đang đứng trước mặt hét lên rằng: 'Đừng hy vọng! Đừng tìm tới tôi làm gì, đừng tìm kiếm bên ngoài. Những hạt giống hạnh phúc, giác ngộ, vững chãi, thảnh thơi đều sẵn có trong quý vị. Tất cả những gì quý vị làm trong đời sống hằng ngày như nghe pháp, tụng kinh hay pháp đàm là để giúp cho quý vị trở về với chính mình, tưới tẩm và làm lớn lên những hạt giống tốt sẵn có trong quý vị. Nếu quý vị cứ đi tìm cầu trong kinh sách, trong thầy, trong bạn..., những điều quý vị cho là mình không có là quý vị đã sai lầm. Quý vị không có đức tự tin, mà không có đức tự tin ở nơi mình thì không thể nào tu được.'

Quý vị có muốn biết Tổ Phật là ai không? Tổ Phật chính là quý vị đang đứng trước mặt tôi mà nghe pháp đấy.

https://thuviensach.vn

Câu nói này rất cách mạng. Ta phải tìm cho ra con người thật của ta. Con người thật của ta là Tổ, là Phật, đang nằm ngay ở trong ta chứ không phải ở đâu xa. Cái thấy của thiền sư Lâm Tế rất khoa học. Hằng hà sa số chư Bụt và tất cả những quốc độ được nói tới ở trong kinh là những sản phẩm của tâm thức, ta không nên đi tìm trong không gian và thời gian mà chỉ nên đi tìm ở trong tâm thức của ta mà thôi. Khi học kinh, học luận hay nghe pháp, ta phải có tự do để đừng bị kéo theo hay bị hấp dẫn bởi những hình ảnh người khác đưa ra. Nếu không, ta sẽ tự đánh mất mình. Quý vị có biết Bụt Tổ là ai không? Bụt Tổ chính là những người đang ngồi nghe pháp đó, chứ không phải Bụt Tổ nằm trong quá khứ, không phải Bụt Tổ nằm trong tương lai, cũng không phải Bụt Tổ nằm ở phương trời nào khác; Bụt Tổ ở ngay trong giây phút hiện tại, bây giờ và ở đây.

Trong khi lễ lạy, ta phải lễ lạy như thế nào để đừng trở thành con số không, để càng ngày càng có đức tin ở nơi khả năng sống an lạc, hạnh phúc và thảnh thơi của ta. Nếu không, ta trở thành vọng ngoại. Ta nghĩ chỉ có Bụt và Tổ là những người có hạnh phúc và tự do, còn ta thì không có gì cả. Ta chỉ cần đi kiếm chác chút đỉnh bố thí của Bụt, của Tổ để có một chút xíu vững chãi, tự do và may mắn để sống cho qua được cuộc đời của mình. Đó là thái độ không xứng đáng của người xuất gia. Lạy Bụt như thế nào để thấy người lạy (năng lễ) và người được lạy (sở lễ) là một. Lạy Bụt như thế nào để niềm tin nơi khả năng giác ngộ, khả năng hạnh phúc của mình càng ngày càng lớn. Đó là lời khuyên của thiền sư Lâm Tế.

Kẻ tu hành mà không có đủ đức tự tin thì cứ hướng ra ngoài mà rong ruổi tìm cầu. Dù mà tìm được một cái gì thì cái ấy cũng chỉ là những hình thái đẹp đẽ của văn tự mà không phải là cái năng lượng tuệ giác sống động của Tổ sư. Chư vị thiền đức ơi, đừng có lầm! Trong giây phút hiện tại này mà quý vị không gặp gỡ được Tổ Bụt thì trong ngàn vạn kiếp sau quý vị sẽ phải luân hồi trong ba cõi, cứ tiếp tục chạy theo để nắm bắt những cảnh huống dễ chịu để rồi sẽ liên tiếp sinh vào trong bụng trâu lừa.

https://thuviensach.vn

Những hình thái đẹp đẽ của văn tự, là những hình ảnh do văn tự tạo ra. Văn tự cho ta biết rằng Bụt có ba mươi hai tướng chính và tám mươi tướng phụ rất đẹp. Ta nghĩ Bụt là như vậy và ta đi tìm Bụt theo hình tướng ấy, và chúng trở thành những cái ta đi tìm cầu. Ta không biết rằng chúng chỉ là những cái vẽ vời của tâm ý. Kỳ thực, chúng cũng có thực chất, và thực chất ấy có thể được tìm thấy trong bản thân của chúng ta.

Cơ Đốc giáo vẽ ra hình ảnh của một thiên đường, nơi đó có Thượng Đế đang ngồi với hình thái của một người đàn ông có râu dài. Người đàn ông đó là cha của tất cả mọi loài. Ta gọi người đàn ông đó là God. Father Almighty tức là Thượng Đế toàn năng, hoặc người cha toàn năng. Nếu ai tin vào Thượng Đế, thì sau khi chết, người đó sẽ được về cõi Chúa và được ngồi dưới chân của Ngài. Đó là những hình ảnh đẹp đẽ của văn tự. Nếu chúng ta đi tìm Thượng Đế dưới dạng những hình ảnh đẹp đẽ đó thì chúng ta có thể lầm. Niềm tin đó có phải là ngây thơ không? Có bao nhiêu người được ngồi dưới chân Ngài? Nếu được lên thiên đường, không biết có còn chỗ để cho mình ngồi dưới chân Ngài hay không? Tất cả những điều ấy là những hình thái đẹp đẽ của văn tự.

Cũng như vậy, chúng ta hình dung ra đức Thế Tôn với hào quang sáng chói, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tướng phụ và hàng vạn Báo thân, Hóa thân và ứng thân, và có không biết bao nhiêu vị Bồ-tát vây quanh. Tất cả những cái đó đều là những hình thái của văn tự. Và mục đích tìm cầu của ta là đạt tới những hình thái ấy. Tìm Bụt ở đâu? Tìm Thượng Đế ở đâu? Tổ dạy, ta không thể tìm nơi những hình thái văn tự đẹp đẽ ấy. Những người ghi chép Thánh kinh, những người ghi chép kinh Đại Thừa là những nghệ sĩ, các vị ấy đã dùng hình ảnh và văn tự để diễn tả cái thấy của họ. Nếu kẹt vào những hình ảnh đẹp đẽ của văn tự, suốt đời ta sẽ đi tìm những hình ảnh ấy ở bên ngoài, ta sẽ không tìm thấy thực chất của nó và không bao giờ sống được với những thực chất đó cả. Dù tìm được một điều gì sau bao nhiêu năm học hỏi ở Phật học viện, thì cũng chỉ là những hình thái đẹp đẽ của văn tự mà không phải là cái năng lượng sống động của Bụt Tổ, không phải là điều Bụt Tổ muốn trao truyền.

https://thuviensach.vn

Chư vị thiền đức ơi, đừng có lầm! Trong giây phút hiện tại này mà quý vị không gặp gỡ được Tổ Bụt thì trong ngàn vạn kiếp sau quý vị sẽ phải luân hồi trong ba cõi, cứ tiếp tục chạy theo để nắm bắt những cảnh huống dễ chịu để rồi sẽ liên tiếp sinh vào trong bụng trâu lừa.

Tổ Lâm Tế có ý nói rằng: 'Ngay trong giờ phút quý vị đang ngồi nghe pháp đây thì Tổ và Bụt đang ngồi ở trong quý vị. Nếu trong giây phút này mà không tiếp xúc được với Tổ, với Bụt, thì đừng mong tiếp xúc được trong tương lai.' Chúng ta cứ nghĩ là chỉ có thể tiếp xúc được với Bụt và Tổ trong tương lai thôi, không biết rằng giây phút hiện tại là giây phút duy nhất trong đó ta có thể tiếp xúc được với Bụt và Tổ. Nếu thất bại trong giây phút hiện tại, cố nhiên ta sẽ thất bại trong tương lai.

Thử thời bất ngộ nghĩa là trong giây phút bây giờ mà không có cơ duyên gặp gỡ, không có khả năng tỉnh dậy. Chữ ngộ tức là gặp gỡ. Nếu trong giây phút này không gặp gỡ được Tổ và Bụt, thì đừng mong cầu sẽ được gặp gỡ Bụt và Tổ ở trong tương lai. 'Thử thời': Chỉ có giây phút hiện tại mới là có thật. Bốn chữ này rất quan trọng. Giây phút hiện tại là giây phút duy nhất. Đừng phóng tâm về tương lai, trong giây phút hiện tại, ta có thể tiếp xúc được với Bụt và Tổ.

Khi đọc kinh, đọc luận, gặp những chữ căn bản như vậy, ta phải dừng lại vì chúng gói trọn những tinh hoa của kinh và luận. Trong giây phút này, nếu ta đánh mất cơ hội, không tiếp xúc được với Tổ và Bụt thì ngàn vạn kiếp sẽ luân hồi, đầu thai làm lừa làm ngựa. Khi nghe một tiếng chuông, ta trở về với hơi thở của ta. Làm thế nào để trong khi nghe tiếng chuông, ta tiếp xúc được với Tổ và Bụt, với thời gian vô cùng và không gian vô tận, có sự thông suốt giữa ta với muôn đời, có sự thông suốt giữa ta với tam thiên đại thiên thế giới.

Sáng hôm nay khi có tiếng chuông, tôi đã nghe như vậy đó. Nghe một tiếng chuông phải thấy rõ ràng là mình liên hệ được với giây phút hiện tại. Nó ôm lấy hết thời gian vô cùng và không gian vô biên, trong đó có Bụt, có Tổ, có tất cả những mầu nhiệm của sự sống. Tiếng chuông là một cơ hội để ta thấy mình là thế giới, là vũ trụ, không có

https://thuviensach.vn

một sự ngăn cách nào, giây phút đó trở thành giây phút bất diệt. Quá khứ, hiện tại, tương lai đều nằm trong giây phút hiện tại; tam thiên đại thiên thế giới, tất cả các cõi Bụt đều nằm trong giây phút hiện tại, và ta tiếp xúc được một cách rất dễ dàng. Ta không thiếu gì cả. Đó là thần thông. Thần thông này chỉ cần nghe tiếng chuông là có thể thực hiện được. Khả năng nghe chuông của chúng ta như thế nào thì chúng ta tự biết. Nghe tiếng chuông, buông bỏ hết tất cả những suy tư, trở về với hơi thở và tiếp xúc với thời gian vô cùng, không gian vô biên, thì không có Bụt Tổ nào mà ta không tiếp xúc được trong giờ phút ấy. Giây phút hiện tại là giây phút duy nhất trong đó ta có thể thành đạo, có thể tiếp xúc với Tịnh Độ, tiếp xúc với những mầu nhiệm của sự sống. Trong khi đi thiền hành cũng vậy. Mỗi bước chân dẫm lên mặt đất giúp ta tiếp xúc với tam thiên đại thiên thế giới, đem sự sống trở về, làm cho ta tiếp xúc được với Bụt với Tổ. Đi như vậy là thể hiện thần thông. Sau này, ta sẽ thấy danh từ địa hành thần thông của Tổ. Địa hành thần thông nghĩa là đi trên mặt đất là thể hiện thần thông. Điều này cho chúng ta thấy rõ sự thực tập ở Làng Mai dính líu tới lời dạy của Tổ Lâm Tế sâu sắc đến bực nào.

Này các bạn tu, theo cái thấy của ông thầy tu núi là tôi đây thì quý vị có khác gì đức Thích Ca đâu? Ngày hôm nay, trong mọi sinh hoạt thường nhật của chúng ta, quý vị còn cảm thấy thiếu thốn điều gì?

Quý vị đi tìm cái gì? Quý vị thiếu cái gì nữa? Quý vị chính là Bụt Thích Ca đó. Ngày hôm nay trong mọi sinh hoạt hằng ngày, chúng ta còn cảm thấy thiếu thốn điều gì trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, rửa bát, nấu cơm, dọn dẹp thiền đường, thắp hương, lạy Bụt? Chúng ta đang tìm cái gì? Đó là câu hỏi của Tổ.

Có lúc nào mà sáu đạo thần quang của quý vị ngừng chiếu tỏa? Ai mà thấy được như thế thì sẽ suốt đời là một kẻ vô sự.

Người vô sự là một danh từ rất quan trọng của Tổ Lâm Tế. Vô sự có thể dịch tiếng Pháp là sans affaires. 'Il n'y a rien à faire, vous êtes libre.' Ta không cần làm gì nữa, không cần theo đuổi một kế hoạch nào nữa cả, ta hoàn toàn tự do. Làng Mai có bài hát:

https://thuviensach.vn

Happiness is here and now
I have dropped my worries
No where to go, nothing to do
No longer in a hurry

Ta hạnh phúc liền giây phút này
Lòng đã quyết dứt hết âu lo
Không đi đâu nữa, có chi để làm ?
Học buông thả, sống trong nhẹ nhàng

Bài hát nói lên ý nghĩa vô sự. Hoàn toàn tự do là tinh thần của giáo lý Vô tác, một trong ba cánh cửa giải thoát ? . Chúng ta còn muốn làm gì nữa? Chúng ta còn thiếu điều gì? Ta chính là Bụt Thích Ca mà ta không biết, cho nên ta mới đi tìm Bụt Thích Ca ở ngoài. Chúng ta đã là cái chúng ta muốn. We are already what we want to become. Tại vì sao? Tại vì trong giây phút hiện tại, trong những sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, sáu luồng ánh sáng linh diệu (lục đạo thần quang) luôn luôn chiếu tỏa. Sáu đạo thần quang đó biểu hiện bằng cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm và cái tư duy của ta. Nếu biết sử dụng một cách khéo léo sáu đạo thần quang thì ta là Bụt, là Tổ. Trong mỗi giây phút của đời sống hằng ngày, ta có ánh sáng của chánh niệm, ta là người có chủ quyền, ta sử dụng một cách rất tự do sáu luồng hào quang đó. Khi thấy, ta thấy như Bụt; khi nghe, ta nghe như Bụt; khi ngửi, ta ngửi như Bụt..., lúc đó ta là Bụt, là Tổ. Đưa yếu tố chánh niệm vào làm cho chánh định, chánh tuệ biểu hiện ra thì sáu thức trở thành sáu luồng hào quang. Nếu không có niệm, định và tuệ, sáu đạo thần quang đó không tỏa chiếu được. 'Lục đạo thần quang vị tằng gián hiết', nghĩa là sáu đạo thần quang đó chưa bao giờ ngừng chiếu tỏa. Ai thấy được điều này, ai khéo tay sử dụng được sáu đạo thần quang, người ấy trở thành một người vô sự.

Vô sự nhân là danh từ mà Tổ Lâm Tế dùng đi dùng lại nhiều lần. Mục đích của người tu - theo Tổ - là trở thành người vô sự. Người vô sự là một con người tự do, không còn dự án nào, không còn ước mơ nào cần phải thực hiện, tất cả đều tốt đẹp. Chúng ta với Tổ và Bụt không khác, không cần phải đi tìm ở chỗ này chỗ kia. Giáo lý và pháp môn

https://thuviensach.vn

của Tổ Lâm Tế mang màu sắc nhân bản (humanism) rất vững chãi, luôn nhắc nhở mình trở về với con người của chính mình mà không nên đi tìm cầu dù là đi tìm cầu Bụt, Tổ, Thượng đế, hoặc cõi này hay cõi khác. Trở về với chính mình là có đủ tất cả.

Này các vị đại đức, ba cõi không an, giống như nhà lửa, nơi đó không phải là chỗ cư trú lâu dài của quý vị.

'Tam giới bất an do như hỏa trạch', nghĩa là ba cõi không an ổn như căn nhà đang cháy, là hình ảnh ví dụ của kinh Pháp Hoa đưa ra. Tam giới tức là ba cõi: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Ta phải tìm cách ra khỏi căn nhà đang cháy đó, tức là ra khỏi tam giới.

Quỷ vô thường mỗi phút giây đều ra tay sát hại, không phân biệt già trẻ, quý tiện.

Vì vậy ta không nên chần chừ nữa, ta phải hạ thủ công phu, phải trở về với chính mình, phải tiếp xúc được với Bụt, với Tổ để ta có thể trở thành không khác với Bụt và Tổ ngay trong giờ phút hiện tại.

Nếu quý vị muốn không khác với Tổ Phật thì đừng hướng ngoại tìm cầu.

Đừng chạy đi tìm cầu ở ngoài!

Mỗi tâm niệm mà phát ra được ánh sáng thanh tịnh, đó là Pháp thân Bụt đang ở ngay trong nhà của quý vị; ánh sáng vô phân biệt phát ra từ tâm niệm của quý vị chính là Báo thân Bụt đang ở ngay trong nhà của quý vị; ánh sáng vô phân biệt phát ra từ mỗi tâm niệm của quý vị chính là Hóa thân Bụt đang ở ngay trong nhà của quý vị. Ba thân ấy không là gì khác ngoài quý vị đang đứng trước mặt tôi nghe pháp.

Quỷ vô thường, tức là cái chết (la mort), có biểu tượng là bộ xương tay cầm một lưỡi hái. Ba thân không nằm ở ngoài ta. Nếu ta trở về với tự thân thì có thể tiếp xúc được với ba thân. Ba thân tức là Pháp thân, Hóa thân và Báo thân. Pháp thân là dharmakaya (dharma body), đó là thể. Hóa thân là nirmanakaya (transformation body), là sự biểu hiện

https://thuviensach.vn

của Pháp thân dưới nhiều hình thức. Báo thân là sambhogakaya (body of retribution). Báo thân của Bụt Thích Ca rất đẹp.

Một chiếc lá khi mới nhú ra cuộn tròn trông đã đẹp. Đến khi nó xòe ra cũng đẹp; nó lớn lên xanh rờn cũng đẹp; mùa thu tới, nó vàng đi cũng đẹp, và khi mùa đông đến, nó rụng xuống cũng đẹp. Tất cả chúng ta cũng đều đẹp như chiếc lá. Đó là Báo thân, thân của nghiệp báo. Nhờ công phu tu tập mà thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh và ý thanh tịnh, cho nên mỗi ngày Báo thân của ta càng lộ ra nét đẹp của nó, và ta có thể hưởng thụ được cái đẹp đó, gọi là Tự thọ dụng; những người khác cũng hưởng thụ được cái đẹp đó, gọi là Tha thọ dụng. Thọ dụng nghĩa là nhờ cậy được, sử dụng được, thưởng thức được.

Ba thân ấy không là gì khác ngoài quý vị đang đứng trước mặt tôi nghe pháp. Chúng ta đừng có mặc cảm! Trong chúng ta ai cũng có đầy đủ ba thân như Bụt. Chúng ta có thể tiếp xúc được ba thân ấy ngay trong giờ phút hiện tại. Tuy cách diễn tả của Tổ có khác, nhưng tinh thần giống với tinh thần giáo lý Làng Mai. Chúng ta nhờ thừa hưởng được tuệ giác đó, sự thực tập đó và thừa hưởng được sự tiến bộ của văn tự, của ngữ ngôn, cho nên ngày hôm nay chúng ta có thể diễn tả những điều Tổ dạy một cách dễ dàng và rõ ràng hơn. Đọc lại văn của thế kỷ thứ chín, chúng ta thấy những tuệ giác mà Làng Mai đang có đã có sẵn trong giáo lý và trong sự thực tập của Tổ.

Tiểu sử của Tổ Lâm Tế cho biết khi còn nhỏ Tổ rất thông minh, có hiếu và học hỏi tinh chuyên. Cái hiểu về tam tạng kinh điển rất sâu sắc của Tổ, cuối cùng Tổ cũng buông bỏ chỉ chuyên về thiền tập. Tổ thấy người ta học hỏi quá nhiều, nhưng những sự học hỏi đó không có ảnh hưởng gì tốt tới sự chuyển hóa của họ, cho nên Tổ chán. Tổ thấy rằng con đường học hỏi suông không đưa tới giải thoát, không đưa tới hạnh phúc cho mình và cho người, vì vậy Tổ đã bỏ tất cả những điều ấy và hướng về sự thực tập. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không cần học. Khi đọc lại ngữ lục - những lời dạy của Tổ - chúng ta thấy rằng Tổ có một kiến thức Phật học rất vững vàng. Cái học rất cần thiết, nhưng cái học hình thức không đưa tới sự chuyển

https://thuviensach.vn

hóa và giác ngộ. Cái học có thể giúp chúng ta chuyển hóa và giác ngộ, cái học đó là để soi sáng cho sự thực tập của chúng ta.

Ví dụ như A muốn đạt tới thành công của sự tu học giác ngộ, thì A phải đi tới C. C là sự giác ngộ. Từ A tới C là con đường mà chúng ta phải đi; con đường AB là con đường học hỏi; con đường AD là con đường tu tập. Tu tập thì không thể thiếu sự học hỏi. Nếu chúng ta không trải qua sự học hỏi mà chỉ lo tu tập thôi, thì khó đạt tới sự giác ngộ, có phải vậy không? Nếu học để trở thành học giả, chúng ta chỉ tới B thôi. Ban đầu Tổ đã đi con đường AB, và hầu hết chúng ta đều đi con đường AB. Có những người tới B từ lâu, nhưng không bao giờ đi về hướng giác ngộ được cả. Họ trở thành những nhà học giả Phật học, trong khi đó tất cả những giận hờn, buồn tủi và tham đắm của họ vẫn còn y nguyên.

Khi nhìn vào những vị tu lâu năm, chúng ta thấy những vị thành công là những vị có khả năng thảnh thơi, nhẹ nhàng và buông xả; còn những vị tuy có cái học thâm uyên, nhưng vẫn còn ganh tị, giận hờn. Họ chỉ có thể trở thành những nhà học giả, nhưng họ không thành công trong quá trình giải thoát. Có rất nhiều người trước kia cũng đi con đường học hỏi như Tổ Lâm Tế. Nhưng đến một lúc nào đó, họ thấy rõ ràng rằng con đường này chỉ đưa tới sự thành công của một nhà học giả, cho nên họ bắt đầu thực tập, và cái học của họ mất đi tính cách từ chương và bắt đầu có tính thực dụng. Nếu có một người ngay từ giờ phút này đã biết sử dụng cái học vào cái tu, lấy cái tu soi chiếu cái học, thì càng tu học càng giỏi và càng học tu càng giỏi. Đó là con đường lý tưởng, con đường từ A tới C. Con đường từ A tới D là con đường không thể nào đi được; tu mà không học thì rất khó thành công. Đọc Lâm Tế Lục cho kỹ, chúng ta thấy dấu tích cái học của Ngài rất rõ.

Đây là một đoạn trong kinh Pháp Bảo Đàn: 'Thiện tri thức, sắc thân thị xá trạch bất khả ngôn quy, hướng giả Tam Thân Phật tại tự tính trung, thế nhân Tổng hữu, vị tự tâm mê, bất kiến nội tính, ngoại mịch Tam Thân Như Lai, bất kiến tự thân trung hữu Tam Thân Phật, nhữ đẳng thính thuyết, linh nhữ đẳng ư tự thân trung, kiến tự tính hữu

https://thuviensach.vn

Tam Thân Phật, thử Tam Thân Phật tùng tự tính sanh, bất tùng ngoại đắc'. Dịch là: 'Này các vị thiện tri thức, hình hài là nhà cửa, không thể nói là chỗ để nương náu, ta nên hướng về ba thân của Phật có đầy đủ trong tự tính của mình, người đời ai cũng có, chỉ vì tâm mê nên không thấy Phật tính ở trong, lại đi tìm ba thân Như Lai ở ngoài (mới) không thấy tự thân có đủ ba thân của Phật. Chư vị hãy nghe nói đây để thấy tự tính trong mình có ba thân Phật, ba thân Phật này từ tự tính sanh, không tìm kiếm được từ bên ngoài'. Những câu ngữ lục trong Lâm Tế Lục có nguồn gốc trong kinh Pháp Bảo Đàn của Lục Tổ Huệ Năng. Có một dòng tuệ giác liên tục trôi chảy từ Tổ tới Tổ, và từ Tổ tới ta. Cái thấy của Tổ Lâm Tế cũng là cái thấy của Tổ Huệ Năng. Nghĩa là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân không phải là những đối tượng có thể tìm ở ngoài, ta phải trở về với bản thân của mình, phải trở về trong giây phút hiện tại và dùng niệm, định và tuệ để tiếp xúc ba thân ấy.

Cái công dụng (mầu nhiệm) này chỉ có thể có được khi quý vị không hướng ngoại truy cầu. Nương tựa vào các nhà nghiên cứu và chú giải kinh luận người ta đi tìm ba thân như những tiêu chuẩn tuyệt đối.

Điều kiện căn bản là đừng nghĩ ta không có cái đó cho nên ta phải đi tìm ở nơi khác. Ba thân là sự tuyệt hảo, là toàn thiện, và ta đã sai lầm khi đi tìm cái tiêu chuẩn tuyệt đối đó ở ngoài ta. Trong khi đó cái tuyệt đối, cái toàn hảo ấy nằm ngay ở trong ta. Ta có thể nương vào các nhà nghiên cứu chú giải kinh luận, nhưng không phải vì vậy mà đi tìm những tiêu chuẩn tuyệt đối đó ở ngoài ta. Trong bài hát Tìm Nhau có câu: 'Bởi vì con đói lạnh, bởi vì con khát khao, bởi vì con muốn tìm được cho ra bóng hình ai muôn đời tuyệt hảo'. Tuyệt hảo là cái tiêu chuẩn tuyệt đối. Ta thấy ở trong ta không có cái đẹp tuyệt đối, không có cái lành tuyệt đối, không có cái tốt tuyệt đối, cho nên ta mới đi tìm. 'Bởi vì con đói lạnh, bởi vì con khát khao', nghĩa là mình không có cái đó cho nên mình mới đi tìm. Tìm được cho ra cái gì? 'Tìm được cho ra bóng hình ai muôn đời tuyệt hảo'.

Bắt đầu bằng tư duy: 'Ta không có cái đó', cho nên ta phải đi tìm ở ngoài ta. Nhưng trong quá trình đi tìm, ta nhận ra rõ ràng đối tượng ta đi tìm không xa, nó nằm ngay ở trong ta. 'Khoảng cách giữa hai ta

https://thuviensach.vn

không thể dài hơn quá một nhịp tâm đầu'. Và khi tìm ra được mình rồi thì tìm ra được Bụt. 'Con đã tìm ra Thế Tôn, con đã tìm ra cơ' . Tìm ra Thế Tôn thì tìm ra mình, tìm ra mình tức là tìm ra Thế Tôn. Đức Thế Tôn không phải là đối tượng tìm cầu bên ngoài. Người học Phật có khuynh hướng chạy theo kinh, chạy theo luận; họ tin vào những nhà học giả đã từng nghiên cứu và chú giải kinh luận để đi tìm ba thân như là những tiêu chuẩn tuyệt đối, những hình ảnh tuyệt hảo.

Theo tôi thì không phải như thế. Ba thân ấy chỉ là danh ngôn, và cũng chỉ là ba cái nương tựa vào nhau mà có. Các vị cổ đức đã nói: 'Thân là dựa vào ý nghĩa mà thành lập, độ là dựa vào bản thể mà luận'. Vậy thì thân của pháp tánh và độ của pháp tánh thật ra (rõ ràng) chỉ là quang ảnh.

Tổ Lâm Tế có sử dụng hình ảnh con cá đang bơi lội trong dòng suối. Khi con cá vùng vẫy muốn nhảy lên thì nó tạo ra những đợt sóng. Những đợt sóng đó là do cá tạo ra phản ứng lại những cử động của nó. Những đợt sóng đó không phải từ ngoài mà có, mà chính do cá tạo ra gọi là quang ảnh, tức là những cái phản ảnh (reflection) của chính bản thân mình. Nếu cá đứng yên thì không có những đợt sóng ấy, khi nó vùng vẫy thì tự nhiên tạo ra những đợt sóng. Tất cả đều do tâm của ta phản ảnh.

Trong đoạn này, Tổ muốn chúng ta bỏ ý niệm tìm cầu, bỏ hình ảnh Tam Thân như là những thực thể biệt lập. Hai chữ quan trọng trong đoạn này là chữ nghĩa và chữ thể. Nguyên văn chữ Hán: Cổ nhân vân: thân y nghĩa lập, độ cứ thể luận, pháp tánh thân, pháp tánh độ, minh tri thị quang ảnh. Đoạn ngữ lục này phản chiếu kiến thức của Tổ Lâm Tế về Duy Biểu học.

Để có thể hiểu được câu 'thân y nghĩa lập, độ cứ thể luận', ta nên đọc đoạn văn này ở trong sách Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương của thầy Khuy Cơ. Ngài Khuy Cơ là đệ tử rất giỏi của Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang, là một giáo thọ rất xuất sắc về Duy Thức học. Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương có thể tìm thấy trong Đại Tạng Tân Tu, kinh thứ 1861. Nguyên Văn chữ Hán: 'Tự tánh thân độ, tức

https://thuviensach.vn

chân như lý, tuy thử thân độ, thể vô sai biệt, nhi thuộc Phật pháp, tánh tướng dị cố, dĩ nghĩa tướng vi thân, dĩ thể tánh vi độ, dĩ giác tướng vi thân, dĩ pháp tánh vi độ.'

'Tự tánh thân độ, tức chân như lý'. Có nghĩa là thân và độ trong tự tánh của nó, tức là chân như. Thân là ba thân của Bụt, độ là đất nước của Bụt. Khi nói về bản chất của ba thân và cõi nước của Bụt, tức là nói về bản thể chân như (ground of suchness).

'Tuy thử thân độ, thể vô sai biệt'. Thể tánh (true nature) của ba thân và cõi nước không sai khác như sóng với nước; thân là sóng và độ là nước. Đứng về phương diện thể tánh, thân và độ là một, cũng như tất cả các sóng là do nước mà sanh ra. Vậy thì đứng về phương diện của thể, thân và độ là không sai biệt.

'Nhi thuộc Phật pháp, tánh tướng dị cố'. Đứng về phương diện học Phật, ta phân biệt tánh và tướng khác nhau. Đứng trên phương diện tánh, sóng và nước có cùng một bản chất, nhưng đứng về phương diện tướng thì sóng và nước khác nhau. Tánh là bản thể (noumena) và tướng là hiện tượng (phenomena), ta không nên lầm lẫn tánh và tướng là một, tuy hai cái cùng một bản chất như nước và sóng. Khi nói về sóng phải dùng những danh từ lên xuống, cao thấp; khi nói về nước thì không thể nói lên xuống, cao thấp được. Đó là 'tánh tướng biệt quán'. Tuy thể tánh của ba thân và cõi nước của Bụt là không khác, nhưng trong khi học Phật pháp thì phải phân biệt tánh và tướng khác nhau.

'Dĩ nghĩa tướng vi thân'. Đứng về phương diện nghĩa tướng ta gọi là thân, đứng về phương diện thể tánh ta gọi là cõi Bụt. Ta phân biệt có Pháp thân, Báo thân và ứng thân, gọi là nghĩa tướng (sự phân biệt). Thành ra ba thân của Bụt được thiết lập ra là do nghĩa tướng (the meaning and the appearance).

'Dĩ thể tánh vi độ'. Cõi nước được thành lập là do bản thể. Khi nói tới cõi nước của Bụt là nói tới thể tánh (thể tánh vi độ). Trong khi ấy Tổ Lâm Tế nói: 'Thân y nghĩa lập, độ cứ thể luận.' Tổ đã học Duy Biểu rất đàng hoàng, một đoạn văn khá dài Tổ đã đúc kết lại thành tám chữ.

https://thuviensach.vn

'Dĩ giác tướng vi thân, dĩ pháp tánh vi độ.' Lấy tướng của sự giác ngộ để làm ba thân, lấy pháp tánh làm quốc độ. Học như vậy là học theo kiểu tầm nguyên, tức là tìm về nguồn gốc của những điều ta đang học, đang nói. Tầm nguyên là tìm về nguồn.

Duy Biểu học được thành lập tại Trung Quốc vào thế kỷ thứ bảy, thứ tám. Sau khi thầy Huyền Trang đi Ấn Độ về, thầy sáng tác Thành Duy Thức luận. Thành Duy Thức Luận được xem như tác phẩm căn bản cho Duy Thức Tông ở Trung Quốc. Trong tác phẩm Đại Thừa Pháp Uyển Châu Lâm của thầy Khuy Cơ - một nhà chú giải nổi tiếng Duy Biểu học - đoạn văn trên có thể coi là nguồn gốc tư liệu cho đoạn văn này trong ngữ lục.

Thân y nghĩa lập. Chữ thân có nghĩa là ba thân: Pháp thân, Báo thân và ứng thân. Ba thân này do trí tuệ, kiến giải của ta căn cứ trên nghĩa lý mà thành lập. Độ tức là quốc độ, là các cõi Bụt như Bụt A Súc ở phương Đông, Bụt A Di Đà ở phương Tây hay cõi Ta bà, tất cả đều căn cứ vào thể mà luận. Cũng giống như Đức Thích Ca Mâu Ni là thân, trái đất này là độ. Cũng như tất cả chúng ta đều là những người con của trái đất, chúng ta là thân y cứ, nương tựa vào độ mà biểu hiện. Sinh ra từ trái đất, chết đi cũng trở về với trái đất, để rồi sinh ra nữa, đó là ý nghĩa của độ cứ. Thể là bản thể, là chân như, tức là chỗ nương tựa. Khi nói tới thân và độ, tức là nói về ba thân và quốc độ của Bụt. Ta phải hiểu rằng thân là đứng về phương diện pháp tướng, độ là đứng về phương diện pháp tánh, không đứng về phương diện hiện tượng. Chúng ta biết rằng ba thân và các quốc độ của Bụt đều là những phản chiếu (quang ảnh) mà không phải là những thực thể vững chắc; nó không có tính cách ngoại tại, khách quan.

Này các vị đại đức, các vị nên biết rằng cái con người đang cầm nắm và đùa giỡn được với quang ảnh đó là nguồn gốc của chư Bụt. Đối với kẻ ấy, chỗ nào cũng là nhà để trở về (nơi nào cũng là quê hương trở về của người tu tập).

Người đó có thể là ta nếu ta biết thao tác (manipulate), biết sử dụng những quang ảnh ấy thì ta là nguồn gốc của tất cả chư Bụt. Đối với kẻ

https://thuviensach.vn

ấy, chỗ nào cũng là nhà để trở về. Câu này rất quan trọng. Trong nguyên bản là 'nhất thiết xứ thị đạo lưu quy xá xứ', nó diễn tả được sự thực tập của Làng Mai.

'Nhất thiết xứ thị đạo lưu quy xá xứ'. Quy xá là về nhà. I have arrived, I am home. Chỗ nào ta đi và vào lúc nào cũng là chỗ và giờ phút ta trở về nhà. Do đó sự thực tập của Làng Mai có gốc rễ ở nơi giáo lý của Tổ. Đối với những người có khả năng đùa giỡn được với những quang ảnh kia thì đâu cũng là nhà để cho họ trở về. Đối với kẻ ấy, chỗ nào cũng là nhà để trở về. Ta có thể sửa lại là Nơi nào cũng là quê hương trở về của người tu tập. Đạo lưu tức là những người tu tập, các bậc tu hành. Nhất thiết xứ là bất cứ chỗ nào; quy xá xứ cũng là chỗ trở về nhà. Bài thi kệ tôi viết bằng tiếng Việt chỉ có hai chữ Đã về, Đã tới, nhưng bản tiếng Anh là I have arrived (tôi đã tới), I am home (tôi đã về tới nhà). Chữ 'nhà' cũng quan trọng lắm. Dịch sang chữ Hoa là (*) (ngã dĩ đáo gia, dĩ đáo gia liễu). Bài thi kệ này có nguồn gốc của sự thực tập, nghĩa là ta đã về đã tới trong từng giây phút của đời sống hằng ngày. Người tu hành thành công thì thấy không cần đi đâu nữa, vì chỗ nào cũng là nhà của mình. Mỗi bước chân đều đưa mình trở về nhà. Khi nào không còn đi tìm cầu (longing), không còn lang thang (wandering) về một phương trời nào khác, không còn lo nghĩ về tương lai nào nữa và cảm thấy thoải mái trong giây phút hiện tại ngay ở đây, lúc đó ta đã thành công. Này các vị đại đức, các vị nên biết rằng cái con người đang cầm nắm và đùa giỡn được với quang ảnh đó là nguồn gốc của chư Bụt. Đối với kẻ ấy, chỗ nào cũng là nhà để trở về (nơi nào cũng là quê hương trở về của người tu tập).

Sắc thân tứ đại của quý vị không biết nói pháp nghe pháp, tỳ vị gan mật không biết nói pháp nghe pháp, hư không không biết nói pháp nghe pháp... vậy thì cái gì biết nói pháp nghe pháp? Đó là cái sáng rỡ rõ ràng không chút mảy may hình tướng trước mặt quý vị đấy. Chính cái đó biết nói pháp nghe pháp. Nếu thấy được như thế thì quý vị sẽ không khác gì với Tổ với Bụt. Chỉ có một điều là giữ nó cho miên mật, đừng để cho nó bị gián đoạn, mắt chạm đến đâu là thấy được đến đấy.

https://thuviensach.vn

Chúng ta đang thực tập theo Tổ Lâm Tế. Tổ Lâm Tế đang sống trong giây phút hiện tại, đang có mặt trong mỗi chúng ta. Có những người không hiểu, cho rằng Tổ Lâm Tế có sự phân biệt giữa thân và tâm: hình hài này không phải là cái nghe pháp, chính cái tâm nghe pháp. Đây là một cách nói để giúp chúng ta đừng bị kẹt vào tứ đại và cho tứ đại đó là chính mình, có vậy thôi. Trong giáo lý của Đức Thế Tôn, ta thấy các pháp nương nhau mà thành lập. Nếu không có thân thì tâm không biểu hiện được, nếu không có tâm thì thân không biểu hiện được, thân và tâm nương nhau mà biểu hiện như tay mặt với tay trái. Cũng như năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành và thức nương nhau mà biểu hiện, một uẩn tự nó không thể biểu hiện được. Không những tứ đại (sắc thân) không phải là chính mình, thọ, tưởng, hành, và thức cũng không phải là chính mình. Tất cả đều là những điều kiện nương nhau mà phát hiện ra, ta gọi là tâm sáng chói. Tâm sáng chói biến hiện ra sáu đạo hào quang gọi là lục đạo thần quang.

Trong kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya), Bụt có dạy tâm là một cái gì sáng chói. Sở dĩ nó không sáng chói được là do những ô nhiễm bên ngoài đi tới, nếu lấy ra khỏi những ô nhiễm đó thì tâm sáng chói trở lại. Câu nói đó nằm ngay phần đầu của kinh Tăng Chi Bộ: 'Này các vị khất sĩ, tâm này là sáng chói, nhưng tâm này có thể bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ bên ngoài đi vào và ta có thể gột sạch những cấu uế đó để cho nó sáng chói ra'. Chính trên cái thấy đó mà Tổ có danh từ tinh minh, tức là sáng chói. Trong Lâm Tế Lục, Tổ nói đến cái tinh minh tỏa chiếu ra sáu đạo thần quang. Chính tâm sáng chói là cái biết nói pháp nghe pháp chứ không phải là năm uẩn. Năm uẩn là những điều kiện cần có để cho cái tinh minh biểu hiện. Sắc thân tứ đại của quý vị không biết nói pháp nghe pháp, tỳ vị gan mật không biết nói pháp nghe pháp, hư không không biết nói pháp nghe pháp... vậy thì cái gì biết nói pháp nghe pháp? Đó là cái sáng rỡ rõ ràng không chút mảy may hình tướng trước mặt quý vị đấy. 'Không chút mảy may hình tướng' tức là cái tinh minh không kẹt vào sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Nhưng sắc, thọ, tưởng, hành và thức giúp để biểu hiện cái tinh minh.

https://thuviensach.vn

Chính cái đó biết nói pháp nghe pháp. Nếu thấy được như thế thì quý vị sẽ không khác gì với Tổ với Bụt. Chỉ có một điều là giữ nó cho miên mật, đừng để cho nó bị gián đoạn, mắt chạm đến đâu là thấy được đến đấy.

Trong đoạn này ta thấy hai chữ miên mật là quan trọng, nghĩa là công phu phải cho liên tục. Câu này một lần nữa xác nhận rằng, sự thực tập chánh niệm miên mật đừng để cho gián đoạn là bí quyết của sự thành công. Chúng ta có cái tinh minh chia thành sáu hòa hợp, và chúng ta sử dụng nó như một người hát xiệc sử dụng những dụng cụ trên tay, nếu chúng ta hoàn toàn làm chủ cái tinh minh ấy thì thành công. Sáu đạo thần quang đó nếu để cho đam mê, giận hờn, ganh tị đi vào, thì cái sáng chói kia không có cơ hội chiếu sáng ra được. Vì vậy những cấu uế cần được lấy ra để cho cái tinh minh tiếp tục sáng chói, miên mật không bị gián đoạn, lúc đó giữa ta và Bụt, ta và Tổ không có gì khác biệt, và chúng ta không cần đi tìm cầu ở ngoài.

Chỉ vì tình thức phát sinh nên trí tuệ ngăn cách, cũng vì tri giác biến đổi cho nên chân thể bị biến hình, vì thế mới có luân hồi trong ba cõi, chịu đựng mọi thứ khổ đau. Theo cái thấy của tôi, thì không có gì là không thâm diệu, không có gì là không giải thoát.

Tình thức dịch tiếng Phạn là klésa (affliction), nghĩa là sự vướng mắc, sân hận, hiểu lầm, si mê..., gọi là những phiền não. Ba phiền não căn bản là tham (thèm khát), sân (giận hờn) và si (hiểu lầm). Cũng vì tri giác biến đổi cho nên chân thể bị biến hình. Tri giác biến đổi, tức là tri giác sai lầm.

Này các bạn tu, tâm pháp không hình tướng, thông suốt mười phương, nơi mắt gọi là cái thấy, nơi tai gọi là cái nghe, nơi mũi gọi là cái ngửi, nơi miệng gọi là đàm luận, nơi tay gọi là cầm nắm, nơi chân gọi là cái chạy nhảy, tất cả chỉ từ một cái tinh minh (shining) chia ra thành sáu hòa hợp.

Từ một cái tâm sáng chói (tinh minh) thể hiện thành sáu hòa hợp hay sáu đạo hào quang (lục đạo thần quang) - sáu thức - vi diệu mầu nhiệm. Tổ dạy người nào sử dụng được sáu đạo thần quang một cách

https://thuviensach.vn

khôn khéo, một cách miên mật thì người đó là Bụt, là Tổ; nếu để cho tình thức (tham, sân và si) che lấp thì là chúng sanh. Chúng ta có thể là chúng sanh, chúng ta có thể là Bụt. Ta là chúng sanh khi tình thức chiếm thượng phong, khi ta đùa giỡn được với sáu đạo thần quang, thì ta chiếm thượng phong, ta thành Bụt và có được ba thân.

Tư tưởng và ngôn từ này là lấy trực tiếp từ kinh Thủ Lăng Nghiêm (Shurangāma sutra), tên đầy đủ là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Tu Chứng Liễu Nghĩa. Kinh Thủ Lăng Nghiêm có câu 'Đại hùng đại lực đại từ bi, hy cánh thẩm trừ vi tế hoặc, linh ngã tảo đăng vô thượng giác, ư thập phương giới tọa đạo tràng...' Kinh này rất được Phật tử ở Trung Quốc và Việt Nam ưa chuộng. Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm được chế tác tại Trung Quốc đầu đời nhà Đường, không có nguyên bản bằng tiếng Phạn. Bây giờ các nhà khoa học đã chứng minh được điều đó. Tổ Lâm Tế đã được đọc và đã trích dẫn kinh. Có hai loại kinh Lăng Nghiêm: Lăng Nghiêm Tam Muội và Thủ Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm Tam Muội (Shurangāma samādhi) được gọi là Kiện Hành, tức là bước đi dũng mãnh, có nguyên bản ở tiếng Phạn.

Chỗ nào tâm ý không còn phát sinh thì chỗ ấy cũng là giải thoát.

Tâm ý ở đây tức là những tà kiến phân biệt: đây là tôi, đây không phải là tôi; cái này là trong, cái này là ngoài; tôi không có cái này, anh có cái này... Duy Thức học gọi đó là biến kế sở chấp (Parakalpita), nghĩa là kỳ thị, phân biệt, không thấy được sự thật.

Tôi nói như thế nghĩa là sao? Chỉ vì mọi thứ tìm cầu của quý vị chưa chấm dứt cho nên quý vị mới bị lọt vào những cái bẫy của cổ nhân bày ra.

Trong nguyên văn: 'Kỳ vi đạo lưu nhất thiết trì cầu tâm bất năng hiết, thượng tha cổ nhân nhàn cơ cảnh'. Cơ là máy, là cơ quan. Cơ cảnh ở đây được dịch là những cái bẫy. Cổ nhân không muốn gài bẫy để ta lọt vào, cổ nhân vì muốn độ người cho nên mới đưa ra những phương tiện, nhưng ta thường có khuynh hướng nắm bắt rồi bị kẹt vào những phương tiện đó. Ví dụ như cổ nhân muốn chúng ta có cơ hội để tu tập

https://thuviensach.vn

nên tạc tượng Bụt, xây chùa. Chúng ta vào chùa lạy Bụt rồi dính vào tượng luôn. Chúng ta nghĩ rằng Bụt chỉ có ở trong chùa chứ không có ở những chỗ khác. Những điều cổ nhân thiết lập ra là để cho chúng ta tu học, nhưng vì chúng ta không đủ thông minh nên bị kẹt vào đó. Nếu nghĩ rằng tượng Bụt là Bụt thì chúng ta mắc bẫy rồi. Người xưa đặt ra tượng Bụt cho chúng ta có khả năng tiếp xúc với Bụt tự thân, nhưng nếu chúng ta nghĩ tượng Bụt là Bụt, phần của mình là đứng dưới lạy lên, thì chúng ta không tiếp xúc được với Bụt tự thân. Cho Bụt là cái tượng bằng gỗ, bằng đồng, đó là rơi vào cái bẫy cổ nhân.

Giáo lý cũng vậy. Những cái như Pháp thân, Báo thân, ứng thân, cõi Cực lạc, Đâu xuất đà thiên..., đều là những phương tiện của Bụt và Bồ-tát đưa ra để cho chúng ta tu tập. Nhưng nếu kẹt vào đó là rơi vào bẫy của cổ nhân. Cổ nhân không phải là gài bẫy chúng ta, cổ nhân chỉ muốn đưa ra những phương tiện quyền xảo, chúng ta lại kẹt vào những phương tiện đó cho là cứu cánh, thì chúng ta đánh mất cơ hội thành công. Ví dụ ta nói nên đi thiền hành, đi thiền hành sẽ khỏe. Có những người đi thiền hành không thấy an lạc, hạnh phúc trong khi đi. Họ làm dáng làm điệu. Những cái bẫy của cổ nhân là như vậy.

Này các bạn tu, hãy thử sử dụng cái thấy của tôi xem. Hãy chặt đứt hết những cái đầu của mọi Báo thân và Hóa thân của Bụt.

Mấy ai dám nói như vậy! Chỉ kẻ nào có tuệ giác lớn mới dám nói như vậy.

Khoảng niên hiệu Trinh Quán thời Đường, Tổ Đại Tín vân du đến núi Ngưu Đầu, gặp ngài Pháp Dung đang an nhiên tĩnh tọa, không để ý gì tới khách mới đến. Sau khi thiền xong, hai vị pháp đàm với nhau. Thầy Pháp Dung nói: 'Tôi đã thoát khỏi hình tướng, tôi có thể vô tướng được rồi.' Tổ Đại Tín nghi lắm, Tổ nghĩ rằng người kia nói vậy nhưng chưa chắc đã làm được như vậy. Khi thầy Pháp Dung rời tảng đá để đi ra ngoài, Tổ Đạo Tín mới lấy một cục son viết chữ 'Phật' trên phiến đá, chỗ ngồi thiền của thầy Pháp Dung. Thầy Pháp Dung trở lại thấy chữ 'Phật' không dám ngồi lên nữa. Tổ cười ha hả nói: 'Anh thấy không! Anh chưa được vô tướng đâu.' Đây là thử nghiệm (testing). Ta

https://thuviensach.vn

có thể thử nghiệm bằng nhiều cách. Ví dụ ta nói một câu để cho người kia nổi tam bành lục tặc lên, để rồi người kia phải công nhận rằng mình chưa hết sân hận.

Đôi khi ta nói rất oai, nhưng đến khi làm thì ta sợ không dám làm. Tổ Lâm Tế nói được như vậy thì chúng ta biết Tổ Lâm Tế là một người giải thoát. Hóa thân và Báo thân là những cái do nghĩa tướng lập ra, không phải là những thực tại khách quan, nếu bị kẹt vào những nghĩa tướng đó thì chúng ta chết! Cũng như tin Bụt là một cái tượng bằng đất hay bằng đồng là chúng ta bị kẹt vào trong cơ quyền (một cái bẫy). Thiền sư có thể đem tượng Bụt đập nát ra để giúp cho thiền sinh thấy được Bụt không phải tượng đồng hay tượng đất. Đó là giết Phật (sát Phật), chặt đầu Phật (giết ý niệm về Phật) để Phật tự thân có cơ hội biểu hiện; còn nếu ta vẫn chấp những cái ấy là Phật thì không bao giờ ta được gặp Phật.

Thiền sư là người đập phá, là người có công năng giải thoát cho ta. Thiền sư không ngần ngại có những hành động kỳ quặc giúp đưa tới sự thức tỉnh và giải thoát cho người thiền sinh. Ngoài Tổ Lâm Tế chưa ai dám nói: 'Hãy chặt đứt hết những cái đầu của mọi Báo thân và Hóa thân của Bụt.'

Hãy thấy rằng các bậc Bồ-tát trong mười địa chỉ là những người làm công, các vị Đẳng Giác và Diệu Giác đều là những tên tù đang mang gông cùm, các vị La-hán, Bích-chi đều như những cái hố xí, Bồ Đề và Niết Bàn đều như những cái cọc buộc lừa.

Tổ nói các vị Bồ-tát trên con đường thành Bụt phải đi qua mười địa chỉ là những người đi làm công. Đoạn này làm ta nhớ tới chuyện Người Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa.

Có một người con bỏ nhà ra đi, trở thành ra một người tha phương cầu thực đói khát. Khi trở về, nó không nhận ra được cha nó là một người rất giàu có. Ông trưởng giả thấy nó tới ăn xin thì nhận ra ngay đó là con mình, nhưng ông không nói ra vì sợ con mình không tin là nó có thể xuất thân từ một gia đình giàu sang đến thế. Khi thấy gia sản lớn lao và sự quyền quý của ông trưởng giả, nghĩ rằng chỗ này

https://thuviensach.vn

không phải là chỗ của mình nó liền bỏ nơi đó, đi tìm làm những việc như hốt phân, hốt rác. Ông trưởng giả cho người đi tìm nó về, giao cho một chức vụ rất khiêm nhường trong gia đình của ông, rồi từ từ cất nhắc nó lên những chức vụ cao hơn. Trải qua mười giai đoạn, rốt cuộc nó được làm quản gia cái gia tài kếch sù đó. Khi ông trưởng giả gần gũi con được rồi, ông mới tiết lộ rằng nó vốn là con của ông. Lúc đó người con cùng tử mới có thể chấp nhận mình là con ông trưởng giả.

Chúng ta cũng vậy. Chúng ta đều là những đứa con cùng tử. Chúng ta là con của Bụt, chúng ta phải là Bụt. Nhưng chúng ta không thể chấp nhận được mình là con của Bụt, và mình có thể làm được như Bụt. Vì vậy Bụt mới nói: 'Con phải đi qua địa thứ nhất, con phải đi qua địa thứ hai, con phải đi qua địa thứ ba, cuối cùng tới địa thứ mười (pháp vân địa) thì mới được thành Bụt.' Do đó khi Tổ nói câu các bậc Bồ-tát trong mười địa chỉ là những người làm công, chúng ta sẽ không hiểu Tổ nói gì nếu chúng ta không biết chuyện người cùng tử trong kinh Pháp Hoa. Kỳ thật, chúng ta có thể là Bụt ngay trong giây phút hiện tại. Đoạn này hàm chứa ý nghĩa đốn giáo. Đốn giáo là giáo lý dạy thành Bụt liền lập tức, không cần đi qua mười địa. Mình đã là con của ông trưởng giả thì mình không cần đi qua mười giai đoạn chức vụ trong nhà thì mới trở thành con của ông. Mười giai đoạn mà ông cha dùng để cất nhắc con mình lên chẳng qua là những phương tiện. Chúng ta đâu cần phải đi qua mười địa. Chúng ta đích thực là con của Bụt, chúng ta đích thực là Bụt, nhưng vì chúng ta có mặc cảm quá lớn nên đã không dám thừa nhận. Một trong những điều Tổ Lâm Tế dạy là Phật sanh bất nhị, tức là Phật và chúng sanh không phải là hai, Phật và chúng sanh là một. Đó là tư tưởng căn bản của Tổ Lâm Tế.

Hãy thấy rằng các bậc Bồ-tát trong mười địa chỉ là những người làm công, các vị Đẳng Giác và Diệu Giác đều là những tên tù đang mang gông cùm.

https://thuviensach.vn

Đẳng giác và Diệu giác là hai danh hiệu để diễn tả sự giác ngộ của Bụt. Trong bốn mươi hai địa vị giác ngộ thì Đẳng giác, Diệu giác là cao nhất.

Các vị La-hán, Bích-chi đều như những cái hố xí, Bồ Đề và Niết Bàn đều như những cái cọc buộc lừa.

Những danh từ ấy, những nấc thang ấy... đều là những phương tiện. Các Tổ đưa ra những hình ảnh, những danh từ, những giai đoạn tu tập không phải để ta kẹt vào, nếu không thì ta không bao giờ tiếp xúc được với Bụt, với Bồ-tát, với các vị Đẳng giác hay Diệu giác.

Điều này cũng đúng cho những người làm chính trị. Những người hô hào cho một chế độ hay một chủ nghĩa thường cho chúng ta ăn toàn là danh từ, những danh từ như độc lập, tự do, phồn thịnh... và chúng ta cảm thấy no, cảm thấy mãn ý: 'Chúng ta có độc lập, chúng ta có tự do, chúng ta là nhân dân, chúng ta làm chủ.' Tất cả đều là những danh từ suông, vậy mà chúng ta cũng bằng lòng sống được với những danh từ đó. Học kinh Phật cũng vậy. Chúng ta sống bằng những danh từ như Tam Thân, Báo thân, ứng thân, Pháp thân, A-la-hán, Bích-chi Phật. Chúng ta đang tu học nhưng chúng ta hoàn toàn không tiếp xúc được với bản chất của an lạc giải thoát; chúng ta đang sống bằng những danh từ và ý niệm. Đi thiền, ngồi thiền hay nghe chuông đều là những phương tiện thực tập đưa tới an lạc và giải thoát. Nếu chúng ta ngồi thiền, đi thiền, nghe chuông và ăn cơm mà không thấy hạnh phúc tức là chúng ta chỉ làm cho có hình thức, không ích lợi gì cho ta cũng không ích lợi gì cho người khác. Nghe chuông, ta cũng im lặng như những người khác, nhưng ta không có chút an lạc nào cả; ta im lặng tại vì người khác im lặng, chứ ở trong ta không có yếu tố của niệm, định, tuệ hay an lạc. Thành ra, chuông là cái hố xí, chuông là cái cọc buộc lừa.

Tại sao? Chỉ vì các vị không thông đạt được cái Không của ba a tăng kỳ kiếp cho nên quý vị mới gặp phải những chướng ngại (mà quý vị đang có).

https://thuviensach.vn

Đoạn đầu của Lâm Tế Lục có nói tới đoạt cảnh bất đoạt nhân. 'Đoạt cảnh bất đoạt nhân' nghĩa là buông đối tượng (đoạt cảnh) để trở về tự tâm của mình. Buông đối tượng thì còn tâm, nếu phải buông tâm (đoạt nhân) luôn thì còn lại cái gì? Nghĩ rằng ta chỉ còn lại cái Không (ngược lại với Có) cho nên ta sợ, ta không dám buông tâm ra. Vì vậy đoạt cảnh xong, nếu thấy cần thì thiền sư đoạt luôn nhân. Người kia sợ! Nếu buông tâm ra thì còn có gì? Tổ mới nói rằng: 'Không thông đạt được cái Không của ba a tăng kỳ kiếp thì vẫn còn cái sợ.' Vì chưa đạt tới bản chất của Không cho nên ta mới sợ. Cái Không này vượt thoát cái có/không thường tình. Buông bỏ những nghĩa tướng, những cái do tâm thức thiết lập ra như tam giới, lục đạo, thập địa... không được, cho nên ta phải bám víu vào đó, nếu không bám víu vào thì ta sợ sẽ rơi vào chỗ không có gì.

Nếu là một người tu chân chính thì quý vị sẽ không như thế. Chỉ nên tùy duyên giúp làm tiêu nghiệp cũ, cứ thanh thản mặc áo, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, đừng có một khoảnh khắc nào mong cầu quả vị Bụt.

Đây là giáo lý Vô tác. Nhưng Tổ Lâm Tế không dùng chữ vô tác. Bụt dạy có ba cánh cửa giải thoát là Không, Vô tướng và Vô tác. Vô tác nghĩa là không cần làm gì nữa. Con người vô sự (vô sự nhân) là một danh từ chìa khóa rất quan trọng trong giáo lý của Tổ Lâm Tế. Vô sự có thể dịch là không phải làm gì, không phải đi đâu. Tiếng Pháp dịch là sans affaire, tiếng Anh dịch là nothing to do, no where to go. Trong bản chất, ta đã là Bụt. Cũng như đợt sóng chính nó là nước rồi, nó đâu cần phải chạy Đông chạy Tây để tìm nước. Mình đã là cái mình muốn trở thành, gọi là Vô tác hay Vô nguyện, cánh cửa giải thoát thứ ba (apranihita). Tổ Lâm Tế có danh từ riêng của Tổ, Tổ không cần dùng danh từ trong kinh điển. Cần mặc áo thì mặc áo, cần ăn cơm thì ăn cơm, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi..., đâu cần làm gì nữa! Ta đã là Bụt rồi, tại ta quên đó thôi. Sóng đã là nước. Ta chỉ có thể dừng lại được, chỉ có thể trở thành thanh thản vô sự khi thấy được điều ấy, nếu không thì ta vẫn tiếp tục chạy đi tìm. Người vô sự không còn chạy đi tìm nữa. Ta có thể ngồi yên được ở chỗ ta đang ngồi. Chỉ cần mặc áo, vì mặc áo là thần thông; chỉ cần nấu cơm, vì nấu cơm là thần

https://thuviensach.vn

thông. Tất cả đều mầu nhiệm. Bụt cũng mặc áo, đi cầu, tắm rửa..., nhưng Bụt là một người vô sự. Còn ta trong khi tắm, ta muốn tắm cho mau xong; khi rửa bát, ta muốn rửa bát cho mau xong để còn làm việc kế tiếp. Ta chưa phải là người vô sự, ta chưa phải là người vô tác.

Thanh thản mặc áo, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi.

Đây là lời nói của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. Mã Tổ Đạo Nhất là sư ông của thiền sư Lâm Tế, và là thầy của thiền sư Hoàng Bích Hy Vận. Câu nói nổi tiếng của Tổ Hoàng Bích là 'chỉ nên tùy duyên giúp làm tiêu nghiệp cũ'. Câu này chúng ta có thể tìm thấy trong tác phẩm Truyền Tâm Pháp Yếu (Taisho 2012). Truyền Tâm Pháp Yếu là những lời dạy của Tổ Hoàng Bích Hy Vận, được một vị đệ tử cư sĩ rất giỏi của Tổ tên là Bùi Hưu ghi chép lại. Bùi Hưu là một vị thủ tướng trong chính quyền, rất giỏi về Phật pháp. Trong tác phẩm Truyền Tâm Pháp Yếu có câu: 'Thật vô pháp danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như kim ký hội thử nghĩa, đãn tùy duyên tiêu cựu nghiệp, cánh mạc tạo tân ương'. Thật vô pháp danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề nghĩa là 'Thật ra không có cái gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.' A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tiếng Phạn là Anuttarasamyaksambodhi, có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là sự giác ngộ chân chính và cao tột. Như kim ký hội thử nghĩa: nếu bây giờ hiểu được nghĩa đó rồi; đãn năng tùy duyên tiêu cựu nghiệp: thì nên tùy theo duyên mà tiêu tán nghiệp cũ; cánh mạc tạo tân ương: không tạo ra những tai ương mới, những nghiệp mới. Tóm lại câu trên có nghĩa: Nhờ thấu hiểu được không có cái gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà những tai ương và nghiệp đã tạo ra trong quá khứ từ từ được tiêu tán, đồng thời không tạo ra những tai ương và nghiệp mới làm ra những tai họa cho tương lai của mình nữa. Trong đoạn văn trên, ta thấy Tổ đã dùng đúng năm chữ 'tùy duyên tiêu cựu nghiệp.' Đệ tử mà dùng chữ của thầy là chuyện rất thường.

Đừng có một khoảnh khắc nào mong cầu quả vị Bụt.

https://thuviensach.vn

Vì không có cái gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên đừng mong cầu điều ấy. Câu này cũng là sự phản chiếu những gì Tổ đã học được từ thầy của mình.

Tại sao? Người xưa nói: 'Nếu muốn tìm Bụt bằng cách lao tác, thì Bụt sẽ trở thành điềm báo trước của sinh tử.'

Chúng ta nhớ lại ví dụ về sóng và nước. Nếu sóng lao tác cực nhọc để tìm nước thì chỉ thêm mệt, tại vì sóng đã là nước rồi. Nó chỉ cần ngồi yên, chỉ cần giác ngộ rằng: 'Ta đã là nước rồi, tại sao ta phải sợ khi sóng lên hay xuống?' Trong chuyến đi Mỹ vừa qua, có một thiền sinh yêu cầu tôi viết thư pháp cho ông câu 'Resting in God', và tôi đã viết. Là người theo đạo Bụt, tại sao tôi viết 'Resting in God'? Tại vì Thượng Đế (God) ở đây không phải là một ông già có râu. Thượng Đế ở đây có thể hiểu là bản thể, cũng như nước là bản thể của sóng. Nếu sóng biết mình là nước, sóng không còn sự sợ hãi, buồn rầu, và ganh tị với những đợt sóng khác. Sóng không sợ khi thấy mình đi xuống, cũng không vui mừng khi thấy mình đi lên. Nếu sóng nương được vào nước, sóng sẽ rất hạnh phúc trong suốt cuộc đời của nó. Nếu Thượng Đế là chân như của ta, là bản thể của ta, thì nương vào chân như hay bản thể đó ta sẽ không còn sợ chuyện được, thua, còn, mất, sống, chết, có và không nữa.

Này các vị đại đức! Thì giờ quý báu, quý vị hãy ngừng lại cái tâm bôn ba chạy sang nhà láng giềng để học thiền học đạo, tìm câu tìm chữ, cầu Tổ cầu Bụt, cầu thiện tri thức. Đừng lầm lạc như thế. Này các bạn tu, các vị chỉ có một cha một mẹ, vậy thì còn đi tìm gì nữa? Các vị hãy tự nhìn lại đi! Cổ nhân nói: 'Diễn Nhã Đạt Đa (Yajnadatta) tưởng đã mất đầu, nhưng khi cái tâm đi tìm cầu ngưng lại là chàng đạt tới vô sự (sans affaires) ngay.

Trong kinh Bụt kể chuyện chàng Diễn Nhã Đạt Đa (Yajnadatta) có bệnh tâm thần. Một hôm anh hoảng hốt nghĩ cái đầu của mình không còn trên cổ mình nữa, anh liền chạy đi tìm cái đầu ấy, kỳ thực cái đầu của anh vẫn còn nguyên vẹn. Cũng vậy, chúng ta có đủ tất cả những cái gọi là Bụt, Pháp thân, Báo thân, ứng thân... nhưng chúng ta vẫn đi

https://thuviensach.vn

tìm cầu, và Tổ cho tất cả chúng ta, đều là những người mắc bệnh tâm thần cũng giống như chàng Diễn Nhã Đạt Đa. Hãy tưởng tượng một đợt sóng đi tìm nước: nó cũng 'mắc bệnh tâm thần', vì sóng đã là nước rồi. Các vị hãy tự nhìn lại đi. 'Hãy tự nhìn lại đi' là dịch từ chữ phản chiếu, giáo lý của kinh Pháp Bảo Đàn. Hai chữ này cho chúng ta biết Tổ Lâm Tế đã nghĩ tới kinh Pháp Bảo Đàn. Kinh Pháp Bảo Đàn do Tổ Huệ Năng nói.

Trong kinh có kể cuộc gặp gỡ giữa Lục Tổ Huệ Năng và Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn ở dưới bếp. Sau đó Huệ Năng lên phòng riêng của thầy mình vào canh ba để tiếp nhận sự dạy dỗ. Trước đó Huệ Năng có trình một bài kệ hay hơn bài kệ của thượng tọa Thần Tú, một sư anh lớn. Ngũ Tổ phải truyền pháp 'chui' cho Huệ Năng, tại vì sợ trong chúng có người ganh tị.

Điều này, nếu là chuyện thật, sẽ cho thấy rằng đại chúng của Tổ Hoằng Nhẫn tu chứng cũng chưa giỏi lắm. Ta thử hỏi chính mình: Nếu sư anh của mình, sư em của mình được truyền đăng thì mình có ganh tị không? Tôi nghĩ chúng Làng Mai tuy cũng có sự ganh tị nhưng không đến nỗi như thế. Tôi không đến nỗi phải truyền đăng chui cho các thầy các sư cô. Chúng ta khá hơn ngày xưa. Đừng có mặc cảm!

Tiếp theo câu chuyện của Lục Tổ. Trong đêm khuya, hai thầy trò ở trong phòng. Tổ Hoằng Nhẫn giảng sơ qua về kinh Kim Cương cho Huệ Năng, rồi trao bình bát, y áo và dặn Huệ Năng phải trốn liền lập tức. Tổ Hoằng Nhẫn đưa Huệ Năng ra bến sông, chèo thuyền đưa tiễn đệ tử một khúc đường. Huệ Năng nói: 'Bạch thầy! Thầy đưa con một đoạn như vậy là được rồi, khi chưa giác ngộ thì thầy độ con, bây giờ giác ngộ rồi thì con tự độ.' Hai thầy trò chia tay nhau. Ngũ Tổ dạy Huệ Năng phải đi về phương Nam gấp, nếu chậm trễ sẽ có người rượt theo giành lại bát và y. Ngũ Tổ trở về phương trượng đóng cửa ba ngày. Nhiều người tưởng Ngũ Tổ bệnh, họ tìm vô thăm hỏi. Tổ nói: 'Tôi không có bệnh, nhưng y bát đi về phương Nam rồi.' Tổ vừa dứt lời thì có nhiều người trong chúng rượt theo Huệ Năng để lấy y bát lại. Có một thượng tọa tên là Huệ Minh - con nhà võ tướng - đã

https://thuviensach.vn

rượt theo kịp Huệ Năng. Thấy như vậy, Huệ Năng đặt y bát xuống một tảng đá rồi trốn vào núp trong bụi cây. Thượng tọa Huệ Minh tới thấy y và bát của thầy mình trên một tảng đá thì định chiếm hữu, nhưng y bát vì một lý do gì đó đã trở nên quá nặng nên thượng toạ nhấc lên không nổi. Lúc đó, Huệ Năng ở trong bụi đi ra nói: 'Đây chẳng qua chỉ là bát với y chứ chẳng phải là pháp.' Thượng tọa Huệ Minh mắc cỡ nói: 'Tôi tới đây cầu pháp, không phải cầu y bát.' Huệ Năng nói: 'Vậy thì lắng nghe đây! Đừng nghĩ cái này thiện hay ác. Nên quán chiếu trong giờ phút hiện tại này mặt mũi chân thật của thượng tọa Huệ Minh nằm ở đâu?' (Con người thật của thượng tọa Huệ Minh nằm ở đâu?) Nghe xong, thượng tọa giác ngộ, và lạy xuống. Thượng tọa thưa rằng: 'Xin thầy truyền cho con những gì thần bí, mầu nhiệm.' Tổ Huệ Năng lúc đó chưa được chính thức xuất gia, tóc vẫn còn bờm xờm, nhưng đã chứng ngộ và đã được truyền tâm ấn. Tổ nói một câu. Trong câu này có chữ 'phản chiếu' và có chữ (bí) mật: 'Dữ nhữ thuyết giả, tức phi mật giả. Nhữ nhược phản chiếu, mật tại nhữ biên.' Nhữ nhược phản chiếu: nếu thượng tọa biết quay trở về chiếu ánh sáng vào tự thân; mật tại nhữ biên: cái gọi là bí mật, nó nằm ngay ở bên cạnh thượng tọa. (Tổ muốn dạy là khi ta biết quay về bản thân mình và quán chiếu trở lại, thì tất cả những cái ta gọi là bí mật đó, nó không còn là bí mật nữa, nó ở ngay bên cạnh ta.)

Các vị đại đức, các vị hãy sống cuộc đời của chính mình một cách rất bình thường, đừng làm dáng làm điệu.

Chúng ta đừng nhắm mắt lim dim giả như mình là đạo đức cao tăng, giải thoát, giác ngộ. Chúng ta hãy sống cuộc sống bình thường như Bụt ngày xưa vậy.

Có một bọn đầu hói không phân biệt được thế nào là tốt xấu, nói rằng mình thấy thần thấy quỷ, chỉ Đông vẽ Tây, cầu mưa cầu tạnh, bọn này quyết chắc sẽ phải trả nợ đã vay, và sẽ có ngày trước mặt Diêm Vương nuốt hòn sắt nóng.

https://thuviensach.vn

Có một bọn đầu hói hành nghề đó! Đầu hói tức là trọc đầu, ý nói mấy thầy tu. Tổ Lâm Tế chê trách các ông thầy tu hành nghề pháp sư, nghề thầy cúng, nghề thiền sư.

Con cái nhà lành có thể bị bọn dã hồ tinh mị này mê hoặc, một ngày nào đó bọn ấy cũng sẽ phải trả nợ tiền cơm tiền gạo, không tránh thoát được đâu.

Chúng ta nên biết vào cuối đời Đường, trong giới tăng chúng đã có rất nhiều sự hư hỏng và tham nhũng. Người ta lợi dụng đạo Bụt quá nhiều, nhất là những người giả danh xuất gia. Họ nói họ là người xuất gia, kỳ thực họ không phải là người xuất gia đích thực, họ lấy việc xuất gia làm nghề để có danh có lợi. Chùa chiền được tạo dựng lên rất nhiều và giàu có. Những người gọi là xuất gia ấy có một cuộc sống rất xa hoa sung túc, của công và của tư không phân biệt, họ chỉ biết lợi dụng của thường trú. Những chuyện ấy đã xảy ra vào cuối đời Đường. Tác phẩm Lâm Tế Lục phản chiếu rất rõ ràng tình trạng hư hỏng, thối nát của tăng đoàn thời đó, cũng vì vậy ngữ ngôn của Tổ Lâm Tế rất nghiêm khắc, rất hùng mạnh. Vấn đề xảy ra ở cuối đời Đường, nó cũng đang xảy ra ở đây hay ở ngay Việt Nam. Chúng ta phải cẩn thận lắm mới được.

Thiền Sư khai thị chúng như sau: Này các bạn tu, các vị rất cần tìm cầu cho được chánh kiến, phải biết đi hiên ngang trong thiên hạ để khỏi bị bọn yêu tinh nói trên mê hoặc. Con người cao quý nhất là con người vô sự! Chỉ cần đừng nghĩ đến chuyện tạo tác (đến chuyện sự nghiệp). Chỉ nên làm một con người bình thường. Nếu quý vị cứ nghĩ tới chuyện hướng ngoại tìm cầu và tính toán tức là quý vị đã sai lầm rồi vậy.

Yêu tinh nói trên tức là những ông thầy tu trọc đầu, tuy có mặc áo thầy tu đàng hoàng, ở chùa tụng kinh lạy Phật đàng hoàng nhưng chỉ tu hình thức. Vô sự là bản chất của con người có giá trị cao quý. Vô sự là chìa khóa của Tổ Lâm Tế. Vô sự tức là không tìm cầu nữa, không đặt ra cho mình những mục tiêu để theo đuổi, không tìm kiếm mệt nhọc nữa. Nguyên văn chữ Hán là Vô sự thị quý nhân, nghĩa là con

https://thuviensach.vn

người cao quý nhất là con người vô sự. Đó là ngôn từ của thế kỷ IX, rất khác với ngôn từ của thế kỷ XXI. Cũng cái ý như vậy, nhưng chúng ta sẽ nói rằng: Mình hãy là mình, đừng tìm cách biến mình thành ra người khác, dù người đó là Bụt. Chỉ nên làm một người bình thường, bản thân mình cũng rất là mầu nhiệm rồi. Tại sao mình từ chối mình, phủ nhận mình như một thực tại mầu nhiệm để trở thành một người khác? Ví dụ mình là một đóa sen. Đóa sen đã là mầu nhiệm rồi, tại sao không chấp nhận mình là một đóa sen mà muốn trở thành một đóa cúc? Đóa cúc cũng vậy, cũng rất mầu nhiệm, tại sao phải chạy tìm cầu để trở thành một đóa hường? Mình đã là cái mình muốn trở thành. Khi dừng lại sự tìm cầu, thì ta có giải thoát, và ta an nhiên tự tại trong giây phút hiện tại. Đó gọi là vô sự. Vô sự trong từ ngữ của đạo Bụt ngày xưa là vô tác (aimlessness, desirelessness hay intentionlessness).

Chỉ cần đừng nghĩ đến chuyện tạo tác.

Chúng ta đã quen nghĩ là phải làm cái này, phải làm cái kia, để trở thành cái này hay để trở thành cái kia. Chúng ta không dừng lại được để thấy cái nhiệm mầu của sự sống trong ta và quanh ta. Ta luôn luôn muốn làm điều gì đó vì ta không bằng lòng với cái ta đang có. Đây rõ ràng là giáo lý Vô tác và Vô đắc (no obtaintion) của đạo Bụt. Theo Tâm Kinh Bát Nhã, Vô đắc là không có gì để đắc cũng không có cái sở đắc (dĩ vô sở đắc cố). Tổ Lâm Tế đã dùng chữ riêng của Tổ mà không dùng chữ trong kinh. Điều này thật đặc biệt. Vô sự là chữ Tổ dùng thay cho chữ vô tác, vô đắc.

Chỉ nên làm một con người bình thường.

Ngài Mã Tổ Đạo Nhất có nói: 'Bình thường tâm thị đạo.' Nghĩa là tâm bình thường của ta đã là đạo rồi.

Nếu quý vị cứ nghĩ tới chuyện hướng ngoại tìm cầu và tính toán tức là quý vị đã sai lầm rồi vậy.

Hãy đừng cầu Bụt, Bụt chỉ là danh từ suông.

https://thuviensach.vn

'Phật thị danh cú' nghĩa là Bụt chỉ là một danh từ thôi. Don't look for the Buddha, the Buddha is just the empty word. Ghê không! Danh từ cho ta một ý niệm về Bụt, nhưng danh từ không phải là Bụt. Ở đây không có nghĩa là ta phủ nhận một thực tại nào đó, mà mục đích cho thấy là ta đang bị kẹt vào một ý niệm, một danh từ. Ta cho danh từ và ý niệm là một thực tại, và ta bị trói buộc bởi ý niệm và danh từ ấy.

Các vị có biết kẻ đi tìm cầu là ai không?

Ta đi tìm Bụt, vì ta nghĩ ta chưa biết Bụt là ai, mà ta cũng chưa biết ta là ai. Chính ta cũng có một ý niệm, một danh từ về ta. Nhưng ý niệm đó, danh từ đó không phải là ta. Ta tưởng đó là ta, nhưng kỳ thực đó không phải là ta. Ta chưa tìm ra được con người thật của ta, thành ra sự thực tập là để biết rõ ta là ai.

Các Bụt và Tổ trong ba đời từ xưa nay cũng chỉ đi tìm Pháp.

Trong câu này tựa như Tổ muốn nói rằng: 'Thôi các vị đừng đi tìm Bụt nữa mà hãy đi tìm Pháp.' Hiểu như vậy cũng nguy hiểm lắm, vì ta có thể cũng đang có một ý niệm, một danh từ về Pháp.

Ngày hôm nay các vị tham thiền học đạo cũng chỉ là để cầu Pháp. Được Pháp thì mới giải quyết xong, còn chưa thì vẫn còn luân hồi trong năm đường. Mà Pháp là gì? Pháp là pháp của tâm. Tâm không hình, thông suốt mười phương, có diệu dụng ngay trước mắt. Vì người ta không có đủ tín tâm nên mới nhận lầm danh từ và câu nói, hướng về phía văn tự để tìm cầu pháp của Bụt; cũng vì vậy cho nên mới bị xa cách với Pháp như trời xa đất.

Ta đi tìm Pháp cũng giống như đi tìm Bụt. Ta không biết rằng Pháp là do tâm, cho nên ta mới đi tìm Pháp ở những danh từ và ý niệm. Chính vì vậy, đối tượng tìm cầu của ta với chính ta bị xa cách như trời với đất. Tại ta không có đủ niềm tin rằng tâm ta có khả năng vẽ ra các pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bụt nói tâm như nhà họa sĩ (tâm như họa sư). Tâm vẽ ra Bụt, vẽ ra Pháp, vẽ ra Tăng, tâm vẽ ra tất cả. Nếu chúng ta đi tìm Bụt, Pháp và Tăng như những thực tại độc lập ngoài tâm của ta, thì ta sẽ không tránh khỏi ràng buộc. Tại vì đó không phải

https://thuviensach.vn

là Bụt, không phải là Pháp cũng không phải là Tăng. Phật, Pháp và Tăng phải tìm ngay ở trong tâm của mình. Pháp đây là tâm pháp, Pháp của tâm (vạn pháp duy tâm).

Tâm ta có khuynh hướng phân biệt và kỳ thị, Duy Biểu Học gọi đó là biến kế chấp (Parakalpita). Nó chia ra chủ thể và đối tượng: Tôi khác anh, cha không phải là con, đám mây khác với dòng suối. Nó cắt xẻ ra giống như một lưỡi dao cắt những thực tại ra thành từng miếng nhỏ rời nhau. Tâm đó gọi là tâm phân biệt, tâm biến kế (the mind of discrimination). Chính cái tâm biến kế, phân biệt làm cho chúng ta xa cách sự thật như trời xa cách đất. Câu này chấm dứt bằng bốn chữ 'Thiên Địa huyền thù', nghĩa là xa cách nhau như trời với đất. Câu này nhắc cho ta nhớ tới mấy câu đầu trong Tín Tâm Minh. Tín Tâm Minh là một tác phẩm thơ. Người ta nghĩ Tín Tâm Minh là của Tổ Tăng Xán, Tổ thứ ba của thiền tông Trung Hoa.

Câu đầu của Tín Tâm Minh là 'Chí đạo vô nan'. Có nghĩa là Đạo lớn hay chân lý tuyệt đối không có gì khó; 'vô nan' là không có gì khó. 'Duy hiềm giản trạch' nghĩa là sở dĩ nó khó là do có sự phân biệt; 'giản trạch' là phân biệt. 'Đãn mạc tăng ái, đồng nhiên minh bạch' nghĩa là chỉ cần đừng có yêu ghét thì tự nhiên (nó) rõ ràng và minh bạch ra. Yêu và ghét là khuynh hướng phân biệt của chúng ta. Chúng ta có khuynh hướng thương thánh và ghét phàm; chúng ta yêu Phật và ghét chúng sanh; chúng ta yêu đẹp và ghét xấu. Chúng ta không biết rằng đẹp và xấu làm ra nhau. Chúng ta ưa sự sống và ghét sự chết. Chúng ta không biết rằng sự chết xảy ra trong từng giây phút để làm cho sự sống có mặt. Tâm ý đó gọi là kỳ thị phân biệt (the mind of discrimination). Đạo lớn không có gì là khó, khó là do ta phân biệt (giản trạch), yêu ghét (tăng ái). Nếu ta đừng đi theo sự yêu ghét thì tự nhiên mọi việc trở thành ra sáng tỏ và đạo lớn không có gì mù mờ. 'Hào ly hữu sai' nghĩa là (nếu) có sai lệch một ly, một tơ hào, thì 'thiên địa huyền thù' nghĩa là sự cách trở giữa ta với sự thật giống như trời với đất. Khi đọc đến câu 'thiên địa huyền thù' ta biết rằng Tổ đã đọc Tín Tâm Minh. Chúng ta có thể tìm thấy tác phẩm Tín Tâm Minh trong Đại Tạng (Taisho 2010).

https://thuviensach.vn

Hãy đừng cầu Bụt, Bụt chỉ là danh từ suông. Các vị có biết kẻ đi tìm cầu là ai không? Các Bụt và Tổ trong ba đời từ xưa nay cũng chỉ đi tìm Pháp. Ngày hôm nay các vị tham thiền học đạo cũng chỉ là để cầu Pháp. Được Pháp thì mới giải quyết xong, còn chưa thì vẫn còn luân hồi trong năm đường. Mà Pháp là gì? Pháp là pháp của tâm. Tâm không hình, thông suốt mười phương, có diệu dụng ngay trước mắt. Vì người ta không đủ tín tâm nên mới nhận lầm danh từ và câu nói, hướng về phía văn tự để tìm cầu pháp của Bụt; cũng vì vậy cho nên mới bị xa cách với Pháp như trời xa đất.

Kinh điển không chứa đựng pháp; cái chứa đựng pháp là tâm của ta. Kinh điển chỉ có thể giúp làm cho pháp trong tâm ta bộc lộ ra. Bài pháp thoại không phải là chân lý, không phải là pháp để trao truyền cho thiền sinh. Pháp đã có sẵn ở trong tâm thiền sinh dưới dạng những hạt giống. Bài pháp thoại cũng như một cơn mưa rưới xuống những hạt giống pháp trong tâm người thiền sinh, làm cho những hạt giống đó đâm chồi và biểu hiện. Một vị giảng sư hay một vị giáo thọ không thể trao truyền được pháp cho một thiền sinh. Cũng giống như tình trạng một người cha muốn trao truyền cho đứa con kinh nghiệm của mình. Cha thấy con ngu dại quá muốn trao truyền kinh nghiệm của mình, nhưng càng la rầy càng bít lấp. Người con phải tự thấy điều ấy. Vai trò của người cha chỉ có thể làm một đám mây để mưa xuống giúp hạt giống tuệ giác trong người con biểu hiện. Trao truyền tuệ giác rất khó. Khi người con lớn lên, bị vấp váp, gặp khó khăn, thì tuệ giác sẽ từ đó bừng ra. Kinh điển và thầy của ta không phải là pháp, pháp nằm ở trong tâm ta. Thầy ta hay là kinh điển chẳng qua chỉ là một đám mây làm mưa xuống, giúp ta tưới tẩm những hạt giống của giác ngộ, giải thoát và tuệ giác trong ta mà thôi.

Này các bạn tu, nếu tôi nói Pháp thì Pháp ấy là gì? Tôi nói Pháp của tâm địa.

Chữ tâm địa làm ta nghĩ tới kinh Pháp Bảo Đàn. Tâm địa là danh từ căn bản của kinh. Tổ Lâm Tế là sự tiếp nối của Mã Tổ, Lục Tổ, cũng như chúng ta là sự tiếp nối của Tổ Lâm Tế vậy. Nói là chúng ta chưa được học Lâm Tế Lục, nhưng Lâm Tế Lục đã có sẵn trong tâm chúng

https://thuviensach.vn

ta rồi, chính vì vậy mà học tới đâu ta cũng thấy ta đã có cái đó, tại vì thầy ta đã trao Lâm Tế Lục cho ta dưới những hình dạng khác.

Pháp của tâm địa, có thể giúp ta vào phàm vào thánh, vào tịnh vào uế, vào chân vào tục. Nhưng không phải cái chân tục phàm thánh nơi quý vị có thể được diễn bày bằng các danh từ và các ý niệm về chân tục phàm thánh.

Ta có cái chân tục phàm thánh nơi ta, nhưng ta đừng dùng những danh từ chân tục phàm thánh, vì nó là ý niệm của ta. Bản chất của chân tục phàm thánh thì khác. Cũng như ta có một ý niệm về Paris, nhưng thực tại về Paris rất khác với ý niệm mà ta có. Thật ra, ta chưa biết gì nhiều về Paris. Ta tưởng ta ở Paris vài ngày và đi dạo một vòng Paris là ta đã biết Paris. Kỳ thực, đó chỉ là một vài ý niệm của ta về thành phố Paris căn cứ trên những danh từ mà thôi. Những người đã sống mười năm, hai mươi năm tại thành phố Paris cũng chưa hẳn đã khám phá ra được hết sự thật về thành phố đó. Ở đây, ta thấy ý của Tổ dạy là đừng lầm với danh từ và ý niệm là sự thật.

Với lại cái chân tục phàm thánh ấy không bao giờ tự gọi mình bằng các danh từ chân tục phàm thánh.

Cái chân tục phàm thánh không bao giờ tự nói: 'Tôi là chân; tôi là tục; tôi là phàm hay tôi là thánh.' Chính ta gọi nó là chân tục phàm thánh, tại vì ta lẫn lộn danh từ với sự thật, và cứ nắm lấy danh từ và ý niệm cho là sự thật. Đó là cái bệnh của ta.

Này các bạn tu, nếu nắm được cái then chốt này thì nên áp dụng ngay vào đời sống hằng ngày.

Đây là một giáo lý, một đường lối, một phương pháp. Trong đời sống hằng ngày, chúng ta chuyên sống bằng những danh từ, ý niệm, và ta cho những cái đó là sự thật. Chúng ta đói meo nhưng cứ nói là giàu thịnh; chúng ta làm nô lệ nhưng cứ nghĩ là mình làm chủ. Chúng ta chỉ biết sống với những danh từ. Mình cũng chính là mẹ mình mà mình cho là mẹ không còn nữa, vì mẹ đã mất rồi. Mình cũng chính là cha mình mà mình tưởng cha không phải là mình và mình không

https://thuviensach.vn

phải là cha. Danh từ cha con, mẹ con chỉ là những ý niệm, chúng không phải là sự thật. Mình là Bụt, nhưng mình không dám thừa nhận mình là Bụt, vì mình nghĩ Bụt vĩ đại hơn mình nhiều, mình không thể so sánh với Bụt. Đó là những danh từ, những ý niệm. Trong đời sống hằng ngày, ta thường sống với những ý niệm, và vì vậy cho nên ta sống rất xa với sự thật. Tổ nói: 'Nếu nắm được cái then chốt này thì nên áp dụng ngay, đừng chần chờ gì hết.' Đừng sống với ý niệm, đừng sống với hồn ma bóng quế. Hãy trở nên một con người tự do và sống với sự thật ngay lập tức.

Đừng nên vướng vào danh tự. Tôi gọi đó là huyền chỉ (nguyên tắc mầu nhiệm).

Cái mà thượng tọa Huệ Minh gọi là huyền nhiệm bí mật, thì Tổ Huệ Năng nói: 'Không có cái gì gọi là bí mật. Khi nào quí vị biết trở về quán chiếu nơi tự thân thì cái gọi là huyền nhiệm bí mật sẽ nằm sát ngay bên người quý vị'. Đó là huyền chỉ. Đó là nguyên tắc mầu nhiệm.

Pháp của ông thầy tu núi này nói ra với pháp của người trong thiên hạ nói ra rất khác. Dù cho Văn Thù, Phổ Hiền có xuất hiện ra trước mặt, mỗi vị hiện một thân khác nhau đến hỏi pháp, thì vừa mở miệng nói ra 'Bạch Hòa Thượng' là tôi đã có thể nhận ra được chân tướng của họ rồi. Tôi cứ ngồi yên đây, hễ có ai tới gặp tôi là tôi liền nhận ra được chân tướng và tung tích của người ấy.

Trong mười danh hiệu của Bụt có một danh hiệu gọi là Thế Gian Giải (Lokavidu). Thế Gian Giải là bậc hiểu thấu tâm trạng của chúng sanh. Tổ cũng có khả năng hiểu thấu tâm trạng của người tới tham vấn, cho nên Tổ mới nói: Tôi cứ ngồi yên đây, hễ có ai tới gặp tôi là tôi liền nhận ra được chân tướng và tung tích của người ấy. Tại sao Tổ có thể làm được như vậy?

Tại vì cái thấy của tôi khác: ngoài thì không kẹt vào ý niệm phàm thánh, trong thì không dựa vào những cái gọi là nguyên tắc căn bản, vì vậy cái thấy ấy được thông suốt, chẳng còn chỗ nghi ngờ.

https://thuviensach.vn

Tổ không có sự phân biệt phàm và thánh. Không phải vì người này mang tên Văn Thù nên là thánh, còn người kia mang tên Nguyễn thị Lo nên là phàm. Thường thường khi thấy một cái gì hay nghe một điều gì, chúng ta liền sinh tâm phân biệt kỳ thị. Ví dụ, trước mặt ta có một người được giới thiệu là người Pháp, thì tự nhiên ta có ngay một ý niệm về người Pháp. Ý niệm đó ngăn cách không cho sự thật của con người đó hiện ra. Chính những ý niệm phân biệt ngăn cách không cho ta thấy được sự thật của người kia ngay từ lúc ban đầu, vì vậy cho nên mới có người giả làm Văn Thù và Phổ Hiền với ta được. Còn nếu ta không có sự phân biệt ấy, thì ai đánh lừa được ta?

Khi tìm thầy học đạo, chúng ta tin chắc rằng vị thầy đó có tuệ giác, vị thầy đó là thánh nên chúng ta mới chịu theo học, còn những ông thầy kia là phàm. Chúng ta phải có cái thấy như vậy, phải tin như vậy, thì chúng ta mới theo vị thầy đó được. Cũng vì vậy mấy thầy đó mới có thể 'làm ăn'. Họ chỉ cần mặc áo thánh vô, họ thành thánh liền. Chúng ta chết là chết ở chỗ đó! Chúng ta không thấy được đó là một con người với tất cả những sự thật của nó. Chúng ta bị thu hút bởi những ý niệm thánh phàm chân tục. Một khi ta đã có ý niệm những người này là phàm, là tục, thì chúng ta sẽ tránh né. Ta không ngờ rằng con người đó cũng có chất thánh bên trong, vậy mà ta bỏ đi để chạy theo cái không phải là thánh. Rất nguy hiểm! Ở trong thị trường đạo đức tâm linh, có sự mua và bán, và khách hàng rất dễ bị lầm lạc, vì họ có tâm phân biệt phàm thánh. Tổ nói: 'Tôi không bị lừa nữa. Tại vì sao? Tại vì nhìn bên ngoài những người đến với tôi, tôi cũng đều có thể nhìn thấy mặt mũi chân thật của họ, tôi không bị ý niệm phàm thánh làm cho mờ mắt. Còn bên trong, thì tôi không bị nguyên tắc căn bản làm cho ngăn ngại.' Ngoài thì không kẹt vào ý niệm phàm thánh, trong thì không dựa vào những cái gọi là nguyên tắc căn bản. Tức là ta không bị kẹt vào đệ nhất nghĩa đế, vào chân như bản thể hoặc Niết Bàn. Nếu ta cho cái đó là Niết Bàn thì cái kia sẽ không phải là Niết Bàn. Những ý niệm về Thượng Đế hay Bản Môn, về Chân Như hay Pháp thân thanh tịnh..., những thứ ấy gọi là những nguyên tắc căn bản. Ngoài thì không kẹt vào ý niệm phàm thánh, trong thì không dựa vào những cái gọi là nguyên tắc căn bản, vì vậy cái thấy được

https://thuviensach.vn

thông suốt, chẳng còn chỗ nghi ngờ. Đoạn này cho chúng ta thấy Tổ Lâm Tế là một người có tự do. Những hình tướng bên ngoài cho dù là hình tướng của Văn Thù hay Phổ Hiền, cũng không gây ấn tượng cho Tổ, không làm cho Tổ bị ảnh hưởng.

Thiền Sư khai thị: Này các bạn tu, trong Phật pháp không cần có sự dụng công (mệt nhọc).

Nếu trong lúc ngồi thiền, đi thiền, mà ta phải nỗ lực và lao tác mệt nhọc để đạt tới một cái gì đó, thì cái đó không phải là Phật pháp.

Nguyên tắc là bình thường vô sự (tenir dans l'ordinaire, sans affaires), mặc áo ăn cơm, đi tiêu đi tiểu, mệt thì đi nghỉ.

Nguyên tắc của đạo là sống một cách bình thường: ăn cơm chỉ biết có ăn cơm. Trong khi ăn mà ta phải cố gắng để đừng nói chuyện, cố gắng để múc những muỗng cơm thật đúng kiểu..., thì những cố gắng mệt nhọc đó không phải là đạo. Đạo là sống một cách bình thường, nhưng không có nghĩa là chúng ta không cần thực tập uy nghi.

Kẻ ngu có thể cười ta nhưng người trí sẽ hiểu ta. Cổ nhân nói: 'hướng ngoại để công phu, toàn là bọn ngu xuẩn'.

Những câu này được trích dẫn trong bài thơ Lạc Đạo Ca:

Hà thị tống niệu
Trước y khiết phạn
Khốn lai nhất ngọa
Ngu nhân tiếu ngã
Trí nãi tri yên

Cổ nhân vân: 'hướng ngoại tác công phu, Tổng thị si ngoan hán'.

Lạc Đạo Ca do thiền sư Nam Nhạc Minh Sơn - đệ tử của thiền sư Phổ Tịch - viết ra. Thiền sư Phổ Tịch là Tổ thứ bảy của Phật giáo Bắc Tông. Sau khi được Ngũ Tổ truyền pháp, Tổ Huệ Năng đi vào Nam. Thầy Thần Tú vẫn ở lại và được xưng là vị Tổ thứ sáu ở miền Bắc. Thành ra chúng ta có hai Lục Tổ: ở miền Nam là ngài Huệ Năng, ở miền Bắc là ngài Thần Tú. Theo Nam Tông, ngài Huệ Năng là vị Tổ thứ sáu của

https://thuviensach.vn

thiền tông Trung Hoa. Không hẳn như vậy. Ở miền Bắc Trung Hoa, ngài Thần Tú cũng có đệ tử rất giỏi. Thời kỳ có pháp nạn, ngoài Bắc bị đàn áp triệt để, thành ra Phật giáo Bắc Tông không tiếp tục được. Trong khi đó, ở trong Nam Phật giáo vẫn được tự do truyền thừa cho đến ngày nay. Chúng ta nên nhớ rằng Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn truyền pháp cho rất nhiều người, trong đó có Tổ Thần Tú và Tổ Huệ Năng. Trong Nam, ngài Thần Hội là vị Tổ thứ bảy. Trong khi đó ở miền Bắc, vị Tổ thứ bảy là ngài Phổ Tịch (651-739). Tổ Phổ Tịch có nhiều vị đệ tử giỏi, trong đó có ngài Nam Nhạc Minh Sơn là tác giả của Lạc Đạo Ca. Ngài ở miền Bắc, nhưng khi có pháp nạn ngài đã đi về miền Nam. Tác phẩm Lạc Đạo Ca của ngài được truyền tụng rất phổ biến ở miền Nam.

Các vị nên tùy nơi làm chủ, nơi nào cũng chân, không để cảnh duyên bên ngoài lôi kéo.

Tùy nơi làm chủ là một câu rất quan trọng. Tới đâu ta cũng làm chủ được tình trạng của ta mà không trở thành một nạn nhân của hoàn cảnh. 'Làm chủ tình trạng đừng làm nạn nhân' là một phép thực tập quan trọng. Ví dụ như mình có vài sư anh hay sư em còn nhiều khó khăn, thì thay vì nói: 'Tôi khổ là vì các sư anh hay sư em đó', mình có thể thực tập giỏi hơn để giúp họ, cái đó gọi là mình làm chủ; còn như than thở hay muốn đi nơi khác để trốn tránh, thì mình làm nạn nhân. Tùy xứ tác chủ, lập xứ giai chân. Lập xứ giai chân tức là chỗ nào mình cũng là con người thật của mình, chứ không phải trước một đám đông ta có vẻ đạo mạo, tu hành, có chánh niệm... đến khi không còn ai, thì ta thất niệm. Chân tức là thật. Giữa đám đông hay ở một mình, mình cũng đích thực là mình, không hề có sự giả trang thiền tướng. Khi mặc áo, lúc ở trần, khi lên pháp tòa hay lúc đi cầu, ta luôn luôn là con người chân thật với chính ta, ta không cần giả dối, ta không cần khoác một lớp áo bên ngoài.

Như vậy thì dù có tập khí ngàn xưa, có gây năm nghiệp vô gián thì tất cả cũng thành ra biển cả giải thoát.

https://thuviensach.vn

Năm nghiệp vô gián là năm cái tội đưa vào địa ngục vô gián. Đó là năm tội lớn: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm cho Bụt chảy máu và chia rẽ tăng đoàn.

Người học đạo ngày nay, phần lớn đều không hiểu pháp, giống như con dê gặp gì cũng ăn.

Tổ đang nói về ai vậy? Tổ đang nói về chúng ta đó! Mõm con dê một khi đụng vào chiếc lá nào, con dê liền há miệng đớp lấy chiếc lá đó. Chúng ta cũng vậy. Nghe thấy cái gì lạ đều muốn làm theo, rồi rốt cuộc không thành công được với bất cứ một truyền thống hay một pháp môn nào.

Không phân biệt thầy tớ chủ khách.

Chúng ta không có khả năng nhận ra được một vị thầy chân chính, không thấy được chủ là chủ, còn khách chỉ là khách. Có nghĩa là chúng ta không phân biệt được tà với chánh.

Những kẻ ấy lấy tâm tà vào đạo, sẵn sàng đi vào những nơi huyên náo, không thể gọi họ là người xuất gia chân chính. Họ chỉ là những người thế tục. Người xuất gia chân chính thì phải có được những chánh kiến bình thường: phân biệt được Bụt với Ma, Chơn và Ngụy, Phàm và Thánh. Được như thế mới gọi là chân xuất gia. Nếu không phân biệt được Ma với Bụt, thì chỉ xuất một gia này để vào một gia khác, gọi là chúng sanh tạo nghiệp, chưa được gọi là xuất gia.

Tổ đang quở những người xuất gia. Họ tuy mang danh xuất gia, nhưng chưa bao giờ ra khỏi ngôi nhà vướng bận và phiền não.

Bây giờ đây lại có một loại hiện tượng nữa gọi là hiện tượng Bụt Ma, đồng thể không phân biệt, như nước với sữa hòa lại. Nghe nói Ngỗng Chúa chỉ uống sữa.

Nhiếp Đại Thừa Luận có nói tới chuyện con Ngỗng Chúa. Khi người ta trộn sữa chung với nước, con Ngỗng Chúa có khả năng chọn sữa uống và để nước lại. Đây là hình ảnh ví dụ cho những người xuất gia có thể phân biệt được giữa Bụt và Ma, giữa hoa và rác.

https://thuviensach.vn

Các bạn tu mắt sáng thì theo tôi nên đánh ngã cả Ma lẫn Bụt.

Tổ dạy, đánh ngã luôn cả Bụt chứ không phải chỉ đánh ngã Ma mà thôi. Tại vì ý niệm về Bụt và Ma nương vào nhau mà thành lập cũng như rác và hoa, đêm và ngày. Nếu có tâm phân biệt, thì chúng ta vẫn xa cách sự thật như trời xa cách đất. Chỉ khi nào nhìn Ma ta thấy được tính Bụt nơi Ma, nhìn Bụt ta thấy sự chuyển hóa từ Ma, thì lúc đó ta mới thật sự thấy được tính tương tức của vạn pháp.

Nếu quý vị còn có khuynh hướng yêu thánh ghét phàm thì quý vị sẽ còn phải chìm đắm trong biển sinh tử dài dài.

Rõ ràng đây là sự thực tập Vô Phân Biệt Trí (the wisdom of non discrimination).

Hỏi: 'Thế nào là Bụt? Thế nào là Ma?'

Đây là phạm vi quán chiếu về sự khác biệt giữa Bụt và Ma, giữa thiện và ác. Bất cứ một truyền thống tôn giáo nào cũng nói tới thiện và ác. Trong Cơ Đốc giáo hay Do Thái giáo thường nói tới Sa Tăng, tức là Ma. Ma tượng trưng cho đen tối, lừa gạt, gây khổ đau... Chúng ta thường có khuynh hướng phân biệt giữa Bụt và Ma, giữa Thượng Đế và Sa Tăng. Tín đồ đạo Cơ Đốc hay đạo Do Thái được quyền chọn lựa giữa Thượng Đế và Sa Tăng, hai lực lượng chống đối nhau, và con người đứng giữa. Khi đứng về một phía, thì ta chống lại phía kia. Chúng ta có nhất thiết phải bắt buộc đứng ở vị trí đó hay là ta có thể có một nẻo thoát khác? Tổ Lâm Tế chỉ cho chúng ta một nẻo thoát để ta đừng bị kẹt vào thế lưỡng nguyên Bụt với Ma, Thượng Đế và Sa Tăng. Cố nhiên, vấn đề này liên hệ đến tâm nhiều hơn là thực tại của đối tượng, nó thuộc về nhân chứ không phải cảnh. Muốn giải quyết nghi vấn này, phương pháp của Tổ Lâm Tế là đoạt cảnh: Bụt cũng không, Ma cũng không. Chính tâm của anh phân biệt, tâm của anh tạo ra tất cả. Đây là phương pháp đoạt cảnh bất đoạt nhân (removing the object not the man).

Thiền Sư đáp: 'Trong tâm của quý vị mà có một tư tưởng nghi ngờ (vô minh) thì đó là Ma.'

https://thuviensach.vn

Khi nào tâm ta khởi lên một niệm vô minh thì đó là Ma. Nguyên văn là: 'Nhĩ nhất niệm tâm nghi xứ thị ma'. Trong một giây phút khoảnh khắc nào đó mà xảy ra một niệm nghi ngờ (chữ nghi ở đây phải hiểu là vô minh), thì đó là Ma. Ma này, dù ta có đọc thần chú tới năm bảy biến nó cũng không chịu đi; phải quán chiếu và chuyển hóa nó. Chúng ta thường cho Ma là một thực tại khách quan, kỳ thực Ma là một sản phẩm của tâm. Bụt cũng là một sản phẩm của tâm. Khi sáng tạo ra Bụt rồi, ta quỳ lạy Bụt, ta bị kẹt vào Bụt; cũng như nhà điêu khắc sau khi tạo ra một bức tượng, trở lại sợ bức tượng đó, thành ra phải cúng lễ, đốt hương và cúi lạy trước bức tượng đó. Trong các tôn giáo hay các truyền thống tâm linh khác, có thể người ta không dám nói Thượng Đế là một sáng tạo phẩm của con người. Nhưng trong đạo Bụt vị thiền sư có thể nói: 'Bụt là sáng tạo phẩm của con người, một sản phẩm của tâm.' Nếu có Bụt, đó là Bụt của tâm. Nếu có Ma, đó là Ma của tâm. Đây rõ ràng là phương pháp đoạt cảnh bất đoạt nhân.

Đọc đến đây, những người mới học Phật có thể hỏi: Bụt là sản phẩm của tâm, vậy thì mình theo đạo Bụt làm gì? Tại sao mình phải quy y thành Phật tử, nếu không có một thực tại bên ngoài gọi là Bụt, Pháp và Tăng? Tại Làng Mai, mỗi khi tụng Tam Quy là tụng theo một tiến trình Con về nương tựa Bụt trước, rồi đến Đã về nương tựa Bụt, sau cùng là Về nương Bụt trong con. Con về nương tựa Bụt là bước đầu của sự thực tập: thấy Bụt ở ngoài. Bước thứ hai là Đã về nương tựa Bụt: nương tựa ở đây không còn là một ước mơ nữa mà là một sự thật đang xảy ra. Bước thứ ba là Về nương Bụt trong con: Bụt không còn là một đối tượng, một thực thể khách quan ở ngoài ta mà có mặt ngay trong tâm của ta.

Nếu quý vị đạt tới tính vô sinh của vạn pháp, biết rằng tâm là huyễn hóa, thật ra không có một đối tượng nào hay một hiện tượng nào có thật, đâu đâu cũng là thanh tịnh, thì đó là Bụt.

Tâm là huyễn hóa (tâm như huyễn hóa). Huyễn hóa ở đây tức là nhà ảo thuật. Nhà ảo thuật biến hiện ra những cái mình thấy rõ ràng như có thật, kỳ thực không có gì cả. Trong kinh Bát Nhã Hành có câu: Như nhà ảo thuật giữa ngã ba hóa hiện ra bao nhiêu người, rồi chặt đầu

https://thuviensach.vn

người này đến người khác mà thật ra không có ai chết cả. Khi Tổ Lâm Tế nói chặt đầu những Hóa thân và Báo thân của Bụt là Tổ lấy ý từ kinh Bát Nhã Hành. Những Hóa thân và Báo thân đó là những sáng tạo phẩm của tâm ta. Xem chúng như những thực tại khách quan, độc lập với mình là một sự sai lầm. Cho nên ta phải biết tâm ta là một nhà ảo thuật (magician).

Nếu quý vị đạt tới tính vô sinh của vạn pháp. Tất cả các pháp từ cái bàn, cái ghế, đến đám mây, mặt trời..., tất cả những thứ ấy giống như là có sinh, diệt, có, không, tới, đi, một và nhiều. Nhìn sâu và quán chiếu thấu đáo, ta thấy bản chất của chúng là vô sinh bất diệt, không tới cũng không đi, không có cũng không không và không một cũng không nhiều. Có tất cả tám phạm trù tư tưởng: Sinh, diệt, có, không, tới, đi, nhiều và một. Đó là tám ý niệm (eight mental categories). Ai cũng nghĩ rằng bản chất của sự vật là có sinh, có diệt, có tới, có đi, có còn, có mất, có một và có nhiều; ly nước không phải là đám mây, đám mây không phải là ly nước à. Hai cái là khác hoặc hai cái là một... Kẹt vào những ý niệm đó, ta không thấy được bản chất của thực tại. Chỉ khi nào đạt tới cái nhìn vô sinh của vạn vật thì ta mới thấy được vạn vật. Chữ vô sinh ở đây không chỉ có nghĩa là vô sinh mà cũng có nghĩa là bất diệt, vô khứ, vô lai, phi hữu, phi vô, phi nhất, phi dị. Tổ chỉ nói tới một phạm trù (vô sinh) thì ta phải hiểu là có cả bảy phạm trù kia nữa.

Thật ra không có một đối tượng nào, một hiện tượng nào có thật ngoài tâm, đâu đâu cũng là thanh tịnh, thì đó là Bụt.

Trong nguyên văn là 'cảnh vô nhất trần nhất pháp'. Chữ đối tượng là dịch từ chữ trần. Chữ pháp dịch là hiện tượng (phenomena). Chữ trần có nghĩa là bụi. Nhưng trong câu này dịch là bụi thì không được, vì chữ trần là đối với chữ căn. Trần ở đây là đối tượng nhận thức bao gồm sáu lĩnh vực: sắc trần (đối tượng của con mắt), thanh trần (đối tượng của lỗ tai), hương trần (đối tượng của mũi), vị trần (đối tượng của lưỡi), xúc trần (đối tượng của thân) và pháp trần (đối tượng của ý). Vô nhất trần ở đây không có nghĩa là không có một hạt bụi nào, mà là không có một đối tượng nào (của sáu thức). Nhà học giả

https://thuviensach.vn

Démiéville trong bản dịch của ông dịch trần là hạt bụi, trong trường hợp này là không đúng. Đâu đâu cũng là thanh tịnh: thấy nơi nào cũng là thanh tịnh, không phải là cái thanh tịnh đối với cái bất tịnh. Đâu đâu cũng là thanh tịnh, thì đó là Bụt. Khi nhìn sự vật, ta không bị tám phạm trù tư tưởng che lấp, lúc đó ta là Bụt. Vì vậy Bụt từ tâm, Ma cũng từ tâm.

Tuy vậy, người ta thường nghĩ là Bụt và Ma là hai cảnh giới nhiễm tịnh khác nhau.

Nguyên văn chữ Hán: 'Nhiên Phật dữ Ma thị nhiễm tịnh nhị cảnh.' Nghĩa là Bụt và Ma là hai cảnh giới nhiễm tịnh khác nhau. Đây là Tổ nhắc lời kẻ khác, không phải là ý của Tổ. Vì vậy cho nên khi dịch chữ Hán ra nghĩa, ta nên thêm chữ người ta thì đúng với ý của Tổ hơn.

Theo cái thấy của tôi thì không có Bụt cũng không có chúng sinh.

Chữ không này không phải là chữ không trong tám phạm trù của tư tưởng. Chúng ta nên nhớ rằng một trong những giáo lý căn bản của Tổ Lâm Tế là 'Phật Sanh bất nhị'. Nghĩa là Phật và chúng sinh không phải là hai cái khác nhau, cũng có nghĩa là nhân duyên, như rác với hoa. Rác là do hoa héo tàn mà có, còn hoa là do được bón phân từ rác mục nát mà thành; rác do hoa mà có, và hoa do rác mà thành. Bụt và chúng sanh tương tức. Cũng như tay trái và tay phải, nếu có tay trái thì có tay phải, nếu có tay phải thì có tay trái. Không có Bụt cũng không có chúng sinh, nghĩa là Bụt không phải là một thực tại độc lập, và chúng sanh cũng không phải là một thực tại độc lập. Ma và Bụt cũng vậy. Ma và Bụt cộng tác với nhau như chàng dũng sĩ và tên cướp trên sân khấu vậy. Hai nhân vật này phải cộng tác với nhau mới thành ra một vở kịch. Nếu nhân vật tướng cướp nói: 'Tôi không muốn làm tướng cướp, tôi chỉ muốn làm Bụt.' thì màn kịch không thể thành hình được. Thành ra, nói rác là kẻ thù của hoa thì không đúng, vì không có rác thì làm sao có hoa, và nếu không có hoa thì làm sao có rác được. Vì vậy cho nên 'Phật sanh bất nhị' tức là Bụt và chúng sanh không phải là hai cái khác nhau. Tự nhận mình là chúng sanh để rồi đi tìm Bụt, đó là sai lầm căn bản. Trong phần đầu của Lâm Tế Lục, Tổ

https://thuviensach.vn

có nói là đừng chạy theo Bụt. Nghe vậy, mình liền có phản ứng, nói: 'Tôi cạo đầu đi tu là để chạy theo Bụt. Bây giờ Tổ nói như vậy rồi bảo tôi đừng chạy theo Bụt, thì đâu có được!' Sự thật là như vậy. Anh càng chạy theo thì Bụt càng cách xa. Chỉ khi nào anh dừng lại thì Bụt đứng trước mặt, còn nếu anh bắt đầu chạy theo thì Bụt biến mất. Chúng ta cứ tưởng tượng một đợt sóng đang bôn ba chạy đi tìm nước. Đợt sóng đó sẽ không bao giờ tìm thấy.

Không có xưa không có nay, đạt được thì đạt ngay.

Chúng ta thường nói Bụt ra đời đã 2600 năm rồi, bây giờ mình mới được sanh ra, mình thấy mình vô phước; nếu được sanh ra vào thời của Bụt thì mình có phước hơn nhiều. Kỳ thực, có những người đã được sanh ra trước đây 2600 năm, nhưng trong số đó cũng có nhiều người chống đối Bụt; có người được làm đệ tử Bụt rồi bỏ Bụt, bỏ giáo đoàn mà đi. Thành ra quan điểm cho rằng Bụt chỉ có mặt cách đây 2600 năm thôi, Bụt không có mặt bây giờ là một sai lầm lớn. Bụt không bị thời gian điều kiện hóa: không phải chỉ ngày xưa có Bụt, bây giờ không có Bụt. Ý niệm xưa và nay là một trong những ý niệm cần phải gột sạch. Không có xưa không có nay, đạt được thì đạt ngay, tức là không có xưa không có nay mà cũng không có mai. Không cần phải chờ mười năm, hai mươi năm nữa làm giáo thọ rồi mới đạt được những gì mình muốn, đạt được thì đạt ngay bây giờ. Giây phút hiện tại là cơ hội duy nhất, được hay không là giây phút này. Đây không phải là vấn đề lao tác mệt nhọc, cũng không phải là vấn đề tích lũy công phu ngày tháng, mà là vấn đề có khả năng thức tỉnh trong giờ phút này hay không mà thôi.

Không cần phải đi qua thời gian.

Nguyên văn là 'bất quản thời nhật' (akalika). Trong thời đại của Tổ Lâm Tế, người ta dùng danh từ đạo Phật quá nhiều. Người ta buôn bán, trao đổi cho nhau những thúng danh từ. Và người ta đã sống trên những danh từ đó. Chính vì vậy Tổ Lâm Tế phải đặt chữ mới để dùng. Như chữ 'chánh kiến' là chữ rất quen thuộc Tổ cũng không dùng mà dùng bốn chữ 'kiến giải chân chánh' thay vì hai chữ

https://thuviensach.vn

(nguyên văn là 'chân chính kiến giải'). Tại sao? Tại vì chữ chánh kiến được nhiều người sử dụng thành ra bị nhàm. Cũng theo tinh thần ấy, thay vì dùng chữ vô tác hay vô nguyện thì Ngài dùng chữ vô sự. Giống như tình trạng của chúng ta bây giờ đây. Chúng ta thấy nhiều chữ bị bẩn đi, vì người ta dùng nhiều quá hóa ra không còn ý nghĩa gì nữa. Họ nói từ bi; họ nói trí tuệ; họ nói vô ngã, nhưng khi chúng ta nhìn thì chúng ta thấy người nào cũng có cái ngã rất lớn; người nào cũng đối xử với nhau rất tệ, không chút từ bi. Chúng ta chán nghe những danh từ đó lắm rồi. Chúng ta thấy những danh từ đó bị bệnh. Chúng ta không muốn làm những công việc buôn bán đổi chác những danh từ đó nữa, chúng ta chỉ muốn sự thật. Thành ra chúng ta phải tìm ra những từ ngữ mới để thay thế. Chúng ta không dùng chữ trí tuệ nữa, chúng ta dùng chữ hiểu biết. Chữ từ bi mất ý nghĩa rồi, cho nên chúng ta dùng chữ thương yêu. Ý của Tổ, ta đã kinh nghiệm qua thành ra ta hiểu được Tổ.

Không cần tu không cần chứng, không được không mất, trong bất cứ thời gian nào đều cũng không hề có một pháp nào khác biệt. Nếu có một pháp nào khác hơn, thì tôi nói pháp đó cũng chỉ là mộng, là huyễn, đó là tất cả cái gì tôi muốn nói.

Chỉ là mộng, là huyễn, đó là câu trong kinh Kim Cương: 'Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh'. Nghĩa là tất cả các pháp hữu vi đều như là ảo thuật, là giấc mộng, là những bọt nước, là những hình ảnh không thật. Không cần phải đi qua thời gian, không cần tu không cần chứng, không được không mất, trong bất cứ thời gian nào đều cũng không hề có một pháp nào khác biệt. Nếu có một pháp nào khác hơn, thì tôi nói pháp đó cũng chỉ là mộng, là huyễn, đó là tất cả cái gì tôi muốn nói. Câu này lấy từ ý của kinh Đại Bát Nhã. Điều này cho chúng ta biết rằng cái học của Tổ rất vững. Đây là đoạn kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa trong Đại Tạng Tân Tu (Taisho 223) mà Tổ đã sử dụng:

> *Ngã thuyết Niết Bàn diệc như huyễn như mộng*
> *Nhược đương hữu pháp thắng ư Niết Bàn giả*
> *Ngã thuyết diệc phục như huyễn mộng. Hà dĩ cố?*

https://thuviensach.vn

Chư thiên tử! Thị huyễn mộng Niết Bàn bất nhị bất biệt.

Bụt nói cho chư thiên bài pháp này. 'Ngã thuyết Niết Bàn diệc như huyễn như mộng' nghĩa là: 'Ta nói Niết Bàn như ảo thuật, như một giấc mơ'. Trong khi phần lớn các Phật tử đều nghĩ rằng mục đích sự tu học của mình là đạt tới Niết Bàn thì Bụt dạy Niết Bàn là ảo thuật, là một giấc mơ. Nếu chúng ta tìm cầu Niết Bàn như là một thực tại có thật ngoài ta, thì chúng ta không thực chứng được Niết Bàn.

Những người Cơ Đốc giáo đi tìm Thượng Đế, vì nghĩ rằng Thượng Đế là một thực tại ở ngoài họ. Thượng Đế là Đấng tạo hóa (creator), còn họ là tạo vật (creature). Họ cho rằng tạo hóa (creator) nằm ngoài tạo vật (creature); tạo hóa có mặt một cách độc lập với tạo vật. Nếu nghĩ như vậy thì theo đạo Bụt Thượng Đế là một ảo thuật, là một giấc mộng không có thật. Ta có quyền đi tìm Thượng Đế, nhưng nếu nghĩ rằng Chúa Kitô và Thượng Đế là những thực tại khách quan, thì ta có đi tìm cả ngàn kiếp cũng không gặp. Cho nên việc đầu tiên mà cũng quan trọng nhất là ta phải vứt bỏ ý niệm ấy đi; phải thấy Thượng Đế và Chúa Kitô chỉ là huyễn, là mộng, là sáng tạo phẩm của tâm ta. Chỉ khi nào thấy được như vậy thì lúc ấy ta mới có cơ hội thật sự tiếp xúc với Thượng Đế, với Chúa Kitô. Cũng vậy. Đối với người học Phật, Niết Bàn là mục tiêu tối hậu của sự tu học. Nhưng nếu ta nghĩ rằng Niết Bàn là đối tượng tìm cầu ở ngoài ta, thì ta sẽ đánh mất Niết Bàn vĩnh viễn. Tại vì Niết Bàn ở tại tâm ta. Chỉ cần nghĩ đến đợt sóng đi tìm nước và nghĩ rằng nước nằm ngoài nó, ta thấy rõ sự dại khờ và vô minh của đợt sóng lớn như thế nào. Cũng giống như ta đi tìm Chúa Kitô hay Thượng Đế, hoặc Niết Bàn ở ngoài ta, thì ta cũng ngây thơ, dại khờ như đợt sóng đi tìm nước vậy.

Nhược đương hữu pháp thắng ư Niết Bàn giả.
Ngã thuyết diệc phục như huyễn mộng.

Nghĩa là: Nếu có pháp gì hay, cao hơn Niết Bàn đi nữa, thì tôi nói pháp đó cũng là ảo thuật, là mộng mị, nếu quý vị nghĩ rằng Niết Bàn là một thực tại có ngoài quý vị. Cho nên Tổ Lâm Tế nói Niết Bàn là ảo thuật, là một giấc mơ. Trong Cơ Đốc giáo, truyền thống Chính Thống

https://thuviensach.vn

giáo là gần với tinh thần này nhất. Những nhà thần học Chính Thống giáo nói rằng: 'Mình là một với Thượng Đế. Mình và Thượng Đế không phải là hai thực tại riêng biệt'. Còn những nhà thần học Thiên Chúa giáo nói rằng: 'Thượng Đế là nền tảng của hiện hữu' (God is the Ground of Being), thì vấn đề lại được nêu ra thêm là: nếu Thượng Đế là nền tảng của hiện hữu, thì 'Cái gì' là nền tảng của không hiện hữu? (Ground of Non-Being). Đó là điểm bế tắc căn bản của thần học Cơ Đốc giáo, là tư duy theo khuynh hướng nhị nguyên (tạo hóa với tạo vật là hai thực tại riêng biệt). Khi nói Thượng Đế là nền tảng của hiện hữu thì nó gần với hình ảnh của nước và sóng hơn. Nhưng đứng ở phương diện thực tập, ta khó đạt tới mức của sóng và nước, vì vẫn còn có sự phân biệt giữa hiện hữu (hữu thể) và không hiện hữu (vô thể). Nếu ta còn kẹt vào cái nhìn nhị nguyên về Bụt và Ma, Thượng Đế và Sa Tăng sẽ còn đó mãi. Đây không phải là vấn đề của riêng đạo Bụt hay đạo Cơ Đốc mà là vấn đề chung cho tất cả các truyền thống tâm linh.

Trong bài hát Tìm Nhau có câu: 'Con đã đi tìm Thế Tôn, bởi vì con đói lạnh, bởi vì con khát khao, bởi vì con muốn tìm được cho ra bóng hình ai muôn đời tuyệt hảo...' Ta đã bắt đầu đi tìm Thế Tôn như một thực tại ở ngoài ta. Ta đã không sợ hãi những trở ngại trên con đường đi tìm. Nếu không có máy bay, ta đi bằng xe lửa; nếu không có xe lửa, ta đi bằng xe hơi; nếu không có xe hơi, ta đi bằng xe đạp; nếu không có xe đạp thì ta đi bằng đôi chân ta..., bằng mọi cách ta tìm cho tới được Làng Mai. Ta đi tìm Thế Tôn cũng như vậy. Ta đi đến tận cùng hoang dã, vượt qua mênh mông biển lạ, và lên đỉnh tuyệt mù cao sơn... Ta đã từng nằm chết quạnh hiu trên cánh sa mạc già. Ta đã cố giấu vào tim những dòng lệ đá... Ta đã vượt tất cả những khó khăn đó chỉ vì muốn tìm được cho ra Thế Tôn. Trong quá trình đi tìm đó, tự nhiên trong lòng ta phát sinh ra một cái thấy: sự đi tìm này được hướng dẫn bởi một linh cảm là người đi tìm và người đang được đi tìm là một. 'Con linh cảm rằng từ muôn kiếp xa xưa, Thế Tôn với con đã từng là một; rằng khoảng cách giữa hai ta không thể dài hơn quá một nhịp tâm đầu...' Tâm đầu tức là niệm đầu, cái tích tắc của tâm, nằm trong tâm, chính nhờ cái thấy đó mà ta tìm ra được Thế Tôn.

https://thuviensach.vn

‘Con đã tìm ra Thế Tôn, con đã tìm ra con.’ Tìm ra nước tức là tìm ra sóng, và tìm ra sóng tức là tìm ra nước.

Nguyên văn kinh Bát Nhã: ‘Hà dĩ cố? Chư thiên tử! Thị huyễn mộng, Niết Bàn bất nhị bất biệt.’ Nghĩa là: Tại sao vậy? (Tại vì) huyễn mộng và Niết Bàn cả hai đều là bất nhị, đều là bất biệt. Bất nhị (non duality) là danh từ chìa khóa (keyword). Bất nhị không có nghĩa là một (nhất). Cũng như rác và hoa không khác cũng không một. Tổ Lâm Tế nói đâu đâu cũng là thanh tịnh khi ta lấy ra được tất cả các ý niệm rác rến, trong đó tám cọng rác lớn nhất là sinh, diệt, có, không, tới, đi, một và khác. Bất biệt là không khác. Đây là ảnh hưởng của Tâm Kinh: Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị’. Niết Bàn là huyễn mộng, và huyễn mộng là Niết Bàn; tất cả những gì huyễn mộng đều là Niết Bàn, tất cả những gì Niết Bàn đều là huyễn mộng.

Này các bạn tu, mỗi vị đang ngồi trước mặt tôi nghe pháp đây, ngay trong giờ phút hiện tại, đều là bản chất sáng tỏ rõ ràng, người nào cũng không bị ủng trệ, người nào cũng thông suốt mười phương, tự tại trong ba cõi, người nào cũng có thể tự do đi vào mọi cảnh giới không bị trở ngại, mỗi người trong thời gian một nháy mắt có thể thấu nhập pháp giới, gặp Bụt thì nói chuyện Bụt, gặp Tổ nói chuyện Tổ, gặp La-hán nói chuyện La-hán, gặp ngạ quỷ nói chuyện ngạ quỷ, rong chơi khắp mọi quốc độ để giáo hóa chúng sinh mà không cảm thấy một giây phút nào xa cách, ở đâu cũng thanh tịnh, ánh sáng soi thấu mười phương, thấy được vạn pháp là nhất như.

Chuyện thành Bụt, chuyện ngao du thâm nhập vào mười phương thế giới có thể xảy ra trong giờ phút hiện tại. Chuyện đó không phải là vấn đề công phu của năm năm, mười năm, hay hai mươi năm sau. Điều này thường được lặp đi lặp lại nhiều lần ở Làng Mai bằng một ngôn từ khác, đơn giản và ngắn gọn hơn, đó là: ‘Tất cả những gì ta đi tìm chỉ có thể tìm thấy trong giây phút hiện tại. Dù đó là Niết Bàn hay Tịnh Độ, giác ngộ hay giải thoát, ông bà hay con cháu, ta đều có thể tiếp xúc ngay trong giờ phút hiện tại.’ Khi ta không bị những kiến giải sai lầm, những tà kiến che lấp, thì tâm ta phát ra năng lượng sáng

https://thuviensach.vn

chói, lúc đó ta chính là Bụt. Biết sử dụng năng lượng đó, ta cũng làm được như Bụt. Ta muốn đi vào thế giới của ma đói hay thế giới của hoa tạng, đi vào cảnh giới của chư Bụt và Bồ-tát, hay đi vào quá khứ gặp Bụt Ca Diếp hoặc đi vào tương lai gặp Bụt Di Lặc... ta có thể đi vào được liền. Đừng đi tìm trong thời gian và trong không gian khác, hãy trở về trong giây phút hiện tại. Tại vì giây phút hiện tại chứa đựng mười phương thế giới, chứa đựng không gian vô cùng và thời gian vô tận, nếu ta an trú được trong giây phút hiện tại thì ta tiếp xúc được tất cả. Nếu ta làm được chuyện đó, ta xứng đáng được gọi là một trang hảo hán, một bậc đại trượng phu. Ta không bị ủng trệ, không bị bất cứ một cảnh giới nào làm trở ngại, và quyền lực của ta không khác gì quyền lực của đức Thế Tôn.

Trong đạo Bụt có danh từ Thế Giới (Lokadhātu) và Pháp Giới (Dharmadhātu). Thế giới là cảnh giới của sự phân biệt, kỳ thị trong ấy chúng ta sống đời sống hằng ngày. Trong cảnh giới này, cha chỉ là cha, cha không thể là con. Đám mây chỉ là đám mây, đám mây không thể nào là cốc nước được. Đó là cảnh giới của thế giới. Nhưng nếu ta biết vận dụng tâm sáng chói của ta, thì ta có thể làm cho pháp giới hiển hiện. Trong pháp giới, cha có trong con, con có trong cha; ta ở trong Bụt, Bụt ở trong ta; rác nằm trong hoa, hoa nằm trong rác. Chỉ cần trong thời gian một nháy mắt là ta có thể đi vào pháp giới. Tất cả chúng ta đều có thể bước một bước là vào pháp giới, thấy được cái một trong cái tất cả, thấy được cái tất cả trong cái một. Chỉ cần dẫm chân lên Làng Mai là đồng thời ta cũng dẫm chân lên năm châu mà không cần phải đi máy bay qua tận các nước ấy.

Thế giới hay pháp giới được biểu hiện ra tùy theo nhận thức của ta. Cũng như cái máy vi tính chất chứa những dữ kiện. Ta có thể làm cho các dữ kiện này hiện lên hoặc mất đi trong thời gian rất ngắn. Nhưng sự thực tập đi vào thế giới và pháp giới còn mau hơn máy vi tính nữa. Máy vi tính còn phải cần một thời gian vài giây cho một dữ kiện hiện lên hoặc ẩn đi. Còn với sự thực tập này chỉ trong một nháy mắt là ta có thể đi vào thế giới của Hoa Tạng gặp Bụt Thích Ca nói chuyện với đức Thích Ca, gặp Bụt Đa Bảo nói chuyện với đức Đa Bảo, gặp đức Di Lặc nói chuyện với đức Di Lặc, gặp bà ngoại nói chuyện với bà ngoại,

https://thuviensach.vn

gặp ông nội nói chuyện với ông nội... Chuyện đó chúng ta có thể làm ngay trong giây phút này.

Có một nhà bác học tên là David Bohm. Ông đặt ra hai danh từ cho một vật thể: the implicate order và the explicate order. Nhờ quan sát vật thể mà ông thấy được điều đó. Các nhà khoa học hiện nay thấy được trong một chất điểm có mặt của tất cả những chất điểm khác, cái thấy đó nằm trong the implicate order. Trong thế giới the explicate order thì những chất điểm nằm ngoài nhau. Cũng như thế giới (lokadhātu): đám mây nằm ngoài ly nước, nằm ngoài dòng sông, phân rác nằm ngoài bông hoa, người cha nằm ngoài đứa con, và Bụt nằm ngoài chúng sanh. Nhìn với con mắt của nhà khoa học thì thấy được đám mây đang nằm trong dòng sông và dòng sông đang nằm trong đám mây, người cha đang nằm trong đứa con và đứa con cũng đang nằm trong người cha. Chỉ trong một nháy mắt ta đi từ thế giới sang pháp giới, từ the explicate order đi vào the implicate order: trong cái một có cái tất cả, cái này đồng thời nằm trong cái kia. Cái thấy của khoa học bây giờ rất gần với cái thấy của giáo lý Hoa Nghiêm. Chúng ta có tuệ giác, chúng ta có cái tinh minh sáng chói, chúng ta đâu cần nhiều thời gian, chúng ta chỉ cần đùa chơi một chút là thấy được điều ấy: thấy cha đang có trong mình, thấy mình uống trà như đang uống một đám mây, thấy bà nội đang uống trà với mình, và Bụt đang đi với bàn chân của mình. Đó là cái ý Tổ muốn nói trong đoạn văn này. Cái pháp thần thông đó, cái diệu dụng đó, không phải Bụt mới có, mình cũng có tại mình không chịu làm thôi.

Này các bạn tu, ngày nay muốn làm một kẻ đại trượng phu thì phải tỏ ngộ được sự thật bản lai vô sự. Chỉ vì đức tin của quý vị chưa chín cho nên quý vị còn tiếp tục tìm cầu trong mỗi giây phút, bỏ đầu tìm đầu, không tự mình dừng lại được.

Đây là câu mà Tổ lặp đi lặp lại nhiều lần. Chúng ta có một cái đầu rồi, nhưng vẫn đi tìm một cái đầu khác, đó là hình ảnh của chàng Diễn-nhã-đạt-đa (Yajnadatta). Mục đích của Tổ Lâm Tế là giúp cho ta thấy được con người thật của mình, làm tỏ lộ con người lớn (đại trượng phu) của mình ra như một trang hảo hán. Muốn trở thành một trang

https://thuviensach.vn

hảo hán, một bậc đại trượng phu, ta phải tỏ ngộ được sự thật. Bản lai vô sự tức là xưa nay vô sự. Vô sự ở đây phải hiểu là vô đắc, vô nguyện hay vô tác. Vô tác nghĩa là không cần làm gì nữa hết, tiếng Phạn là āpranihita. Āpranihita nghĩa là không đặt mình trước một đối tượng để chạy theo. Chúng ta thường đặt phía trước mình một mục tiêu, một đối tượng, để chạy theo; đối tượng đó có thể là Niết Bàn, đối tượng đó có thể là Bụt, đối tượng đó có thể là năm dục. Điều đó đã làm cho ta mệt nhoài từ kiếp này sang kiếp khác. Mục đích của Tổ là muốn chúng ta lấy ý niệm đó ra, đừng chạy theo một đối tượng nào nữa, để ta có thể dừng lại và khỏi phải làm gì nữa. Vô sự cũng là một chữ mới Tổ đặt ra để sử dụng.

Chỉ vì đức tin của quý vị chưa chín. Chúng ta có tất cả những điều kiện để làm được như Bụt, nhưng vì không đủ đức tin cho nên chúng ta mới đi tìm cầu. Đức tin ở đây là tin vào khả năng thành Bụt của mình (Phật tính), khả năng làm được những điều Bụt đang làm. Nhưng có người vẫn nghĩ mình là con số không to tướng, và họ muốn đi tìm một cái gì khác to lớn hơn để bù đắp: cái đó là Bụt, cái đó là Thượng Đế, cái đó là Niết Bàn, cái đó là thiên quốc. Hành động đi tìm ấy không khác gì hành động của chàng Diễn Nhã Đạt Đa, có đầu rồi mà không biết vẫn đi tìm một cái đầu khác.

Này các bạn tu, ngày nay muốn làm một kẻ đại trượng phu thì phải tỏ ngộ được sự thật bản lai vô sự. Trượng phu là người. Đại trượng phu là con người lớn có tự do, có tự chủ, con người đứng thẳng (homo erectus). Đại trượng phu có thể là người nam hay người nữ. Tổ Lâm Tế không muốn ta làm Bụt, làm Bồ-tát hay làm thánh, Tổ chỉ muốn ta làm con người thật (đại trượng phu) tỏ ngộ được bản lai vô sự. Bản lai vô sự nghĩa là từ xưa tới nay không có gì cần thiết để mình làm, không có sự nghiệp nào xứng đáng để mình theo đuổi và thực hiện. Như vậy bậc đại trượng phu là người có khả năng dừng lại mà không chạy theo bất cứ một điều gì. Ví dụ mình là người đang tập sự xuất gia, mình không có ngày đêm trông ngóng để chờ được xuất gia, lúc nào mình cũng có khả năng hạnh phúc, ngày xuất gia đến thì mình cười với nó, còn trước đó mình vẫn có hạnh phúc như thường. Tại sao? Tại vì mình có tự do. Thành ra đặc tính của một đại trượng phu

https://thuviensach.vn

là tự do. Tự do đối với một mong cầu nào đó, tự do đối với một đối tượng theo đuổi nào đó, gọi là bản lai vô sự. Trong ánh sáng này, mình phải công nhận mình là một thực tại mầu nhiệm, mình không cần phải chối bỏ con người của mình để trở thành một con người khác. Chỉ vì không đủ đức tin, cho nên mình mới phủ nhận tự thân để đi tìm một nhân cách khác, một địa vị khác; cũng như hoa cúc đã đẹp, đã mầu nhiệm rồi, nó không cần phải trở nên hoa đào thì mới đẹp. Tự thân ta đã là mầu nhiệm, ta không muốn đánh đổi điều mầu nhiệm này với một cái mầu nhiệm khác, bởi vì cái mầu nhiệm này cũng nằm trong cái mầu nhiệm kia.

Đại trượng phu là con người tự do không nắm bắt, con người không theo đuổi một điều gì khác. Hạnh phúc chỉ có được trong giây phút hiện tại khi không còn ý niệm tìm cầu hay nắm bắt. Khi tâm ý muốn tìm cầu, theo đuổi hay nắm bắt, thì ta đã có sự không hạnh phúc không thỏa mãn, vì vậy cho nên lấy ra được khỏi con người mình cái khuynh hướng nắm bắt, tìm cầu và theo đuổi ấy, thì tự nhiên ta dừng lại được và ta có hạnh phúc liền, khi đó ta là người vô sự. Ta đã là cái ta muốn trở thành, và ta không muốn trở thành một cái gì khác, đó là đức tự tin. Ta đã là Bụt, ta không cần chạy đi tìm Bụt nữa, Bụt trong tự thân, chỉ vì ta không biết sử dụng năng lượng của Bụt ở trong mình cho nên mới đánh mất tự tin. Đợt sóng đã là nước, đợt sóng không cần phải đi tìm nước, đợt sóng chỉ cần trở về tự thân để thấy mình cũng là nước, lúc đó đợt sóng sẽ có hạnh phúc và không chạy đi tìm cầu nữa.

Cho nên quý vị còn tiếp tục tìm cầu trong mỗi giây phút, bỏ đầu tìm đầu, không tự mình dừng lại được. Bỏ đầu tìm đầu là lấy tích chàng Diễn-nhã-đạt-đa. Kinh Thủ Lăng Nghiêm có kể chuyện chàng Diễn-nhã-đạt-đa có bệnh tâm thần. Diễn-nhã-đạt-đa thường ưa nhìn nét mặt mình trong gương. Một hôm, trong khi Diễn-nhã-đạt-đa đang đứng soi mình trong gương, bỗng hoảng hốt la lên mình mất đầu, rồi vừa chạy đi tìm đầu vừa la: 'Cái đầu của tôi ở đâu rồi?' Tìm Đông, Tây, Nam, Bắc, Diễn-nhã-đạt-đa vẫn không tìm ra cái đầu của mình. Nghe vậy, thiên hạ liền cười chê, nói: 'Cái đầu còn trên cổ của anh, làm gì mà hoảng hốt đi tìm như vậy?' Khi được chỉ cho sự thật là cái

https://thuviensach.vn

đầu vẫn nằm trên cổ mình, lúc đó Diễn-nhã-đạt-đa mới ngưng lại sự tìm kiếm. Điều làm cho Diễn-nhã-đạt-đa vất vả tìm kiếm là cái vọng tưởng điên đảo. Chúng ta cũng như chàng Diễn-nhã-đạt-đa có đầu nhưng vẫn chạy tìm thêm một cái đầu khác nữa. Bỏ đầu tìm đầu, không tự mình dừng lại được. Đó là hình ảnh Bụt đưa ra để dạy chúng ta, những người đang còn xôn xao tìm kiếm: Bụt, Thượng đế, hạnh phúc, hòa bình...

Các vị cứ hình dung những vị Bồ-tát viên đốn hiện thân, đi vào pháp giới, hướng về Tịnh Độ, ghét phàm yêu thánh mà xem.

Có những vị gọi là Bồ-tát viên giác, Bồ-tát đốn giác. Viên nghĩa là đầy đủ, tròn đầy. Đốn nghĩa là ngay tức khắc. Đốn giác (Sudden enlightenment, instant enlightenment) tức là giác ngộ tức thì, không cần phải chờ thêm thời gian nữa, cũng như mì ăn liền (instant noodles) hay cà phê uống liền (instant coffee). Đốn giáo là giáo lý dạy phương pháp thực tập để có giác ngộ ngay lập tức. Viên giáo (the perfect teaching) là giáo lý dạy phương pháp thực tập để có giác ngộ tròn đầy (viên giác). Có những vị Bồ-tát viên giác, Bồ-tát đốn giác, họ muốn đi vào pháp giới (Dhamardhātu), họ không còn muốn ở trong thế giới (Lokadhātu), tại vì thế giới có nhiều khổ đau, nên họ muốn bỏ thế giới để đi tìm pháp giới; họ chán ghét cõi Ta bà và hướng về Tịnh Độ. Các vị Bồ-tát ấy cũng đang có mặt ở đây. Các vị Bồ-tát ghét phàm yêu thánh, chúng ta cứ hình dung họ mà xem. Họ muốn đi tìm những gì gọi là thánh (holiness) và ghét những gì cho là trần tục (profane). Hãy tưởng tượng những vị đó đi! Những vị đó có phải là những hình ảnh mà ta mong ước và tôn thờ hay không?

Nếu có những vị Bồ-tát như thế thì họ vẫn còn vướng vào sự nắm bắt và buông bỏ.

Họ vẫn còn muốn trốn chạy cái này và đi tìm cái khác, họ là những người còn chán ghét một cái và ưa thích một cái khác.

Trong tâm họ ý niệm về nhiễm tịnh vẫn còn.

https://thuviensach.vn

Tâm Kinh Bát Nhã nói rằng không có gì dơ cũng không có gì sạch, cái dơ được làm bằng cái sạch và cái sạch được làm bằng cái dơ. Hai ý niệm dơ và sạch, thánh và phàm đối chọi nhau, thành ra vẫn có một khuynh hướng kỳ thị, phân biệt, chặt đôi thực tại: một bên là thánh, một bên là phàm, một bên là dơ (nhiễm), một bên là sạch (tịnh). Trong tâm của những vị Bồ-tát viên đốn đó vẫn còn ý niệm phân biệt thánh phàm, dơ (nhiễm) và sạch (tịnh), Ta bà và Tịnh Độ, thế giới và pháp giới, đốn và tiệm, viên và phần. Họ vẫn còn bị kẹt trong cái thế nhị nguyên (dualistic situation). Tổ nói những người đó không phải là Bồ-tát đích thực, tại vì trong tâm họ vẫn còn kỳ thị, phân biệt, ghét bỏ hay ưa thích.

Theo kiến giải của Thiền, thì không thể như vậy. Cái mà tôi chủ trương là tất cả đều phải đang xảy ra ngay trong giờ phút này, không cần đợi tương lai.

Có Bụt hay không? Có Tịnh Độ hay không? Có viên giác, đốn giác hay không? Nếu có, thì phải có liền bây giờ. Tất cả những cái ta muốn tìm cầu, tiếp xúc và kinh nghiệm, những thứ ấy không phải là những đối tượng tìm cầu trong tương lai, tất cả đều đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Đó là điểm rất quan trọng. Tổ thấy rõ quá khứ đã qua, tương lai chưa qua đều là những ý niệm mơ hồ, chỉ có giây phút hiện tại là thật có. Vì vậy cho nên bám víu vào tương lai, mong ước vào tương lai, đầu tư vào tương lai, ta sẽ đánh mất hiện tại, mà đánh mất hiện tại, thì ta mất tất cả. Tương lai chỉ là một bóng ma. Quá khứ cũng là một bóng ma. Cho nên ta phải trở về trong giây phút hiện tại. Vì thế Tổ chủ trương là tất cả đều phải đang xảy ra ngay trong giờ phút này, không cần đợi tương lai.

Thuốc và bệnh phải chữa trị lẫn nhau cùng một lúc, bởi vì thuốc và bệnh là hai cái tương đãi; ngoài ra không có cái gì khác gọi là có thật.

Nếu có Tịnh Độ, thì Tịnh Độ cũng là thuốc. Nếu có Niết Bàn, thì Niết Bàn cũng là thuốc. Nếu có Bụt, thì Bụt cũng là thuốc. Tất cả những thứ ấy để đối trị cái gì? Đối trị với những chứng bệnh đang xảy ra trong giây phút hiện tại: bất an, sợ hãi, nghi ngờ, khổ đau... Tất cả

https://thuviensach.vn

những điều chư Bụt và Tổ đặt ra đều là thuốc, và thuốc đó cần phải dùng ngay trong giây phút hiện tại, nó không phải là thứ thuộc về tương lai để ta tìm kiếm. Thuốc được làm ra là do có bệnh, khi bệnh thì được chữa bằng thuốc. Cũng như tay trái và tay phải là hai cái tương đãi. Tương đãi nghĩa là sở dĩ có tay phải là vì có tay trái, sở dĩ có tay trái là vì có tay phải. Cho nên tất cả những điều được viết ra trong Thánh kinh, kinh Coran hay kinh Bụt, đều là thuốc. Thuốc là để trị bệnh, bệnh đang xảy ra mà không dùng thuốc bây giờ lại nghĩ rằng đợi đến tương lai mới dùng tới thì bệnh làm sao lành, càng để lâu không dùng đến thuốc thì bệnh càng nặng.

Theo kiến giải của Thiền, thì không thể như vậy. Cái mà tôi chủ trương là tất cả đều phải đang xảy ra ngay trong giờ phút này, không cần đợi tương lai. Niết Bàn, Pháp thân, Báo thân, ứng thân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Tịnh Độ, v.v... tất cả đều đang xảy ra trong giây phút hiện tại, và nếu muốn thì ta có thể tiếp xúc ngay bây giờ, không cần phải tìm đâu xa. Không có gì có mặt ngoài giây phút hiện tại. Thuốc và bệnh phải chữa trị lẫn nhau cùng một lúc, bởi vì thuốc và bệnh là hai cái tương đãi; ngoài ra không có cái gì khác gọi là có thật (kể cả những đau khổ của mình). Tương đãi tức là nương vào nhau mà có. Những đau khổ của ta cũng chỉ có trong giây phút hiện tại, như lo tương lai ta sẽ già, sẽ bệnh và sẽ chết, thì những ý niệm đó cần được chặt đầu ngay. Tại vì những ý niệm đó là bóng ma, chúng làm cho ta đánh mất hạnh phúc trong giây phút hiện tại, đánh mất sự sống đang có mặt. Ngày xưa có bài hát 'Que sera sera!' (What will be will be!), nghĩa là 'Cái gì sẽ xảy ra thì nó sẽ xảy ra!'. Theo tinh thần Lâm Tế Lục, cái gì sẽ là thì không là, mọi vật phải là bây giờ và ở đây. Nó không phải là một giải pháp nếu mọi vật chỉ được tạo dựng trong tương lai.

Nếu thấy được như thế thì đó là người xuất gia chân thật.

Trong những buổi tham vấn, ít khi có cư sĩ tới tham dự, cho nên những điều trong Lâm Tế Lục phần lớn là nói cho người xuất gia. Tổ gọi những người xuất gia là 'bọn trọc đầu' hay 'bọn hói đầu'. Còn những người xuất gia nào biết an trú ở ngay đây, không đánh mất sự

https://thuviensach.vn

sống trong hiện tại, không mơ tưởng và đầu tư vào tương lai, thì Tổ nói họ xứng đáng được nhận đồ cúng dường (ứng cúng); tiếp nhận cúng dường mười ngàn lạng vàng mỗi ngày cũng không có tội, nếu không, dù chỉ xài có năm mươi xu cũng có tội như thường.

Này các bạn tu, đừng để cho các bậc lão sư (giả mạo) đây đó ấn chứng bừa bãi để rồi đi rêu rao: 'Tôi đã hiểu thế nào là thiền, tôi đã hiểu thế nào là đạo.'

Lão sư, tiếng nhật là Roshi. Một Roshi giả hiệu nói rằng: 'Nếu anh đưa cho tôi mười ngàn, tôi sẽ truyền tâm ấn cho anh.' Rồi họ làm lễ truyền tâm ấn. Tâm ấn là ấn của trái tim. Lấy trái tim của thầy ấn vào trái tim của đệ tử, và người đệ tử tiếp nối thầy mình, gọi là truyền tâm ấn. Buổi lễ truyền tâm ấn được Tổ chức rất long trọng: đốt nến, thắp hương, xướng tán, tụng kinh. Nhưng không biết trái tim của thầy có gì để ấn vào trái tim của người đệ tử không? Hay đó chỉ là hình thức? Và người đệ tử tin rằng mình đã được truyền tâm ấn, đi rêu rao cùng khắp: 'Tôi đã đắc pháp với thầy tôi, tôi biết thế nào là thiền, tôi biết thế nào là giải thoát.' Đây là sự thật đã xảy ra trong thời đại của Tổ Lâm Tế, vào cuối đời nhà Đường.

Ngày xưa như vậy, bây giờ vẫn còn như vậy.

Biện luận thao thao như một dòng thác chảy. Tất cả những hành động đó chỉ là để tạo thêm nghiệp địa ngục.

Ta thuyết giảng về kinh về giáo, ta nói về thiền về đạo, nhưng tất cả những chuyện ta gọi là Phật sự, là hoằng pháp, là lợi sinh đều là những hành động tạo thêm nghiệp địa ngục.

Nếu là người học đạo chân chính, thì ta không cần đi bươi móc những lỗi lầm của thế gian.

Tổ vừa mới chê người, bây giờ Tổ nói mình không nên đi bươi móc những lỗi lầm của thế gian. Tổ biết không la, không nói cũng không được thành ra phải la phải nói, nhưng không phải như thế là để nói xấu người với mục đích nâng cao mình lên. Không cần đi bươi móc những lỗi lầm của thế gian, câu này trích từ trong kinh Pháp Bảo Đàn.

https://thuviensach.vn

Nếu cần phải nói tới những lỗi lầm và khuyết điểm của người, cho dù ta có nói cả ngày lẫn đêm cũng không hết, còn thì giờ đâu nữa để làm những chuyện khác, vì vậy đừng nói những yếu kém của người khác, hãy dùng thì giờ của mình để nói những điều thật sự có lợi ích.

Chỉ cần lập tức tìm cầu chánh kiến.

Chánh kiến tức là những cái thấy đúng, những nhận thức chân chánh.

Đạt được kiến giải chân chính tròn đầy mới gọi là thành công.

Đạt được kiến giải chân chính tròn đầy mới gọi là thành công, mới gọi là một con người đích thực (true gentleman), một đại trượng phu. Chúng ta biết rằng con người lý tưởng của Đạo Bụt Nam Tông (Theravada) là hình ảnh của vị A-la-hán, con người lý tưởng của Đạo Bụt Đại Thừa là hình ảnh của vị Bồ-tát, còn con người lý tưởng của thiền Lâm Tế là hình ảnh của con người vô sự: một con người thảnh thơi, không còn đi tìm cầu. Con người vô sự không cần phải có hào quang, không cần đội mũ Tỳ Lô, không cần đắp y hai mươi lăm điều. Con người vô sự có tự do, biết dừng lại và biết sống mỗi giây phút của đời mình thật sâu sắc.

Hỏi: 'Thế nào là chánh kiến?'

Chúng ta tưởng Tổ Lâm Tế là một người luôn luôn sẵn sàng hét hay cầm gậy để đánh ta. Không đúng như vậy. Đọc đến đây, ta thấy Tổ rất kiên nhẫn, rất tội nghiệp. Tổ vừa mới giải thích xong về chánh kiến, bây giờ lại bị hỏi thế nào là chánh kiến. Đệ tử hỏi những câu không thông minh, vậy mà Tổ vẫn phải ngồi đó để giải nghĩa.

Thiền Sư đáp: 'Chánh kiến là thấy được tính cách thành, trú, hoại, không của các pháp khi quý vị đi vào phàm thánh, nhiễm tịnh, đi vào các quốc độ của chư Bụt bất kỳ ở đâu, đi vào lầu các của Di Lặc, đi vào pháp giới của Tỳ Lô Giá Na.'

Chúng ta có thể đi vào các cõi phàm thánh và nhiễm tịnh ngay trong giây phút hiện tại. Chúng ta có thể đi vào các cõi nước của các vị Bụt, đi vào lầu các của Bụt Di Lặc, đi vào pháp giới của Bụt Tỳ Lô Giá Na,

https://thuviensach.vn

tại vì tất cả những cõi ấy nằm ngay ở trong ta và chung quanh ta. Ví dụ mình muốn gặp Ba mình, mình chỉ cần đi vào trong cơ thể mình là có thể thấy Ba ngay; muốn đi vào pháp giới thì hãy đi vào thế giới, tại vì thế giới chứa đựng pháp giới; muốn đi vào đám mây thì chỉ cần uống nước là mình có thể đi vào đám mây... Tất cả những mầu nhiệm đó mình đều có thể tiếp xúc được ngay trong giờ phút hiện tại.

Chánh kiến là thấy được tính cách thành, trú, hoại, không. Thành là sự biểu hiện, trú là ở lại một thời gian, hoại là bắt đầu tan rã, và không là bắt đầu không thấy nó nữa. Khi Siddhartha được sanh ra, người ta làm lễ ăn mừng, đó là Thành; khi Siddhartha trưởng thành, rồi đi tìm đạo và thành Bụt, đó là Trú; Theo thời gian, Siddhartha già yếu và bệnh, đó là Hoại; cuối cùng, Siddhartha đi vào Niết Bàn, thân xác được hỏa thiêu, đó là Không.

Đi vào trong các cõi nước mà thấy được bốn tướng thành, trú, hoại, không đều là những biểu hiện giả tạm, lúc đó ta sẽ có chánh kiến. Người có chánh kiến không bị bốn tướng thành, trú, hoại và không làm cho mừng vui hay buồn khổ. Thấy thầy đây mình vui mà không còn thấy thầy ở đây nữa mình cũng không khóc, tại vì mình có khả năng tiếp xúc được với thầy qua những biểu hiện khác vì bản chất của thầy là bất sanh bất diệt. Không có cái gì là mất đi cả. Đợt sóng này qua đi, ta tiếp xúc với đợt sóng khác, đợt sóng khác sẽ tiếp nối đợt sóng này, đợt sóng này không mất. Bốn tướng thành, trụ, hoại, không đều là giả tướng. Khi thấy được bốn tướng là giả tướng, ta có chánh kiến. Đó là định nghĩa đầu về chánh kiến của Tổ.

Định nghĩa thứ hai: Chánh kiến là thấy được các tướng không tới không đi, không sinh không diệt của các hiện tượng xuất thế, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết Bàn của Bụt.

Ta thấy Bụt có xuất thế, có tu thành đạo, có chuyển pháp luân, có dạy dỗ trong 49 năm và cuối cùng Bụt nhập Niết Bàn. Ta thấy như Bụt cũng có bốn tướng thành, trú, hoại, không, mà tâm không sinh vui mừng cũng không lộ khổ đau, đó là chánh kiến. Cũng vậy, khi ta thấy

https://thuviensach.vn

tướng sinh, trụ, dị, diệt của cha mẹ ta, anh em ta, thầy bạn ta, mà ta không bị điều kiện hóa cũng không khổ đau, đó là chánh kiến.

Định nghĩa thứ ba: Chánh kiến là thấy được tường tận tướng Không của các pháp, rằng không pháp nào có thật khi quý vị đi vào pháp giới vô sinh, rong chơi trong các quốc độ, và đi vào thế giới hoa tạng.

Hoa tạng, tiếng Phạn là padmāgarbha; padmâ là hoa sen, garbha là tạng. Hoa tạng tức là kho tàng hoa, tiếng Anh là flower bank. Trong kinh Hoa Nghiêm, các Tổ đưa ra hình ảnh thế giới là hình ảnh của một hoa sen nghìn cánh, gọi là thế giới hoa tạng. Nhìn kỹ trong một cánh sen, ta thấy một nghìn cánh sen khác. Cái một nằm trong cái tất cả, cái tất cả nằm trong cái một. Thế giới hoa tạng là thế giới ta có thể tiếp xúc được ngay trong giây phút hiện tại.

Đời Đường, có thầy Pháp Tạng được mời vào cung giảng kinh cho hoàng hậu. Để giúp bà hoàng hậu tiếp xúc được với thế giới hoa tạng, thầy đã cho xây một cái tháp hình bát giác bằng kính. Xây xong, thầy đưa bà vào đứng ở giữa tháp, mời bà thắp lên một cây nến. Bấy giờ, thầy chỉ cho bà thấy trong mỗi tấm kính đều có lớp lớp hình ảnh của trăm ngàn cây nến, trăm ngàn tấm kính khác. Đó gọi là duyên khởi lớp lớp (trùng trùng duyên khởi). Một tấm kính chứa đựng tất cả hình ảnh của các tấm kính khác, và tất cả các tấm kính khác chứa đựng hình ảnh của tấm kính này và những tấm kính khác, đó gọi hình ảnh của pháp giới trùng trùng duyên khởi.

Kinh Hoa Nghiêm kể chuyện Thiện Tài đồng tử - một chú bé hơn mười tuổi - đi tìm học với năm mươi ba vị thiện tri thức. Có một vị nói với em: 'Nếu em chưa tới tham vấn lệnh bà Ma Da phu nhân thì còn thiếu lắm, bà là mẹ của Bụt, bà sẽ dạy cho em rất nhiều.' Nghe thế, Thiện Tài đồng tử (Sudana) lên đường đi tìm bà. Nhưng vì đi tìm hoài mà vẫn không thấy bà đâu, em than: 'Lệnh bà ở đâu, con tìm hoài không gặp!' Có người chỉ bảo: 'Đừng đi tìm nữa. Em hãy ngồi cho thật yên, theo dõi hơi thở vào ra và nhìn vào trong tự thân, thì em sẽ có cơ hội gặp bà.' Thiện Tài đồng tử ngồi xuống, thực tập chỉ và quán. Tự nhiên đồng tử thấy ở dưới đất trồi lên một hoa sen ngàn

https://thuviensach.vn

cánh, rất đẹp. Mầu nhiệm hơn nữa là Thiện Tài đồng tử thấy mình đang ngồi trên một cánh sen. Nhìn sâu vào trong cánh sen đó, Thiện Tài đồng tử thấy rõ ràng là mình cũng đang ngồi trên một hoa sen nguyên vẹn chứ không còn là một cánh sen nữa. Thiện Tài còn thấy trong mỗi cánh sen chứa đựng tất cả những hoa sen khác. Cái một chứa đựng cái tất cả. Cái tất cả nằm trong cái một. Thiện Tài đồng tử rất hạnh phúc vì chưa bao giờ được đi vào cái thế giới này, cái thế giới trong đó: tất cả đều nằm trong cái một và cái một nằm trong cái tất cả.

Thiện Tài đồng tử cũng nhìn thấy Ma Da phu nhân đang ngồi trên một đóa sen ngàn cánh khác, và đang nhìn xuống mình mỉm cười. Thiện Tài mừng rỡ nói: 'Con đi tìm lệnh bà mãi đến bây giờ mới được gặp.' Kỳ thực, Ma Da phu nhân luôn luôn có mặt đó, chính vì đi tìm cho nên Thiện Tài đồng tử đã không gặp được. Thiện Tài cúi đầu làm lễ Ma Da phu nhân, và xin bà chỉ dạy cho mình. Ma Da phu nhân nói: 'Này Sudana, hồi có mang Siddhartha, ta rất hạnh phúc vì biết rằng trong ta có một vị Bụt. Được làm mẹ của một vị Bụt là một niềm hạnh phúc lớn lao vô cùng, không thể nào đo lường được, vì thế ta có nhiều sự nhẹ nhàng và thư thái. Ta rất muốn con ta - Siddhartha - có được không gian thoải mái, thảnh thơi trong bụng của ta. Ngay lúc đó có cả hàng trăm ngàn vị Bồ-tát từ mười phương đến và nói: 'Chúng con muốn vào thăm Siddhartha. Lệnh bà cho phép chúng con đi vào bụng của lệnh bà.' Vừa dứt lời, họ đã đi hết vào trong bụng của ta. Này Sudana, lúc đó ta nghĩ rằng nếu có hàng triệu vị Bồ-tát muốn đi vào bụng ta để chào mừng Siddhartha thì vẫn còn có chỗ cho họ, bởi vì ta thấy được sự thật là cái rất nhỏ chứa đựng được cái rất lớn, cái một chứa đựng cái tất cả. Này Thiện Tài, con có biết ta chẳng những là mẹ của Siddhartha mà còn là mẹ của tất cả các vị Bụt hay không? Ta đã từng làm mẹ của tất cả các vị Bụt trong quá khứ, ta đang là mẹ của tất cả các vị Bụt trong hiện tại và ta sẽ là mẹ của tất cả các vị Bụt trong tương lai.' Đó là những điều Ma Da phu nhân dạy cho chú bé Sudana.

Những hình ảnh đẹp đẽ kia đã được chư Tổ tạo dựng ra để dạy cho chúng ta về sự thật trùng trùng duyên khởi. Chúng ta nếu là con trai, nếu là đàn ông, chúng ta cũng có thể có được hằng hà sa số chư Bụt ở trong bụng. Không cần phải là một bà mẹ hay một cô gái mới có thể

https://thuviensach.vn

làm mẹ. Chỉ vì chúng ta tu tập không đàng hoàng, sống đời sống hằng ngày không thảnh thơi, cho nên Bụt trong ta không biểu hiện. Nếu ta có hạnh phúc, thảnh thơi và an lạc như Ma Da phu nhân, ta sẽ hạ sinh ra không biết bao nhiêu là Bụt từ trong tâm của chúng ta. Chúng ta phải sống đời sống hằng ngày như thế nào để hằng hà sa số Bụt trong ta có cơ hội được biểu hiện. Nếu ta cứ sống với lo âu, ganh tỵ, khổ đau, thì chư Bụt trong ta không có cơ hội để biểu hiện. Chúng ta phải có khả năng trở về với giây phút hiện tại, không tìm cầu, sống thảnh thơi và mỉm cười với thực tại mầu nhiệm, ta sẽ cảm nhận được sự biểu hiện của hằng hà sa số Bụt đang ở trong ta. 'Cái một chứa đựng cái tất cả, cái tất cả chứa đựng cái một', đó là bài học của Thiện Tài đồng tử.

Khi uống trà, ta tiếp xúc được những gì trong tách nước trà? Ta tiếp xúc được những đồi trà mọc thoai thoải rất đẹp ở miền Bắc Việt Nam, bên Ấn Độ, ở Trung Quốc; những đám mây thảnh thơi bay trên hư không và cả đại địa cũng đang nằm ở trong tách trà, không có cái gì nằm ngoài tách nước trà kể cả tâm thức của ta. Nếu ta không tiếp xúc được là tại ta không có chánh niệm, không có chánh định.

Giáo lý của kinh Hoa Nghiêm được trình bày bằng những hình ảnh thi ca rất đẹp. Và ta đã học được gì? Đó là sự hiện diện của Ma Da phu nhân ở trong ta, cũng như sự hiện diện của Thiện Tài đồng tử, các vị Bồ-tát, các vị Bụt ở trong ta ngay trong giờ phút hiện tại. Chánh kiến là thấy được tường tận tướng Không của các pháp. Tuy rằng ta thấy có Ma Da phu nhân, có Thiện Tài đồng tử, có hoa sen ngàn cánh, vv... có tất cả, nhưng ta phải thấy được tường tận tướng Không của các pháp, rằng không có pháp nào là có thật, kể cả khi chúng ta đi vào pháp giới, rong chơi trong các quốc độ, và đi vào thế giới hoa tạng.

Định nghĩa thứ tư: Chánh kiến là thấy rằng chính cái con người không cần chỗ tựa đang nghe pháp kia chính là mẹ của chư Bụt.

Ta an trú trong khi nghe pháp, tâm không cầu Bụt cũng không cầu pháp, ta không bám víu vào một điều gì. Đây là giáo lý của kinh Kim Cương: 'Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm'. Tâm của người học đạo, tâm

https://thuviensach.vn

của bậc đại trượng phu không dựa vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mà sinh ra. Không bám víu vào một điều gì gọi là vô trú. Vô trú là không bị kẹt, không tìm chỗ nương tựa ở bên ngoài. Con người không cần chỗ nương tựa, được gọi là vô y đạo nhân. Vô y tức là không ỷ vào (Bụt hay một vị thầy). Ta phải có niềm tin ở tính Bụt nơi mình, nơi pháp giới tính mầu nhiệm trong giây phút hiện tại. Ta phải thấy ta là mẹ của chư Bụt chứ không ít hơn. Danh từ 'vô y đạo nhân' là một danh từ rất đặc biệt của Tổ Lâm Tế. Thiền sư Vạn Hạnh đời Lý là người đã giúp gầy dựng cơ nghiệp cho nhà Lý, thiết kế thành Thăng Long - kinh đô của nước Đại Việt. Thiền sư có hỏi các vị đệ tử: 'Các con nương tựa vào đâu? Thầy thì không nương tựa vào chỗ có thể nương tựa và cũng không nương tựa vào chỗ không thể nương tựa.' Đó là câu nói cuối cùng của thiền sư Vạn Hạnh trước khi tịch. Thiền sư Vạn Hạnh là một vô y đạo nhân. Người không còn bám víu là một người tự do, một bậc đại trượng phu.

Tại sao? Tại vì các đức Thế Tôn đều do chỗ không nương tựa mà phát sinh.

Các bậc ấy đều là các bậc vô trú. Hễ còn bám víu thì không thể giải thoát được.

Nếu ngộ được vô y thì thấy rằng bản chất của Bụt cũng là vô đắc. Thấy được như thế là chánh kiến.

Vô đắc (giáo lý của kinh Bát Nhã) nghĩa là không có gì để ta phải chạy theo nắm bắt hay đạt được. Muốn hiểu và thành tựu được giáo lý vô đắc thì ta phải biết được giáo lý vô y. Vô y là không nương tựa. Nếu còn chỗ nương tựa, còn đối tượng tìm cầu thì làm sao đạt được vô đắc, cho nên vô y là một danh từ khác của vô đắc, vô y là bản chất của vô đắc. Danh từ vô trụ, cũng như những danh từ giải thoát, giác ngộ, được nhai đi nhai lại nhiều lần, nghe mãi thành nhàm tai, và không ai còn muốn nghe các danh từ đó nữa, cho nên Tổ cũng không muốn dùng nữa. Khi học Phật, ta nên tránh lạm dụng những danh từ như giải thoát, giác ngộ, từ bi, hỷ xả..., nếu không người ta sẽ nhàm chán pháp của Bụt.

https://thuviensach.vn

Người tu không hiểu, cứ chấp vào danh và cú, bị những danh từ như thánh, phàm, v.v.. làm trở ngại khiến cho mắt tuệ của họ không mở ra được, do đó họ không thấy được thực tại một cách rõ ràng.

Các đức Thế Tôn đều do chỗ không nương tựa mà phát sinh. Nghĩa là các đức Thế Tôn là những người có tự do, không bị vướng mắc vào những lý thuyết, những giáo lý, dầu cho những lý thuyết và giáo lý đó do các vị Bụt đi trước trình bày ra. Tại vì các Ngài biết rõ đó chỉ là những phương tiện, những cái vỏ mà không phải là cái ruột.

Mười hai thể tài của giáo lý cũng chỉ là để làm rõ sự thật này.

Mười hai thể tài của giáo lý là: trường hàng, trùng tụng, cô khởi, thí dụ, nhân duyên, vô vấn tự thuyết, thọ ký, bổn sự, bổn sanh, phương quảng, vị tằng hữu và luận nghị. Tất cả những cách diễn bày giáo lý qua mười hai thể tài ấy cũng chỉ để làm rõ sự thật vô y.

Người tu chẳng hiểu mới hướng tới văn cú để vọng tìm kiến giải.

Những người tu tập không biết điều ấy nên hướng tới văn cú chỉ hy vọng tìm được kiến giải và tuệ giác trong chữ nghĩa. Chúng ta phải có thái độ rất cẩn trọng khi học hỏi kinh điển, học hỏi giáo lý. Ta lầm tưởng là ta có thể tìm được kiến giải trong kinh điển hay trong giáo lý, kỳ thật thì kiến giải đó chỉ có trong bản thân ta dưới dạng của những hạt giống tuệ giác. Kinh điển hay giáo lý chỉ có công năng làm sống dậy những hạt giống tuệ giác sẵn có ở trong ta mà thôi. Kinh điển hoặc những bài thuyết pháp chỉ đóng vai trò của những đám mây. Nghĩa là những đám mây làm ra mưa, mưa thấm nhuần trong đất tâm, thì hạt giống tuệ giác trong đất tâm sẽ nở hoa. Tuệ giác phát xuất từ tâm chứ không phải từ những đám mây pháp. Đám mây chẳng qua chỉ là một trợ duyên bên ngoài. Kinh điển, giáo lý, pháp thoại... là những trợ duyên. Tuy có học kinh, nghe giáo lý nhưng ta vẫn có thể làm vô y đạo nhân như thường. Điều này ta thấy rất rõ trong giới thứ nhất của mười bốn giới Tiếp Hiện: 'Ý thức được những khổ đau do thái độ cuồng tín và thiếu bao dung gây ra, con xin nguyện thực tập để đừng bị vướng mắc vào bất cứ một chủ nghĩa nào, một lý thuyết hệ nào, kể cả những chủ thuyết Phật giáo. Những

https://thuviensach.vn

giáo nghĩa Bụt dạy phải được nhận thức như những pháp môn hướng dẫn thực tập để phát khởi tuệ giác và từ bi mà không phải là những chân lý để thờ phụng và bảo vệ, nhất là bảo vệ bằng những phương tiện bạo động.'

Đó là thái độ đi tìm chỗ bám víu nương tựa, làm cho mình rơi vào vòng nhân quả, chưa có thể thoát khỏi vòng sinh tử trong ba cõi.

Nhân quả ở đây có nghĩa là sự tạo tác, sự gây nghiệp và sự thọ nhận những quả báo do những nghiệp nhân đưa tới. Tổ Lâm Tế nói rất rõ rằng nếu ta còn học kinh, ngồi thiền trong tinh thần bám víu, mong cầu, yêu thánh, ghét phàm..., thì ta vẫn còn tạo nghiệp, còn nằm trong vòng nhân quả và chưa thoát được sinh tử. Cho nên không phải cứ niệm Bụt hay tụng kinh là tốt. Niệm Bụt hay tụng kinh phải được thực hiện trong tinh thần vô trú thì mới thoát được vòng nhân quả.

Nếu các vị muốn được tự do đi lại trong sinh tử thì hãy nhận diện cho được con người đang nghe pháp đây.

Tự do đi lại trong sinh tử, nghĩa là ở ngay trong sinh tử mà đi lại vẫn tự do, không bị câu thúc bởi sinh tử, không có vấn đề chạy trốn cái tử và đi tìm cái sinh. Nếu các vị muốn được tự do đi lại trong sinh tử thì hãy nhận diện cho được con người đang nghe pháp đây. Con người đang nghe pháp đây chính là mình. Mình chưa nhận diện được mình, mình chưa biết mình là ai, mình đang mang rất nhiều lớp áo, tất cả những lớp áo đó che lấp con người thật của mình, cho nên muốn được tự do thì phải trở về nhận diện bản thân của mình.

Con người đang nghe pháp đây tuy là vô hình, vô tướng, vô căn, vô bản, không có trú xứ, nhưng linh động hoạt bát vô cùng, có thể thi thiết ra muôn ngàn diệu dụng, mà công dụng nào cũng đều có tính cách vô trụ.

Trái lại, nếu càng có ý niệm tìm cầu thì càng cách xa, càng sai trái. Tôi gọi điều này là bí quyết (mầu nhiệm).

Tổ muốn nói tới sự đi tìm con người thật. Mục đích của người tu là đi tìm con người thật của mình. Khi giác ngộ, ta thấy được con người

https://thuviensach.vn

thật của ta, ta cũng thấy được con người thật của những người tới tham vấn ta. Ta không bị lừa bịp bởi những lớp áo của họ. Con người thật thì vô hình, vô tướng, vô căn, vô bản. Ta có thể nhận diện người đó qua năm uẩn, nhưng ta không thể nào đồng nhất con người thật của họ với năm uẩn được. Vì năm uẩn có sinh, có diệt, có còn, có mất, mà con người thật thì không sinh, không diệt, không còn, không mất, tức là không phải do những điều kiện, nhân duyên mà có. Con người thật vì vượt thoát sinh diệt, còn mất, cho nên gọi là vô căn, vô bản. Con người thật là vô vi, tức là không bị điều kiện hóa, không có trú xứ, không cần bám víu và nương tựa. Con người đó linh động hoạt bát vô cùng. Con người đó không có vị trí, là con người vô sự. Ngay trong giờ phút này, con người đó đang có mặt và ta phải nhận diện cho được con người ấy. Ta phải có một con mắt nào đó để có thể nhận diện được con người đó nơi chính mình, tại vì con người thật có thể thi thiết ra muôn ngàn diệu dụng. Con người thật có thể tạo tác ra những phương tiện mầu nhiệm để độ đời, mà không bao giờ bị vướng vào những phương tiện đó cả. Chữ thi thiết được dịch từ chữ Phạn là prajnapti, nghĩa là những phương tiện quyền xảo được đặt ra để giúp đời.

Tổ nói cái tâm sáng chói chiếu tỏa thành sáu đạo thần quang chính là con người thật của mình. Trong kinh Tăng Nhất A Hàm, Bụt cũng nói tâm là một cái gì sáng chói, và những phiền não vô minh có thể làm lu mờ cái tâm sáng chói đó, nhưng khi ta biết cách lấy những phiền não vô minh ra khỏi, thì tâm đó lại chiếu sáng. Nếu vận dụng được cái tâm sáng chói, thì ta có thể làm như Bụt: tiếp xúc được với sự sống, tiếp xúc được với chư Bụt, chư Bồ-tát và tất cả các cõi nước mầu nhiệm ngay trong giờ phút hiện tại, và ta có thể chế tác ra được những thi thiết có mục đích độ đời, giúp người.

Kinh Bách Dụ có kể chuyện người bệnh ăn chim trĩ. Ông thầy thuốc sau khi xem bệnh cho một bệnh nhân xong, ông cho anh ta biết là bệnh của anh nếu được ăn chim trĩ thì sẽ lành. Không biết anh nghe như thế nào nhưng khi ông thầy thuốc đi khỏi, anh cứ ngồi mà lặp lại hai tiếng: 'Chim trĩ, chim trĩ, chim trĩ'. Anh gọi chim trĩ nhiều lần như vậy, cũng giống như chúng ta niệm sáu chữ Di Đà (lục tự Di Đà) và

https://thuviensach.vn

tụng kinh Lăng Nghiêm không khác. Một tuần, hai tuần lễ đi qua nhưng bệnh tình của anh không giảm chút nào. Sau đó, anh có một người bạn ghé thăm, thấy anh ngồi đó mà gọi chim trĩ mãi, người bạn hỏi: 'Anh đang đọc câu thần chú nào đó?' Anh nói: 'Ông thầy thuốc bảo tôi gọi chim trĩ hoài thì bệnh sẽ lành'. Người bạn nói: 'Không phải như vậy đâu. Chim trĩ là tên của một con chim, nó không phải chỉ là một tên để anh gọi đâu, anh phải ăn chim trĩ thì mới hết bệnh. Để tôi vẽ hình con chim trĩ cho anh xem. Anh có cây viết và tờ giấy không?' Người bạn vẽ hình con chim trĩ xong, chỉ bức hình nói: 'Chim trĩ là con này nè! Ăn con này thì anh mới hết bệnh'. Khi người bạn đi khỏi, anh lấy kéo cắt hình con chim trĩ, rồi bỏ vào miệng nhai và nuốt. Thấy cũng không lành bệnh, anh thuê thợ vẽ thêm vài chục tấm hình con chim trĩ nữa để ăn. Nhưng bệnh tình của anh cũng không lành. Cuối cùng, một người bạn khác tới thăm, thấy tình cảnh của anh liền hỏi: 'Anh có sao không? Tại sao nhà anh đầy giấy vẽ hình chim trĩ vậy?' 'Tôi mượn người vẽ hình những con chim trĩ để ăn. Ông thầy thuốc nói tôi phải ăn con này mới lành bệnh được.' 'Anh hiểu lầm ông thầy thuốc rồi! Anh phải ăn những con chim trĩ thật chứ không phải là những tờ giấy vẽ hình con chim trĩ.' Bạn anh nắm tay anh dẫn ra chợ và chỉ con chim trĩ thật nói: 'Đây mới là chim trĩ, anh phải mua về và ăn con chim trĩ này mới hết bệnh.' Biết anh căn cơ chậm lụt nên sau khi mua chim trĩ, người bạn cùng về nhà với anh và ở lại giám sát chuyện nấu thịt chim trĩ. Ăn xong, đợi anh hoàn toàn khỏi bệnh, người bạn mới ra về.

Tất cả những kinh điển, những giáo nghĩa thậm thâm vi diệu đều là những thi thiết (những phương tiện) được đặt ra để giúp chúng ta, nhưng chúng ta lại kẹt vào các phương tiện ấy mà không thấy được cứu cánh. Đức Thế Tôn nói: 'Chân lý như mặt trăng, còn những lời dạy của ta như là ngón tay chỉ mặt trăng.' Nương vào ngón tay để thấy mặt trăng, thì ngón tay là thi thiết.

Khi tìm được con người đích thật của ta, vận dụng được tâm sáng chói và sáu đạo thần quang của ta, thì ta có thể thực hiện được thần thông, trước hết là giáo hóa thần thông. Đức Thế Tôn nói giáo hóa thần thông (the miracle of teaching) là thần thông cao nhất. Có giáo

https://thuviensach.vn

hóa thần thông thì ta giúp được không biết là bao nhiêu người. Với giáo hóa thần thông ta có vô số là những phương tiện quyền xảo. Ví dụ trong túi tôi có một cái hộp quẹt, một cây đèn cầy và một cái túi có sáu viên sỏi. Tất cả những thứ đó đều là những phương tiện giáo hóa quyền xảo, đều là những thi thiết cả, và tôi sử dụng chúng để làm phép thần thông trong khi giáo hóa. Đốt lên một ngọn đèn hay đưa ra một viên sỏi với mục đích là làm cho tâm của những người nghe sáng ra và thấy được đạo. Nhưng nếu những người đó lấy hộp quẹt, lấy đèn cầy, lấy mấy hạt sỏi đem về thờ phụng thì sẽ không có lợi ích gì cả, vì làm như vậy nghĩa là kẹt vào những phương tiện. Ở đời phần đông người ta bị kẹt vào những thi thiết và không tìm ra được cái họ muốn tìm.

Khi đạt tới giáo hóa thần thông, ta có thể thi thiết ra muôn ngàn diệu dụng, mà công dụng nào cũng đều có tính cách vô trụ. Trái lại, nếu càng có ý niệm tìm cầu thì càng cách xa, càng sai trái. Tôi gọi điều này là bí quyết (mầu nhiệm). Bí quyết, tiếng Anh dịch là the secret. Càng có ý niệm tìm cầu thì càng cách xa, càng sai trái. Câu này lấy ý từ trong kinh Pháp Bảo Đàn. Tôi gọi điều này là bí quyết. Tu mà thành công được là nhờ bí quyết ấy.

Các bạn tu, đừng tự đồng nhất mình với cái anh bạn mộng huyễn này, tại vì sớm muộn gì chàng ta cũng phải được trả lại trong tay quỷ vô thường.

Anh bạn mộng huyễn này tức là năm uẩn. Ta thường cho ta là chúng sanh, là mê mờ, và thường đồng nhất ta với thân thể của ta. Rồi sau đó ta lại đồng nhất ta với những cảm thọ và những tri giác của ta. Những kiến thức, những tài năng, ta cũng đồng nhất ta với tất cả những thứ đó. Nếu ta cho tất cả những thứ đó là con người thật của ta thì không đúng, vì chúng vô thường, vì chúng đều là mộng huyễn. Chúng tan rã thì ta cũng tan rã. Có những người đọc Lâm Tế Lục tới đoạn này cho rằng Tổ chủ trương ngoài ngũ uẩn còn có một cái ta gọi là con người thật.

Trong đạo Bụt, ý niệm về ta được phân tích và quán chiếu rất rõ ràng:

https://thuviensach.vn

1- Ý niệm đầu là Tức: Năm uẩn tức ngã. Ta tức là năm uẩn: Thân này là ta, cảm thọ này là ta, tri giác này là ta, tâm hành này là ta và nhận thức này là ta. Ý niệm này rất phổ thông.

2- Ý niệm thứ hai là Ly: Năm uẩn ly ngã. Ta khác với năm uẩn, ta có ngoài năm uẩn. Năm uẩn không phải là ta, nhưng nó là của ta. Giống như cái nhà của ta, bằng cấp của ta, căn phòng của ta hay đôi dép của ta... Những cái thuộc về ta, gọi là ngã sở.

3- Ý niệm thứ ba là Tương tại (mutually containing): Trong cái ta có năm uẩn và trong năm uẩn có cái ta.

4- Ý niệm thứ tư là Phi tức phi ly uẩn ngã: Cái ta không phải là năm uẩn nhưng cũng không phải là ngoài năm uẩn. Trong văn học A Tỳ Đạt Ma, người ta đàm luận nhiều về các thuyết này. Có một vài bộ phái chủ trương thuyết thứ tư này.

Ở đây, chúng ta chỉ cần biết khi Tổ nói đừng tự đồng nhất mình với anh bạn mộng huyễn này Tổ chỉ muốn cảnh cáo ta, và chỉ cho ta biết con người thật của ta không phải là năm uẩn. Ngài chỉ muốn chúng ta đừng kẹt vào ý niệm đầu, nhưng cũng không có nghĩa là Tổ mong chúng ta chấp nhận ý niệm thứ hai (ly uẩn) và ý niệm thứ ba. Nếu chúng ta nghĩ Tổ muốn chúng ta chấp nhận ý niệm thứ hai hoặc thứ ba, là chúng ta sai lầm rồi. Mục đích của Tổ ở đây không phải là để giảng giải về năm uẩn.

Sự thật về năm uẩn có thể được nhìn bằng hai cách:

1- Nhìn bằng con mắt vô thường thì năm uẩn có sinh, có diệt, có có, có không. Nếu năm uẩn có sinh, có diệt, có có, có không, mà ta đồng nhất ta với năm uẩn, thì ta cũng sinh diệt và có không.

2- Nhìn bằng con mắt Đại Thừa thì năm uẩn không sinh cũng không diệt. Ví dụ như đám mây. Nhìn thoáng qua, ta thấy đám mây có sinh và có diệt, nhưng nhìn sâu thì thấy đám mây không có sinh, không có diệt. Đám mây không còn đó không có nghĩa là nó diệt, nó đã biến thành mưa rồi. Quả thật là không có cái gì sinh cũng không có cái gì diệt. Sinh diệt là bề mặt của thực tại, bản chất

https://thuviensach.vn

của chúng là vô sinh bất diệt. Nhìn được như vậy, ta sẽ thấy năm uẩn rất mầu nhiệm. Nếu năm uẩn không nương nhau biểu hiện, thì sáu đạo thần quang cũng không thể nào biểu hiện được. Trong kinh Bụt nói rất rõ, mỗi uẩn trong năm uẩn không thể nào tự nó có mặt một cách độc lập được, năm uẩn phải nương nhau cùng biểu hiện. Cũng như cây bút khi để ngang thì có trái và phải. Trái và phải cùng nương nhau mà biểu hiện. Không có trái thì không có phải, không có phải thì không có trái. Năm uẩn cũng vậy. Nếu không có thân (sắc) thì không có tâm (thọ, tưởng, hành và thức), nếu không có tâm thì không có thân. Thân nương vào tâm mà có, tâm nương vào thân mà có. Năm uẩn nương vào nhau để cùng có mặt, mỗi uẩn không thể nào tự mình có mặt được. Sắc uẩn mà không có thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn thì sắc uẩn không thể nào có mặt. Khi một người đã chết, năm uẩn không còn, cái xác đó giờ đây chỉ còn là địa, thủy, hỏa, phong. Đừng lầm tưởng xác thân đó là sắc uẩn. Điều này Bụt đã dạy nhiều lần.

Trong tam giác ABC, ta vẽ đường thẳng AH, ta thấy có hai tam giác ABH và AHC. Hai tam giác này nương vào nhau cùng biểu hiện một lần. Năm uẩn của chúng ta cũng vậy. Chúng nương vào nhau cùng biểu hiện một lần, nếu thiếu một uẩn thì bốn uẩn kia không biểu hiện được. Tại Làng Mai vào tháng bảy, các thiền sinh về Làng đều có dịp nhìn thấy những cánh đồng hoa hướng dương nở rộ. Nếu họ đến tháng tư, họ sẽ không thấy một cây hoa hướng dương nào cả trên cánh đồng, nhưng điều đó không có nghĩa là hoa hướng dương không có. Đối với những người nông dân mỗi khi đi ngang qua những cánh đồng này vào tháng tư, họ có thể thấy được màu vàng rực rỡ trên cánh đồng hoa hướng dương trước khi sang tháng bảy, tại vì họ biết rất rõ là những hạt hướng dương đã được gieo đang nằm dưới lòng đất chỉ chờ ngày biểu hiện mà thôi. Và vì vậy nếu nói tháng tư không có hoa hướng dương là sai, mà cho rằng tháng bảy có hoa hướng dương cũng không đúng. Đó chẳng qua là vấn đề thời gian và điều kiện. Có hay không trong trường hợp này đều không đúng với thực tại.

https://thuviensach.vn

Sự biểu hiện của năm uẩn cho ta thấy được con người thật của ta, cho ta thấy được tâm sáng chói của ta với sáu diệu dụng của nó. Ta không thể nói khi năm uẩn này không còn thì cái tâm sáng chói cũng không còn. Sự thật nó vẫn còn đó, cũng như trường hợp hoa hướng dương vào tháng tư vậy.

Có một hôm Tổ Lâm Tế nói: 'Này quý vị, trên đống thịt đỏ au này có một con người thật không có vị trí, thường đi ra đi vào ngay trước mặt của quý vị.' Đống thịt đỏ au tức là sắc thân của mình. Tổ muốn cho mình biết là trên sắc thân của mình có một con người thật không có vị trí. Không có vị trí tức là ta không thể xác định được chỗ đứng của nó trong không gian và thời gian. Nó không phải là vật tầm thường như cái bàn, cái ghế, xác thân hay cảm thọ.

Có một công án rất nổi tiếng của Tổ Lâm Tế là: 'Trên đống thịt đỏ au này có một con người thật không có vị trí (vô vị chân nhân), thường hay ra vào tự do trong giây phút hiện tại.' 1 Chân nhân là con người thật, vô vị là không có vị trí. 'Quý vị có thấy được con người thật đó hay không? Nhìn kỹ đi, nhìn kỹ đi!' 'Nhìn kỹ đi' dịch từ tiếng Hán-Việt là khán khán. Tổ mời chúng ta nhận diện con người thật, con người vô sự. Vì không nhận diện được con người thật, nên chúng ta đã đồng nhất con người đó với đống thịt đỏ au kia. Tại vì đống thịt đỏ au kia là một trong năm uẩn. Nếu ta biết trở về với con người thật đó và sử dụng được năng lượng sáng chói đó, thì ta không khác gì Bụt.

Sau khi Tổ đưa ra lời mời mọi người nhìn kỹ, thì có một thầy bước lên hỏi: 'Bạch thiền sư, con người thật không có vị trí là gì vậy?' Thầy ấy muốn Tổ giải thích thêm nữa. Nhưng Tổ đã không nói. Tổ nắm lấy vai thầy, hỏi: 'Thầy nói đi, thầy nói đi!' Tức là ngài đã nói hết rồi. Một là nhận diện được ngay, hai là không nhận diện được, cho dù Tổ có nói thêm cũng không có ích lợi. Tuy vậy, Tổ đã cho thầy ấy cơ hội thứ hai: Nắm vai thầy ấy, ngài nhắc: 'Con người thật không có vị trí là gì? Nói đi, nói đi.' Thầy ấy lưỡng lự. Vậy là thất bại. Thầy ấy đã không thấy được. Buồn quá, ngài nói: 'Con người thật không có vị trí là cái cứt khô gì?' Câu nói đó chứng tỏ một sự thất vọng lớn. Một lời nói

https://thuviensach.vn

không tao nhã - 'Que cứt khô!' - nhưng nó đã được truyền từ xưa cho đến nay, và rất nổi tiếng.

Có ngồi đó, có nói thêm một giờ đồng hồ nữa, người kia cũng không thể nào nhận diện được con người thật của mình. Vô ích! Nó chỉ là danh ngôn, nếu hiểu được thì không có gì là bí hiểm nữa. Câu nói đó là một phương tiện quyền xảo, là một thi thiết để giúp cho người kia. Giả sử thầy đưa cho mình một cây sào, mà mình để vuột mất cây sào đó, thì thầy còn nói thêm gì nữa.

Trong thế giới này, các vị cần những gì để tìm giải thoát ? Các vị chỉ cần một bát cơm, một manh áo, ngoài ra phải để hết tâm lực và thì giờ để tìm thiện tri thức, đừng phí uổng ngày giờ, đuổi theo sự vui chơi.

'Các vị đi tìm nhiều lần, các vị cần nhiều thứ. Nhưng tôi nói với các vị, các vị chỉ cần một bát cơm (lứt), một manh áo (vải), đừng có đi tìm gì nữa hết, chỉ cần từng đó thôi, không cần ghi tên vào trường đại học, không cần đi vào viện cao cấp, không cần phải nghiên cứu, các vị chỉ nên để hết thì giờ và tâm lực của mình để tìm thiện tri thức.' Một câu nói của thiện tri thức có thể làm ta sáng mắt ra. Đi tìm thiện tri thức không phải là đi tìm sự vui chơi, cho nên Tổ nói đừng uổng phí ngày giờ, đừng đuổi theo sự vui chơi. Gần gũi thiện tri thức, ta có những cơ hội để thấy được con người thật của mình. Vui chơi để thì giờ đi qua một cách oan uổng là điều không nên.

Thì giờ quý báu, cuộc sống vô thường, nói chung là bốn đại (địa, thủy, hỏa, phong) và nói riêng là bốn tướng (sanh, trụ, dị, diệt) đều đang bức bách ta. Các vị bây giờ đây phải nhận diện bốn cảnh vô tướng để cho đừng bị hoàn cảnh lôi kéo.

Trong nguyên văn Hán-Việt là 'quang âm khả tích, niệm niệm vô thường'. Bốn đại là thô, bốn tướng là tế. Đứng về thô, bốn đại bức bách ta, đứng về tế thì ta bị bốn tướng bức bách. Thô là Tổng quát, tế là chi tiết. Địa, thủy, hỏa và phong là bốn yếu tố làm ra sự vật. Nhưng cũng có sách nói tới tám đại như là những yếu tố làm ra con người và sự sống. Ngoài bốn đại là địa, thủy, hỏa, phong lại có thêm không, thời, phương và thức. Địa là đất, thủy là nước, hỏa là lửa, phong là

https://thuviensach.vn

không khí, không là không gian, thời là thời gian, phương là phương hướng, và thức là tâm thức. Những yếu tố đó luôn biến chuyển. Có yếu tố khi mạnh quá sẽ lấn ép những yếu tố khác tạo ra trạng thái mất quân bình, đó là nguyên do của bệnh tật. Khi những yếu tố đó tan rã, thì ta chết. Y khoa của đông phương giúp ta điều hòa bốn đại (địa, thủy, hỏa, phong), đó là phương pháp bảo vệ cũng như là chữa trị. Cho nên giờ phút nào bốn đại cũng đang gây áp lực cho ta.

Bốn tướng cũng vậy. Một vật sanh ra và tồn tại một thời gian, đó gọi là sanh và trụ. Sau đó nó hao mòn, biến chuyển, gọi là dị. Dị là đổi khác. Cuối cùng là diệt, tức là không còn nữa. Nếu ta đồng nhất ta với năm uẩn, tức là ta đồng nhất ta với bốn đại và bốn tướng (sanh, trụ, dị và diệt), thì ta sẽ không tránh được khổ đau do những áp lực của chúng gây ra, vì vậy ta phải tìm cho ra con người thật không có vị trí của ta. Khi thương một người khác cũng vậy. Nếu ta thấy được con người thật không có vị trí của người đó và ta chỉ thương con người thật đó mà không phải là vướng năm uẩn của người đó, thì ta sẽ có hạnh phúc hơn nhiều. Ví dụ như ta thương hoa cúc. Mùa Thu có rất nhiều hoa cúc, ta ý thức rằng hoa cúc có sinh, có trụ, có dị và có diệt. Một nụ hoa hé nở dần thành một đóa hoa cúc trọn vẹn (sinh), trong suốt quá trình đó, hoa đã ở lại với ta một khoảng thời gian dài (trụ). Sau đó, những cánh hoa cúc cứ héo dần từ từ (dị), cho tới một lúc hoa cúc lã xuống và hủy hoại đi (diệt). Ta thương hoa cúc như thế nào để ta đừng đau khổ. Ta phải thấy được hoa cúc ngoài bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt của nó. Khi hoa biểu hiện, ta mỉm cười, ta vui. Khi hoa ẩn tàng, ta không khóc, không buồn. Ta vẫn tươi cười vẫy tay chào hoa và hẹn gặp lại: 'Sang năm ta sẽ gặp ngươi trở lại.' Đối với người ta thương cũng vậy. Ta phải có khả năng thấy được đối tượng thương yêu của ta không phải chỉ là cái thân tứ đại và bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt của người đó. Ta phải nhìn cho ra con người thật của người đó và thương được con người thật đó, thì ta sẽ không đau khổ. Ta phải thực tập từ bây giờ để khi các tướng dị và diệt xuất hiện, ta vẫn thản nhiên được; đó là vì ta đã tìm thấy con người thật của người ta thương. Đức Thế Tôn dưới Hóa thân Thích Ca Mâu Ni cũng có sinh, trụ, dị và diệt. Nếu thương đức Thế Tôn qua bốn tướng của Ngài, thì cho dù thương

https://thuviensach.vn

một vị Bụt đi nữa, ta vẫn khổ như thường. Nhưng nếu qua bốn tướng đó, ta tiếp xúc được con người thật không có vị trí, con người vô sự, con người vô y của đức Thế Tôn, thì đức Thế Tôn còn mãi với ta và ta không cần phải khóc lóc, than vãn và tiếc nuối là mình đã sinh ra quá muộn. Có những vị xuất gia hành hương qua Ấn Độ chiêm bái Phật tích, đến chỗ đức Như Lai nhập Niết Bàn, bật khóc: 'Trời ơi! Con sinh ra muộn quá rồi, Ngài đã nhập Niết Bàn cách nay đã 2500 năm về trước.' Rồi họ khóc bù lu bù loa. Vị xuất gia đó chưa thấy được con người thật của đức Thế Tôn. Vị xuất gia đó vẫn còn kẹt vào các tướng sinh, trú, dị, diệt của đức Thế Tôn. Chỉ khi nào ta tiếp xúc được con người thật của ta, và ta tiếp xúc được con người thật của người ta thương, thì ta vượt thoát được sự bức bách của bốn đại và bốn tướng.

Hỏi: 'Bốn cảnh vô tướng là bốn cảnh nào?'

Tứ chủng vô tướng cảnh là danh từ của Tổ đặt ra.

Thiền Sư đáp:

- Một niệm vô minh (nghi ngờ) nổi lên là quý vị bị đất làm chướng ngại.

Tổ dùng hình ảnh của đất để nói tới chướng ngại gây nên bởi vô minh (nghi ngờ). Nghĩa là khi nào ta có tri giác sai lầm thì khi đó ta bị chướng ngại, chướng ngại đó được biểu trưng bằng đất.

- Một niệm tham ái nổi lên là quý vị bị nước làm chướng ngại.

Nước là biểu trưng cho chướng ngại gây ra bởi tham dục, bởi vì nước có công năng kéo ta đi rất xa. Khi một niệm tham ái nổi lên như dòng nước lũ nó có thể cuốn ta trôi đi rất xa.

- Một niệm sân hận nổi lên là quý vị bị lửa làm chướng ngại.

Lửa là biểu trưng cho chướng ngại gây ra do sự giận hờn. Lửa sân có khả năng thiêu đốt.

- Một niệm hí hửng nổi lên là quý vị bị gió làm chướng ngại.

https://thuviensach.vn

Hí hửng ở đây tức là sự kích động (excitement), không giữ được sự bình tĩnh, ta bị cuốn đi bởi sự đam mê của mình. Hí hửng ở đây không phải là hỷ lạc trong đạo Bụt, tại vì hỷ lạc là một trong bảy yếu tố của sự giác ngộ, rất tốt cho sự tu học của hành giả. Khi một niệm vui mừng kích thích nổi lên kéo ta đi, lúc đó ta bị gió làm trở ngại.

Nếu thấy được như thế thì quý vị không còn bị hoàn cảnh lôi kéo.

Khi ta không còn bị bốn niệm đó cám dỗ, lôi kéo, hoặc trở ngại, tức là ta có tự do.

Ở đâu quý vị cũng sử dụng được hoàn cảnh.

Có nghĩa là ta không còn là nạn nhân của hoàn cảnh nữa, trái lại ta có thể làm chủ được hoàn cảnh. Cũng như lửa không thể làm cháy ta, mà ta có thể sử dụng lửa để nấu cơm, sưởi ấm. Nước không thể cuốn trôi ta, mà ta sử dụng nước để tắm gội và tưới rau. Đất không làm cho ta bí lối, mà đất có thể trở thành những nền tảng của nhà cửa, vườn tược. Gió không làm chướng ngại ta, vì ta có thể sử dụng gió để làm điện, hay phơi áo cho mau khô. Vì vậy ta không bị quấy nhiễu bởi bốn yếu tố đất, nước, gió và lửa, ta không là nạn nhân của chúng, trái lại ta có thể sử dụng chúng theo ý muốn của ta.

Nổi lên ở phương Đông thì lặn xuống ở phương Tây, nổi lên ở phương Nam thì lặn xuống ở phương Bắc, nổi lên phía giữa thì lặn xuống ở phía bên, nổi lên ở phía bên thì lặn xuống ở phía giữa. Đi trên nước như đi trên đất, đi trên đất như đi trên nước.

Đi là một phép thần thông. Cũng như ta sử dụng thuyền để đi trên nước mà không bị nước làm chìm đắm. Có những người chơi thể thao có thể sử dụng một tấm ván lướt trên sóng mà đi. Sóng không không làm cho họ đắm chìm. Sóng đi lên thì họ đi lên, sóng đi xuống thì họ đi xuống, họ làm chủ được sóng, đó là môn thể thao hiện bây giờ rất được ưa chuộng. Ta có thể nương vào đất, nước, gió, lửa để đi lên, hay lặn xuống, và đất, nước, gió, lửa không làm cho ta bị bế tắc hoặc chìm đắm. Một khi ta biết được bản chất của bốn yếu tố đó là Không, thì ta không còn sợ hãi hay bị lay chuyển và bức bách nữa, ngược lại

https://thuviensach.vn

ta có thể làm chủ được hoàn cảnh. Hoàn cảnh chẳng qua là hoàn cảnh của bốn yếu tố đó. Bất kỳ ở đâu và lúc nào, dù dưới một chế độ, trong một xã hội, trong một hoàn cảnh, hay ở một môi trường nào, ta vẫn có thể làm chủ được mình, đó gọi là có tự do.

Tại sao làm được như thế ? Đó là tại vì quý vị đã thấy được bốn đại là như mộng như huyễn.

Thấy được tính Không của bốn đại, ta không còn sợ hãi nữa, tại vì chúng không phải là những thực tại chắc thật. Ý của đoạn văn này được lấy từ trong kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa. Trong đoạn kinh này (kinh số 220 trong Đại Tạng Tân Tu), Bụt dạy thầy Khánh Hỷ rằng: 'Nếu ta thấy được bản chất Không của sáu đại, ta có thể làm chủ được ta và ta có thể thực hiện được thần thông.' Sáu đại là đất, nước, gió, lửa, không gian và tâm thức (địa, thủy, hỏa, phong, không, thức). Không tức là không gian (space), và thức là tâm thức (consciouness).

Này các bạn tu, cái kẻ đang ngồi nghe pháp đây không phải chỉ là bốn đại của quý vị, kẻ đó đang sử dụng được bốn đại mà bốn đại không sử dụng được kẻ đó.

Ta có tri giác sai lầm là ta chỉ là bốn đại, và khi bốn đại có vấn đề thì ta có vấn đề. Nếu có tuệ giác, ta sẽ không đồng nhất ta với bốn đại. Bốn đại chẳng qua là những điều kiện để phát hiện ra cái tâm sáng chói và tâm diệu dụng của ta. Cũng như cái ấm áp của tháng sáu, tháng bảy, làm biểu hiện ra những bông hoa hướng dương rất kỳ ảo, nhưng không có nghĩa là nếu không có nắng ấm của tháng sáu, tháng bảy, thì hoa hướng dương không có. Hoa hướng dương luôn luôn có đó. Nắng ấm của tháng sáu, tháng bảy là những điều kiện tốt cho hoa hướng dương đâm chồi, và màu sắc của hoa được tươi nhuận. Cái sáng chói và diệu dụng của tâm cũng do điều kiện của đất, nước, gió, lửa. Nhưng đất, nước, gió và lửa không phải là cái tâm sáng chói đó. Cũng như nắng ấm của mùa Xuân mùa Hè không phải là hoa hướng dương. Giữa chúng có liên hệ với nhau nhưng chúng không phải là nhau. Câu này, một lần nữa nhắc cho ta biết là đừng đồng nhất ta với bốn đại. Tại vì nếu ta đồng nhất ta với bốn đại, thì khi bốn đại tan rã,

https://thuviensach.vn

ta cũng tan rã. Khi hoa hướng dương héo tàn, hoa hướng dương vẫn không chết, tại vì hoa hướng dương đã có sự tiếp nối từ những hạt hướng dương.

Kẻ đó đang sử dụng được bốn đại mà bốn đại không sử dụng được kẻ đó. Chúng ta ai cũng có hình hài, chúng ta ai cũng có những cảm giác và những tri giác. Chúng ta sử dụng được hình hài này, cảm giác này và tri giác này mà chúng ta không bị chúng khống chế. Cái kẻ đang ngồi nghe pháp đây không phải chỉ là bốn đại của quý vị. Ta thêm chữ chỉ cho dễ hiểu, còn trong nguyên văn không có chữ chỉ. Chúng ta không phải là bốn đại, mà chúng ta đang sử dụng được bốn đại mà bốn đại không sử dụng được chúng ta.

Thấy được như thế thì đi ở tự do.

Nguyên văn là 'Khứ trú tự do'. Khứ là đi, trú là ở. Khứ trú tự do tức là đi cũng tự do mà ở cũng tự do. Đi cũng vui mà ở cũng vui, tại vì chúng ta có tự do. Thay vì dùng chữ tự do, ở Làng Mai thường dùng chữ thảnh thơi. Thảnh thơi tức là không vướng bận. Nếu ta có cảm tưởng là mình không có tự do: ta bị sư anh hay sư chị chèn ép..., là tại vì ta không làm chủ được cảnh, ta để cho cảnh làm chủ ta. Tự do có từ trong tâm ta, từ nhận thức ta mà ra, chứ không phải từ hoàn cảnh mà tới.

Theo cái thấy của tôi, là ta không nên chán ghét cái gì hết (hoặc yêu thích cái gì hết).

Tại vì hai thái độ đó đều là vướng mắc. Chán ghét là nô lệ mà yêu thích cũng là nô lệ. Nếu muốn có tự do, ta phải buông bỏ hai thái cực: một là chán ghét muốn trốn chạy, hai là yêu thích muốn bám víu. Hai điều ấy đều làm cho ta mất tự do.

Quý vị yêu cái thánh, ghét cái phàm phải không?

Yêu thánh ghét phàm là mất tự do rồi. Khi phát tâm đi tu, rõ ràng vì ta muốn yêu thánh và xa lánh phàm, tại sao Tổ lại dạy ta không được yêu thánh, không được yêu Bụt, không được yêu Bồ-tát? Tại sao ta không được ghét Ma vương? Nếu có tuệ giác, ta thấy thánh phàm

https://thuviensach.vn

tương tức. Thánh làm ra phàm, và phàm làm ra thánh. Cũng như phân rác làm ra hoa, và hoa để lâu ngày thành ra phân rác. Cái này không thì cái kia không. Thấy được tính tương tức của vạn vật, ta vượt thoát cả thương và ghét, ta không còn chạy nữa. Hễ còn thương là còn theo đuổi, và còn ghét là còn trốn chạy. Còn trốn chạy, còn theo đuổi thì còn khổ đau. Làm sao dừng lại sự chạy trốn? Làm sao dừng lại sự theo đuổi? Chỉ khi nào ta có nhận thức về tương tức và bất nhị, ta mới có thể dừng lại mà thôi.

Người kia rất là dễ ghét, ta trốn chạy người kia, và ta hy vọng tìm được một người khác dễ thương. Nhưng ta không biết rằng ở trong con người dễ ghét kia tiềm ẩn cái dễ thương ở bên trong, nếu ta biết cách làm cho cái dễ thương của người kia biểu hiện thì người kia sẽ trở nên một con người rất dễ thương. Còn ở trong con người dễ thương mà ta đang đi tìm đó cũng tiềm ẩn cái dễ ghét, nếu ta không khéo thì cái dễ ghét đó từ từ sẽ 'chiếm thượng phong', và người dễ thương sẽ không còn dễ thương nữa. Chuyện này xảy ra ở ngoài đời rất nhiều. Ta có thể nghĩ rằng nếu ta không cưới được anh chàng này chắc ta sẽ chết, nhưng cưới xong rồi thì ta sẽ vỡ mộng. Cho nên trong hoa có rác, và trong rác có hoa. Khi có cái nhìn như vậy thì vượt khỏi thương và ghét, ta không còn chạy trốn hay đuổi theo một điều gì nữa, lúc đó ta mới thật sự tự do.

Thánh chỉ là danh từ thánh.

Danh từ không thể nào loại trừ thực tại được. Ví dụ như chiếc lá. Khi danh từ lá được đề cập đến thì ta có hình ảnh của một chiếc lá, và hình ảnh chiếc lá đó bị tách rời ra khỏi hình ảnh của đám mây, mặt trời... Ta thấy chiếc lá không phải là đám mây, chiếc lá không phải là mặt trời, chiếc lá không phải là đất hay là nước. Vì vậy nếu kẹt vào danh từ ta sẽ đánh mất bản chất của thực tại, đánh mất mầu nhiệm của cuộc sống.

Thánh chỉ là danh từ thánh. Khi nói thánh, ta có khuynh hướng loại trừ (apoha) ra tất cả những gì không phải là thánh: những gì ta cho là phàm. Nhưng không có phàm thì làm sao có thánh! Không có phân

https://thuviensach.vn

rác thì làm sao có hoa. Bất cứ một danh từ nào cũng có tính cách loại trừ những cái khác, dù đó là danh từ thánh. Khi ta gọi tên một sư anh, một sư chị hay một sư em, là ta loại trừ những người khác, vì ta nghĩ rằng người đó không phải là những người kia, kỳ thực tất cả các sư anh, sư chị và sư em khác đều có mặt ở trong người đó. Danh từ là một nhát gươm cắt đứt thực tại ra thành từng mảnh nhỏ, và ta không thấy được liên hệ mật thiết giữa những hiện tượng với nhau. Trong bài thơ Nguyện Cầu có câu: 'Ôi những mảnh rời nhau, khổ đau, tách ra ngoài đại thể', đó là một bài thơ tôi làm lúc hai mươi bốn tuổi.

Có những hành giả leo lên núi Ngũ Đài Sơn để tìm đức Văn Thù.

Nam mô Ngũ Đài Sơn Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát. Nhiều người đi hành hương trên Ngũ Đài Sơn nghĩ rằng mình đã được gặp đức Văn Thù dưới hình dáng một ông già, một em bé đang cưỡi trâu, v.v.. và có rất nhiều huyền thoại về Ngài. Hiện bây giờ cũng có không biết bao nhiêu người tham quan Ngũ Đài Sơn và cũng nghĩ rằng trên đó có đức Bồ-tát Văn Thù. Ai cũng mong ước một ngày nào đó mình sẽ được lên núi Ngũ Đài Sơn, vì nghĩ rằng ở đó có đức Văn Thù. Nói như vậy, nghĩ như vậy, nghĩa là đức Bồ-tát Văn Thù không có mặt ở những ngọn núi khác, như núi Phổ Đà. Tương tự như vậy, người ta nghĩ núi Phổ Đà chỉ có đức Quan Âm, núi Nga Mi chỉ có đức Phổ Hiền và núi Cửu Hoa chỉ có đức Địa Tạng. Mỗi vị 'chiếm' một núi. Đó là quan điểm của phần đông những người có tín ngưỡng.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi cùng một số các thầy và các sư cô lên núi Ngũ Đài Sơn thì được gặp một thầy. Tôi hỏi: 'Thầy là đức Văn Thù phải không?' Thầy nhìn tôi nói: 'Tôi không phải là đức Văn Thù, tôi chỉ là con chó của đức Văn Thù mà thôi.' Nói như vậy tức là cho mình khác với đức Văn Thù. Câu trả lời có tính cách khiêm nhường, nhưng kèm theo cái nhận thức sai lầm trong đó.

Trên núi Ngũ Đài Sơn làm gì có đức Văn Thù?

Tổ Lâm Tế nói vậy. Thành ra đừng tốn tiền máy bay vô ích. Tại vì bay qua Bắc Kinh rồi, phải đi xe hơi rất lâu thì mới tới Ngũ Đài Sơn. Câu này của Tổ giúp tiết kiệm ngân quỹ cho rất nhiều người.

https://thuviensach.vn

Quý vị có muốn biết đức Văn Thù không? Văn Thù chính là cái diệu dụng trước mặt quý vị, xưa nay vẫn thế.

Xưa nay vẫn thế tức là thủy chung bất nhị. Thủy là trước, chung là sau, bất nhị là không phải hai. Cái diệu dụng trước mặt quý vị. Hãy dùng cái tâm sáng chói của quý vị để mà tiếp xúc với trời xanh mây trắng, chư Bụt, chư Bồ-tát và chính bản thân mình. Nếu quý vị biết là quý vị đang ngồi đây và có mặt một cách rất mầu nhiệm trong giờ phút này, thì đó là cái diệu dụng.

Không hề có sự nghi ngại.

Không hề có sự nghi ngại tức là không bị một đám mây nào che lấp, và đó tức là Đại Trí Văn Thù Sư Lợi. Đại Trí là ánh sáng luôn tỏa chiếu, không bao giờ bị một đám mây che lại. Ta khỏi phải tốn tiền mua vé máy bay qua Trung Quốc, chỉ cần ngồi tại đây theo dõi hơi thở vào ra và sử dụng được cái tâm sáng chói của ta, ta có thể tiếp xúc được ngay với đức Văn Thù. Tâm sáng chói của ta chiếu sáng không hề có sự nghi ngại, đó là đức Văn Thù sống động (hoạt Văn Thù). Văn Thù bằng gỗ, bằng đá cẩm thạch thì không phải là Văn Thù sống động, đó là một hình ảnh chết cứng của Văn Thù.

Mỗi khi ta chắp tay niệm: 'Nhất tâm kính lễ đức Bồ-tát Đại Trí Văn Thù', rồi ta lạy xuống, đó là một cơ hội cho ta tiếp xúc với Văn Thù trong giờ phút hiện tại. Nếu quý vị nghĩ Văn Thù đang ngồi trên bàn thờ, còn quý vị phải lạy phía dưới, thì quý vị tốn thì giờ vô ích. Khi lạy đức Văn Thù, ta phải tiếp xúc được với Văn Thù trong giây phút hiện tại, trong bản tâm của mình. Chúng ta ngày nào cũng lạy đức Văn Thù mà không tiếp xúc được với đức Văn Thù trong tâm của ta trong giây phút hiện tại, thì đó chỉ là thực tập hatha yoga thôi.

Cái ánh sáng vô phân biệt của mỗi niệm trong tâm của quý vị chiếu tới đâu thì đức Phổ Hiền chân thật hiện ra tới đó.

Nói về một chiếc lá ta vẫn không loại trừ đám mây và mặt trời ra khỏi chiếc lá, tức là ta nói với tâm không phân biệt. Nói tới đứa con mà nghĩ rằng người con không phải là người cha, đó là một sự loại trừ.

https://thuviensach.vn

Cũng vậy, nếu nghĩ rằng chúng sanh không phải là Bụt, thì đó là sự loại trừ. Cái thấy đó không phải là cái thấy của Phổ Hiền Bồ-tát. Cái ánh sáng vô phân biệt của mỗi niệm trong tâm của quý vị chiếu tới đâu thì đức Phổ Hiền chân thật hiện ra tới đó. Phổ Hiền tức là ánh sáng không phân biệt của mỗi niệm trong tâm. Khi nào có trí tuệ không phân biệt, không có sự loại trừ lúc đó đức Phổ Hiền có mặt. Đó là định nghĩa về Phổ Hiền.

Mỗi niệm trong tâm của quý vị mà không bị trói buộc, chỗ nào cũng tự do thì đó là tam muội của Bồ-tát Quan Thế Âm.

Không bị trói buộc tức là không bị nô lệ. 'Nhất niệm tâm tự năng giải phược', nghĩa là trong mỗi tâm niệm ta có thể tự cởi trói cho ta. Ai có thể trói ta? Ta tự trói ta. Có một câu trong truyện Kiều: 'Lại mang lấy một chữ Tình, khăng khăng mình buộc lấy mình vào trong'. Giây phút nào mà ta có thể tự cởi trói được, thì ở đâu ta cũng được tự do. 'Tùy xứ giải thoát' tức là bất cứ chỗ nào hay đi tới đâu cũng cảm thấy thư thái, thoải mái. Ở xóm Hạ, ta hạnh phúc, thoải mái, mà về xóm Mới ta cũng không có ngán; ta đi Thanh Sơn cũng không sợ gì. Cái đó gọi là có tự do. Sự tự do hay sự không bó buộc này là bản chất của Tam muội Quan Thế Âm, vì Quan Thế Âm còn có một tên nữa là Quán Tự Tại. Tự tại nghĩa là tự do. Tự do này có được là do ta có con mắt quán chiếu, không phải do đi biểu tình hay tranh đấu tuyệt thực mà có. Ta chỉ cần nhìn sâu là thấy được bản chất tự tại của ta, và ta có khả năng cởi trói những sợi dây ràng buộc ta bấy lâu nay để rồi ở đâu cũng có tự do.

Ba cái ấy thay phiên nhau làm chủ và làm bạn.

Ba cái ấy là ba cái gì? Là bản chất của Văn Thù, bản chất của Phổ Hiền và bản chất của Quan Âm. Văn Thù là Đại Trí, Phổ Hiền là cái thấy không phân biệt, và Quan Âm là cái thấy tự do. Ở đây, Tổ nói cái tinh túy của Phổ Hiền là cái thấy không phân biệt (non discrimination), chứ không phải Phổ Hiền tượng trưng của hạnh nguyện (great action). Ba cái tượng trưng cho trí tuệ, tâm không phân biệt và tự do. Ba cái ấy thay phiên nhau làm chủ và làm bạn. Một cái làm chủ thì hai

https://thuviensach.vn

cái kia làm bạn. Và khi bạn trở thành chủ, thì chủ trở thành bạn. Ba cái đi đôi với nhau như một cặp bài trùng không tách rời ra được. Hễ có Quan Âm thì có Phổ Hiền và Văn Thù, khi có Văn Thù thì có Phổ Hiền và Quan Âm. Cũng như ngôi Tam Bảo, chỗ nào có Bụt là có Pháp và Tăng, chỗ nào có Tăng thì có Bụt và Pháp. Đó gọi là thay nhau làm chủ và làm bạn. Khi thì ta làm thầy, khi thì ta làm trò, vô ngại. Ba cái đi đôi với nhau và xuất hiện một lần.

Khi xuất hiện thì cả ba đều xuất hiện, một là ba, ba là một.

Chỗ nào có Phổ Hiền thì có Quan Âm, chỗ nào có Quan Âm thì có Văn Thù. Nói rằng đi núi Ngũ Đài Sơn để tìm Văn Thù là sai. Lên đó ta cũng sẽ thấy Quan Âm và Phổ Hiền. Ta cũng không nhất thiết phải đi tới cái núi đó để gặp vị Bồ-tát đó, mà ta có thể gặp vị Bồ-tát đó ở các núi khác hay gặp bất kỳ ở đâu trong giây phút hiện tại.

Khi lạy hay niệm Bụt để gởi năng lượng cho một người đang đau khổ, chúng ta niệm 'Nam mô đức Bổn Sư Bụt Thích Ca Mâu Ni', thì chúng ta tiếp xúc với đức Bổn Sư. Khi niệm câu 'Nam mô Bồ-tát đại trí Văn Thù', thì chúng ta tiếp xúc với đức Văn Thù. Nhưng chúng ta biết rõ rằng đức Văn Thù không thể nào có mặt độc lập ngoài đức Bổn Sư, tại vì đức Văn Thù có mặt trong đức Bổn Sư. Chúng ta thường niệm đức Thích Ca, đức Văn Thù, đức Phổ Hiền và đức Quan Âm, phải không? Chúng ta tưởng bốn vị đó là bốn vị khác nhau. Có khi chúng ta cho Bụt là lớn hơn, cho nên chúng ta lạy ba lạy, còn Bồ-tát nhỏ hơn thì lạy một lạy thôi. Chúng ta hay kỳ thị như vậy đó. Nhưng nếu có trí tuệ thì khi lạy đức Thích Ca đồng thời ta cũng lạy đức Văn Thù, đức Phổ Hiền và đức Quan Âm, tại vì ba vị đó đều có mặt trong đức Thích Ca. Đức Thích Ca có đủ trí tuệ, có đủ vô phân biệt và có đủ tự do. Tiếp xúc với một là tiếp xúc với tất cả. Có khi ta hỏi: 'Tại sao niệm Bụt A Di Đà mà không niệm Bụt Thích Ca?' Tại vì ta còn kỳ thị. Kỳ thị Bụt Thích Ca không phải là Bụt Di Đà, Bụt Di Đà không phải là Bụt Thích Ca. Kỳ thực, khi ta tiếp xúc với một vị Bụt là ta tiếp xúc với tất cả các vị Bụt trong quá khứ, hiện tại và vị lai. 'Nhất hạnh tam muội' là một định lực có công năng giúp ta tiếp xúc được với tất cả mỗi khi ta tiếp

https://thuviensach.vn

xúc với cái một, như khi ta niệm một vị Bụt với nhất hạnh tam muội là cùng một lúc ta niệm hằng hà sa số Bụt.

Thiền Sư dạy chúng:

- Người học đạo thời nay cần có đức tự tin, đừng hướng ra ngoài mà tìm cầu.

Tổ đã nhắc điều này nhiều lần. Ta phải có đức tự tin ở hạt giống trí tuệ, tự do và vô phân biệt nơi bản thân mình.

Tìm cầu như thế rốt cuộc chỉ vướng vào trần cảnh, không phân biệt được tà chính.

Trần cảnh tức là đối tượng nhận thức. Do ta nghĩ là có bên ngoài cho nên có trần cảnh. Tà chính là do không phân biệt được những nhận thức mà ta cho là có từ bên ngoài. Ví dụ khi chưa thấy Bụt tự thân thì ta cho ta là con số không, ta nghèo đói.

Nói rằng có Bụt có Tổ thì đó cũng chỉ là những dấu tích trong kinh giáo.

Đọc trong kinh, trong giáo điển, ta thấy dấu tích ghi lại rằng có Bụt có Tổ. Bụt và Tổ ở ngoài ta, do đó các vị là đối tượng (trần cảnh) tìm cầu của ta. Khi đi tìm cầu Bụt và Tổ ở ngoài tức là ta bị vướng vào trần cảnh. Bụt đó có thể là ma Bụt, Tổ đó có thể là ma Tổ, chứ không phải Bụt thật Tổ thật. Ta bị ma Bụt hớp hồn, ta bị ma Tổ hớp hồn, tức là ta không phân biệt được tà chính. Dấu tích trong kinh giáo. Chữ dấu tích này dịch từ chữ 'tích' là vết tích. Trong tác phẩm Winny the Pooh, có một đoạn rất vui: Con Pooh đi một vòng trên tuyết thì trở lại chỗ cũ, nó tự hỏi: 'Có dấu chân của ai trên tuyết?' Thấy lạ quá, thế là nó đi theo dấu chân để tìm. Con Pooh ngu quá! Tại vì đó là dấu chân của chính nó. Nhưng chúng ta cũng ngu không thua gì con Pooh cả. Chúng ta đã để dấu chân của mình trên bến bờ xa lạ mà chúng ta cho đó là dấu chân của Bụt và Bồ-tát. Chúng ta đâu có ngờ đó là dấu chân của chính ta.

https://thuviensach.vn

Chữ tích này luôn luôn đối với chữ bản, như là Tích Môn và Bản Môn. Dấu tích chẳng qua chỉ là dấu hiệu. Mục đích chúng ta muốn tìm là Bản Môn, tức là nền tảng. Mà Bản Môn không cần phải đi tìm, vì nó có mặt sờ sờ trong giây phút hiện tại. Cũng như đợt sóng đi tìm nước. Tìm đến bao giờ mới thấy? Chỉ khi nào sóng bắt đầu dừng lại sự tìm kiếm là nó bắt đầu thấy. Bản chất của sóng là nước. Nước là Bản Môn. Sóng là Tích Môn. Nói rằng không có Bụt không có Tổ là sai, mà nói có Bụt có Tổ cũng không đúng. Bụt và Tổ chỉ là những dấu tích trong kinh giáo. Chúng ta nương vào dấu tích mà đừng bị kẹt vào dấu tích, đừng bị kẹt vào trần cảnh. Nếu ta nghĩ Bụt và Tổ là những thực tại có thật ở ngoài ta, độc lập với ta và là đối tượng chạy tìm của ta, lúc đó ta bị vướng vào trần cảnh và không phân biệt được tà chính.

Thói thường thì khi có ai nêu lên một câu, một lời trong kinh ra, dù nghĩa lý là ẩn hay hiển,

Ẩn (hidden) tức là che giấu, hiển (apparent) tức là nói 'toạc móng heo'.

thì mình có khuynh hướng lập tức đặt ra nghi vấn, rồi nhìn trời nhìn đất, tìm tới kẻ khác mà tham vấn, và càng tham vấn càng thấy mờ mịt.

Mỗi người đưa ra mỗi ý, ý người nào cũng là vọng tưởng, trần cảnh. Tưởng tượng hai đợt sóng nói chuyện với nhau: 'Nghe nói rằng bản thể của mình là nước thì làm sao mình đi tìm?' Rồi đàm luận hết ngày giờ mà không có cuộc đàm luận nào giúp cho những đợt sóng đó nhận ra rằng nước là bản chất của chúng, và nước đang có mặt ngay trong giây phút hiện tại.

Khi đọc Lâm Tế Lục, ta có thể gặp một câu rất mù mờ khó hiểu và ta cố công tìm hiểu xem Tổ muốn nhắn nhủ gì. Kỳ thực những điều Tổ nói chỉ để khơi mở tuệ giác nằm trong lòng ta mà không phải là tuệ giác. Cũng như ta dùng cái cuốc cái thuổng đào đất để lấy hũ vàng lên. Nếu ta coi cái cuốc cái thuổng là hũ vàng thì thật sai lầm. Cũng vậy, những lời dạy của Bụt, của Tổ không phải là chân lý, không phải là thực tại, không phải là Bản Môn, không phải là giải thoát, nhưng nó

https://thuviensach.vn

có công năng giúp ta trở về tiếp xúc được với giải thoát, an lạc ở ngay trong tự thân ta. Khi Tổ nêu ra một câu hay một chữ có ý nghĩa thâm trầm mà ta lại đi tìm cái thâm trầm đó trong mỗi câu mỗi chữ là sai, ta phải đi tìm điều ấy nơi sự sống của bản thân trong mỗi giây mỗi phút. Hễ càng tham vấn càng thấy mờ mịt, và trong chúng ta đã có nhiều người như vậy. Học thầy này thầy kia khắp nơi, cuối cùng ta càng mờ mịt thêm. Nghe ở đây có thầy giỏi, ta liền tìm tới tham vấn. Nghe có thầy ở nơi khác giỏi hơn, ta vội bỏ vị này rồi chạy tới vị thầy kia... cứ chạy vòng như vậy suốt đời, rốt lại không đi tới đâu cả.

Kẻ đại trượng phu là người không bàn vua bàn giặc.

Văn Hán-Việt là 'Đại trượng phu nhi, mạc kỳ ma luận, luận chủ luận tặc'. Chữ chủ ở đây là chúa, tức là vua. Từ luận chủ luận tặc này phát xuất từ thành ngữ 'Được làm vua, thua làm giặc.' Nghĩa là chiến thắng thì làm vua, chiến bại thì làm giặc. Đối với con người lớn (bậc đại trượng phu) thì là vua hay là giặc không phải là bản chất của sự thật.

Bàn thị bàn phi, bàn sắc bàn tài.

Thị là phải (yes), phi là không (no). Chúng ta để ra quá nhiều thì giờ để đàm luận đúng hay sai, thật uổng cả kiếp người.

Tôi đây, mỗi khi có người tới, dù người ấy xuất gia hay tại gia, tôi cũng nhìn thấy được tường tận gốc gác của kẻ ấy.

Nghĩa là Tổ có con mắt rất sáng. Khi có một thiền sinh tới, chỉ cần người đó nói một câu hay làm một cử chỉ gì là Tổ nhìn và thấy được tường tận gốc gác của người này ngay.

Nhận diện được rằng tất cả những âm thanh, danh từ và văn cú mà kẻ ấy đưa ra đều là mộng huyễn, và cũng thấy được con người thật của kẻ ấy, con người thật không bị trần cảnh làm chướng ngại.

Khi đến với thầy, ta đã khoác lên rất nhiều bộ mặt để trình diện, thay vì trình diện con người thật của ta. Ta chỉ giới thiệu những mỹ phẩm ta bôi trét vào người và mớ áo quần đã thu thập được trong quá khứ.

https://thuviensach.vn

Đó là những kiến thức, kinh nghiệm, những cái ta cho là hay, là tốt... Những thứ đó không phải là con người thật của ta. Tổ là một vị thầy có con mắt rất sáng. Tổ nhìn là Tổ thấy được tất cả những giả tạo mà người ấy đã phủ lên người, và đồng thời Tổ cũng thấy được con người thật của người ấy, con người thật không bị trần cảnh làm chướng ngại. Tổ mỉm cười. Tại vì Tổ biết trong mỗi người đều có một con người thật dù có mặc vào bao nhiêu lớp áo đi nữa, con người thật đó cũng không bị hư hao. Tôi đây, mỗi khi có người tới, dù người ấy xuất gia hay tại gia, tôi cũng nhìn thấy được tường tận gốc gác của kẻ ấy, nhận diện được rằng tất cả những âm thanh, danh từ và văn cú mà kẻ ấy đưa ra đều là mộng huyễn, và cũng thấy được con người thật của kẻ ấy, con người thật không bị trần cảnh làm chướng ngại.

- Bạch Thầy, con đã tu được bảy năm trong truyền thống Theravada.
- Bạch thầy, con đã tu được ba năm trong truyền thống Tây Tạng.
- Bạch thầy, con đã đọc sách như thế này, con đã nghiên cứu như thế này.
- Bạch thầy, con đã ngồi thiền như vầy.
- Bạch thầy con là giáo thọ trong truyền thống này.
- Bạch thầy, con đã học xong cao đẳng Phật học.

Có những người đã đến và tự giới thiệu như vậy khi họ tới học hỏi ở những vị thầy mới. Tất cả những thứ ấy đều là những cái vỏ bên ngoài, những âm thanh, danh từ và văn cú mà người đó đưa ra để trình diện với người thầy. Vị thầy không cần những thứ ấy, vì tất cả những thứ ấy đều là mộng huyễn. Nếu thấy được con người thật của họ thì vị thầy có thể giúp được người đó thấy được con người thật của họ, lúc đó họ sẽ có tự do.

Con người thật không bị trần cảnh làm chướng ngại. Trong chữ Hán có chữ 'thừa cảnh'. Thừa tức là cỡi lên. Thừa cảnh nghĩa là cỡi lên trần cảnh đi tới nhưng không vướng vào trần cảnh. Cũng như khi ta đi

https://thuviensach.vn

chùa bằng xe đạp hoặc xe hơi, cho dù chiếc xe đó cũ kĩ hay sang trọng thì khi tới cửa chùa ta cũng phải để ngoài cửa và đi vào bằng con người của mình thôi.

Vua Thành Thái rất hâm mộ cảnh chùa Từ Hiếu đồng thời thích lên thăm thiền sư Cương Kỷ để được nghe dạy về giáo lý. Cuộc sống trong triều đình rất nhiêu khê, thành ra có được một buổi trưa lên ngôi chùa thanh vắng đó, ngồi với thiền sư Cương Kỷ một giờ đồng hồ là một hạnh phúc rất lớn.

Chùa Từ Hiếu lúc bấy giờ có lệ là tất cả chúng gặp nhau dưới nhà trù vào lúc ba giờ chiều. Dưới bếp thường đã có sẵn một rổ sắn luộc để mỗi người ăn một củ sắn, uống một bát nước chè tươi, rồi mới bắt đầu chấp tác buổi chiều. Có lần vua Thành Thái tới chùa vào khoảng hai giờ rưỡi, lúc các thầy còn đang nghỉ trưa, chùa rất im lặng. Vua để xe ở ngoài, và bảo những người tùy tùng hộ giá ở lại đó, vua một mình bước lên đồi Dương Xuân, một mình đi vào chùa. Chùa hoàn toàn tĩnh lặng, không một bóng người qua lại. Vua rất thích, vì trong Cung (chốn vua ở) đâu được như vậy. Vua một mình đi từ hồ Bán Nguyệt leo lên cấp bực đi qua Lạc Nghĩa Đường, vào trong phương trượng. Cửa không khóa, thành ra vua đi vào và thấy hòa thượng Cương Kỷ đang ngồi rất thẳng, trước mặt có một dĩa sắn và một bát nước chè tươi. Hòa thượng cũng dùng thức ăn giống như mấy thầy, mấy chú và mấy điệu. Vua ngồi sụp xuống dưới và để tay lên bắp vế của hòa thượng.

Hòa thượng Cương Kỷ tuổi đã lớn, có một tướng rất lạ là mi mắt sụp xuống nên ngài không thấy gì hết. Khi nào có khách tới, ngài phải lấy tay vén mi lên thì mới thấy được người đó. Ngài muốn đọc sách thì cũng phải vén mi lên mới đọc sách được. Thấy có người đặt tay lên đùi mình (thị giả đâu có làm như vậy), Ngài hỏi: 'Ai đó?' Vua nói: 'Thành Thái, vua đây.' Ngài nói: 'Vua đó hả, mời Hoàng Thượng ngồi chơi.' Một cách rất an nhiên, hòa thượng bẻ củ sắn ra làm hai mời vua ăn một nửa. Và vua ăn ngon lành. Vua muốn đi tìm một con người thật, và hòa thượng Cương Kỷ sống với con người thật của mình

https://thuviensach.vn

không vì chức tước, danh vọng và quyền hành mà đánh mất con người thật đó.

Đó là chuyện thật xảy ra ở chùa Từ Hiếu. Ai ở chùa Từ Hiếu cũng đều đã được nghe câu chuyện đó cả. Vua đã tới bằng con người thật của vua không mang áo mão, chức tước, danh vọng và quyền hành. Và vua đã được thiền sư Cương Kỷ tiếp đón bình thường. Cả hai bên đều gặp nhau với tư cách của con người thật. Hòa thượng không gặp vua với tư cách một thiền sư, và vua không gặp hòa thượng với tư cách của một vị hoàng đế. Hai người đều có tự do cả.

Tôi đây, mỗi khi có người tới, dù người ấy xuất gia hay tại gia, tôi cũng nhìn thấy được tường tận gốc gác của kẻ ấy, nhận diện được rằng tất cả những âm thanh, danh từ và văn cú mà kẻ ấy đưa ra đều là mộng huyễn, và cũng thấy được con người thật của kẻ ấy, con người thật không bị trần cảnh làm chướng ngại.

Cái cách nhìn này chính là tông chỉ huyền diệu của Bụt. Cảnh giới của Bụt không bao giờ tự xưng mình là 'cảnh giới của Bụt.'

Có tên tức là có sự loại trừ (apoha). Chúng ta có khuynh hướng nói lá là loại trừ mây, nói con là loại trừ cha, nói thầy là loại trừ trò. Trong khi đó thì trò nằm trong thầy và thầy nằm trong trò, con nằm trong cha và cha nằm trong con. Đó là cái nhìn bất nhị, là tông chỉ huyền diệu (huyền chỉ) của Bụt.

Muốn thực chứng điều ấy không có khó. Vì không tu tập, ta không duy trì được cái thấy đó trong mỗi giây phút của đời sống hằng ngày. Sống như vậy rất là mầu nhiệm. Và ta có thể sống cái thiên thu trong một khoảnh khắc, ta có thể sống với tất cả trong cái một, ta có thể sống cái vô hạn trong cái hữu hạn.

Chính cái con người học đạo vô y (không nương tựa bám víu) ấy mới chứng nghiệm được cảnh giới kia.

Người học đạo là người tu (the practitioner). Vô y tức là không bám víu, không dựa vào trần cảnh, không chạy theo một điều gì. Đó là danh từ của Tổ. Danh từ nào cũng vậy, dù có hay cách mấy mà bị

https://thuviensach.vn

người ta lạm dụng nhiều quá thì cũng mất hay. Những danh từ của Làng Mai như 'đã về đã tới' nếu bị lạm dụng một hồi thì cũng mất cái hay của nó. Thành ra ta phải học sử dụng rất khéo léo, cần dùng mới dùng. Như chữ 'love' trong tiếng Anh, vốn rất hay. Nhưng bây giờ vì bị lạm dụng quá nhiều, như thích ăn hamburger mà họ nói là 'I love hamburger', nên không còn ý nghĩa gì nữa.

Nếu có ai tới hỏi tôi về Bụt, tôi sẽ ứng hiện cảnh giới thanh tịnh; muốn hỏi tôi về Bồ-tát, tôi sẽ làm ứng hiện cảnh giới từ bi; muốn hỏi tôi về Bồ Đề, tôi sẽ làm ứng hiện cảnh giới tịnh diệu; muốn hỏi tôi về Niết Bàn, tôi sẽ làm ứng hiện cảnh giới tịch tĩnh.

Tất cả đều có sẵn trong người của Tổ. Vì vậy khi có ai hỏi về Bụt, Tổ hiện cảnh giới của Bụt ra cho họ xem; hỏi về Bồ-tát, Tổ hiện cảnh giới của Bồ-tát ra cho họ xem; hỏi về Bồ Đề, Tổ hiện cảnh giới Bồ Đề ra cho họ xem; hỏi về Niết Bàn, Tổ hiện cảnh giới tịch tĩnh ra cho họ coi. Tổ có đủ tất cả những điều ấy, nhưng Tổ không phải chỉ là những điều ấy. Người ta muốn cái gì, Tổ cho cái đó.

Cảnh thì muôn ngàn sai khác nhưng người thì không.

Nếu quý vị muốn tôi viết bút pháp thì tôi viết bút pháp; muốn tôi đọc thơ thì tôi đọc thơ; muốn tôi nói về Trịnh Công Sơn thì tôi nói về Trịnh Công Sơn. Nhưng những thứ ấy không phải là tôi. Cảnh thì muôn ngàn sai khác nhưng người thì không. Nếu quý vị cho rằng tôi là bút pháp, là thơ, là Trịnh Công Sơn, thì quý vị sai lầm.

Vì vậy cho nên ta có thể ứng vật hiện hình, như mặt trăng trong nước.

Mặt trăng trong nước, mặt trăng đó chỉ là hình bóng mà thôi. Hình ảnh này Tổ lấy từ trong Kinh Kim Quang Minh. (Điều này chứng tỏ Tổ học nhiều, nhưng Tổ không dính mắc vào Kinh.)

Này các bạn tu, nếu quý vị muốn đạt được pháp chân như thì phải trở nên một bậc đại trượng phu (con người lớn) mới được, còn nếu cứ yếu đuối và cứ tiếp tục thỏa hợp thì không bao giờ thành.

https://thuviensach.vn

Chúng ta thích một cuộc sống thỏa hợp cho yên nhà yên cửa. Mua lấy cái hòa bình nho nhỏ để sống qua ngày, đó gọi là thỏa hợp. Sống như vậy không phải là một con người lớn (đại trượng phu).

Cũng như một cái bình rạn nứt không thể chứa được đề hồ. Nếu muốn làm pháp khí lớn thì phải cương quyết không để cho kẻ khác lường gạt, tới đâu cũng tự mình làm chủ (active sovereignty, not as a victim), đứng đâu mình cũng chân thật là mình (vrai, true).

Là một con người lớn, ta sống đời sống hằng ngày của ta một cách rất là xác thật (authentic). Lâu nay ta muốn yên nhà yên cửa, thành ra ta phải đi, đứng, nói, cười như thế nào đó để có thể thỏa hợp, vì vậy ta không dám sống với con người thật của ta. Nếu người đó còn muốn tiếp tục ở trong Đảng, muốn tiếp tục làm Đảng viên và muốn có quyền lợi của người Đảng viên, thì phải theo đường lối của Đảng. Nếu bỏ phiếu thì phải bỏ phiếu theo ý của Đảng, dầu ta có nhận thức khác cũng không thể nào cưỡng lại được, tại vì Đảng cần đa số để thắng ở quốc hội. Vì vậy ta phải thỏa hiệp, và ta trở nên con người giả dối. Là người tu, trước hết, ta phải là kẻ đại trượng phu, là con người lớn.

Con người lớn (đại trượng phu), theo Tổ, có hai đặc tính là tùy xứ tác chủ và lập xứ giai chân:

1- Tùy xứ tác chủ: Ở đâu cũng làm chủ được mình, không thỏa hiệp, không sống giả dối, cho dù hoàn cảnh có khó khăn tới đâu. Làm chủ không có nghĩa là đánh dẹp và đàn áp người khác. Ví dụ như ta có một sư anh (hay sư chị) khó tính. Sư anh đó làm hay nói những điều khiến ta bất như ý, ta không phục, ta có khuynh hướng muốn phản kháng lại, muốn nói lại một câu cho sư anh đau, hay ta rút vào buồng đóng cửa lại, không ra ăn cơm, không ra pháp đàm..., lấy cớ là tại vì sư anh khó chịu như vậy cho nên ta mới như vậy. Như vậy là ta trở thành nạn nhân của hoàn cảnh, ta đánh mất chủ quyền (sovereignty). Nếu ta nhận thức rằng: 'Tội nghiệp sư anh quá! Sư anh còn tập khí độc tài, ưa ý kiến của sư anh được chấp nhận, ý kiến của sư anh mà không được chấp nhận thì sư anh khó chịu, điều này sư anh cần phải

https://thuviensach.vn

chuyển hóa. Mình phải làm gì để giúp sư anh chuyển hóa mới được.' Nghĩ như vậy, ta mỉm cười, không cảm thấy khổ sở gì cả. Đó là làm chủ hoàn cảnh. Cũng hoàn cảnh đó mà ta làm chủ hay làm nạn nhân là do ở cái thấy của ta. Còn nói: 'Tại vì sư anh như vậy cho nên tôi mới phải như vậy.' 'Tại bên kia lớn tiếng thành ra tôi cũng lớn tiếng.' Ta thanh minh. Ta tìm cách để biện hộ (justify) cho ta, bênh vực ta, dù ta đã nói những lời không dễ thương, hành động không dễ thương và không giữ đúng uy nghi. Ta trở thành nạn nhân, ta không có chủ quyền. Đó gọi là không có tác chủ.

Trong lĩnh vực tâm lý trị liệu cũng vậy. Có nhiều nhà tâm lý trị liệu không thấy được bản chất của bệnh và không có khả năng trị liệu được những bế tắc của bệnh nhân, nên đã đổ lỗi cho là bệnh nhân thuở ấu thơ bị lạm dụng (abuse) tình dục hoặc bị cha mẹ đàn áp. Họ không đưa ra cho bệnh nhân một con đường thoát. Đôi khi người bệnh chưa hề có vấn đề gì trong thời niên thiếu, nhưng nhà tâm lý trị liệu vẫn đinh ninh là: 'Thế nào trong thời niên thiếu ông (cô) cũng đã bị lạm dụng như thế cho nên bây giờ ông (cô) mới như vậy.' Và vì không biết rõ nguyên nhân gì khác, những người bệnh đã tin vào đó, đổ lỗi cho cha, cho mẹ, gia đình huyết thống và xã hội, để họ có thể tiếp tục được đau khổ.

Trong giới tâm lý trị liệu có danh từ rebirthing, tức là sanh trở lại (tái sinh). Ta tin rằng những đau khổ hiện tại mà ta đang chịu đựng là có nguồn gốc từ lúc mẹ của ta sanh ra ta có những khó khăn. Nhà tâm lý trị liệu cho là chính cái khó khăn và đau khổ lúc sinh ra ta đã lưu lại những dấu ấn rất sâu đậm cho tới bây giờ. Thành ra họ cho anh trở về giây phút đó bằng sự tưởng tượng là anh đang trong bào thai mẹ và bắt đầu được sanh ra: Người ta quay anh một vòng cho anh có cảm giác thất điên bát đảo để anh ý thức được những khổ đau của thời mới sanh. Khi ý thức được điều ấy thì anh sẽ hết đau khổ. Những nhà tâm lý trị liệu bây giờ căn cứ trên nhận thức là những đau khổ bị dồn nén trong tiềm thức là do không có ánh sáng ý thức chiếu rọi. Nếu được chiếu rọi bằng ý thức, thì những đau khổ ấy sẽ tan dần. Bằng mọi cách, họ đổ lỗi cho quá khứ mà không trở về giây phút hiện tại, nhận diện những khó khăn. Khoa tâm lý trị liệu (psychotherapy) ở

https://thuviensach.vn

Tây phương hiện nay cũng tác hại rất nhiều và gây đau khổ cũng rất nhiều.

Trong khi đó, giáo lý đạo Bụt chủ trương rằng tất cả đều nằm ở giây phút hiện tại, vì giây phút hiện tại nắm giữ quá khứ và tương lai. Muốn làm mới quá khứ, muốn xây dựng tương lai, ta phải trở về nhận diện những gì đang xảy ra trong giây phút hiện tại và sống chánh niệm trong từng giây phút của đời sống hằng ngày. Khi nhìn sâu vào quả, ta thấy được những nhân của nó. Thái độ bỏ quả đi tìm nhân là sai lầm. Chỉ cần quán sát thái độ và cách hành xử của người đó vài giờ đồng hồ là ta có thể thấy được quá khứ cũng như tương lai của người đó. Đó là con mắt quán chiếu, đó mới thật là tâm lý trị liệu.

Có những đau khổ xảy ra ngay trong giây phút hiện tại mà ta không nắm lấy để quán chiếu và thực tập để được giải thoát mà cứ ngồi đó than rằng: 'Tại vì hồi nhỏ tôi bị lạm dụng, vì cha tôi, mẹ tôi làm khổ tôi, thành ra bây giờ tôi như vậy. Các anh thông cảm cho phép tôi khổ.'

Đó là thái độ trốn tránh sự thực tập, trốn tránh trách nhiệm của mình. Con người thật, con người đại trượng phu thì không làm như vậy. Tổ nói ta không được như vậy, ta phải là một đại trượng phu, một con người lớn. Ta phải nắm lấy vận mạng của mình. Ta phải có trách nhiệm về từng lời nói, từng cử chỉ và từng hành động của ta, và điều này có thể được soi sáng bằng chánh niệm.

- Tôi đang nghĩ như vậy và tôi chịu trách nhiệm về cái tư duy này.

- Tôi đã nói như vậy và tôi chịu trách nhiệm về câu nói đó của tôi.

- Tôi đang làm hành động này và tôi chịu trách nhiệm về hành động này của tôi.

Chúng ta phải biết rằng mỗi lời nói, mỗi tư duy, mỗi hành động của ta đều mang chữ ký của ta cả. Ta có trách nhiệm, đó gọi là tùy xứ tác chủ, nếu không, ta chỉ là nạn nhân.

https://thuviensach.vn

2- Lập xứ giai chân: Ở bất cứ nơi nào ta cũng là con người thật. Ta không phải chỉ có thực tập uy nghi khi đi ra ngoài, còn vào phòng thì hấp tấp, vụt chạc: cởi áo, mặc áo, ngồi xuống, đứng lên, đều không có chánh niệm. Ra trước đám đông, ta đóng kịch, mang vào vẻ uy nghi chánh niệm (giả trang thiền tướng), đến khi về phòng thì ta không phải là người lúc đi ra ngoài.

Tùy xứ tác chủ, lập xứ giai chân, là phương châm của Tổ Lâm Tế. Chỉ cần thực tập theo tám chữ này, chúng ta đã xứng đáng là sự tiếp nối của Tổ rồi.

Hỏi: 'Các cõi nước của ba Mắt là gì?'

Theo tự điển Phật học, ba mắt (tam nhãn) là :

1- Nhục nhãn là mắt thịt.
2- Thiên nhãn là con mắt thấy được rất xa và thấy được cả những điều bị che dấu.
3- Tuệ nhãn là con mắt có thể thấy được chiều sâu của thực tại.

Ở đây, Tổ dùng danh từ ba Mắt theo ý của Tổ, không giống như trong kinh. Tổ rất là tự do.

Thiền Sư đáp: 'Các vị và tôi đi vào cõi nước của Tịnh Diệu, mặc áo Thanh Tịnh, nói về Bụt Pháp thân.'

Trong đoạn văn này, Tổ nói về Tam Thân và các cõi nước trong đó Tam Thân đang cư trú. Trước hết là Pháp thân. Muốn tiếp xúc với Pháp thân của Bụt phải mặt áo thanh tịnh, để đi vào cõi nước Tịnh Diệu. Bụt Pháp thân tuy gọi là thân, nhưng không có hình dáng của một con người, không có tướng của một con người. Không những Bụt có Pháp thân mà mỗi chúng ta cũng đều có Pháp thân (dharmakaya).

Pháp thân có nghĩa là thân giáo pháp. Trước khi nhập diệt, Bụt nói: 'Khi Như Lai nhập diệt, chỉ có hình hài là tan rã, còn Pháp thân của Như Lai ở lại mãi với quý vị.' Pháp thân đó là giáo pháp, cũng sống động, cũng tồn tại và cũng đi vào tương lai. Pháp thân dịch sang tiếng Anh là teaching body hay dharma body.

https://thuviensach.vn

Bụt có Pháp thân rất lớn, rất sáng. Nhưng mỗi chúng ta cũng đều có Pháp thân. Pháp thân của chúng ta có thể còn ốm yếu, tại vì chúng ta tu học giải đãi cho nên Pháp thân của ta hao gầy. Khi ta thở và đi có chánh niệm thì Pháp thân của ta rất hùng dũng. Khi ta có cái hiểu sâu sắc về giáo pháp và cái hiểu ấy được biểu lộ qua cách sống hằng ngày của ta, thì đó là Pháp thân tỏa sáng. Pháp thân này không hẳn phải có hình dáng một con người. Nhục thân ta có hình dáng con người, nhưng Pháp thân ta không hẳn phải mang hình dáng con người. Muốn tiếp xúc với Pháp thân của Bụt, ta phải mặc áo Thanh Tịnh và đi vào cõi nước Tịnh Diệu. Và khi ta tiếp xúc được với Pháp thân của Bụt, thì áo của ta trở nên áo Thanh Tịnh và chỗ ta đang bước đi là cõi nước Tịnh Diệu. Vì vậy Pháp thân Bụt là cái chúng ta có thể tiếp xúc được trong đời sống hằng ngày, nó không phải là một cái gì xa vời ở ngoài chúng ta. Ta có thể với tới được, có thể tiếp xúc được ngay trong giờ phút hiện tại.

Rồi đi vào cõi nước Vô Sai Biệt, mặc áo Vô Sai Biệt, nói về Bụt Báo thân.

Bụt Báo thân có hình dáng của một con người rất đẹp. Con người sở dĩ đẹp là vì có Pháp thân. Pháp thân tỏa sáng thì tự nhiên con người của ta đẹp ra. Điều này cũng dễ hiểu. Ví dụ như các sư chú sư cô trẻ, lúc chưa xuất gia đầu tóc còn bù xù, đến khi xuất gia xong, vừa có Pháp thân vừa có giới thân thì mặt mày tự nhiên sáng rỡ ra. Đó là Báo thân (retribution body). Điều làm cho ta đẹp không phải là phấn sáp, không phải là chuỗi ngọc, không phải là vòng vàng. Điều làm cho ta đẹp là giới luật, là sự thấu hiểu thâm trầm về giáo lý và sự biểu hiện của pháp trong khi ta đi, đứng, nói, cười. Người nào cũng có Báo thân. Báo thân đó có mặt ngay bây giờ, không phải chết rồi mới có. Và Báo thân của ta đẹp hay không đẹp là do Pháp thân ta có mặt vững chãi hay không mà thôi.

Muốn tiếp xúc với Báo thân của ta cũng như tiếp xúc với Báo thân của Bụt, ta phải đi vào cõi nước Vô Sai Biệt, mặc áo Vô Sai Biệt. Vô Sai Biệt là không có sự phân biệt. Báo thân đẹp nhờ có cái thấy không kỳ thị, không phân biệt: cha không phải là con, con không phải là cha; sư anh

https://thuviensach.vn

không phải là sư em, sư em không phải là sư anh. Khi ta ghét sư anh, ta ghét các thầy giáo thọ, tức là ta không thấy sự có mặt của quý vị ở trong ta. Khi ta có thể đi vào cõi nước Vô Sai Biệt, mặc áo Vô Sai Biệt, thì lúc đó Báo thân của ta rất đẹp. Báo ở đây là quả báo tốt đẹp, không phải quả báo xấu xa. Vậy thì Báo thân là một cái gì ta có thể tiếp xúc được, sử dụng (accessible) được ngay trong giây phút hiện tại.

Rồi đi vào cõi nước Giải Thoát, mặc áo Quang Minh, nói về Bụt Hóa thân.

Bụt Hóa thân cũng có mặt trong giây phút hiện tại, và ta cũng có thể tiếp xúc được. Hóa thân của Bụt là những thân đang làm việc cứu độ. Cứu độ bằng nhiều cách, hoặc với tư cách một người anh, hoặc với tư cách một người em, hoặc với tư cách một người thầy, hoặc với tư cách một người con, hoặc với tư cách một người cháu... Trong mỗi trường hợp như vậy ta đều có thể sử dụng một Hóa thân khác.

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn nói về đức Bồ-tát Quán Thế Âm: 'Đức Quán Thế Âm có thể hiện ra nhiều Hóa thân. Nếu cần làm người xuất gia để hóa độ, thì ngài hiện ra một vị xuất gia để hóa độ; nếu cần hình thức một vị cư sĩ để hóa độ, thì lấy hình thức một vị cư sĩ để hóa độ; nếu cần làm một nhà chính trị để hóa độ, thì hóa thành một nhà chính trị để hóa độ; nếu cần trở thành một nhà thương gia để hóa độ, thì hóa thành một nhà thương gia để hóa độ...' Ta cũng vậy. Ta hóa độ với tư cách một người anh, một người chị, một người thầy, một người em, một người bạn..., ta có nhiều hình thức để hóa độ. Nếu cần lấy tư cách một em bé để hóa độ, đức Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ lấy tư cách một em bé để hóa độ. Sự thật là khi các em bé tu giỏi, chúng trở nên dễ thương hơn, tươi mát hơn, và khi chúng nói thì bố mẹ sẽ nghe. Nếu cần mang một mặt dạ xoa (khuôn mặt rất dữ tợn) - nhưng trong lòng đầy tình thương - thì đức Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ hiện ra với một khuôn mặt dạ xoa để hóa độ. Tất cả hình thức đó đều là Hóa thân của Bụt và Bồ-tát. Chúng ta cũng có thể hóa độ với tư cách một người thầy, một người học trò, một người anh, một người chị, một người em. Khi chúng ta có chất liệu của giải thoát, mặc áo của ánh sáng, thì chúng ta có thể sử dụng được rất nhiều Hóa thân của mình.

https://thuviensach.vn

Viết một lá thơ đầy ái ngữ, đầy tình thương để gởi về cho cha, cho mẹ, cho em..., thì lá thơ đó là một Hóa thân của ta. Lá thơ như vậy cũng có thể đi rất xa, như đi vào trong tù để hóa độ những người trong tù. Mỗi người trong chúng ta có thể có rất nhiều Hóa thân để gởi đi cứu độ.

Pháp thân, Báo thân và Hóa thân là những thân có thật mà ta có thể tạo ra hay ứng hiện ra trong lúc này. Ta không phải chờ đợi trăm ngàn kiếp sau, thành Bụt rồi mới có ba thân. Tất cả chúng ta trong giây phút hiện tại đều có ba thân và ba cõi nước rất mầu nhiệm của ba thân ấy. Cõi nước Vô Sai Biệt, cõi nước Tịnh Diệu và cõi nước Giải Thoát đều có mặt trong giây phút hiện tại, mà không phải là đối tượng để đi tìm trong tương lai và ở không gian khác.

Tất cả các cõi nước của ba Mắt ấy đều do nương tựa (y) vào thể và vào nghĩa mà biến hiện.

Chữ thể, tiếng Phạn là asraya, nghĩa là nương tựa vào (y) hay là nền tảng. Chữ nghĩa, tức là những nghĩa lý do tâm thức tạo ra như Pháp thân, Báo thân và Hóa thân theo những lề thói suy nghĩ và tạo tác của tâm. Tổ có nói: "Pháp thân không bao giờ nói 'tôi là Pháp thân'. Báo thân không bao giờ nói 'tôi là Báo thân'. Tại vì ta cho nó một cái tên, cho nên nó mới có cái tên đó." Cũng như tôi đặt tên Thăng Nghiêm, Đào Nghiêm, Khuê Nghiêm, và các sư cô phải chấp nhận mình có tên như vậy. Chúng ta đặt tên cho cái bông này là bông hường, bông hường phải chịu cái tên như vậy. Bông hường không bao giờ tự nói: 'Tôi là bông hường, quý vị phải gọi tôi là bông hường.' Đó là nghĩa. Nghĩa được thành lập trên ngôn từ và ý niệm. Thành ra có hai: Một là thân, hai là độ. Thân là ba thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Độ nghĩa là cõi nước. Những cõi nước và ba thân đều nương trên nền tảng của hiện hữu và nương vào tâm, đó gọi là nghĩa.

Theo kinh luận, thì Pháp thân là căn bản, Báo thân và Hóa thân là công dụng. Theo cái thấy của tôi thì Pháp thân không biết thuyết pháp.

https://thuviensach.vn

Thật ra, Pháp thân không thuyết pháp bằng ngôn ngữ của con người, nhưng Pháp thân có thể thuyết pháp bằng những ngôn ngữ khác. Giai đoạn đầu, Pháp thân chỉ có nghĩa là giáo lý và sự biểu hiện mầu nhiệm của giáo lý (the teaching body). Sau đó, Pháp thân trong đạo Bụt Đại Thừa có nghĩa là thực tại mầu nhiệm, được biểu hiện thành những điều rất đẹp như trúc tím, hoa vàng, trăng trong, mây bạc. Tất cả những mầu nhiệm của thế giới trong ta và quanh ta đều là biểu hiện của Pháp thân.

Túy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,
Bạch vân minh nguyệt hiện toàn chân

Pháp thân có tính cách mầu nhiệm, và thi ca của Phật giáo Đại thừa luôn luôn ca ngợi Pháp thân với tất cả những cái đẹp của nó. Khi nghe trong chánh niệm, thì tiếng suối reo, chim hót cũng đang thuyết pháp. Kinh A Di Đà nói rằng: Ở nước Cực Lạc, mỗi khi có gió thổi qua các hàng cây thì người ta được nghe những bài thuyết pháp về tứ đế, ngũ căn, ngũ lực, thất Bồ Đề phần, bát thánh đạo phần. Và vì vậy Pháp thân có thuyết pháp, không phải bằng ngôn ngữ của con người mà bằng ngôn ngữ của mây, gió, chim và suối. 'Bông hoa đứng yên bên hàng dậu, mỉm nụ cười nhiệm mầu', đó cũng là một bài thuyết pháp.

Vì thế cho nên cổ nhân nói: thân thì nương vào nghĩa mà thành lập, độ thì căn cứ vào thể mà bàn luận (cái thân được thành lập do ý nghĩa người ta gán cho chúng. Các độ chỉ có mặt đứng về phương diện thể tánh của chúng mà thôi) (thân y nghĩa lập, độ cứ thể luận); thân của pháp tánh và độ của pháp tánh như thế rõ ràng đều là những pháp được kiến lập.

Thân (Tam Thân) và độ (các cõi nước của chư Bụt) đều là những pháp được kiến lập. Kiến lập ở đây nghĩa là những pháp được tạo tác ra do tâm thức của chúng ta mà không phải là những thực tại có ngoài tâm thức, những thực tại cần được đi tìm ở tương lai, trong một không gian khác. Mục đích của Tổ là giúp chúng ta ngừng lại, chấm dứt sự

https://thuviensach.vn

tìm cầu, dù là tìm cầu ba thân, dù là tìm cầu các cõi nước mầu nhiệm của ba thân.

Các cõi nước cũng như thế, đều nương vào nghĩa và vào thể mà thiết lập, tất cả đều chỉ là lá vàng và nắm tay không mà người ta sử dụng để gạt trẻ thơ.

Các vị Tổ nói về các cõi Bụt và Tam Thân với mục đích là để lừa gạt chúng ta. Chúng ta giống như bọn con nít bị người lớn gạt cho kẹo để dụ đi theo. Hình ảnh lá vàng và nắm tay không là lấy từ kinh Đại Niết Bàn. Kinh đưa ví dụ có một bọn con nít đang khóc, thì có một người lớn đến cầm một nắm lá vàng và nói: 'Đừng khóc nữa, ta sẽ cho con rất nhiều vàng.' Nói xong, vị đó đưa cho chúng một nắm lá vàng. Bọn con nít tưởng là lá bằng vàng thiệt, sung sướng quá, chúng hết khóc. Chúng ta cũng vậy. Chúng ta rất cần ba thân và các cõi nước của Bụt. Chúng ta cần một nơi để yên thân, một nơi không có đau khổ. Biết như vậy, cho nên Bụt và Tổ mới đưa ra cho chúng ta ba thân và những cõi nước. Và chúng ta ngưng khóc liền. Nhưng Tổ Lâm Tế nói: 'Đừng tin! Họ nói như vậy là để dụ con nít. Tất cả những cái như thân và độ đều có mặt trong giây phút hiện tại. Đừng đi kiếm nữa, đừng bị cổ nhân lừa.' Cổ nhân ở đây là ai? Là chư Tổ. Nắm tay không và những tờ lá vàng là những cái mà người ta sử dụng để lừa gạt trẻ thơ. Chúng ta đều là những người dễ bị lừa gạt, cho nên quý vị và tôi cứ bị lừa gạt hoài. Ai lừa gạt ta? Bụt lừa gạt ta và Tổ lừa gạt ta. Tại vì tất cả những điều ấy không phải ở ngoài, tất cả đều là những biểu hiện của tâm thức.

Hôm trước, tôi có nói chuyện với sư em Pháp Đệ. Sư em nói: 'Nếu bên Công giáo có một cha dám nói như Tổ Lâm Tế, thì cha đó thế nào cũng bị rút phép thông công, và bị đuổi ra khỏi nhà thờ không cho làm cha nữa.' Đạo Bụt có rất nhiều tự do, thành ra mới có một thầy dám nói những điều như vậy, và lại trở thành một vị Tổ của một tông phái thiền rất lớn tồn tại cho đến bây giờ.

Tất cả chỉ là như trái tật lê và gai ấu, toàn là chuyện đi tìm những giọt nước mát trong một mảnh xương khô.

https://thuviensach.vn

Trái tật lê là một loại cây rất thấp, sống ở những vùng nóng gần bờ biển, hoa và trái của nó rất nhỏ. Trái tật lê là trái có thể dùng làm thuốc bổ máu và có khả năng cầm máu. Trái ấu (water chestnut) được sinh ra từ dưới nước, hình dáng của nó giống như là có gai và không tròn. Người ta thường nói: 'khi thương trái ấu cũng tròn.' Thật ra trái ấu không bao giờ tròn cả, nó có nhiều gai, nhưng gai của nó không bao giờ làm mình đau tay. Trái tật lê trông rất mềm và êm dịu, tại vì xung quanh nó có lông trắng bao bọc mơn mởn. Nhưng phải coi chừng, cầm trong tay thì gai sẽ đâm. Tên Latin của trái tật lê là tribulus terestri. Tên Latin của trái ấu là repanatan.

Tất cả chỉ là như trái tật lê và gai ấu, toàn là chuyện đi tìm những giọt nước mát trong một mảnh xương khô. Ngoài tâm không có pháp, trong tâm cũng không có pháp, vậy quý vị đi tìm gì?

Khi ta liệng cho con chó một mảnh xương khô, thì nó chạy theo với hy vọng tìm ra một chút gì ngon ngọt trong đó. Nhưng hoàn toàn chỉ là mảnh xương khô. Chúng ta cũng vậy. Chúng ta cũng hướng ngoại tìm cầu ba thân và các cõi nước. Nhưng ngoài tâm không có pháp (nhất thiết duy tâm tạo), đó là giáo lý của kinh Hoa Nghiêm. Nếu chúng ta đi tìm ba thân và những cõi nước ở ngoài tâm là chúng ta bị lừa. Nói rằng 'ngoài tâm không có pháp', như vậy có nghĩa là 'có pháp ở trong tâm'. Ở đây, Tổ nói: 'Ngoài tâm không có pháp, trong tâm cũng không có pháp.' Tâm không có ngoài cũng không có trong.

Chúng ta thường bị kẹt vào ý niệm là mỗi pháp có mặt độc lập và tồn tại riêng, như là bông hoa. Khi nói về bông hoa thì sinh ra một pháp, và pháp đó là bông hoa. Chúng ta quên mất sự thật là bông hoa không thể tồn tại một cách riêng rẽ, bông hoa chỉ có thể biểu hiện được khi có mặt trời, đám mây, đất, nước, hạt giống... Chúng ta loại bỏ tất cả những yếu tố ấy ra ngoài, vì chúng ta nghĩ bông hoa là một pháp biệt lập, pháp đó ở ngoài không có mà ở trong cũng không có, cho nên pháp đó không có thật. Nếu chúng ta thấy được tính tương tức của vạn pháp, thì chúng ta có khả năng thấy được tự tính của bông hoa. Khi thấy được tính tương tức của một bông hoa, chúng ta không còn nói nó là một pháp riêng biệt nữa. Vậy quý vị đi tìm gì?

https://thuviensach.vn

Các vị, đâu đâu người ta cũng nói tới đạo, rằng có tu thì có chứng. Đừng lầm. Dù có tu chứng đi nữa thì cái đó cũng chỉ là nghiệp sinh tử.

Đoạn này nói đến giáo lý Vô đắc. Vô đắc nghĩa là không có một điều gì mà ta thiếu hoặc không có trong hiện tại và trong tương lai. Ta nghĩ ta không có giải thoát, giác ngộ, ta cho những cái đó ở ngoài ta, nhưng nhờ có tu nên từ chỗ ta không có mà trong tương lai ta sẽ có. Đó gọi là đắc. Nếu có cái để ta chạy theo và là đối tượng ta muốn nắm bắt, thì ta vẫn chưa có tự do. Chỉ khi nào ta dừng lại và không theo đuổi bất cứ điều gì, lúc đó ta có an lạc thật sự. Đó gọi là vô nguyện hay vô tác (apranihita).

Ở Ấn Độ có những ngôi chùa được đục từ trong núi đá, như là những ngôi chùa trong động đá Ajanta. Động Ajanta có tới hai mươi mấy ngôi chùa hình thành do đục vào trong núi đá. Động thứ bảy có hình Bồ-tát Liên Hoa Thủ. Cách xây những ngôi chùa này rất lạ. Người ta không phải lấy gạch ngói từ nơi khác tới, mà xây bằng cách đục những vách núi cho thành hình một ngôi chùa. Trong những ngôi chùa đó cũng có tượng Bụt, có chánh điện, có tăng xá. Có những tăng xá được hình thành vào thế kỷ thứ hai. Tôi đã có cơ duyên vào thăm tăng xá vào một buổi trưa rất nóng, và nằm trên chiếc giường bằng đá mà ngày xưa các thầy đã nằm. Nó rất mát. Trên vách tường bên tay trái cạnh giường có một lỗ hổng, nơi ngày xưa các thầy để bình bát và y. Tôi cảm thấy rõ ràng mình là một vị xuất gia đang sống ở thế kỷ thứ hai.

Ngôi chùa được hình thành không phải do lấy từ bên ngoài đưa vào mà nó đã có sẵn ở bên trong núi. Cũng vậy, có những điều chúng ta tưởng là phải tìm kiếm ở ngoài mới có như ba thân hay tuệ giác..., kỳ thực tất cả đều đã có sẵn trong ta. Chỉ cần ta biết nhận diện những yếu tố hoa và rác. Nếu biết sử dụng rác, thì rác trở thành hoa và trái. Người biết nghệ thuật làm vườn, họ không vất phân rác đi, trái lại họ còn ủ phân rác đó đến khi rác trở thành loại phân bón nuôi dưỡng hoa trái. Vậy thì trong hoa có rác, trong rác có hoa, rác và hoa tương tức. Thành ra không có gì để ta cần phải chạy theo và không có gì ta

https://thuviensach.vn

cần phải chạy trốn. Đó gọi là Vô đắc. Khi thấy được sự thật là Vô đắc, thì ta không có gì để tu cũng không có gì để chứng. Nếu có tu có chứng đó cũng là nghiệp sinh tử.

Sinh tử ở đây tức là đi vòng quanh. Tại vì ta còn đi tìm, ta còn trốn chạy, thì ta còn đi vòng quanh. Còn tu còn chứng là còn đi vòng quanh. Người có trí tuệ thì không cần tu không cần chứng. Có gì cần phải tu phải chứng chứ? Pháp thân, Báo thân và Hóa thân ta đều có, tại sao ta còn phải đi tìm? Ta đang là tất cả những gì ta muốn tìm cầu, tất cả đã có sẵn ở trong ta. Khi thấy được như vậy, ta chấm dứt được sự đi vòng quanh, lúc đó ta thật sự có an lạc.

Nói mình tu lục độ vạn hạnh, tôi thấy đó cũng là tạo nghiệp.

Lục độ là sáu ba-la-mật (paramita). Vạn hạnh là mười ngàn sự thực tập.

Cầu Bụt cầu Pháp là tạo nghiệp địa ngục, cầu Bồ-tát cũng vậy, học kinh học giáo cũng là tạo nghiệp.

Những câu này đều là những lát búa rất lớn đập lên khối u minh của chúng ta. Khối u minh đó là động lực thúc đẩy chúng ta chạy tìm những cái chúng ta nghĩ là mình không có. Những câu này giống như phản lại giáo lý, phản lại đạo Bụt, phản lại truyền thống, kỳ thực đây là những lát búa rất mạnh để đập vỡ thái độ tự ti, ý niệm cho rằng ta chỉ là con số không, ta không là gì hết. Ta tự khinh ta, ta là những người không có đức tự tin.

Bụt và Tổ sư là những người vô sự.

Bụt và Tổ sư là những người không còn đi tìm cầu. Nếu ta còn tìm cầu thì càng ngày ta càng xa Bụt, càng xa các vị Tổ sư. Đây là lý luận (logic) của Tổ: 'Bụt và Bồ-tát là những người vô sự. Ta muốn gần Bụt và Bồ-tát thì ta cũng phải vô sự như các ngài, tại sao ta đi tìm cầu?'

Đối với các bậc ấy, hữu lậu hay hữu vi, hoặc vô lậu hay vô vi, đều là nghiệp 'thanh tịnh'.

https://thuviensach.vn

Hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi đều là những tạo tác của tâm. Muốn chạy trốn hữu lậu, ta đi tìm vô lậu. Muốn chạy trốn hữu vi, ta đi tìm vô vi. Đó cũng là tìm cầu, cũng chưa có an nghỉ, cũng chưa có hạnh phúc. Chỉ khi nào ta hoàn toàn chấm dứt mọi tìm cầu, ta mới có hạnh phúc. Đều là 'nghiệp thanh tịnh', tức là còn có sự phân biệt giữa thánh và phàm, hữu vi và vô vi, hữu lậu và vô lậu... nên sinh ra chán ghét cái này và chạy theo cái kia.

Có một bọn đầu sói mắt mù.

Tức là những vị xuất gia, đầu trọc mắt mù. Tổ nói nặng lời. Tổ la mắng ta.

Ăn no liền ngồi xuống thực tập thiền quán, nắm giữ tâm niệm không cho phát khởi (đừng để ý phát khởi), chán ồn ưa tĩnh: phép thực tập của họ chẳng qua chỉ là pháp ngoại đạo.

Đây là một chiêu trực tiếp đánh vào các thiền viện. Các thiền viện cho rằng thiền tọa (zazen) là chuyện cao quý nhất. Tổ cho chuyện đó là ngoại đạo. Chán ồn ưa tĩnh, tập trung tâm ý, để tìm sự vắng lặng, đó không phải là Phật giáo. Tổ nói đó là pháp ngoại đạo cũng đúng. Ta nên nhớ, phương pháp ngồi thiền tĩnh tọa đã có trước khi Siddhartha đi tu. Sự thực tập yoga là như vậy. Đạo Bụt thì không phải như vậy. Đạo Bụt không phải ngồi yên để tìm sự vắng lặng cũng như con thỏ chui xuống lỗ để yên thân. Nhiều người trong chúng ta đã hành xử giống như con thỏ vậy. Chúng ta ngồi thiền để tìm chỗ trú ẩn cho yên thân, thay vì nhìn sâu để chuyển hóa và giúp mình cởi mở và đạt tới tự do. Thành ra giờ ngồi thiền trở thành giờ để ta trốn tránh, vậy nên ngồi một hồi thì ta buồn ngủ. Và buồn ngủ là một tật lớn trong các thiền viện. Tu ép xác, ngồi rất nhiều, nhưng phẩm chất của những buổi ngồi thiền rất thấp, không đi tới đâu, ngồi như vậy là ngồi trong hầm tối. Thấy điều ấy, Tổ la, Tổ mắng: 'Tụi bây làm như vậy có ích lợi gì đâu. Tụi bây làm theo kiểu ngoại đạo, không có ích lợi gì cho Bụt, cho Tổ và cho tụi bây hết. Ngồi thiền như vậy không phải là Phật pháp!' Chán ồn ưa tĩnh, ngồi lại để tránh những nhiễu loạn bên ngoài. Đó không phải là tác phẩm của Bụt, của Tổ, của Bồ-tát.

https://thuviensach.vn

Có vị Tổ sư (thiền sư Thần Hội - đệ tử của Lục Tổ) đã nói: 'Những kẻ tập trung tâm ý để quán chiếu cái tịnh rồi lấy tâm quán chiếu bên ngoài, hoặc nhiếp tâm lắng lại bên trong, ngưng tâm vào định, những kẻ ấy đều đang tạo tác.'

Đây là những mũi dùi chĩa vào những người đang thực tập thiền tọa. Tập trung tâm ý để quán chiếu cái tịnh, lấy tâm quán chiếu bên ngoài, hoặc nhiếp tâm lắng lại bên trong, ngưng tâm vào định, tất cả những thứ ấy đều là ngoại đạo, đều là đang tạo tác.

Còn quý vị, những người đang ngồi đó để nghe pháp, quý vị làm thế nào để con người của quý vị có thể tu, có thể chứng, có thể trang nghiêm tốt đẹp? Con người của quý vị không thể tu, không thể chứng, không thể trang nghiêm! Nếu dạy người ta trang nghiêm được thì cái gì mà không trang nghiêm được ? Đừng lầm!

Tổ muốn nói chúng ta không cần tu, không cần chứng, tại vì chúng ta đã có tất cả, chúng ta là những mầu nhiệm của sự sống. Nhưng chúng ta thường có mặc cảm rằng chúng ta là con số không, cho nên mới đau khổ chạy tìm những cái chúng ta tưởng rằng chúng ta không có. Kỳ thực, chúng ta chứa đựng cả vũ trụ, chứa đựng tất cả những mầu nhiệm nhất của đất trời. Nếu không thấy được điều ấy, thì chúng ta không bao giờ chạm tới hạnh phúc và giác ngộ.

Con người của quý vị không thể tu, không thể chứng, không thể trang nghiêm! Chúng ta không cần tu, tại vì tu là để chứng mà chúng ta thì không thiếu điều gì. Chúng ta đã đẹp rồi, đâu cần phải trang điểm thêm mới là trang nghiêm. Còn thấy rằng ta xấu, cần phải đem đồ trang điểm tới để trang điểm cho ta thì chưa phải chân trang nghiêm, đó là giả trang nghiêm. Chúng ta đã có tất cả, không cần phải làm gì nữa. Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương có câu: 'Ngã pháp hành vô hành hành, tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng.' Nghĩa là: Pháp của tôi dạy là hành cái vô hành, tu cái vô tu, chứng cái vô chứng. Tư tưởng này là tư tưởng Phật pháp (chánh hiệu con nai!).

Nếu dạy người ta trang nghiêm được thì cái gì mà không trang nghiêm được? Đừng lầm! Mọi vật đã đẹp rồi không cần trang nghiêm

https://thuviensach.vn

thêm nữa. Tất cả đều tuyệt hảo: cái bông hồng đã tuyệt hảo, bây giờ đem phấn sáp tô cho bông hồng thì tức cười lắm; đám mây đã tuyệt hảo, đem mực đỏ nhuộm đám mây thì vô ích lắm; chiếc lá xanh đã tuyệt hảo; anh hoặc chị cũng tuyệt hảo. Tại sao anh (chị) phải cảm thấy nghèo nàn, mặc cảm để rồi đau khổ? Khi trở về được để thấy cái mầu nhiệm nơi chính ta, để thấy ta chứa đựng cả vũ trụ, thì lúc đó ba thân và cõi Tịnh Độ sẽ hiện tiền, không cần phải đi tìm, và ta trở thành con người vô sự (homme sans affair), là người không cần phải làm gì nữa (businessless person). Bây giờ trên thế giới có không biết bao nhiêu là những ông thương gia và những bà thương gia cần phải tu tập để trở thành những người biết thảnh thơi.

Này các bạn tu, nếu các bạn nắm bắt lấy những lời của các hạng thiền sư ấy rồi cho đó là chân đạo, (nắm bắt lấy những lời của những người gọi là Zen Master, thiền sư giả hiệu), cho rằng đó là những bậc thiện tri thức bất khả tư nghì, còn mình là tâm phàm phu không dám đo lường các bậc tôn túc ấy, thì quả thật các vị là những kẻ đui mù.

Ghê quá! Tổ dạy là đừng tin vào những hạng thiền sư giả hiệu. Họ tự xưng mình là thiền sư, là giáo thọ, là đã được truyền đăng, rồi nói này nói kia, đưa chức vụ ra để bắt người khác phải theo. Tin vào những người đó là quý vị bán lúa giống mà ăn.

Đó là thứ thành kiến mặc cảm mà quý vị sẽ mang theo suốt đời, và như thế là quý vị cô phụ đôi mắt của chính mình quá!

Ta cứ tin quàng tin quấy vào người này người kia. Ta có hai con mắt mà không biết sử dụng. Hai con mắt của ta là hai con mắt của Bụt, hai con mắt của Pháp. Cô phụ tức là đối xử một cách tệ bạc. Ta đối xử một cách tệ bạc với hai con mắt của ta. Ta có hai mắt sáng mà như mù, ta sờ soạng đi theo sự chỉ dẫn của những người khác. Nếu họ sáng mắt thì cũng may, tiếc thay họ cũng mù như ta. Vậy mà ta đã chạy theo để được họ hướng dẫn. Một người mù hướng dẫn những người mù khác. Trong số những người mù đó đâu hẳn là ai cũng mù, có người có hai mắt sáng mà không chịu mở ra để sử dụng, vì họ có

https://thuviensach.vn

mặc cảm họ là con số không, họ không là cái gì hết. 'Và như thế là quý vị cô phụ đôi mắt của chính mình quá!' Câu nói rất hay!

Quý vị như một con lừa con đứng trên băng giá và đang run lên cầm cập: 'Tôi không dám hủy báng các bậc thiện tri thức đâu, tôi sợ tạo thành khẩu nghiệp'.

Tổ dám nói, dám la rầy những ông thiền sư giả hiệu. Còn mình thì sợ nói ra như vậy là tạo thành khẩu nghiệp.

Này các bạn tu, chỉ khi nào mình là một vị thiện tri thức lớn mình mới dám hủy Bụt báng Tổ, chỉ trích cuộc đời, mới dám bài xích giáo điển trong tam tạng, mới dám la mắng người khác như la mắng con nít, mới có thể trong các hoàn cảnh thuận nghịch tìm ra được con người.

Rất hay! Vấn đề là tìm cho ra con người thật của mình. Chúng ta có thể đều đang khoác những chiếc áo giả tạo, dù đó là áo Niết Bàn, áo giải thoát, áo vị tha... để lừa gạt nhau, trong khi đó chúng ta không thấy được tự thân của mình, con người chân thật của mình. Mục đích của Tổ là muốn chúng ta tìm lại con người thật đó. Và giáo lý của Tổ là một thứ nhân bản luận (humanism) rất sâu sắc.

Bụt cũng là con người như tất cả mọi người. Nhưng chúng ta tô vẽ Bụt với hào quang năm sắc, bảy sắc, Bụt với lỗ tai thật dài, những lọn tóc thật quăn, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và những phép thần thông. Tất cả những thứ ấy đã che lấp con người thật của Bụt. Rất tội nghiệp cho ngài. Phải lột hết tất cả những hào quang, lớp áo quần và những phép thần thông để cho con người thật của Bụt lộ ra thì người ta mới có thể tới được với Bụt. Cuốn Đường Xưa Mây Trắng là một công trình giúp ta khám phá lại Bụt như một con người. Quyển Đường Xưa Mây Trắng đã được viết theo đường lối của Tổ Lâm Tế, là đi tìm một con người. Tìm được con người của Bụt, thì tìm được con người của ta. Còn nếu nghĩ Bụt như một vị thần linh có quyền phép, thì ta không tiếp xúc được với Bụt. Không tiếp xúc được với Bụt, ta cũng không tiếp xúc được với bản thân ta, vì vậy cho nên sự tu hành sẽ thất bại. Mà mục đích tu hành là tìm ra được con người

https://thuviensach.vn

thật của ta. Bụt là ai? Ta là ai? Trong các hoàn cảnh thuận nghịch, ta có khả năng tìm ra được con người thật của ta không ?

Cho nên trong mười hai năm qua, ngó lại đời mình, cố tìm cho ra một cái gì có tính chất của nghiệp báo, dù nhỏ như hạt cải mà tôi cũng không tìm ra được.

Tổ đã vượt ra khỏi vòng nghiệp báo, tại vì Tổ không còn tạo tác nữa. Tổ ngồi yên, không còn chạy trốn một điều gì mà cũng không đi tìm một điều gì. Tổ không còn tạo nghiệp, dù là nghiệp tu học, nghiệp chứng đắc, tại vì Tổ đã tìm được con người thật của ngài. Và ngài đang giúp những người khác đi tìm con người thật (chân nhân) của họ.

Chúng ta thường chỉ gặp những vị thiền sư giống như các cô dâu mới về nhà chồng, cứ nơm nớp sợ sẽ bị người ta đuổi ra khỏi chùa, không cho ăn cơm.

Đó là tình trạng nhiều chùa ở California, ở Paris, tình trạng ở các thành phố bên Đức, Pháp, Hòa Lan và khắp nơi trên thế giới. Thiền sư cô dâu phải chiều bổn đạo (nhà chồng) vì sợ trái ý họ thì sẽ bị đuổi ra khỏi chùa không cho ăn cơm, cho nên không dám nói gì hết, dù trong lòng có cái thấy về sự thật. Bổn đạo trả tiền điện thoại, tiền thuê nhà, thuê chùa... cho mình, thành ra mình đành phải chịu câm nín thôi. Chúng ta thường gặp những vị thiền sư giống như các cô dâu mới về nhà chồng, cứ nơm nớp sợ bị đuổi ra khỏi chùa, không cho ăn cơm. Cũng vì thế mà những kẻ ấy không có an cũng không có lạc, suốt ngày chỉ lo làm ăn (business). Hướng dẫn Phật tử tu học cũng có thể là đang làm ăn (business), nếu mục đích chỉ là có tiền để trả tiền điện thoại, tiền mua chùa, mua xăng xe hơi... Đi tu với mục đích như vậy thì uổng một đời tu.

Các bậc tiền bối có tinh thần tiên phong từ xưa đến nay đi đâu cũng bị người ta không tin mà lại còn bị xua đuổi. Cái đó mới là cái quý.

https://thuviensach.vn

Chuyện này có thật. Những người có tư tưởng cách mạng, dám nói sự thật, đi đâu người ta cũng không tin còn bị xua đuổi, cái đó mới là cái quý. Nếu đến đâu ai cũng tin nhận ngay thì làm được gì?

Vì vậy cho nên một khi con sư tử rống lên là lập tức con dã can vỡ óc.

Dã can là con chó sói.

Này các bạn tu, ở đâu người ta cũng nói có đạo để tu, có pháp để chứng. Các vị nói chứng pháp gì, tu đạo gì?

Đọc đoạn này, ta nhớ lại câu kinh trong Tứ Thập Nhị Chương: 'Ngã pháp hành vô hành hành, tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng.' Kinh này có những tư tưởng rất thực tế, nhưng cũng có những tư tưởng rất uyên áo. Câu này nghĩa là: Không có đạo để cho ta tu, không có quả để cho ta chứng. Đây là giáo lý Vô đắc: không tìm cầu, không chạy theo một đối tượng nào.

Trong đời sống của quý vị hiện nay, quý vị đang thiếu thốn cái gì, quý vị muốn tu bổ chỗ nào nữa?

Chúng ta đã có đầy đủ tất cả, chúng ta không cần đi kiếm thêm gì nữa. Thiếu cái gì mà phải đi tìm? Và tu bổ chỗ nào? Đoạn này cũng nói về giáo lý Vô đắc.

Những sư bé sanh sau đẻ muộn vì không hiểu thấu chỗ ấy cho nên cứ mãi chạy theo bọn chồn hoang tinh mỵ, cứ để cho bọn này huyên thuyên nói ra những điều có công năng ràng buộc kẻ khác.

Những sư bé là thầy tu còn non nớt (baby monks). Sanh sau là dịch từ chữ 'hậu sanh'. Không hiểu thấu chỗ ấy, tức là chỗ ta đã có đầy đủ, không cần phải chạy đi kiếm chác ở bên ngoài. Chồn hoang, tức là những con chồn hoang, thành tinh, chuyên lừa gạt người. Trong văn học Trung Hoa có tác phẩm Liêu Trai Chí Dị của tác giả Bồ Tùng Linh. Truyện tả những cuộc tình giữa những chàng thư sinh thi rớt và những con hồ ly tinh. Những con chồn thành tinh sống ở những vùng hoang vu, trong các ngôi miếu hay đền cổ, thường hiện thành những cô gái tóc xõa ngang vai để quyến rũ những chàng thư sinh thi hỏng.

https://thuviensach.vn

Đó là chuyện tưởng tượng của ngày xưa, một tác phẩm nằm ngoài vòng lễ giáo:

Dăm gã thư sinh vừa lạc đệ
Vài cô thôn nữ sớm chìm châu
Cảm thông một phút bừng ân ái
Miếu cổ, vườn hoang, gặp gỡ nhau

Thiền sư giả hiệu (fake) xuất hiện khá nhiều trong thời đại đó, cho nên Tổ gọi họ là chồn hoang tinh mị, chuyên đi cám dỗ những người còn dại khờ, những người xuất gia còn non nớt (baby monks, baby nuns), chưa có kinh nghiệm.

Cho rằng 'lý hành phải tương ứng, ba nghiệp phải hộ trì' mới có thể thành Bụt.

Lý hành phải tương ứng, tức là lý thuyết và sự hành trì phải đi đôi với nhau. Câu này đâu có gì xấu. Ba nghiệp phải hộ trì, tức là hộ trì thân, khẩu và ý. Hộ trì ba nghiệp cũng không có gì xấu. Nhưng tại sao Tổ lại rầy ?

Họ cứ tiếp tục nhai đi nhai lại những điều như thế.

Tổ rầy là vì họ không chịu làm, và họ chỉ nói trong tinh thần là phải tìm cầu một cái gì đó ở ngoài ta.

Giống như mưa dầm dai dẳng mùa Đông.

Tổ mượn hình ảnh này trong kinh Tăng Nhất A Hàm (chứng tỏ rằng Tổ đọc rất nhiều kinh). Quyển thứ 18 trong Kinh Tăng Nhất A Hàm có một đoạn nói về sự qua đời của thầy Xá Lợi Phất. Khi nghe tin thầy Xá Lợi Phất qua đời, không những các sư em của thầy khóc mà chư thiên nghe tin cũng khóc. Thiếu thầy Xá Lợi Phất là thiếu rất nhiều, thành ra họ khóc hoài như mưa phùn dai dẳng mùa Xuân. 'Nhược như xuân nguyệt, tế vũ hòa xướng'. Đó là hình ảnh trong kinh đã dùng để tả sự nhớ thương thầy Xá Lợi Phất của trời người khi thầy qua đời. Xuân nguyệt là tháng mùa Xuân, tế vũ là mưa rắc rắc, mưa

https://thuviensach.vn

phùn. Nếu dịch theo tình trạng ở Việt Nam thì nên dịch là giống như mưa dầm ở Huế, mưa thúi đất luôn.

Cổ đức có dạy: 'Giữa đường gặp người đạt đạo, tốt nhất là đừng nói chuyện tu với họ'.

Tra cứu nguồn gốc những câu này, ta được biết rằng Tổ học kinh rất nhiều, và những điều Tổ học đều có nguồn gốc trong kinh. Trong tác phẩm Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, một tác phẩm nói về truyền đăng, về những lời dạy dỗ và khai thị của các vị thiền sư lớn từ thế hệ này sang thế hệ khác, có một đoạn nói về lời tuyên bố của thiền sư Pháp Không:

Đạo thể bản vô tu
Bất tu tự hợp đạo
Nhược khởi tu đạo tâm
Thử nhân bất hội đạo
Hốt phùng tu đạo nhân
Đệ nhất mạc hướng đạo

'Đạo thể bản vô tu, bất tu tự hợp đạo'. Nghĩa là trong bản chất của đạo thì đạo không phải là đối tượng, cho nên không cần sự tu tập, nếu không tu tập thì cái đó mới hợp với đạo. Đây cũng có nghĩa là 'tu vô tu tu'.

'Nhược khởi tu đạo tâm, thử nhân bất hội đạo'. Nếu khởi tâm niệm là có đạo và phải tu đạo đó, thì người này không hiểu đạo là gì.

'Hốt phùng tu đạo nhân, đệ nhất mạc hướng đạo'. 'Hốt phùng tu đạo nhân', nghĩa là bỗng nhiên gặp một người biết đạo. 'Đệ nhất mạc hướng đạo' là trước hết (before all) đừng hướng về người đó mà nói chuyện về đạo. Chữ 'đạo' cũng có nghĩa là nói chuyện. Thành ra câu 'Giữa đường gặp người đạt đạo, tốt nhất là đừng nói chuyện tu với họ.' cho ta thấy Tổ biết rất nhiều kinh.

Cũng vì vậy cho nên lại có người nói: 'Nếu ta có ý tu đạo, thì đạo sẽ chẳng để cho ta tu.'

https://thuviensach.vn

Đó là tư tưởng 'Đạo bất hành, đạo bất tại tu' của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. Tóm lại, đoạn này nói về tinh thần Vô tu, Vô chứng, Vô đắc. Không có gì khác lạ.

Rồi đủ các thứ cảnh giới tà vạy sẽ dành nhau sinh khởi.

Khi nghĩ rằng: 'Trong ta không có gì cả, chỉ có ở ngoài ta mới có đạo, có đối tượng tu chứng, để ta có thể nắm bắt.' thì đủ các thứ cảnh giới tà vạy sẽ dành nhau sinh khởi. Cảnh giới tà vạy tức là những tưởng tượng không có thực chất, sai với sự thật.

Một khi lưỡi gươm trí tuệ rút ra thì sẽ không còn một vật gì nữa.

Khi có trí tuệ thì những đối tượng, những cảnh giới tà vạy do tâm tưởng tượng ra sẽ không còn.

Vì khi bên sáng còn chưa xuất hiện thì bên tối đã thành sáng rồi.

Đoạn văn này được dịch từ bốn câu bằng chữ Hán:

Nhược nhân tu đạo, đạo bất hành
Vạn ban tà cảnh cạnh đầu sanh
Trí kiếm xuất lai vô nhất vật
Minh đầu vị hiển ám đầu minh

'Nhược nhân tu đạo, đạo bất hành'. Nếu người có ý niệm có đạo cần phải tu, thì lúc đó đạo không còn là đạo nữa, nên gọi là 'đạo bất hành'.

'Vạn ban tà cảnh cạnh đầu sanh'. Vạn ban là mười ngàn; tà cảnh là cảnh giới tà ma; cạnh đầu sanh là tranh nhau mà sinh khởi. Tại vì sao? Tại vì khi có ý niệm trong ta không có gì cả, tất cả chỉ có ở bên ngoài, thì từ tâm niệm lưỡng nguyên đó mà ta mới phải hướng ngoại tìm cầu, làm phát sanh ra không biết bao nhiêu cảnh giới sai lạc, mộng tưởng, hư ảo. Đây là ý niệm sai lầm căn bản.

'Trí kiếm xuất lai vô nhất vật'. Một khi rút thanh gươm trí tuệ ra, thì muôn ngàn cảnh giới do tâm vẽ ra không còn nữa.

https://thuviensach.vn

'Minh đầu vị hiển ám đầu minh'. Phía sáng chưa xuất hiện thì phía tối đã bắt đầu có ánh sáng. Câu này tựa như khó hiểu, nhưng thật ra cũng không có gì khó hiểu. Nếu hiểu theo nghĩa tương tức, thì ta thấy trong tối có sáng và trong sáng có tối, cũng như trong rác có hoa và trong hoa có rác.

Tôi xin trích một đoạn trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển thứ 30, của thiền sư Thạch Đầu (sư ông của thiền sư Lâm Tế) ở núi Nam Nhạc, thì quý vị sẽ thấy rõ ràng Tổ đã đọc và thấy được những tư tưởng này từ thiền sư Thạch Đầu.

Đương minh trung hữu ám
Vật dĩ ám tương ngộ
Đương ám trung hữu minh
Vật dĩ minh tương đỗ
Minh ám các tương đối
Thử như tiền hậu bộ
Vạn vật tự hữu công
Đương ngôn dụng cập xứ

'Đương minh trung hữu ám', nghĩa là ngay trong sáng có tối, tối và sáng không phải là hai thực thể độc lập. Cũng như bên trái và bên phải của một cây viết (nằm ngang), thì hai đầu cây viết không phải là hai thực thể độc lập. Nếu như mình ghét bên trái và muốn cắt khúc trái này bỏ đi, thì khúc kế tiếp trở thành trái; mình ghét phải và muốn cắt khúc phải bỏ đi, thì khúc kế tiếp trở thành phải... Chừng nào còn trái là có phải, chừng nào còn phải là có trái, thành ra trái và phải nương nhau mà cùng có mặt. Trong mỗi điểm từ trái sang phải, điểm nào cũng đồng thời chứa đựng trái và phải. Quý vị có thấy không?

Chúng ta hãy tưởng tượng đoạn đường giữa xóm Hạ và xóm Thượng. Từ xóm Hạ đi lên xóm Thượng, trong mỗi bước chân của ta đều có chứa đựng xóm Thượng. Nếu đi được một phần ba đường mà quay đầu đi trở lại, ta thấy bước nào cũng chứa đựng xóm Hạ trong đó. Mỗi bước từ xóm Thượng tới xóm Hạ và từ xóm Hạ tới xóm Thượng đều bao gồm cả Thượng và Hạ trong đó. Trái và phải, sáng

https://thuviensach.vn

(minh) và tối (ám) cũng giống như vậy. Trong bài tựa cho bản dịch kinh Viên Giác của Pháp sư Thánh Nghiêm, tôi có viết cái ý như vậy, nhưng thay vì từ xóm Thượng tới xóm Hạ, tôi viết từ New York tới Boston.

'Đương minh trung hữu ám. Vật dĩ ám tương ngộ.' Nếu đã biết trong sáng có tối và trong tối có sáng, thì đừng đem tối đi gặp sáng làm gì. Sự thật là trong cha có con và trong con có cha. Không cần phải đem người con tới gặp người cha, tại vì người cha nằm ngay trong người con. Cái thấy đó không phải là cái thấy nhị nguyên. Cái thấy theo tinh thần cartésien, theo tinh thần Descartes, là cái thấy chia thực tại ra làm hai phần rạch ròi: sáng không phải tối, cha không phải là con...

'Đương ám trung hữu minh. Vật dĩ minh tương đỗ.' Chữ 'đương' nghĩa là trong giờ phút hiện tại. Chữ 'đỗ' nghĩa là thấy, là coi mặt. Trong giờ phút hiện tại, trong tối đã có sáng rồi, cho nên khỏi phải đem cái sáng tới để coi mặt cái tối.

'Minh ám các tương đối. Thử như tiền hậu bộ.' Chữ 'bộ' là bước chân. 'Minh ám các tương đối,' nghĩa là sáng và tối đều tương đối, đều do đối lập nhau mà có. Cũng giống như bước chân trước và bước chân sau. Khi vừa nói nó là bước trước (sau), thì nó đã trở thành bước sau (trước). Thành ra, bước nào cũng là bước trước, bước nào cũng là bước sau. Trước và sau là một.

'Vạn vật tự hữu công.' Nghĩa là mọi hiện tượng (vạn vật) tự có công dụng riêng để đóng vai trò của nó trong không gian và thời gian. Ban đầu chúng ta đóng vai trò đệ tử, sau đó chúng ta đóng vai trò thầy. Ban đầu chúng ta đóng vai trò khách, sau đó chúng ta đóng vai trò chủ. Vì vậy khách và chủ, thầy và trò, không phải là hai thực thể riêng biệt. Khách không phải là khách, chủ không phải là chủ. Khách là chủ và chủ là khách.

'Đương ngôn dụng cập xứ', tức là chỉ nên nói tới công dụng và cách sử dụng của mỗi vật mà không nên xem nó như một thực thể tách rời ra khỏi những hiện tượng khác.

https://thuviensach.vn

Đoạn này trích trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển thứ 30. Điều này chứng tỏ Lâm Tế Lục có nguồn gốc trong những văn kiện và giáo điển mà Tổ đã nghiên cứu và học hỏi từ hồi còn trẻ. Tư tưởng của Tổ Lâm Tế do đó không phải từ hư không mà tới, và nó cũng được truyền thừa từ Sư ông của Tổ (thiền sư Mã Tổ). Điều đó cũng chứng tỏ rằng tuy Tổ nói cần vứt hết kinh điển, nhưng kỳ thực Tổ đã biết sử dụng những gì Tổ đã học vào việc truyền đạt những tuệ giác của mình.

Và cũng vì vậy cho nên cổ nhân nói: 'Tâm bình thường là đạo'.

Câu nói này cũng là của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. 'Bình thường tâm thị đạo', tức là đừng đi tìm đạo ngoài tâm. (Everyday mind is the Dharma). Cái tâm ta sống trong đời sống hằng ngày là đạo. Câu này có công dụng và mục đích giúp chấm dứt sự tìm cầu của người, để người đừng rong ruổi chạy theo những cái bên ngoài. Nhưng một câu nói được lặp đi lặp lại nhiều lần thì dễ trở thành một giáo điều, và người ta dễ bị kẹt vào giáo điều ấy.

Này các vị đại đức! Các vị đang đi tìm gì? Trong giây phút hiện tại, các vị đang ngồi trước mặt tôi nghe pháp, sáng rỡ và rõ ràng, không cần nương tựa vào đâu cả, các vị không thiếu thốn gì hết mà phải đi tìm cầu.

Nếu quý vị muốn giữa quý vị và chư Bụt chư Tổ không có gì khác thì quý vị phải thấy điều này, đừng có nghi ngờ gì nữa, đừng có sai lầm gì nữa. Nếu cái thấy này cứ được tiếp tục duy trì như thế mãi (tâm tâm bất dị) thì quý vị là những vị Tổ sống.

Nếu thấy được sự thật là không có đối tượng của giác ngộ và của tìm cầu nằm ngoài tâm ta, là cái ta đã đi tìm và đang đi tìm đều có sẵn trong ta, thì những đối tượng tìm cầu đó đều trở thành ta. Và trong cái thấy đó không còn sự nghi ngờ, không có sự sai lầm gì nữa. Tổ dạy ta phải duy trì cái thấy đó. 'Tâm tâm bất dị', nghĩa là từ sát-na này của tâm đến sát-na kia của tâm ta vẫn duy trì được cái thấy đó. Nếu làm được như vậy thì quý vị là những vị Tổ sống (the living Patriarches).

https://thuviensach.vn

Nếu cái thấy ấy không còn được như thế (tâm nhược hữu dị) thì giữa tánh và tướng sẽ có sự phân biệt.

Chính vì câu này mà nhiều dịch giả nghĩ rằng hai chữ 'tâm tâm' có nghĩa là tâm ta và tâm Bụt, hay tâm ta và tâm Tổ. Sự thật không như vậy. Khi ta đánh mất tuệ giác về Vô đắc thì ta có sự phân biệt.

Sở dĩ tâm không khác cho nên tánh và tướng mới không bị phân biệt ra làm hai.

Ta thường lấy hình ảnh của sóng và nước để ví cho tánh và tướng. Khi có tuệ giác vô phân biệt, sóng tự biết nó cũng là nước, và nước cũng là sóng. Nhưng nếu cái thấy còn phân biệt, thì sóng chỉ là sóng, và nước chỉ là nước. Sóng không thể là nước, vì vậy mới có chuyện sóng đi tìm nước. Chừng nào sóng biết mình là nước, chừng đó nó sẽ chấm dứt mọi tìm cầu.

Trong chúng ta, ai cũng có tâm niệm đi tìm cầu. Người cầu thành Bụt, người cầu giải thoát, người cầu Niết Bàn, người cầu sanh Tịnh Độ, người cầu được hạnh phúc... vì cho rằng những cái ấy nằm ở ngoài mình. Cũng như đợt sóng kia thao thức muốn đi tìm bản thể của nó: Một cái gì rất mênh mông và vững chãi, không sanh không diệt mà nó có thể nương tựa suốt đời. Thế là sóng đi tìm nước. Vì ý niệm nước là một thực thể ở ngoài, cho nên sóng không chấm dứt được sự tìm cầu. Nhưng một khi sóng biết mình chính là nước trong giây phút hiện tại, thì sóng sẽ chấm dứt ngay sự tìm cầu, và sóng sẽ rất hạnh phúc. Lúc bấy giờ, sóng có lên cao hay xuống thấp, sóng cũng hạnh phúc; sóng lớn hay sóng nhỏ cũng hạnh phúc; có sóng cũng hạnh phúc, sóng không còn nữa cũng hạnh phúc.

Những điều Tổ nói, chúng ta đã học qua rồi, không có gì mới lạ. Vấn đề là: Làm sao sống được với những điều chúng ta đã và đang học? Làm sao trong mỗi giây phút của đời sống hằng ngày, chúng ta chấm dứt được sự chạy quanh tìm cầu, biết dừng lại để có hạnh phúc? Trong khi ngồi thiền, ta làm gì? Ta tìm cầu gì? Ngồi thiền là một cơ hội để dừng lại, để thấy rằng không có điều gì ta phải tìm cầu trong tương lai hay ở một nơi nào khác. Những cái ta muốn tìm cầu đều có

https://thuviensach.vn

sẵn trong giây phút hiện tại. Ngồi là để thấy được như vậy. Trong Lâm Tế Lục, Tổ thường hay nói: 'Dù chỉ là một sát na'. Trong một thời ngồi thiền ba mươi phút, nếu sư chú (sư cô) chỉ trong một sát-na mà thấy được mình đang thật sự ngồi đây và không tìm cầu gì hết, thì sát na đó đủ cho mình cứu chuộc được hai mươi chín phút mấy mươi giây còn lại của cái thời ngồi thiền đó. Nhưng nếu trong ba mươi phút ngồi thiền mà không có được một sát na đó, thì buổi ngồi thiền đó đã đi qua một cách oan uổng. Cũng giống như hạt lúa lép không có hạt gạo bên trong, như phong bì không có lá thư vậy. Tương tự như vậy, nếu từ xóm Hạ lái xe lên xóm Thượng mất mười phút thời gian, trong mười phút đó mà ta không ý thức rằng ta đang ngồi trên xe, cũng không ý thức rõ rệt là ta đang thở vào hay đang thở ra, thì mười phút đó đi qua rất uổng phí. Nhưng nếu từ xóm Hạ tới xóm Mới, ta nhớ tới hơi thở dù chỉ một lần, thì cái nhớ đó đủ cứu chuộc được cái thời gian ta ngồi trên xe. Ngồi trên xe từ xóm Hạ tới xóm Mới hay từ xóm Mới tới xóm Thượng, giây phút nào ta cũng thấy có hạnh phúc, không còn tìm cầu. Nếu ta làm được như vậy trong mỗi giây mỗi phút mà không phải là một cái thoáng qua (flash), đó gọi là tâm tâm bất dị.

Giữa ta với Bụt có gì khác? Giữa Tổ với ta có gì khác? Ta đang là Bụt ngồi xe van, ta đang là Tổ ngồi xe van. Là người lái xe hay là người ngồi trên xe, ít nhất ta phải có một sát-na thấy được điều đó, thấy được những gì ta đang tìm cầu không phải ở ngoài ta, tất cả đều ở trong ta. Đi thiền hành cũng vậy. Trong khi đi thiền hành mà có một bước dẫm được vào Tịnh Độ thì sự có mặt của ta ở tu viện mới có ý nghĩa và không uổng phí.

Là người tu, ta phải giúp đỡ lẫn nhau. Ta phải ngồi như thế nào để có thể hiến tặng cho ta giây phút đó, để hiến tặng cho tăng thân ta giây phút đó, thì cuộc sống của ta trong tu viện mới có ý nghĩa. Chỉ một sát na thôi đã có thể cứu chuộc những giây phút khác, huống hồ là ta có hơn một giây đồng hồ. Thực tập được như vậy thì không uổng bát cơm ta ăn, không uổng sự trông đợi của mẹ cha, gia đình, dòng họ và đất nước. Nếu như ta để nửa giờ hay một giờ đồng hồ đó để trông ngóng, mong cầu, không có được một chút an lạc, thì ta thất bại, cha mẹ ta thất bại, gia đình ta thất bại và đất nước ta thất bại.

https://thuviensach.vn

Ta như một đợt sóng đã tìm ra được bản chất của mình là nước, ta không còn sợ khổ nữa, dù có lên xuống, ra vào, cao thấp..., ta đều có hạnh phúc. Tổ có nói tới những người hành cước (đi chu du để tìm đạo), đi cho tới nỗi rách không biết bao nhiêu là đôi dép. Tại trong khi đi không có hạnh phúc, an lạc, không dẫm được vào mảnh đất của thực tại. 'Đi như vậy sẽ có ngày phải trả tiền giày dép.' Tổ nói như vậy hai ba lần. Ta cũng như vậy, một ngày kia ta sẽ phải trả tiền xăng từ xóm Hạ đi xóm Thượng và từ xóm Thượng đi xóm Mới. Nhưng nếu từ xóm Hạ lên xóm Mới mà có được một thoáng giác ngộ, dừng lại hay an lạc, thì ta không phải trả gì hết. Nếu tâm bình an được kéo dài (tâm tâm bất dị), thì ta là Bụt, là Tổ ngay trong giây phút hiện tại, không phải đi tìm đâu xa.

Tại Làng Mai, chúng ta đã được trao truyền những phương pháp rất thực tế để có thể làm được chuyện đó: dừng lại không tìm cầu và thấy được hiện tại nhiệm mầu. Hạnh phúc có thể có được ngay trong giây phút này bằng hơi thở ý thức, bằng bước chân chánh niệm. Hôm qua, thấy một sư chú (sư cô) đang rửa rau, tôi hỏi: 'Con đang làm gì đó?' Lúc đó tôi đóng vai trò của vị thiện tri thức để nhắc cho sư chú (sư cô) biết là trong khi rửa rau, sư chú (sư cô) có thể có hạnh phúc tràn trề. Nhờ câu nói đó mà sư chú (sư cô) có thể thức tỉnh, biết rằng mình đang rửa rau và không có gì phải bận tâm, và sư chú (sư cô) mỉm cười. Mỗi người trong chúng ta có thể làm thiện tri thức cho anh, cho chị, cho em và cho gia đình ta, nếu ta sống được như vậy. Ta đang đóng vai học trò, nhưng nếu ta sống được giây phút ấy, thì ta có thể đóng vai thầy. Tại vì có thể có sư anh (sư chị) đang rửa rau mà không an trú được trong giây phút hiện tại, ta đứng bên sư anh (sư chị) cùng rửa rau nhưng ta sống được với giây phút đó, thì ta không còn là sư em nữa, ta là thầy, ta là thiện tri thức.

Tu không phải là để đóng kịch. Cạo đầu, mặc áo nhà tu, làm ra vẻ có chánh niệm, nhưng bên trong thì không có chánh niệm, trong nhà thiền gọi đó là giả trang thiền tướng (disguised in the appearance of Zen). Nếu suốt đời tu như vậy, thì sau này ta sẽ phải trả nợ giày dép, trả nợ áo cơm. Nhưng nếu trong một chớp nhoáng ta có cái thấy rằng tất cả những mầu nhiệm của sự sống đang có mặt trong giây phút

https://thuviensach.vn

hiện tại, ta chấm dứt được sự tìm cầu, an lành được trong giây phút đó, thì giây phút đó ta trở thành Bụt, thành Tổ. Nếu giây phút nào cũng được như vậy, thì chính là Bụt đang sống chứ không phải ta đang sống. Bụt đang đi, Bụt đang rửa rau, Bụt đang chùi nồi, Bụt đang quét nhà bếp, Bụt đang chùi cầu tiêu. Từ nay về sau, trong mỗi chuyến xe từ xóm Thượng đi xóm Mới, từ xóm Mới đi xóm Hạ, từ xóm Hạ đi xóm Thượng..., chúng ta phải tổ chức như thế nào để ít nhất trong chuyến đi hai mươi phút đó, chúng ta có được một giây phút như vậy để sau này ta khỏi phải trả nợ. Chỉ cần một người làm được như vậy là cứu được những người khác ở trong xe.

Tôi còn nhớ trong những chuyến đi Ấn Độ, Mỹ quốc và các nước ở Âu châu, mỗi khi cần di chuyển từ vùng này sang vùng khác tôi cùng với quý thầy cô thường đi bằng xe buýt. Trên xe buýt luôn luôn có một người giữ chuông, và thỉnh thoảng người đó thỉnh lên một tiếng chuông để đại chúng trên xe cùng trở về với hơi thở. Tiếng chuông rất hay. Ngày xưa ở Làng Mai, mỗi khi đi thiền hành đều có người mang chuông theo để thỉnh. Tiếng chuông là để nhắc cho những ai đánh mất bước chân có thể tìm lại được mình. Quý vị là những người có tâm tu học, quý vị phải có óc sáng tạo, phải biết làm thế nào để cho sự thực tập của mình đừng rơi vào cái bẫy hình thức mà phải có nội dung, thực chất. Khi ăn cơm, ta thực sự là ăn cơm; khi quét nhà, ta thực sự là quét nhà. Ta ăn cơm trong Tịnh Độ, ta quét nhà trong Tịnh Độ, ta đánh răng trong Tịnh Độ, ta đi cầu trong Tịnh Độ. Chúng ta có an lạc, có hạnh phúc, thì lúc đó chúng ta mới có thể giúp người độ đời được. Nếu như suốt ngày chỉ biết trông ngóng, mong chờ, thì chúng ta không giúp được mình, còn nghĩ gì tới giúp những người khác chứ. Như vậy chúng ta không phải là sự tiếp nối của Bụt, không phải là sự tiếp nối của Tổ. Nếu ta muốn mình là sự tiếp nối của Bụt, là sự tiếp nối của Tổ, điều ấy không khó. Nếu muốn, ta có thể làm được chuyện này ngay ngày hôm nay, trong giây phút này, không phải đợi tới khi được xuất gia hay lên giáo thọ rồi. Ta có thể làm ngay bây giờ với tư cách một người tập sự (aspirant), với tư cách một người cư sĩ, với tư cách một vị sa di hay với tư cách một người tỳ khưu mới (tân tỳ khưu). Tất cả chúng ta đều làm được chuyện đó. Chúng ta phải giúp

https://thuviensach.vn

nhau, chúng ta phải nhắc nhở nhau, chúng ta phải làm thiện tri thức cho nhau, nếu không chúng ta sẽ phụ công ơn của Bụt, của chư Tổ, của tăng đoàn, của những người đã có công tạo dựng ra khung cảnh này để cho chúng ta thực tập những điều Bụt và chư Tổ đã từng thực tập.

Chúng ta là những người rất may mắn. Chúng ta đã được trao truyền những giáo pháp và những pháp môn rất gần với Lâm Tế Lục. Trong việc dạy dỗ của Tổ có cả tiếng hét và cây gậy giúp để thức tỉnh người đến tham vấn. Nhưng từ Tổ Lâm Tế (thế kỷ thứ 9) cho đến chúng ta (thế kỷ thứ 21) đã trên một ngàn năm. Chúng ta không thể áp dụng theo phương pháp xưa được nữa. Bây giờ chúng ta có thứ ngôn ngữ diễn tả được những điều này một cách dễ dàng hơn, bằng chứng là bản Tinh Yếu Lâm Tế Lục. Hơn nữa, chúng ta có những pháp môn rất cụ thể để có thể thực tập và áp dụng được lời dạy của Tổ: 'Làm thế nào để trở thành một con người thật?' Sống và tiếp xúc được với con người thật của mình mà không cần bám víu vào bên ngoài. Một ngày hai mươi bốn giờ là để làm Bụt làm Tổ ngay trong giây phút hiện tại. Chúng ta có những phương pháp rất cụ thể mà trong Lâm Tế Lục không nói đến. Con cháu làm ăn giỏi hơn cha ông thì 'truyền thống' đó có phước. 'Con hơn cha là nhà có phước.' Quý vị tiếp nhận được gia tài này, quý vị phải biết trân quý, bảo tồn và phát triển để đền ơn Bụt, đền ơn Tổ đã trao truyền lại cho chúng ta ngày càng dễ hiểu, ngày càng cụ thể hơn.

Hỏi: 'Thế nào gọi là cái thấy được tiếp tục (tâm tâm bất dị)?

Thiền Sư đáp:

- Đặt câu hỏi là đã có sự phân biệt (sự sai khác) rồi, và làm cho tánh tách rời khỏi tướng.

Thành ngữ 'tâm tâm bất dị' có nhiều người hiểu khác nhau nên có các bản dịch khác nhau. Có người nghĩ chữ 'tâm' đầu là nói về tâm ta, chữ 'tâm' kế là nói về tâm của Bụt, cho nên họ dịch tâm ta và tâm Bụt không khác nhau. Nhưng ở đây, chúng ta hiểu là tâm trước cũng giống như tâm sau, tâm sau cũng giống như tâm trước. Nếu như

https://thuviensach.vn

trong cái tâm trước, ta ý thức rằng Bụt với ta không phải là khác, thì cái tâm sau ta cũng còn ý thức như vậy, cho nên gọi là 'tâm tâm bất dị'. Nếu ta thấy có sự sai khác, tức là có sự tách rời, có sự phân biệt, có sự kỳ thị: Bụt là Bụt, ta là ta. Như vậy tức là tánh tách rời khỏi tướng.

Này các bạn tu, xin đừng lầm. Tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều không có tự tánh, đều là vô sinh, cho nên chúng chỉ là giả danh (tên gọi suông), chính cái tên cũng là trống rỗng. Tại sao quý vị lại nhận cái danh làm cái thật? Như vậy là lầm lớn.

Các pháp được phân ra làm hai loại: pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp thế gian là những pháp đang nằm trong vòng chìm đắm, hệ lụy. Pháp xuất thế gian là những pháp vượt ra khỏi vòng chìm đắm, hệ lụy. Các pháp thế gian nếu được nhìn bằng con mắt giác ngộ thì trở thành ra pháp xuất thế gian. Các pháp xuất thế gian nếu được nhìn bằng con mắt giác ngộ thì không còn bị tách rời ra khỏi các pháp thế gian. Ví dụ như uống trà. Uống trà trong thất niệm là pháp thế gian. Nhưng khi ta đưa chánh niệm vào, thì hành động uống trà trở thành pháp xuất thế gian, vì nó có thể làm cho ta vượt thoát sinh tử. Thành ra vấn đề là: Uống trà như thế nào? Uống trà có thể là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian. Cũng như đi. Có khi ta đi như bị ma đuổi, đó là bước đi của thế gian. Nhưng khi ta đi có chánh niệm, tạo ra phép lạ, thì bước đi đó là xuất thế gian.

Tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều không có tự tánh, nghĩa là không có một pháp gì chắc thật của riêng nó. Giống như củ hành, khi ta lột hết lớp vỏ hành này tới lớp vỏ hành khác... và cứ tiếp tục như vậy cho tới hết. Củ hành không có cái lõi bên trong. Cũng vậy, các pháp không có tự tánh, không có chắc thật. Bông hường cũng vậy. Trong bông hường có ánh sáng mặt trời, có đám mây, có đại địa, có mưa.... tất cả những yếu tố đó tụ hợp lại làm nên bông hường. Bông hường cũng không có ngã, không có tự tánh. Tất cả các pháp đều là vô sinh. Ta tưởng bông hường có tự tánh, có sinh, có diệt, nhưng nhìn kỹ lại, đó chỉ là quá trình biểu hiện và sự ngưng biểu hiện mà thôi. Chúng chỉ là giả danh (tên gọi suông), nghĩa là những cái tên trống

https://thuviensach.vn

rỗng (empty name), cũng có thể gọi là hư danh. Hư danh có nghĩa là danh vọng hư huyền.

Bông hường là một cái tên. Cái tên đó chỉ cho một hiện tượng được cấu hợp bởi những điều kiện. Bông hường không có tự ngã riêng biệt. Nhưng phần đông chúng ta tưởng rằng khi gọi tên một pháp tức là pháp đó có cốt lõi chắc thật và có mặt biệt lập ra khỏi những pháp khác. Chúng ta lầm! Đó chỉ là tên gọi suông. Tự thân của pháp đó đã trống rỗng mà tên gọi cũng trống rỗng. Tại sao quý vị lại nhận cái danh làm cái thật? Như vậy là lầm lớn.

Giả sử có gì đi chăng nữa, thì đó cũng chỉ là những biểu hiện nương dựa vào nhau gọi là y (y tha).

Nếu có một pháp, pháp đó cũng chỉ là sự biểu hiện nương tựa vào nhau của các điều kiện. Ví dụ như bông hường. Bông hường là một biểu hiện của những điều kiện nương tựa vào nhau như hạt giống, đất, nước, đám mây, mặt trời... Tất cả những thứ ấy nương vào nhau làm nên sự biểu hiện, gọi là y. Chữ 'y' ở đây nên hiểu là y tha, tức là nương vào nhau mà có. Cũng như hai mặt của một tờ giấy, mặt trái và mặt phải nương nhau mà có. Nếu không có mặt trái, mặt phải không thể nào tự mình có được. Y tha hoặc y biến, tiếng Phạn gọi là paratantra. Y biến là sự biểu hiện trên căn bản nương tựa vào nhau mà biểu hiện.

Bồ Đề cũng thế mà Niết Bàn cũng thế, giải thoát cũng thế mà ba thân cũng thế.

Chúng ta thường nghĩ rằng phải từ bỏ thế giới của ảo mộng, của phù hoa, của luân hồi, thì mới tìm thấy được một cái gì đó chắc thật. Cái chắc thật đó là Bồ Đề, là Niết Bàn, là giải thoát, là Tam Thân. Nhưng ở đây, Tổ nhắc chúng ta là những cái đó cũng là y biến. Bồ Đề là đối lập với sinh tử, đối lập với phiền não. Vì có phiền não nên có Bồ Đề. Nếu không có phiền não, thì không thể nào có Bồ Đề, cho nên Bồ Đề cần phiền não để có mặt. Cũng như tay trái cần có tay phải để có mặt. Bồ Đề cũng nương vào những pháp khác để biểu hiện. Vậy thì Bồ Đề là một pháp y biến. Cho nên trong đạo Bụt Đại Thừa nói: 'Phiền não tức

https://thuviensach.vn

Bồ Đề'. Như hoa với rác, đừng tưởng hoa có thể đứng độc lập được. Nếu không có rác thì hoa không thể có mặt. Hoa cũng là một pháp y biến. Bỏ một cái để chạy theo một cái như yêu thánh ghét phàm, đó không phải là thái độ khôn ngoan.

Cảnh trí (connaissance des objects) cũng thế mà Bồ-tát hay Bụt cũng thế, đều là những cảnh do y biến.

Không những pháp thế gian là y biến mà pháp xuất thế gian cũng là y biến, vì vậy cho nên chúng ta không nên có thái độ trốn chạy pháp thế gian để đi tìm pháp xuất thế gian. Có một thiền sinh hỏi: 'Con phải đi tìm chỗ giải thoát sinh tử ở đâu?' Vị thiền sư nói: 'Tìm ở ngay chỗ sinh tử.' Cảnh trí tức là những đối tượng của nhận thức. Nhận thức hay trí tuệ, Bồ-tát hay Bụt, đều là những cảnh do y biến.

Quý vị tìm cái gì nơi những cảnh giới Bụt được biểu hiện trên sự nương tựa (vào nhau) đó?

Ta đang có ý rời bỏ, phủ nhận và chạy trốn pháp thế gian để đi tìm pháp xuất thế gian. Ta đi tìm Bụt, ba thân, Niết Bàn. Cho nên Tổ hỏi là: 'Ta tìm gì ở trong đó?' Rồi Tổ nói một câu rất mạnh:

Tam thừa và mười hai thể tài giáo pháp cũng chỉ là giấy vệ sinh. Bụt là thân huyễn hóa, Tổ là những vị tỳ kheo già.

Giấy vệ sinh (toilet paper) tức là giấy chùi đít. Tam thừa tức là thanh văn thừa, duyên giác thừa và Bồ-tát thừa. Mười hai thể tài tức là trường hàng, trùng tụng, cô khởi, thí dụ, nhân duyên, vô vấn tự thuyết v.v... nghĩa là giáo lý được diễn bày qua mười hai thể tài như văn xuôi (trường hàng), văn vần (trùng tụng), thí dụ, không ai hỏi mà Bụt tự nói (vô vấn tự thuyết)... Tổ nói ba thừa và mười hai thể tài đều là giấy vệ sinh. Cũng như nói hoa là rác. Nếu không có rác thì làm gì có hoa? (Tổ nói như vậy thì không có tội, còn ta nói như vậy thì sẽ có tội. Tổ đã giải thoát, còn ta chưa giải thoát thì đừng có bắt chước.)

Tuệ Trung thượng sĩ là một thiền sư cư sĩ nổi tiếng thời nhà Trần. Ông là anh ruột của tướng Trần Hưng Đạo, là y chỉ sư của vua Trần Nhân Tông. Trần Nhân Tông hồi nhỏ học với Tuệ Trung Thượng Sĩ.

https://thuviensach.vn

Có người hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ: 'Pháp thân thanh tịnh là gì?' Tuệ Sĩ trả lời: 'Nước tiểu ngựa và đám cứt trâu.' Trả lời cũng giống như cách nói của Tổ Lâm Tế vậy: Bụt là thân huyễn hóa, Tổ là những vị tỳ kheo già. Là tỳ kheo, ta cứ tu thôi, không giỏi, không xuất sắc gì mấy, nhưng tới già ta cũng trở thành Tổ. Tổ là một vị tỳ kheo già, rất đúng chứ sao không? Bụt Thích Ca Mâu Ni chỉ là Hóa thân, không phải là một đối tượng trường tồn mãi, cho nên nói Bụt là thân huyễn hóa, điều này cũng rất đúng. Và đó không phải là đối tượng để ta tìm kiếm.

Quý vị có phải do mẹ mình sinh ra hay không? Đi tìm Bụt quý vị sẽ bị ma Bụt hớp hồn, đi tìm Tổ sẽ bị ma Tổ trói buộc.

Câu 'Quý vị có phải do mẹ mình sinh ra không?' ngụ ý là ta có gốc gác, ta có chỗ nương tựa, ta có đủ tất cả những gì ta đang tìm cầu. Ta còn đi tìm một bà mẹ nào khác nữa? Mẹ ta ở trong ta, ta đã có gốc gác. Phật tính, giải thoát tính đã có sẵn trong ta rồi, ta không cần phải đi tìm cầu nữa. Nếu không, ta sẽ bị ma Bụt hớp hồn. Bởi vì Bụt mà ta đi tìm là một con ma, không phải là Bụt thật. Khi ta có một ý niệm về Bụt, một tri giác về Bụt, thì ý niệm đó, tri giác đó là một con ma. Khi ta có quan niệm về Thượng Đế, thì đó không phải là Thượng Đế thật mà là con ma Thượng Đế, và con ma Thượng Đế sẽ hớp hồn ta. Cũng như ta có quan niệm về Tổ. Quan niệm của ta về Tổ có thể rất sai lầm, thì đó là con ma Tổ. Đôi khi ta có quan niệm sai lầm về cha ta, về mẹ ta, đó cũng là những con ma mà không phải là người cha đích thực, người mẹ đích thực. Cha mẹ đích thực nằm ở trong ta, ta có thể tiếp xúc mỗi giây mỗi phút. Còn những gì ta đi tìm chỉ là những con ma.

Có một người thiếu phụ nói: 'Con không biết cha con là ai và con rất đau khổ. Con không thể nào có hạnh phúc như những người khác được, tại vì ai cũng có cha mà con thì không.' Nói xong, cô ngồi khóc. Tôi trả lời cô: 'Tại sao nói mình không có cha? Không có cha sao có cô ngồi đó được? Và đừng tưởng rằng có cha ngồi trước mặt thì ta có thể thấy được cha một cách đích thực, và ta sẽ có hạnh phúc. Nhiều người có cha mà vì cha cho nên muốn đi tự tử. Cái tưởng về cha, cái đó không phải là cha đích thực của ta. Cha ta có mặt trong mỗi tế bào của

https://thuviensach.vn

cơ thể ta. Giây phút nào ta cũng tiếp xúc được với cha. Vì vậy ý niệm của ta về cha là một con ma. Ma cha hớp hồn. Trong khi cha của sự thật ở ngay đó mà không tiếp xúc được, lại để cho một con ma cha hớp hồn.'

Ta cũng có thể tiếp xúc với Bụt thật (chân Phật) ngay trong giờ phút này, nhưng ta đã không tiếp xúc được. Chúng ta đi tìm ma Bụt, và chúng ta lại không biết sống với Bụt thật (chân Phật). Nhiều người trong chúng ta đang hành xử như vậy. Tỉnh dậy đi! Đó là ý của đoạn kinh này.

Đi tìm Bụt quý vị sẽ bị ma Bụt hớp hồn, đi tìm Tổ sẽ bị ma Tổ trói buộc. Các vị càng cầu càng khổ, tốt hơn hết là chỉ nên vô sự.

Vô sự ở đây tức là chấm dứt sự tìm cầu.

Có một bọn thầy tu đầu sói hay nói với người học đạo: 'Bụt là mục tiêu tối hậu (cứu cánh).'

Cái đeo đuổi tối hậu của ta là thành Bụt.

'Phải tu trong ba a-tăng-kỳ-kiếp lớn (ba đại vô lượng kiếp) cho công thành quả mãn thì mới thành Bụt được.'

Nói như vậy là ta bị ma Bụt hớp hồn, tại vì ta không biết rằng ngay trong giờ phút này ta đã là Bụt.

Này các bạn tu, nếu nói Bụt là cứu cánh, là mục tiêu tối hậu, thì tại sao chỉ mới có tám mươi năm đã phải nằm nghiêng giữa hai cây Sala trong rừng Song Lâm tại thành Câu-thi-na (kusinagara) mà chết?

Mục tiêu tối hậu gì mà kỳ vậy? Mới tám mươi tuổi đã phải chết rồi. Ta có muốn thành Bụt như thế không? Cây Sala, tiếng Latin là Shorea robusta, bên Ấn Độ gọi là cây Sal.

Cho nên ta phải biết rõ ràng Bụt cũng sinh tử như ta, không khác.

Bụt Hóa thân cũng có sinh có tử.

https://thuviensach.vn

Nếu nói có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp là Bụt, thì hóa ra Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Bụt sao? Cho nên phải biết rằng tất cả đều là huyễn hóa.

Trong kinh Kim Cương nói rằng: Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp là những dấu hiệu của một vị Bụt. Nhưng những vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng có các tướng như vậy thì cũng đều là Bụt sao? Tổ chỉ lặp lại những điều trong kinh Kim Cương. Tổ đã dùng những hình ảnh, những câu nói trong kinh để đả phá. Cũng như Phù Đổng Thiên Vương khi đánh giặc Ân, trong tay không có khí giới liền nhổ những bụi tre để đánh giặc. Mục đích của Tổ là đánh phá, cho nên sử dụng được dụng cụ nào để đánh phá thì Tổ sử dụng ngay. Đối với Tổ, những câu kinh không phải là chân lý cứu cánh mà là những phương tiện để đánh phá những khối u mê của ta.

Cổ nhân bảo: 'Như Lai hiện thân tướng, vì chiều theo thế gian, sợ người sinh đoạn kiến, tạm thiết lập giả danh. Tạm gọi băm hai tướng, tám mươi cũng hư thanh, có thân không giác thể, vô tướng mới chân hình.'

Cổ nhân đây là Phó Đại Sĩ, thế kỷ thứ 16, trong tác phẩm Lương Triều Phó Đại Sĩ Tụng Kim Cương Kinh (Taisho 2722). Như Lai hiện thân tướng đẹp là vì chiều theo thế gian, sợ người sinh đoạn kiến, tạm thiết lập giả danh. Hình tướng đó là giả danh Bụt, giả danh Như Lai. Đoạn kiến (annihilism) nghĩa là cho rằng sau khi ta chết thì không còn gì nữa. Đó là một tà kiến. Ngược với đoạn kiến là thường kiến (eternalism). Tạm gọi băm hai tướng, tám mươi cũng hư thanh. Cái gọi là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp đều là hư thanh. Hư thanh nghĩa là những âm thanh trống rỗng. Có thân không giác thể, vô tướng mới chân hình. Khi bị kẹt vào thân tướng, ta không thấy được bản chất của giác ngộ, dù thân của Bụt có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Vô tướng mới chân hình. Khi nào nhìn bằng con mắt vô tướng, ta mới tiếp xúc được với thực tại của Bụt. Cũng như đám mây trên bầu trời, có tướng đám mây. Nhưng khi đám mây trở thành mưa, thì tướng của đám mây không còn, vì tướng của nó bây giờ là mưa. Khi mưa trở thành tuyết, tướng của mưa mất đi, nhưng

https://thuviensach.vn

lại có tướng của tuyết. Nếu kẹt vào tướng, ta sẽ không có cơ hội thấy được nước chính là bản chất của mưa, của mây và của tuyết. Kẹt vào tướng, ta sẽ không thấy được thực tại. Dù đó là tướng Bụt, tướng chúng sanh, tướng sinh, tướng trụ, tướng dị hay tướng diệt..., một khi kẹt vào tướng rồi thì ta không còn thấy được sự thật nữa.

Các vị nói Bụt có sáu thần thông không thể nghĩ bàn. Vậy thì chư thiên, chư thần tiên, các loài A-tu-la và các loài quỷ có sức mạnh lớn, vì có thần thông cho nên họ là Bụt cả hay sao?

Kinh nói các loài ấy có thần thông, cho nên Tổ lặp lại, không hẳn là Tổ tin như vậy. Trong kinh điển có câu nào dùng được, Tổ lấy ra để đánh phá cho tiêu tan tà kiến của ta. Phải hiểu là như vậy. Đừng tưởng trong đoạn này Tổ công nhận là có thần thông.

Có những người cư sĩ tu thiền rất giỏi. Họ làm bạn với các thầy, đôi khi họ giúp cho các thầy nữa. Bàng Uẩn là một trong những vị cư sĩ rất nổi tiếng sống vào thế kỷ thứ tám, là bạn rất thân với hòa thượng Thạch Đầu. Cư sĩ Bàng Uẩn thường ở trong chùa sinh hoạt, làm thơ, đi thiền hành, chẻ củi, gánh nước, chấp tác với các thầy, rất thân. Ông nói rằng: 'Thần thông tinh diệu dụng. Vận thủy cập bang sàng'. Nghĩa là thần thông và diệu dụng là khi mình đi kiếm củi về bếp để nấu cơm, hay đi gánh nước ở ngoài sông về để rửa chén. Hai câu này rất nổi tiếng trong nhà thiền.

Các bạn tu, các bạn chớ lầm! Khi đoàn A-tu-la giao chiến với quân trời Đế Thích bị thua, cùng với 8.400 quyến thuộc núp vào trong một lỗ củ sen, họ có thần thông như vậy, liệu họ có là Bụt hay là Thánh chăng?

Khi đoàn A-tu-la giao chiến với quân trời Đế Thích bị thua, cùng với 8.400 quyến thuộc núp vào trong một lỗ củ sen..., đây là những điều được nói tới trong kinh, và được Tổ sử dụng để đánh phá, không có nghĩa là Tổ tin. Tổ Lâm Tế hoàn toàn không tin vào thần thông. Các kinh Tiểu thừa cũng như Đại thừa đều có nói tới thần thông. Đối với những bậc giác ngộ, các vị thấy rằng thần thông chẳng qua chỉ là những y biến, những y thông, những phương tiện quyền xảo. Quan niệm về thần thông của các vị rất thực tế. Thần thông ở chỗ nào? Đối

https://thuviensach.vn

với các vị, thần thông là ta đang ngồi đây, biết thở vào thở ra; thần thông là ta được đi những bước chân trên mặt đất; thần thông là ta đang mở mắt ra và thấy được trời xanh, mây trắng; thần thông là ta đang gánh nước, bửa củi... Tất cả đều là phép lạ (miracle).

Theo chỗ tôi nói thì tất cả những cái đó chỉ là thần thông của nghiệp và thần thông của sự nương tựa (nghiệp thông, y thông).

Nghiệp là hành động, y là nương tựa vào nhau. Cũng như hiện nay, nhờ có đường dây điện thoại mà tiếng nói của ta có thể đi ngoài ngàn dặm, và những người bên kia trái đất có thể nghe ta được. Điều ấy có thể gọi là thần thông, nhưng cũng là những điều nương vào nhau mà thành nên gọi là nghiệp thông. Nghiệp thông cũng có nghĩa là thần thông của nghiệp, tức là những điều do ta tạo tác ra. Ví dụ gởi một lá thơ bằng fax. Viết thơ xong để vào máy gởi đi, chỉ một phút sau thì bên kia người nhận có thể đọc được, đó là thần thông. Nhưng thần thông ấy cũng chỉ dựa trên hành động và căn cứ vào sự nương tựa mà có, cho nên gọi là y thông. Nghiệp là hành động, y là nương tựa vào nhau. Đối với Tổ, những điều ấy không phải là mới lạ, nó chưa phải là thần thông, kể cả lục thông (thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông).

Sáu phép thần thông của Bụt rất khác. Bụt đi vào cảnh giới của Sắc mà không bị sắc mê hoặc, đi vào cảnh giới của Thanh mà không bị thanh mê hoặc, đi vào cảnh giới của Hương mà không bị hương mê hoặc, đi vào cảnh giới của Vị mà không bị vị mê hoặc, đi vào cảnh giới của Xúc mà không bị xúc mê hoặc, đi vào cảnh giới của Pháp mà không bị pháp mê hoặc.

Tại vì sao?

Tại vì Bụt đã đạt tới cái thấy là sáu cái (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp) đều biểu hiện tính Không (không tướng) và những cái ấy đều không thể ràng buộc người tu không bám víu (vô y đạo nhân).

Người tu không bám víu (vô y đạo nhân) là người có tự do lớn. Đi vào cõi Sắc không bị sắc ràng buộc, đi vào cõi Thanh không bị Thanh

https://thuviensach.vn

ràng buộc..., đó gọi là thần thông đích thực. Điện thoại và fax chưa phải là thần thông; bay lên hư không, đi hia ngàn dặm, đó chưa phải là thần thông; đó là nghiệp thông, y thông.

Những người tu này tuy vẫn còn mang chất liệu hữu lậu của năm uẩn mà đã có thể thực hiện được phép lạ là đi trên mặt đất (địa hành thần thông).

Bửa củi là thần thông, vo gạo là thần thông, gánh nước là thần thông, đi trên mặt đất là thần thông. Không có giây phút nào mà chúng ta không thực hiện được thần thông, nếu chúng ta có tự do, nếu chúng ta có tuệ giác. Ở Làng Mai, chúng ta thường nói: 'Phép lạ là đi trên mặt đất'. Chúng ta ý thức là mình đang còn sống, đang an trú trong giây phút hiện tại và thấy rõ sự sống là mầu nhiệm, cho nên chúng ta vững bước đi trong cuộc đời với ý thức sáng tỏ đó. Làm được như vậy là thực hiện thần thông.

Đặt chân lên mặt đất
Là thể hiện thần thông
Từng bước chân tỉnh thức
Làm hiển lộ Pháp thân.

Tổ rất gần với chúng ta. Làng Mai đang thực tập nối tiếp sự nghiệp của Tổ, đang thực hiện tuệ giác của Tổ. Nấu bếp là thần thông, pha trà là thần thông, tắm gội, giặt áo... đều là thần thông. Khi ta an trú trong giây phút hiện tại, ta nhận ra rằng những mầu nhiệm của sự sống đang có mặt hay là phép lạ đang có mặt. Trái cam kia là một phép lạ, ly nước kia là một phép lạ. Thấy được như vậy, ta trân quý tất cả và không giây phút nào ta không sống trong an lạc, thảnh thơi và hạnh phúc. Vì vậy cho nên thần thông có thể được thực hiện trong nhà bếp, trong thiền đường, ngoài vườn rau và ngay ở trong phòng vệ sinh nữa. Khi sống có tự do, ta không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp câu thúc và giam hãm, lúc đó ta làm gì cũng thể hiện thần thông. Đó là thần thông của Bụt. Chúng ta có thể làm được như Bụt ngay trong giờ phút này.

https://thuviensach.vn

Cuốn Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức được in bằng tiếng Pháp, lần đầu sách có tên là Le Miracle Est De Marcher Sur Terre (Phép lạ là đi trên mặt đất). Không có nghĩa là đi trên mây là phép lạ, hay đi trên lửa than hồng là phép lạ mà đi trên mặt đất mới là phép lạ. Năm uẩn của ta tuy là pháp hữu lậu, nhưng mỗi giây phút ta đều có thể thực hiện được thần thông, ta có thể sống được như Bụt, như Tổ, nếu ta có tự do. Tự do đây là tự do đối với sáu đối tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Ta không còn bị chúng câu thúc, ràng buộc.

Này các bạn tu, Bụt chân thật thì vô hình, Pháp chân thật thì vô tướng.

Chạy theo Bụt hữu hình, chạy theo Pháp hữu tướng là ta bị ma bắt. Nếu có tự do, ta không bị những phiền não, những đam mê ràng buộc, ta có thể đi như Bụt và Bồ-tát. Mỗi bước chân dẫm vào Tịnh Độ, đó là phép lạ. Đừng đi tìm phép lạ ở chỗ khác. Định nghĩa thần thông của Tổ rất rõ ràng: mỗi giây phút của đời sống hằng ngày đều là phép lạ. Chúng ta có thể sống được như vậy. Nếu tuệ giác của chúng ta được sáng tỏ, thì sống và chết không ràng buộc được ta. Cũng như một đợt sóng. Đợt sóng một khi đã nhận thức được nó là nước, thì dù có lên có xuống, nó cũng không sợ; nhỏ cũng không buồn mà lớn cũng không hãnh diện. Nó hoàn toàn bình tĩnh. Thành ra có, không, còn, mất... không làm nó sợ hãi nữa. Nó có tự do, vì vậy mỗi giây phút là một niềm vui lớn của nó.

Tại sao quý vị lại nương vào trên cái huyễn hóa mà tạo tác ra những mô hình để nắm bắt?

Những mô hình đó có thể là Thiên quốc (kingdom of God), Bụt, Chúa, Tịnh Độ, Giải Thoát hay là Tam Thân.

Dù có nắm bắt được cái gì đi nữa, thì cái ấy cũng chỉ là chồn hoang tinh mỵ, không phải là Bụt chân thật, mà chỉ là kiến giải của ngoại đạo. Người tu chân chính thì không nắm bắt Bụt, nắm bắt Bồ-tát, A-la-hán, không nắm bắt những cái gì gọi là hay đẹp nhất trong ba cõi.

Hay đẹp nhất là dịch từ chữ thù thắng.

https://thuviensach.vn

Người ấy một mình thong dong, không bị sự vật nào câu thúc. Dù trời đất có đảo ngược tôi cũng không bị một chút nghi hoặc nào làm cho ngần ngại. Dù cho chư Bụt mười phương có xuất hiện trước mặt thì tôi cũng không khởi một tâm vui mừng. Dù cho địa ngục và ba đường dữ xuất hiện trước mặt tôi thì tôi cũng không khởi một niệm sợ hãi.

Sự lo lắng và mừng vui không câu thúc được ta, không làm cho ta mất tự do, nếu ta thấy được chư Bụt mười phương đang có mặt bây giờ và ta có thể nắm tay chư Bụt mười phương đi thiền hành. Tại sao ta chỉ vui mừng khi chư Bụt mười phương hiện ra? Ta đã có Bụt rồi thì cần gì phải vui mừng nữa. Đợt sóng biết một khi nó đi xuống nó cũng là nước, thì tại sao nó phải sợ hãi? Vì vậy cho nên không có điều gì có thể làm cho ta sợ hãi, cũng không có điều gì làm cho ta phải mừng vui.

Tại sao thế? Tại vì tôi đã thấy được tướng không của các pháp, khi biểu hiện gọi là có, khi không biểu hiện gọi là không, ba cõi đều do tâm, vạn pháp đều do thức. Cũng vì vậy cho nên tất cả đều là mộng huyễn, đều là hoa đốm giữa hư không, tại sao ta phải đi tìm bắt cho mệt nhọc?

Duy chỉ có con người thật của các bạn đang có mặt nghe pháp trong giờ phút này và ngay ở đây mới có thể đi vào lửa mà không bị cháy, đi vào nước mà không bị trôi, đi vào địa ngục và ba đường mà như đi du ngoạn trong công viên, đi vào giới ma đói và súc sinh mà không nhận chịu quả báo.

Nếu ta đồng nhất ta với năm uẩn, nếu ta thấy còn một cái cần để trốn chạy, còn một cái cần để nắm bắt, thì ta vẫn còn bị lửa đốt cháy hay bị nước cuốn trôi. Nhưng nếu ta thoát ra được cái thấy còn câu thúc và nắm bắt ấy thì ta thấy được con người thật của ta. Con người thật không bị những điều ấy câu thúc, cho nên lửa không thể đốt cháy mà nước cũng không cuốn trôi đi.

Tại sao như thế? Tại vì các vị không kỳ thị bất cứ một cái gì.

https://thuviensach.vn

Tức là các vị không có chán ghét, không chạy trốn bất cứ một cái gì.

Nếu quý vị còn yêu thánh ghét phàm thì quý vị sẽ còn bị nổi chìm trong biển sinh tử.

Ở đây, Tổ nhấn mạnh tới thái độ buông bỏ cái nhìn có tính cách nhị nguyên: thánh và phàm. Thái độ cho rằng thánh hoàn toàn ở ngoài phàm và phàm hoàn toàn ở ngoài thánh. Buông bỏ được thái độ này thì ta dừng lại được sự tìm kiếm và có tự do.

Phiền não do tâm mà có, nếu vô tâm thì phiền não làm sao trói buộc được ta? Không mất công phân biệt, không kẹt vào tướng thì tự nhiên chứng đắc được đạo quả ngay trong khoảng khắc.

Đây là một câu Tổ trích dẫn trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, tác giả là hòa thượng Chí Công. Cảnh Đức Truyền Đăng Lục là một tác phẩm về thiền, ghi chép lại những lời dạy của nhiều thế hệ thiền sư. Bốn câu này ở trong đoạn văn 'Chí Công hòa thượng Đại Thừa tán':

Phiền não nhân tâm hữu cố
Vô tâm phiền não hà cư
Bất lao phân biệt thể tướng
Tự nhiên đắc đạo tu du.

Cảnh Đức Truyền Đăng Lục được sáng tác vào đầu thế kỷ thứ 11. Cảnh Đức tức là niên hiệu 1004, đầu thế kỷ thứ 11. Trong bản chữ Hán của Lâm Tế Lục là 'phiền não do tâm hữu cố'; thay vì chữ nhân (trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục) thì là chữ do (trong Lâm Tế Lục). Đó là sự khác nhau.

'Phiền não nhân tâm hữu cố': Phiền não do tâm mà có.

'Vô tâm phiền não hà cư': Nếu tâm phiền não không có, thì phiền não nằm ở đâu?

'Bất lao phân biệt thể tướng': Không để thì giờ ra để phân biệt hay vướng vào tướng.

https://thuviensach.vn

'Tự nhiên đắc đạo tu du': Chuyện đắc đạo tự nhiên thành, chỉ trong một sát na. Tu du là trong chốc lát.

Càng đọc Lâm Tế lục càng thấy phương pháp của Tổ không phải là đưa ra những tư tưởng uyên thâm để cho chúng ta xây dựng cấu trúc của học hỏi, của nhận thức. Phương pháp của Tổ là đánh phá.

Chúng ta có nhận thức về Bụt, Pháp, Tăng và về sự tu học, đó là những cấu trúc sẵn có ở trong ta. Khi đến tham học với Tổ, những ai đem những cấu trúc đó tới liền bị Tổ đánh phá bằng bất cứ phương tiện nào. Những điều Tổ trích dẫn, đừng tưởng Tổ cho những điều đó là quan trọng nhất trên đời. Thấy được cái gì có ích Tổ dùng cái đó. Cũng như Phù Đổng Thiên Vương, hễ thấy lùm tre nào có thể nhổ lên là nhổ lên để đánh giặc. Tổ cũng làm như vậy. Tổ đã nói: 'Mục đích của tôi là để đánh phá và trị bệnh.' Vì vậy ta không ngạc nhiên khi thấy Tổ sử dụng tiếng hét và cái phất trần, có khi còn dùng gậy để đánh nữa. Vua Trần Thái Tông là vị vua đầu của đời nhà Trần, cũng là người đã tiếp nhận được giáo lý Tổ Lâm Tế. Vua có làm bài thơ:

Mới tới cửa ngoài nghe tiếng hét
Tỉnh giấc hôn trầm lũ cháu con
Một tiếng sấm Xuân vừa chấn động
Khắp nơi cây cối nẩy mầm xanh.

Mới tới cửa thiền viện đã nghe tiếng hét ở trong thiền viện rồi, ngán quá đi! Theo vua Trần Thái Tông, tiếng hét của Tổ như là tiếng sấm Xuân ra hiệu lệnh cho cây cối nẩy mầm. Nhờ tiếng sấm Xuân mà tất cả những hoa trái của sự giác ngộ nơi ta được biểu lộ ra sau khi những hôn trầm đều tan biến. Tiếng sấm cũng như tiếng hét có sức công phá, hủy diệt để cho mùa Xuân có thể trở về. Mùa Xuân của hạnh phúc, của giác ngộ.

Nếu các vị cứ bôn ba chạy đi tìm người mà học đạo thì dù có học hỏi trong vô lượng kiếp cuối cùng cũng vẫn còn qua lại trong cõi sinh tử. Chẳng bằng làm một con người vô sự, đi vào chùa, xếp bằng lại mà ngồi.

https://thuviensach.vn

Tổ khuyên chúng ta đừng chạy đi tìm người mà học đạo. Ta phải thấy được ý của Tổ trong câu này. Tổ lặp lại những điều Tổ đã nói ở những đoạn trước là ta phải có đức tin nơi chính ta. Phải có đức tin rằng ta có hạt giống của tuệ giác, hạt giống của giải thoát, hạt giống của hạnh phúc trong con người của ta mà không cần đi tìm ở bên ngoài cũng không đi xin xỏ. Tổ khuyên chúng ta đừng có tâm niệm tìm cầu ở bên ngoài, cái chúng ta muốn tìm đã có sẵn ở trong tự tâm. Đợt sóng đi tìm nước thì rất kỳ! Đợt sóng đi tìm nước, ta cho là khờ dại, nhưng ta cũng như vậy. Ta cũng dại khờ không khác gì đợt sóng. Ta đi học đạo với thầy này, rồi lại đi học đạo với thầy kia. Cũng vậy, những người có bệnh tâm thần đi tìm ở những nhà tâm lý trị liệu một sự an ủi, một sự lắng nghe. Họ nghĩ rằng nếu không có những người này, họ sẽ khổ vô cùng, họ sẽ không có con đường thoát, cho nên họ nghĩ chính nhà tâm lý trị liệu sẽ ban cho họ an lạc, hạnh phúc và sự trị liệu. Họ không biết rằng bản chất và khả năng trị liệu đã có sẵn trong thân và tâm của họ. Thân và tâm có những yếu tố có thể giúp cho họ trị liệu, nhưng họ đã không thấy và không sử dụng được những yếu tố có sẵn đó, cho nên họ mới đi tìm từ những nhà trị liệu.

Nếu ta là một nhà trị liệu đúng theo tinh thần của Tổ Lâm Tế, ta phải nói cho bệnh nhân biết rằng: 'Trong cơ thể và tâm hồn của anh (chị) có những yếu tố có thể trị liệu. Anh (chị) phải trở về để nương vào những yếu tố ấy, và cho phép những yếu tố đó biểu hiện để làm công việc của chúng.' Trong cuộc sống hằng ngày, ta có khuynh hướng cấm cản không cho những yếu tố, những khả năng trong thân và tâm ta biểu hiện và hoạt động, để rồi ta đi tìm những yếu tố trị liệu ở ngoài, thì điều ấy không đúng. Một nhà trị liệu có thể giúp được người bệnh tâm thần trở về thân tâm, có niềm tin nơi khả năng trị liệu của thân và tâm. Nhà trị liệu chân chính không bao giờ khiến cho những bệnh nhân tùy thuộc vào mình từ năm này sang năm khác, nghĩ rằng nếu không có mình thì họ sẽ chết. Làm cho bệnh nhân bị dính vào mình và không bao giờ bỏ mình được, đó không phải là một nhà trị liệu chân chính. Nhà trị liệu chân chính là phải làm cho bệnh nhân tự chủ, tự cường và tự túc được. Nếu không, người bệnh suốt đời sẽ phải bám víu vào nhà trị liệu, và nhà trị liệu cũng có thể bám

https://thuviensach.vn

víu trở lại vào bệnh nhân, cả hai bên đều bị vướng mắc. Đây là một vấn đề lớn trong giới tâm lý trị liệu ngày nay.

Chúng ta thấy Siddhartha cũng đã đi tìm đạo, cũng đã học với một số các thầy. Nhưng cuối cùng, Siddhartha trở về với chính mình, và dưới cội Bồ Đề, Siddhartha đã tìm thấy đạo. Tới Làng Mai, quý vị phải tới với tinh thần đó. Tức là quý vị đã có sẵn yếu tố của sự thức tỉnh, của giác ngộ, của hạnh phúc trong người quý vị, cho nên khi tới Làng Mai là để có cơ hội trở về với chính mình và tiếp xúc được với những yếu tố đó. Tới Làng Mai không phải để tìm kiếm những yếu tố đó ở bên ngoài.

Câu này của Tổ có hàm ý tinh thần 'đã về đã tới'. Tôi đã về, tôi đã tới; tôi không đi tìm cầu gì nữa, tôi đã chấm dứt sự tìm cầu. Khi ta ngưng lại sự rong ruổi, tự nhiên ta có hạnh phúc. Cho nên Tổ nói: Chẳng bằng làm một con người vô sự, đi vào chùa, xếp bằng lại mà ngồi.

Vài người trong tăng thân sống không có hạnh phúc, tâm cứ bồn chồn, mong ngóng đi tìm sự an tâm, đi tìm hạnh phúc. Họ ở yên trong chúng không được, họ ngồi như ngồi trên đống lửa. Được các anh em khuyên là nên trở về thực tập và tìm hạnh phúc ngay trong tự thân, họ làm không được. Và cuối cùng họ phải bỏ chúng ra đi. Tìm Đông, tìm Tây, tìm Nam, tìm Bắc, họ tìm không được gì hết. Trở về lại Làng, họ thấy khỏe quá. Sau lần ra đi tìm kiếm đó, họ thật sự đã về đã tới. Phải đi và tiếp xúc với thực tế mới biết cái ta đi tìm không ở đâu có cả, nó chỉ có trong tự tâm. Người nào có ý muốn bỏ chạy (run away), đi tìm, thì nên nhớ lời của Tổ: 'Đi đâu, anh (chị) cũng chỉ nhìn thấy anh (chị), anh (chị) cũng sẽ gặp những khó khăn, những cô đơn buồn khổ. Chẳng bằng ngồi ngay tại chỗ, trở về tiếp xúc với những yếu tố của hạnh phúc, của giải thoát, của giác ngộ ngay ở trong anh (chị) trong tăng thân của anh (chị), thì anh (chị) có thể vượt thoát được.' Cho nên câu 'Chẳng bằng làm một con người vô sự' rất thực tế. Ngồi như vậy rất hạnh phúc thì còn chạy đi đâu nữa? Vô sự tức là không còn tìm cầu, không nghĩ rằng hạnh phúc có mặt ở một phương trời nào đó, trong một tương lai nào đó.

https://thuviensach.vn

Có một bọn sói đầu không biết được tốt xấu ra sao, cứ chỉ Đông trỏ Tây, ưa mưa thích tạnh, khen chiếc đèn lồng này đẹp hay cây trụ kia là xinh.

Ai vậy? Thầy nào vậy? Sư cô nào vậy?

Nhìn họ xem, để coi lông mày của họ còn có bao nhiêu sợi!

Những người ăn cơm của tín thí mà không lo tu chỉ lo tán dóc thì lông mày của họ từ từ rụng xuống, nhìn vào là biết họ Tổn phước, Tổn đức vô cùng.

Những cơ sự như thế xảy ra không phải là không có nguyên do. Kẻ học nhân không hiểu, cho nên tâm trí bị mê cuồng. Những kẻ đó hoàn toàn là một bọn chồn hoang tinh mị. Những bậc học nhân chân chính thấy họ thì khúc khích cười chê, nói rằng bọn sói đầu mù mắt này chỉ gây rối loạn và mê hoặc trong nhân gian.

Câu này tố cáo tình trạng đương thời của Phật giáo, và loại thầy tu ấy có quá nhiều, tràn ngập trong nhân gian. Nhìn vào họ người ta không có tín tâm, không có cảm hứng để tu tập.

Này các bạn tu! Những người xuất gia còn trẻ thì cần phải học đạo; tôi đây (hồi còn trẻ) ngày nào cũng lưu tâm học hỏi giới luật và uy nghi, và đã từng nghiên cứu tìm hiểu và tham vấn không biết bao nhiêu kinh luận. Sau một thời gian tôi mới biết đó là những phương dược cứu đời, được diễn bày qua hình thức lý thuyết. Vì vậy cho nên tôi đã nhất thời buông bỏ tất cả để đi tham vấn và thực tập thiền. May mắn vì gặp được các bậc thiện tri thức lớn cho nên tôi mới có được con mắt đạo để có khả năng nhìn thấy rõ ràng, nhận ra được ai thật sự là những vị cao túc đang có mặt trên đời, ai là giả dối. Cái thấy này không phải tự mình có được từ khi mẹ mình sinh ra, mà là một cái thấy do sự mài dũa, luyện tập, thể nghiệm và nghiên tầm rồi một mai tự chứng ngộ.

Tổ dạy ta phải 'có công mài sắt có ngày nên kim'. Điều này cũng cho ta thấy được sự giác ngộ của Tổ, sự tự do và hùng khí của Tổ không phải một sáng một chiều có được, mà Tổ đã đi qua mọi giai đoạn.

https://thuviensach.vn

Đoạn này cho ta thấy lòng từ bi rất lớn của Tổ. Trong đoạn sau, Tổ như nói ngược lại những điều Tổ đã nói trong đoạn trước là những điều chứng ngộ có thể tới một cách cấp tốc, ngay trong giờ phút hiện tại, không cần phải chầy năm chầy tháng, chỉ cần trở về trong giây phút hiện tại, sử dụng sáu đạo thần quang là ta làm Phật làm Tổ ngay tức thì.

Đoạn này chứng tỏ rằng Tổ đã học kinh, luận, luật rất vững chãi. Trong thời gian học kinh, luật và luận, Tổ nghĩ rằng mình có thể tìm thấy tuệ giác, tìm thấy giác ngộ trong đó. Nhưng sau đó, Tổ giật mình tỉnh thức thấy rằng giác ngộ không ở trong kinh điển mà ở trong tâm của mình. Nhưng học là một yếu tố rất cần thiết. Nếu học để trở thành một vị học giả, học để trở thành một vị giáo thọ, học để trở thành một vị viện chủ, thì động cơ (motivation) của cái học đó không tốt. Nhưng học là một chuyện tốt. Không có điều gì đã học mà không giúp được ta, dù là học y khoa, khoa học hay xã hội học. Ngày xưa ta học với mục đích có một cái nghề, có một chỗ đứng trong xã hội, có lương bổng cao... Khi xuất gia tu học, những cái ta học ở trường, ở ngoài đời, tưởng là vô ích, nhưng nếu ta tu học đàng hoàng thì tất cả những kiến thức về khoa học, âm nhạc, xã hội học... đều trở thành hữu ích trong giây phút hiện tại. Ở đây cũng vậy, Tổ đã sử dụng những kinh đã học để đánh phá, để trị liệu. Học kinh, luận và luật là điều quan trọng, nhưng ta đừng học với tâm niệm trở thành một học giả với bằng cấp tiến sĩ Phật học. Có học thì có buông bỏ, nếu không thì buông bỏ cái gì? Tổ có một kiến thức rất lớn, rất giàu về Phật học, cho nên Tổ buông bỏ được. Còn ta chưa có gì cả thì ta buông bỏ cái gì? Muốn có giác ngộ, muốn có giải thoát, muốn có thảnh thơi, thì ta không nên theo con đường học hỏi tìm cầu như trước.

Có lần Tổ Lâm Tế đi vào phương trượng, thấy Tổ Hoàng Bích (thầy của thiền sư Lâm Tế) đang đọc kinh, Tổ cười, nói: 'Ha ha... con tưởng thầy là một bậc giác ngộ hoàn toàn, ai ngờ miệng thầy còn ngậm đầy đậu đen.' Nghĩa là thầy còn đọc kinh. Thầy trò chơi với nhau những cú như vậy đó. Tổ Hoàng Bích đọc kinh cho vui vậy thôi, đâu phải đọc để đi tìm giác ngộ, giải thoát ở trong kinh. Đôi khi đọc kinh là để xem lại những danh từ để dạy lại cho đệ tử. Hai thầy trò cư xử như

https://thuviensach.vn

hai người bạn thân. Đôi khi trò lại thụi cho thầy một cái nữa. Đọc Lâm Tế Lục tới đây, ta thấy rõ Tổ rất thương chúng ta. Tổ dạy: 'Tôi nói như vậy đó, nhưng nếu anh bỏ học giới, bỏ học uy nghi thì không được. Nguy lắm! Anh phải đi ngồi thiền cho đều, anh phải đi thiền hành với chúng, anh không được đóng cửa ở trong phòng một mình, anh phải tham gia tất cả mọi sinh hoạt trong chúng... Ngày xưa tôi cũng làm như vậy.' Với sức tu học đó, ta cần phải có một vị thiện tri thức lớn khai tỏ cho ta, thì ta mới có tuệ giác. Lúc đó ta mới phân biệt được đâu là những ông thầy thật, có giải thoát, và đâu là những ông thầy giả mạo, không có giải thoát.

May mắn vì gặp được các bậc thiện tri thức lớn cho nên tôi mới có được con mắt đạo để có khả năng nhìn thấy rõ ràng, nhận ra được ai thật sự là những vị cao túc đang có mặt trên đời, ai là giả dối. Cái thấy này không phải tự mình có được từ khi mẹ mình sinh ra, mà là một cái thấy do sự mài dũa, luyện tập, thể nghiệm và nghiên tầm rồi một mai tự mình chứng ngộ.

Đây là quan điểm tiệm ngộ, đi ngược lại với quan điểm đốn ngộ. Một bên là đốn ngộ (sudden enlightenment), một bên là tiệm ngộ (gradual enlightenment), hai cái chống đối nhau. Khởi đầu Lâm Tế Lục ta có cảm tưởng là Tổ chủ trương đốn ngộ, nhưng tới đoạn này ta thấy Tổ như nói ngược lại, đó là chủ trương tiệm ngộ. Chúng ta phải thấy rằng, vấn đề không phải là đốn ngộ hay tiệm ngộ mà là đi đúng con đường. Đốn ngộ là một ý niệm, tiệm ngộ cũng là một ý niệm. Chúng ta là con cháu của Tổ, chúng ta phải thấy được điều này để tiếp nối con đường của Tổ.

Này các bạn tu nếu các bạn muốn có được kiến giải đúng theo sự thật thì đừng để cho người khác mê hoặc.

Ta phải có nhận thức độc lập, đừng nên thấy và hiểu theo lời giảng giải của người khác, dù đó là của hòa thượng, thượng tọa hay của bất kỳ một bậc đạo sư nào. Kiến giải đúng theo sự thật có nghĩa là nhận thức phù hợp với thực tại mà không phải là những tạo tác của tâm ý (mental constructions), những phân biệt hư vọng, những tri giác sai

https://thuviensach.vn

lầm. Những tri giác sai lầm có thể là tự mình sáng tạo, đôi khi bị ảnh hưởng của những người khác. Ví dụ như Làng Mai là một thực tại. Ta có thể đã nghe nhiều người nói về Làng Mai, và ta có một tri giác về Làng Mai. Tri giác đó có thể sai lầm. Người thương Làng Mai cho rằng Làng Mai quá đẹp. Người ghét Làng Mai lại có ý chê bai. Tri giác của ta căn cứ trên điều ta thấy, nghe, suy nghĩ và tưởng tượng ra. Tri giác không phù hợp với sự thật, gọi là vọng tưởng, vọng giác hay là tri giác sai lầm (wrong perception). Kiến giải đúng theo sự thật tức là kiến giải không có sai lầm. Bình thường ta bị ảnh hưởng bởi người khác, ta không có khả năng nhận thức độc lập. Nhận thức của ta có là do sự thương hay ghét của ta, ta không có cái nhìn khách quan.

Một chàng thanh niên yêu một cô thiếu nữ. Anh tạo ra hình ảnh cô thiếu nữ với tri giác của anh về cô thiếu nữ đó. Sự thật là anh yêu đối tượng của tri giác đó hơn là yêu bản thân cô thiếu nữ. Thực tại của cô thiếu nữ không hoàn toàn giống với hình ảnh anh tưởng tượng về cô. Anh nói: 'Nếu không cưới được cô này chắc là tôi chết. Chết còn hơn là cưới người khác.' Như vậy là anh yêu cô thiếu nữ đó hay yêu hình ảnh mà anh tạo về cô ở trong đầu? Quý vị yêu Bụt phải không? Quý vị có chắc là mình yêu Bụt thật mà không phải là đang yêu một hình ảnh mà quý vị tạo về Bụt không? Chúng ta có thể đang giống như chàng thanh niên khờ dại đó. Chúng ta không biết Bụt là ai, chúng ta tạo ra một hình ảnh về Bụt, và chúng ta yêu hình ảnh đó. Chúng ta tạo ra hình ảnh về Thượng Đế, về Chúa Ki-tô, rồi chúng ta yêu những hình ảnh đó. Có các nhà thần học giảng giải, trình bày, vẽ vời ra hình ảnh của Thượng Đế, hình ảnh của Chúa Ki-tô, và chúng ta vướng vào đó, chúng ta yêu vớ vẩn những hình ảnh, những tri giác do chính mình tạo ra. Họ những người có uy tín, họ là những bậc thầy, họ nói ra điều gì là chúng ta có khuynh hướng tin ngay. Tại vì chúng ta tự cho mình không là gì cả, thành ra chúng ta bị lừa liên tiếp. Khi người làm mai mối tả về một cô gái thì cố nhiên bà phải tả cho thật đẹp, và ta cũng căn cứ vào sự đam mê của mình mà tạo ra hình dáng của cô gái. Nhưng khi cưới về ở với nhau chừng nửa năm, ta xúc chạm với sự thật, cái hình ảnh đối tượng thương yêu kia tan biến từ từ. Chúng ta thường bị kẹt vào tri giác sai lầm. Tri giác đó là kiến giải không

https://thuviensach.vn

đúng theo sự thật. Tổ nói rằng: 'Này các bạn tu, nếu các bạn muốn có được kiến giải đúng theo sự thật thì đừng để cho người khác mê hoặc.' Có thể người kia không muốn mê hoặc ta, có thể người kia cũng đang bị mê hoặc, nhưng nếu người kia đang có những kiến giải không đúng theo sự thật và muốn truyền bá kiến giải của người đó, thì chúng ta là nạn nhân và bị lọt vào những cái bẫy của người đó.

Bất cứ nội hướng hay ngoại hướng, hễ gặp cái gì thì đừng sợ hãi mà phải tìm cách diệt ngay cái đó.

Tiếp xúc với thế giới bên ngoài là ngoại hướng, tiếp xúc với thế giới bên trong là nội hướng. Nếu gặp bất cứ điều gì cũng đừng sợ hãi mà phải tìm cách diệt ngay. Tức là khi có một tri giác về điều gì đó thì phải lập tức nghĩ rằng tri giác đó có thể sai lầm, phải chấm dứt tri giác đó. Khi nhìn cái bông, ta tưởng cái bông là như vậy, nhưng có thể cái bông không phải như vậy, đó có thể là ảo giác của ta. Cái ta thấy đó, trước hết là một khái niệm (idea), một tri giác (perception) của ta, chứ không phải là sự thật. Cái bông thật là cái bông tự thân (the flower in itself), còn cái bông ta thấy là một cấu tạo của tâm thức. Hai cái có thể rất khác. Thành ra chữ hủy diệt nghĩa là phải cẩn thận, đừng để bị đánh lừa bởi cái tri giác của ta, mà tri giác của ta cũng được điều kiện hóa bởi tri giác của người khác.

Gặp Bụt thì giết Bụt, gặp Tổ thì giết Tổ.

Ta có một ý niệm về Bụt, chính vì ý niệm đó cho nên ta không bao giờ gặp được Bụt thật. Chúng ta hãy nhớ lại hồi ta còn nhỏ thường hay lên chùa lạy Bụt. Chúng ta có một ý niệm về Bụt rất đơn sơ: cái ông này cứ ngồi hoài ở trên bàn, không bao giờ thấy ổng bước chân xuống đất để đi chơi, và ổng chuyên môn ăn chuối, tại vì ai tới chùa cũng đều cúng chuối. Ở Việt Nam, Phật tử tới chùa thường cúng nhang, cúng chuối. Chuối là món người ta cúng nhiều nhất, rồi mới tới những loại trái cây khác như là đu đủ, xoài, cam... 'Bụt ăn trái cây nhiều hơn ăn cơm.' Quan niệm của một đứa con nít về Bụt có thể là như vậy. Theo thời gian tu học, hình ảnh đó về Bụt từ từ bị xóa nhòa

https://thuviensach.vn

để chúng ta có những hình ảnh của Bụt gần hơn với sự thật (tuy vậy, nó có thể vẫn còn xa lắc xa lơ!).

Ngày xưa có một chú điệu tên là Hưng, sau này là giám đốc của trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội. Chú đi tu hồi còn nhỏ, tại chùa Linh Phong ở Đà Lạt. Chú thường thấy người ta đến chùa, người nào cũng đem chuối tới cúng. Trong đầu chú điệu nghĩ rằng: 'Bụt ưa ăn chuối lắm, cho nên người ta mới cúng chuối, nếu Bụt không ưa ăn chuối thì ai cúng chuối làm gì.' Có một bữa, chú đợi mọi người về hết, rồi chú rình ở ngoài cửa, chú hé mắt nhìn vào kẹt cửa để coi Bụt ăn chuối như thế nào. Chú nhìn giờ này sang giờ khác mà vẫn thấy Bụt không ăn chuối. Lạ quá! Bụt cứ ngồi yên như vậy thôi. Trong đầu, chú tưởng tượng rằng Bụt ngồi yên để khi chùa vắng tanh từ trong ra ngoài, thì Bụt mới bắt đầu nhìn lại xung quanh xem có ai không, rồi mới giơ tay ra bẻ một trái chuối. Thật tình là chú có trông đợi như vậy. Và chú đợi hoài vẫn không thấy Bụt đưa tay ra bẻ trái chuối để ăn. Với chú bé, Bụt là cái tượng bằng gỗ (bằng thạch cao hay bằng đồng) và Bụt có thể ăn chuối được, nhưng phải đợi người ta về hết rồi mới ăn. Sau đó chú được dạy rằng đó chỉ là hình tượng của Bụt, Bụt không phải ở trong chùa, Bụt đang ở xa lắm, ở cõi Tây Phương. Chú mới hỏi: 'Tại sao Bụt lại ở bên đó làm chi xa quá vậy? Tại sao không ở đây mà ở bên đó?' Chú sống trong khung cảnh đó cho đến năm mười hai tuổi mới gặp được tôi để giúp cho chú vượt thoát những hình ảnh Bụt đó. Sau này, chú biết rằng Bụt là ở trong tâm mình, khi nào chú có chánh niệm thì chú tiếp xúc được với Bụt.

Hiện bây giờ ở Trung Quốc và Việt Nam có rất nhiều bà theo đạo Bụt. Mỗi khi có những khó khăn như chồng mê say cờ bạc, hay chồng đi theo người đàn bà khác, thì các bà tới chùa dâng hương, cúng dường, để cầu Bụt làm sao giúp cho chồng mình đừng tiếp tục bài bạc nữa, hoặc cầu Bụt làm sao cho người đàn bà kia buông chồng mình ra. Họ có quan niệm về Bụt như vậy với tâm rất thành kính. Họ không biết rằng Bụt là sự tỉnh thức, là sự hiểu biết, là sự thương yêu. Mỗi khi thấy chồng như vậy, mà nếu các bà khó chịu, nóng nảy, chua chát, trách móc..., thì những ông chồng sẽ càng ngày càng xa lánh, càng đi tìm sự quên lãng nơi bài bạc, hoặc nơi những người đàn bà khác. Họ

https://thuviensach.vn

không biết rằng Bụt có thể có mặt trong giây phút hiện tại, nếu họ biết thở, biết cười, biết hiểu, biết nói lời ái ngữ. Một khi tươi mát, dễ thương, có tuệ giác thì họ có thể làm cho người chồng tỉnh lại và bỏ những đam mê kia mà trở về với họ. Họ không biết tiếp xúc với Bụt thật, mà chỉ biết đi cầu nguyện với Bụt tưởng tượng ở trong họ thôi. Biết bao nhiêu người Phật tử có tín ngưỡng, nhận thức và hành xử như vậy. Ở trong các đạo khác cũng vậy. Họ cầu nguyện: 'Cầu trời ngày mai nắng để con được đi picnic.' Trong khi những người nông dân thì nói: 'Trời nắng lâu nay không có mưa, lúa gần chết hết, con cầu trời ngày mai mưa.' Không biết Thượng Đế sẽ tin vào ai, và làm thỏa mãn ai? Đó là những quan niệm về Thượng Đế, về Bụt, mà ta cần phải chặt đầu.

Gặp Bụt thì giết Bụt, gặp Tổ thì giết Tổ.

Tiếng Hán-Việt là 'phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ'. Đây là câu nói làm rúng động hết cả thế giới. Chỉ có một người giác ngộ, một người vô úy, một người không còn vướng vào danh từ, vướng vào ý niệm mới có thể tuyên bố như vậy. Những người tầm thường không dám nói như vậy.

Gặp A-la-hán thì giết A-la-hán, gặp cha mẹ thì giết cha mẹ, gặp thân quyến thì giết thân quyến, như vậy mới giải thoát được.

Đây là một lời tuyên bố rất kinh khiếp. Bên Trung Hoa, đạo hiếu được coi là đạo căn bản. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, mỗi khi nhà Nho muốn chê bai nhà Phật, luôn luôn họ nói nhà Phật là bất hiếu, tại vì người xuất gia bỏ nhà, bỏ cha, bỏ mẹ, cạo đầu đi tu. Và họ cứ lặp đi lặp lại cái lý luận ấy. Vì vậy bên đạo Phật phải dùng đủ mọi cách để chứng tỏ rằng mình cũng rất có hiếu. Nho giáo đã từng là một lực lượng công kích thường trực đạo Bụt. Có nhiều tác phẩm nói về chuyện báo ân phụ mẫu, điển hình là Báo Phụ Mẫu Ân Kinh là một kinh được sáng tác tại Trung Quốc để đối phó với sự tấn công của Nho giáo. Các vị Tổ bên Trung Quốc ngày xưa đã ngụy tạo ra kinh này. Kinh được viết ở Trung Quốc, nhưng phù hợp với tinh thần đạo Bụt thì cũng được xem như là kinh của Bụt. Các vị Tổ ngày xưa ở

https://thuviensach.vn

Trung Quốc cần có một Kinh như vậy để chống đỡ sự tấn công của Nho Giáo.

Ngay bên Việt Nam đạo Bụt cũng bị tấn công như vậy. Những tác phẩm bằng thơ Nôm nói về Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Nam Hải đều giải thích rằng sự thực tập của những người tu hành cũng là để báo hiếu. Nói người xuất gia bất hiếu là sai. Trong tác phẩm Quan Âm Nam Hải có câu: 'Chân như đạo Phật rất mầu, Tâm trung chữ hiếu niệm đầu chữ Nhân. Hiếu là độ được đấng thân, Nhân là cứu vớt trầm luân mọi loài.' Những câu đầu ấy của Quan Âm Nam Hải đã nói rõ ràng sự thật giáo lý đạo Phật gồm có hai phần: Hiếu và Nhân. 'Tâm trung chữ Hiếu niệm đầu chữ Nhân' tức là trong tâm có chữ Hiếu, mà đầu niệm có chữ Nhân. Bản chất của đạo Bụt là Hiếu và Nhân: Hiếu là độ được đấng thân, Nhân là cứu vớt trầm luân mọi loài. Đi vào truyện Quan Âm Nam Hải ta thấy có khuynh hướng tự vệ, chống lại lý thuyết cho rằng tu hành theo đạo Bụt là bất hiếu. Vì vậy câu nói gặp cha mẹ thì giết cha mẹ của Tổ là rất can đảm.

Có rất nhiều người giận cha giận mẹ, tại vì họ có một ý niệm về cha của họ, về mẹ của họ, và chính ý niệm đó làm cho họ không thể nào gần gũi được với cha mẹ, cảm thông được với cha mẹ. Chỉ khi nào ta nghĩ cha ta là một thực tại nằm ngoài ta, mẹ ta là một thực tại nằm ngoài ta, thì ta mới giận được. Trong khi đó, tuệ giác của đạo Bụt cho thấy rằng cha ta có mặt trong từng tế bào cơ thể ta, mẹ ta có mặt trong từng tế bào cơ thể ta, thành ra ta không thể nào lấy cha ta ra khỏi ta được, ta không thể nào lấy mẹ ta ra khỏi ta được. Nghĩa là ta là sự tiếp nối của cha, ta là sự tiếp nối của mẹ. Cái thấy đó phù hợp với sự thật. Còn nói cha ta là một thực tại khác biệt có ngoài ta, không dính líu gì tới ta, mẹ ta là một thực tại khác biệt có ngoài ta, và cũng không dính líu gì tới ta, thì quan điểm đó là một tri giác sai lầm về cha và về mẹ. Có những người trẻ giận cha giận mẹ cho đến nỗi tuyên bố rằng: 'Tôi không muốn có liên hệ gì với ông đó hết, tôi không muốn có liên hệ gì với bà đó hết.' Nghĩa là họ có một quan niệm về người cha, về người mẹ rất sai lầm. Chính quan niệm sai lầm đó gây cho họ rất nhiều đau khổ, cho nên họ cần phải chặt đứt quan niệm đó, phải lấy quan niệm đó ra. Cái ý của Tổ sâu sắc là như vậy. Những ý niệm của ta về Bụt,

https://thuviensach.vn

về Tổ, về A-la-hán, về cha, về mẹ, về những người thân... có thể rất sai lạc, cho nên ta phải vượt thoát những ý niệm đó.

Như vậy mới giải thoát được. Giải thoát ở đây tức là thoát khỏi những tri giác sai lầm. Ví dụ mình giận thầy. Đệ tử giận thầy là chuyện rất thường. Có nhiều người giận cha tới chùa ở, lâu ngày tưởng thầy cũng là cha, vì giận cha cho nên giận luôn thầy. Những điều ấy là do tri giác sai lầm của mình. Vì vậy 'phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ, phùng A-la-hán sát A-la-hán, phùng phụ mẫu sát phụ mẫu' là sự thực tập để giúp chúng ta vượt thoát những tri giác sai lầm của mình về những ý niệm, về những sự vật và về những thực tại trong ta và xung quanh ta.

Đừng để cho sự vật trói buộc thì ta mới có thể ung dung tự tại.

Giải thoát trước hết là giải thoát ra khỏi những tri giác sai lầm của ta về những sự thật bên ngoài, và về những sự thật bên trong. Ví dụ ta có một quan niệm về ta (ngã), và phần lớn tất cả chúng ta đều có quan niệm sai lầm về bản thân của mình, chính quan niệm sai lầm đó đưa tới nhiều khổ đau.

Trong số các bạn tu bốn phương, chưa từng có một người nào tới đây mà không mang theo một cái gì mà họ đang vướng mắc phải.

Họ tới tay không, nhưng họ mang theo trong người rất nhiều khái niệm, kiến giải, thành kiến. Ít người tới với tư cách của một con người tự do. Người nào cũng có hành lý, toàn là những hành lý làm cho họ nặng nề, làm cho họ đau khổ.

Ông thầy tu núi là tôi đây hễ nhận ra được cái đó thì đánh liền.

Mục đích của Tổ là đánh phá và trị bệnh. Với con mắt sáng, với nhận thức tinh anh, Tổ nhìn là biết ngay người này đang mang theo cái gì, và cái đó nếu không bị đánh vỡ ra thì người đó cũng vẫn chưa vượt thoát được.

Nếu họ diễn tả cái ấy bằng tay thì tôi đánh vào tay, nếu họ diễn tả cái ấy bằng miệng thì tôi đánh vào miệng, nếu họ diễn tả cái ấy bằng mắt

https://thuviensach.vn

thì tôi đánh vào mắt. Chưa có một ai tới mà chứng tỏ được rằng mình có độc lập tự do, tất cả đều vướng vào những cái bẫy sập của cổ nhân giăng ra.

Ta học Phật, ta nghe thuyết pháp, để rồi ta chất chứa những kiến thức: ta có quan niệm về tu học, ta có quan niệm về giải thoát, ta có quan niệm về lý tưởng, về khổ đau... Ta mang theo tất cả những hành lý đó, và ta bị nô lệ cho những hành lý tri thức đó. Tổ nhận xét rất linh mẫn, chỉ cần nhìn, chỉ cần nghe vài điều là biết ngay người này đang kẹt về cái gì. Tôi có cái lỗ mũi rất tốt; nếu có thiền sinh nào trốn trong rừng để hút thuốc rồi ra ngồi trước mặt tôi, là tôi liền biết anh chàng này vừa mới hút thuốc; nếu có một sư chú vừa mới cạo gió bằng dầu cù là ngồi đây, tôi biết sư chú này vừa mới cạo gió bằng dầu cù là; nếu có một sư cô vừa mới nấu canh măng ở dưới bếp lên ngồi đó, tôi biết là sư cô này vừa mới nấu canh măng; nếu có sư chú ba ngày chưa tắm ngồi trước mặt, thì tôi biết rằng sư chú này ba ngày chưa tắm... Không ai có thể thoát khỏi lỗ mũi của tôi được. Cũng vậy, một vị thiện tri thức, một vị thầy phải có khả năng quán cơ. Người tới với ta, ta phải nhìn bằng con mắt quán cơ để thấy được tình trạng của họ. Nếu không thấy được tình trạng của họ, thì ta không đánh phá được, không giúp họ giải thoát được. Mục đích của Tổ không phải là để trao truyền cho người đó một mớ kiến thức. Người ta đã có gông cùm rồi, ta lại đưa thêm một ít gông cùm nữa để cho người ấy mang vô, đó là chuyện mà các thầy hay các thiền sư ngày nay thường hay làm. Phương pháp của Tổ là không hiến tặng, không trao truyền gì cả, chỉ đánh phá cho người kia không còn một manh giáp thì lúc đó người kia mới có thể giải thoát.

Tôi đây, tôi không có pháp nào để hiến tặng cho quý vị cả. Tôi chỉ giúp trị bệnh và cởi trói cho quý vị.

Đọc Lâm Tế Lục mà đi tìm những tư tưởng uyên áo để cất giữ, để thờ phụng là một sai lầm rất lớn. Tất cả những điều Tổ nói đều là gươm, là kiếm, là búa để đánh phá những khối si mê của ta mà thôi. Ta phải học sử dụng Lâm Tế Lục như những cây búa, những thanh gươm,

https://thuviensach.vn

những cái máy cắt cỏ thì ta mới cơ hội vượt thoát được những khổ đau.

Các vị học giả từ các nơi tới, quý vị hãy thử đừng nương tựa vào bất cứ một vật nào xem!

Phải từ bỏ tất cả những kiến thức, những khái niệm, những gì ta đã học hỏi để trở nên một con người tự do.

Tôi muốn bàn bạc với các vị.

Chữ bàn bạc đây, trong nguyên văn là thương lượng.

Từ mười lăm năm nay, tôi thực sự chưa gặp được một (con) người, chỉ gặp toàn những hồn ma nương tựa vào tre vào gỗ, vào cỏ vào lá, những con chồn hoang tinh mị đang gặm nhấm loạn xạ trên những đống phân.

Ghê không! Họ chỉ đi ăn phân thôi, không có gì hay ho hết.

Thật là những bọn mù. Họ chỉ làm uổng phí những phẩm vật cúng dường của tín thí mười phương. Kiến giải của họ nghèo nàn như thế đó, vậy mà họ cứ tuyên bố: 'Chúng tôi là những người xuất gia'.

Rõ ràng những câu này Tổ đang nói với giới đầu trọc. Thật ra những người này không phải là họ không có tâm tu học. Họ có tâm tu học muốn xuất gia, nhưng vì không biết cách nên họ bị lường gạt. Suốt ngày, suốt năm, suốt tháng, họ chỉ tìm cách chạy theo để kiếm chác những kiến thức này kia. Điều này chúng ta thấy có xảy ra ở Việt Nam cũng như ở những nơi khác.

Phần lớn những người xuất gia đang đi kiếm chác những kiến thức để sau này làm ăn. Làm ăn với tư cách một vị thiền sư, một vị đạo sư, hay một vị giám đốc học viện. Vấn đề xuất gia tu học không phải để chứa chấp kiến thức, mà là buông bỏ những tri giác sai lầm. Vấn đề không phải là bỏ vô mà là lấy ra. Xuất gia có nghĩa là buông bỏ, nhưng trong chúng ta phần lớn không phải là buông bỏ mà là đi tom góp, tuy không tom góp những của cải vật chất mà tom góp những kiến thức mà họ nghĩ là cần phải có để sau này có thể đi làm ăn được.

https://thuviensach.vn

Học kinh với thái độ đó, thì kinh trở thành ra thuốc độc. Đọc Lâm Tế Lục với thái độ đó, thì Lâm Tế Lục trở thành ra thuốc độc. Trong khi đó, Lâm Tế Lục có phận sự giải độc, có mục đích đập phá và cởi trói. Nhiều khi những tư tưởng, những lời nói chưa đủ, có lúc phải dùng tới tiếng hét, có lúc phải dùng tới gậy mới trị nổi thái độ và thói quen đó.

Tôi muốn nói với quý vị rằng không có Bụt, không có Pháp, không có Tu cũng không có Chứng.

Đứng về phương diện lý luận hình thức, câu này rất buồn cười. Ông là người xuất gia theo đạo Bụt, đang ở chùa và dạy Phật pháp, mà ông dám nói là không có Bụt, không có Pháp, không có tu, không có chứng, thì ông ngồi thiền để làm cái gì? Đứng về phương diện hình thức mà nói không có Bụt, không có Pháp, không có tu, không có chứng thì không được. Nhưng chúng ta phải vượt qua lý luận hình thức để thấy rằng đây là những cơ quyền (expedient), những phương tiện quyền xảo để đánh phá; Bụt như vậy thì không nên có Bụt; Pháp như vậy thà đừng có Pháp; tu như vậy thì đừng nên tu; như vậy mà gọi là chứng thì thà không có chứng. Tại vì tất cả những cái ấy là gông cùm. Bụt là một khái niệm, Pháp là một khái niệm, tu là một khái niệm, chứng là một khái niệm. Cho nên mới nói là 'vô tu vô chứng'. Khi ta nói 'Bụt là lá chín, pháp là mây bay' thì câu nói cũng mang ý nghĩa như vậy. 'Bụt đang ngồi trong thiền đường đó không phải là Bụt. Anh ra ngoài vườn với tôi, cùng nhìn vào chiếc lá mùa thu chín vàng, anh sẽ thấy có Bụt trong ấy.' Đó cũng là cách nói theo đường hướng của Tổ Lâm Tế, nhưng nhẹ nhàng và thi ca hơn.

Bụt là lá chín
Pháp là mây bay
Tăng thân khắp chốn
Quê hương nơi này

Thấy được như vậy là giải thoát ngay trong giây phút hiện tại.

https://thuviensach.vn

Quý vị đi tìm cầu cái gì từ nơi người khác? Quý vị thiếu thốn cái gì? Đừng làm như những kẻ đui mù, trên cái đầu của mình lại muốn đặt thêm một cái đầu khác.

Bụt, Pháp, Tu, Chứng, đều có sẵn trong người anh, anh đem mấy hình nộm đó nhét vô đầu chỉ thêm chật phần kiến thức. Chỉ cần anh trở về trong giây phút hiện tại, thì anh tiếp xúc được Bụt, Pháp, Tu, Chứng trong từng giây phút. Đã có đầu muốn đặt thêm đầu là như vậy.

Này các bạn tu, trong giờ phút này, cái diệu dụng của quý vị không khác gì cái diệu dụng của Tổ của Bụt cả.

Chỉ cần trong một niệm ta có thể ngồi như một vị Bụt, ngồi như một vị Tổ, tự do chiếu tỏa được mười phương thế giới, thì ta thấy tất cả đều nằm trong mỗi niệm của ta.

Chỉ vì quý vị không có niềm tin cho nên quý vị mới đi tìm cầu bên ngoài. Đừng có lầm lẫn. Không có pháp nào ở ngoài để tìm, không có pháp nào ở trong để đạt.

Đây là giáo lý Vô nguyện, Vô tác.

Chi bằng nên nghe lời tôi, hãy nghỉ ngơi đi và thực tập làm một người vô sự.

Nghỉ ngơi đây tức là dừng lại (stop); dừng lại sự bôn ba đi tìm (stop seeking), không đi tom góp kiến thức khái niệm nữa. Nghỉ ngơi đây không có nghĩa là đừng đi ngồi thiền, đừng đi pháp đàm, đừng nấu ăn. Phải hiểu như vậy. Nếu không, tội cho Tổ, cho Thầy.

Cái gì đã phát khởi, đừng để cho nó tiếp tục; cái gì chưa phát khởi, đừng để cho nó phát khởi.

Câu này phải hiểu trong văn mạch của nó. Tức là tri giác sai lầm nào đã phát khởi, phải để cho nó dừng lại; tri giác sai lầm nào chưa phát khởi, đừng để cho nó phát khởi. Tại vì chúng ta đã có những hạt giống tri giác sai lầm trong người.

Làm được như thế còn có giá trị hơn mười năm đi hành cước.

https://thuviensach.vn

Hành cước tức là đi đó đi đây tìm thầy học đạo; tới thầy này ở ba tuần hay nửa tháng, rồi chạy đi tìm thầy khác. Số người đi tìm thầy học đạo (hành cước) rất nhiều. Đi cho mòn hết đôi giày này tới đôi giày khác, chi bằng ngồi yên làm người vô sự. Người vô sự là người không để cho tri giác sai lầm phát khởi, và khi nó phát khởi rồi thì biết ngưng nó lại. Làm được như vậy Tổ cho là có giá trị hơn mười năm đi hành cước.

Theo cái thấy của tôi thì quý vị có cần phải làm gì đâu, chỉ nên sống cho bình thường thôi. Hãy mặc áo, ăn cơm, ngày này qua ngày khác làm một người vô sự.

Bình thường này là diệu dụng, là phép lạ. Chỉ cần đi, chỉ cần đứng, chỉ cần nằm, chỉ cần ngồi, chỉ cần nấu cơm, chỉ cần bửa củi, chỉ cần giã gạo, chỉ cần uống nước, gánh nước..., tất cả những cái đó đều là phép thần thông. Trong khi làm những việc ấy mà có niệm, định, tuệ, thì nó sẽ đưa lại hạnh phúc rất nhiều. Sống như Bụt như Tổ, điều ấy ta có thể làm được. Ta đã được trao truyền những phương pháp, tại sao ta không sống an lạc hạnh phúc ngay bây giờ mà còn đi tìm gì nữa? Sống bình thường là sống với niệm, với định, với tuệ. Nấu bếp cũng hạnh phúc mà rửa chén cũng hạnh phúc; đi bộ từ liêu xá ra thiền đường cũng hạnh phúc mà quét dọn trong thiền đường cũng hạnh phúc. Đừng hấp tấp. Đừng muốn làm cho xong để làm việc khác. Mỗi giây phút của đời sống hằng ngày là một châu báu, ta phải làm sao sống cho được hai mươi bốn giờ đồng hồ trong tinh thần ấy. Nói pháp, nghe pháp, tụng kinh, ngồi thiền.. tất cả đều mầu nhiệm, ta phải tận hưởng những giây phút ấy. Phải là người tự do ta mới làm được như vậy. Nếu ta vẫn còn thao thức, bồn chồn, vẫn muốn đi tìm kiếm trong tương lai hoặc ở một nơi nào khác, thì ta vẫn chưa có tự do. Chưa có tự do, thì ta không thể sống đời sống bình thường như một vị Bụt hay một vị Tổ. Đói ăn, khát uống, nấu cơm, giặt áo, quét nhà, lau bàn, tất cả những thứ ấy đều là phép thần thông; mỗi khi đi, mỗi khi ngồi đều thể hiện thần thông; ngồi là ngồi trên một đóa sen (liên hoa tọa), chứ không phải ngồi trên đống than hồng. Ta đi như con voi chúa, đi những bước rất uy nghi, dũng mãnh. Những điều ấy ta có thể làm được ngay bây giờ, không phải đợi đến ngày mai.

https://thuviensach.vn

Các vị từ bốn phương tới đây đều nghĩ rằng mình là những người có tâm cầu Bụt, cầu Pháp, cầu giải thoát, cầu ra khỏi ba cõi. Đồ ngu. Ra khỏi ba cõi thì quý vị đi đâu?

Chúng ta thường lãi nhải rằng: 'Ba cõi không yên, giống như căn nhà đang bốc cháy, phải tìm cách ra khỏi ba cõi liền.' Đồ ngu! Ra khỏi ba cõi thì quý vị đi đâu? Đi đâu? Tại vì ba cõi là sáng tạo phẩm của tâm thức. Khi có một niệm tham dục khởi lên, thì ta đang ở dục giới. Nếu tâm ta thanh tịnh, thì ngay đây là Tịnh Độ. Ba cõi là đây, ra khỏi nơi này thì anh đi đâu? Trái đất của ta đẹp như vậy mà bỏ đi, thì ta đi đâu? Cho nên Tổ quở ta ngu là rất đúng. Nếu thấy ở đây có nhiều đau khổ quá, ta muốn dời bỏ chỗ này để đi đến chỗ khác, thì ta cũng là 'đồ ngu'. Tất cả những tín hữu Ki-tô, hay tất cả những tín đồ Phật giáo, có ý muốn từ bỏ trái đất này để đi tới cõi thiên đường, cõi Tịnh Độ, đều bị Tổ cho là đồ ngu. Nếu anh nghĩ thiên quốc là cái gì nằm ngoài cái giây phút hiện tại, thì anh là đồ ngu; nếu anh nghĩ Tịnh Độ chỉ có ở phương Tây chứ không có ở đây, thì anh cũng là đồ ngu. Tổ nói rất rõ. Có thể từ khi Bụt nhập diệt cho đến bây giờ, chưa có thầy nào nói rõ và đơn giản như vậy. Anh muốn ra khỏi ba cõi (tam giới) hả? Đồ ngu. Ra khỏi ba cõi thì anh đi đâu? Hai chữ đồ ngu này rất dễ thương, không phải là lời nhục mạ ta mà là lời của người cha nói với người con, thầy nói với trò. Rất là thân ái: 'Đồ ngu.'

Bụt và Tổ đều là những danh từ mà người ta ưa thích, để người ta sử dụng mà trói buộc chính mình.

Đúng như vậy! Bụt và Tổ trước hết là những danh từ, những khái niệm. Ta dùng những danh từ, những khái niệm để trói buộc ta, trong khi đó ta không sống được với thực tại của Bụt, của Tổ đang sờ sờ trước mặt. Bụt không nói rằng 'tôi là Bụt', Pháp không nói rằng 'tôi là Pháp'. Ta đặt ra những cái tên để kêu, mà ta không tiếp xúc được với thực tại của Bụt và của Pháp. Cũng như con cá đang bơi trong nước, đang sống nhờ nước, mà cứ đi tìm nước và gọi: 'Nước ơi, nước ơi! Sao nước không tới với tôi?' Cái ngu của ta cũng giống như vậy.

https://thuviensach.vn

Quý vị có biết ba cõi là gì không? Ba cõi chính là đất tâm của chính quý vị, những người trong giây phút này đang ngồi đây nghe pháp. Một niệm tham dục của quý vị phát khởi, đó là dục giới. Một niệm sân hận của quý vị phát khởi, đó là sắc giới. Một niệm nghi ngờ của quý vị phát khởi, đó là vô sắc giới.

Chất liệu làm ra tam giới là tham, sân, si. Khi ta để cho chất liệu tham, sân, si phát khởi là ta đang ở trong tam giới. Khi ta để cho chất liệu của từ bi, hiểu biết phát khởi thì ta không còn trong tam giới nữa, mà ta đang ở Tịnh Độ, không cần phải sử dụng xe buýt hay máy bay để đi đâu cả.

Ba cõi không bao giờ tự nói rằng 'chúng tôi là ba cõi'. Chính quý vị đang có mặt tại đây với cái tinh minh sáng chói chiếu rõ muôn vật, chính quý vị là người ước lượng thế giới và cho ba cõi mỗi cõi một cái tên.

Chúng ta đặt tên cho tất cả mọi vật. Ví dụ như Hỏa tinh. Nó đâu có nói: 'Tôi là Hỏa tinh, anh phải gọi tôi là Hỏa tinh.' Tại ta đặt cho nó cái tên là Hỏa tinh vậy thôi. Bông hồng đâu có nói: 'Tôi là bông hồng.' Cái bông này màu vàng rõ ràng mà ta đặt tên cho nó là bông hồng. Ta có những khái niệm, những danh từ, rồi ta làm nô lệ cho khái niệm và danh từ của chính ta. Trong khi đó, ta không sống với thực tại mầu nhiệm, và ta chính là cái thực tại mầu nhiệm đó. Ta không biết ta là Bụt, ta là Tổ, ta là thiên quốc, ta là Tịnh Độ, ta là cái bất sinh bất diệt. Bụt, Tổ không phải là danh từ Bụt, danh từ Tổ, mà là cái thực chất của Bụt và Tổ ở trong ta.

Này các vị đại đức! Sắc thân bốn đại này là vô thường, kể cả tỳ, vị, gan, mật, tóc, lông, răng, móng. Nếu nhìn vào, ta chỉ thấy tướng Không của các pháp.

Trong Đại Tạng Kinh, có những kinh dạy chúng ta quán chiếu về hình hài của mình, tiêu biểu nhất là kinh Niệm Thân (The contemplation of the body). Khi quán chiếu về hình hài, ta thấy bốn đại (mahabhuta) tức là bốn yếu tố: đất, nước, gió và lửa; khi nhìn vào cơ thể, ta thấy bốn đại trong thân cũng là bốn đại ở ngoài thân; ta cũng có thể thấy

https://thuviensach.vn

được sự giao lưu giữa bốn đại trong cơ thể và ngoài cơ thể. Yếu tố đất tượng trưng cho sự rắn chắc, yếu tố gió tượng trưng cho sự lưu động, yếu tố lửa tượng trưng cho sức nóng (hơi ấm), và yếu tố nước tượng trưng cho sự lưu nhuận thấm vào. Bốn đại trong thân đứng vững được nhờ có bốn đại ở ngoài thân.

Trong tác phẩm 'Trái tim mặt trời', tôi có viết một đoạn như sau: 'Mình nghĩ rằng mình có một trái tim ở trong cơ thể, và nếu trái tim đó ngưng đập một cái, thì mình chết liền lập tức. Nhưng nếu mình nhìn ra ngoài cơ thể, thì mình thấy mình có những trái tim ở bên ngoài cơ thể. Ví dụ như mặt trời ở trên hư không, nó cũng là trái tim của mình. Nếu mặt trời đó đứng lại, nghĩa là nó tắt đi, thì mình cũng chết liền lập tức, giống như trái tim ở trong cơ thể.' Vì vậy cuốn sách đó có tên là 'Trái tim mặt trời'. Trong người ta có hai lá phổi, và ta không biết rằng ngoài cơ thể ta cũng có những lá phổi. Ví dụ những rừng cây. Nếu không có những rừng cây đó thì làm sao ta có dưỡng khí để thở? Vì vậy rừng cây là lá phổi của ta. Trong các thành phố lớn, thành phố nào cũng có một công viên, tại vì dân chúng trong thành phố rất cần cây xanh, nếu không có cây xanh thì không có dưỡng khí để thở. Công viên lớn là lá phổi của dân thành phố, vậy cho nên có lá phổi bên trong và có lá phổi bên ngoài. Máu luân lưu trong huyết quản của ta là những dòng sông li ti, ở ngoài cũng có những dòng sông, dòng suối. Vì vậy ta thấy được cơ thể của mình không phải chỉ ở trong cơ thể mà thôi, ta cũng thấy được cơ thể của mình ở bên ngoài cơ thể nữa. Có câu thơ 'thân ngoại phi thân, khước thị thân", nghĩa là những cái ta nghĩ không phải thân (phi thân), những cái nằm ở ngoài thân cũng là thân của ta (khước thị thân).

Pháp thiền quán của đạo Bụt gồm có bốn đối tượng, hay là bốn lĩnh vực (Tứ Niệm Xứ). Lĩnh vực đầu của sự quán chiếu (object of contemplation) là quán thân; lĩnh vực thứ hai là quán thọ (những cảm giác, cảm xúc); lĩnh vực thứ ba là quán tâm (bao gồm những tâm hành); lĩnh vực thứ tư là quán pháp, tức là đối tượng của tâm. Tất cả là đối tượng của tâm. Tâm là khả năng nhận thức. Mây, trời, cây cối, chúng sanh, và bản thân của ta đều là đối tượng quán chiếu của tâm. Thiền tập là nhìn sâu vào bốn lĩnh vực: thân, thọ, tâm, pháp. Và ta chỉ

https://thuviensach.vn

cần nhìn vào thân là có thể thấy thọ, tâm và pháp. Bốn lĩnh vực này chứa đựng lẫn nhau, gọi là tương tức. Bốn đại cũng vậy. Trong đất có nước, có lửa, có không khí; trong lửa cũng có ba yếu tố kia. Khi đốt lên cây đèn cầy, chúng ta thấy sáp, bấc, tim đèn, ngọn lửa. Chúng ta không thấy nước. Nhưng nhìn cho kỹ, ta sẽ thấy trong khi cây đèn cầy cháy, nó làm ra nước. Chính ta cũng vậy. Mỗi khi thở ra, hơi thở ra của ta đầy nước. Chỉ cần đứng ở cửa kính hà hơi một cái, ta thấy hơi nước đọng lại đầy trên khung kính. Vì vậy trong mỗi một đại đều có chứa đựng ba đại kia.

Này các vị đại đức! Sắc thân bốn đại này là vô thường kể cả tỳ, vị, gan, mật, tóc, lông, răng, móng.

Khi quán chiếu về thân, ta phải đi ngang qua ba mươi sáu yếu tố thuộc về thân. Nhìn sâu vào trong tự tánh của các hiện tượng đó, ta phát kiến ra được bốn đại và các hiện tượng sinh lý đó đều có tánh Không. Không ở đây có nghĩa là không thể tự mình có mặt được, cái gì cũng phải nương tựa trên những cái khác mới có thể tồn tại. Ví dụ bông hồng. Bông hồng không thể tự mình có mặt được nếu không có những yếu tố khác như đất, nước, gió, lửa, và ánh sáng mặt trời. Vì vậy khi nhìn vào bông hồng, nếu ta thấy được tất cả những yếu tố kia thì ta mới thật là thấy bông hồng. Còn nhìn bông hồng mà không thấy được những yếu tố đó thì ta chưa thật thấy bông hồng. Ví dụ khi ta nhìn sư cô Trang Nghiêm mà ta không thấy ba má, thầy, bạn, trường học, đất nước, Tổ tiên... của cô, thì ta chưa thật sự thấy sư cô Trang Nghiêm. Đó là tánh Không của sư cô Trang Nghiêm. Có nghĩa là sư cô Trang Nghiêm không thể nào tự mình mà có mặt. Các pháp phải nương vào các duyên trong không gian và trong thời gian mới có thể biểu hiện được, không có vật nào tự mình tồn tại độc lập được, đó gọi là tánh Không của vạn pháp.

Khi quý vị ngưng lại được mọi ý niệm thì đó đã là cội Bồ Đề.

Ý niệm ở đây có nghĩa là những ý tưởng, những khái niệm, những tri giác. Câu này nhắc tới danh từ 'vô niệm' mà trong nhà thiền thường sử dụng. Niệm có nhiều nghĩa. Niệm, trước hết có nghĩa là một đơn vị

https://thuviensach.vn

thời gian rất ngắn. Một sát na là chỉ cho thời gian. 'Niệm niệm bất đình' tức là không có lúc nào ngưng lại. Và nghĩa thứ hai của niệm là nhớ nghĩ, có ý thức. Đó là niệm của chánh niệm (mindfulness). Nghĩa thứ ba của niệm là quan niệm hay ý niệm (idea, notion, perception). Vậy thì niệm theo nghĩa thứ ba là tà niệm (niệm xấu), tức là những ý tưởng của ta chứa chất những sai lầm. Ví dụ khi nhìn một người hay một vật mà ta không thấy được tự tánh tương tức và duyên sinh của người đó hay vật đó, thì niệm của ta là một tri giác sai lầm. Và tri giác sai lầm đó đưa đến những khổ đau. Khi nhìn đứa con mà không thấy cha mẹ trong đứa con và nghĩ đứa con đó là một thực thể độc lập có ngoài cha mẹ nó, thì đó là một tà niệm, một vọng niệm, một nhận thức điên đảo (up side down). Những ý tưởng sai lầm đó gọi là tri giác sai lầm, đó là nền tảng của khổ đau. Nhìn vào một bông hồng, ta nghĩ bông hồng đó không phải là mặt trời, không phải là đám mây, không phải là đại địa, không phải là ánh sáng, nó có thể tồn tại độc lập với những thứ ấy, thì đó là một vọng niệm. Chánh niệm đưa tới tri giác đứng đắn, còn vọng niệm đưa tới tri giác sai lầm.

Ví dụ như niệm về sống và chết. Nếu ta nói sinh là từ không mà trở thành có, đó là niệm sinh (sống). Còn từ có mà trở thành không, đó là niệm tử (chết). Đó là những ý niệm (idea) không phù hợp với thực tại. Ta sống với những ý niệm (idea) như vậy thì ta còn khổ hoài. Cho nên vấn đề là dứt niệm, giết vọng niệm, và thực tập vô niệm. Bất cứ một tư tưởng nào, một ý niệm nào, một nhận thức nào, mà chứa đựng tính thường và tính ngã, thì đều là vọng niệm. Vô niệm nghĩa là vượt ra khỏi những khái niệm, đừng có tri giác sai lầm. Vô niệm không có nghĩa là đừng suy nghĩ, đừng nhận thức nữa; vô niệm có nghĩa là không bị những sai lầm về thường và về ngã lừa gạt. Nếu nhìn kỹ vào các pháp, ta sẽ thấy tướng Không của các pháp. Thấy được tướng Không của các pháp là đạt được vô niệm, ta chấm dứt được các vọng niệm. Khi quý vị ngưng lại được mọi ý niệm (nguyên văn là 'nhất niệm tâm hiếp đắc xứ') thì đó đã là cội Bồ Đề. Bồ Đề, giác ngộ, nằm ở chỗ vô niệm. Nhìn vào người con thì thấy được cha mẹ, Tổ tiên và con cháu trong người đó. Thấy được như vậy là vượt thoát được ý niệm về thường, về ngã. Cái thấy ấy là vô niệm. Còn nếu thấy con là kẻ thù

https://thuviensach.vn

của cha, con có thể tồn tại độc lập ngoài cha, ngoài mẹ, thì đó là vọng niệm. Đây là pháp Không quán. Thấy được tướng Không của các pháp là dừng lại được mọi ý niệm, đạt tới vô niệm. Đó là cội Bồ Đề. Bồ Đề không cần phải đi tìm xa, nó nằm ngay trong cách nhận thức của mình. Ví dụ mình nói 'tương lai Thầy sẽ tịch', đó là một vọng niệm. Nói như vậy là vì mình đang bị kẹt vào ý niệm có và ý niệm không. Nếu thấy được tính Không của Thầy, thấy được Thầy nằm ngoài ý niệm sống và chết, thì lúc đó là ta vô niệm. Có vô niệm thì hạnh phúc rất lớn, ta không còn lo lắng, không còn sầu khổ nữa.

Nếu ý niệm mà chưa ngưng được thì đó là cây vô minh.

Bồ Đề hay vô minh là tùy theo cách nhìn của ta. Quan trọng là trong đời sống hằng ngày ta phải tập nhìn bằng con mắt vô niệm. Ta có hai con mắt, hai lỗ tai, một cái đầu, tại sao ta không sử dụng để phải bị kéo đi ? Nhìn một cọng rau, một tờ lá, một đám mây, một người sư em, tại sao ta không sử dụng tuệ giác 'vô thường vô ngã' trong khi nhìn? Khi nhìn với tuệ giác 'vô thường vô ngã' thì ta không bị tà niệm kéo đi, và ta sống trong cội Bồ Đề. Còn nếu ta cứ dùng mắt chúng sinh để nhìn, mà không chịu nhìn bằng con mắt Bụt trao cho ta, thì ta sống với cây vô minh. Sống đời sống hằng ngày ta có thể chọn: cội Bồ Đề hoặc cây vô minh. Sống với cây vô minh thì ta đau khổ hoài, còn sống với cội Bồ Đề thì ta có nhiều hạnh phúc. Tại sao ta không chịu chọn cội Bồ Đề?

Vô minh không có chỗ ở, không có thỉ chung, nếu quý vị không ngưng được tâm ý thì quý vị sẽ leo lên cây vô minh, đi vào sáu nẻo, chui qua bốn cách thọ sinh để mang lông và đội sừng.

Chúng ta không phải đợi tới tương lai mới mang lông đội sừng, mà có thể mang lông đội sừng ngay trong giây phút hiện tại. Bốn cách thọ sinh là thai, noãn, thấp và hóa. Thai là sinh ra bằng con đường thai nhi; noãn là sinh ra bằng con đường trứng; thấp là sinh ra bằng sự ẩm ướt; hóa là sinh ra bằng sự hóa sinh. Ví dụ như con sâu hóa thành con bướm, con bướm được gọi là hóa sinh. Con bướm đẻ trứng, trứng thành ra con sâu; con sâu được gọi là noãn sinh. Còn thấp sinh là do

https://thuviensach.vn

ẩm ướt mà sinh ra. Nếu sống trong u mê (vô minh), ta sẽ bị sinh ra thành những loài đau khổ ngay trong giờ phút hiện tại như con bò, con trâu. Nếu sống trong Bồ Đề, ta được sinh thành Bụt, Bồ-tát, Tổ, và ta có hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại. Ta là con bò, hay ta là Bụt, là Tổ trong giây phút hiện tại là bằng cách sống của ta.

Có mười giới (cõi) hay mười lĩnh vực: Trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thanh văn, duyên giác, Bồ-tát, Bụt. Giống như có mười đài truyền hình. Đài thứ nhất là Bụt, đài thứ hai là Bồ-tát..., đài thứ chín là quỷ đói (ngạ quỷ), đài thứ mười là địa ngục. Bấm đài nào của máy truyền hình thì hiện ra đài đó. Tâm của ta cũng như cái máy truyền hình, tùy ta lựa chọn. Ta muốn sinh ra trong cõi nào cũng được, ngay trong giây phút hiện tại. Nếu muốn làm quỷ đói thì ta bỏ thầy, bỏ huynh đệ mà đi lang thang; nếu muốn vào địa ngục, ta cứ nổi tam bành lục tặc. Ta có mười đài, ta bấm vào đài nào thì đài đó phát hiện, có phải vậy không? Muốn làm quỷ đói thì cứ làm, không ai cấm ta cả. Muốn làm Bụt ngồi trên tòa sen mỉm cười thì cứ làm, không ai cấm ta cả. Không có một trở ngại nào hết! Mỗi ngày ta có vô số cơ hội để làm Bụt ngồi trên tòa sen mà có thể ta không chịu làm. Vua Trần Thái Tông có bài thơ:

Nhà Bụt thênh thang không chịu ở
Đêm đêm ngủ đỡ chốn bờ lau.

Nhưng nếu quý vị ngưng được thì quý vị đạt ngay tới thế giới của Pháp thân thanh tịnh.

Ngưng ở đây là ngưng được mọi vọng niệm, không leo lên cây vô minh, không đi vào sáu nẻo (lục đạo), không chui qua bốn cách thọ sinh để mang lông và đội sừng.

Đạt được trạng thái một niệm không sinh (nhất niệm bất sinh) thì quý vị leo lên được trên cây Bồ Đề, biến hóa thần thông trong ba cõi, sử dụng Hóa thân sinh ra từ ý (ý sinh thân), đạt được hoa pháp hỷ và thiền duyệt, hào quang nơi thân sẽ bắt đầu tự chiếu, nghĩ tới cái mặc thì sẽ có ngàn muôn lớp áo gấm sa, nghĩ tới cái ăn thì sẽ có đầy đủ

https://thuviensach.vn

hàng trăm hảo vị và quý vị sẽ không bao giờ lâm vào các chứng bệnh ngặt nghèo.

Những điều Tổ nói đây không phải là những mơ tưởng trong tương lai. Nếu ta leo được lên cây Bồ Đề thì tất cả những điều đó đều là hiện thực. Ta có thể biến hóa thần thông trong ba cõi ngay trong giây phút hiện tại. Ta có thể đi vào cõi dục, đi ra cõi sắc, đi vào cõi vô sắc ngay trong giây phút hiện tại. Tại vì ba cõi nằm ở trong tâm. Mỗi khi có một tâm niệm vướng mắc, một tâm niệm tham đắm, một tâm niệm đam mê hay thèm khát, thì ta đi vào cõi dục. Vì vậy ba cõi có mặt trong giây phút hiện tại. Nếu ta có tự do thì biến hóa thần thông, ra vào trong ba cõi mà không hề bị ngăn ngại.

Sử dụng Hóa thân sinh ra từ ý. Nguyên văn là 'ý sinh thân'. Đó là những thân của ta được phát sinh ra từ ý của ta. Muốn làm Bụt thì hãy ngồi xuống cho thật thảnh thơi, nhẹ nhàng, giải thoát như ngồi trên tòa sen; muốn sinh ra thân Bồ-tát hay thân ngạ quỷ thì ta sinh được liền, bởi vì tất cả đều do ý mà sinh ra.

Đạt được pháp hỷ và thiền duyệt. Pháp hỷ và thiền duyệt là những thực phẩm hằng ngày của người tu. Người tu có thể ăn bánh bao hay spaghetti, nhưng người tu cũng có thể tự nuôi dưỡng bằng niềm vui của pháp và thiền. Pháp hỷ là niềm vui do sự thực tập giáo pháp mà có. Ví dụ như trong lúc nghe pháp thoại ta có niềm vui, đó là ta đang ăn pháp hỷ. Thiền duyệt là niềm vui của thiền tập. Mỗi khi ngồi thiền ta phải hưởng được sự an lạc. Còn nếu ngồi thiền mà đầu gục lên gục xuống thì không thể có thiền duyệt; khi đi thiền có hạnh phúc là có thiền duyệt; khi nấu cơm trong chánh niệm thì cũng có thiền duyệt. Người tu phải biết ăn những thức ăn đó, đừng chỉ biết có ăn bánh bao, hủ tiếu hay spaghetti mà thôi. Mỗi ngày ta phải được ăn niềm vui của pháp và của thiền. Trong nghi thức cúng cơm hằng ngày, chúng ta có bài kệ :

Khi dùng cơm này
Nguyện cho chúng sinh
Đầy đủ niềm vui

https://thuviensach.vn

Thức ăn thiền pháp
Trong nguyên văn chữ Hán:
Nhược phạn thực thời
Đương nguyện chúng sinh
Thiền duyệt vi thực
Pháp hỷ sung mãn.

'Thiền duyệt vi thực', tức là lấy hạnh phúc của sự thiền tập làm thức ăn, và 'pháp hỷ sung mãn' là niềm vui của sự thực tập pháp cũng tràn đầy. Chúng ta đừng làm người chết khát bên bờ sông. Chúng ta phải biết chế tác ra thiền duyệt và pháp hỷ mỗi ngày để làm thức ăn. Người tu mà không có thiền duyệt và pháp hỷ để ăn mỗi ngày thì người tu đó sẽ héo hon, buồn rầu, khóc lóc và đòi bỏ đi. Thành ra mỗi sư cô, mỗi sư chú phải tự hỏi mình: Ngày hôm nay mình có được ăn thiền duyệt và pháp hỷ hay không? Nếu không thì ta là người đang chết khát bên bờ sông. Sông thì nước rất nhiều, nhưng ta không có khả năng uống, tại vì cổ họng ta bé nhỏ như cây kim. Vậy mà ta nói là ở đây không có nước.

Đạt được pháp hỷ và thiền duyệt, hào quang nơi thân sẽ bắt đầu tự chiếu.

Thân ta có thể phát ra điện, phát ra hào quang. Điều này rất rõ ràng. Khoa học đo được hào quang phát ra từ thân ta. Khi ta sống có chánh niệm, có thiền duyệt, chung quanh ta rạng rỡ hào quang. Chánh niệm là điện, là hào quang của ta. Ta đi thiền hành có chánh niệm, có hạnh phúc, ta sẽ tỏa ra hào quang của chánh niệm, của an lạc. Người nào thấy ta đi như vậy, thì hào quang của ta chạm vào người đó, và người đó sẽ nói: 'Ta phải đi như vậy!' Người đó liền trở về giây phút hiện tại, và cũng bước những bước chân chánh niệm như vậy. Mỗi khi ta ngồi, ta đi, ta làm việc trong chánh niệm là ta đang phóng hào quang. Đừng tưởng rằng người phóng hào quang chỉ là Bụt và Bồ-tát mà thôi.

Trong đời sống hằng ngày, ta có thể tỏa chiếu hào quang chánh niệm, tỏa chiếu thiền duyệt, tạo ảnh hưởng tốt đến những người chung

https://thuviensach.vn

quanh. Sa di (ni), tỳ kheo (ni), Bồ-tát, người tập sự (aspirant) để xuất gia... người nào cũng đều có thể tỏa chiếu hào quang cả. Ta tỏa chiếu hào quang trong mỗi một động tác: mắt nhìn trời xanh, tay nâng tách trà, chân cất bước... tại vì ta có chánh niệm. Chánh niệm là năng lượng của Bụt, năng lượng của sự giác ngộ. Tổ nói ta có thể có được thần thông diệu dụng ngay trong giây phút hiện tại.

Nghĩ tới cái mặc thì sẽ có ngàn muôn lớp áo gấm sa, nghĩ tới cái ăn thì sẽ có đầy đủ hàng trăm hảo vị và quý vị sẽ không bao giờ lâm vào các chứng bệnh ngặt nghèo.

Cố nhiên, sống được như vậy thì làm gì bị những bệnh hiểm nghèo như bệnh sida, bệnh trầm cảm hay bệnh tuyệt vọng; ăn cái gì cũng thấy ngon, cũng là cao lương mỹ vị; mặc chiếc áo nâu bạc màu cũng thấy như áo gấm sa..., ta không ham muốn gì những nhung lụa ngoài đời, không có gì là ta không có được trong giây phút hiện tại.

'Bồ Đề không có chỗ ở (trú xứ) vì vậy cho nên gọi nó là Vô đắc.'

Đây là một câu trích trong kinh Duy Ma Cật: Bồ Đề vô trú xứ. Đây đúng là tinh thần đốn ngộ. Ta không cần phải tu hằng hà sa số kiếp mới có thể làm được như vậy. Nếu ta an trú được trong hiện tại, đưa chánh niệm vào đời sống hằng ngày, sử dụng tâm sáng chói để nhìn, để tiếp xúc với vô thường, vô ngã, Niết Bàn, thì tất cả những phép lạ có thể thực hiện được ngay trong giờ phút hiện tại. Không có cái lạc quan nào lớn hơn cái lạc quan này, không có tin mừng nào lớn hơn tin mừng này: Anh là Bụt, chị là Bụt, em là Bụt, cháu là Bụt, ta nên làm Bụt ngay trong giây phút hiện tại; ta có đủ điều kiện để làm như vậy, đừng đi tìm cầu ở tương lai, đừng đi tìm cầu ở chỗ khác.

Này các bạn tu, là bậc đại trượng phu (con người lớn), các vị còn nghi ngờ gì nữa? Cái diệu dụng đang xảy ra trong giờ phút hiện tại, đó là ai vậy? Nắm được nó để sử dụng, và đừng bị kẹt vào danh tự, cái đó gọi là huyền chỉ (tông chỉ huyền diệu). Ai thấy được như thế, kẻ ấy không còn bị một cái gì làm trở ngại. Người xưa nói: 'Tâm tùy vạn cảnh mà đổi thay, và cái đổi thay này đâu có gì là lạ? Hãy tùy theo sự

https://thuviensach.vn

thay đổi ấy mà nhận ra tự tánh của mình, nhận ra được rồi thì vượt thoát cả mừng lẫn lo.'

Mừng ở đây là sự kích động (excitement), là hy vọng; lo là sự phiền muộn (depression), là tuyệt vọng (despair). Hai tâm hành này làm ta khổ trong giây phút hiện tại. Những câu này Tổ lấy cảm hứng trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển hai. Truyền đăng (lamp transmission) tức là trao đèn. Cảnh Đức Truyền Đăng Lục là một cuốn sách ghi chép lại sự trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, được viết vào niên hiệu Cảnh Đức, xuất bản vào năm 1004. Trong quyển hai, có bài kệ của Tổ thứ 22 của Mật Tông, tên là Ma Noa La (Aryamanura):

Tùy tâm vạn cảnh chuyển
Chuyển xứ thật năng u
Tùy lưu nhận đắc tánh
Vô hỷ phục vô ưu.

'Tùy tâm vạn cảnh chuyển': tùy nơi tâm mà cảnh vật thay đổi. Muốn địa ngục thì có địa ngục; muốn làm ma đói thì thành ma đói; muốn có Tịnh Độ thì có Tịnh Độ liền..., tất cả do tâm mà biểu hiện ra.

'Chuyển xứ thật năng u': sự thay đổi của hoàn cảnh rất mầu nhiệm, rất lạ lùng.

'Tùy lưu nhận đắc tánh, vô hỷ phục vô ưu': cứ đi theo dòng biến đổi mà nhận ra được tự tâm mình, và lúc đó mình không bị cái mừng, cái giận, cái lo lắng kéo đi nữa.

Cảnh Đức Truyền Đăng Lục trong Đại Tạng Kinh có vài chữ hơi khác lời trích trong Lâm Tế Lục:

Tâm tùy vạn cảnh chuyển
Chuyển xứ thật năng u
Tùy lưu nhận đắc tánh
Vô hỷ diệc vô ưu

https://thuviensach.vn

Bài kệ trong Đại Tạng là chữ phục (và), thay vì chữ diệc (cũng) trong Lâm Tế Lục. Vậy thì, tùy vào tâm ta mà hoàn cảnh sẽ thay đổi. Có một sư chị giận các sư em tới nỗi muốn bỏ đi. Chuẩn bị va-li xong, sư chị điện thoại qua để xin phép thầy đi, nhưng trong bụng thì nghĩ thầy cho hay không cũng sẽ bỏ đi, tại vì quá giận các sư em. Thầy nói với sư chị: 'Tâm con tốt lắm, tâm con rất dễ thương. Bề ngoài con ra vẻ giận như vậy, chứ thầy biết con thương các sư em lắm. Con viết cho thầy một lá thư đi, nói tại sao con buồn, con giận. Con viết vào hết để thầy rầy các sư em cho.' Sư chị nói: 'Bạch thầy, các sư em con dễ thương lắm, thầy đừng rầy tội nghiệp.' Nói chuyện với thầy xong, sư chị dịu xuống, mở va-li lấy đồ ra, và không đi nữa. Từ cảnh địa ngục tới cảnh giới thiên đường rất mau, chỉ trong chốc lát. Vừa mới giận đó rồi thương liền, tất cả đều do tâm ta cả.

Này các bạn tu, chân lý khó đạt tới, Phật pháp rất u huyền, tuy nhiên ta vẫn có thể đi vào các lĩnh vực ấy để đạt được kiến giải.

Chân lý rất khó đạt, Phật pháp rất thâm sâu, nhưng tất cả chúng ta đều có thể đi vào để có được kiến giải chân chính.

Ngày này qua ngày khác, tôi chỉ ngồi đây mà thuyết giảng và đánh phá.

Thuyết giảng ở đây không có nghĩa là đưa ra những lý thuyết, mà nói với mục đích là đánh phá. Phương pháp của Tổ là không cho ta chất chứa thêm kiến thức.

Nhưng hầu hết bọn họ có chịu để ý đâu.

Họ là những người cầu học chỉ muốn kiếm thêm một ít để bỏ vào kho kiến thức của họ. Nhưng khi đến với Tổ, họ bị Tổ đánh phá tơi bời.

Ngàn lần vạn lần họ vẫn tiếp tục dẫm chân lên những vùng đất đen tối, không nhận ra được một cái gì rõ ràng, độc lập, chiếu sáng. Chỉ vì các vị còn thiếu đức tự tin, cứ đi tìm kiến giải trên chữ nghĩa văn cú. Nửa đời người đã đi qua (nửa cõi trăm năm đã đi qua) mà cứ vẫn còn ỷ lại vào kẻ khác, tiếp tục khiêng tử thi của chính mình như một gánh nặng mà đi trong cõi nhân gian.

https://thuviensach.vn

Đây là những người đi hành hương (pilgrims). Họ tới thăm đức Dalai Lama xong, rồi đi tới thầy Nhất Hạnh, đi hết Rinpoche này tới Roshi khác; họ sống mà không biết là mình đang sống; họ khiêng tử thi của chính mình mà đi (phụ tử thi hành) mà cũng không hay. Ví dụ hình ảnh này rất hay, rất tuyệt vời. Hầu hết chúng ta đều làm chuyện đó: khiêng tử thi của mình đi vòng quanh. Chúng ta không thật sự đang sống. Chúng ta sống cũng như những người chết. Hình ảnh này đã được nhà văn Pháp - Albert Camus - dùng một lần. Albert Camus là tác giả những cuốn tiểu thuyết như L'Étranger, La Peste. Đôi khi ta tưởng ta đã biết ta, còn người kia là một người xa lạ. Nhưng kỳ thực ta mới không biết ta là ai, ta mới là một người xa lạ (étranger) đối với chính ta. Đó là một sự thật.

Trong cuốn tiểu thuyết L'Étranger, Albert Camus có nói tới một nhân vật tên là Mersault hơn ba mươi tuổi. Mersault đã lớn lên và sống ở Algérie. Mersault thuộc về giống dân Pháp nhưng sống ở Algérie, gọi là Piednoir (chân đen). Mersault đi đám tang mẹ, nhưng anh không buồn và không khóc. Anh sống không có niềm vui, không có lý tưởng. Cuộc sống của anh chỉ như vậy. Đám tang mẹ xong, thì chiều hôm đó, anh đi chơi với cô bạn gái. Anh đang đi trên bãi biển dưới ánh mặt trời sáng chói, có một người địa phương đi ngược lại vừa chọc tức anh vừa dọa nạt anh. Anh rút súng ra bắn người đó chết. Và anh bị bỏ tù. Người ta đưa ra những bằng chứng: sáng hôm đó, anh đi đám tang mẹ mà anh không khóc, chiều lại anh đi chơi với bạn gái; anh sống một cuộc sống bạo động, giết người, phi luân lý..., anh là một người không ra gì. Thành ra anh bị kết án tử hình.

Hôm đó, chỉ còn hai mươi bốn giờ trước khi bị tử hình, trong phòng giam, nằm ngửa nhìn lên trần nhà, qua khung cửa sổ vuông, tự nhiên anh thấy một khung trời xanh xuất hiện trong đó. Không biết vì một lý do gì anh đã tiếp xúc được với màu trời xanh rất sâu sắc, như là lần đầu anh mới thấy được bầu trời xanh. Vì vậy cho nên anh nằm rất yên để thở, để tiếp xúc với trời xanh. Anh thấy trời xanh là một cái gì mầu nhiệm vô cùng. Khi thấy được điều ấy, thì anh cũng thấy được hình hài của mình trên thế gian. Anh quyết định từ lúc đó cho đến khi lên máy chém, anh sẽ sống từng giây phút ý thức như vậy. Và Mersault

https://thuviensach.vn

đã sống một cách rất sâu sắc, rất mãnh liệt trong hai mươi bốn giờ còn lại. Đây là sự chứng ngộ của người tử tù không có thầy không có bạn chỉ dạy. Nhà văn Albert Camus không phải là nhà nghiên cứu Phật học, nghiên cứu thiền, nhưng để tạo ra được một nhân vật như vậy thì chắc chắn là Albert Camus đã đi ngang qua một kinh nghiệm tương tự.

Mersault đang sống một cách sâu sắc thì có tiếng gõ cửa. Một linh mục Công giáo muốn vô làm lễ rửa tội cứu chuộc linh hồn cho anh. (Trước giờ bị hành xử, những người tử tù được phép có một vị linh mục tới giúp làm lễ rửa tội. Họ có cơ hội sám hối tội lỗi trước khi về nước Chúa, thay vì vào địa ngục.) Mersault không muốn mở cửa, tại vì thì giờ còn lại đối với anh rất quý. Và Mersault thấy rằng vị linh mục có thể không giúp được gì cho mình. Mình là người thật sự đang sống. Còn vị linh mục đó, ông sống như một người chết. Đó là tư tưởng của Mersault lúc đó: 'Il vie comme un mort'. Tức là một người đang mang tử thi của mình mà đi. Ai cần phải độ ai? Đó là chủ đề (thème) của cuốn tiểu thuyết L'Étranger. Albert Camus đã được giải Nobel văn chương năm 1957. Albert Camus là người của thế kỷ XX, nhưng ông đã thấy được rằng chung quanh ông phần nhiều người trong thiên hạ đang khiêng tử thi của mình mà đi chứ không thật sự đang sống.

Vào lứa tuổi trên ba mươi, cố nhiên là ta đã nhìn trời xanh không biết bao nhiêu lần, nhưng ta có thể đã không sống được như anh chàng tử tù này chỉ vì ta không có chánh niệm; ta đã đi trên mặt đất hàng trăm ngàn cây số, nhưng ta cũng không thực sự đã bước trên mặt đất, bởi vì ta không có chánh niệm. Giây phút chợt đến như giây phút giác ngộ, giây phút đó được gọi là giây phút ý thức (moment de conscience).

Tổ Lâm Tế sống vào thế kỷ thứ 9, Tổ đã dùng danh từ 'phụ tử thi hành'. Phụ là mang, tử thi là xác chết. Hầu hết chúng ta đều mang tử thi của mình mà đi. Muốn sống như một người đang sống thì rất dễ, tất cả đều do tâm mà ra. Trong truyền thống Cơ đốc giáo, người ta làm lễ Phục Sinh kỷ niệm ngày Chúa từ cõi chết trở về cõi sống. Theo

https://thuviensach.vn

tinh thần của đạo Bụt, Phục Sinh không phải là một cái lễ, mà là một sự thực tập. Mỗi khi nghe tiếng chuông, ta trở về với hơi thở là ta sống trở lại. Phục sinh ở đây được thực hiện trong mỗi giây mỗi phút. Nhìn một sư anh, một sư em, một sư chị, ta có thể thấy được là họ đang sống hay đang chết. Có khi đang ngồi ăn mà sư anh buồn thương, hối tiếc, giận hờn, thì sư anh đang ngồi với tử thi của sư anh, sư anh không phải là một người đang sống. Bụt là gì? Bụt là người sống động, Bụt không mang tử thi của mình đi quanh. Ta có thể làm được như Bụt. Ta được trao truyền những phương pháp cụ thể để làm được chuyện đó. Mỗi bước chân, mỗi hơi thở giúp cho ta sống lại trong mỗi giây phút, và ta không tiếp tục mang tử thi mà đi trong cuộc đời này nữa.

Có ngày thế nào họ cũng sẽ phải trả tiền giày dép!

Trong thiền tông có danh từ 'vân thủy'. Vân là mây, thủy là nước; mây và nước đều đi khắp nơi; mây bay trên bầu trời xanh, nước trôi theo dòng, không bao giờ dừng lại được. Những người đi hành cước (pilgrims) tìm thầy học đạo, đi đến mòn cả giày dép. Nhà văn Tô Hoài nói: 'Đi lắm mòn người'. Tổ nói: 'Đi lắm mòn giày'. Đời nhà Đường, người ta đi hành cước rất nhiều. Đi tới núi Ngũ Đài Sơn gặp đức Phổ Hiền, đi tới Nga My Sơn để gặp đức Địa Tạng, đi tới Phổ Đà Sơn để gặp đức Quan Âm. Đi mòn hết đôi giày này đến đôi giày khác.

Thời nay cũng vậy. Người ta không đi hành hương bằng giày dép như xưa mà đi bằng xe buýt; một lần đi như vậy là năm mươi người, từ chùa này tới chùa khác, tìm thầy này tới thầy khác. Tổ đang nhắm tới những người đó: 'Quý vị tiếp tục khiêng tử thi của chính mình như một gánh nặng mà đi trong cõi nhân gian, có ngày sẽ trả tiền giày dép.' Đối tượng đánh phá của Tổ là những người có thật trong thời của Ngài. Tổ sẽ còn tiếp tục đánh phá, bởi vì trong hiện tại vẫn có những đối tượng như những đối tượng trong thời đại của Tổ. Tổ đang có mặt ở đây và Tổ đang tiếp tục đánh phá. Nếu ta ngồi đây nghe Tổ, thì ta có một cơ hội sống trở lại, an trú trong giây phút hiện tại, có mặt ngay bây giờ, và làm chỗ nương tựa cho người mình thương, cho gia đình dòng họ và cho đất nước của mình.

https://thuviensach.vn

Này các vị đại đức! Khi nghe tôi nói rằng ngoài kia không có pháp gì để tìm cầu cả, thì lại có những kẻ học nhân hiểu lầm, nghĩ rằng phải đi tìm ở bên trong. Họ ngồi xuống bất động, quay mặt vào tường, lưỡi dán vào đóc họng, cho rằng đó là pháp môn của Bụt, của Tổ. Họ lầm to! Nếu quý vị cho cái tĩnh (cảnh thanh tịnh bất động) là đạo thì quý vị đã nhận cái vô minh là ông chủ.

Trong lịch sử thiền tông Trung Hoa, chúng ta thấy có hai khuynh hướng thiền: công án và mặc chiếu. Hai phái này chống đối nhau kịch liệt. Phái chủ trương thiền công án là thiền sư Đại Huệ Tông Cảo. Thiền sư Tông Cảo rất ghét chuyện đàm luận về lý thuyết. Tác phẩm Bích Nham Lục được coi như một văn kiện tuyệt vời, đệ nhất trong giới thiền gia. Tác phẩm Bích Nham Lục đã được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt. Bích Nham Lục do thiền sư Viên Ngộ sáng tác, căn cứ vào một trăm công án của thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển ngày xưa biên tập lại. Thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển là một thi sĩ, một văn tài. Khi ngài sưu tập được một trăm công án và đưa ra những bài tụng (tụng cổ), thì nó trở thành một công cụ của thiền công án, tức là đối tượng của thiền tập. Thực tập thiền công án nghĩa là ta phải mang công án đó suốt ngày đêm, làm sao để chọc thủng (break through) công án đó. Lúc mới sưu tập, những công án đó vẫn còn đơn giản, rồi đưa thêm vào một bài tụng để hướng dẫn - gọi là 'tụng cổ'. Nhưng đến khi thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần biên tập lại, vì thiền sư là một thi sĩ và nhờ tài văn chương của mình, thiền sư đã thêm vào những mục 'thùy thị' và 'bình xướng'. Thành ra Bích Nham Lục là một tác phẩm văn chương có những tư tưởng rất sâu sắc. Mọi người đều yêu thích, thi nhau học hỏi, đàm luận, và thực tập theo tác phẩm này. Hiện bây giờ cũng có nhiều người yêu thích Bích Nham Lục.

Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo là đệ tử của thiền sư Viên Ngộ. Ban đầu, thiền sư Tông Cảo cũng yêu thích Bích Nham Lục, nhưng về sau thấy người ta đi vào phương diện văn chương triết lý quá nhiều, và đánh mất tinh thần giáo ngoại biệt truyền của thiền tông, cho nên thiền sư - lúc đó có uy tín rất lớn - ra lệnh đốt hết tất cả những bản in của Bích Nham Lục. Và như vậy trong vòng hai trăm năm tác phẩm đó không có mặt. Sau đó mới có người đi tom góp những tờ còn sót lại, rồi thiết

https://thuviensach.vn

lập lại Bích Nham Lục. Tác phẩm Bích Nham Lục là một tác phẩm văn chương tuyệt diệu. Chính nhà văn Herman Hess của Đức quốc khi đọc Bích Nham Lục cũng khâm phục. Herman Hess là tác giả của cuốn Siddhartha, mà sư cô Trí Hải dịch là Câu Chuyện Dòng Sông.

Cùng thời với thiền sư Tông Cảo có một thiền sư tên là Hoằng Trí Chánh Giác, ngài không chủ trương thiền công án, mà chủ trương thiền mặc chiếu (nội hướng). Thiền mặc chiếu (silence illumination) nghĩa là không cần tham khảo công án, chỉ cần ngồi yên, đưa tâm vào bên trong. Mặc là im lặng, chiếu là chiếu sáng. Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo và Hoằng Trí Chánh Giác suýt soát bằng tuổi nhau. Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo lên tiếng công kích một cách thậm tệ thiền mặc chiếu là thiền xoay mặt vào trong im lặng không làm gì.

Tổ Lâm Tế đã biết trước tất cả những chuyện sẽ xảy ra của mấy thế hệ sau thời của Ngài. Tổ không muốn đệ tử của mình bị kẹt vào chữ nghĩa, chẳng khác gì đi tìm những giọt nước mát trong một khúc xương khô. Nhưng đệ tử của Tổ và những thế hệ sau này, trong đó có chúng ta nữa, đang làm chuyện đó. Có phải chúng ta đang phản Thầy phản Tổ hay không? Trước khi có sự xuất hiện của thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác đã có những người thực tập thiền mặc chiếu, và Tổ Lâm Tế cũng đã lên án thiền mặc chiếu. Nó được phản chiếu trong đoạn văn sau đây của thiền sư Lâm Tế: Khi nghe tôi nói rằng ngoài kia không có pháp gì để tìm cầu cả, thì lại có những kẻ học nhân hiểu lầm, nghĩ rằng phải đi tìm ở bên trong. Họ ngồi xuống bất động, quay mặt vào tường, lưỡi dán vào đóc họng, cho rằng đó là pháp môn của Bụt, của Tổ.

Chữ bất động này rất quan trọng. Bất động có nghĩa là yên. Trong nhà thiền, thiền công án được xem là động, còn thiền mặc chiếu là bất động (tĩnh). Tham công án là tìm kiếm, là cố gắng chọc thủng, là có đối tượng để tìm cầu. Tham công án giống như con chuột khoét tủ đựng thức ăn, khoét chừng nào có lỗ chun vô được là thành công. Thiền công án thuộc về năng động (dynamic), trong khi đó thiền mặc chiếu chủ trương về tĩnh (static).

https://thuviensach.vn

Người xưa đã nói: 'Lẳng lặng là cái hầm sâu đen ngòm, thật là dễ sợ.'

Có nhiều sư cô sư chú đã từng đi vào cái hầm sâu đen ngòm này. Ngồi nhắm mắt lại, nói là ngồi thiền để minh tâm kiến tánh, nhưng thật ra, cái tâm lúc đó là đang ngồi trong hầm tối. Cái ngồi đó có ích lợi gì? Thà rằng, ta ra ngoài sân chơi bóng chuyền (volleyball) hay hơn là ngồi như vậy. Nguyên văn chữ Hán là 'trạm trạm mặc ám thâm khanh'. Trạm trạm là lẳng lặng, mặc ám là đen tối, thâm khanh là cái hầm sâu. Những người thực tập theo thiền mặc chiếu tin rằng trí tuệ phát sinh ra từ cái tĩnh, và từ bỏ cái động. Đây cũng là một loại tìm cầu, nhưng tìm cầu gián tiếp.

Nếu ngược lại, quý vị nhận cái động là đạo thì hóa ra các loài cây cối đang động đậy ngoài kia đều là đạo hay sao?

Tổ nói tới hai ý niệm: tĩnh và động. Tĩnh không phải là đạo, động cũng không phải là đạo. Ý niệm về tĩnh và động rất sâu sắc, nếu chúng ta chưa học Trung Quán Luận thì không hiểu được. Những vị đã học Trung Quán Luận rồi thì nên ôn lại để hiểu được quan niệm của đạo Bụt về tĩnh và động. Tĩnh tức là nằm ỳ, bất động và không di chuyển. Động là từ chỗ này đi đến chỗ khác, có liên hệ tới khứ và lai. Khứ là từ đây đi, lai là từ kia tới. Sự thật là không có đi (khứ) cũng không có tới (lai), vô khứ vô lai.

Thầy Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) là một dịch giả nổi tiếng của đạo Bụt Trung Quốc. Thầy cũng là một nghệ sĩ, đã để ra hàng chục năm để học hỏi và nghiên cứu và đã nắm vững được chữ nghĩa Trung Quốc. Với vốn liếng nghệ thuật ngôn ngữ giàu có, thầy đã cống hiến cho chúng ta những bản dịch kinh rất mầu nhiệm. Có rất nhiều kinh chúng ta đọc tụng là do thầy Cưu Ma La Thập phiên dịch. Đồng thời với thầy Cưu Ma La Thập là thầy Tăng Triệu, rất thông minh, cũng là học trò của thầy Cưu Ma La Thập. Thầy Tăng Triệu đã nghiên cứu giáo lý Trung Quán một cách thấu triệt và đã làm ra nhiều bộ luận về Trung Quán. Có bốn bộ luận góp lại thành một tác phẩm gọi là Triệu Luận. Thầy Tăng Triệu có nói như thế này: 'Điều gì đã xảy ra trong quá khứ, đã có mặt trong quá khứ, thì không thể nói nó không có.

https://thuviensach.vn

Nhưng nhìn trong hiện tại, ta không thể nói là cái có trong quá khứ ấy đang có trong hiện tại. Nó chỉ có trong quá khứ, trong hiện tại thì không.' Nghĩa là: quá khứ không đi tới hiện tại; nếu quá khứ đi tới hiện tại thì quá khứ phải có mặt trong hiện tại, đằng này thì không; vì vậy cho nên không có sự chuyển động (movement). Nếu cái trong quá khứ mà di chuyển được thì nó phải có mặt trong hiện tại. Vì nó không có mặt trong hiện tại, cho nên ta biết cái đã xảy ra trong quá khứ chỉ có trong quá khứ mà không di chuyển về hiện tại, gọi là vô lai.

Vậy thì tại sao ta lại nghĩ cái hiện tại có thể đi về tương lai? Có nghĩa là tại sao ta nghĩ là ta sẽ chết? Nếu quá khứ không đi về hiện tại, thì hiện tại cũng không đi về tương lai. Tại sao ta sợ chết? Thành ra bản chất của thực tại là vô lai vô khứ. Nói rằng 'ngày mai tôi sẽ chết' là vô lý, vì nó chứng tỏ hiện tại có thể đi về tương lai. Nếu quá khứ đã không đi về hiện tại, thì làm sao hiện tại có thể đi về tương lai được? Tại vì trong tương lai, cái hiện tại sẽ trở thành quá khứ. Đó là biện chứng pháp của Trung Quán Luận về cái nhìn nhị nguyên (dualistic). Thực tại thì vượt thoát ý niệm 'động, tĩnh'. Tổ nói câu ấy là có tuệ giác của Trung Quán Luận. Khi đọc kinh, ta phải thấy được điều ấy.

Động là phong đại, bất động là địa đại, động và bất động cả hai đều không có tự tính.

Đây cũng là tuệ giác của Trung Quán Luận. Động và bất động đều không có căn bản. Bản chất của thực tại nghĩa là không có động và tĩnh.

Nếu quý vị muốn tìm nó (đạo) trong cái động, nó sẽ đứng trong cái tĩnh; nếu quý vị muốn tìm nó trong cái tĩnh, nó sẽ đứng trong cái động, giống như con cá trong dòng suối đang vỗ sóng nhảy lên.

Có những loài cá đến mùa tìm về quê hương, chúng lội ngược dòng, và đến những chỗ có dòng thác nó sẽ nhảy lên, nhiều khi nó nhảy cao đến hai, ba thước. Ở Việt Nam gọi đó là cá vượt vũ môn. Muốn nhảy cao như vậy, con cá phải vùng vẫy rất mạnh, và nó tạo ra những chuyển động trong nước. Tâm ta cũng vậy. Ý niệm về động và bất động là sáng tạo của tâm thức.

https://thuviensach.vn

Nguyên văn Hán-Việt: Sở dĩ động giả thị phong đại, bất động giả thị địa đại. Động dữ bất động, câu vô tự tánh. Nhĩ nhược hướng động xứ tróc tha, tha hướng bất động xứ lập. Nhĩ nhược hướng bất động xứ tróc tha, tha hướng động xứ lập. Thí như tiềm tuyền ngư, cổ bì tự dước.

Chúng ta tìm thấy trong tác phẩm Đại Thừa Thành Nghiệp Luận (Đại Tạng 1609, trang 781) của thầy Thế Thân (Vasubandhu, sống ở thế kỷ thứ năm, tác giả Duy Thức Tam Thập Tụng) có một bài kệ, và Tổ Lâm Tế đã lấy cảm hứng từ bài kệ này:

Do ngoại phát thân ngữ
Biểu nội tâm sở tư
Thí như tiềm uyên ngư
Cổ ba nhi tự biểu

Trong bản Lâm Tế Lục, Tổ Lâm Tế dùng chữ 'tuyền' thay vì chữ 'uyên', dùng chữ 'dước' thay vì chữ 'biểu'. Tuyền là suối; uyên là sông; dước là nhảy lên; biểu là biểu hiện.

'Do ngoại phát thân ngữ': nhờ những hành động và nói năng của ta phát ra bên ngoài.

'Biểu nội tâm sở tư': nội tâm của ta suy tư như thế nào, thì nó biểu hiện ra bên ngoài như thế đó qua hình thái của ngôn ngữ và hành động. Nghĩa là 'ý là nguồn gốc của thân và khẩu'.

'Thí như tiềm uyên ngư': giống như một con cá đang dầm mình dưới sông.

'Cổ ba nhi tự biểu': cổ ba là vỗ sóng mà nhảy lên.

Và bài kệ này là nguồn gốc cho câu nói của Tổ trong Lâm Tế Lục: 'Giống như con cá trong dòng suối đang vỗ sóng nhảy lên.'

Này các vị đại đức, động và bất động chỉ là hai cảnh giới: con người tu không vướng mắc (vô y đạo nhân) có thể sử dụng cả động và bất động.

https://thuviensach.vn

Vô y tức là không nương tựa, không bám víu. Người tu không bám víu (người tu có tự do) có thể sử dụng cả động và bất động mà không bị kẹt vào động hay bất động. Trong tác phẩm Tín Tâm Minh (Faith in Mind) cũng có bốn câu nói về động và bất động.

Chỉ động vô động
Động chỉ vô chỉ
Lưỡng ký bất thành
Nhất hà hữu chỉ

Như tôi đây, khi có học giả tới (tức là người tham vấn), thì tôi sử dụng ba phép quyết đoán để đối phó với ba loại căn cơ.

Ba phép quyết đoán để đối phó với ba loại căn cơ là dịch từ chữ 'tam chủng căn khí'. Căn khí tức là tâm lý, điều kiện và căn cơ của người tham vấn.

Nếu người có căn cơ dưới trung bình tới, tôi sẽ đoạt cảnh của họ, nhưng không đoạt pháp của họ.

Căn cơ dưới trung bình là những thiền sinh và những học nhân, kém thông minh. Họ nói ra cái gì thì Tổ lấy cái đó liệng vào thùng rác. Tổ đoạt bằng một câu nói, hoặc đánh, hoặc hét. Nhưng không đoạt pháp của họ. Tổ sợ rằng nếu đoạt luôn pháp, họ sẽ bơ vơ, không nơi nương tựa, cho nên Tổ chỉ đoạt cảnh.

Ví dụ có một vị đệ tử lên hỏi thiền sư Triệu Châu:

- Bạch thầy, con chó có Phật tánh không?

Thiền sư nói: 'Không.' Tức là đoạt cảnh.

Tại vì vị đệ tử này đi tìm cầu kiến thức. Anh đã được học rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, cho nên anh hạnh phúc cho đó là một kiến thức thâm uyên, quan trọng, nhờ đó anh có thể giải thoát, giác ngộ. Và vì vậy anh bị kẹt vào quan niệm rằng: người có Phật tánh, con chó cũng có Phật tánh, mà cây cỏ cũng có Phật tánh nữa. Thành ra anh muốn lên hỏi thầy để chứng tỏ mình là người thuộc bài. Nếu thầy

https://thuviensach.vn

nói ‘có’ thì anh càng cố chấp thêm, cho nên thầy đã nói ‘không’ là đoạt cảnh đi, để anh có cơ hội thoát ra khỏi thái độ cố chấp trên.

Nếu người có căn cơ trên trung bình tới, tôi sẽ đoạt cả cảnh cả pháp của họ.

Tại vì những người này có đủ sức để chịu đựng sự thật ấy. Họ không ngã lăn ra, không tuyệt vọng, không bỏ tu. Với người dưới trung bình mà đoạt cả cảnh cả pháp thì chắc chắn người đó sẽ bỏ tu.

Nếu là người có căn cơ bén nhạy tới, tôi sẽ không đoạt cảnh cũng không đoạt pháp cũng không đoạt người.

Đối với người có căn cơ bén nhạy, Tổ không cần đoạt cái gì hết, tại vì người này có tự do.

Nếu là người có kiến giải vượt bực tới (thiền sinh thượng thặng), tôi sẽ sử dụng toàn thân để đối phó, mà không liệt họ vào một loại căn cơ nào cả.

Toàn thân tức là không có che giấu gì cả. Trường hợp này, Tổ đem hết con người mình ra mà đối phó, tiếp xử, và coi người ấy như là một tri kỷ. Riêng người tri kỷ thì không nằm trong ba loại căn cơ trên.

Này các vị đại đức! Trong trường hợp này (trường hợp người có căn cơ bén nhạy) pháp lực của kẻ học nhân sẽ không để cho một ngọn gió nào đi qua và tốc độ của pháp lực ấy lửa đá và điện quang cũng không vượt qua được.

Tức là cái bén nhạy xảy ra chớp nhoáng, không cần đi ngang qua trung gian suy luận, không một giây phút ngần ngừ, tuệ giác phát sinh liền. Nếu có một giây phút để tìm câu trả lời, có sự lưỡng lự, thì đó là sự thất bại, đó không phải là tuệ giác đích thực, đó chỉ là sản phẩm của tư duy. Khi người ta đưa sản phẩm của tư duy ra thì ta biết liền. Khi tôi đi vào bếp thấy một sư chú đang cắt cà rốt, tôi hỏi: ‘Con làm gì đó?’ Nếu sư chú bén nhạy, thì sư chú mỉm cười không trả lời. Sư chú là tri kỷ của tôi. Nếu sư chú nói: ‘Bạch thầy, con đang cắt cà rốt’. Hỏng rồi! Trả lời như vậy nghĩa là tôi không thấy sư chú đang cắt

https://thuviensach.vn

cà rốt sao? Vậy thì căn cơ bén nhạy, nó mau hơn điện quang, lửa đá. Ngày xưa, người ta không có diêm quẹt, người ta phải dùng đá cọ xát vào nhau làm lửa. Điện quang tức là tia chớp sáng (lightening), nhưng cũng không mau hơn cái căn cơ bén nhạy của người thiền sinh ngộ đạo.

Vị học nhân ấy chỉ cần chớp mắt là đã đánh mất sự tương giao.

Trong thời gian một cái chớp mắt là cơ hội đã mất rồi, không có sự tâm truyền tâm. Nó đi vào tư duy, có sự lưỡng lự, là một sự thất bại. Ngày xưa trong thiền môn có những trận pháp chiến (dharma battle), hoặc thiền chiến (Zen battle) giữa hai thiền giả: thiền sư với thiền sinh. Trong từ ngữ thiền ngày xưa có danh từ 'xuất trận' và 'nhập trận'. Trong những buổi đại tham hay tiểu tham thường có một vị thiền sinh đi lên để đối đáp, và đó là một cuộc thử nghiệm để coi vị đó chín chưa, thuộc căn cơ nào, gọi là xuất trận. Trong khi hai bên đối đáp qua lại, gọi là nhập trận. Có khi thành công, có khi thất bại.

Chỉ cần khởi ra một niệm là đã đi vào sự sai trái.

Niệm ở đây là một tư duy (thought). Tuệ giác thì không chấp nhận tư duy. Tư duy chưa phải là tuệ giác. Vị thiền sư không cần phải nói nhiều. Người kia không thể nào che giấu được, chỉ cần một cử chỉ, một phản ứng, nói ra một tiếng, là đủ để vị thiền sư biết được tâm trạng của người đó. Bác sĩ còn cần phải có ống nghe, độ đo huyết áp, hay hỏi bệnh nhân những câu hỏi..., nhưng thiền sư thì không cần những thứ ấy. Chỉ cần quán sát thiền sinh là biết được căn cơ của người đó.

Có hiểu được hay không là chỉ ngay trong giây phút đó mà thôi.

Cố gắng thêm cũng vô ích. Cơ hội mình được tiếp xúc với thầy rất ít. Mỗi lần thầy đưa ra một cây sào mà mình không nắm được là một lần thất bại. Có thể thầy đã đưa ra cây sào nhiều lần, và mỗi lần như vậy mình đều không nắm được. Chuyện này không phải chỉ xảy ra với các vị học nhân trong thời đại của thiền sư Lâm Tế, mà nó cũng xảy ra

https://thuviensach.vn

ngay ở Làng Mai. Có nhiều lần tôi đã đưa ra những cây sào liên tiếp, mà vị đệ tử đó đều không nắm được.

Này các vị đại đức, các vị mang bát, mang túi và mang một khúc ruột già đầy phân đi tới người ta để tìm cầu Phật và Pháp, quý vị có biết ai là kẻ đang đi tìm cầu ấy không?

Chữ khúc ruột già là do tôi thêm vô để cho nhẹ bớt. Trong nguyên văn là 'một cái bọc phân'.

Đó là một kẻ sống động, linh hoạt, không vương vào dây mơ rễ má nào cả, lùa thì không vào, xua cũng không đi, chạy tìm thì nó càng lúc càng xa, không tìm thì nó đứng ngay trước mặt, tiếng nói của kẻ ấy đang vọng ngay vào tai quý vị. Không có đủ niềm tin nơi đây thì thật phí cả một cuộc trăm năm.

Đoạn này y như âm nhạc. Nhạc của Phạm Duy hay của Trịnh Công Sơn cũng không so sánh được với những câu văn như thế này.

Cái ta đi tìm đã có sẵn; ta là Bụt, là Tổ; ta có cái tinh minh diệu dụng, trong bất cứ giây phút nào ta cũng có thể tiếp xúc được với những mầu nhiệm của vũ trụ, với Tịnh Độ, với Niết Bàn; ta có thể đi vào lầu các của Di Lặc, đi vào thế giới Hoa Tạng. Sự sống mầu nhiệm có mặt trong ta và xung quanh ta; ta có khả năng và cơ hội để tiếp xúc, để thảnh thơi, để an lạc, để giải thoát ngay trong giờ phút hiện tại, mà không cần phải làm gì. Nhưng ta đã không sống cuộc đời ta mà chỉ lo đi tìm kiếm. Ta tin rằng ta là con số không, là một kẻ nghèo đói, một người không có giá trị; ta phải tìm thầy, tìm bạn, tìm thiện tri thức, để mong họ bố thí cho một chút bình an, một chút giải thoát... chỉ vì ta thiếu đức tin, ta mù mắt nên không thấy được tất cả những mầu nhiệm đang có trong giây phút hiện tại.

Không tìm thì nó đứng ngay trước mặt, tiếng nói của kẻ ấy đang vọng ngay vào tai quý vị. Ta không nghe, không thấy, không tiếp xúc được với con người thật của ta. Rất uổng!

Không có đủ niềm tin nơi đây thì thật phí cả một cuộc trăm năm. Cuộc trăm năm là một cuộc đời. Ta không có tự do, ta không có tuệ

https://thuviensach.vn

giác là ta bỏ phí cả cuộc đời ta. Nhìn lại xem, ta có như vậy không? Có ai nhắc nhở ta như vậy không?

Các bạn tu, chỉ trong một khoảnh khắc là ta có thể đi vào cảnh giới của Hoa Tạng.

Thế giới của Hoa Nghiêm là thế giới của một bông hoa vĩ đại, mỗi cánh hoa chứa đựng tất cả các bông hoa khác. Cái một chứa đựng cái tất cả và cái tất cả nằm trong cái một.

Đi vào cảnh giới của Bụt Tỳ Lô Giá Na.

Đi vào cảnh giới của Bụt Pháp thân, mà không phải Bụt ứng thân hoặc Hóa thân.

Đi vào các quốc độ của giải thoát, của thần thông, của thanh tịnh, đi vào pháp giới, đi vào uế, đi vào tịnh, đi vào phàm, đi vào thánh, đi vào ngạ quỷ súc sinh và nơi nào ta cũng không tìm kiếm ra được cái gọi là sinh tử.

Bản chất của thực tại là không sinh không tử. Như một đợt sóng, nếu nó đi vào nước thì nó tìm ra được cái không sinh và không tử. Không những đợt sóng đó không sinh không tử mà tất cả những đợt sóng khác cũng không sinh không tử. Thành ra không phải chỉ có Bụt và Bồ-tát mới có thể đi vào cảnh giới Hoa Tạng, đi vào Bản Môn, đi vào Pháp giới. Pháp giới và thế giới không tách rời nhau. Nếu ta biết sử dụng cái diệu dụng, cái tinh minh, cái tâm sáng chói của ta, thì từ thế giới ta có thể đi vào pháp giới nhanh như điện chớp. Trong pháp giới ta tiếp xúc được với tự tánh không sanh không diệt, và ta có tự do. Tại sao ta cứ giam hãm ta trong thế giới của sanh, diệt, còn, mất, tới, đi, có, không?

Tất cả đều chỉ là danh từ suông (không danh), là hoa đốm huyễn hóa trong hư không, không đáng để ta nhọc công đi tìm bắt. Lúc đó thì ta sẽ buông bỏ được hết tất cả mọi cái đắc, thất, thị và phi.

Bây giờ ta đang đau khổ vì bốn điều ấy: được (đắc), mất (thất), đúng (thị), sai (phi), hiểu lầm hay không hiểu lầm..., tất cả những điều này

https://thuviensach.vn

làm ta đau khổ hằng ngày. Nếu ta khám phá ra sự thật tất cả đều là những ý niệm, những danh từ suông, chúng đều không có mặt trong thực tại nhiệm mầu, lúc đó tất cả những điều ấy không làm cho ta đau khổ nữa, ta có tự do, ta có hạnh phúc.

Này các bạn tu, cái thấy về Phật pháp của tôi, tôi đã tiếp nhận từ các hòa thượng Ma Cốc, Đan Hà, Đạo Nhất, Lô Sơn và Thạch Đầu. Sự trao truyền của truyền thống này đã phổ biến trên thiên hạ, nhưng vì chưa tin nhận được nên nhiều người còn nhạo báng. Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất, thuần nhất và không tạp loạn như thế, mà cả ba trăm năm mươi người tới học cũng không nắm bắt được. Tổ Lô Sơn thảnh thơi và chính chân như thế, nắm vững được cả hai chiều thuận nghịch như thế, mà đệ tử cũng còn hoang mang không thăm dò được bờ mé của trí tuệ ngài. Tổ Đan Hà cũng vậy, đùa giỡn với hạt châu, khi ẩn khi hiện, kẻ học nhân tới không ai là không bị Tổ la mắng. Hành tung của Tổ Ma Cốc thì đắng như vỏ cây Hoàng Bá, ai đến gần cũng không được. Tổ Thạch Củng thì bí quyết là tìm người trên đầu một mũi tên làm cho ai nấy đều sợ hãi. Còn cái cách hành xử của ông thầy tu núi là tôi đây thì đó là sự thành hoại chân thật (chân chính thành hoại). Tôi đùa bỡn với sự thần biến tâm linh, tôi đi vào được trong tất cả mọi cơ cảnh, và ở đâu tôi cũng duy trì được (bản lĩnh của mình là) vô sự, cảnh không bao giờ đoạt được tôi. Nếu có ai tới tìm, tôi sẽ đi ra nhìn người ấy. Kẻ ấy không biết tôi. Tôi liền mặc áo vào. Áo có nhiều thứ. Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi. Tội nghiệp cái ông thầy đui mù không mắt này quá đi; ông ta nhận lầm cái áo là tôi, cho tôi là hoặc vàng hoặc xanh hoặc trắng hoặc đỏ. Thấy thế tôi mới cởi hết áo đi và để lộ cái 'thanh tịnh' ra. Vị học nhân thấy thế, liền sinh tâm vui mừng và ham muốn. Tôi liền cởi bỏ luôn cái áo 'thanh tịnh' ấy ra nữa. Bấy giờ kẻ học nhân thất kinh, hoang mang, cuống cuồng bỏ chạy, nói rằng tôi 'trần truồng như nhộng'. Tôi mới nói với kẻ ấy: 'Chú có biết cái con người mặc áo trong tôi là ai chưa?' Hốt nhiên kẻ kia quay đầu lại và nhận ra tôi.

Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất, thuần nhất và không tạp loạn như thế, mà cả ba trăm năm mươi người tới học cũng không nắm bắt được.

https://thuviensach.vn

Câu này tiết lộ rằng trong tu viện của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất có ba trăm năm mươi người xuất gia được nghe khai thị, và trong ba trăm năm mươi người đó không có ai nắm được ý chỉ của Tổ. Bây giờ nếu trong pháp hội của thầy Nhất Hạnh mà không có vị đệ tử nào nắm được ý thầy thì đó cũng là chuyện thường thôi. Mã Tổ Đạo Nhất là một thiền sư lớn, cự phách vào bậc nhất, đạo phong rất lẫm liệt, năng lượng rất vĩ đại. Mã Tổ Đạo Nhất là sư cố của thiền sư Lâm Tế và là bổn sư của thiền sư Bách Trượng Hoài Hải (sư ông của thiền sư Lâm Tế và là thầy của thiền sư Hoàng Bích Hy Vận - bổn sư của thiền sư Lâm Tế).

Ngày xưa ở chùa Bát Nhã, thiền sư Đạo Nhất rất siêng ngồi thiền: sáng, trưa, chiều, mười mấy giờ một ngày, có khi không ngủ. Hồi đó, thiền sư Nam Nhạc nghe tiếng đồn có một thầy chuyên ngồi thiền ở chùa Bát Nhã mới tìm tới để gặp. Khi gặp Mã Tổ, thấy người ngồi thiền siêng năng như vậy, thiền sư Nam Nhạc bèn lượm một viên ngói ngoài vỉa hè và bắt đầu ngồi xuống để mài. Mài một hồi lâu không biết để làm gì. Lúc ấy, Mã Tổ mới hỏi:

- Hòa thượng làm gì vậy?

Thiền sư Nam Nhạc:

- Tôi đang mài viên ngói.

Mã Tổ hỏi:

- Mài ngói để làm gì mà tốn công như vậy?

Thiền sư Nam Nhạc:

- Tôi mài ngói để làm tấm gương soi mặt.

Mã Tổ nói:

- Hòa thượng, sao ngài nói lạ vậy! Làm sao mà có thể mài ngói thành tấm gương soi mặt được?

Thiền sư Nam Nhạc mới nhìn Mã Tổ nói rằng:

https://thuviensach.vn

- Vậy thì ngồi thiền làm sao mà thành Phật được?

Mã Tổ giật mình. Thiền sư Nam Nhạc nói:

- Khi chiếc xe bò ngừng lại không đi, thì mình nên đánh chiếc xe hay là đánh con bò?

Đánh con bò chứ đâu có thể đánh xe. Thiền không phải là vấn đề ngồi hay không ngồi. Ý của thiền sư Nam Nhạc là thiền không nằm trong tư thế ngồi mà thôi. Ăn cơm, uống trà, gánh nước, bổ củi, đi, đứng, nằm, ngồi..., tất cả đều là thiền. Nghĩ rằng chỉ có ngồi mới là thiền thì sai. Vì vậy thiền sư Nam Nhạc nói thêm: 'Thiền không phải là vấn đề ngồi hay không ngồi. Không ngồi không phải là thiền, mà ngồi cũng không phải là thiền.' Ban đầu, trong số ba trăm năm mươi người tới học với Tổ Đạo Nhất, thì chưa có người nào giỏi. Nhưng sau này, nhờ kiên nhẫn nên từ từ Tổ đã có những vị đệ tử giỏi, trong đó có Tổ Bách Trượng.

Thiền sư Bách Trượng là người đã sáng lập ra thanh quy rất nổi tiếng, gọi là Bách Trượng Thanh Quy. Ngài là đệ tử của thiền sư Mã Tổ. Thiền sư Bách Trượng là Sư Ông của Tổ Lâm Tế. Thiền sư Bách Trượng nổi tiếng một phần cũng nhờ ở lời tuyên bố: 'Bất tác bất thực'(không làm thì không ăn). Chuyện kể: Tổ đã lớn tuổi mà khi nào cũng vác cuốc ra làm việc chung với chúng, chúng rất là thương. Một hôm đi chấp tác, chúng giấu cuốc của Tổ đi. Hôm đó, Tổ Bách Trượng không ra ăn cơm trưa. Chúng hỏi: 'Hòa thượng có khỏe không, vì sao không ra ăn cơm trưa?' Hòa thượng nói: 'Ai đã giấu cái cuốc của tôi ở đâu rồi. Hôm nay, vì tôi không có làm việc nên tôi không ăn. Có làm mới có ăn.' Vì vậy các thiền viện ngày xưa, đạo tràng nào cũng có vườn rau. Chùa Từ Hiếu có trồng sắn, trồng khoai, trồng rau, nuôi bò để lấy phân trồng rau. Các thầy, các sư cô làm việc ngoài vườn, trồng cây, trồng sắn, trồng rau, nhìn rất đẹp. Có những thiền viện căn cứ trên sự canh tác mà sống, được gọi là những Nông Thiền (Farming Zen Institute). Trong khi làm việc ta vẫn thiền quán được như thường, không có nghĩa là khi tưới rau, tưới cây, gánh nước, hay gieo hạt ta không tu tập được. Tất cả các chùa thuộc Mai Thôn đạo tràng

https://thuviensach.vn

đều có vườn rau: chùa Cam Lộ, chùa Pháp Vân, chùa Sơn Hạ, chùa Từ Nghiêm.

Tổ Đạo Nhất là người sáng tạo ra tiếng hét đầu tiên. Có một lần Tổ hét quá lớn, đến nỗi Tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng bị điếc tai đến ba ngày. Trong ba ngày đó Tổ Nam Nhạc không nghe được gì cả. Nhưng chính Tổ Lâm Tế lại là người chuyên sử dụng tiếng hét. Và tiếng hét trở thành một pháp môn. Tiếng hét của sư cố (Mã Tổ) truyền lại tới đời của sư chít (Lâm Tế) mới thành ra pháp khí.

Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất. Ý chỉ là đường lối, là tông chỉ. Như ý chỉ của Tổ Đạo Nhất, thuần nhất và không tạp loạn như thế, mà cả ba trăm năm mươi người tới học cũng không nắm bắt được. Tổ Lô Sơn thảnh thơi và chính chân như thế, nắm vững được cả hai chiều thuận nghịch như thế, mà đệ tử cũng còn hoang mang không thăm dò được bờ mé của trí tuệ ngài.

Lô Sơn là một cảnh núi rất đẹp, nhiều người ao ước tới thăm. Ngày xưa có thiền sư Huệ Viễn cư trú trên đó. Tổ Lô Sơn tên là Quy Tông Trí Thường. Tổ Lô Sơn cũng là đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất, ngang hàng với Tổ Bách Trượng. Tổ Lô Sơn có một người đệ tử tên là Đại Ngu (không có nghĩa là rất ngu đâu). Chính nhờ Tổ Đại Ngu mà Tổ Lâm Tế bừng tỉnh và giác ngộ.

Hồi thầy Lâm Tế còn học với Tổ Hoàng Bích, có vị thủ tọa nhắc thầy: 'Chú ở đây lâu rồi tại sao không lên thỉnh thầy để hỏi đạo?' Thầy Lâm Tế lên gặp Tổ Hoàng Bích hỏi về đại ý Phật pháp. Mỗi lần hỏi như vậy thì bị Tổ Hoàng Bích đánh một cái. Cuối cùng quá tuyệt vọng thầy Lâm Tế muốn bỏ ra đi. Vị thủ tọa thấy thầy Lâm Tế là người có khả năng mà bỏ ra đi như vậy thì hơi uổng, cho nên mới lên bạch với Tổ Hoàng Bích: 'Lát nữa nếu thầy đó lên xin từ biệt thì xin hòa thượng nói câu an ủi, chỉ đường cho thầy ấy. Đó là một pháp khí trong tương lai.' Khi thầy Lâm Tế lên thì Tổ Hoàng Bích hỏi: 'Đi đâu?' Thầy Lâm Tế: 'Con chưa biết đi đâu nữa.' Tổ Hoàng Bích: 'Thôi con đi tới Đại Ngu đi.' Đại Ngu là đệ tử của Tổ Lô Sơn. Khi thầy Lâm Tế tới Đại Ngu, thì Đại Ngu hỏi: 'Từ đâu tới?' 'Con từ đạo tràng Hoàng Bích

https://thuviensach.vn

tới.' 'Tạo sao bỏ đi tới đây?' Thầy Lâm Tế liền kể: 'Con ở đó đã bao nhiêu năm, không biết con có làm nên lầm lỗi gì không? Mỗi lần con hỏi về đại ý Phật pháp là bị đánh. Hỏi lần thứ hai bị đánh, hỏi lần thứ ba cũng bị đánh. Con thất vọng quá thành ra xin đi.' Đại Ngu mới nói: 'Thầy là đồ ngu! Lòng từ bi của hòa thượng Hoàng Bích lớn như vậy mà thầy không thấy.' Khi nghe câu đó thì tự nhiên trong lòng của thầy Lâm Tế có sự bừng tỉnh. Thấy rõ ràng cái đánh đó không phải do ghét do giận mà là một pháp môn, đó là pháp môn đoạt cảnh. Ta tìm kiếm một cái gì đó, kẹt vào một ý tưởng nào đó, một vấn đề gì đó, mà sự tìm kiếm không đưa tới kết quả. Cho nên cái đánh của Tổ Hoàng Bích là để cho ta chặt đứt được cái kẹt ấy đi, để ta đừng quen thói đi tìm về phía ấy nữa. Thi sĩ Hoàng Cầm có làm một bài thơ, trong đó có câu như thế này:

Ta ru em.
Lớn lên, em đừng đi tìm mẹ phía cơn mưa

Khi đọc mấy câu thơ đó tôi đã giật mình. Chúng ta đều là những người đi tìm mẹ, đi tìm lý tưởng. Chúng ta đi tìm lý tưởng về cái phía gọi là cách mạng bạo động. Đi về phía ấy, chúng ta sẽ khổ, chúng ta sẽ không tìm thấy mẹ. Thi sĩ Hoàng Cầm cũng là một người đã từng tham gia cách mạng. Văn nghệ sĩ miền Bắc khi diễn tả tâm mình không diễn tả được trực tiếp, cho nên phải nói bóng bẩy, phải nói bằng hình ảnh. Biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam đã lên đường, đã yêu thương giống nòi, đã yêu thương đất nước, muốn cống hiến cuộc đời mình cho đất nước, cho quê hương, đi tìm Tổ quốc, đi tìm tương lai, nhưng đã đi về hướng cách mạng bạo động, rốt cuộc tay mình phải nhúng máu của đồng bào mình, của anh em mình. Những người chiến sĩ Việt Nam khi ra đi, họ ra đi với một tâm hồn rất trong trắng, nhưng rốt cùng lại thì thấy bàn tay mình đẫm máu, máu của người đồng bào không cùng chính kiến. Cuối cùng thì sự tranh đấu đưa tới một tình trạng chia rẽ, tranh giành và tham nhũng. Những người không có công với cách mạng, với cuộc tranh đấu, đã sống nghèo khổ, đói rách, lại bị kỳ thị. Trong khi những người theo xã hội chủ nghĩa thì lên làm lớn. Câu thơ tuy rất đơn sơ nhưng đọc thì rất thấm thía: Ta ru em, lớn lên em đừng đi tìm mẹ phía cơn mưa.

https://thuviensach.vn

Người nào đi tìm sự chứng ngộ giải thoát mà tìm cầu về phía trí năng thì không bao giờ đạt được. Vì vậy thầy Lâm Tế giật mình khi thấy được rõ ràng cái đánh của Tổ Hoàng Bích là giúp chấm dứt sự tìm cầu về cái hướng trí năng. Thầy nói: 'Trời ơi! Thì ra Phật pháp của hòa thượng Hoàng Bích cũng không có gì ghê gớm lắm.' Nếu trong các sư chú sư cô Làng Mai, người nào nghĩ được như vậy về tôi thì người đó cũng khá: 'Thầy Nhất Hạnh đâu có dạy gì nhiều!' Nếu nói được như vậy là giỏi lắm. Nhưng phải có kinh nghiệm trực tiếp mới được nói như thế. Còn nếu nghĩ rằng: 'Trời ơi! Bao giờ mình mới được như Thầy?' là hỏng rồi! Ta sẽ mãi mãi kẹt vào cái mặc cảm thua thiệt.

Lúc ấy, Đại Ngu trừng mắt nói: 'Thầy nói gì? Thầy vừa mới nói đây là không hiểu vì có lỗi gì mà mỗi lần hỏi là bị đánh. Vậy mà bây giờ thầy dám nói là không có gì ghê gớm trong giáo lý của Hoàng Bích?' Thầy Lâm Tế mới co nắm tay lại và thụi thầy Đại Ngu ba cái. Cái đánh đó đã trở thành tình thương. Biết cái đánh đó là tình thương nên Tổ đánh thầy Đại Ngu lại ba cái để tỏ ra mình đang thương thầy Đại Ngu cũng như Tổ Hoàng Bích đã thương mình. Có giác ngộ thì cái đánh mới biểu lộ được tình thương; nếu không, nó chỉ biểu lộ sự ngu dốt hay giận dữ mà thôi. Có một lần, trong một pháp hội lớn, Tổ Lâm Tế nói: 'Ngày xưa, thầy tôi đánh tôi ba cái mà tôi có cảm tưởng như là thầy lấy một cành hoa nhũ hương đưa vào người tôi, đầy tình thương, rất nhẹ nhàng, rất thơm. Tôi còn nhớ mãi cái hạnh phúc, cái sự dịu dàng được thầy tôi đánh cho ba cái. Trong chúng này ai có khả năng thay thế thầy tôi làm lại chuyện đó cho tôi hay không?' Lúc ấy có một thầy đi lên nói: 'Con làm được.' Tổ đưa cho vị ấy một cây gậy. Vị này vừa mới đưa tay ra nhận gậy thì bị Tổ đẩy một cái ngã lăn. Người đó không đủ tư cách để bắt chước Tổ Hoàng Bích. Không phải muốn đánh thì đánh được. Chúng ta thường đánh từ sự u mê giận dữ của mình. Khi Tổ đánh là hoàn toàn xuất phát từ nơi tình thương lớn. Tiếng hét là một pháp môn, cây gậy cũng là một pháp môn. Những pháp khí ấy phải nằm trong tay bậc giác ngộ thì mới được. Trong chúng đệ tử của Tổ Lâm Tế có nhiều người cũng bắt chước thầy mình hét, nhưng tiếng hét của họ không có giá trị gì. Có lần Tổ kêu chúng lại mà nói rằng: 'Đừng có bắt chước tôi! Nếu không phân biệt được

https://thuviensach.vn

chủ với khách, không thấy được Đạo, thì tiếng hét chỉ có hại thôi, không có lợi ích gì. Ví dụ có hai người đồng thời thấy nhau và cùng hét. Nếu không biết được ai là khách, ai là chủ, nếu không thấy được nội dung của tiếng hét thì đừng có hét. Từ rày trở về sau tôi cấm các thầy hét. Nếu các thầy chưa có được tuệ giác, tình thương trong con người của mình.' Tổ đã cảnh cáo như vậy. Nhưng nhiều người vẫn còn bắt chước hét để có vẻ thiền sư.

Tổ Lô Sơn thảnh thơi và chính chân như thế, nắm vững được cả hai chiều thuận nghịch như thế, mà đệ tử cũng còn hoang mang không thăm dò được bờ mé của trí tuệ ngài. Tổ Đan Hà cũng vậy, đùa giỡn với hạt châu, khi ẩn khi hiện, kẻ học nhân tới không ai là không bị Tổ la mắng.

Bị Tổ la mắng là tại ta ngu quá! Ta bị kẹt! Tổ la mắng mà ta còn tìm cách để phân bua thì Tổ không cho ta nói lại. Trong truyền thống thiền môn, khi thầy rầy, ta đâu được nói lại. Dầu cho ta nghĩ thầy có tri giác sai lầm về ta, thầy nói oan cho ta, ta cũng không được nói lại. Tổ Đan Hà khi còn là học trò cứ lận đận với thi cử. Có lần đi thi, Tổ gặp một vị thiện tri thức. Vị đó hỏi:

- Anh đi đâu đó?

- Tôi đi thi.

- Thi để làm gì?

- Thi để làm quan.

- Làm quan đâu bằng làm Phật. Làm Phật sướng hơn nhiều.

Tổ hỏi: 'Làm sao để làm Phật?' Vị thiện tri thức nói: 'Có Tổ Đạo Nhất đang mở đạo tràng lớn, anh tới học với Tổ Đạo Nhất đi.' Chàng thư sinh liền tìm tới Tổ Đạo Nhất. Tổ Đạo Nhất gửi anh tới Tổ Thạch Đầu. Tổ Thạch Đầu ở trên một ngọn núi có những tảng đá rất lớn. Tiếng đồn là những tảng đá trên đó trơn lắm, đi không khéo sẽ té (cái trơn này không phải là cái trơn của đá, mà là cái trơn của giáo lý Thạch Đầu). Đan Hà tới ở với Tổ Thạch Đầu ba năm: cuốc đất, làm vườn,

https://thuviensach.vn

trồng khoai, ngồi thiền, gánh nước, đủ thứ. Có một bữa đại chúng đi chấp tác, ai cũng cầm cuốc cầm thuổng đi làm việc, riêng có Đan Hà là không cầm cuốc cũng không cầm thuổng mà lấy một chậu nước và cầm trong tay một cây dao cạo. Khi mọi người ra làm việc, Đan Hà bưng chậu nước tới Tổ Thạch Đầu rồi lạy xuống và đưa con dao cho Tổ. Tổ Thạch Đầu cười, tiếp nhận dao rồi cạo đầu cho Đan Hà. Đan Hà tu tập dưới sự hướng dẫn của Tổ Thạch Đầu rất thành công. Ba năm sau, Đan Hà trở về với Tổ Đạo Nhất. Trở về chùa, Đan Hà đi thẳng vào Tổ Đường mà không đảnh lễ, còn leo lên ngồi trên lưng tượng đức Văn Thù. Đại chúng thấy vậy thất kinh không dám làm gì, lên thưa với Tổ Đạo Nhất. Xuống Tổ Đường thấy Đan Hà thản nhiên ngồi trên tượng đức Văn Thù, Tổ Đạo Nhất thích quá liền nói: 'Ô! Ngã tử thiên nhiên.' Ngã tử là con tôi. Thiên nhiên là tự nhiên. Dịch là 'Thiên Nhiên con ta.' Lúc đó Đan Hà mới bước xuống lạy Tổ: 'Cám ơn hòa thượng đã cho con pháp danh.' Từ đó Tổ Đan Hà có tên là Đan Hà Thiên Nhiên. Đan Hà là tên của một ngọn núi, và vì Tổ cư trú trên đó nên có tên là Đan Hà. Tổ Đan Hà sanh năm 739, tịch năm 824. Có lần Tổ tới chùa Huê Lâm vào mùa Đông, khí hậu rất lạnh. Tổ thấy mọi người trong chùa tu học rất siêng nhưng lại cố chấp, thà chịu rét, chịu cóng chứ không có củi sưởi. Tổ bèn lấy một tượng Phật bằng gỗ, chẻ ra và bỏ vào lò để sưởi. Tất cả các thầy ở trong chùa đều phản đối. Họ đi thưa với thầy viện chủ.

Viện chủ hỏi: 'Tại sao dám đốt tượng Phật?'

Tổ Đan Hà lấy cây que khơi tìm trong tro.

Viện chủ hỏi: 'Tìm cái gì?'

Tổ nói: 'Tìm ngọc xá lợi.'

Viện chủ hỏi: 'Tượng gỗ làm sao có xá lợi?'

Tổ mới nói: 'Nếu tượng này không có xá lợi thì đem mấy cái tượng gỗ khác xuống đốt cho luôn.'

Lúc đó vị viện chủ giác ngộ, biết rằng đây là một bài học cho mình. Đốt một tượng Phật mà có thể giúp cho người khác giác ngộ thì cũng

https://thuviensach.vn

không tốn kém gì. Đó là câu chuyện về Tổ Đan Hà. Tổ Đan Hà có làm những bài thơ thật là diễm lệ, trong đó có bài nói về đề tài hạt châu, cho nên Tổ Lâm Tế mới nói: Tổ Đan Hà cũng vậy, đùa giỡn với hạt châu, khi ẩn khi hiện, kẻ học nhân tới không ai là không bị Tổ la mắng. Ngày xưa các Tổ như vậy, bây giờ thầy ta có la rầy sơ sơ thì ta cũng đừng nên buồn; sư anh, sư chị có la rầy sơ sơ cũng đừng nên buồn.

Hành tung của Tổ Ma Cốc thì đắng như vỏ cây Hoàng bá, ai đến gần cũng không được.

Cây Hoàng bá có vỏ rất đắng, và người ta dùng vỏ của nó để làm thuốc. Khi nấu nước với vỏ cây Hoàng bá, nước sẽ có màu vàng, và ta có thể dùng để nhuộm y. Tiếng La Tinh của cây Hoàng bá là phellodendron amurense. Đắng như vỏ cây Hoàng bá nhưng lại trị được bệnh. Đôi khi những lời dạy dỗ của thầy ta đắng như vậy, cay như vậy nhưng trong đó có rất nhiều chất trị liệu. Nếu hảo ngọt quen rồi thì ta không có cơ hội lớn lên. Chính những cái đắng đó sẽ làm cho ta nên người.

Tổ Thạch Củng thì bí quyết là tìm người trên đầu một mũi tên làm cho ai nấy cũng đều sợ hãi.

Ai tới tham vấn Tổ Thạch Củng, Tổ cũng đưa cung lên và nhắm vào người đó làm người nào cũng sợ. Trước khi đi tu, Tổ Thạch Củng là một người thợ săn, bắn cung rất giỏi. Có một lần đi ngang qua thất của Mã Tổ Đạo Nhất, gặp Mã Tổ đang làm vườn, Thạch Củng hỏi: 'Trong núi này có nai không?'

Mã Tổ Đạo Nhất: 'Hỏi để làm gì vậy?'

Thạch Củng: 'Con là người chuyên môn bắn nai.'

Mã Tổ: 'Mỗi mũi tên bắn được mấy con?'

Thạch Củng: 'Bắn mỗi lần được một con. Bắn trăm phát trăm trúng.'

Mã Tổ cười: 'Như vậy là chưa biết bắn nai. Bắn một phát trúng một con thì nhằm nhò gì.'

https://thuviensach.vn

Thạch Củng: 'Như vậy thầy biết bắn không?'

Mã Tổ: 'Biết chứ sao không!'

Thạch Củng: 'Bắn một lần được mấy con?'

Mã Tổ: 'Bắn trúng cả đàn với một mũi tên.'

Thạch Củng (tuy là thợ săn, nhưng trong lòng vẫn còn ý niệm về sinh môi): 'Nai cũng là sinh mạng, bắn một con để sinh sống thôi, tại sao thầy lại phải bắn hết cả đàn nai như vậy? Thầy nói như vậy con không hiểu? Lòng từ bi của thầy để ở đâu?'

Lúc đó Mã Tổ cười nói: 'Biết như vậy tại sao anh không bắn anh một phát đi?'

Thạch Củng nói: 'Thầy nói vậy con cũng chưa hiểu.'

Mã Tổ nói: 'A! Anh chàng này tuy trong bao nhiêu kiếp nghiệp chướng chất chứa nặng nề u tối như thế mà ngày hôm nay có cơ hội chấm dứt được rồi.'

Nghe câu nói ấy, người thợ săn Thạch Củng quỳ xuống xin làm đệ tử xuất gia. Từ đó Thạch Củng không còn săn bắn nữa, nhưng thầy vẫn giữ cây cung để làm kỷ niệm. Và cây cung đó giờ đây trở thành một pháp khí. Mỗi khi có người đến tham vấn, ngài giương cung lên làm người kia khiếp sợ. Mấy chục năm như vậy, ai cũng sợ ngài cả. Một hôm, có một thầy tên là Tam Bình Nghĩa Trung tới tham vấn. Tổ Thạch Củng cũng giương cung ra. Tam Bình chịu chơi, cởi áo tràng đưa ngực ra, nói: 'Thầy bắn đi! Mũi tên này là mũi tên giết người. Còn mũi tên cứu người ở đâu, sao không đem ra sử dụng?' Nghe nói vậy, Tổ Thạch Củng mới giật giây cung ba lần: Bưng! Bưng! Bưng! Thầy Nghĩa Trung xá và lạy xuống, coi như mình đã nhận được mũi tên cứu người và trở thành đệ tử. Lúc đó Tổ Thạch Củng nói: 'Trời đất ơi! Ba mươi năm đi tìm một người, bây giờ mới tìm ra được.' Từ đó về sau, Tổ Thạch Củng bẻ gãy cây cung.

https://thuviensach.vn

Tổ Thạch Củng thì bí quyết là tìm người trên đầu một mũi tên làm cho ai nấy cũng đều sợ hãi. Còn cái cách hành xử của ông thầy tu núi là tôi đây thì đó là sự thành hoại chân thực (chân chính thành hoại).

Thành hoại đây có nghĩa là một cái gì đó bị phá hoại đi, và khi cái đó bị hủy hoại rồi mới thực sự dựng ra được một cái mới (new being). Những lời dạy của Tổ, những pháp môn của Tổ là những phương tiện để đập vỡ, để giải cứu. Khi vô minh bị phá hoại thì trí tuệ được sanh ra, đó gọi là chân chính thành hoại. Đây không phải là sự thành hoại tầm thường, đây là sự thành hoại siêu việt. Thành để mà hoại, hoại để mà thành trở lại. Đó là quá trình chết đi sống lại. Có chết đi trong đời sống u mê mới sinh ra trong đời sống trí tuệ. Có chết đi trong đời sống vướng mắc mới sinh ra trong đời sống tự do.

Tôi đùa bỡn với sự thần biến tâm linh.

Có thần thông biến hóa, ta muốn gì được nấy và ta có thể đùa bỡn được. Ta sử dụng thần thông một cách rất tự nhiên và tự do. Khi nâng chén trà lên uống, ta sử dụng trí tuệ (tâm chiếu sáng) để thấy tất cả Tổ tiên tâm linh và Tổ tiên huyết thống của ta cũng đồng thời đưa hai tay nâng chén trà lên uống. Đây là sự thật, không phải tưởng tượng. Khoa học cho biết, tất cả vốn liếng di truyền của Tổ tiên huyết thống đều đang có mặt trong từng tế bào của cơ thể ta dưới hình dạng của những nhiễm thể; tất cả những thành công, thất bại, khổ đau và hạnh phúc của Tổ tiên huyết thống đều đã được trao truyền trong từng tế bào của ta; những tuệ giác, những thành công và những thất bại của Tổ tiên tâm linh cũng đã trao truyền cho ta. Chỉ cần sử dụng tâm là thấy được, đó là phép lạ, đó là thần biến. Khi bước một bước chân, ta thấy tất cả Tổ tiên cùng bước một lần, cùng có mặt một lần, đó là thần biến. Và người nào làm cũng được. Ví dụ như ta đang ngồi đây. Ngồi có ý thức, ngồi có chánh niệm thì thấy rằng chỗ ta đang ngồi đây đã có hàng trăm, hàng vạn, hàng triệu người đã từng ngồi đây. Có khi nào ngồi, mà ta thấy được điều đó không? Thấy rằng có những người, những sinh vật đã sinh ra ngay ở chỗ này, và có những người, những sinh vật cũng đã chết ngay ở chỗ này, vì bị người ta bắn, vì già, vì bệnh.

https://thuviensach.vn

Nếu ngồi với trí tuệ, ta thấy có thể có một đức Thế Tôn đã sinh ra, đã nhập diệt ngay chỗ ta đang ngồi. Thấy được như vậy, tức là ta đang sử dụng cái tâm sáng chói của ta. Nhưng trong đời sống hằng ngày, ta không biết sử dụng cái tâm đó, ta sống u mê trong sự quên lãng; ta uống trà như một người mê ngủ; ta bước đi như một kẻ mộng du.

Còn cái cách hành xử của ông thầy tu núi là tôi đây thì đó là sự thành hoại chân thật (chân chính thành hoại). Tôi đùa bỡn với sự thần biến tâm linh, tôi đi vào được trong tất cả mọi cơ cảnh.

Trong mọi hoàn cảnh, mọi căn cơ tôi đều đi vào được hết: thế giới Tịnh Độ, tôi cũng đi vào được; địa ngục, tôi cũng đi vào được; trong tâm của anh, trong tâm của chị, tôi đều đi vào được.

Và ở đâu tôi cũng duy trì được (bản lĩnh của mình) là vô sự, cảnh không bao giờ đoạt được tôi.

Ở hoàn cảnh nào, căn cơ nào, tôi cũng đi vào với con người tự do. Bất cứ một đối tượng nhận thức nào cũng không thể bắt tôi được. Đi vào sắc với con người tự do, sắc không bắt được tôi; đi vào thanh, tôi cũng tự do, thanh không bắt được tôi; tôi đi vào pháp (những tư tưởng uyên áo kỳ diệu là đối tượng của ý), chúng cũng không bắt được tôi, tôi vẫn tự do như thường, vì tôi là người vô sự. Đọc một cuốn sách mà bị mê là không có tự do; mê hết phim bộ này tới phim bộ khác là không có tự do. Mê tức là bị Ma bắt rồi. Con Ma đó có khi là Ma Phật, có khi là Ma Pháp. Người ta nói rằng người nào bị ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thụy) lôi kéo tức là người đó bị Ma kéo. Nhưng nếu ta bị những tư tưởng uyên áo, những hình ảnh tốt đẹp hấp dẫn như hình ảnh của Bụt, Bồ-tát, Tỳ-lô-giá-na... lôi kéo, thì đó cũng là Ma. Như vậy, ta đang bị cảnh đoạt, ta không phải là người tự do, ta không phải là người vô sự.

Nếu có ai tới tìm, tôi sẽ đi ra nhìn người ấy.

Nhìn bằng con mắt nào? Bằng con mắt quán chiếu, Tổ thấy được chiều sâu, thấy được tim đen của người đó. Người đó có thao thức gì, có đam mê gì, có ý nguyện gì, đang bị kẹt vào cái gì, Tổ đều thấy

https://thuviensach.vn

được hết. Ta lấy kinh nghiệm của ta, tuệ giác của ta để nhìn, gọi là quán cơ. Quán cơ tức là nhìn trường hợp của người kia để biết, nếu không biết thì không giúp được người kia.

Kẻ ấy không biết tôi. Kẻ ấy vì chưa có con mắt quán chiếu nên kẻ ấy không biết Tổ, nhưng Tổ có con mắt quán chiếu nên Tổ biết kẻ ấy. Khi biết được thế gian, biết được con người, biết được cuộc đời (thế gian giải), thì ta mới có thể độ được thế gian, độ được cuộc đời, độ được con người. Thế gian giải (lokavidhu) là một trong mười tôn hiệu của đức Thế Tôn. Thiền sư có thể hiểu được con người, nhưng con người chưa hiểu được thiền sư.

Kẻ ấy không biết tôi. Tôi liền mặc áo vào. Áo có nhiều thứ. Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi.

Ai cũng phải mặc vào mình một cái áo. Thầy là cái áo, đệ tử là cái áo, xuất gia là cái áo, tại gia là cái áo..., tất cả đều là áo. Năm 1951, có ông công an đến chùa Linh Sơn ở Đà Lạt để tìm tôi, vì ông nghe nói tôi có những tư tưởng thân kháng chiến. Lúc đó, tôi đã xuất bản những tập thơ, những cuốn sách rồi. Tới chùa gặp tôi (lúc đó, tôi mặc chiếc áo nhật bình), ông hỏi: 'Chú cho tôi gặp thầy Nhất Hạnh.' Tôi nói: 'Dạ, bác ngồi đây chờ một chút.' Tôi đi lên lầu mặc áo tràng vô rồi đi xuống, và nói: 'Thưa ông, tôi là thầy Nhất Hạnh.' Hai cái áo, cái nào đã là thầy Nhất Hạnh? Áo nhật bình chưa chắc là thầy Nhất Hạnh, mà áo tràng cũng chưa chắc là thầy Nhất Hạnh. Ông công an có vẻ ngạc nhiên thấy ông thầy này kỳ lạ.

Tôi liền mặc áo vào. Áo có nhiều thứ. Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải.

Tức là người này (học nhân) có những ý niệm về vị thiền sư: thiền sư này hay, thiền sư này thanh tịnh giải thoát, thiền sư này vững chãi thảnh thơi, thiền sư này có những kiến giải siêu việt như vậy... Kẻ học nhân nhìn thấy áo, trong tâm liền phát sinh kiến giải, kẹt ngay vào ngôn cú của tôi. Khi nói, Tổ phải dùng danh từ, nhưng khi nghe một cái gì thì người ta kẹt vào cái đó. Ví dụ ta học pháp môn chánh niệm,

https://thuviensach.vn

ta thấy chánh niệm hay quá, rồi cho chánh niệm là cái hay nhất trong đời. Chánh niệm trở thành ra cái gông cùm. Trong khi đó ta không thực tập chánh niệm, ta không thực sự biết chánh niệm gì. Trong chúng ta, nhiều người có khuynh hướng truyền đạo (missionary). Ta không ưa tu, ta chỉ ưa truyền đạo. Có tư tưởng gì hay, ta muốn đem đi truyền bá ngay. Ta lấy thời giờ và cả cuộc đời của ta để làm một nhà truyền giáo, quảng bá cái tư tưởng mà ta tin là chân lý. Đó là phong cách của rất nhiều người.

Tội nghiệp cái ông thầy đui mù không mắt này quá đi; ông ta nhận lầm cái áo là tôi, cho tôi là hoặc vàng hoặc xanh hoặc trắng hoặc đỏ.

Anh đang kẹt vào những cái áo đó. Cố nhiên áo thì có nhiều màu: màu Bụt, màu Duyên giác, màu Thanh văn, màu Bồ-tát, v.v...

Thấy thế tôi mới cởi hết áo đi và để lộ cái 'thanh tịnh' ra.

Thanh tịnh ở đây tức là phải vượt thoát những ý niệm Bụt, Duyên giác, Thanh văn... Tôi mới cởi hết áo đi, những cái áo là những giả danh, những phương tiện mà ta chẳng nên kẹt vào. Giáo lý về giả danh, giáo lý về phương tiện, những giảng giải, những ý niệm về Bụt, Bồ-tát, giải thoát v.v... đều là những loại áo. Tổ không kẹt vào những danh từ, và Tổ cũng không muốn người kia bị kẹt vào, đó gọi là lộ cái thanh tịnh ra. Dùng áo để diệt áo. Như người ta chấp vào Có thì mình hiến tặng giáo lý Không. Cái áo Không là giúp để lột cái áo Có. Đến khi lột được cả áo Không thì mới là thanh tịnh. Nhưng cũng đừng chấp vào cái thanh tịnh, vì nó cũng là một thứ áo.

Vị học nhân thấy thế, liền sinh tâm vui mừng và ham muốn.

Chúng ta rất hâm mộ những cái gọi là thanh tịnh, Niết Bàn, vượt thoát sinh tử... Cho nên khi thấy được như thế tưởng là mình nắm được Niết Bàn rồi.

Tôi liền cởi bỏ luôn cái áo 'thanh tịnh' ấy ra nữa. Bấy giờ kẻ học nhân thất kinh, hoang mang, cuống cuồng bỏ chạy, nói rằng tôi 'trần truồng như nhộng'.

https://thuviensach.vn

‘Con người thật’ không có áo, dù đó là áo Bụt, áo Bồ-tát, áo Duyên giác, áo Thanh văn, áo Niết Bàn. Thật ra, Niết Bàn là sự vắng mặt của tất cả các thứ áo, kể cả cái áo có tên là Niết Bàn. Tới đây thì chúng ta biết thêm về con người thật (chân nhân) của chúng ta. Con người thật không phải là con người muốn gì làm đó. Bấy giờ kẻ học nhân thất kinh, hoang mang, cuống cuồng bỏ chạy, nói rằng tôi ‘trần truồng như nhộng’. Nhộng là một loại sâu làm ra tơ lụa. Đọc đến đây, tôi nhớ tới câu chuyện thần kỳ của Andersen. Andersen là một nhà văn Đan Mạch chuyên viết truyện đời xưa. Câu chuyện như thế này:

“Ngày xưa có một ông vua ưa mặc áo đẹp. Vua muốn những thứ lụa là vải vóc đẹp nhất xứ đem đến để may áo cho ông. Những ông thợ may giỏi nhất xứ đều tới để phục vụ cho vua. Một hôm, có ông thợ may tới nói với vua rằng: ‘Muôn tâu bệ hạ, thứ lụa mà hạ thần tìm được này rất hy hữu, có một không hai trên thế giới.’ Và ông ta đưa tấm lụa đó ra, nhưng vua không thấy. Ông thợ nói tiếp: ‘Muôn tâu bệ hạ, tấm lụa này chỉ những người có đức hạnh mới thấy, còn những người có những tội lỗi đầy trời thì không bao giờ thấy được.’ Vua muốn được công nhận mình là người có đức hạnh, cho nên vua nói: ‘Chà! Lụa đẹp thật đó. Vậy thì khanh may cho ta một cái áo thật đẹp với thứ lụa này.’ Vua hỏi các quan trong triều: ‘Các khanh thấy sao? Có đẹp không?’ Ai cũng xuýt xoa khen đẹp, không ai dám nói rằng mình không thấy. Người nào không thấy sẽ bị coi là người có tội lỗi, là người không có đức hạnh. Thấy ai cũng khen, vua càng tin chắc rằng thứ lụa này quả thật hy hữu và đẹp nhất trên thế giới. Ông thợ nói: ‘Hạ thần cần một tháng rưỡi mới may xong và dâng lên cho bệ hạ.’ Đến ngày thử áo, vua mời cung tần mỹ nữ và hoàng gia tới để xem. Người nào cũng tán thưởng: ‘Hoàng thượng hôm nay mặc cái áo đẹp quá trời!’ Ai ai cũng khen ngợi là áo tuyệt đẹp. Có người đề nghị vua nên mở một cuộc diễn hành trong thủ đô để mọi người đều có dịp nhìn thấy cái áo đẹp chưa bao giờ từng có.

Dân chúng đã được loan báo là nhà vua sẽ mặc cái áo tơ lụa đẹp nhất, hiếm có nhất. Hôm đó, xe giá đi tới đâu vua cũng được nghe tung hô: ‘Hôm nay hoàng đế mặc cái áo đẹp nhất!’ Đến khi đám rước đi qua một ngã tư thì có một đứa bé la lên: ‘A! Cha ơi, ông này không có mặc

https://thuviensach.vn

quần áo!' Cha của đứa bé la lên hết hồn: 'Mày đừng có nói bậy!' Và vội kéo thằng nhỏ vô nhà, người cha sợ cả nhà sẽ bị vua chém đầu. Và cái sự thật đã được một đứa con nít nói ra, chỉ vì nó không sợ chết, và không có mặc cảm tội lỗi."

Đó là câu chuyện của Andersen. Ông vua không có áo mà tất cả thần dân trong nước đều khen là vua mặc áo đẹp. Đây là chuyện có thiệt. Có những vị giáo chủ, những bậc đạo sư giả hiệu được nhiều người nép phục tôn thờ. Những người đó kỳ thực trần truồng như ông vua kể trên, không có một manh áo đạo đức, không có một manh áo tuệ giác, nhưng vẫn được người ta tôn phục như thường. Nhưng những cái áo đó là những tạo tác thuần túy của tâm ý.

Chuyện mặc áo cũng như chuyện thấy áo là đề tài rất thú vị.

Đời nay, người tu không đạt được đạo cũng vì cứ nhận lầm danh tự làm kiến giải.

Mục đích của người tu là đạt được đạo. Đạo ở đây nghĩa là có tuệ giác, và tuệ giác này có khả năng chuyển hóa những khổ đau, cho ta sự tự do. Ngày xưa, đạo có nghĩa như vậy. Còn mớ kiến thức ta thâu lượm được thì chỉ cất chứa thêm, chứ nó không có khả năng diệt trừ phiền não và cho ta sự tự do. Tổ Lâm Tế nói: 'Sở dĩ ngày nay thiên hạ đi tu nhiều mà không đạt đạo là vì họ lầm kiến thức là kiến giải, kiến thức là tuệ giác.' Họ nghĩ là phải học kinh, nghiên cứu kinh thì họ có thể có tuệ giác, chứ họ không nghĩ rằng học kinh và nghiên cứu kinh thì chỉ có thêm phần kiến thức mà thôi. Đây là lời nói của Tổ. Sở dĩ Tổ nói như vậy là vì hoàn cảnh xung quanh Tổ như vậy.

Tại các trường đại học Phật học bây giờ, họ cung cấp kiến thức rất nhiều. Nhiều trường đại học có chương trình tiến sĩ Phật học. Đứng về phương diện bác ngữ học cũng như đứng về phương diện sử học, triết học, thì họ nắm rất vững. Nhưng tất cả những điều họ thâu nhận được trong bao nhiêu năm ở trường đại học chỉ là một mớ kiến thức Phật học mà thôi. Trường đại học có thể làm cho người ta trở thành một vị tiến sĩ Phật học (Ph.D. in Buddhist studies), nhưng đó chưa

https://thuviensach.vn

phải là tuệ giác. Kiến thức không có khả năng chuyển hóa khổ đau và làm cho ta thành ra người tự do.

Người đi tu rất đông, người học đạo cũng rất đông. Nhưng họ chỉ đi tìm kiến thức trong kinh điển, nghiên cứu, viết lách, giảng diễn, truyền bá, để rồi họ lập ra những chủ thuyết mới. Tất cả những điều ấy đều thuộc về phạm vi kiến thức (knowledge). Chính vì những tệ lậu ấy, Tổ đã phải dùng những biện pháp rất mạnh như la, mắng, hét, đánh... để ngăn ta đừng đi theo con đường đó nữa. Sự kiện đó không phải chỉ có vào thời nhà Đường, mà bây giờ ở Trung Hoa, ở Việt Nam, ở Mỹ cũng đều như vậy: nghiên cứu cho nhiều, biên tập kinh sách cho nhiều, học kiến thức để lấy bằng tiến sĩ Phật học, nói giáo lý đến sùi bọt mép. Trong khi đó, phiền não, tham đắm và u mê ở trong ta vẫn còn y nguyên như cũ. Ta không có chút tự do nào cả trong đời sống của ta; tự do đối với những buồn đau quá khứ, với những lo lắng tương lai; liên hệ giữa ta với những người thương rất khó khăn... Tất cả những điều ấy ta không vượt thoát được.

Họ ghi chép lại những câu nói, những lời lẽ của các ông già đã chết vào trong một cuốn sách lớn, đem cất dấu trong bốn năm lớp túi vải, không cho ai nhìn thấy, cho những điều ghi chép trong đó là 'huyền chỉ', rồi cất dấu bảo trọng.

Các ông già đã chết tức là các bậc Tổ sư. Các bậc Tổ sư người nào cũng để lại những ngữ lục (những tác phẩm vĩ đại). Khi đọc sách nhiều, thấy câu nào thích thú, ta trích ra và ghi vào một cuốn vở dày. Có nhiều người làm như vậy. Những câu ta cho là uyên áo thì ta ghi chép lại coi như châu báu của đời ta. Ngày xưa người ta dùng những vải vàng, vải nâu quấn lại và cất dấu như bảo vật. Bây giờ ta có thể để trong va-li hoặc chỗ nào ta cho là quý.

Lầm to! Này bọn mù kia, trong những khúc xương khô ấy, các anh tìm sao cho ra một giọt nước mát ?

Nghĩa là trong những lời nói của cổ nhân (Bụt cũng là cổ nhân), của kinh điển, làm sao tìm ra được tuệ giác? Những tư tưởng uyên áo có thể hướng dẫn ta, có thể giúp ta trở về để chọc thủng màn vô minh

https://thuviensach.vn

trong tâm ta, nhưng đó không phải là tuệ giác. Tuệ giác chỉ lóe ra như một làn chớp. Tuệ giác chỉ có thể tìm thấy trong sự sống hằng ngày của mình, trong tâm của mình, chứ không phải ở trong kinh điển. Tìm tuệ giác ở trong kinh điển cũng giống như tìm những giọt nước mát trong một khúc xương khô.

Có rất nhiều người trong chúng ta nghĩ rằng bản thân ta không có gì hết, cho nên ta phải đi tìm nơi những lời nói của cổ nhân. Nhưng cổ nhân đã chết rồi, những cái họ để lại chỉ là những cái xác khô. Những lời cổ nhân đã nói, những điều cổ nhân đã làm, là để giúp cho những người đương thời phá bỏ những tà kiến, những cố chấp, thì những điều đó được ghi chép lại cho đời sau.

Có lần tôi ngồi trong một buổi hội thảo bên Hà Lan (Amsterdam), trong đó có nhiều nhà trí thức, nhiều vị linh mục, và nhiều vị giáo sư thần học. Có một vị giáo sư thần học đứng dậy hỏi tôi một câu: 'Ở trong cuốn 'Hoa Sen Trong Biển Lửa' thầy đã nói rằng...' và ông đã trích câu nói đó, rồi ông hỏi: 'Tại sao thầy lại nói như vậy? Vì lý do gì, với mục đích gì, thầy đã nói như vậy?' Tôi viết cuốn 'Hoa Sen Trong Biển Lửa' vào năm 1966, mà năm ông hỏi tôi là năm 1986, tức là cách đó hai mươi năm sau. Tôi mới nhìn ông nói: 'Tôi đâu có viết cuốn Hoa Sen Trong Biển Lửa.' (I didn't write the book. It's not me who wrote that book.) Ông rất lấy làm ngạc nhiên, tại vì ông đã đọc cuốn sách đó rất kỹ. Trên bìa sách đã đề tên Thích Nhất Hạnh rất rõ ràng. Thích Nhất Hạnh đang đứng trước mặt ông, vậy mà người này dám chối là không có viết cuốn sách đó. Ông giáo sư thần học sẽ không thể nào hiểu được với bộ óc quen suy luận theo đường lối cũ. Sự thật rõ ràng là người đang đứng trước mặt ông là một thực thể sống động, vậy mà ông không tiếp xúc được với người đó, ông để mình tiếp xúc với một bóng ma của hai mươi năm về trước. Hai mươi năm về trước, Thích Nhất Hạnh đã nói những câu trong quyển sách đó là để giải quyết những vấn đề của hai mươi năm về trước. Hiện tại, Thích Nhất Hạnh đang ở đây, đang uống trà, đang đàm luận với nhau về những vấn đề thuộc sự sống ngày nay, ông không tiếp xúc với cái hiện tại của tôi mà lại muốn tiếp xúc với một bóng ma của quá khứ. Lúc đó, tôi thấy rất rõ như vậy cho nên tôi mới nói: 'Tôi đâu có viết cuốn đó!'

https://thuviensach.vn

Tôi tức là tôi của ngày hôm nay, còn người viết cuốn sách đó đã chết rồi. Nhưng không biết ông giáo sư thần học ấy có hiểu hay không? Đó là ngôn ngữ của thiền. Ta đang có mặt như là một thực tại linh động mà không tiếp xúc, lại tìm trong một cuốn sách xa xưa bụi bám đầy một câu không ất giáp gì tới hiện cảnh để hỏi, thì có phải là buồn cười không? Người đó đã chết rồi! Sao ta lại lôi những cái đó ra để nghiên cứu, trong khi sự sống tràn đầy có mặt đích thực trong giây phút hiện tại mà không chịu tiếp xúc? Thành ra câu 'Tôi không phải là tác giả viết cuốn sách đó.' mà được nói vào đời nhà Đường thì nó có thể trở thành một câu công án. Ông đã viết cuốn đó, vậy mà bây giờ trước mặt một số đông trí thức, ông dám chối là không có viết cuốn đó. Ông nói thật hay nói giả? Đó là một công án. Công án đó có thể tham khảo, và ta có thể giác ngộ được nhờ công án ấy. Cũng như công án 'Cây tùng trước sân' của thiền sư Triệu Châu vậy.

Có một lần ngài được đệ tử hỏi về mục đích của Tổ Đạt Ma qua bên Tàu để làm gì. Thiền sư Triệu Châu mới nói: 'Ưm! Nhìn cây tùng trước sân (the cypress in the front yard) kìa.' Câu nói của thiền sư Triệu Châu cũng đi theo tinh thần đó. Sự sống rất mầu nhiệm đang có mặt trong giây phút hiện tại. Sư chú đã đi ra, đi vào, đi ngang qua cây tùng mỗi ngày bao nhiêu lần mà sư chú không thấy được (không có chánh niệm) sự có mặt mầu nhiệm của cây tùng, sư chú lại hỏi một câu chuyện về ông già ngày xưa, từ thế kỷ thứ năm, thứ sáu, để muốn biết ông già ấy qua bên này với mục đích gì? Câu nói ấy của thiền sư Triệu Châu, theo tôi thì rất rõ: 'Sư chú có thấy cây tùng trước sân không?' Đó là một thực tại mầu nhiệm. Ta không chịu sống trong giây phút hiện tại, mà ta lại kẹt vào một câu nói ngày xưa. Ta đi tìm hiểu những điều ấy để làm gì? Những câu nói ấy rất thiền. Có vị thiền sư thay vì trả lời cho những câu hỏi 'Đại ý Phật pháp là gì? Tổ sư bên Ấn Độ qua đây để làm gì?' đã trả lời: 'Ăn cháo chưa?' 'Dạ con ăn rồi.' 'Vậy thì đi rửa chén đi!' Đó là chân lý, đó là sự thực tập hằng ngày, đó là tiếp xúc với sự thật mầu nhiệm trong giây phút hiện tại.

Câu nói của thiền sư Triệu Châu trở thành một công án rất nổi tiếng, và nó bắt đầu được lan ra khắp nước. Trong nước, ai cũng bàn tới câu đó. Họ nghĩ là trong câu đó có những ý tưởng sâu xa huyền bí vô

https://thuviensach.vn

cùng. Có những người ngồi hằng giờ, hằng ngày để suy nghĩ xem trong câu ấy có chất chứa những ý tưởng gì cao siêu mầu nhiệm không. Sau khi thiền sư Triệu Châu tịch rồi, người ta vẫn tiếp tục tham khảo công án 'Cây tùng trước sân' (đình tiền bách thọ tử), cũng như công án 'Con chó có Phật tánh hay không?' Một hôm có một vị cao đệ của thiền sư Triệu Châu tới thăm một ngôi chùa. Trong chùa có người biết vị cao đệ này đã có mặt trong lúc Tổ Triệu Châu đã tuyên bố câu nói bất hủ ấy. Họ hỏi thăm về chuyện cây tùng. Vị cao đệ đáp: 'Đâu có! Thầy tôi chưa bao giờ nói câu 'cây tùng trước sân cả.'' Vị cao đệ chối phăng. (Trường hợp này giống hệt câu thầy Nhất Hạnh đã nói 'Tôi đâu có viết cuốn Hoa Sen Trong Biển Lửa.') Những người trong chùa vẫn khăng khăng nói: 'Không phải như vậy, thượng tọa nói đùa hả! Cả nước ai cũng biết thiền sư Triệu Châu đã nói câu ấy. Câu ấy đã trở thành một công án nổi tiếng khắp nước. Tại sao thượng tọa lại nói là thiền sư không có nói?' Vị thượng tọa cũng đã trở thành thiền sư, nhìn thẳng vào người hỏi mà nói rằng: 'Tôi lặp lại lần thứ hai. Thầy tôi chưa bao giờ nói câu ấy. Đừng vu oan giá họa cho thầy tôi.' Khi đọc ngang đây, ta hiểu ngay rằng vị cao đệ của thiền sư Triệu Châu nói câu ấy là để trị bệnh cho vị này. Đêm này sang đêm khác, ngày này sang ngày khác, tháng này sang tháng khác, năm này sang năm khác, miệt mài nghiên cứu, tìm hiểu, đào bới ý nghĩa sâu sắc ở trong câu 'Cây tùng trước sân'. Vậy thì chặt quách cây tùng đó đi cho rồi, để nó sống chỉ làm mất thì giờ của thiên hạ. Do vị cao đệ đã dùng được phương pháp của thiền sư Lâm Tế là lấy gươm trí tuệ chặt đứt cây tùng, cho nên vị cao đệ mới có can đảm nói: 'Thầy tôi chưa bao giờ nói tới cây tùng. Đừng vu oan giá họa cho thầy tôi.' Một câu nói có khả năng của một lưỡi gươm chặt đứt tất cả những ý đồ đi tìm cầu chân lý trong những văn tự, trong những câu nói.

Này bọn mù kia, trong những khúc xương khô ấy, các anh tìm sao cho ra một giọt nước mát?

Tổ dạy như vậy, Tổ la hét như vậy, vậy mà bây giờ đệ tử Tổ cũng lặp lại y hệt những lỗi lầm như vậy. Vẫn đi theo những khúc xương khô để kiếm tìm những giọt nước mát (vẫn nghiên cứu kinh điển, vẫn tham công án để mong cầu giải thoát, giác ngộ).

https://thuviensach.vn

Có một bọn không biết thế nào là xấu tốt, từ trong giáo pháp rút ra những huyền đàm hý luận.

Có những học giả tạo ra những hệ thống triết lý gọi là triết học Phật giáo, huyền học Phật giáo, tư tưởng giải thoát trong đạo Phật, tư tưởng chân như trong đạo Phật. Từ trong giáo pháp rút ra những huyền đàm hý luận. Huyền đàm tức là những suy đoán về tinh thần và vật chất (Meta physical speculation). Hý luận là những sự đàm luận không có ích lợi, nói chơi cho sướng miệng mà thôi. Hý tức là vui chơi như trong từ hý trường (entertainment center).

Chế thành văn cú lý nghĩa, giống như bỏ vào miệng những cục phân rồi nhả ra và mớm lại cho kẻ khác.

Tạo ra những lý thuyết, lập ra những hệ thống tư tưởng gọi là Phật giáo, rồi dương dương tự đắc cho là ta thông hiểu Phật pháp. Tổ nói, những điều ấy như bỏ vào miệng những cục phân rồi nhả ra mớm lại cho người khác, chỉ làm cho người khác bị ô nhiễm theo.

Chẳng khác gì người thế tục chơi trò chuyền miệng.

Trò chuyền miệng là trò chơi trong đó mọi người đứng thành một hàng dài, người đầu tiên nói vào tai người thứ hai một câu, rồi người thứ hai chuyền câu nói đó cho người thứ ba, cứ vậy chuyền tiếp tục cho đến người cuối cùng. Rốt cuộc, khi người cuối cùng nói ra cho mọi người nghe thì thành một câu hoàn toàn khác.

Năm đó, có một bà gửi đứa con trai về Làng Mai tu học. Trước khi đi, bà nhắn đứa con: 'Tu học xong, trước khi về con thưa với sư cô Chân Không cho má thỉnh một bộ Đường Xưa Mây Trắng.' Nhưng sau hai tuần, trước khi về, đứa con trai lên thưa với sư cô: 'Má con bảo con thưa với sư cô là sư cô cho má con một cái áo sơ mi trắng.' Đường Xưa Mây Trắng thành áo sơ mi trắng. Chuyền tai mới có hai người mà đã sai như vậy. Thành ra tam sao thất bản là chuyện xảy ra rất thường. Câu chuyện 'Cây tùng Triệu Châu' hay tất cả những câu chuyện khác đều có thể lầm lẫn. Người này chuyền miệng cho người kia, hý hửng tưởng là mình vừa bắt được chân lý, chuyền hết người

https://thuviensach.vn

này tới người khác một hồi thành ra không còn đúng nữa. Đó là chơi trò chuyền miệng.

Một đời đi qua oan uổng, vậy mà cứ nói 'ta là người xuất gia'. Khi có kẻ đến tham vấn về Phật pháp, chúng ngậm miệng, không nói nên lời.

Nhiều người có những nỗi khổ niềm đau rất lớn, có những bế tắc không giải tỏa được. Họ tìm tới ta (những người tu) để tham vấn. Họ đưa ra những câu hỏi cầu giải quyết những vấn đề sống chết khổ đau của họ, nhưng ta không trả lời được. Ta chỉ quen nói lý thuyết, thao thao bất tuyệt, đến khi phải giải quyết những vấn đề có thật thì giải quyết không được, tại vì chính ta không có kinh nghiệm gì trực tiếp cả.

Hai mắt mở ra, thất thần và đen ngòm như những chiếc ống khói.

Đây là hình ảnh của hai con mắt không có tuệ giác, không phải là hai con mắt sáng của người ngộ đạo. Tổ là một thi sĩ mới dùng được những hình ảnh ghê gớm như vậy.

Còn miệng thì trệ xuống như thể một chiếc đòn gánh trĩu nặng hai đầu.

Đây là những hình ảnh chế giễu những ông thầy tự xưng là pháp sư, tự xưng là thiền sư, tự xưng là học giả, tự xưng là tốt nghiệp Phật học.

Những kẻ như thế thì dù Bụt Di Lặc có ra đời bây giờ đi nữa, họ cũng bị đày đi các thế giới khác hoặc bị gửi xuống địa ngục để nhận chịu quả báo đau khổ.

Tổ đang công kích những người xuất gia mang danh là pháp sư, học giả, những kẻ chỉ có một mớ kiến thức rởm, không có tuệ giác và không giúp được ai.

Này các vị đại đức, các vị bôn ba khắp nơi để tìm kiếm cái gì cho đến nỗi hai bàn chân của quý vị bành ra như thế?

https://thuviensach.vn

Đi quá nhiều! Đi mòn hết đôi giày này đến mòn hết đôi dép khác, cho tới nỗi hai bàn chân bành ra. Tổ la rầy những người đi hành cước, đi tìm đạo, đi tham vấn.

Có Bụt đâu mà tìm, có Đạo đâu mà thành, có Pháp đâu mà đắc?

Đối tượng ta tìm cầu không phải ở ngoài mà ở trong tâm. Bụt ở trong tâm, Pháp ở trong tâm, Đạo cũng ở trong tâm. Đây là giáo lý Vô đắc.

Bụt với các tướng tốt mà bạn đang đi tìm ấy không giống bạn đâu. Muốn tự biết bản tâm bạn, thì phải thấy được Bụt với bạn không hợp cũng không ly.

'Con đã đi tìm Thế Tôn'. Nếu ta đi tìm Thế Tôn như một đối tượng bên ngoài, ta sẽ không bao giờ tìm được cả. Ta phải tìm Thế Tôn trong bản thân ta, từ trong những đau khổ, từ trong những thao thức, từ trong những bế tắc của ta. Có nghĩa là khi ta tìm được bản thân ta, thì đồng thời ta cũng tìm được Thế Tôn. 'Con đã tìm thấy Thế Tôn, con đã tìm ra con', hai câu này phải đi đôi với nhau. Tìm ra con tức là tìm ra Thế Tôn, tìm ra Thế Tôn tức là tìm ra con. Thế Tôn với con không phải là một, không phải là hai. Muốn tự biết bản tâm bạn, thì phải thấy được Bụt với bạn không hợp cũng không ly. Không hợp cũng không ly, nghĩa là không phải một cũng không phải hai.

Này các bạn tu, chân Phật vô hình, chân Đạo vô thể, chân Pháp vô tướng, cả ba pháp ấy dung hợp nhau làm thành một. Ai không thấy được điều này thì còn là chúng sinh với nghiệp thức mang mang.

Phật, Pháp và Đạo (con đường) không phải là ba cái riêng biệt, ba cái là một. Thấy được Đạo, thấy được Pháp là thấy được Phật.

Hỏi: 'Xin Thiền Sư khai thị cho chúng con: chân Phật là gì, chân Pháp là gì, chân Đạo là gì?

Trong câu hỏi này chúng ta thấy có Phật, có Pháp, không có Tăng mà có Đạo. Đạo là một danh từ rất quan trọng trong những truyền thống tâm linh và văn hóa ở Trung Quốc. Theo truyền thống đạo Bụt, Đạo tức là con đường (marga), như vậy Đạo cũng là Pháp: 'Pháp là con

https://thuviensach.vn

đường mà chúng con đang nguyện noi theo'. Vậy thì chữ Đạo ở đây không phải chỉ có nghĩa là con đường, mà còn có nghĩa là chân lý tối hậu, và ta có thể chứng đắc được. Trong truyền thống đạo Bụt, chúng ta gọi là đắc Pháp hay đắc Đạo. Như vậy Pháp cũng có nghĩa là chân lý chứ không phải chỉ là con đường. Chân Phật vô hình, chân Đạo vô thể, chân Pháp vô tướng. Tổ đã nói như vậy là để chúng ta đừng nắm bắt những hình thể, những tướng trạng của Phật, của Đạo, và của Pháp. Bây giờ có một vị đệ tử hỏi trở lại: Chân Phật là gì? (What is the true Buddha?) Chân Pháp là gì? (What is the true dharma?) Chân Đạo là gì? (What is the true reality?)

Thiền Sư đáp.

Ba chữ 'Thiền sư đáp' này cho ta thấy rằng Tổ rất hiền. Hỏi một câu như vậy mà Tổ vẫn trả lời đàng hoàng, dù câu hỏi không được thông minh, vì lý do là Tổ vừa mới giải thích xong. Điều này cho ta thấy Tổ rất kiên nhẫn, Tổ là một ông thầy rất dễ thương. Vậy mà ta cứ nghĩ hễ hỏi Tổ thì bị Tổ đánh hoặc Tổ hét. Từ đây trở về sau, ta sẽ thấy câu hỏi nào Tổ cũng trả lời rất nhẹ nhàng, kiên nhẫn. Thành ra ý niệm của ta về Tổ: 'khi hỏi thế nào cũng bị đánh', là không đúng; chỉ có những trường hợp rất đặc biệt, mới có tiếng hét, mới có cây gậy thôi. Thiền Sư đáp:

- Bụt thật (chân Phật) là sự thanh tịnh của tâm mình. Pháp thật (chân Pháp) là ánh sáng của thân mình. Đạo thật (chân Đạo) là ánh sáng thanh tịnh vô ngại (chiếu soi) khắp chốn. Ba cái là một; cả ba đều là giả danh mà không thật có.

Có hàng trăm cách để giải nghĩa về Phật, Pháp và Đạo. Và đây là cách giải thích riêng của Tổ, ta đừng bị kẹt vào cách này. Ta cũng có thể giải thích bằng nhiều cách khác khác, chứ không hẳn là phải giải như vậy thì mới đúng. Điều cần phải chú ý là ba cái là một. Cũng như ta nói Tam Bảo tuy là ba ngôi, nhưng kỳ thực là một; nhìn vào trong Bụt, ta thấy có Pháp và có Tăng, vì nếu không có Pháp và Tăng, thì Bụt không phải là Bụt; nhìn vào trong Pháp, ta thấy có Bụt và có Tăng, vì nếu không có Bụt và Tăng thì không thể nào có Pháp được; nhìn vào

https://thuviensach.vn

trong Tăng ta cũng thấy vậy. Nếu là Tăng thật (true sangha) thì có Bụt và có Pháp ở trong tự thân của Tăng. Nếu không có Bụt và Pháp, đó là một đoàn thể không có hòa hợp, không có hạnh phúc, không có thanh tịnh, không có chánh niệm. Vì vậy cho nên ba cái là một. Ta không thể tách rời ra ba cái. Tách rời ra ba cái tức là ta không hiểu thế nào là Bụt, Pháp, Tăng. Một cái được làm bởi hai cái kia, không có cái nào có một thực thể riêng biệt, gọi là giả danh. Giả danh tức là một danh từ tạm dùng để gọi, tiếng Phạn là prajnapti. Khi nói về Bụt, ta có khuynh hướng nghĩ Bụt không phải là Pháp hay là Tăng, cho nên danh từ Bụt đó không nói lên được sự thật. Khi nói tới Bụt, ta phải thấy có Pháp và có Tăng, lúc đó mới thật là Bụt. Nếu như Bụt là một cái gì tách rời ra khỏi Pháp và Tăng, thì đó chỉ là giả danh, tức là một cái tên gọi ước lệ (conventional designation). Khi ta gọi tiếng 'con', ta nghĩ 'con' không phải là 'cha', 'con' không phải là 'mẹ'. Nhưng kỳ thực trong con có cha và có mẹ. Nếu thấy con là một thực thể độc lập khỏi cha và mẹ, thì chữ 'con' đó tạo ra sự hiểu lầm. Chữ 'con' là một danh từ, một ước lệ để ta dùng. Khi ta kêu 'con', ta phải thấy có cha mẹ ở trong, lúc đó ta mới thật sự thấy 'con'. Thành ra tất cả những danh từ ta sử dụng để gọi sự vật, gọi người, đều là những ước lệ (convention designation), đó gọi là giả danh (những tên gọi được sử dụng tạm thời). Ví dụ Bụt và chúng sanh. Thường thường, ta có khuynh hướng nghĩ Bụt không phải là chúng sanh, chúng sanh không phải là Bụt. Kỳ thực, ngoài chúng sanh không thể nào có Bụt, và ngoài Bụt không thể nào có chúng sanh. Vì vậy cho nên chữ 'Bụt' và 'chúng sanh' là hai cái giả danh. Khi nghe danh từ Bụt mà ta thấy có chúng sanh ở trong Bụt, lúc đó ta mới thật sự thấy Bụt, còn ngoài ra chỉ là giả danh.

Người học đạo chân chính thì phải duy trì chánh niệm về ba đối tượng ấy một cách miên mật.

Tức là ta phải niệm Bụt, niệm Pháp, niệm Đạo. Nhìn đâu ta cũng thấy Bụt, Pháp và Đạo, ba cái không tách rời nhau.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn-độ sang đây, chỉ cốt đi tìm kiếm cho được một con người không bị kẻ khác làm mê hoặc.

https://thuviensach.vn

Tổ không đi tìm Bụt, Tổ đi tìm người. Kiếm cho được một con người không bị kẻ khác làm mê hoặc. Tức là một con người tự do, không phải loại người dễ tin, ai nói gì cũng tin, ai cho gì cũng ăn, như con dê để cái gì vào miệng nó cũng đều há miệng ra để đón lấy. Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn-độ sang đây, chỉ cốt đi tìm kiếm cho được một con người không bị kẻ khác làm mê hoặc. Đây là cách nói của Tổ Lâm Tế. Có thể Tổ Bồ Đề Đạt Ma chỉ qua nước Tàu chơi chứ không có mục đích gì. Ta cứ nói Tổ Đạt Ma qua Tàu với ý định này, với ý định kia,... tất cả đều do ta suy đoán.

Cuối cùng ngài gặp được Huệ Khả, Tổ thứ hai. Chỉ với một câu nói thôi ngài đã giúp cho Tổ Huệ Khả giác ngộ và thấy rõ rằng tất cả công phu trước đó đều là vô dụng.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma ngồi thiền trong động. Thầy Huệ Khả từ xa tới tìm ngài. Trong lúc tiết trời băng giá mà thầy Huệ Khả cứ đứng hoài ở ngoài cửa động. Cho đến một hôm, Tổ Bồ Đề Đạt Ma thương tình mới hỏi: 'Thầy tới đây để làm gì? Tại sao cứ đứng đó?' Thầy Huệ Khả mới thưa: 'Bạch Thầy, con tới đây để nhờ thầy làm cho tâm của con được an.' Tổ nói: 'Tâm đâu? Đưa đây ta an cho.' Huệ Khả đáp: 'Bạch Thầy, con tìm tâm không ra nên con không đưa được.' (Tâm bất khả tầm, tâm bất khả đắc). Tổ Bồ Đề Đạt Ma nói: 'Vậy là ta đã an tâm cho thầy rồi đó.' Nghe câu đó, thầy Huệ Khả giác ngộ và thấy rõ rằng tất cả những công phu trước đó đều là vô dụng.

Những người thực tập thiền ở bên Trung Quốc cũng như ở Việt Nam đều có mặc cảm tự tôn là học kinh thì lâu được giác ngộ, còn học thiền thì mau giác ngộ hơn. Thiền do Bụt dạy (Như Lai thiền) thì tu lâu thành công (tiệm ngộ); thiền do Tổ dạy (Tổ sư thiền) tu mau thành công hơn (đốn ngộ). Do đó mà có sự phân biệt ra thiền Như Lai và thiền Tổ sư. Như Lai thiền là phải học kinh nhiều, phải đi từng bước một: quán thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp. Lâu ngày quá! Trong khi đó, Tổ sư thiền thì mau chóng, nói một câu là có thể giác ngộ liền. Mặc cảm của người tu thiền cho là thiền Tổ sư cao hơn thiền Như Lai. Thiền sư Tuệ Đăng Chân Nguyên thuộc thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ở Việt Nam cũng nói như vậy. Thiền sư Chân Nguyên có

https://thuviensach.vn

sáng tác một tác phẩm bằng chữ Nôm gọi là 'An Tử Sơn Trần Triều Thiền Tông Bản Hạnh', sáng tác vào cuối thế kỷ thứ 17. May mắn là bản in còn giữ lại cho đến bây giờ. Trong đó có hai câu chứng tỏ thiền sư Chân Nguyên cũng tin là tu thiền mau, còn học kinh thì lâu. Hai câu đó là:

Xem kinh Bụt thốt còn xa
Niệm cơ Tổ bảo sát na biết rồi.

Thay vì chữ 'thuyết', thiền sư Chân Nguyên dùng chữ 'thốt' giống như chữ thưa thốt của tiếng Việt, đây là văn cổ. 'Cơ' đây tức là công án (đề tài), là thoại đầu (quán chiếu); đôi khi chỉ cần một câu là đủ khai mở tâm trí cho mình, khỏi phải học kinh lâu. Vào thời nhà Đường, tức là thời của Tổ Lâm Tế, vì sự học hỏi tham cứu lý thuyết quá nhiều, cho nên có những khuynh hướng chống lại điều ấy, thành ra mới có sự xuất hiện thiền công án, thiền mặc chiếu, để người ta bớt học hỏi, bớt nghiên cứu, bớt thuyết giảng, chỉ chuyên lo công phu, đi theo đường lối bất lập văn tự. 'Bất lập văn tự' tức là không căn cứ trên ngôn từ. Theo nhà thiền là tâm truyền tâm, từ trái tim (thầy) truyền sang trái tim (trò), mà không cần phải nói nhiều. Đó là khuynh hướng chống lại phong trào học hỏi và lý thuyết.

Cái tật xấu nhất của những người Phật tử Việt Nam cũng như Phật tử Tàu, Phật tử Mỹ, là nói quá nhiều, lý thuyết quá nhiều; nói hết cả nước miếng, thao thao bất tuyệt mà không chịu thực tập. Cho nên 'bất lập văn tự' là một phản ứng: không nói, không lý thuyết, không dùng trí năng, mà dùng tâm (A-lại-gia thức) để quán chiếu. Có phần nào đó đúng khi không dùng trí năng. Sự thật không có nghĩa là trí năng không giúp được, nếu biết cách sử dụng thì trí năng (sự học hỏi) có thể giúp được một phần. Nếu không học hỏi, không nắm được những giáo lý cơ bản của đức Thế Tôn thì làm sao tu được, cho nên tuy nói 'bất lập văn tự' nhưng thực ra trong thiền môn cũng học kinh Lăng Già, kinh Kim Cương, ngay cả Bích Nham Lục cũng vướng vào chữ nghĩa văn chương chứ không hẳn là thoát ra ngoài văn tự. Có những sự giác ngộ đích thực, và có những sự giác ngộ giả. Đôi khi ta có cảm tưởng là ta ngộ rồi, nhưng thật ra ta chưa hề ngộ gì cả; nếu có ngộ, thì

https://thuviensach.vn

những khối u mê trong người ta phải tan rã và những phiền não như tham đắm, si mê, hờn giận, ganh ghét cũng tan rã. Nếu những phiền não trong ta vẫn còn nguyên vẹn, thì ngộ cái gì?

Theo cái thấy của tôi, thì chúng ta không khác gì Tổ và Bụt, hiểu ngay được câu đầu thì ta trở thành bậc thầy của Tổ và Bụt, và nếu đến câu thứ hai ta mới hiểu thì ta cũng có thể trở thành bậc thầy của loài người và loài trời. Nhưng nếu đến câu thứ ba mới hiểu thì ta tự cứu ta cũng còn chưa được huống hồ là mong làm thầy thiên hạ.

Đoạn văn này nói về Tam Cú. Tam Cú là ba câu hỏi. Đoạn này cho ta thấy rằng: Đối với những người có căn cơ bén nhạy đã sẵn sàng, trái đã chín, thì ngay câu thứ nhất (đệ nhất cú) người kia đã tháo gỡ được liền, thấy được chân lý, và ngộ ngay lúc đó. Đó là tâm truyền tâm. Ngôn ngữ ấy không cần mang ý nghĩa, không cần có một tác dụng hay chuyên chở một tư tưởng nào. Ngôn ngữ ấy có thể là một hành động, một cái nhìn, một tiếng hét, một cái đánh, hay một câu nói bâng quơ, vẫn có thể làm cho người kia bừng tỉnh. Đó là đệ nhất cú, câu thứ nhất.

Nếu đến câu thứ hai ta mới hiểu thì ta cũng có thể trở thành bậc thầy của loài người và loài trời. Câu thứ hai là phương tiện quyền xảo (upaya). Dùng một biểu tượng, một ví dụ để khơi mở được cái hiểu của người kia. Những phương tiện quyền xảo mà người thầy sáng tạo ra để giúp cho người kia thấy được tâm mà giải thoát, cũng như ngón tay chỉ mặt trăng thì ngón tay là một phương tiện quyền xảo. Nhờ phương tiện quyền xảo mà người kia bừng tỉnh, tuy người đó không phải là căn cơ đệ nhất, nhưng người ấy cũng có thể là thầy của những người khác.

Nhưng nếu đến câu thứ ba mới hiểu thì ta tự cứu ta cũng còn chưa được huống hồ là mong làm thầy thiên hạ. Có nghĩa là người ấy đã lạc vào trong ngôn từ và tư tưởng. Nếu ta đi theo con đường học hỏi, chất chứa nhiều kiến thức, nhiều tư tưởng, thì càng ngày ta càng chấp, không thể nào giác ngộ. Chất chứa nhiều ta chỉ có thêm phần kiến thức Phật học, nhưng ta chưa thực sự có kinh nghiệm tu chứng.

https://thuviensach.vn

Và như vậy ta cứu ta còn chưa được thì làm sao thuyết pháp độ người?

Hỏi: 'Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua đây có ý gì?'

Tổ qua đây có chủ đích gì? Ngày xưa trong nhà thiền có hai câu thường được hỏi: 'Đại ý của Phật Pháp là gì?' và 'Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua đây để làm gì?' Vì ta không biết hỏi gì nên mới hỏi hai câu đó. Câu 'Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua đây có ý gì?' có thể giải nghĩa theo nhiều cách tùy trường hợp, tùy căn cơ của người hỏi, và câu trả lời là một phương tiện quyền xảo để giúp cho người kia, nhưng có khi thành công, có khi không thành công. Là một người thầy có kinh nghiệm, có khả năng quán chiếu căn cơ của người học trò, thì những phương tiện quyền xảo được đưa ra có thể thành công nhiều hơn. Tổ trả lời:

- Nếu đã có ý, thì tự cứu mình cũng chưa được (huống hồ để độ người).

Nếu Tổ Đạt Ma qua Tàu có mục đích để hoằng dương chánh pháp, để thuyết phục vua Lương Võ Đế lập chùa cho nhiều, thì không đúng rồi. Có ý là có mục đích, có chương trình, có kế hoạch, có đối tượng để theo đuổi. Còn theo đuổi là còn nắm bắt, đó gọi là hữu tác, không phải là vô tác. Vô tác tức là không còn theo đuổi một điều gì nữa. Khi chưa có vô tác, ta tự cứu mình còn chưa được huống hồ cứu người khác. Chúng ta có thể hiểu 'ý' là như vậy. Đó là trường hợp của câu trả lời này.

Trên đây là một trong hàng trăm câu trả lời có thể sử dụng để trả lời thiền sinh (học nhân). Không hẳn ai tới hỏi câu đó thì phải trả lời như vậy là đúng. Người hỏi có thể hỏi một câu rất ngu, và người trả lời cũng có thể trả lời một câu rất ngu. Không phải chỉ có người học trò mới có quyền ngu, mà vị thầy cũng có quyền ngu như thường. Thay vì chủ khán khách, thì khách khán khách, chủ trở thành khách, và cả hai cùng dìu nhau đi vào mê cung. Thiền sư có thể trả lời bằng cách khác. Ví dụ hỏi 'Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua đây có mục đích gì?' Một vị thiền sư trả lời: 'Qua hồi nào?'. Cũng hay lắm. Vấn đề là làm sao để đoạt cảnh. Hỏi vớ vẩn! Anh có những phiền não, những vướng mắc,

https://thuviensach.vn

anh không chịu lo tháo gỡ lại đi hỏi những chuyện có tính cách trí năng vô ích. Tổ qua đây với mục đích gì thì có liên hệ gì tới anh mà hỏi? Trả lời theo kiểu Mỹ là 'Mind your own business!' (Lo chuyện của mình đi!) hoặc 'Shut up!' (Im đi!)

Hỏi: 'Nếu không có ý, thì làm sao Tổ thứ hai đắc pháp được?'

Tức là phải có mục đích thì mới giúp cho người ta giác ngộ được.

Thiền Sư đáp: 'Đắc tức là Vô đắc.'

Nghĩa là có gì đâu để mà đắc. Điều làm cho ta ngạc nhiên là Tổ rất kiên nhẫn trả lời từng câu hỏi một. Tổ rất hiền, không có đánh cũng không có hét ở đây. Người kia còn hỏi thêm một câu nữa:

Hỏi: 'Nếu đắc quả là bất đắc, thì làm sao lại có cái ý 'bất đắc'?'

Nếu 'bất đắc' là một ý, thì nó phải từ cái ý 'đắc' mà có, nếu không thì làm sao có cái ý 'bất đắc'? Những câu hỏi như thế này cũng nằm trong lĩnh vực của kiến thức khái niệm. Nhưng may mắn cho người học trò này là không bị đánh cũng không bị hét.

Thiền Sư đáp: 'Cũng vì đi tìm tâm khắp nơi mà không ngưng được, cho nên Tổ mới nói: 'Ô hay! Kẻ trượng phu kia! Sao ngươi có đầu rồi mà còn đi tìm đầu mãi vậy?'

Đây là câu chuyện của thầy Huệ Khả đi tìm sự an tâm. Cái an đó không thể nào tìm kiếm ở ngoài, mà nó ở trong tâm. Giật mình tỉnh thức, tự nhiên sẽ có an. Cũng như người có đầu rồi thì không cần đi tìm đầu thứ hai. Đó là Vô đắc. Đây là cách Tổ Lâm Tế giải thích câu nói của Tổ Bồ Đề Đạt Ma: 'Vậy là ta đã an tâm cho thầy rồi đó.'

Nghe được câu nói ấy mà biết đem ánh sáng trở về soi chiếu tự tâm, không còn tìm cầu cái gì khác nữa, thì mình biết được thân và tâm mình không khác gì với thân và tâm của Tổ và Bụt, và ngay trong giây phút này đạt được trạng thái vô sự. Cái đó mới gọi là đắc pháp.

Đắc pháp nghĩa là được cái pháp thầy trao truyền. Nhưng nếu ta nghĩ ta không có pháp, pháp là do thầy truyền lại, thì đó không thật sự là

https://thuviensach.vn

đắc pháp. Sự thật là ta đã sẵn có pháp ở trong ta, nhưng nhờ thầy chỉ cho nên ta mới thấy được cái pháp đó mà khỏi cần tìm kiếm ở ngoài. Do đó khi được Tổ khai thị, ta biết rằng thân và tâm ta không khác gì thân và tâm của Tổ và Bụt, và ngay trong giây phút này đạt được trạng thái vô sự, tức là ta không còn đi tìm cầu, hay chạy rong nữa. 'Đường chạy vòng quanh, một vòng tiều tụy.' (nhạc Trịnh Công Sơn)

Này các đại đức! Trong giờ phút này đây vì vạn bất đắc dĩ cho nên tôi mới nói ra những lời nói không mấy tao nhã.

Tổ xin lỗi. Tại vì họ tệ quá, cho nên Tổ phải hét, phải la, phải nói những lời như vậy. Chúng ta thấy Tổ dễ thương quá! Đôi khi Tổ phải hét ra lửa, nhưng trong lòng có rất nhiều tình thương.

Quý vị đừng có vì vậy mà hiểu lầm tôi. Theo cái thấy của tôi thì thật ra chẳng có đạo lý gì để cho ta thuyết giảng. Nếu cần làm gì thì cứ làm đi, nếu không thì cứ nghỉ ngơi đi cho khỏe.

Các sư chú sư cô đừng hiểu lầm câu này. Nó không có nghĩa là 'muốn đi ngồi thiền thì cứ đi, muốn ngủ thì cứ đi ngủ, đừng lo!' Câu này có nghĩa là những gì ta thấy có lợi lạc cho thân tâm, đem lại sự chuyển hóa, hạnh phúc, tình huynh đệ, thì ta làm. Ta đừng làm những chuyện không có ích lợi như khi sám hối mà ta lạy như một cái máy. Mỗi cái lạy có thể nuôi dưỡng ta, giúp cho ta tháo gỡ những phiền não, khó khăn trong cuộc đời, thì ta nên lạy theo tinh thần đó. Còn ta lạy theo hình thức thì không ích lợi gì cả. Trong khi tham dự vào các sinh hoạt của Tăng thân, ta nên làm tất cả những công việc như nấu cơm, rửa bát, giặt áo, kinh hành, trì niệm hồng danh..., tất cả đều có tính cách nuôi dưỡng và trị liệu. Nếu làm vì bắt buộc phải làm, thì đó không phải là tinh thần làm việc của một người có tu tập.

Khắp nơi người ta nói lục độ vạn hạnh là Phật pháp, còn tôi thì tôi nói đó chỉ là những phương tiện điểm trang, những phương tiện để mình làm Phật sự chứ chưa phải là Phật pháp.

Có nhiều người rất ưa làm Phật sự: Tổ chức lễ Phật đản, Tổ chức khóa tu cho người khác tu, nhân danh Phật pháp, nhân danh đạo pháp dân

https://thuviensach.vn

tộc... Họ làm rất nhiều, nhưng vừa làm họ vừa gây lộn với người khác. Họ tin rằng vì pháp mà họ làm chứ không phải vì ham vui và danh lợi. Đó gọi là Phật sự, không phải là Phật pháp. Nhưng Tổ cần Phật pháp, Tổ không cần Phật sự.

Cho đến những việc như trì trai, giữ giới, bưng một bát dầu đừng để nó sóng sánh rơi ra một giọt,... tất cả những cái ấy nếu không có khả năng làm cho con mắt đạo của quý vị sáng ra thì rốt cuộc quý vị cũng phải bị người ta đòi trả tiền cơm nước như thường.

Có trì trai, có giữ giới, có thực tập chánh niệm, mà xem những việc đó là Phật sự, không phải là Phật pháp, thì cơm ta ăn không tiêu, ta vẫn mắc nợ tín thí như thường; trì trai giữ giới là tại bị bắt buộc phải trì trai giữ giới, hoặc trì trai giữ giới mà không có hạnh phúc, không có an lạc, không có giải thoát,... thì trì trai giữ giới như vậy cũng bị mắc nợ như thường. Trì trai giữ giới mà đem tới sự thanh tịnh, đem lại hạnh phúc cho ta cho người, lúc đó trì trai giữ giới mới không bị mắc nợ; còn trì trai giữ giới để đè ép thân tâm, rồi đau khổ, ngày nào cũng khóc, và thấy mất tự do, thì trì trai giữ giới đó chẳng ích lợi gì, chỉ có hại thêm.

Bưng một bát dầu đừng để nó sóng sánh rơi ra một giọt.

Đây là hình ảnh Bụt đưa ra để ví dụ về chánh niệm:

Có một tên tử tù bị ra lệnh bưng một bát dầu đầy đi trong một thành phố mà người ta đang tổ chức liên hoan ăn mừng. Thành phố giăng hoa kết đèn rất đẹp, và tất cả mọi người đang nhảy múa. Tên tử tù này bắt buộc phải để hết tâm ý vào bát dầu, và đi từ chỗ này đến chỗ khác. Đi theo sau tên tử tù có một người lính, gươm tuốt trần, hễ bát dầu bị đổ ra một giọt, thì tên lính có quyền chém đầu tên tử tù liền lập tức. Thành ra tuy có bao nhiêu cảnh vui cảnh đẹp, âm thanh màu sắc ở ngoài, tên tử tù này vẫn không dám để ý tới, mà chỉ để ý tới bát dầu thôi. Vì người tử tù kia muốn cho bát dầu đừng sóng ra một giọt, nên phải hết sức chánh niệm, nếu không hắn sẽ bị chém đầu.

https://thuviensach.vn

Đó là hình ảnh của chánh niệm. Chánh niệm là để tâm chuyên chú vào một đối tượng, tâm chuyên nhất (tâm nhất điểm). Nếu chánh niệm vững chãi, thì ta không bị bên ngoài hấp dẫn làm cho tán tâm. Hình ảnh này được chép lại nhiều lần trong các kinh nguyên thỉ, và cũng được ghi lại trong các kinh Đại thừa. Bưng một bát dầu đừng để nó sóng sánh rơi ra một giọt. Nếu ta làm mà không có hạnh phúc, không có giải thoát, không có giác ngộ, thì dầu có công phu, trì trai giữ giới, thực tập chánh niệm nhiều đi nữa, thì ta vẫn phải trả tiền cơm áo, vẫn mắc nợ tín thí như thường. Tu không có nghĩa là chỉ làm đúng theo hình thức mà còn phải có nội dung nữa. Trì trai mà có hạnh phúc, giữ giới mà có hạnh phúc, và thực tập chánh niệm có hạnh phúc, thì lúc đó ta không có mắc nợ.

Tất cả những cái ấy nếu không có khả năng làm cho con mắt đạo của quý vị sáng ra thì rốt cuộc quý vị cũng phải trả tiền cơm nước như thường.

Những câu như thế này phải nên chép vào trong sổ tay của ta. Những câu này nhắc nhở ta đừng tu tập hình thức: ngồi thiền phải có hạnh phúc, ngồi làm sao cho con mắt đạo sáng ra; đi thiền cũng vậy, đi cho có hạnh phúc, đi làm sao cho có tình huynh đệ. Tôi xin đọc vài câu của một vị Tổ bên Nhật Bổn. Đó là câu của thiền sư Mộng Sơn Sơ Thạch sống vào thế kỷ thứ XIII của chùa Thiên Long Kyoto, đã từng làm quốc sư cho bảy triều vua.

'Tôi có ba hạng đệ tử:

Hạng thứ nhất: Những người có tâm dũng mãnh, cương quyết muốn chặt đứt tất cả những ràng buộc. Nhất tâm tham cứu những chỗ tâm yếu của mình. Đó là hàng đệ tử thượng căn.

Hạng thứ hai: Những người không dồn hết năng lượng tu tập, chỉ mang lòng tán loạn tìm tòi, học hỏi kinh sách. (Nghĩ rằng có thể có tuệ giác nhờ học tập). Đó là hàng đệ tử lo học nhiều mà không lo tu nhiều.

https://thuviensach.vn

Hạng thứ ba: Những người chỉ biết cầu xin ân huệ của Bụt và Tổ. (Ở trong chùa, chỉ mong Bụt và Tổ cho mình một ít hạnh phúc, cho mình sự che chở, chứ không biết sử dụng tâm sáng của mình để đạt đạo).

Đó là ba hạng đệ tử của tôi. Ngoài ra còn có những người có nhiễm tâm đi theo cái học của văn nhân học giả, tôi gọi đó là ngoại đạo trọc đầu, không có tư cách tham dự vào Tăng đoàn, dù với cái bậc thấp nhất. Nói chi đến hạng người chỉ tham ăn, mê ngủ, biếng nhác, ương hèn, không tham dự vào thời khóa tu học, tôi gọi họ là phường giá áo túi cơm cũng không đáng. Tôi cấm họ xưng là đệ tử của tôi, cấm họ vào chùa, vào viện, xin tạm trú cũng không được nữa huống là làm học tăng thường trú. Nói như vậy, quý vị đừng tưởng tôi thiếu từ bi và bao dung. Nói như vậy, để họ thấy được những lỗi lầm mà sám hối, để trở thành những thân cây lành mạnh trong khu vườn của chư Tổ.'

Nghe những câu này ta tỉnh dậy.

Tôi nhớ đến câu của ông Nelson Mandala: 'Cái mà tôi muốn nhất là được ngồi yên, không làm gì hết.' Từ khi ông được thả ở trong tù ra, ông bận rộn cho đến nỗi không còn thì giờ để thở, để ngồi yên. Còn ta có thì giờ để ngồi yên thì ta ngủ gục, và ta cũng không thấy hạnh phúc để thừa hưởng được sự ngồi yên đó.

Tại sao?

Vào đạo không thông lý
Luân hồi đền tín thí
Trưởng giả tám mươi một
Cây khô ra mộc nhĩ.

Mộc nhĩ tức là nấm mèo. Truyện này được kể lại trong quyển thứ hai của Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, xuất bản năm 1004.

Có ông trưởng giả thường cúng dường cho một vị tu sĩ. Nhưng vị đó không có tu đàng hoàng, cho nên đã mắc nợ ông trưởng giả. Khi chết đi, vị tu sĩ đầu thai trở lại thành một cái nấm trong vườn của ông trưởng giả. Ông trưởng giả lúc đó tuổi đã quá tám mươi. Ông thấy lạ

https://thuviensach.vn

là mỗi khi ông hái cái nấm này xong thì lại có cái nấm khác, và cứ như vậy hết năm này sang năm khác. Một bữa nọ, có một vị Tổ sư khất thực ngang nhà ông, ông liền hỏi: 'Không hiểu tại sao nhà con có một loại cây sinh ra nấm hoài, con hái chừng nào thì nó ra nhiều chừng đó, ăn hoài không hết.' Tổ nói: 'Vì ngày xưa ông có cúng dường cho một vị tăng không có tu đàng hoàng, cho nên vị tăng đó hiện bây giờ luân hồi thành ra cái nấm mèo này để trả nợ cho ông.'

Dù cho quý vị có ở một mình trên đỉnh cô phong, mỗi ngày ăn một bữa, ngồi thiền suốt đêm, không đặt lưng xuống, tu tập sáu thời một ngày tinh chuyên, thì quý vị cũng chỉ là những người đang tạo nghiệp.

Mặc dù với sự quyết tâm thực tập rất tinh chuyên mà vẫn không đem lại sự an lạc, thảnh thơi cho ta trong từng giây phút thực tập, thì sự thực tập đó chỉ là đang tạo nghiệp; ta đang lao động tốt, và ta tin rằng cái cực nhọc của ta sẽ đem tới một kết quả tốt đẹp trong tương lai. Ca dao Việt Nam nói: 'Rủ nhau đi cấy đi cầy, bây giờ khó nhọc tới ngày phong lưu.' Ngày phong lưu là ở tương lai. Ngày hôm nay chịu đựng khó nhọc trong khi làm ruộng, trong khi đi cấy đi cầy, ta không có niềm vui; niềm vui phải đợi tới ngày mai, ngày gặt hái. Phương pháp tu không phải như vậy. Tu làm sao để ngay trong giờ phút này ta có an lạc, ta có giải thoát. Đây là tu theo tinh thần của Làng Mai. Tu không phải để lao tác mệt nhọc, để đầu tư vào tương lai. Tu là phải có an lạc và hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại.

Trong khi thực tập uy nghi mà thấy đau khổ, lúc đó là ta đi ngược lại với lời chư Tổ dạy. Ta phải thấy an lạc hạnh phúc ngay trong khi thực tập uy nghi; đừng cho uy nghi là một điều làm cho ta khổ; đừng nói rằng phải thực tập uy nghi rồi sau mới được thọ giới lớn, mới được làm giáo thọ; ta phải nói rằng thực tập uy nghi làm cho ta hạnh phúc và đẹp ra. Ta phải có hạnh phúc trong khi thực tập thì mới thành công.

- Tôi ăn chỉ mỗi ngày một bữa.

- Tôi ngồi thiền suốt đêm không đặt lưng xuống.

https://thuviensach.vn

- Một ngày tôi sám hối sáu thời.

- Tôi ngồi trên đỉnh núi không ai tới được.

Đừng nghĩ rằng làm những chuyện như vậy nghĩa là 'Tôi tu.' Nếu trong khi tu, ta chỉ có lao tác mệt nhọc, chỉ có khổ cực để hy vọng một ngày trong tương lai, thì cái tu đó không phải là cái tu mà Tổ Lâm Tế dạy.

Dù cho quý vị có bố thí cả quốc thành, thê tử, đầu, mắt, tủy não, voi ngựa, bảy báu, mọi thứ đều đem ra cho hết thì những cái ấy rốt cuộc cũng chỉ làm đau nhức thân tâm, đem về những quả báo khổ đau.

Những câu như: bố thí quốc thành, thê tử, đầu mắt, tủy não, voi ngựa, bảy báu, là lấy từ trong kinh Pháp Hoa. Có những người thích kể công là họ đã cúng dường, đã bố thí, đã hy sinh, đã làm đủ thứ... Trong những hành động ấy, họ cảm thấy là họ có công đức rất lớn, vì họ đang đầu tư cho tương lai, và họ tin rằng làm những điều ấy là đúng. Trong khi thấy mình làm đúng, họ cũng chịu đựng những khổ đau, và coi đó như là những cực hình cần thiết trong hiện tại để sau này gặt hái những kết quả tốt. Những việc làm ấy thật ra không có công đức gì cả. Tinh thần tu đó không thích hợp với tinh thần tu của Tổ Lâm Tế, mà nó cũng không thích hợp với tinh thần tu của Làng Mai.

Tất cả đều không bằng làm một kẻ vô sự, thuần nhất, không tạp loạn.

Một người vô sự là một người thảnh thơi, một người không có bận rộn, một người không có gì để theo đuổi, một người có an lạc, có hạnh phúc. Trong hai mươi bốn giờ một ngày, mà ta có được ba bốn phút làm một con người vô sự thì cũng đã khá. Trong vài phút đó ta được giải thoát, ta không bị những kế hoạch, những chương trình, những chủ định, những ham muốn kéo ta đi; ta không là nô lệ cho những điều ấy; ta hoàn toàn là con người tự do, có khả năng an trú trong giây phút hiện tại. Trong khi tiếp xúc với giây phút hiện tại, ta mỉm cười thấy cái ta tìm đã có ngay trong giây phút hiện tại, thì ta là người vô sự, thuần nhất, không tạp loạn.

https://thuviensach.vn

Cho dù các vị Bồ-tát đã đi qua mười địa có muốn đem hết tâm mình mà đi tìm dấu vết của một người tu vô sự như thế cũng không tìm ra được.

Người vô sự không có tham vọng, không có kế hoạch để lại một cái danh, để lại một sự nghiệp cho đời. Còn có ý muốn để lại một cái danh cho đời, còn có sự vui mừng rằng ta đã tạo dựng được sự nghiệp, đó chưa phải là người vô sự. Người vô sự không cần những thứ ấy. Người vô sự có an lạc, hạnh phúc mà không cần đến một cái danh, một sự nghiệp, tại vì người vô sự là người có tự do. Thi sĩ Nguyễn Công Trứ nói:

Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông.

Nói như vậy thì thi sĩ không phải là người vô sự. Thi sĩ còn có một chủ đích, còn có ước muốn thành danh. Thành danh hay thành công, ta không cần cái nào hết. Ta đã có tất cả. Đây là tinh thần Vô đắc (Vô nguyện).

Ví dụ như cái bông hồng. Nếu bông hồng có ý muốn trở thành một bông sen thì nó đâu còn hạnh phúc nữa. Bông hồng không cần phải trở thành bông sen. Bông hồng chỉ cần có mặt trong giây phút hiện tại, và tỏa rạng sắc hương của nó. Điều ấy là hay nhất. Mỗi người trong chúng ta đều như một bông hoa, nếu ta có ý muốn từ khước bản thân ta để trở thành một người khác, thì ta không phải là con người vô sự.

Hôm đó, Tuệ Trung Thượng Sĩ được mời đi dự tiệc trong hoàng cung. Trên bàn có dọn món chay và món mặn. Tuệ Trung Thượng Sĩ cứ gắp thức ăn, không phân biệt là món chay hay món mặn. Thấy vậy, hoàng hậu hỏi: 'Anh tu rồi mà còn ăn mặn thì làm sao thành Phật được?' Tuệ Trung Thượng Sĩ nói rằng: 'Anh không cần thành Phật, mà Phật cũng không cần thành anh.' Đó là tinh thần vô sự. (Quý vị đừng bắt chước Tuệ Trung Thượng Sĩ, tại vì mình chưa phải là Thượng Sĩ.)

https://thuviensach.vn

Cho dù các vị Bồ-tát đã đi qua mười địa có muốn đem hết tâm mình mà đi tìm dấu vết của một người tu vô sự như thế cũng không tìm ra được. Người vô sự không để lại dấu vết. Người đó không nói rằng: 'Tôi tên đó, đã đậu cái bằng đó vào năm đó.' 'Tôi đã lập được cái chùa đó; tôi là Tổ của môn phái đó; tôi là thế này, tôi là thế kia...' Người đó không cần danh, không cần lợi, hoàn toàn là con người tự do.

Sở dĩ người ấy được chư thiên ca tụng, được Địa thần nâng gót.

Đi tới đâu, dưới gót chân của người vô sự cũng có hoa sen của Địa thần nâng gót, biểu hiện ra để chào đón. Đi rất nhẹ, bước đi của một con người thảnh thơi, không có chủ đích, không có kế hoạch. Một người như vậy là một người vô sự.

Được chư Bụt mười phương xưng tán.

Người đó không cần lập chùa, người đó không phải là Tổ, người đó không có sự nghiệp gì, nhưng lại được chư Bụt mười phương xưng tán.

Là tại vì sao? Tại vì những người tu ấy, ngay trong giây phút hiện tại, đang ngồi đây nghe pháp mà đang không để lại dấu vết gì.

Không cần bày 'cái ta' chình ình ra đó, không cần có sự công nhận của người khác, không cần sự tán dương của người khác, không cần gì hết, người đó hoàn toàn tự do. Câu này cho chúng ta thấy rất rõ ràng: con người lý tưởng trong Đạo Bụt Tiểu Thừa là vị A-la-hán; con người lý tưởng trong Đạo Bụt Đại Thừa là vị Bồ-tát; và con người lý tưởng trong thiền Lâm Tế là con người vô sự. Nếu những ai thấy được con người lý tưởng trong thiền Lâm Tế là thấy được Tổ.

Hỏi: 'Bụt Đại Thông Trí Thắng ngồi trong đạo tràng trong mười kiếp liên tục mà Phật pháp không biểu hiện trước mắt, và ngài không thực hiện được Phật đạo.' Câu ấy có nghĩa gì?

Đây là câu lấy từ trong kinh Pháp Hoa, Phẩm thứ bảy (Hóa Thành Dụ):

Đại Thông Trí Thắng Phật

https://thuviensach.vn

Thập kiếp tọa đạo tràng
Phật pháp bất hiện tiền
Bất đắc thành Phật đạo.

'Ngồi trong đạo tràng (ngồi thiền) mười kiếp liên tục mà Phật pháp không biểu hiện trước mắt, và ngài không thành Phật.' Câu ấy có nghĩa gì? Ta có thể giải thích bằng nhiều cách, nhưng Tổ giải thích như thế này:

'Đại Thông có nghĩa là ở đâu cũng tự mình đạt tới được sự thật vô tánh và vô tướng của vạn pháp.'

Thông tức là thông đạt; có nghĩa là ở đâu ta cũng đạt được sự thật vô tánh và vô tướng của vạn pháp. Vô tánh là không có tự tánh riêng biệt. Tại vì tánh của các pháp là nương vào những cái khác (y tha khởi) mà biểu hiện. Tánh y tha khởi là vô tánh. Nếu kẹt vào tướng thì ta không thấy được thực tại của sự vật. Cũng giống như ta kẹt vào tướng mây, tướng mưa, tướng tuyết... thì ta không thấy được thực tại của mây, của mưa và của tuyết. Vượt qua tướng là đạt tới vô tướng. Đại Thông là thấy được cái vô tánh và vô tướng của vạn pháp.

'Trí Thắng có nghĩa là ở đâu cũng không có một niệm nghi hoặc, không thấy mình có đắc bất cứ một pháp nào.'

Trí là trí tuệ. Thắng là vượt thắng, là cao hơn hết. Chữ Thắng, theo Tổ, là không còn nghi ngờ, hoàn toàn chấm dứt vô minh. Không thấy mình có đắc bất cứ một pháp nào, vì mình đã có đủ tất cả.

'Bụt có nghĩa là sự thanh tịnh của tâm, ánh sáng (của sự thanh tịnh) ấy thấu triệt được cùng pháp giới.'

Tổ không định nghĩa Bụt là một con người, mà Tổ nói Bụt là sự thanh tịnh của tâm, như là ánh sáng. Trong Cơ Đốc Giáo nói Thượng Đế là một con người, nhưng có những nhà thần học nói: 'Thượng Đế là tình yêu, là bác ái, là nền tảng của hiện hữu.' Có rất nhiều người trong đạo Cơ Đốc rất sợ điều ấy, họ nói rằng: 'Nếu Thượng Đế không phải là một con người thì cầu nguyện rất khó. Nếu Thượng Đế có hình thức một con người, thì cầu nguyện dễ hơn. Thượng Đế ơi! Ngài là cha,

https://thuviensach.vn

còn con là con.' Nếu Thượng Đế chỉ là một nguyên lý thì rất khó cầu nguyện.

'Mười kiếp liên tục ngồi ở đạo tràng chính là mười ba la mật.'

Ngoài sáu ba la mật, cũng có mười ba la mật.

'Phật pháp không biểu hiện trước mắt, có nghĩa là Phật vốn không sinh, Pháp vốn không diệt, thì làm sao biểu hiện trước mắt?'

Nếu ta mong cầu Phật pháp biểu hiện trước mắt, trông chờ sự chứng ngộ, thì sự trông chờ đó là một trở ngại. Quý vị có trông chờ một điều gì không? Nếu quý vị có trông chờ một điều gì đó, thì quý vị chưa phải là con người vô sự. Nếu ngồi trong mười kiếp để trông chờ thì chưa thành Phật là đúng rồi. Giờ nào còn trông chờ sự chứng đắc, thì giờ đó chưa phải là Bụt.

'Không thực hiện được Phật đạo, có nghĩa là Bụt đâu có cần thành Bụt nữa.'

Tổ giải thích như vậy. Ngồi thiền liên tiếp trong mười kiếp mà không giác ngộ, không thành Phật, tại vì ta còn có sự mong cầu. Ngồi thiền để làm cái gì? Nếu ngồi thiền để trông chờ đạt tới một cái gì đó, thì đó không phải là phương pháp ngồi thiền mà Tổ Lâm Tế dạy. Ngồi thiền chỉ để ngồi thiền chứ không trông đợi một điều gì, đó là ngồi thiền của con người vô sự. Con người vô sự không phải là con người mà ta sẽ trở thành trong tương lai, ta có thể là con người vô sự ngay trong giây phút hiện tại. Khi ngồi thiền, khi đi thiền hành, ta đừng nghĩ rằng phải đi như vậy, phải ngồi như vậy là để trở thành một cái gì. Ngồi như thế nào để có thảnh thơi, để có tự do đối với những phiền não, những giận hờn, những trông đợi,... ngồi được như vậy thì quý vị là con người vô sự, con người lý tưởng của phái thiền Lâm Tế.

Phật pháp không biểu hiện trước mắt có nghĩa là Phật vốn không sinh, Pháp vốn không diệt, thì làm sao biểu hiện trước mắt? Không thực hiện được Phật đạo có nghĩa là Bụt đâu có cần thành Bụt nữa. Đọc kinh, chúng ta biết rằng Bụt Thích Ca tuy đã thành Phật nhưng vẫn thực tập thiền hành, vẫn thực tập thiền ngồi, vẫn ăn cơm trong

https://thuviensach.vn

chánh niệm. Thành Phật rồi, tại sao còn phải làm những điều ấy? Do đó chúng ta phải biết rằng, làm những điều ấy không phải để thành Phật, làm những điều ấy là để cho thỏa (enjoy) vậy thôi. Cho rằng đi ngồi thiền, đi thiền hành, ăn cơm im lặng là để thành Phật thì không đúng trong tinh thần 'hành vô hành hành' của kinh Tứ Thập Nhị Chương, không đúng theo tinh thần của Tổ Lâm Tế là con người vô sự. Thành ra, nếu có ai hỏi ta: 'Ngồi thiền để làm gì?' Ta mỉm cười, nói: 'Tại tôi thích ngồi.' Thì rất hay! Còn nói: 'Tôi ngồi thiền là để lắng đọng tâm tư, để thành cái này cái kia...' thì đó là trường hợp vớt vát (đệ nhị cú hay đệ tam cú, chưa phải là đệ nhất cú).

Cổ nhân nói: 'Bụt thường ở thế gian mà không nhiễm pháp thế gian.'

Cũng giống như câu ca dao Việt Nam khi nói đến bông sen: 'Nhị vàng bông trắng lá xanh, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.' Thế gian có nhiều ô nhiễm, Bụt ngồi trong thế gian mà không dính vào những ô nhiễm ấy, điều đó mới tuyệt diệu. Nhìn sâu hơn, ta thấy chính cái thanh tịnh được làm bằng những chất liệu ô nhiễm. Tuệ giác này, ta sẽ thấy trong đoạn sau của Lâm Tế Lục. 'Bụt thường ở thế gian mà không nhiễm pháp thế gian.' Câu này được trích trong Như Lai Trang Nghiêm Trí Tuệ Quang Minh Nhập Nhất Thiết Phật Tánh Giới Kinh. Đó là kinh thứ 357 trong Đại Tạng Tân Tu (T. 357). Kinh nói về ánh sáng trí tuệ rất đẹp của Đức Như Lai đi vào tất cả các cảnh giới của Bụt trên đó.

Này các bạn tu, nếu quý vị muốn làm Bụt thì đừng tùy thuộc vào vạn vật.

Ta có tự do với vạn vật, ta không lệ thuộc vào vạn vật. Ta không nên nói: 'Tại anh như vậy, cho nên tôi mới như vậy.' 'Tại chị như vậy, cho nên tôi mới như vậy.' Ta đổ thừa cho hoàn cảnh, cho vạn vật. Ta không có chủ quyền gì cả, ta hoàn toàn bất lực trong hoàn cảnh ấy. Là người tự do, ta phải làm chủ chính mình, ta không bị vạn vật sai sử nữa. Vạn vật như thế nào thì cứ để như thế đó, ta mỉm cười chấp nhận, ta tự vạch con đường cho mình và đi trong hoàn cảnh ấy. Là

https://thuviensach.vn

con người tự do, ta không còn đổ thừa: 'Tại vì hoàn cảnh như vậy, cho nên tôi không thể là tôi được.'

Tâm sinh thì mọi pháp sinh, tâm diệt thì mọi pháp diệt, một tâm không sinh, thì các pháp không làm gì mình được nữa.

Hoàn cảnh ấy, ta tưởng là gây chướng ngại cho ta, ai ngờ hoàn cảnh đó là do chính ta tạo ra. Tâm ta sinh ra hoàn cảnh, mà ta cứ tưởng ta là nạn nhân của hoàn cảnh. Cùng trong một môi trường mà tại sao sư anh đó, sư chị đó, sư em đó, lại có hạnh phúc, lại có thể thương được mọi người và có thể chấp nhận được mọi người? Tại sao cũng trong môi trường ấy, mà ta lại không có hạnh phúc, ta không chấp nhận được những người khác? Vậy thì ta tùy thuộc vào những người khác, tùy thuộc vào hoàn cảnh, hay tùy thuộc vào tâm của mình? Đừng để hoàn cảnh, vạn vật làm cho ta bị tùy thuộc, ta phải có chủ quyền. Ta phải nghĩ rằng: 'Nếu sư anh nói không dễ thương là vì sư anh có khổ đau, sư anh có khó khăn cho nên sư anh mới nói lời không dễ thương.' Nghĩ như vậy ta sẽ không khổ, ta còn tìm cách giúp cho sư anh bớt khổ để sư anh trở nên dễ thương hơn. Nếu ta nghĩ: 'Có một sư anh như vậy làm sao sống nổi?' Nghĩ như vậy là ta không có chủ quyền, ta trở thành một nạn nhân của hoàn cảnh.

Đừng để sự vật xung quanh khống chế ta, vì sự vật cũng là hình ảnh của tâm ta biểu hiện ra. Giống như khi ta nhìn vào trong tấm kính mà mỉm cười thì tấm kính cũng mỉm cười, còn nếu ta mếu thì tấm kính cũng mếu. Hoàn cảnh cũng như là tấm kính. Là con người tự do, là con người vô sự, thì hoàn cảnh xung quanh đối với ta là toàn hảo, ta chấp nhận được. Nếu ta chỉ có tham, giận và ganh tỵ, thì nhìn đâu ta cũng thấy toàn là tham, giận và ganh tỵ. Hoàn cảnh là do tâm làm ra.

Tâm sinh thì mọi pháp sinh.

Ví dụ, ta muốn đi xuất gia. Tự nhiên một ngày nào đó ta thấy ta đang ngồi trong chúng xuất gia, đó là do tâm sinh. Chúng xuất gia đó biểu hiện là do tâm xuất gia của ta sinh ra. Nếu ta muốn xì ke ma túy, thì chỉ vài ngày sau, xung quanh ta toàn là dân xì ke ma túy. Tất cả đều do tâm sinh ra, đó là giáo lý của kinh Hoa Nghiêm.

https://thuviensach.vn

Một tâm không sinh, thì các pháp không làm gì mình được nữa.

Nghĩa là ta có tự do. Đừng bao giờ cho rằng mình là nạn nhân của hoàn cảnh xung quanh. Câu này trích trong Đại Thừa Khởi Tín Luận (T. 1666). Đây là một bộ luận rất nổi tiếng ở Trung Quốc và Việt Nam. Có thuyết cho rằng Bồ-tát Mã Minh là tác giả, và thầy Chân Đế dịch.

Dĩ tâm sinh, tắc chủng chủng pháp sinh
Tâm diệt, tắc chủng chủng pháp diệt cố

'Chủng chủng' là mọi loài khác nhau. 'Cố' có nghĩa là cho nên. Hai câu trên có nghĩa là: Vì tâm sinh cho nên mọi pháp sinh, vì tâm diệt cho nên các pháp diệt. Ngày xưa, các thầy đều có học Đại Thừa Khởi Tín Luận, cho nên Tổ sư Hoàng Bích - thầy của Tổ Lâm Tế - cũng có trích dẫn câu đó; thầy Triệu Châu cũng đã từng trích dẫn câu đó. Do đó ta biết rằng Đại Thừa Khởi Tín Luận là một tác phẩm rất được ưa chuộng trong thời đại của Tổ Lâm Tế và trước đó nữa.

Trong thế gian cũng như ngoài thế gian (xuất thế gian) chẳng có Bụt mà cũng chẳng có Pháp, không thật sự có trong giây phút hiện tại mà cũng chẳng sẽ là không trong tương lai.

Thế gian tức là hoàn cảnh trong đó có hệ lụy, có khổ đau. Xuất thế gian là vượt thoát thế gian, vượt thoát những hệ lụy ấy. Tổ nói, không những trong thế gian không có Bụt, mà trong xuất thế gian cũng không có Bụt, không có Pháp. Không thật sự có trong giây phút hiện tại mà cũng chẳng sẽ là không trong tương lai. Câu này có hương vị của giáo lý Trung Đạo. Trong Triệu luận có câu: 'Nếu các pháp đã từng có trong quá khứ, thì pháp đó không thể nói là không, và trong hiện tại không thể nói pháp đó là có.' Câu này hướng dẫn chúng ta đi tới một cái thấy vượt thoát hai ý niệm có và không. Nói có thì không đúng, mà nói không cũng sai như thường, đôi khi còn sai hơn nữa.

Khi chúng ta niệm Bụt, niệm Bồ-tát Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm, để gởi năng lượng cho bạn bè, cho thân hữu, thì chúng ta hướng về ai để niệm? Cũng như khi chúng ta lạy trước đức Bổn sư, chúng ta quán tưởng về Bụt, hay quán tưởng về ai? Bụt Thích Ca, Bồ-tát Văn Thù,

https://thuviensach.vn

Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Quan Âm có phải là những thực thể ở ngoài ta, để ta hướng về trong khi niệm hoặc lạy hay không? Nếu ta cho đó là những đấng thiêng liêng đang có mặt ở ngoài ta, thì ta bị kẹt vào chỗ Tổ Lâm Tế nói là không rồi. Nếu ta nghĩ rằng Bụt Thích Ca, các vị Bồ-tát là những con người có thật ở ngoài ta, và ta đang gọi tên các ngài để các ngài ban phúc lành, và đem năng lượng tới cho những người ta thương, thì sự thực tập gởi năng lượng của chúng ta chưa được vững chãi, tại vì chúng ta nghĩ chúng ta là con số không, và chúng ta đang cầu đạo. Nếu ta chỉ kêu gọi năng lượng ở ngoài, thì sự cầu nguyện ấy, sự hộ niệm ấy vẫn còn yếu kém. Chúng ta phải đi cao hơn, xa hơn, để thấy được những vị ấy không có mặt ở ngoài ta như ta tưởng, đó gọi là không. Ở đây, Tổ nói không có Bụt, không có Pháp là không theo nghĩa ấy; không này không có nghĩa là hoàn toàn không có gì cả.

Khi xướng lên danh hiệu của đức Bồ-tát đại trí Văn Thù Sư Lợi trong sự nhiếp tâm, ta thấy rằng năng lượng trí tuệ là một cái gì có thật ở trong ta, và trong tăng thân của ta. Nếu mọi người đều có niệm và có định, thì Bồ-tát Văn Thù có mặt một cách đích thực trong khi chúng ta niệm: 'Nam mô Bồ-tát đại trí Văn Thù Sư Lợi'. Đức Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi không thể nào có mặt ngoài ta, tại vì trong ta đã có sẵn hạt giống của trí tuệ. Nếu ta tiếp xúc được với hạt giống trí tuệ, thì hạt giống đó trở thành ra năng lượng có thật, năng lượng đó chính là đức Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi. Người ta kẹt vào sự sợ hãi, sự tuyệt vọng, sự căm thù, là tại vì người ta không có trí tuệ. Khi trí tuệ tới thì đánh tan hết mọi vô minh, và những sợ hãi, những căm thù không còn nữa. Vì vậy lưỡi gươm trí tuệ của Bồ-tát Văn Thù luôn luôn có mặt, ta muốn sử dụng lúc nào cũng được để giải thoát cho mình.

Ngày xưa có những bậc đế vương rất tin vào thuyết linh hồn bất tử, và mọi người trong xã hội cũng đều tin như vậy. Thành ra trước khi chết, những ông vua đó muốn tất cả những người hầu cận như những cung nữ, những thuộc hạ cùng đi theo họ sang thế giới bên kia để tiếp tục phục vụ cho họ. Cho nên khi chôn nhà vua, người ta chôn sống luôn cả những người phụ tá của vua, chôn theo những cái ấn vua sử dụng để ra lệnh. Vì vậy, khi khai quật những ngôi mộ của các đại

https://thuviensach.vn

hoàng đế ngày xưa thì người ta thấy có đủ tất cả những tiện nghi của một vị hoàng đế, trong đó có xương cốt của những ông thầy thuốc giỏi, xương cốt của những nàng cung phi mỹ nữ mà hoàng đế yêu chuộng trong khi còn sống... Rất là tội nghiệp.

Khi tới Quảng Châu, tôi có đi thăm mộ của Triệu Việt Vương. Tôi thấy di tích tro, xương của những người hầu cận bị chôn sống. Rõ ràng là những người này đáng lý họ còn được sống thêm mấy chục năm nữa, nhưng vì người ta tin vào một linh hồn bất tử, cho nên họ phải chết sớm hơn. Đó là do thiếu trí tuệ mà tạo ra khổ đau như vậy.

Trí tuệ là lưỡi gươm lớn có thể chặt đứt tất cả những vô minh phiền não, những khổ đau, đáng lý là không nên có mà ta vẫn thường mắc phải. Khi ta giận anh, khi ta ghét chị, những điều ấy được giải thoát bằng lưỡi gươm trí tuệ: thấy được ta với anh của ta là một, ta với chị của ta là sự tiếp nối lẫn nhau. Khi đó ta mỉm cười được, và cơn giận của ta không còn nữa. Năng lượng hiểu biết của đức Văn Thù luôn có ở trong ta. Khi chúng ta tập trung tâm ý lại để niệm 'Nam Mô Bồ-tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi' là chúng ta đang tiếp xúc và tưới tẩm hạt giống hiểu biết ở trong ta. Tự nhiên trong đại chúng có một năng lượng rất vĩ đại được chế biến ra, và năng lượng đó là năng lượng mà chúng ta gởi tới những người chúng ta muốn yểm trợ. Thành ra Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi là một cái gì có thật, và không thể tách rời ra khỏi tâm mình. Niệm như vậy mới có hiệu quả, mới có hiệu lực, mới có hạnh phúc. Nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta là con số không, còn Bồ-tát thì ngồi ở trên kia, như vậy là chúng ta chưa tiếp xúc được với đức Bồ-tát ấy. Tùy theo cách ta tụng niệm, nếu năng lượng của niệm và của định lớn, thì ta có cơ hội tiếp xúc sâu sắc với vị Bồ-tát ở trong mình và ở trong đại chúng. Cùng đồng thời niệm 'Nam Mô Đức Bồ-tát Đại Bi Quan Thế Âm', mà người thì tiếp xúc rất sâu với Bồ-tát, còn người thì chỉ niệm khơi khơi ngoài miệng. Trong khi niệm 'Nam Mô Đức Bồ-tát Đại Bi Quan Thế Âm', tôi thường lấy ngón tay cái tiếp xúc với ngón tay trỏ. Trong giai đoạn niệm danh hiệu thì hai ngón tay sát lại với nhau, tôi giữ cho niệm, định thật vững, tâm tôi không thoát khỏi danh hiệu và năng lượng đại bi của Bồ-tát Quan Thế Âm. Khi niệm xong câu đầu thì tôi đổi ấn, tức là ngón tay cái tiếp xúc với ngón tay giữa.

https://thuviensach.vn

Ấn này giúp cho tôi tiếp tục duy trì được niệm và định. Nếu ấn có thật, thì nó giữ cho niệm và định không lọt ra khỏi ta trong thời gian mấy tiếng 'Nam Mô Đức Bồ-tát Đại Bi Quan Thế Âm.' Chính lúc đó năng lượng của hộ niệm phát sinh một cách rất hùng hậu. Nếu khi niệm, tâm ta nghĩ chuyện khác, thì hiệu quả không có bao nhiêu. Đến khi niệm lần thứ ba thì tôi đổi ấn lần nữa. Ấn là một trong những phương tiện giúp duy trì định lực của tôi. Nhưng nếu ta làm ấn có hình thức thì cũng như là không có ấn. Thành ra làm ấn cũng được, không làm ấn cũng được, quan trọng không phải là có ấn hay không có ấn, mà là ta có duy trì được niệm và định trong khi niệm danh hiệu hay không mà thôi. Người mà ta gởi năng lượng đến, người đó nhận được bao nhiêu thì ta không biết, nhưng ta biết rõ người đang phát ra năng lượng chắc chắn là nhận được năng lượng niệm và định. Ta không nên nói: 'Mệt quá! Cầu nguyện hết người này đến người kia.' Tuy gọi là cầu nguyện cho người, kỳ thực trong khi niệm ta được lợi lạc trước, ta là người đầu tiên được hưởng năng lượng của các vị Bồ-tát. Tụng kinh, niệm Bụt hay cầu nguyện với tinh thần ấy, ta sẽ không thấy mệt mỏi, trái lại đó còn là cơ hội rất lớn để nuôi dưỡng tâm ta. Trong khi niệm như vậy, ta không bị vướng vào hình thức, vào cái tướng của Bụt và của Pháp. Nếu ta có được cái thấy về Bụt và Bồ-tát như vậy, thì không bao giờ đức tin của ta có thể bị lung lay, cho dù người ta nói rằng Bụt có hay không, ta cũng thản nhiên vì ta đã thoát ra được ý niệm có hay ý niệm không về Bụt.

Bụt và Bồ-tát là những biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày: hiểu, thương và tha thứ, là những điều có thật. Nếu không thật có thì làm sao ta vui sống? Thành ra nói không có Bụt, không có Pháp là chuyện không thể nào tin được. Giây phút nào trong đời sống hằng ngày cũng là giây phút ta sống với Bụt, với Pháp. Cũng tương tự như nói giây phút nào ta có ý thức tới hơi thở là giây phút ta sống với chánh niệm, với trí tuệ, và từ bi.

Dầu nói có cái gì đi nữa, thì đó cũng chỉ là những danh ngôn và chương cú, chỉ có tác dụng tiếp dẫn được bọn con nít.

https://thuviensach.vn

Đọc kinh Đại Thừa, ta thấy có những đoạn nói Bụt hóa hiện phép thần thông, như bài tựa chú Lăng Nghiêm: 'Nhĩ thời thế tôn, tùng nhục kế trung, dõng bách bảo quang, quang trung dõng xuất, thiên diệp bảo liên, hữu hóa Như Lai, tọa bảo hoa trung, đảnh phóng thập đạo.' Nghĩa là: 'Lúc bấy giờ, đức Như Lai từ nhục kế phóng ra một luồng hào quang, trong hào quang đó phát hiện ra bông sen ngàn cánh. Mỗi bông sen ngàn cánh đều có Bụt ngồi, tỏa chiếu ra những đạo hào quang khác, và các vị Bồ-tát Kim Cương Mật Tích hiện ra đầy dẫy trong hư không.' Những hình ảnh đó có thật hay không? Nếu nói có, ta sẽ bị Tổ Lâm Tế mắng. Nếu nói không, ta cũng sẽ bị Tổ mắng như thường.

Chúng ta học Phật thì nên biết rằng: Thần thông được trình bày trong Phật giáo Tiểu Thừa rất khác với thần thông trong Phật giáo Đại Thừa. Thần thông mà ta được biết trong các kinh điển Tiểu Thừa giống như là các thầy sau này thêm vào, để chứng tỏ Bụt có một quyền năng thiêng liêng, một quyền năng vượt bực (super power). Ví dụ khi Bụt thấy một con voi điên đang xông tới Ngài, thì Ngài đưa bàn tay ra, từ mỗi ngón tay của Ngài phát xuất ra một con sư tử, làm con voi nép phục. Đó là thần thông mà trong các kinh Tiểu Thừa đưa ra để gây ấn tượng.

Khi viết về Bụt, tôi thấy giải quyết những khó khăn bằng thần thông không hay bằng năng lượng từ bi của Bụt. Trong 'Đường Xưa Mây Trắng', tôi viết: 'Khi thấy con voi điên xông tới, Bụt hú lên một tiếng (bắt chước con voi chúa mà Ngài đã từng sống chung ở trong rừng), và đưa cánh tay rất từ ái của Ngài ra, thì con voi kia dừng lại. Ngài đi tới và vuốt ve nó.' Từ bi và trí tuệ của Bụt có công năng điều phục được con voi điên, Ngài đâu có cần dùng đến thần thông. Thần thông trong kinh Đại Thừa không có mục đích đó, mà để diễn tả những điều mà ngôn ngữ thường ngày của con người không diễn tả được. Cũng như trong thi ca, có những điều ta chỉ nói được bằng hình ảnh thi ca, mà không nói được bằng những danh từ thông thường. Ví dụ trong bài thơ 'Thơ từng ôm, mặt trời từng hạt':

Mặt trời xanh rờn một rổ rau tươi

https://thuviensach.vn

Mặt trời trĩu nặng trong trái đào tiên tháng tám

Mặt trời phải đỏ chói chứ làm sao xanh rờn? Nhưng chính nhờ ánh sáng mặt trời cho nên rỗ rau kia mới xanh, và vì vậy ta nhìn thấy mặt trời trong rỗ rau xanh. Đó là cách thi sĩ diễn tả để giúp cho người đọc thấy được tính tương tức trong các pháp. Nếu không có mặt trời làm sao có rau xanh, cho nên: 'Mặt trời xanh rờn một rỗ rau tươi, mặt trời trĩu nặng trong trái đào tiên tháng tám'. Trái đào tiên tháng tám trĩu nặng, thì mình cũng thấy mặt trời trĩu nặng. Cho nên mình thấy mặt trời có màu xanh, tuyết cũng xanh, và nắng cũng có thể rơi được như mưa. Nếu không có nắng thì làm sao có mây? Nếu không có mây thì làm sao có mưa? Đó là cách nói của thi sĩ: dùng âm điệu và hình ảnh để diễn đạt cái mà ngôn ngữ thường ngày không thể diễn tả được. Trong kinh Đại Thừa cũng vậy. Kinh Đại Thừa viện tới thần thông là để diễn tả những điều mà ngôn ngữ thường không nói được.

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới: Thiện Tài đồng tử đang trên đường đi tìm bà Ma Da phu nhân, thì có người nói: 'Em đi tìm như vậy thì không bao giờ gặp đâu, em phải ngồi thật yên, và nhìn sâu vào trong tâm em, em sẽ thấy sự mầu nhiệm biểu hiện.' Thiện Tài đồng tử ngồi yên, tự nhiên dưới đất trồi lên một hoa sen ngàn cánh, đó là thần thông. Nếu ta tin điều ấy là cái gì có thật thì ta quá khờ, ta bị lọt vào cái bẫy của cổ nhân như Tổ Lâm Tế đã nói. Nhưng hiện tượng ấy không phải là không có thật. Bên Ấn Độ, các Tổ ngày xưa đã dùng óc tưởng tượng giàu có của mình để diễn bày những tư tưởng uyên áo mà ngôn ngữ bình thường không diễn bày được. Những thần thông trong kinh điển Đại Thừa là một lối diễn bày bằng tưởng tượng (imagination), chứ không phải bằng những tín mộ tầm thường. Ta phải đọc kinh như vậy thì mới hiểu được kinh.

Dầu nói có cái gì đi nữa, thì đó cũng chỉ là những danh ngôn và chương cú, chỉ có tác dụng tiếp dẫn được bọn con nít.

Chúng ta muốn làm con nít hay muốn trưởng thành trong đạo pháp? Làm con nít trong đạo pháp, thì người ta nói cái gì ta tin cái đó; người ta nói Tịnh Độ cách đây mười vạn ức cõi Phật, thì ta tin như vậy. Nếu

https://thuviensach.vn

ta biết trong giây phút hiện tại và ngay tại đây, ta có thể tiếp xúc được Tịnh Độ ấy, thì ta không còn là con nít nữa.

Phương tiện thiết lập ra như thuốc để trị bệnh, sự biểu hiện danh cú có ra là vì thế.

Các đức Thế Tôn, các vị Bồ-tát, các vị Tổ sư đã thiết lập ra phương tiện để độ chúng sinh, như thầy thuốc làm ra những phương thuốc để trị bệnh. Vì vậy cho nên danh ngôn và chương cú có ra là vì thế. Nếu kẹt vào danh ngôn và chương cú thì ta không phải là người thông minh.

Với lại danh cú không tự gọi mình là danh cú. Chính quý vị đang có mặt đây trong giờ phút này với cái linh giác thấy, nghe sáng rỡ như một ngọn đuốc chiếu sáng kia, chính quý vị mới là người đã an bày ra tất cả các danh cú.

Bông hồng kia đâu có nói 'tôi là bông hồng'. Chính ta đặt cho nó cái tên là 'bông hồng' để gọi. Chính ta đặt tên cho ta là con người, là homosapiens; ta đặt tên cho tinh tú này là hỏa tinh, tinh tú kia là kim tinh. Chúng đâu có tự nói 'tôi là hỏa tinh, anh phải gọi tôi là hỏa tinh' bao giờ. Danh ngôn và chương cú là do ta đặt ra, những hình ảnh đó là do ta tạo ra. Có bao nhiêu loại cây, bao nhiêu loài chim chóc, chúng ta đều đặt tên cho chúng. Có những giáo lý, những quan niệm như Tứ Đế, Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi..., cũng do chúng ta đặt tên mà ra. Vì vậy cho nên tất cả chỉ là những phương tiện, chúng ta đừng bị kẹt vào. Tổ Lâm Tế cũng đã nói: 'Tam giới không bao giờ tự nói: tôi là tam giới.' Chính chúng ta đặt tên cho ba cõi, mỗi cõi một tên.

Các vị đại đức, phải tạo ra năm nghiệp vô gián thì mới được giải thoát.

Hỏi: 'Năm nghiệp vô gián là gì?'

Năm nghiệp vô gián tức là năm hành động được xem như là tội lỗi nhất trên đời. Năm nghiệp vô gián là giết cha, giết mẹ, làm chảy máu một đức Thế Tôn, chia rẽ tăng đoàn và thiêu đốt kinh tượng. Trong kinh Duy Ma Cật, phẩm Đệ Tứ có câu: 'Dĩ ngũ nghịch tướng, nhi đắc

https://thuviensach.vn

giải thoát.' Tức là nhìn vào trong bản chất, hay tướng trạng của năm tội ngũ nghịch, ta có thể tìm ra được giải thoát. Chúng ta biết năm tội ngũ nghịch là điều xấu nhất, và giải thoát là cái đẹp nhất. Lấy cái xấu nhất để làm ra cái đẹp nhất. Giữa hai cái xấu nhất và đẹp nhất có một sự liên hệ. Cũng như bùn tanh hôi ở dưới hồ, nếu không có bùn thì sẽ không có hoa sen. Qua đó ta thấy được giáo lý tương tức: trong hoa sen có bùn, và trong bùn ta có thể tìm thấy được hoa sen. Vậy thì, nhìn vào bản chất của năm tội ngũ nghịch ta có thể thấy được giải thoát. Khi đọc đoạn văn kế, chúng ta sẽ thấy rằng Tổ đọc kinh Duy Ma Cật rất kỹ.

Thiền Sư đáp:

- Năm nghiệp vô gián là giết cha, giết mẹ, làm Bụt chảy máu, chia rẽ tăng đoàn và thiêu đốt kinh tượng. Cha ở đây có nghĩa là vô minh.

Đây là cách giải thích của Tổ. Tổ rất tự do muốn giải thích như thế nào cũng được, không cần phải căn cứ vào Phật học đại tự điển.

Nếu quý vị ngưng được sự tìm cầu, dù cho trong một khoảnh khắc, cái sinh khởi và cái hoại diệt (của các pháp) như tiếng vang âm hưởng với hư không, nếu quý vị trong trường hợp nào cũng vô sự được, thì đó là đã giết được cha vô minh.

Vô minh là Cha. Từ cha vô minh mà sinh ra luân hồi khổ đau.

Mẹ đây là sự tham ái. Nếu quý vị trong khi đi vào cõi Dục để tìm cầu đối tượng của sự tham ái mà có thể, dù cho trong một khoảnh khắc, thấy được rằng các pháp đều Không và bất cứ nơi đâu cũng được vô trước, đó gọi là giết được mẹ tham dục.

Mẹ là biểu tượng cho sự tham dục. Vì có cha vô minh và mẹ tham dục, cho nên ta mới có mặt trong cõi khổ đau. Vì vậy phải giết cha vô minh, phải giết mẹ tham dục thì ta mới có thể giải thoát.

Trong đoạn văn này, ta thấy lặp lại nhiều lần câu 'dù cho trong một khoảnh khắc'. Dù cho trong một khoảnh khắc là cái phao cứu mạng

https://thuviensach.vn

ta, là nguyên do sau đó ta được giải thoát. Cũng như khi niệm danh hiệu Bụt và Bồ-tát, ta gởi năng lượng niệm và định cho một người đang có bệnh. Trong khi niệm danh hiệu 'Nam mô đức Bổn sư Bụt Thích Ca Mâu Ni, Nam mô đức Bồ-tát đại trí Văn Thù Sư Lợi, Nam mô đức Bồ-tát đại hạnh Phổ Hiền, Nam mô đức Bồ-tát đại bi Quan Thế Âm' thì tâm ta có thể không hoàn toàn an trú vào niệm. Ta nghĩ đến chiều nay phải làm gì, ngày mai phải làm gì; người kia đã nói với ta một câu như vậy, làm sao ta có thể tha thứ được... Trong thời gian đại chúng hộ niệm như vậy, thì tuy miệng ta niệm, nhưng tâm ta thì nghĩ đến những chuyện như thế. Giả dụ trong thời gian niệm danh hiệu Bụt và chư vị Bồ-tát, dù chỉ trong một khoảnh khắc, ta có sự chú tâm, có niệm, có định, có hồi hướng tới người ta muốn hồi hướng, thì điều ấy cũng đã có ích rồi. Khi quý vị lái xe đi từ xóm Hạ tới xóm Mới để dự ngày quán niệm, thì dù cho có thất niệm trong quãng đường hai mươi mấy cây số, nhưng nếu trong quãng đường đó mà có được một hơi thở chánh niệm, điều ấy còn đỡ hơn là hoàn toàn không có một sát na nào trong chánh niệm và chánh định. Câu này cho ta thấy lòng từ bi rất lớn của Bụt và Bồ-tát nơi Tổ Lâm Tế. Nó có nghĩa là: 'Dù các con có thất niệm đi nữa, mà các con còn có một sát na chánh niệm thì cũng đã đỡ nhiều cho thầy và cho Bụt.'

Trong kinh Niệm xứ, Bụt nói: 'Nếu người nào theo phương pháp quán chiếu thân trong thân, thọ trong thọ, tâm trong tâm, pháp trong pháp, tinh chuyên trong bảy ngày thì thế nào cũng đạt tới sự giải thoát.' Sau đó, Bụt nói tiếp: 'Nếu tinh chuyên trong ba ngày cũng có thể thấy được tự tánh vô thường, vô ngã và Niết Bàn của sự vật, cũng có thể giải thoát được.' Rồi Bụt lại nói: 'Đừng nói là ba ngày, chỉ một ngày một đêm nếu tu tập tinh chuyên cũng có thể đạt tới giải thoát.' Cuối cùng thì Bụt kết luận: 'Đừng nói một ngày, nếu trong một giờ hoặc một phút mà có được sự tu tập tinh chuyên ấy thì cũng có cơ hội giải thoát được.' Và câu nói này đã trở thành bất hủ. Trong sự thực tập Tịnh Độ cũng vậy. Nếu ta thực tập mỗi ngày, tháng này sang tháng khác thì rất tốt. Nhưng nếu trong cuộc đời bận rộn của ta mà có lúc ta nhất tâm niệm được mười câu niệm Phật A Di Đà không gián đoạn, thì cũng có thể vãng sanh Tịnh Độ được. Điểm này đánh trúng

https://thuviensach.vn

vào tật làm biếng của tất cả chúng ta. Chỉ cần niệm mười tiếng là có thể sanh Tịnh Độ, điều này có thể đúng. Tại vì sao? Tại vì đó là sự kết duyên. Trong thời gian hai mươi phút lái xe từ xóm Thượng về lại xóm Mới, có thể tâm mình hoàn toàn trống rỗng, không có chánh niệm. Nếu có được một hơi thở vào ra trong chánh niệm là đã khá rồi, còn hơn là không có gì cả.

Mỗi khi đọc tới đây, tôi thấy được lòng từ bi của Bụt, của các đức Bồ-tát và của các vị Tổ sư rất lớn. Thấy chúng ta yếu kém, chư vị đã làm bất cứ điều gì để giúp chúng ta có cơ hội thực tập và có được niềm tin, dù chỉ trong một sát na. Tình thương của chư vị lớn như vậy, nhưng nhiều khi ta không tiếp nhận được. Ta nói chư Tổ sao cứ trách ta; học Quy Sơn Cảnh Sách, Tổ Quy Sơn cứ rầy la ta. Rất là tội nghiệp cho Bụt và chư vị Tổ sư.

Bụt ở đây là sự vướng mắc vào các kiến giải phân biệt.

Khi ta bị vướng mắc vào các kiến giải phân biệt về Bụt, thì Bụt là một trở ngại cho sự giải thoát. Cũng như ta cho Bụt là cái tượng bằng xi măng, bằng vàng hay bằng ngọc, những thứ ấy không phải là Bụt mà chỉ là ý niệm của ta về Bụt. Ý niệm của ta về Bụt (những kiến giải của ta về Bụt) không phải là Bụt, vì vậy ta cần phải giết Bụt ấy đi. Bây giờ ta mới hiểu câu 'gặp Bụt thì giết Bụt', đó là Bụt ý niệm, là kiến giải về Bụt của ta. Muốn giết Bụt ý niệm, ta không thể nào giết bằng những vũ khí thông thường như một cây súng, một lưỡi gươm, một trái lựu đạn, chỉ có lưỡi gươm trí tuệ mới giết được Bụt kiến giải, Bụt khái niệm.

Trong kinh Bảo Tích, phẩm thứ tư là Thiện Trú Thiên Tử Hội (hội có vị thiên tử tên là Thiện Trú). Có câu chuyện là có năm trăm vị Bồ-tát đã đạt tới tứ thiền [2], và trong ngũ thông [3] họ chỉ chưa đạt được lậu tận thông. Trong số năm trăm vị Bồ-tát đó, có những vị nhờ có túc mạng thông, biết được những kiếp xa xưa họ đã từng phạm vào tội ngũ nghịch: giết cha, giết mẹ, làm chảy máu bậc giác ngộ, chia rẽ tăng đoàn và thiêu đốt kinh tượng. Do đó họ có mặc cảm, nghĩ rằng họ

https://thuviensach.vn

không thể thành Phật được, không thể giải thoát hoàn toàn được, và không thể đi vào được các pháp nhiệm mầu.

Chúng ta tuy không phạm vào một trong năm tội ngũ nghịch, nhưng có thể chúng ta cũng có những mặc cảm trong quá khứ. Ví dụ, chúng ta đã gây thương tổn cho những người thương của chúng ta. Những người đó có thể là mẹ, là cha, là anh, là chị, là thầy của chúng ta. Biết đâu trong những kiếp quá khứ chúng ta đã có những lầm lỡ như vậy. Mặc cảm đó làm chúng ta ray rứt không thoát ra được, và đi đâu chúng ta cũng mang theo. Chúng ta đã nói những câu, đã làm những cử chỉ gây thương tích, gây khổ đau, và những vết thương ấy tiếp tục đi theo chúng ta mãi mãi. Chúng ta bị mặc cảm đó trói buộc không cho chúng ta giải thoát.

Năm trăm vị Bồ-tát này cũng vậy. Trong hội thứ tư của Thiện Trú Thiên Tử, đức Thế Tôn quán chiếu và thấy được mặc cảm của các vị Bồ-tát làm trở ngại rất lớn cho vấn đề giải thoát của họ. Đức Thế Tôn liền đưa mắt nhìn Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi. Qua cái nhìn ấy, đức Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hiểu được ý của đức Thế Tôn. Văn Thù Sư Lợi là một vị Bồ-tát luôn luôn mang thanh trường kiếm trí tuệ. Trong trường hợp này, Bụt chỉ có thể sử dụng thanh gươm trí tuệ để chém đứt cái mặc cảm kia. Sau khi biết ý của đức Thế Tôn, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đứng dậy, rút gươm ra, rồi đi đến trước đức Bụt. Đây là một màn kịch rất hấp dẫn, màn kịch này là để giáo dục cho năm trăm vị Bồ-tát ấy.

Khi thấy Văn Thù Sư Lợi rút gươm ra, đi tới gần ngài, Bụt nói: 'Khoan đã! Khoan đã! Đừng tạo ra tội ngũ nghịch, đừng giết ta. Nếu cần giết ta thì phải nên biết cách giết trước đã. Tại sao, này Văn Thù Sư Lợi? Từ xưa tới nay không có ngã, không có nhân, không có con người (như một thực thể riêng biệt). Người và ta là những ý niệm do nội tâm sáng tạo (do tâm thức chứ không thật sự do bên ngoài). Khi khởi ra một niệm phân biệt như vậy trong nội tâm (một khi trong tâm phát khởi ra hình ảnh ấy), thì ngươi nên giết cái đó đi. Cái đó mới thật là nên giết (thay vì giết con người ở ngoài kia, mình phải giết ý niệm của mình.)' Khi đó năm trăm vị Bồ-tát thấy rõ là không có tướng ngã,

https://thuviensach.vn

không có Bụt, không có chúng sanh, chỉ có vô minh cần phải giết mà thôi.

Nếu ngày xưa ta phạm vào những lỗi lầm là tại vì ta u mê. Thành ra sự thật là không có người giết và không có người bị giết, cho nên lưỡi gươm trí tuệ chỉ dùng để giết vô minh, giết khái niệm của ta về cha, về mẹ, về Bụt.

Chỉ khi nào ta đọc đoạn này trong kinh Bảo Tích rồi, thì ta mới hiểu được một cách đúng mức lời tuyên bố kinh thiên động địa của Tổ Lâm Tế: 'Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ, phùng phụ mẫu sát phụ mẫu.' Sự hiểu biết của Tổ Lâm Tế về giáo lý rất thâm sâu. Ngài đã đọc kinh Duy Ma Cật, ngài đã đọc kinh Bảo Tích một cách kỹ lưỡng. Sự tuyên bố của ngài về chuyện phạm vào năm tội ngũ nghịch có nguồn gốc rất sâu từ hai kinh này. Nếu không hiểu hai kinh này thì ta sẽ không hiểu được Tổ.

Chỉ khi nào ta sống trong vô minh, trong sự kỳ thị phân biệt, thì ta đau khổ. Khi ta bắt đầu thấy được chân lý, ta thấy được bản chất của các pháp là vô ngã: Bụt với ta, cha với ta, mẹ với ta, không phải là hai thực thể riêng biệt. Thấy được rồi thì ta không còn đau khổ nữa.

Người Do Thái giết người Ả Rập, tại vì người Do Thái thấy người Ả Rập không phải là mình; khi người Ả Rập giết người Do Thái, thì người Ả Rập thấy người Do Thái không phải là mình; khi Tổng thống Bush giết những đứa con của ông Saddam Hussein, thì Tổng thống Bush nghĩ rằng đó không phải là con của mình, đó là con của kẻ thù. Đó là những lúc ta đang sống trong sự kỳ thị, phân biệt. Ta không biết rằng: khi ta giết người đó là ta tự giết ta; khi ta giết con của người đó, tức là ta tự giết con của ta. Chưa có cái thấy vô ngã, chưa có cái thấy tương tức, thì ta còn kẹt vào vòng khổ đau, mặc cảm. Và những mặc cảm tội lỗi ấy sẽ theo sát ta ngày cũng như đêm, luôn cả trong giấc ngủ. Không những thế, nó sẽ làm cho ta đau khổ từ đời này sang đời khác, kiếp này sang kiếp khác.

Chỉ có một lưỡi gươm có thể chặt đứt được bóng ma của mặc cảm, đó là lưỡi gươm của trí tuệ. Những ai đang đau khổ vì mặc cảm, nô lệ

https://thuviensach.vn

cho mặc cảm, bị giam hãm bởi mặc cảm, thì chỉ có thanh gươm của Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi mới có thể cứu được những người ấy mà thôi. Các nhà tâm lý trị liệu phải học điều này, tại vì trong số những bệnh nhân tới để được trị liệu có những người mang mặc cảm rất lớn, nếu không thì các vị ấy không có khả năng giải tỏa được những mặc cảm ấy của bệnh nhân.

Nếu hoa sen coi bùn là kẻ thù, và muốn tiêu diệt bùn để đừng bao giờ có bùn trên thế gian này thì hoa sen cũng tự tiêu diệt mình. Ngược lại, nếu bùn coi hoa sen là kẻ thù, và muốn tiêu diệt hoa sen và tất cả các loài hoa khác thì cũng không bao giờ có bùn. Tại vì hoa sen làm ra bùn, và bùn làm ra hoa sen. Đó là tuệ giác tương tức.

Khi ta nhìn những người thân của ta là kẻ thù, khi ta nhìn đồng bào ta là kẻ thù, khi ta nhìn những người trong gia đình nhân loại là kẻ thù, thì lúc đó ta bị kẹt vào trong thế phân biệt cố chấp, và hận thù luôn luôn theo ta. Là nhà chính trị, là nhà tôn giáo, là nhà văn hóa, nếu không có được cái thấy tương tức, thì người đó chưa vượt thoát được những khổ đau, không làm cho mình được hạnh phúc thì đừng nói tới chuyện đem hạnh phúc đến cho những người khác, dù cho mình có nhân danh gì đi nữa. Nhà chính trị, nhà văn hóa, nhà tôn giáo, thao thức muốn đem lại hạnh phúc cho mình và cho nhân loại, nhưng nếu bị kẹt vào trong sự kỳ thị, phân biệt, thì mình cứu mình còn chưa xong, huống hồ là cứu những người khác. Nhà chính trị nào, nhà tôn giáo nào, nhà văn hóa nào mà chưa có được vô phân biệt trí, thì còn tiếp tục gây khổ đau cho mình và nhân loại. Vì vậy những người có lý tưởng cứu đời, giúp người phải thực tập quán chiếu để có thể đạt tới vô phân biệt trí. Vô phân biệt trí là lưỡi gươm thần có khả năng cắt đứt tất cả những ranh giới kỳ thị, phân biệt, và tiêu diệt tất cả những khổ đau và mặc cảm. Vô phân biệt trí (nirvikalpajnàna) là cái thấy bình đẳng, không phân biệt thực tại. Thức thứ bảy là mạt na, là thức bị che lấp, không thấy được thực tại. Khi quán chiếu thâm sâu ta có thể chuyển hóa được thức mạt-na, và thức mạt-na trở thành bình đẳng tánh trí, có khi gọi là vô phân biệt trí.

https://thuviensach.vn

Nếu quý vị có công phu thì nên khai thác những lời dạy này của kinh Bảo Tích, kinh Duy Ma Cật và Lâm Tế Lục, để quý vị có thể giúp những nhà tôn giáo, những nhà chính trị có được cái nhìn vô phân biệt. Chỉ khi nào họ có được cái nhìn ấy, có được lưỡi gươm vô phân biệt ấy, thì họ mới thật sự phục vụ được cho nhân loại, cho cuộc đời một cách hữu hiệu. Họ sẽ thương dân họ cũng như dân các nước khác như thương những đứa con của họ.

Nếu quý vị đi vào trong pháp giới thanh tịnh mà không làm phát sinh những kiến giải phân biệt, dù chỉ trong một sát na, tới đâu cũng giữ được trí vô phân biệt của mình, đó là quý vị đã làm Bụt (của biến kế sở chấp) chảy máu.

Muốn làm cho Bụt của biến kế sở chấp chảy máu thì phải dùng gươm trí tuệ. Biến kế sở chấp (vikalpa) là ngược lại với vô phân biệt trí. Biến kế sở chấp là thức thứ bảy. Nirvikalpa là vượt thoát biến kế sở chấp, được gọi là trí (jnàna). Bụt ở đây là sự vướng mắc vào các kiến giải phân biệt. Nếu quý vị đi vào trong pháp giới thanh tịnh mà không làm phát sinh những kiến giải phân biệt. Những khái niệm, kiến thức dựa trên sự kỳ thị (conception knowledge based on discrimination) như: đây là ta, đây là người, đây là bạn, đây là thù; ta không phải là người, người không phải là ta; bạn không phải là thù, thù không phải là bạn; con của Saddam Hussein không phải là con của George W. Bush.

Tăng đoàn ở đây là sự vướng mắc vào các ý niệm phiền não và sở y.

Chia rẽ tăng đoàn là một trong năm tội ngũ nghịch. Sở y tức là chỗ nương tựa, chỗ để bám víu.

Nếu quý vị đạt được cái thấy là tất cả các phiền não và kết sử đều Không và chẳng có chỗ nương tựa (sở y), thì dù chỉ trong một khoảnh khắc, quý vị cũng đã phá được tăng đoàn của phiền não, của kết sử và sở y.

Phiền não và kết sử (samyojana) được dịch là nội kết. Kết sử tức là những khối phiền não đọng lại ở trong tâm, tiếng Anh là internal

https://thuviensach.vn

formation. Kết tức là những nút thắt kết lại trong lòng. Sử là sai sử. Khi những nút thắt ấy còn ở trong lòng, nó sẽ còn tiếp tục thúc đẩy ta nói và làm những điều gây ra khổ đau cho ta và cho người khác. Ví dụ như có người vừa nói một câu gì đó khiến ta sinh ra sự bực bội, ta có nội kết (kết sử), và ta giữ mãi trong lòng. Nếu có thực tập chánh niệm, ta nhận diện ra liền: 'Trời đất ơi! Mình vừa có kết sử (nội kết), kết sử này sẽ làm cho mình đau khổ.' Ta tìm cơ hội để làm mới với người kia để tháo nút thắt này ra. Nếu người ấy có thực tập chánh niệm sẽ nhận diện ra rằng có một cái nút vừa thắt lại, và cái nút thắt này sẽ gây khó khăn cho sự liên hệ giữa mình với người kia. Là người tu đích thực, ta đừng chờ lâu ngày, ta phải làm thế nào để trong hai mươi bốn giờ đồng hồ cái nút thắt này phải được tháo ra. Vì vậy ở Làng Mai có pháp môn Làm Mới, pháp môn Soi Sáng. Nếu ta từ chối làm mới với người kia, thì những nội kết ấy sẽ còn hoài. Nội kết là những kết tụ bên trong.

Nội kết có khi là cái giận, cái sợ, cái nghi. Khi ta có sự nghi ngờ như nghi một người nào, nghi Bụt, nghi Pháp, nghi Tăng, hay nghi con đường thực tập của mình, là ta có nội kết. Nếu để cái nghi ấy ở mãi trong lòng không giải quyết, thì nó trở thành nội kết và gây đau khổ cho ta mãi. Vì vậy ta phải tìm cách để giải nghi, để tháo cái nút thắt đó ra. Nếu một mình làm không được, thì ta phải cầu cứu đến những người khác. Tham đắm là một nội kết, vướng mắc là một nội kết, hận thù là một nội kết. Đó là những nội kết không dễ chịu. Nếu cứ để tình trạng tiếp tục như vậy, thì những nội kết ấy sẽ thúc đẩy ta nói và làm những điều gây đau khổ cho ta và cho người khác. Cho nên khi những nội kết vừa mới hình thành thì ta phải nhận diện và tìm cách tháo gỡ những nội kết ấy ra ngay bằng pháp môn Làm Mới.

Có những nội kết dễ chịu. Ví dụ, khi ta nghe một câu nói, hay hút một điếu thuốc, hay uống một ly rượu, nó đem lại cảm giác khoan khoái lâng lâng cho ta, đó gọi là nội kết êm ái. Ngửi một mùi hương, ta bị vướng vào mùi hương ấy, và muốn mùi hương ấy trở lại với ta. Nước Pháp có một loại nước hoa, gọi là 'Je reviens' (em sẽ trở lại). Ta cứ mong em trở lại hoài, tức là ta tạo ra sự vướng mắc (attachment) cho chính mình. Ta bị vướng vào hình sắc; ta bị vướng vào âm thanh:

https://thuviensach.vn

giọng nói rất ngọt ngào êm dịu, trong Nam gọi là 'dẻo quẹo', làm cho mình nhớ hoài giọng nói ấy. Đó là những nội kết êm ái (sweet internal formation). Uống trà ngon cũng nguy lắm, vì khi không có trà ngon thì thấy thiếu. Thấy thiếu trà ngon là nội kết êm ái. Thành ra phải tập uống tất cả các loại trà. Khi nghe một câu nói ta cảm động, ta muốn nghe lại câu nói đó; khi ngửi một mùi hương ta bị vương vấn, và ta muốn được ngửi lại mùi hương ấy... Những đối tượng của sáu thức có thể là nội kết êm ái, làm cho ta không còn khả năng làm chủ chính ta nữa. Ta nghĩ tới những đối tượng ấy và muốn tìm lại những cảm giác cũ. Ta phải tìm cách tháo gỡ những nội kết ấy ra, nếu không thì ta mất tự do. Ta có thể tự tháo gỡ một mình, hoặc là ta nhờ tới thầy, sư anh, sư chị,... giúp ta tháo gỡ, nếu ta muốn là con người tự do.

Tăng đoàn ở đây là sự vướng mắc vào các ý niệm phiền não và sở y. Nếu quý vị đạt được cái thấy là tất cả các phiền não và kết sử đều Không và chẳng có chỗ nương tựa (sở y), thì dù chỉ trong một khoảnh khắc, quý vị cũng đã phá được tăng đoàn của phiền não, kết sử và sở y.

Những kết sử, những phiền não tụ tập với nhau làm thành một phe đảng đánh phá ta, đó là tăng đoàn của phiền não, của nội kết, của sở y. Ta phải có trí tuệ mới có thể phá tan được băng đảng đó.

Kinh tượng ở đây là những ý niệm về nhân duyên, về tâm và về pháp. Nếu quý vị, dù chỉ trong một khoảnh khắc, thấy được tính Không của nhân duyên, của tâm và của pháp và đoạn trừ được tất cả những khái niệm mình có về nhân duyên, về tâm và về pháp, đó là quý vị đã thiêu đốt được các kinh tượng của khái niệm, của tâm và của pháp.

Bụt nói: 'Giáo lý của ta cũng như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu các ngươi chấp vào ngón tay thì các ngươi không bao giờ thấy được mặt trăng cả.' Ta phải nương vào chiều hướng của ngón tay để nhìn thấy mặt trăng. Còn nhận rằng mặt trăng là ngón tay, thì đó là sự ngu dốt, sự vướng mắc vào những hình thức của giáo lý. Thành ra học Bụt phải thông minh. Có những người thờ phụng giáo lý suốt đời mà

https://thuviensach.vn

không sử dụng giáo lý đó để chứng nghiệm chân lý, thì những người ấy là những người đang bị ràng buộc. Sử dụng kinh tượng như vậy, thì kinh tượng là những điều ràng buộc. Tượng Phật, kinh điển, giáo lý là những điều ràng buộc, cho nên phải đốt, phải đập nát, phải chém đầu tất cả những cái đó, nghĩa là phải vượt thoát những phương tiện ấy. Tại vì những phương tiện ấy là để chỉ bày chân lý, mà vướng vào phương tiện thì mất chân lý. Có những người niệm 'Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh', tỏ ý tôn kính Pháp bảo. Nhưng nếu người đó tụng kinh Pháp Hoa mà không hiểu, không tiếp xúc được với Bản Môn, không phá tan được những phiền não của họ, thì suốt đời họ có tụng Diệu Pháp Liên Hoa kinh cũng vô ích; khi niệm 'Nam mô Bụt Thích Ca Mâu Ni' mà chỉ vướng vào lời mà không tiếp xúc được với Bụt Thích Ca Mâu Ni trong bản chất, thì câu niệm Bụt cũng trở thành một trở ngại.

Ngày xưa, tờ báo Đuốc Tuệ có đăng chuyện một bà ở ngoài Bắc. Bà rất siêng năng niệm Bụt A Di Đà. Bà niệm năm này sang năm khác. Nhưng không thấy bà chuyển hóa gì cả, bà vẫn dữ như thường, và hàng xóm ai cũng sợ bà. Mỗi khi mất một con gà, bà leo lên ngồi trên nóc nhà mà chửi. Hồi đó chưa có máy vi âm (microphone), cho nên leo lên nóc nhà chửi thì mọi người mới có thể nghe. Bà chửi như thế này: 'Mầy ăn gà của bà thì cha mày bị cái này, mẹ mày bị cái này...'. Có một ông hàng xóm muốn cho bà một bài học. Hôm đó, cũng như thường lệ, đúng giờ bà lên nhang đèn chuông mõ để tụng, thì ông ta đứng ở ngoài cổng gọi: 'Bà Tư ơi, bà Tư!' Bà Tư thỉnh mõ lớn lên để chứng tỏ rằng bà đang bận chuyện rất quan trọng, đó là niệm Bụt tụng kinh, ông đừng có phá rầy bà. Nhưng ông hàng xóm giả bộ không nghe, kêu lên lần nữa: 'Bà Tư ơi!'. Bà Tư thỉnh mõ, thỉnh chuông lớn hơn nữa, để nói cho ông hàng xóm biết rằng: 'Đừng có phá rầy tôi trong khi tôi đang làm công việc linh thiêng quan trọng này.' Rồi bà bắt đầu niệm Bụt: 'Nam mô A Di Đà Phật.' Và cứ tiếp tục niệm như vậy. Ở ngoài ông hàng xóm tiếp tục gọi: 'Bà Tư ơi! Bà Tư ơi!' Ở trong bà tiếp tục niệm: 'Nam mô A Di Đà Phật.' Và cứ như vậy hai bên thi nhau rống to lên. Cuối cùng, giận quá, bà quăng chuông mõ, bỏ ra ngoài, đứng chống nạnh chửi: 'Tiên sư nhà nó, tao đang

https://thuviensach.vn

tụng kinh niệm Bụt mà nó tới quấy phá như vậy.' Lúc đó, ông hàng xóm tươi cười nhìn bà nói: 'Trời đất ơi! Tôi mới gọi bà Tư có bốn, năm mươi lần mà bà Tư giận như vậy. Trong khi bà Tư cứ gọi Phật A Di Đà suốt ngày suốt đêm, năm này sang năm khác như vậy, chắc là Phật giận bà Tư dữ lắm.'

Nói như vậy không có nghĩa niệm Bụt là điều sai quấy, niệm Bụt rất tốt. Nhưng niệm Bụt như thế nào để đừng bị vướng vào hình thức của sự niệm Bụt. Tu hành như thế nào để đừng vướng vào sự thực tập hình thức, để cho sự thực tập đó giúp cho ta chuyển hóa thì mới là thực sự tu. Còn tu như bà Tư thì không có ích lợi gì cả. Chúng ta biết rằng trong xứ sở của mình có bao nhiêu là bà Tư và ông Tư như vậy. Vậy mà họ cứ nghĩ rằng mình đang đi trên con đường chánh. Chưa chắc là trong số những người đang ngồi trong thính đường này, không có những ông Tư, không có những bà Tư. Xin các bà Tư và các ông Tư tỉnh giấc lại, đừng làm như vậy nữa. Tổ Lâm Tế là ông hàng xóm. Tổ đến sáng hôm nay để nhắc các ông Tư và bà Tư chấm dứt sự thực tập hình thức, đừng vướng mắc vào kinh tượng, đừng vướng vào những ý niệm về tâm, về pháp, về nhân duyên, nếu những giáo lý ấy không hề giúp ta trong sự giải thoát và chuyển hóa.

Này các vị đại đức! Nếu làm được như thế, các vị sẽ không còn bị kẹt vào các danh từ phàm và thánh.

Ta có khuynh hướng phân biệt phàm và thánh. Ta có mặc cảm ta là phàm, người kia là thánh. Chính sự phân biệt đó làm cho ta ủng trệ mãi, không đi tới được một bước nào cả.

Quý vị trong mỗi ý niệm đã quen nhìn vào nắm tay không và ngón tay chỉ, cho đó là sự thật, dựa trên căn cảnh mà hình dung ra các pháp hư ngụy không thật có.

Ở đây Tổ nói về sự thực tập hình thức. Nắm tay không và ngón tay chỉ là những phương tiện chỉ bày chân lý. Nắm tay không tức là nắm tay trong đó không có gì hết, nhưng ta tưởng là có một cái gì ở trong, kỳ thực nắm tay không là một phương tiện. Ngón tay chỉ cũng không có một ý gì khác, chỉ là phương tiện cho ta nương theo chiều hướng

https://thuviensach.vn

để có thể thấy được chân lý. Nắm tay không hay ngón tay chỉ đều là những biểu tượng để chỉ bày chân lý, nhưng phần đông chúng ta cứ bị kẹt vào những biểu tượng ấy, cho là sự thật, và dựa trên căn và cảnh mà hình dung ra các pháp hư ngụy không thật có.

Các vị có mặc cảm tự ty, cho nên chỉ biết khúm núm co rút mình lại, và tiếp tục nói: 'Ta chỉ là một kẻ phàm phu, còn vị ấy là một bậc thánh nhân.'

Ta có mặc cảm tự ti: thấy người kia là thánh (holiness), còn mình là trần tục (profane), mình hoàn toàn không có một giá trị nào.

Bọn trọc đầu ngu ngốc kia ơi!

Đây là Tổ quở những người tu (monastics), còn người cư sĩ (lay people) thì Tổ tha cho.

Tại sao các ngươi lại chạy đi hối hả tìm cái chết bằng cách đội lốt sư tử lên đầu để kêu thành tiếng của những con dã can như thế?

Ta là hòa thượng, pháp chủ, thượng tọa, đại đức, tì kheo, tì kheo ni..., ta là con của Bụt, đệ tử của đức Thế Tôn, của bậc giải thoát, ta muốn khoác lên đầu mình một lớp da sư tử. Oai lắm! Le lắm! Tự cho mình là con của sư tử, trong khi đó ta chỉ phát ra toàn là tiếng kêu của con chó sói mà thôi.

Là kẻ đại trượng phu mà tại sao các ngươi không thở ra được khí phách của kẻ đại trượng phu? Những gì đã có sẵn trong nhà mình mà mình không tin, lại cứ đi tìm kiếm ở những nhà khác? Tại sao lại cứ sa vào cái bẫy danh cú của cổ nhân, hết nương vào âm lại tựa vào dương, rốt cuộc chẳng tự mình đạt được gì cả. Gặp hoàn cảnh nào cũng bám vào, gặp đối tượng nào cũng nắm bắt, tiếp xúc tới đâu thì bị lừa gạt tới đó, quý vị không hề có tiêu chuẩn nhận thức nào cả.

Đích thực là Tổ đang rầy ta. Đi tới để học cái này ở ông thầy này, đi tới để học cái kia ở ông thầy kia, cái gì ta cũng tin. Không chịu sử dụng cái tâm sáng chói của ta, cái nhận thức độc lập của ta, lại cứ suốt

https://thuviensach.vn

đời đi tìm. Không khác gì con dê, bất cứ cái gì đụng vào miệng là nó ăn, không biết phân biệt. Đây là hình ảnh ví dụ của Tổ Lâm Tế.

Các bạn tu, các bạn đừng bị kẹt vào lời nói của ông thầy tu núi này. Tại sao? Tại những lời tôi nói không thực sự có nền tảng nào cả.

Lời nói của Tổ cũng là những phương tiện. Cũng như Tổ chỉ vẽ một bức vẽ cho quý vị thấy, để giúp quý vị có thể tự cởi trói được. Tổ không đưa ra một lý thuyết nào, một ý tưởng thâm uyên nào để quý vị khỏi phải chộp lấy mà giữ làm gia bảo. Tổ chỉ sử dụng cây búa, cái roi, cái gậy, để giúp quý vị phá tan những mặc cảm, những cố chấp. Đừng nghĩ rằng những điều Tổ nói là để trao truyền cho quý vị những ý tưởng thâm uyên.

Đó chỉ là những bức vẽ nhất thời trên không gian, dù chúng là những hình tượng có màu có sắc.

Những lời của Tổ cũng như những bức họa vẽ trên hư không, có rất nhiều màu sắc, không phải là một cái gì mà quý vị có thể đem về để thờ phụng, để chất chứa, tất cả đều là những phương tiện. Tổ đúng là một thi sĩ.

Này các bạn tu, đừng lấy Bụt làm tiêu chuẩn tuyệt đối. Theo tôi thì cái quan niệm ta có về Bụt ấy đó cũng như một cái hố xí, và theo nghĩa đó, Bồ-tát và La-hán cũng chỉ là những kẻ đem tới gông cùm. Vì vậy cho nên mới có hiện tượng Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm và Ương Quật Ma đem đao tới chém Thích Ca.

Tới đây thì ta hiểu được tại sao Tổ Lâm Tế đã tuyên bố những câu động trời: 'Gặp Bụt thì giết Bụt, gặp Tổ thì giết Tổ, gặp cha mẹ giết cha mẹ, gặp thân quyến giết thân quyến. Và sử dụng năm tội ngũ nghịch để đạt tới giải thoát.'

Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm là một câu chuyện trong kinh Bảo Tích đã được kể ở trên, trong phẩm Thiện Trú Thiên Tử Hội. Điều này chứng tỏ chúng ta không cần phải mượn gươm của đức Văn Thù nữa, mỗi người chúng ta đều có lưỡi gươm đó. Những khổ đau, những mặc cảm, những phiền muộn của chúng ta, chúng ta có thể

https://thuviensach.vn

chém đầu chúng bất cứ lúc nào, không cần cầu khẩn những người khác. Đọc tới đây, ta có thể hiểu được một cách tường tận, thấy được nguồn gốc lời tuyên bố của Bụt, của Tổ Lâm Tế. Thành ra những câu 'Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ', hay 'sử dụng năm tội ngũ nghịch để làm ra giải thoát', đều là những câu tuyên bố có căn cứ trong các kinh điển Đại Thừa.

Này các bạn tu, Bụt không phải là cái gì mà quý vị có thể nắm bắt được, cho đến giáo lý ba thừa, năm tánh, đốn giáo, viên giáo, Tích Môn, Bản Môn... Tất cả chỉ là thuốc và bệnh cùng hiện khởi đối lập nhau nhất thời, không phải là những pháp có thật. Mà dù cho có cái gì đi nữa thì đó cũng chỉ là những cái giả bày như có thật, những biểu hiện tạm thời dưới dạng văn tự để cho công chúng có tạm thời mà sử dụng. Chỉ nói thế thôi!

Trong đoạn này Tổ nói: 'Tất cả những điều ta thấy trong giáo lý, trong tam tạng kinh điển, trong phương pháp hành trì, ta phải nhận thức tất cả những điều ấy như những phương tiện, những phương thuốc để trị bệnh.' Nếu không có bệnh thì không cần thuốc. Hãy tưởng tượng một người không có bệnh mà đem tất cả những thứ thuốc trên đời về uống, tất nhiên sau khi uống người đó sẽ có bệnh. Chúng ta cũng vậy. Khi có một pháp môn nào đưa ra, ta phải biết pháp môn này dùng để trị bệnh gì. Đừng nói: 'Tại vì đây là thuốc của Bụt thì phải đem về uống liền' mà không cần biết cho bệnh gì. Uống xong có thể bị bệnh. Khi nhìn vào thuốc thì phải thấy bệnh, khi nhìn vào bệnh thì phải thấy thuốc. Đó là Khổ đế và Đạo đế. Khổ có trăm ngàn mặt Khổ, thì Đạo cũng có trăm ngàn mặt Đạo; mỗi pháp môn để trị một cái khổ riêng biệt. Vì vậy cho nên học pháp môn phải rất thông minh, đừng ham hố ôm lấy tất cả tám vạn bốn ngàn pháp môn để rồi chết vì chúng.

Này các bạn tu, đừng lấy Bụt làm tiêu chuẩn tuyệt đối. Theo tôi thì cái quan niệm ta có về Bụt ấy cũng như một cái hố xí, và theo nghĩa đó, Bồ-tát và La-hán cũng chỉ là những kẻ đem tới gông cùm. Vì vậy cho nên mới có hiện tượng Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm và Ương Quật Ma đem đao tới chém Thích Ca.

https://thuviensach.vn

Đối với người Phật tử, Bụt là đối tượng của sự tôn thờ tuyệt đối, sự mến mộ tuyệt đối, và là hình ảnh tuyệt hảo để ta noi theo. Chúng ta thường nghĩ nếu không có hình ảnh Bụt thì làm sao chúng ta có hướng đi trong cuộc đời. Trong những lúc nguy nan, trong những lúc khổ đau, chúng ta bám vào hình ảnh của Bụt, một tiêu chuẩn tuyệt đối để mà sống, cũng như những người bạn Cơ Đốc giáo bám vào hình ảnh của Chúa Ki-tô. Nếu không có hình ảnh Chúa Ki-tô như là chỗ nương tựa để bám víu vào, họ sẽ không thể nào vượt được những giờ phút nguy nan.

Trước hết, ta cho rằng Bụt và Chúa là những thực tại nằm ở ngoài ta không phải là ta, không phải tự mà là tha. Quan điểm sai lầm ở chỗ đó. Quan niệm Bụt và Chúa là một thực tại bên ngoài để ta bám víu, quan niệm ấy không có khả năng đưa ta đến giải thoát. Có thể quan niệm ấy xoa dịu được một phần nào những đau khổ trong chốc lát, nhưng không đưa ta tới giải thoát được. Ta phải vượt thắng quan niệm đó về Bụt và về Chúa, nếu không nó sẽ mãi mãi duy trì tình trạng nô lệ của ta. Vì vậy Tổ gọi đó là một cái hố xí. Có người tín đồ nào dám gọi đức Giáo chủ của tôn giáo mình là một cái hố xí không? Có người tín đồ nào có ý muốn sát hại vị Giáo chủ của mình không? Nhưng trong thiền tông thì có. Tổ Lâm Tế kêu gọi chúng ta gặp Bụt thì giết Bụt (phùng Phật sát Phật). Lời dạy này, đối với người có căn cơ thấp bé không thể nào hiểu tới được; chỉ có những người tu tập đã chín muồi, có khả năng buông bỏ ý niệm mới có thể tiếp nhận được mà thôi. Nếu Tổ Lâm Tế sinh ra trong truyền thống Cơ Đốc giáo mà nói ra một câu như vậy, thì chắc chắn Tổ đã bị nhà thờ tẩn xuất và rút phép thông công. Đạo Bụt thì khác, Tổ nói như vậy mà vẫn còn tiếp tục hành đạo được. Có những nhà Nho nghe Tổ Lâm Tế dạy, nói rằng: 'Trời! Nếu ông này không đi tu thì sẽ trở thành tướng cướp'. Tại vì họ không hiểu được Tổ. Tiểu sử của Tổ có ghi chép rằng: khi còn nhỏ Tổ rất hiếu kính với cha mẹ. Vậy mà Tổ lại tuyên bố là 'gặp cha giết cha, gặp mẹ giết mẹ.' Đây là ngôn ngữ của nhà thiền, ta phải chín chắn lắm mới hiểu được. Nếu ta chưa được chín chắn, chưa phải là thiền sư mà đã muốn sử dụng ngôn ngữ này thì sẽ rất nguy hiểm: chết ta trước, và chết những người khác sau.

https://thuviensach.vn

Bụt là cái hố xí. Quan niệm về Bụt của anh là một cái hố xí; nó ràng buộc anh, nó bỏ tù anh, cho nên anh cần phải thoát khỏi sự ràng buộc đó. Trong cái nghĩa ấy, hình ảnh các vị Bồ-tát và A-la-hán mà ta có trong đầu cũng là những cái gông cùm. Ý niệm về Bồ-tát Văn Thù và Bồ-tát Phổ Hiền mà ta tụng niệm hằng ngày đều là những gông cùm ta phải thoát ra. Cho nên Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm có nghĩa là ta cần phải giết khái niệm về Bụt của ta.

Ngày lễ Giáng Sinh, trẻ con rất thích ông già Noel. Vấn đề đặt ra là 'ông già Noel có thật hay không?' Nhu yếu của cuộc sống bắt buộc phải có ông già Noel. Nếu không có ông già Noel, chắc chắn cũng sẽ có một ông già khác. Đây không phải là vấn đề tôn giáo mà là văn hóa. Trong văn hóa Tây phương, nếu không có ông già Noel thì sẽ thiếu vắng rất nhiều. Vì vậy cho nên có ông già Noel hay không có ông già Noel như một nhân vật lịch sử không phải là vấn đề then chốt.

Khái niệm của trẻ em về ông già Noel rất dễ thương, rất ngây thơ: 'Ông già Noel thường mặc áo đỏ, đội nón đỏ có cái chuôi dài, đi đôi hia cao cổ (tại vì đi trên tuyết), và một bộ râu dài bạc phơ. Phương tiện chuyển vận của ông không phải là xe taxi, mà là một chiếc xe trượt tuyết có những con nai kéo. Khi tới nhà mình, ông không vào bằng cánh cửa chính (tại vì cửa đã được đóng vào giờ ấy), mà chui từ trên ống khói xuống, và ông chui rất hay, thành thử ra áo quần của ông không bị dính lọ nghẹ. Ông không bị đốt nóng, dù lúc đó củi vẫn còn cháy. Ở chỗ bếp lửa đêm hôm ấy, bọn trẻ con đã treo những chiếc vớ của chúng trước khi đi ngủ. Chúng tin rằng vào nửa đêm ông già Noel sẽ tới và sẽ bỏ vào vớ những món quà chúng thích.' Chúng thật sự tin như vậy. Nếu chúng ta lấy mất niềm tin đó của bọn trẻ con, thì tội nghiệp chúng quá. Nếu một đứa bé bốn tuổi, năm tuổi nghe nói ông già Noel không có thật thì nó sẽ buồn biết mấy. Vì vậy, chắc chắn phải có ông già Noel cho bọn trẻ con. Ông già Noel nghe được ước vọng của bọn trẻ con. Bọn trẻ con muốn cái gì ông cũng biết và ông cho ngay cái đó. Ước vọng của bọn trẻ con là một cái gì có thật. Những người nghe và hiểu được cái ước vọng đó cũng là những người có thật. Đó là những ông già Noel đích thực. Ông già Noel đích

https://thuviensach.vn

thực không cần phải có râu dài màu trắng, không cần phải mặc áo đỏ, không cần phải đi hia đỏ. Nếu chúng ta kẹt vào tướng của ông già Noel, thì chúng ta không thấy được ông già Noel. Vậy thì có ông già Noel, hay không có ông già Noel? Đó không phải là vấn đề. Chúng ta phải nhìn ông già Noel bằng con mắt vô tướng. Nếu trong quá khứ ta đã từng có một quan niệm về ông già Noel, thì quan niệm đó có thể là quan niệm ngây thơ của một em bé. Một mai ta bừng tỉnh, ta mỉm cười, biết rằng mình đã vượt thoát ý niệm ngây thơ về ông già Noel. Vượt thoát rồi, nhưng ta vẫn duy trì hình ảnh ông già Noel cho thế hệ tương lai.

Bụt cũng vậy, Chúa cũng vậy, đều là những ông già Noel cả. Nhưng nếu ta cho rằng những hình ảnh đó là những sản phẩm hoàn toàn của tưởng tượng thì cũng không đúng. Tại vì ông già Noel cần thiết cho cuộc đời. Bụt, Chúa, các vị Bồ-tát cần thiết cho cuộc đời. Tuy vậy, nếu ta muốn lớn lên, không phải về mặt tuổi tác mà về đời sống tâm linh, ta muốn tiếp xúc được với sự thật thì ta phải có khả năng buông bỏ những ý niệm, những hình ảnh trẻ thơ của ta. Ta từng có quan niệm về Bụt, về Chúa, và ta đã sống với quan niệm đó từ thời ấu thơ. Khi được học hỏi, thực tập, từ từ ta có khả năng buông bỏ những quan niệm trẻ thơ ấy về Bụt và về Chúa.

Thầy Thanh Văn hồi còn năm, sáu tuổi, có ý nghĩ rằng Bụt rất ưa ăn chuối, tại vì ai tới chùa cũng cúng chuối. Bụt đợi cho đến khi chùa vắng lặng hoàn toàn, mới đưa cánh tay ra bẻ một trái chuối mà ăn. Đến khi thầy lớn lên thì cái thấy đó về Bụt không còn nữa, nó được thay thế bằng những cái thấy khác. Vì vậy, ta phải buông bỏ những cái tướng để sự thật có thể hiển bày ra được. Nếu chúng ta không buông bỏ cái tướng ông già Noel, thì làm sao ta thấy được ước mơ của bọn trẻ con và lòng thương yêu của những bậc cha mẹ? Ông già Noel có mặt trong những em bé, và có mặt trong những người cha, những người mẹ. Ông già Noel là một phẩm vật sáng tạo của tâm thức. Là sáng tạo phẩm thì nó phải có thật chứ sao không có thật được? Sáng tạo phẩm đó được nhận thức qua một hình thái trong văn hóa do con người vẽ ra. Người ta vẽ ra hình Bụt, người ta vẽ ra hình Chúa, người ta vẽ ra hình Bồ-tát, người ta vẽ ra hình ông già Noel.

https://thuviensach.vn

Nhưng rốt cuộc ta cũng phải lớn lên trong đời sống tâm linh của ta. Ta phải phá tan những hình ảnh mà con người đã vẽ ra để có thể tiếp xúc với sự thật. Không phải Bụt không có, Chúa không có, tình yêu không có, bác ái không có. Đó là những thực tại, nhưng không phải là những đối tượng mong cầu đang có mặt ở ngoài ta. Nó không phải là cái gì khác (the other, l'autre), nó không phải là một thực thể độc lập có ngoài tâm thức ta, ngoài con người ta, ngoài sự sống của ta. Khi thấy được như vậy, thì ta không còn tìm cầu, không còn theo đuổi nữa. Ta không đánh mất bản thân của ta, không lâm vào cái mặc cảm ta là con số không. Lưỡi gươm trí tuệ là lưỡi gươm có thể chặt đứt được tất cả những khái niệm đó, những ảo ảnh đó, những tướng trạng đó, những hình thức đó. Vì vậy cho nên mới có hiện tượng Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm và Ương Quật Ma đem đao tới chém Thích Ca. Đây là hai câu chuyện có thể bổ túc cho nhau, cùng nói lên một cách tuyệt hảo cái giáo lý Vô tướng và Vô đắc. Trước hết ta hãy nói về chuyện Ương Quật Ma (Angulimala).

Trong thành Xá Vệ, ai cũng biết Ương Quật Ma là một kẻ sát nhân. Khi nghe tin Ương Quật Ma xuất hiện trong thành phố, mọi người đều sợ hãi. Có lần một toán cảnh sát năm mươi người đi vào rừng để tìm Ương Quật Ma... Nhưng năm mươi người đó đi vào rừng rồi không thấy trở về. Họ đã bị Ương Quật Ma giết hết. Điều này càng làm cho mọi người kinh sợ. Vua Ba Tư Nặc nghĩ rằng đối với Ương Quật Ma, một toán cảnh sát không đủ, phải huy động cả quân đội mới có thể bắt được Ương Quật Ma. Dân chúng trong thành Xá Vệ có hình ảnh về Ương Quật Ma như một ác quỷ không có khả năng hiểu và thương. Tất cả dân chúng trong thành người nào cũng đồng ý là gặp Ương Quật Ma thì phải giết, phải tiêu diệt. Chỉ trừ có một người, người đó nghĩ rằng trong Ương Quật Ma vẫn còn lại những hạt giống tốt. Người đó là đức Thế Tôn. Nhưng từ trước tới nay chưa ai có khả năng chạm vào hạt giống đó, cho nên Ương Quật Ma chưa bao giờ có cơ hội để trở thành con người tốt. Buổi sáng hôm đó, Thế Tôn cầm bát đi vào thành Xá Vệ để khất thực. Một Phật tử mời Ngài vào trong nhà và thưa rằng: 'Bạch Đức Thế Tôn, đi khất thực ngày hôm nay rất nguy hiểm, tại vì Ương Quật Ma đang có mặt trong thành phố. Kính xin

https://thuviensach.vn

Đức Thế Tôn ở lại đây, con sẽ cúng dường cơm cho Ngài. Và xin Ngài nghỉ lại đây. Đợi con nghe tin tức, khi biết rằng tình trạng có an ninh, lúc đó con sẽ thỉnh đức Thế Tôn về lại tu viện Kỳ Viên.' Nhưng Bụt nói: 'Đạo hữu đừng lo! Không sao đâu! Nếu tôi có gặp Ương Quật Ma thì tôi cũng có cách để tự vệ. Đôi khi tôi có thể giúp được Ương Quật Ma nữa.' Người Phật tử đó không tin lắm, tại vì ông thấy Bụt rất hiền từ, còn Ương Quật Ma rất hung hãn. Ương Quật Ma có một thanh đao, còn Bụt thì không có một vũ khí nào cả. Nhưng người Phật tử đó lầm! Bụt cũng có một thanh gươm, đó là thanh gươm trí tuệ. Ta sẽ chứng kiến cuộc so gươm của Bụt với thanh đao của Ương Quật Ma.

Ương Quật Ma đã giết rất nhiều người. Mỗi khi giết một người, anh cắt một lóng của ngón tay, và xoi một cái lỗ rồi xỏ thành một xâu chuỗi để đeo vào cổ. Ngày hôm đó, Ương Quật Ma đã có cái vòng của chín mươi chín lóng tay rồi. Ương Quật Ma muốn giết thêm một người nữa cho đủ số một trăm để được một xâu chuỗi làm hoàn toàn bằng xương người. Chữ mala trong danh từ Angulimala có nghĩa là xâu chuỗi. Đức Thế Tôn đang bưng bát đi từng bước thảnh thơi thì nghe có tiếng chân chạy rầm rập phía sau lưng. Với linh khiếu bén nhạy, Ngài biết rằng Ương Quật Ma đang đuổi theo, nhưng Ngài vẫn bình tĩnh đi. Ngày xưa, Siddhartha cũng giỏi về võ thuật. Nhưng vũ khí của đức Thế Tôn là lòng thương và trí tuệ. Kinh sách nói là mỗi khi gặp trường hợp nguy hiểm thì đức Thế Tôn hiện ra những phép thần thông. Nhưng đức Thế Tôn đâu cần phải thi thố những phép thần thông. Đức Thế Tôn có dư từ bi, có dư trí tuệ để vượt khỏi những tình trạng khó khăn. Đức Thế Tôn có niềm tin lớn nơi tình thương và trí tuệ của mình.

Đức Thế Tôn còn đang bước những bước vững chãi, thảnh thơi thì Ương Quật Ma lớn tiếng gọi: 'Ông thầy tu, đứng lại!' Bụt vẫn tiếp tục đi, không mau hơn cũng không chậm hơn. Phong độ của Ngài rất thảnh thơi và ung dung. Thấy vậy, Ương Quật Ma lớn tiếng hơn nữa: 'Đứng lại! Ông thầy tu, đứng lại!' Đức Thế Tôn làm như không nghe, cứ tiếp tục đi. Ương Quật Ma lấy làm lạ: 'Từ trước đến nay, hễ mình lên tiếng một cái là ai cũng sợ run không cử động được nữa. Tại sao ông thầy tu này lại quá ung dung, hoàn toàn không sợ?' Ương Quật

https://thuviensach.vn

Ma chạy mau tới để coi ông thầy tu này là ai mà cả gan như vậy. Chỉ trong khoảnh khắc là Ương Quật Ma đã đi ngang hàng với Bụt. Ương Quật Ma nói: 'Ta bảo ông dừng lại, tại sao ông không dừng?' Bụt vẫn đi, và với sự điềm tĩnh và giọng nói dịu dàng, Bụt nói: 'Ương Quật Ma! Ta đã dừng lại từ lâu rồi, chính ngươi mới là người chưa dừng lại thôi.' Ngay trong chiêu thức đầu, ta thấy thanh gươm của đức Thế Tôn đã huy động tới tám thành công lực. Từ trước đến giờ, chưa bao giờ Ương Quật Ma nghe một câu nói như vậy. 'Ông nói sao? Ông đang đi rõ ràng mà tại sao ông nói ông đã dừng lại? Tôi không hiểu, ông cắt nghĩa đi!' Đức Thế Tôn bình thản nói: 'Ương Quật Ma, trên con đường tạo tác những ác nghiệp thì ta đã dừng lại từ nhiều kiếp rồi, nhưng trên con đường tạo tác ác nghiệp ngươi vẫn còn tiếp tục, vì vậy ngươi nên dừng lại.' Câu nói này đã làm rúng động Ương Quật Ma.

Lúc ấy đức Thế Tôn mới dừng lại. Ương Quật Ma cũng dừng lại. Hai người nhìn nhau. Đức Thế Tôn nhìn thẳng vào Ương Quật Ma, nói: 'Ngươi biết không! Ở đời ai cũng sợ đau khổ, ai cũng muốn sống, ai cũng sợ chết, vì vậy ta phải biết thương người.' Ương Quật Ma la lên: 'Trên đời này có ai thương ta đâu mà bảo ta thương họ? Loài người là loài độc ác nhất ở trên đời, ta muốn tiêu diệt hết loài người cho hả dạ.' Đức Thế Tôn nói: 'Ương Quật Ma, ta biết ngươi đã đau khổ nhiều. Cuộc đời đã bạc đãi ngươi, người ta đã không tử tế với ngươi, người ta đã làm khổ ngươi. Nhưng ngươi nên biết: hận thù chỉ làm cho ta thêm khổ đau, chỉ có lòng thương mới đem lại hạnh phúc cho ta mà thôi.' Ương Quật Ma la lớn: 'Tình thương hả? Ai là người biết thương? Ông chỉ cho ta coi?' Đức Thế Tôn vẫn dịu dàng: 'Ngươi đã từng gặp vị tỳ kheo hay tỳ kheo ni nào chưa? Các vị đó không những biết tôn trọng sinh mạng của những con người mà họ cũng biết tôn trọng sự sống của muôn thú, kể cả các loài cỏ cây và đất đá nữa. Nếu ngươi gặp được một vị tỳ kheo hoặc tỳ kheo ni, ngươi sẽ thấy rằng tình thương là cái gì có thật. Khi có tình thương trong lòng, ngươi không còn đau khổ nữa. Hận thù là một khối lửa đốt cháy ta, đốt cháy thế gian. Ngươi nên quay đầu lại, từ khước bạo động, trở về với con đường của hiểu và của thương.' Những lời nói của Bụt tràn đầy tính

https://thuviensach.vn

chất từ bi, phát xuất từ trái tim. Ương Quật Ma là một người thông minh nhưng bị hận thù che lấp. Gặp được Bụt khai mở, anh có cơ hội để hạt giống trí tuệ được tưới tẩm. Ương Quật Ma nói: 'Ta có nghe tới ông thầy tu rất dễ thương, tên là Gotama (Cồ Đàm). Có phải ông là Gotama không?' Bụt nói: 'Đúng! Ta là Gotama'. Ương Quật Ma nói: 'Gotama ơi! Bây giờ trễ rồi. Dù ta có muốn ăn năn, dù ta có muốn từ bỏ con đường hận thù để đi theo con đường tình thương đi nữa thì đã muộn. Ta không có nẻo thoát, ta đã gây ra quá nhiều tội lỗi.' Đức Thế Tôn im lặng một lúc, rồi Ngài nói: 'Ương Quật Ma, nếu ngươi thật sự muốn chuyển hóa, muốn từ bỏ con đường bạo động, thì ta sẽ che chở cho ngươi. Ta có thể tiếp nhận ngươi vào tăng đoàn làm người xuất gia. Ngươi sẽ thực tập từ, thực tập bi, và ngươi sẽ trở thành một con người mới, ngươi sẽ làm lại cuộc đời mới.' Nghe Bụt nói như vậy, Ương Quật Ma rút cây đao liệng xuống đất, quỳ xuống chắp tay lại và xin làm đệ tử của Đức Thế Tôn. Vào lúc ấy, các thầy, trong đó có thầy Xá Lợi Phất, đi tới. Thấy Đức Thế Tôn đang đứng đó, không bị thương tích gì cả mà Ương Quật Ma lại đang quỳ dưới chân Ngài, các thầy mừng rỡ. Đức Thế Tôn nói: 'Thầy Xá Lợi Phất, thầy A Nan, các vị có cái y nào không? Bây giờ chúng ta làm lễ xuất gia cho Ương Quật Ma ngay tại đây.' Thầy trò bao quanh lại làm thành một vòng tròn, và làm lễ xuống tóc cho Ương Quật Ma. Sau khi cạo đầu cho Ương Quật Ma, các thầy đắp y khất sĩ (sanghati) cho Ương Quật Ma. Bụt dạy thầy Xá Lợi Phất và các thầy khác đưa Ương Quật Ma về tu viện, và dạy cho thầy cách nâng bát, cách ngồi, cách đứng, cách đi, cách thở.

Chúng ta thấy câu chuyện Ương Quật Ma gặp Bụt là một cuộc đấu gươm rất ngoạn mục. Ương Quật Ma có thanh gươm của bạo động và hận thù. Đức Thế Tôn có thanh gươm của trí tuệ và từ bi.

Khi chúng ta dán được vào người nào đó cái nhãn hiệu sát nhân, cần phải đem xử trảm, thì chúng ta mới có thể chĩa súng bắn vào người ấy mà không gớm tay. Nhưng nếu ta còn thấy được đó vẫn là một con người, thì ta không thể nào bóp cò súng được. Vì vậy muốn giết ai đó, chúng ta phải cố nghĩ rằng: 'Người này là ác quỷ, không còn một chút thiện trong tâm.' Thanh gươm của đức Thế Tôn, trước hết là để chém đứt khái niệm đó. Muốn giết một người, người ta phải có khái niệm

https://thuviensach.vn

ác quỷ về người đó. Văn hóa của chúng ta bây giờ là đi dán nhãn hiệu cho nhau.

Ngày xưa, trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội ở Việt Nam là để đào tạo những người xuất gia trẻ và những thanh niên trẻ làm việc xã hội. Đường hướng của Trường là không theo bất cứ một phe nào trong hai phe chiến tranh: Cộng Sản và Cộng Hòa; đường lối của Trường là chấp nhận tất cả những người Việt là anh em. Mục tiêu của trường là làm lớn lên lòng thương yêu và hiểu biết, chấp nhận và ôm lấy cả hai phía. Nhưng trong hoàn cảnh chiến tranh, trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội đã gặp rất nhiều khó khăn. Nếu Trường không theo bên này thì bên này nghi rằng Trường đang theo phía bên kia, và ngược lại. Vì vậy cho nên Trường bị đặt vào một tình trạng rất khó xử. Và trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội trở thành đối tượng hiểu lầm của cả hai phía. Một bên muốn dán cho Trường nhãn hiệu Cộng Sản, một bên muốn dán cho Trường nhãn hiệu phản quốc để có thể giết những tác viên của Trường. Đã có những bác, những chú, những chàng thanh niên, những cô thiếu nữ đã chết vì những nhãn hiệu đó. Nếu không dán nhãn hiệu, người ta không thể nào giết được.

Vào lúc nửa đêm hôm đó, có một toán người võ trang xông vào một trại công tác của trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, bắt cóc năm người tác viên của Trường đi ra bờ sông Sài Gòn, trong số đó có một vị xuất gia trẻ. Người bắt cóc hỏi, tra gạn để biết chắc rằng năm người này có thật thuộc về Tổ chức gọi là Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội hay không. Năm tác viên của Trường nói: 'Đúng, chúng tôi là nhân viên của trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội.' Một người trong toán võ trang nói rằng: 'Chúng tôi rất tiếc! Chúng tôi được lệnh phải bắn các anh.' Nói xong, họ bắn năm người ngã gục bên bờ sông. Tại sao những người thanh niên với trái tim trong trắng, từ bỏ nếp sống xa hoa vật chất, đi vào chùa để được huấn luyện và để được đi vào thôn xóm giúp dân giúp nước lại bị sát hại một cách tàn nhẫn như vậy? Tại vì những Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội đã không theo họ (phe chống Cộng).

https://thuviensach.vn

Sở dĩ mình biết câu chuyện này là vì một trong năm người đó còn sống sót kể lại. Không khí hận thù cao ngất. Năm đó, cũng có một toán người võ trang khác tới trụ sở trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội ở Phú Thọ Hòa, và quăng lựu đạn để tàn sát những tác viên xã hội. Đêm hôm đó có nhiều người Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội bị thương nặng, hai người chết: một người tên Liên, một người tên Vui. Họ cũng liệng một trái lựu đạn vào phòng tôi, nhưng tấm màn che cửa phòng hất trái lựu đạn ra ngoài.

Trong hận thù, người ta không thấy được con người, người ta chỉ thấy được quỷ dữ. Quỷ dữ chỉ là khái niệm. Chỉ nhìn thấy quỷ dữ, người ta mới có khả năng ném lựu đạn, hay bắn súng vào mà thôi. Trong khi đó, những thanh niên kia là những người thánh thiện, những người có trái tim thương yêu và hiểu biết.

Chúng ta giết nhau vì chúng ta dán nhãn hiệu cho nhau. Vì vậy cho nên chúng ta phải dùng đến lưỡi gươm trí tuệ để chặt đứt những hình ảnh, những khái niệm và tất cả những nhãn hiệu, dù đó là nhãn hiệu Bụt, Ma, Ki-tô hay Sa-tăng. Tất cả những nhãn hiệu đó cần phải chặt đứt.

Nhân danh Chúa người ta đã tàn phá, nhân danh Bụt người ta cũng có thể chém giết. Nếu Bụt và Chúa chỉ là những ý niệm của chúng ta, chúng có thể còn tai hại hơn những cái hố xí. Cái hố xí còn có ích lợi cho con người. Còn ý niệm của chúng ta thì có thể đưa tới cuồng tín, tiêu diệt con người, tiêu diệt tình thương, do đó ý niệm còn nguy hiểm hơn là những cái hố xí. Cho nên lời tuyên bố của Tổ Lâm Tế vẫn còn từ bi lắm.

Sau khi bắt được ông Saddam Hussein, Tổng thống Bush có tuyên bố: 'Thế giới sẽ dễ chịu hơn nếu không có mặt của ông!' (Mr. Saddam, the world will be a better place without you.) Câu nói đó có nghĩa là: 'Tôi muốn loại ông ra khỏi sự sống.' Chúng ta muốn hỏi Tổng thống Bush: 'Có bao nhiêu người cần được loại ra khỏi sự sống, thì trái đất này mới là chỗ đáng sống?' Sau khi biết tin ông Saddam Hussein bị bắt, thì có những cuộc biểu tình được tổ chức tại nhiều thành phố ở Iraq.

https://thuviensach.vn

Điều đo chứng tỏ có nhiều người đã không sợ hãi, đã tham dự vào cuộc biểu tình. Không lý tất cả những người này theo phe và có cảm tình với ông Saddam Hussein đều nên giết chết hay sao? Có biết bao nhiêu người đang không có cảm tình với Hoa Kỳ, không những ở nước Iraq, mà ở những nước xung quanh. Nếu cần loại trừ tất cả những người đó, thì bao nhiêu người cần bị loại trừ, một triệu, hai triệu hay năm trăm triệu?

Cố nhiên là trong cuộc sống, con người có thể tạo ra nhiều lầm lỡ. Ông Saddam Hussein đã làm những lầm lỡ: ông đã từng độc tài, ông đã từng sát hại. Cũng như Ương Quật Ma đã từng lầm lỡ, đã từng sát hại, nhưng Ương Quật Ma đã có cơ hội được gặp đức Từ Bi. Ương Quật Ma có một khối hận thù rất lớn. Những người được gọi là quân khủng bố, họ cũng có hận thù rất lớn, họ đã từng đau khổ, và họ đã dùng năng lượng hận thù của họ để biến thành hành động. Nói như thế không có nghĩa là những người tự cho mình 'không phải là quân khủng bố' là những người không có hận thù. Những người đó cũng có hận thù. Họ gọi những kẻ thù của họ là quân khủng bố, nhưng chính họ cũng là quân khủng bố. Họ cũng sử dụng súng bom, họ cũng tàn sát xóm làng, họ cũng giết hại đàn bà và trẻ em.

Hận thù bên nào mà không có? Hiểu lầm bên nào mà không có? Ta cho ta là thánh thiện, là đi trên con đường chánh, là không có tội lỗi, là không có hận thù; ta cho người kia là quỷ dữ, là hận thù, là sự đe dọa cho văn minh, cho an ninh thế giới. Tất cả những khái niệm đó, tất cả những hình ảnh đó, cần phải được tiêu diệt bằng lưỡi gươm của trí tuệ. Hơn bất cứ lúc nào, chúng ta phải sử dụng thanh gươm trí tuệ để chặt đứt tất cả những ý niệm đó. Chính vì những ý niệm đó, chính vì những nhãn hiệu chúng ta dán lên cho những con người khác, chúng ta mới có khả năng bóp cò súng tiêu diệt họ.

Câu chuyện của Ương Quật Ma cho chúng ta thấy rằng nếu chúng ta chuyển hướng, lấy trí tuệ và tình thương làm tiêu chuẩn, thì thế giới này sẽ có hy vọng.

https://thuviensach.vn

Sau khi xuất gia, Ương Quật Ma đã trở thành một vị khất sĩ giỏi. Thầy tu tập chuyển hóa mau chóng hơn nhiều vị khất sĩ khác. Cho đến nỗi các bạn đồng tu đã đặt cho Ương Quật Ma một cái tên mới là Ahimsa, tức là bất bạo động. Có một lần Ương Quật Ma đi khất thực về khóc với đức Thế Tôn. Bụt hỏi: 'Tại sao con khóc?' Ương Quật Ma nói rằng: 'Bạch Đức Thế Tôn, trên đường đi khất thực con gặp một người đàn bà sắp sinh nở, nhưng bà đau quá sinh nở không được. Bà nhờ con đem tâm từ bi để chú nguyện cho bà, mà con không biết làm sao để chú nguyện cho được. Con thấy người ta sắp chết mà mình không cứu được cho nên con khổ quá.' Đức Thế Tôn dạy: 'Thầy Ahimsa, thầy hãy trở lại chỗ người đàn bà đó và nói rằng: Từ khi tôi sinh ra cho đến bây giờ, tôi chưa bao giờ sát hại một người nào, nhờ công đức đó mà bà có thể sinh con một cách bình an.' Thầy Ahimsa la lên: 'Bạch Đức Thế Tôn, con không thể nói được như vậy! Từ khi sinh ra, con đã sát hại rất nhiều.' Đức Thế Tôn nói: 'Không! Ta không muốn nói tới ngày sinh ra của cái sắc thân này. Thầy hãy đi nói với người phụ nữ kia rằng: Từ ngày tôi sinh ra trong đạo pháp cho đến bây giờ, tôi chưa bao giờ sát hại bất cứ một sinh mạng nào, dù nhỏ như một con sâu con kiến. Nhờ công đức đó, tôi cầu cho bà sinh cháu bình an.' Đức Thế Tôn vừa dứt lời, Ương Quật Ma liền chạy vụt đến nơi người đàn bà đang nằm đau đớn chờ sanh, và nói câu đó với bà. Thật mầu nhiệm! Bà sinh em bé ra được một cách dễ dàng. Một hôm khác, trên đường khất thực về, có một người ngày xưa nhận ra được thầy là Ương Quật Ma ngày trước. Ông ta đã dùng gậy đánh thầy tơi bời, nhưng vì thầy thực tập pháp bất bạo động nên không chống trả. Mình mẩy của thầy sưng lên bầm tím, có chỗ chảy máu. Hôm đó, thầy phải lết về tu viện. Đức Thế Tôn thấy Ương Quật Ma như vậy, liền bảo các thầy khiêng thầy Ương Quật Ma vào hậu liêu và chăm sóc. Trong khi các thầy chăm sóc cho Ương Quật Ma, lấy nước muối rửa các vết thương và băng bó, thì đức Thế Tôn nói: 'Con hãy ráng chịu đựng đi. Đây là cái quả cuối cùng mà con phải nhận chịu trước khi con trở thành A-la-hán.'

Sự chuyển hướng của Ương Quật Ma là một thành công lớn. Không phải chỉ của Ương Quật Ma mà của cả một truyền thống và của tất cả

https://thuviensach.vn

chúng ta. Ta chuyển hướng, thì ta được sinh ra trở lại lần thứ hai. Chúng ta phải để cho Ương Quật Ma có một cơ hội sinh ra lần thứ hai. Chúng ta phải để cho Saddam Hussein sinh ra lần thứ hai. Người ta sẽ đưa ông ra tòa, nhưng ai là người có quyền xử trị Saddam Hussein?

Phúc Âm có nói: 'Ai là người thấy mình không có tội thì hãy ném viên đá vào người đàn bà này.' Tất cả chúng ta đều có lầm lỡ trong quá khứ, đã gây khổ đau cho người khác. Chúng ta phải biết rằng trong con người chúng ta cũng có hạt giống của bạo động, của hận thù, của vô minh. Nhưng chúng ta cũng phải tin rằng trong con người của chúng ta cũng có hạt giống của hiểu biết, của thương yêu, của khả năng chuyển hướng.

Nếu các nhà lãnh đạo như thủ tướng Tony Blair, Tổng thống Georges Bush v.v... có được những nhà cố vấn có khả năng tưới tẩm hạt giống hiểu và thương trong họ, thì các vị đó sẽ có những chính sách khác hơn, sẽ không mỗi ngày tạo ra thêm nhiều hận thù, nhiều khổ đau. Từ ngày khởi sự cuộc chiến ở Iraq, hận thù đã được tưới tẩm rất nhiều, và người Mỹ đã tạo thêm nhiều kẻ thù cho nước Mỹ. Nước Mỹ là một nước rất đẹp, trẻ em Mỹ rất dễ thương, và chúng ta muốn cho nước Mỹ phồn thịnh, đẹp đẽ để làm chỗ nương tựa cho nhiều quốc gia khác. Nhưng nước Mỹ đang đi trên con đường tạo ra rất nhiều kẻ thù cho chính nước Mỹ. Vì an ninh mà nước Mỹ đã tạo ra một tình trạng không an ninh. Hàng ngàn thanh niên Mỹ đang chết tại Iraq, gần mười ngàn lính Mỹ đã bị thương, có những người bị thương rất nặng. Vì vậy cho nên lời dạy của Tổ Lâm Tế vẫn còn có hiệu lực cho đến ngày hôm nay.

Chúng ta phải dùng lưỡi gươm trí tuệ để chặt đứt những tri giác sai lầm, những cái thấy hẹp hòi của chúng ta về chính chúng ta và về người khác. Chúng ta đừng tự dán cho chúng ta nhãn hiệu của sự thánh thiện, của sự vô tội. Chúng ta đừng vội dán vào người nhãn hiệu của tội lỗi, của tàn ác. Tại vì trong tất cả chúng ta, người nào cũng có hạt giống của tàn ác, của hận thù, của vô minh, nhưng đồng thời người nào cũng có hạt giống của tình thương, của sự hiểu biết.

https://thuviensach.vn

Chúng ta hãy tổ chức cuộc sống hằng ngày như thế nào và thiết lập liên hệ giữa con người với con người, giữa quốc gia và quốc gia như thế nào, để cho mọi người đều có cơ hội trở về tưới tẩm hạt giống tốt ở trong con người của mình. Đó là con đường tương lai của chúng ta.

Khi niệm Bụt, có thể ta không biết Bụt là ai, và ta là ai. Ai là người niệm Bụt? Ai là Bụt? Ta cầu nguyện Chúa, nhưng có thể ta chưa biết Chúa là ai, ta không biết ta là ai. Ta có thể nhân danh ta, ta có thể nhân danh Chúa để sát hại. Vì vậy cho nên lưỡi gươm thần của trí tuệ rất quan trọng. Chúng ta phải là những chiến sĩ, phải sử dụng được lưỡi gươm thần trí tuệ để chặt đứt tất cả những ảo giác, những tri giác sai lầm của chúng ta. Hãy phá bỏ tất cả những nhãn hiệu mà chúng ta thường muốn dán vào nhau để có thể tiêu diệt lẫn nhau. Đây là vấn đề chính của xã hội, của thế giới chúng ta ngày hôm nay. Chúng ta tu để làm gì? Chúng ta tu là để lột ra khỏi bản thân và lột ra khỏi người khác những nhãn hiệu. Bên này dán nhãn hiệu cho bên kia, bên kia dán nhãn hiệu cho bên này, để rồi hai bên có thể giết nhau. Lưỡi gươm trí tuệ là để phá bỏ những nhãn hiệu đó, tại vì những nhãn hiệu đó đưa tới sự giết chóc, đưa tới sự hận thù, đưa tới sự tiêu diệt, dù đó là nhãn hiệu Bụt, nhãn hiệu Chúa, nhãn hiệu Bồ-tát, nhãn hiệu La hán, nhãn hiệu Cộng sản, nhãn hiệu khủng bố, nhãn hiệu dân chủ, nhãn hiệu tự do, nhãn hiệu văn minh.

Này các bạn tu, Bụt không phải là cái gì mà quý vị có thể nắm bắt được, cho đến giáo lý ba thừa, năm tánh, đốn giáo, viên giáo, Tích Môn, Bản Môn... Tất cả chỉ là thuốc và bệnh cùng hiện khởi đối lập nhau nhất thời, không phải là những pháp có thật.

Câu 'Bụt không phải là cái gì mà quý vị có thể nắm bắt được' rất quan trọng (the Buddha is not something that you can grasp). Ta có khuynh hướng muốn nắm bắt những điều ta cho là tốt đẹp. Bụt là đối tượng của sự ham muốn; Thượng Đế là đối tượng ham muốn của mình. Nhưng bản chất của Bụt và của Thượng Đế là vô đắc. Vô đắc nghĩa là không thể nắm bắt được. Khi ta nghĩ rằng đối tượng của sự nắm bắt nằm ở ngoài ta, vì ta không có, nên ta chạy theo để nắm bắt. Đó là ta đang nắm bắt một hình ảnh của trí óc tạo ra hơn là nắm bắt sự thật.

https://thuviensach.vn

Ví dụ, một đợt sóng chạy đi tìm nước, mục đích để nắm bắt nước. Ta không phải là đợt sóng, ta là quan sát viên, cho nên ta thấy rất buồn cười. Buồn cười cho đợt sóng đang chạy để nắm bắt nước. Sóng ngu ngốc thế nào thì ta cũng ngu ngốc như thế ấy. Bụt không phải là cái gì ta có thể nắm bắt được. Đợt sóng có quan niệm về nước. Thì ta có một ý niệm về Bụt, về Thượng Đế. Sóng chạy đi tìm nước, còn ta thì tìm đủ cách để nắm bắt Bụt và Thượng Đế bằng lý thuyết, bằng tưởng tượng. Đối tượng của sự nắm bắt đó không có thật.

Những gì ta học trong kinh điển, trong giáo lý ba thừa cũng vậy. Thừa nghĩa là cỗ xe. Ba thừa gồm: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa. Ta phân biệt ra giáo lý ba thừa. Nghĩ rằng giáo lý ba thừa là cái gì có thật ở ngoài, rồi chạy theo nắm bắt giáo lý ấy. Chữ tánh là dịch từ chữ gotra. Tánh có nghĩa là họ. Ở trong bản chữ Nho, chữ tánh (?) được viết có chữ 'nữ' bên trái và chữ 'sinh' bên phải. Tánh này là chủng tánh, là căn cơ của mình. Chủng tánh tức là hạt giống, như trồng hạt đậu phụng thì mọc lên cây đậu phụng; trồng hạt bắp thì mọc lên cây bắp. Trong quá trình thực tập có sự phân ra thành năm loại chủng tánh để diễn tả trình độ của sự tu chứng.

Thứ nhất là hạt giống Bồ-tát, gọi là Bồ-tát định tánh. Định tức là có sẵn. Người ấy sanh ra đã có tâm Bồ-tát; người ấy làm gì cũng muốn làm cho mọi người, chứ không muốn làm riêng cho mình. Ví dụ, nấu ăn, quét nhà. Ta nấu ăn không phải cho riêng ta mà vì muốn cúng dường đại chúng; ta tự động quét dọn cho đại chúng thừa hưởng. Tâm ấy là tâm Bồ-tát. Có những người đã có sẵn tâm Bồ-tát, không cần phải đào luyện mới có tâm Bồ-tát, cho nên gọi là Bồ-tát định tánh.

Thứ hai là Thanh-văn định tánh. Nhìn quanh, ta có thể nhận ra những người có Thanh-văn định tánh: làm phần của mình xong, rút về phòng lo chuyện của mình thôi, không nghĩ đến người khác, ai làm gì mặc kệ. Có tính cách Tiểu-thừa, gọi là Thanh-văn định tánh. Theo định nghĩa trong văn học Phật giáo Đại-thừa thì tất cả những người nào trực tiếp được học hỏi giáo lý thì gọi là Thanh-văn.

https://thuviensach.vn

Thứ ba là Độc-giác định tánh. Độc-giác là một mình mình tìm ra sự giác ngộ. Có những người tự mình tìm ra con đường giác ngộ nhờ quán chiếu lý nhân duyên, được gọi là Duyên-giác.

Thứ tư là Tam-thừa Bất-định tánh. Tức là những người có cả ba loại giống: Bồ-tát, Thanh-văn và Độc-giác. Ví dụ, gặp trường hợp này thì hạt giống Thanh-văn biểu hiện, gặp trường hợp kia thì hạt giống Duyên-giác biểu hiện, gặp trường hợp khác thì hạt giống Bồ-tát biểu hiện. Bất-định tánh là tánh không có sẵn, nhờ nhân duyên mà tánh đó phát hiện ra. Đây là quan niệm của Pháp Tướng Tông.

Cuối cùng là Vô-tánh hữu tình. Không phải một trong bốn tánh trên là Vô-tánh. Hữu tình tức là các loài sinh vật (living being). Những loài này không có cơ duyên đi theo một trong bốn con đường kia, như là không có hạt giống (vô chủng tánh), vì vậy mà trầm luân mãi từ kiếp này sang kiếp khác. Quan niệm về Vô-tánh hữu tình không phù hợp lắm với quan điểm của kinh Pháp Hoa, tức là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Trong đời sống thường nhật, thỉnh thoảng ta có thể gặp một người như gỗ đá. Những lời thuyết pháp hay, những cái đẹp, những cái lành... cũng không ảnh hưởng được người ấy, họ giống như vô tri. Những người như vậy hoàn toàn không có cơ hội trong tương lai, đó có thể gọi là vô tánh hữu tình. Sau đó, các Tổ vì lòng từ bi giải thích là nếu những người ấy biết thực tập năm giới, thì từ từ trong một thời gian nào đó, một kiếp nào đó, họ gieo duyên được và hạt giống của Thanh-văn hay Độc-giác sẽ phát sanh ra trong ruộng tâm của mình. Giáo lý Ngũ Tánh xuất hiện trong kinh Lăng Già và kinh Giải Thâm Mật. Kinh Lăng Già và kinh Giải Thâm Mật (Langtasravaba) là hai kinh chứa đựng những yếu tố để thành lập ra giáo lý Duy Biểu.

Có những người ta thấy không có nhu yếu của đời sống tâm linh. Họ chỉ biết đi tìm kiếm những những tiện nghi của đời sống: ăn, ngủ. Nghe nói đến đời sống tâm linh, họ dửng dưng; những người đó được coi như thuộc về loại Vô-tánh hữu tình (Living beings without any spiritual tendency). Nhìn sâu, ta thấy không phải những người

https://thuviensach.vn

đó không có bốn tánh kia, nhưng vì hạt giống giác ngộ, hạt giống thương yêu, hạt giống hiểu biết bị chôn lấp quá sâu; chỉ khi nào cơ duyên đến, họ gặp được thiện tri thức giỏi có khả năng đào xới, giúp họ tiếp xúc được những hạt giống ấy.

Trong nhà thiền, có câu chuyện của hai vị Tổ nổi tiếng: các thiền sư Bá Trượng và Linh Hựu. Một buổi chiều, Tổ Bá Trượng hỏi thầy Linh Hựu: 'Lửa trong lò còn không?' Ngài Linh Hựu nói: 'Bạch Thầy, lửa tắt lâu rồi, chắc chắn là không còn nữa.' Tổ Bá Trượng lấy cây khơi lò một hồi thì có một đóm lửa nhỏ, Tổ hỏi: 'Thế cái này là cái gì?'

Câu chuyện đó giải thích một cách gián tiếp về Vô-tánh hữu tình. Ta thấy người đó hình như không còn một điều gì tốt đẹp cả. Lời nói không dễ thương, hành động không dễ thương, tư tưởng cũng không dễ thương, hình như không còn một chút gì dễ thương trong người đó. Kỳ thực, nhìn sâu ta sẽ thấy cũng còn một chút dễ thương trong lòng người đó, cho nên chúng ta đừng dễ bị lừa, đừng nghĩ rằng đã thuộc chủng loại vô-tánh hữu tình thì không có khả năng chuyển hóa. Những người ta nghĩ là vô-tánh, chúng ta càng phải lân mẫn và giúp đỡ nhiều hơn.

Đốn giáo là giáo lý đưa tới sự giác ngộ một cách rất mau chóng, giống như mì gói ăn liền (instant noodle) hay cà phê uống liền (instant coffee). Đốn giáo ngược với tiệm giáo, tức là phải tu lâu ngày. Viên giáo là giáo lý tròn đầy, là giáo lý được diễn bày chiều sâu tuyệt đối chứ không nửa vời. Viên giáo ngược lại với Biệt giáo. Biệt giáo là giáo lý dạy riêng cho từng căn cơ, từng loại tâm lý. Viên giáo là giáo lý chung cho tất cả, ai nghe giáo lý đó cũng có thể thừa hưởng được.

Tất cả chỉ là thuốc và bệnh cùng hiện khởi đối lập nhau nhất thời, không phải là những pháp có thật.

Những giáo lý ta học, ta tin là chân lý tuyệt đối, phải thờ phụng, phải bảo vệ; ta liều chết vì Đạo, ta trở thành Thánh tử đạo. Theo tinh thần của đạo Bụt, giết người vì Đạo là chuyện ngu xuẩn (vô minh). Vì một lý tưởng, vì một giáo lý, vì một Tổ chức tôn giáo mà ta phải đi giết người, ta phải bỏ bom, ta phải ôm súng... đó là điều không thể chấp

https://thuviensach.vn

nhận được trong Phật giáo. Lý tưởng của ta là lý tưởng từ bi, nếu ta giết người là ta đang giết lý tưởng của ta. Chỉ có ta là người có thể tiêu diệt lý tưởng của chính mình, chứ không phải những người ngoại đạo. Vì vậy khi người ta đàn áp Phật giáo, ta không chống lại bằng phương tiện bạo động, ta chỉ có thể bảo vệ được bằng trí tuệ và từ bi mà thôi.

Đạo Bụt truyền khắp thế giới, nhưng chưa làm nhân loại đổ một giọt máu nào. Không cần gươm, không cần súng, không cần những trận thánh chiến, tại vì giáo lý kia dù có hay bao nhiêu, dù có mầu nhiệm tới đâu, nó cũng chỉ là thuốc để trị bệnh, nó không phải là cái để ta bảo vệ bằng súng đạn. Đây cũng là tinh thần của giới Tiếp Hiện. Bảo vệ đạo Bụt bằng cách sống tỏa rạng tinh thần đạo Bụt, mà không phải bằng cách chống lại và tàn sát. Giáo lý đạo Bụt là những phương tiện hướng dẫn tu tập mà không phải là những chân lý để thờ phụng và bảo vệ. Ta không nên chết về cái đó và cũng không nên để người khác chết về cái đó. Không sát hại, là tinh thần của đạo Bụt. Tinh thần này nằm rất sâu trong đạo Bụt. Trong kinh Mười Nguyện Phổ Hiền 4 có câu:

Nếu có chúng sanh nào dại dột
Bằng thân, bằng ý hoặc bằng lời
Bài báng phá hoại đạo giải thoát
Xin cho nghiệp chướng được tiêu trừ

Con nguyện không cầm súng tới bắn người ấy, mà con còn thương những người ấy nữa. Ta sợ người ấy bị đọa vào những con đường đau khổ, cho nên ta cầu nguyện cho họ, ta sám hối thay cho họ. Trái tim của người Phật tử phải như vậy. Đó là tinh thần của đạo Bụt: có nhiều tình thương, và tình thương đó ôm lấy được những người ta cho là đàn áp Phật giáo, phá hoại Phật giáo.

Mà dù cho có cái gì đi nữa thì đó cũng chỉ là những cái giả bày như có thật, những biểu hiện tạm thời dưới dạng văn tự để cho công chúng có tạm thời mà sử dụng. Chỉ có thế thôi!

https://thuviensach.vn

Khi dùng danh từ Bụt, Bồ-tát, giáo lý Tam thừa, Vô tác, Vô nguyện, Không hay Vô tướng, ta đừng coi những điều ấy là chân lý tuyệt đối muôn đời. Ta phải coi đó là những vị thuốc. Ta có bệnh cho nên ta cần có thuốc, vì vậy cho nên mới có hiện tượng Văn Thù mang gươm tới giết Cồ Đàm và Ương Quật Ma đem đao tới chém Thích Ca.

Văn Thù là ai? Văn Thù là vị Bồ-tát được coi là người hiểu Bụt nhiều nhất. Văn Thù là Pháp vương tử, tức là người con của Pháp vương, là con nối dõi của Bụt. Văn Thù là đại diện cho trí tuệ đệ nhất. Đoạn văn này lấy nguồn cảm hứng trong Hội thứ tư của kinh Bảo Tích (Ratnakuta) gọi là Thiện Trú Thiên Tử Hội. Hội tức là một pháp hội (dharma festival). Trong hội này có một nhân vật tên là Thiện Trú Thiên Tử, nhân vật này ưa đặt những câu hỏi.

Hôm đó có mặt của năm trăm vị Bồ-tát, họ vừa tu chứng và đắc được ngũ thông. Các vị Bồ-tát ấy nhờ đắc được túc mạng thông, cho nên nhớ lại được tất cả những kiếp trước của mình. Trong năm trăm vị Bồ-tát này, có những vị ngày xưa đã làm chảy máu một vị Bụt; có vị đã giết cha giết mẹ (không nhất thiết phải cầm dao cầm súng giết mà sống trụy lạc hoặc làm hại tới gia phong cũng có thể làm cho cha mẹ âu sầu mà chết); vu khống người có đạo đức, có chứng ngộ, làm cho người đó mất thanh danh... Các vị Bồ-tát đó vì quá hối hận mà sinh ra có mặc cảm tội lỗi. Và vì cái mặc cảm tội lỗi ấy, các vị bị bế tắc, không đi tới được nữa trên con đường giải thoát, dù đã chứng được túc mạng thông.

Biết được điều đó, Bụt muốn khai thông cái bế tắc ấy cho năm trăm vị Bồ-tát. Bụt vận dụng thần thông để truyền thông với Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi cũng đang có mặt ở trong Hội. Lúc đó, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi biết ý định của Bụt. Ngài đứng dậy, rút thanh gươm ra, xông tới trước mặt Bụt ra vẻ sẽ giết Bụt. Đây là một vở kịch rất ngoạn mục để khai mở cho năm trăm vị Bồ-tát. Khi Văn Thù Sư Lợi rút thanh gươm ra, xông tới Bụt, Bụt nói: 'Nhữ trú! Nhữ trú! Bất ưng tạo nghịch! Vật đắc hại ngã. Ngã tức bị hại, vi thiện bị hại.' Bụt tiếp: 'Hà dĩ cố? Văn Thù Sư Lợi tùng bản dĩ lai, vô ngã, vô nhân, vô hữu trượng phu. Đãn thị

https://thuviensach.vn

nội tâm, kiến hữu ngã nhân, nội tâm khởi thời, bỉ dĩ hại ngã. Tức danh vi hại.' Đây là nguyên văn bằng tiếng Hán-Việt trong Đại Tạng Kinh.

Trượng phu là dịch từ chữ purusa, tiếng Phạn, nghĩa là con người. Có một chữ nữa là pudgala, Bổ-đặc-già-la, cũng có nghĩa là con người. Trượng phu là người. Điều ngự trượng phu là một trong mười danh hiệu của Bụt, tức là người có thể điều phục được con người, nhiếp phục được con người. Con người cũng như con ngựa hoang. Điều ngự trượng phu là purusa-damya-sārathi. Kinh Kim Cương nói: không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh và không có thọ giả. Làm sao có con người, nếu không có các loài cỏ cây, cầm thú và đất đá? Bây giờ con người đang tiêu diệt các loài cầm thú, cỏ cây và đất đá, tức là con người đang trên đường tự tiêu diệt mình. Có phải như vậy không? Con người đang làm ô nhiễm đất đai, đang tàn phá cỏ cây, đang tàn phá cầm thú. Tội ấy phát xuất từ vô minh. Tại vì thấy mình (ta) là khác, người (nhân) là khác, chúng sanh là khác.

'Đãn thị nội tâm kiến hữu ngã nhân.' Nghĩa là 'Chỉ ở trong tâm thấy có ta và người.' Cũng có nghĩa là sự phân biệt ta và người là một sáng tạo của tâm; sự phân biệt ta và người là do tâm làm ra. Ví dụ như cha với con. Khi con giận cha, thì thấy mình và cha là hai thực tại khác biệt, cha không dính gì với mình, và mình là một thực tại khác biệt không dính gì tới cha; không thấy được mình là sự tiếp nối của cha, và cha đang có mặt đầy đủ trong từng tế bào của mình. Tại vì thấy như vậy, nghĩ như vậy, cho nên mình mới dám nói: 'Tôi không biết ông đó. Tôi không muốn dính líu gì tới ông đó cả.' Có những người trẻ bây giờ khi giận cha, họ nói như vậy đó. Trong thực tế, mình là sự tiếp nối của cha mình, mình là cha mình, cha mình là mình. Vì vậy cho nên, ta (ngã) và người (nhân) là những sáng tạo phẩm của tâm thức, sự thật không phải như vậy. Nếu có những đứa con khi giận mẹ giận cha đến nỗi giết mẹ giết cha, là do từ vô minh ấy mà ra.

Tổ Lâm Tế cũng có nói gặp Phật giết Phật là như vậy. Khi ta gặp người này, ta nghĩ người này là Phật, thì ta phải giết ý niệm về Phật đi; khi ta gặp người kia, ta nghĩ rằng người đó là Ma, thì ta phải giết ý niệm về Ma đi. Phải giết những ý niệm của ta, tại vì ý niệm không

https://thuviensach.vn

phản chiếu được sự thật của thực tại. Sự thật là không có ngã, không có nhân, không có ta, không có trượng phu. Đoạn kinh này còn có nghĩa là: Nếu trong quá khứ ta đã có những lầm lỗi, ta có nói những câu, ta đã làm những hành động gây khổ đau cho người khác và cho ta, thì đó là do vô minh mà ra. Khi ta làm khổ người kia tức là ta làm khổ ta; ta giết người kia tức là ta giết ta. Bây giờ tỉnh ngộ ra, ta thấy rõ ràng ngày xưa ta tưởng là ta giết người ấy, kỳ thực là ta tự giết ta. Nguồn gốc của tất cả là do u mê, ngu si của ta. Bây giờ nhờ tu tập mà chuyển hóa được những u mê, ngu si đó, cho nên ta không còn mặc cảm tội lỗi nữa.

Có lần trên ti-vi chiếu hình hai người con trai của ông Saddam Hussein vừa bị giết. Có thể, những người giết hai đứa con của ông Saddam Husein thì mừng vui, vì họ cho đó là kẻ thù của họ. Kỳ thực, nhìn sâu ta sẽ thấy nếu những đứa con của ta có hận thù, khổ đau, tri giác sai lầm, thì những người bị giết ấy cũng có những hận thù, khổ đau, tri giác sai lầm không khác. Ta giết con của người kia cũng là giết con của ta. Những người lính Mỹ khi qua Iraq, họ mang tâm niệm: 'vì nhân loại, vì dân chủ, vì tình thương'. Họ được un đúc những ý niệm ấy từ báo chí, và từ cấp trên của họ. Những người trong kháng chiến Iraq, khi ôm trái bom nhảy vào đám người Mỹ để cùng chết chung, thì những người Iraq ấy cũng được un đúc bởi ý niệm: 'công việc này là yêu nước yêu nòi.'

Cả hai bên đều có ý niệm của mình, và nhìn nhau như kẻ thù. Trong khi đó họ không biết rằng người kia với mình là một, người kia chết thì mình cũng chết. Dầu có sống sót trở về, họ cũng không còn là người trước khi ra trận. Họ đem về rất nhiều thương tích. Những thương tích đó sẽ tiếp tục làm khổ họ, làm khổ gia đình họ, làm khổ xã hội họ. Những người lính sống sót, sau khi trở về thường sống trong khoắc khoải, trong lo sợ, trong những niềm hối hận. Người nào cũng cần có một bác sĩ tâm lý trị liệu để chăm sóc, nếu họ là người có tiền, và được chánh phủ nâng đỡ. Nếu không, thì họ sống đêm ngày trong những hình ảnh ghê rợn, trong những kỷ niệm tàn ác. Họ đã bắn, đã đâm, đã chém, và những hình ảnh đó đi theo họ suốt đời, khiến họ có nhiều mặc cảm.

https://thuviensach.vn

Điều này đúng không chỉ cho những người cầm gươm cầm súng, mà cũng đúng với chúng ta. Gươm súng của chúng ta là sự giận dữ, là lời nói, là hành động, Những lời nói ấy, những hành động ấy còn mãi, chúng đi theo ta như bóng với hình, và chúng ta không làm sao thoát ra được, và chúng ta cũng có rất nhiều mặc cảm.

Giáo lý của Phẩm Thiện Trú Thiên Tử Hội dạy rằng: Sở dĩ hồi xưa chúng ta làm như vậy, sở dĩ chúng ta vụng về như vậy, tàn ác như vậy, tại vì chúng ta si mê: Chúng ta không thấy người kia chính là ta; cha ta tức là ta, mẹ ta tức là ta; anh ta tức là ta, chị ta tức là ta. Ngày xưa, tôi cũng đã nói những điều mà bây giờ nghĩ lại thấy rất dại dột, tại vì mình còn non dại chưa biết. Ví dụ tôi muốn đi tu. Khi còn nhỏ, tôi đã nói rằng: 'Giữa mẹ và lý tưởng đi tu, con chọn lý tưởng đi tu.' Ngày xưa tôi đã lỡ nói câu ấy, và tôi đã đau khổ. Ta có thương mẹ thật, nhưng nói như vậy là rất ngu. Ngu là vì ta đã có một quan niệm lưỡng nguyên giữa ta và mẹ. Ta không thấy rằng mẹ với ta là một. Ta nghĩ đi tu tức là bỏ mẹ, ta lo lắng, sợ bỏ mẹ lại sẽ không có ai chăm sóc. Kỳ thực đi tu không phải là bỏ mẹ, đi tu cũng là tu cho mẹ, tại vì mẹ cũng có ở trong ta. Sự thật là như vậy. Những người trẻ bây giờ phải học được bài học ấy. Đừng có những lầm lỡ như vậy trong khi nói năng, hay trong khi hành động. Nếu ta đã có những lời nói lầm lỡ, hay những hành động lầm lỡ, thì ta có thể làm mới lại được. Ngồi cho thật yên, ta nói: 'Mẹ ơi! Con hối hận quá, con đã nói một câu rất dại dột.' Tự nhiên, mẹ sẽ tha thứ cho ta. Tại vì mẹ luôn luôn có đó trong mỗi tế bào của cơ thể ta. Không có lý do gì ta mang theo mặc cảm tội lỗi đó mà không đi tới được trên con đường giải thoát tâm linh.

Năm trăm vị Bồ-tát sau khi xem vở kịch ngoạn mục giữa Bụt và Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi thì tất cả những mặc cảm tan biến hết, các vị thấy rõ ràng là mình có thể giải thoát được.

Nếu giết được ý niệm về ngã, nhân và trượng phu, ta thấy không có mặc cảm nào còn bám víu theo mình nữa. Cho nên có thể áp dụng phương pháp tâm lý trị liệu theo như trong giáo lý này thì rất hay. Những nhà tâm lý trị liệu cho rằng nếu một người có mặc cảm tự ti (low selfsteem) thì người đó bệnh, cho nên người đó phải có đức tự

https://thuviensach.vn

tin là họ cũng giỏi bằng người ta, hoặc họ có thể hơn người ta thì tự nhiên người đó hết bệnh. Đó là lý thuyết của nhiều nhà tâm lý trị liệu bây giờ.

Theo giáo lý của đoạn kinh này, không những mặc cảm tự ti đưa tới bệnh, mặc cảm tự tôn cũng đưa tới bệnh, mà mặc cảm bằng người cũng đưa tới bệnh như thường. Ba mặc cảm: hơn, thua, bằng, đều căn cứ vào ngã. Lấy được ý niệm về ngã ra thì ta hết bệnh. Cả ba mặc cảm tự tôn, tự ti và bằng đều căn cứ trên ngã, nhân và trượng phu. Do đó phương pháp trị liệu cao nhất được tìm thấy trong giáo lý của kinh này.

Với đoạn kinh này, Tổ Lâm Tế đã sử dụng rất hay. Một lần nữa chúng ta thấy Tổ Lâm Tế có học kinh luận rất đàng hoàng. Những lời nói của Ngài đều có nguồn gốc trong kinh điển mà Ngài đã học, nhưng Ngài rất giải thoát đối với kinh điển.

Này các bạn tu, có một bọn thầy tu thực tập hướng nội công phu, nghĩ rằng mình đang mong cầu pháp xuất thế.

Chúng ta biết khi Tổ Lâm Tế nói câu này thì xung quanh Ngài có rất nhiều thiền viện nổi tiếng, và có rất nhiều người đang tu tập thiền định. Ai cũng nghĩ rằng, tu tập thiền định là mong cầu pháp xuất thế, để vượt thoát cõi đời đầy khổ đau này. Câu có một bọn thầy tu là Tổ nói hầu hết tất cả thầy tu trong hoàn cảnh ấy. Giáo lý của thiền sư Lâm Tế là để đối trị căn cơ của thời đại ấy.

Có một bọn thầy tu tức là có những người xuất gia tưởng mình đang đi trên con đường chánh, tưởng mình đang đi tìm cầu pháp xuất thế, và cứ tin chắc chắn là mình đang đi trên con đường chính. Lời nói vọng về một ngàn mấy trăm năm sau, chúng ta cũng đang được nghe nói về 'bọn đó'. Bọn nào? Có thể là chúng ta. Chúng ta là đương sự. Chúng ta không phải là những thầy, những sư cô vào thời đại đời Đường.

Họ lầm.

https://thuviensach.vn

Quý vị làm vậy là lầm. Quý vị nghĩ quý vị đang hạ thủ công phu, quý vị đang buông bỏ thế giới bên ngoài để trở về nội tâm, để đi tìm pháp xuất thế, quý vị làm như vậy là lầm. Tại vì sao?

Cầu Bụt thì mất Bụt, cầu Đạo thì mất Đạo, cầu Tổ thì mất Tổ.

Câu này rất rõ ràng. Nghĩa là một khi ta có ý niệm tìm cầu là đã thất bại. Ta đi tìm cầu cái gì? Ta đi tìm cầu giải thoát, ta đi tìm cầu pháp xuất thế, ta đi tìm cầu Niết Bàn, hay ta đi tìm cầu Tịnh Độ. Ngay thái độ và ý nguyện tìm cầu ấy đã làm chướng ngại lớn cho chính ta.

Ngay trong phần đầu của Lâm Tế Lục, chúng ta đã thấy được giáo lý này, đó là chúng ta không nên tìm cầu. Ở đây chỉ là sự lặp lại. Không nên tìm cầu ở bên ngoài, mà cũng không nên tìm cầu ở bên trong. Ngoại hướng đã không được mà nội hướng cũng không xong. Tại vì ngoài với trong là hai ý niệm. Những người tu Tịnh Độ thì đi tìm Tịnh Độ. Họ nghĩ rằng Tịnh Độ ấy nằm ở phương trời nào đó, và chỉ có thể đạt được trong tương lai sau khi chết. Tất cả những gì họ thực tập bây giờ, như là niệm danh hiệu Bụt A Di Đà, chẳng qua là để hy vọng một ngày nào đó nắm được Tịnh Độ ấy mà thôi. Cũng như ngày ngày ta dành dụm tiền bạc để vào trương mục ngân hàng, mong rằng ngày mai ta sẽ có một số tiền đủ lớn để mua được một căn nhà, một khu vườn, hoặc làm một dự án gì đó. Cái hy vọng tìm cầu ấy không phải là cái hy vọng tìm cầu có thể đưa ta tới giải thoát. Nhưng phần lớn những người tu Tịnh Độ thì đầu tư vào cõi Tịnh Độ, những người tu thiền thì đầu tư vào giác ngộ.

Một bên cầu Tịnh Độ, một bên cầu giải thoát và giác ngộ. Hai bên đều có sự tìm cầu và đối tượng tìm cầu. Chính vì có đối tượng tìm cầu cho nên mới có sai lầm. Trong cái ý hướng tìm cầu, ta có tư tưởng chối bỏ một cái và chạy theo một cái khác. Người tu Tịnh Độ chối bỏ cõi Ta bà. Người tu thiền chối bỏ pháp thế gian để đi tìm pháp xuất thế gian. Có hai con đường: một là con đường tìm cầu bên ngoài, và hai là con đường tìm cầu bên trong (nội hướng). Theo Tổ, cả hai con đường đều sai lạc nếu sự tìm cầu vẫn còn. Cầu Bụt thì mất Bụt, cầu Tổ thì mất Tổ, cầu Đạo thì mất Đạo. Rất đơn giản.

https://thuviensach.vn

Chúng ta hãy tưởng tượng một đợt sóng trên đại dương đang đi tìm nước. Sóng mà đi tìm nước là một chuyện rất buồn cười. Càng tìm cầu càng không thấy. Vì vậy chìa khóa của sự tu tập nằm ở chỗ không tìm cầu. Sóng đã là nước, tại sao còn chạy đi tìm nước nữa? Cái tuệ giác ấy, ta thấy bàng bạc từ đầu tới cuối Lâm Tế Lục. Ngôn ngữ của Tổ tuy khác, nhưng không có gì rắc rối, hay khó hiểu cả. Cũng như ngôn ngữ của chúng ta trong hiện đại: 'Đã về, đã tới.' (No where to go, nothing to do.). Nếu đợt sóng biết nó là nước, thì nó đâu cần phải bôn ba đến một phương trời khác để tìm nước, chỉ khi nào có sự bừng tỉnh, thì nó mới chấm dứt sự tìm cầu.

Chúng ta khổ đau vì chúng ta sống trong một thế giới gọi là Thế gian (Lokadhatu). Ta và hoàn cảnh của ta thuộc về thế gian, gọi là Thế Gian pháp (Lokadharma). Chúng ta chán San Diego cho nên chúng ta đi lên Escondido, tại vì Escondido có Tịnh Độ. Chúng ta đi tìm pháp xuất thế gian. Xuất thế gian pháp là pháp vượt ra ngoài thế gian (Lokottaradharma). Trong sự chán ngấy thế gian và ý muốn đi tìm pháp xuất thế, ngay đó đã có sự trở ngại rất lớn cho ta. Giáo lý kinh Hoa Nghiêm cho biết rằng cái một chứa đựng cái tất cả. Vậy thì cái chúng ta gọi là Thế Giới, nó chứa đựng Pháp Giới trong nó. Thế Giới (Lokadhatu) thực tại có sinh, có diệt, có còn, có mất, có trong, có ngoài, có trên, có dưới. Loka là Thế, dhatu là Giới. Giới còn gọi là cõi. Pháp Giới (Dharmadhatu) là thế giới trong đó không còn sinh diệt, không còn tới đi, không có trên dưới, v.v... Người có tu có thể tiếp xúc được Pháp Giới. Hai thế giới này, một thuộc về Tích Môn (Thế Giới) và một thuộc về Bản Môn (Pháp Giới).

Trong thế giới của Tích Môn, cái này nằm ngoài cái kia; cha nằm ngoài con, con nằm ngoài cha; mặt trời nằm ngoài trái khổ qua, và trái khổ qua nằm ngoài mặt trời. Nhưng khi đi tới thế giới của Bản Môn, nhìn trong cha ta thấy con, nhìn trong con ta thấy cha; nhìn vào trái khổ qua ta thấy mặt trời và đám mây. Có một điều chúng ta có thể học ở đây là muốn tìm thế giới Bản Môn, ta phải biết tìm ngay trong thế giới của Tích Môn. Cũng như muốn đi tìm nước thì phải tìm ngay ở trong sóng. Nếu chối bỏ tất cả sóng thì không còn nước nữa. Tích Môn, Bản Môn là hai cái tên của cùng một thực tại. Khi sống sâu sắc,

https://thuviensach.vn

ta tiếp xúc được chiều sâu của thực tại. Khi sống hời hợt, ta dễ bị những đợt sóng của Tích Môn dồi dập, làm cho ta lên xuống.

Phần lớn chúng ta sống rất hời hợt trong đời sống hằng ngày. Chúng ta ăn cơm, chúng ta uống nước, chúng ta đi từ xóm Trong Sáng lên xóm Vững Chãi, chúng ta không sống được sâu sắc những giây phút đó của cuộc sống. Bước chân của chúng ta không chạm được vào Bản Môn; khi uống trà, khi thở, ta cũng không chạm được vào Bản Môn. Chúng ta sống rất hời hợt trong thế giới Tích Môn. Không cần phải liệng bỏ thế giới Tích Môn đi thì ta mới tìm thấy được thế giới Bản Môn. Thế giới Tích Môn là thế giới Bản Môn. Nếu sống cho thật sâu sắc trong thế giới Tích Môn, ta có thể tiếp xúc được thế giới Bản Môn. Nếu ta uống trà một cách hời hợt, tâm không có mặt, thì tách trà đó thuộc về Tích Môn. Nhưng cũng tách trà đó, nếu ta uống với niệm và tuệ, thì tách trà đó thuộc về Bản Môn. Trong thế giới Bản Môn, ta uống trà cũng là uống một đám mây, và uống cả mặt trời ở trong tách trà đó. Ta thấy trà không chỉ là trà. Trà còn là núi, là rừng, là muôn thú, là đám mây, là mặt trời, là những tinh hà. Uống trà như vậy, ta tiếp xúc với Bản Môn, và ta thấy rõ pháp xuất thế gian nằm ngay trong thế gian pháp. Vì vậy thái độ rời bỏ pháp thế gian để đi tìm pháp xuất thế gian, là sự sai lầm căn bản.

Đây không phải là một điều thần bí, không hiểu được. Đây là những điều có thể được diễn bày một cách rất đơn giản, ai cũng có thể hiểu được, kể cả những em bé mười hai tuổi. Ngay trong giây phút hiện tại, ngay ở đây, ta có thể sống như một vị Bụt, ta có thể sống như một vị Bồ-tát với sự an lạc rất lớn. Vấn đề là ta có muốn hay không. Mỗi giây phút của sự sống hiến tặng cho ta một cơ hội để ta sống sâu sắc. Chúng ta nên ăn mừng Bản Môn đang có mặt. Cái gọi là Tịnh Độ, là giải thoát, giác ngộ, là pháp xuất thế gian đang có mặt ngay ở đây, trong giây phút hiện tại. Chúng ta phải trở về nương tựa vào giây phút đó mới được. Taking refuge in the wonderful moment.

Ví dụ, từ xóm Trong Sáng lên thiền đường Thái Bình Dương, quý vị đi lên đó để làm gì? Mục đích của quý vị có phải là thiền đường Thái Bình Dương hay không? Vào thiền đường Thái Bình Dương cũng để

https://thuviensach.vn

ngồi và thở thôi, đâu có làm gì. Vậy thì tại sao trên con đường từ xóm Trong Sáng lên thiền đường Thái Bình Dương, quý vị không hưởng được những bước chân an lạc, những hơi thở an lạc? Nếu tiếp xúc được sâu sắc những bước chân, những hơi thở, thì suốt thời gian đi lên thiền đường Thái Bình Dương là quý vị đang sống trong Tịnh Độ, đó là sự giác ngộ trong hiện tại.

Tịnh Độ mà quý vị đi tìm ở tương lai, ở một nơi khác là Tịnh Độ ảo tưởng. Sự giác ngộ cũng vậy, cũng không phải là điều mình đi tìm cầu ở tương lai và nơi khác. Ta chỉ có thể tiếp xúc được trong giây phút hiện tại. Trong khi đi cầu, trong khi đi tiểu, trong khi chải răng, ta phải tiếp xúc được với Tịnh Độ, với Bản Môn, với Vô thượng Bồ Đề. Vô thượng Bồ Đề có mặt trong lúc ta đang chải răng đó. Quý vị có biết chải răng hay chưa? Nếu chưa biết, thì quý vị phải học chải răng. Quý vị có biết đi tiểu hay chưa? Nếu chưa biết, thì quý vị phải học đi tiểu. Quý vị đã biết đi cầu hay chưa? Nếu chưa biết, thì quý vị phải học đi cầu. Đi tiểu, đi cầu, hay chải răng như thế nào để cho Tịnh Độ có mặt trong giây phút đó, để cho Vô thượng Bồ Đề có mặt trong giây phút đó. Điều ấy chúng ta có thể làm được. Nhưng chúng ta làm không phải trong tinh thần tìm cầu, tại vì cái ta muốn tìm cầu nằm ngay trong giây phút hiện tại. Mỗi giây phút như vậy là một cơ hội cho chúng ta ăn mừng, tiếng Anh là celebrating life, celebrating the Pure Land.

Vào lúc sáu giờ sáng, từ trên xóm Vững Chãi đi xuống thiền đường Thái Bình Dương chỉ cần năm hay mười phút là chúng ta đã tới nơi. Chúng ta đi như thế nào để trong năm, mười phút đó chúng ta tiếp xúc được Tịnh Độ, chúng ta đạt tới giải thoát. Từ dưới xóm Trong Sáng đi lên thiền đường Thái Bình Dương, chúng ta đi như một ngày hội. Chúng ta không nói tíu ta tíu tít như hồi còn là sinh viên nữa. Chúng ta đi trong im lặng hùng tráng, cái im lặng sấm sét. Mặt tươi mát, mỗi người trong chúng ta tỏa chiếu ra nguồn năng lượng của chánh niệm, của chánh định, của niềm vui, của người không đi tìm cầu, của người vô sự. Có gì để mà tìm nữa? Tôi thấy một số người trong chúng ta trên con đường từ dưới xóm Trong Sáng đi lên thiền đường Thái Bình Dương đã tiếp xúc được Tịnh Độ, tiếp xúc được Bản

https://thuviensach.vn

Môn, đã đi vào pháp giới. Tùy theo cách ta đi. Ta đi với niệm, với định, ta chế tác và tỏa chiếu ra năng lượng của niệm, của định, của hạnh phúc, của giác ngộ ngay trong khi đi, thì ta nuôi dưỡng ta, ta nuôi dưỡng những người khác. Đi như vậy rất đẹp. Đi như vậy thì làm sao Tịnh Độ không biểu hiện ra? Đi như vậy là gì, nếu không phải là ăn mừng sự sống?

Trong ta có nguồn năng lượng rất hào hùng. Nó biểu lộ ra bằng cái gọi là im lặng hùng tráng khi chúng ta đi với nhau. Mỗi người chúng ta là một vị Bồ-tát, mỗi người chúng ta là một vị Bụt, không có gì phải mặc cảm thua kém. Chúng ta là con của Bụt, chúng ta phải là Bụt. Con của Bụt không thể đóng vai chồn cáo, dã can. Con của Bụt phải đích thực làm con của Bụt. Mà làm con của Bụt không khó: Đi như Bụt, thở như Bụt, mỉm cười như Bụt. Thấy được Niết Bàn, Tịnh Độ ngay trong giây phút hiện tại thì là con của Bụt. Chúng ta đi như vậy cũng giống như đi chơi, đi chơi trong Bản Môn, đi chơi trong Tịnh Độ, đi chơi trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cuộc đời đáng sống, nếu chúng ta biết đi như vậy. Mỗi bước như vậy nuôi dưỡng bản thân của chúng ta, nuôi dưỡng Tăng thân. Mỗi chúng ta có khả năng đem tới yếu tố của sự trị liệu, của sự làm mới cho tăng thân bằng cách đi, đứng, mỉm cười, và thở. Những vị nào mới trở về Tăng thân sau bao nhiêu năm lao khổ cực nhọc, các vị có cơ hội trùng tu lại thân của mình, quý vị có cơ hội trùng tu lại tâm của mình. Chỉ cần vài ba ngày, vài ba tuần là trùng tu lại được thân và tâm.

Để có thể tham dự vào thế giới của chư Bụt và chư vị Bồ-tát, chúng ta không cần đi đâu xa, thế giới đó nằm ngay tại đây. Tịnh Độ là một cái gì dễ thiết lập, chỉ cần có những trái tim mang chất liệu giác ngộ tới sống chung với nhau. Trong kinh A Di Đà có nói: 'Chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ'. Nghĩa là khi những con người lành quy tụ lại với nhau, họ tạo thành Tịnh Độ. Tịnh Độ không phải là công sức của một cá nhân, dầu cá nhân đó là Bụt A Di Đà. Tịnh Độ là công sức của một tăng thân. Và các bậc thượng thiện nhân ấy, người nào cũng đóng góp một bàn tay để xây dựng Tịnh Độ. Chúng ta cũng vậy. Chúng ta là Sa di, Sa di ni, Tiếp hiện cư sĩ, hay chúng ta là người thọ năm giới, hay sắp sửa thọ năm giới, chúng ta đều có thể là thượng

https://thuviensach.vn

thiện nhân, những con người lành. Chúng ta có khả năng đóng góp vào sự tạo dựng Tịnh Độ chứa đựng suối nguồn hạnh phúc, bằng cách đi của chúng ta, bằng cách ngồi của chúng ta. Tịnh Độ là tâm thức cộng đồng của chúng ta tạo ra. Mỗi hành động như vậy đều có khả năng trang nghiêm Tịnh Độ. Trang nghiêm Tịnh Độ tức là làm cho Tịnh Độ càng ngày càng đẹp ra.

Vào lúc năm giờ rưỡi, sáu giờ sáng, không khí của núi rừng Lộc Uyển rất thơm tho, rất tinh khiết. Tưởng tượng có ba mươi người, năm mươi người, bảy mươi người, hai trăm người, người nào cũng đi trong im lặng hùng tráng, và tiếp xúc một cách sâu sắc với không khí núi rừng, với Tịnh Độ đang có mặt. Nó hào hùng biết bao nhiêu. Đi để có thời giờ tiếp xúc với Tịnh Độ, với Bản Môn. Cố nhiên đang đi mà nói chuyện phiếm là ta phá hoại Tịnh Độ. Nếu cần nói một câu gì thì ta ngừng lại, ngừng lại hoàn toàn rồi mới nói câu đó với tất cả tâm của ta trong chánh niệm. Nói xong rồi, ta tiếp tục đi. Đi thì không nói, nếu nói tức là không phải đang đi. Nếu ta nói là ta đang đánh mất những bước chân trong Tịnh Độ. Phương pháp của chúng ta ở đây là mỗi bước chân đưa vào Tịnh Độ. Không được đánh mất một bước chân nào. Không có một bước chân nào giẫm ra ngoài Tịnh Độ. Bước nào cũng phải bước trong Tịnh Độ. Đây không phải là luật. Đây là sự ăn mừng. Tại sao ta không ăn mừng? Tại sao Tịnh Độ có đó, hạnh phúc có đó, ta không thừa hưởng? Đây không phải là vấn đề luật lệ, mà là vấn đề uổng phước của chúng ta.

Cũng như khi tôi viết Bông Hồng Cài Áo, tôi ví mẹ là xôi, mẹ là chuối; anh không ăn xôi, ăn chuối thì tội nghiệp cho anh vậy thôi. Tôi không cấm anh đi chơi, cấm anh đi khiêu vũ, cấm anh đi tìm danh lợi. Tôi chỉ nhắc cho anh nhớ để sau này anh đừng hối hận. Sự thật là như vậy. Sự thật là Tịnh Độ, Niết Bàn, và những mầu nhiệm của sự sống, đều có mặt ngay trong giờ phút hiện tại. Anh không phải đi tìm cầu. Tại sao anh bỏ hết cuộc đời của anh để ép xác, làm cho tàn rụi thân và tâm để đi tìm cầu một điều gì mới được? 'Tìm Bụt thì mất Bụt, tìm Tổ thì mất Tổ, tìm Tịnh Độ thì mất Tịnh Độ', đó là thông điệp của Tổ, rất rõ ràng.

https://thuviensach.vn

Ngày xưa Siddhartha cũng đi tìm cầu, tới nỗi da bọc xương, sắp chết. May nhờ có em bé cho uống ít sữa, nếu không thì Siddhartha cũng đã tiêu vong. Chúng ta phải học bài học đó. Chúng ta phải trùng tu lại thân của mình, phải trùng tu lại tâm của mình. Những ngày tháng cuộc đời hiến tặng cho mình sự sống, thì mình phải tiếp nhận với tất cả trái tim và sống cho xứng đáng.

Tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã không có cơ hội ấy. Bây giờ Tổ tiên, ông bà, cha mẹ ở trong ta đang trông đợi ta làm chuyện đó cho họ. Tại sao ta không làm? Tại sao ta không dừng lại được? Tại sao ta phải đi tìm cầu? Đây là hành động của thương yêu. Ta đi là đi cho mẹ, ta đi là đi cho cha, ta đi là đi cho Bụt. Với tình thương và ý thức ấy, mỗi bước chân, mỗi hơi thở trở thành một nguồn an lạc. Chúng ta không có đi tìm. Chúng ta trở thành người vô sự. Không có công việc (business) nào cần phải thực hiện, gọi là vô sự (no business, even spiritual business).

Có một vị Lạt Ma Tây Tạng - Trungpa Rinpoche - người sáng lập ra Naropa Institute ở Denver. Ông có viết một cuốn sách gọi là Duy Vật Tâm Linh, Spiritual Materialism. Materialism là chủ nghĩa duy vật, spiritual là tâm linh. Trong giới tâm linh cũng có sự làm ăn (business). Tổ chức một khóa tu cũng là làm ăn (business), làm chùa cũng là làm ăn (business), tổ chức giáo hội cũng là làm ăn (business)..., vì đằng nào ta cũng muốn thành công. Sự tự hào, sự thành công, danh và lợi đóng một vai trò rất quan trọng trong đó. Tuy gọi là tâm linh, nhưng kỳ thực nó chứa đựng sự hưởng thụ và tìm cầu. Chúng ta dịch ra tiếng Việt là làm ăn đạo đức, làm ăn tôn giáo, hay chủ nghĩa làm ăn. Cố nhiên, có thực mới vật được đạo, tức là phải có những điều kiện vật chất mới có thể tổ chức tu học được. Nhưng ta có thực sự sử dụng những điều kiện ấy để xây dựng tâm linh không? Hay ta nhân danh tâm linh để làm ăn, để làm chùa ngày càng lớn, để cơ sở của ta ngày càng quan trọng, để danh của ta ngày càng đi xa, để lợi của ta ngày càng thu thập nhiều? Đó gọi là làm ăn tâm linh, làm ăn đạo đức. Nhìn lại bản thân, nhìn lại xung quanh, ta sẽ thấy điều ấy. Tổ đã thấy điều ấy.

https://thuviensach.vn

Các đại đức! Đừng lầm. Tôi không cần quý vị giải thích kinh luận cho hay.

Cố nhiên, khi thấy một thầy, một ni sư giảng giải kinh luận hay, ta rất mừng, cho rằng: 'Đạo Bụt có tương lai'. Nhưng Tổ nói: 'Điều ấy có thật sự quan trọng không? Quý vị giải thích kinh luận cho thật hay là quý vị đang làm ăn (business).' Có phải là ta đang làm ăn (business) hay không? Nếu sau khi quý vị giảng xong, người ta tới cúng dường rồi quý vị nhận, thì đó là làm ăn chính hiệu con nai, còn đính chánh gì nữa.

Chúng ta nhớ tới một câu chuyện trong kinh A Hàm:

Sáng hôm đó, đức Như Lai cùng chúng đệ tử ôm bình bát đi khất thực ngang qua một cánh đồng, thì gặp ông chủ ruộng người Bà la môn, đang điều khiển những nông dân cấy ruộng đầu mùa. Ông có tới năm trăm con bò, năm trăm lưỡi cày. Ông rất hãnh diện về công tác của ông. Thấy Bụt đi khất thực, ông chận lại hỏi:

- Quý thầy, quý thầy đang làm gì đó? Chúng tôi có ruộng, chúng tôi có đất, chúng tôi có bò, chúng tôi có hạt giống, chúng tôi có nhân công, chúng tôi cày, chúng tôi bừa, chúng tôi xới, chúng tôi gặt, rồi chúng tôi mới ăn. Còn quý vị không làm gì cả. Quý vị chỉ cầm bình bát đi xin ăn, tôi thấy điều này không đúng.

Bụt trả lời:

- Có chứ! Chúng tôi cũng có ruộng, chúng tôi cũng có bò, chúng tôi cũng có hạt giống, chúng tôi cũng có cày đó chứ.

- Ruộng đâu? Bò đâu? Hạt giống đâu?

Bụt nói:

- Ruộng của chúng tôi là đất tâm. Hạt giống của chúng tôi là hạt giống chánh niệm, hạt giống từ bi, hạt giống trí tuệ. Kéo cày là sự thực tập hằng ngày. Chúng tôi gieo những hạt giống tốt, chúng tôi cũng phân bón rồi gặt hái những hoa trái của hiểu và

https://thuviensach.vn

thương. Gặt hái xong rồi chúng tôi đem phân phát cho nhân loại. Chúng tôi là những người cày ruộng đích thực đó.

Bụt đã dùng những hình ảnh của thi ca để đáp lại. Bụt nói rất hay. Ông Bà-la-môn, người chủ ruộng, cảm phục quá nói: 'Cơm trưa của tôi đâu, đem tới đây để tôi cúng dường ông thầy này. Ông thầy nói hay quá!' Khi ông đem cơm tới cúng dường cho Bụt, Bụt nói: 'Không! Chúng tôi không đổi giáo pháp với những vật cúng dường.' Đức Thế Tôn không chịu ăn cơm ấy, lấy lý do là Ngài không đổi pháp để lấy cơm. Ông Bà La Môn nói: 'Cơm này để cúng dường cho ngài mà ngài không ăn, thì ai có khả năng ăn cơm này?' Đức Thế Tôn nói: 'Trong thế giới vũ trụ này, không ai có khả năng ăn cơm này, ăn vào là chết liền, tại vì nó đã bị một đức Thế Tôn từ khước. Trưởng giả nên kiếm chỗ nào có nước trong mà không có các sinh vật sống trong đó, hay một miếng đất không có sinh vật, rồi đổ xuống.' Vị trưởng giả nghe lời, đổ cơm xuống chỗ có nước trong, thì nước nóng lên như hỏa diệm sơn vậy.

Phải nhớ như vậy! Chúng ta đi thuyết pháp không phải để được cúng dường, chúng ta không đổi giáo pháp với vật cúng dường. Trở thành một vị giảng sư, giảng kinh luận hay, vẫn có thể đi vào trong lĩnh vực của sự làm ăn, đổi chác như thường. Quý thầy, quý sư cô giảng giải kinh luận hay, thì có thể Ban Giám hiệu trường Cao cấp Phật học mừng, nhưng Tổ Lâm Tế không mừng. Thành ra phải nhớ rằng: chúng ta học giỏi, thuyết giảng hay, không phải để làm ăn, để đổi chác những của cúng dường.

Không cần quý vị làm quốc vương hay đại thần.

Đệ tử của tôi, tôi không cần có chức vụ lớn trong xã hội. Tôi (Lâm Tế) không cần quý vị có Ph. đi (Ph.D), Ph. đứng, Ph. nằm gì hết. Những thứ đó chỉ là danh lợi. Tôi không tự hào khi có những người đệ tử có bằng tiến sĩ y khoa, tiến sĩ luật khoa hay có vai vế trong xã hội. Không! Không! Quốc vương, đại thần, đối với tôi là con số không. Tôi không cần có những người đệ tử làm lớn ở trong quốc hội, trong chánh quyền.

https://thuviensach.vn

Tôi không cần quý vị biện giải thao thao như một dòng sông.

Thế nào Tổ cũng có những người học trò giỏi, biện giải thao thao như một dòng sông. Nhưng ngài không hãnh diện (proud), cũng không thích những điều ấy.

Tôi cũng không cần quý vị trở thành những bậc thông minh và trí tuệ.

Đệ tử của Tổ thông minh lắm, và kiến thức cũng rộng lắm, kiến thức bao gồm cả cổ kim, từ văn chương cho đến triết học. Đệ tử tôi như vậy đó. Nhưng Tổ không tự hào về những người đệ tử như vậy.

Tôi chỉ cần quý vị có được kiến giải chân chính.

Kiến giải chân chính là gì? Theo ý Tổ: Kiến giải chân chính là không tìm cầu, không trốn chạy một điều gì để đuổi theo một điều gì khác. Ta là con cháu của Tổ, ta có thể dùng ngôn từ khác, nhưng tuệ giác vẫn là tuệ giác ấy. Ta có thể giải thích là kiến giải chân chính là trong mỗi bước chân ta có thể tiếp xúc được Tịnh Độ, có thể tiếp xúc được Bản Môn, có thể tiếp xúc được Vô thượng Bồ Đề. Trong mỗi hơi thở, ta tiếp xúc được Bụt, được Pháp, được Tăng có mặt trong giây phút hiện tại.

Nếu quý vị có giảng giải được một trăm bộ kinh luận đi nữa thì quý vị cũng không bằng một ông thầy tu tầm thường mà vô sự.

Giảng hết kinh Hoa Nghiêm, tới kinh Pháp Hoa rồi kinh Duy Ma Cật, thao thao bất tuyệt, kinh nào giảng cũng hay. Đệ tử nghe mê mệt, và họ cứ đòi nghe hết kinh này đến kinh khác. Nghe suốt đời, và ta cũng giảng suốt đời. Mà người giảng, người nghe đều không hưởng được một chút pháp lạc nào của giải thoát, của giác ngộ, của Tịnh Độ. Người giảng không có Tịnh Độ, người nghe cũng không có Tịnh Độ. Người giảng không có Niết Bàn, người nghe cũng không có Niết Bàn. Vậy thì giảng để làm gì? Nghe mà làm gì? Có phải để tự hào là ta giảng hay, là ta được nghe những điều rất mầu nhiệm, và để tự hào là truyền thống của ta rất tuyệt?

https://thuviensach.vn

Hầu hết tất cả các truyền thống đều cho mình là 'số một' (number one): Tôn giáo mình là hay nhất; kinh điển mình là tuyệt nhất. Nuôi dưỡng niềm tự hào đó để làm gì? Trong khi đó ta không thật sự nếm được cái hạnh phúc mà Bụt muốn ta nếm, Tổ muốn ta nếm. Ta chỉ biết tự hào là: 'Tôi đang đi trên con đường chánh. Tôi đang ở trong truyền thống rất hay, rất đẹp. Tôi có thể diễn giải được những ý tưởng mầu nhiệm sâu sắc như vậy. Mỗi ngày, tôi được nghe những ý tưởng mầu nhiệm sâu sắc như vậy. Tôi cảm thấy rất tự hào được sống trong truyền thống như vậy.' Rốt cuộc, chỉ có nói mà không có ăn. Chỉ có những chiếc bánh vẽ mà không phải là bánh thật. Không thật sự được ăn bánh.

Giảng giải được kinh luận một cách thao thao chỉ làm cho các vị thêm tự hào tự đắc và sinh ra khinh miệt kẻ khác.

Tổ la ai vậy? Tổ la rầy các thầy, các sư cô trong thời của Tổ hay Tổ đang la rầy ta? Giảng giải kinh luận một cách thao thao chỉ làm cho ta tự hào, tự đắc, khinh miệt kẻ khác giảng giải không hay bằng ta. Ta tự cho ta là number one.

Đó cũng chỉ là tâm sự của bọn A-tu-la.

Bản tính của loài A-tu-la là tranh đua, hơn thua, háo thắng, đầy giận hờn. Loài A-tu-la ưa gây chiến với chư thiên, khi đánh thua, thì chun vào trong cọng sen để núp.

Chỉ nghĩ đến chuyện thắng bại thôi.

A-tu-la đang ở đâu? Thắng, bại ở đâu? Bây giờ các cảnh ấy đang xảy ra trong lĩnh vực quân sự, chính trị, ngay cả trong lĩnh vực tôn giáo. Loài A-tu-la đang đánh nhau đó, quý vị có thấy không? Bên nào cũng có súng, bên nào cũng có đạn, bên nào cũng có những người cảm tử muốn chết. Chúng ta đang sống trong thế giới của A-tu-la. Ai cũng nghĩ đến chuyện thắng bại. Trong giới tôn giáo (giới tâm linh), chúng ta đang làm ăn, và chúng ta cũng nghĩ đến chuyện thắng bại. Thành ra tôn giáo cũng có thể trở thành một thị trường tâm linh.

https://thuviensach.vn

Nếu quý thầy, quý sư cô trong chùa mình ngủ ít hơn, hay chỉ ngủ ngồi không nằm, thì thế nào bổn đạo cũng sẽ đông hơn chùa người ta. Ta phải tu rất nghiêm chỉnh, thì người ta mới tuân phục. Người ta thấy ta tu rục thì người ta mới cúng dường nhiều, yểm trợ nhiều. Còn đi thiền hành gì mà cà lơ thất thơ, thì làm sao giải quyết được vấn đề sinh tử? Thiền hành gì mà hết ngắm trời đến ngắm đất như đi chơi vậy? Đó cũng là hình thái của sự cạnh tranh tâm linh, cũng gọi là làm ăn (business), cũng gọi là duy vật tâm linh (sipiritual materialism), cũng là tâm niệm của loài A-tu-la.

Vô minh và sự tranh chấp nhân ngã chỉ làm lớn lên cái nghiệp địa ngục.

Là người xuất gia đang ở trong đạo tràng, trông bên ngoài thì sự thực tập có vẻ nghiêm mật, nhưng sự thật bên trong người đó lại có sự tranh đua nhân ngã. Ta nghĩ là ta đang tu, đang hướng tới giải thoát, nhưng kỳ thực ta đang làm lớn lên cái nghiệp địa ngục. Tổ có khắt khe quá hay không? Tổ có hai con mắt rất sáng, thấy được tất cả những tim, gan, phèo, phổi của ta, và Tổ nói cho ta biết vậy thôi. Ta không che giấu gì được.

Tỳ khưu Thiện Tinh (Sunaksatra) đấy, thông giải được mười hai thể tài kinh điển.

Mười hai bộ kinh là trường hàng, trùng tụng, cô khởi, nhân duyên, vô vấn tự thuyết, thí dụ, bổn sự, bổn sanh, phương quảng, vị tằng hữu, luận nghị, thọ ký. Thể tài nào tỳ khưu Thiện Tinh nói cũng thao thao bất tuyệt.

Vậy mà vẫn phải rơi vào địa ngục như thường, không còn được ở lại trên trái đất.

Nhân vật này được nhắc tới trong kinh Đại Niết Bàn và kinh Lăng Nghiêm. Thầy Thiện Tinh cũng đang có mặt ở đây. Vì vậy không phải là vấn đề học Phật để trở thành nhà học giả Phật học, không cần phải có bằng tiến sĩ Phật học, cũng đừng nói tới những bằng khác như là

https://thuviensach.vn

tâm lý học hay xã hội học. Hãy bỏ hết tất cả những điều ấy. Tại sao ta đã đi tu rồi lại phải ra đời học những điều ấy?

Hiện bây giờ, các trường đại học bên Mỹ, bên Anh, môn Phật học được dạy theo cách rất khoa học. Họ có những nguồn cung cấp tài liệu mà trong các trường cao cấp Phật học không có. Họ thừa hưởng được khoa bác ngữ học, khảo cổ học, sử học. Và căn cứ vào những kiến thức đó, họ có khả năng nói cho ta biết, kinh Đại Thừa nào xuất hiện vào thời đại nào, ở địa phương nào. Họ đưa ra những bằng cớ khá đích xác.

Nhưng khi có bằng tiến sĩ Phật học rồi, tất cả những giận hờn, ganh tị, tìm cầu, tham đắm của ta vẫn còn y nguyên không khác. Cái học đó, chỉ giúp cho ta thành giáo sư Phật học và đi dạy lại thôi. Thế hệ này truyền tới thế hệ khác những kiến thức khô khan về Phật học mà không ảnh hưởng gì đến sự sống của ta: ta vẫn không có hạnh phúc, không có giải thoát. Ta không biết đi, không biết đứng, không biết nằm, không biết ngồi, không biết ăn, không biết sống đời sống của mình, thì thử hỏi học Phật để làm gì? Đó là tỳ kheo Thiện Tinh. Tỳ kheo Thiện Tinh ở đâu cũng có cả: ở trường Cambrigde, trường Oxford, ở Trung Quốc, ở Việt Nam... Tỳ kheo Thiện Tinh hiện cũng đang có mặt ở đây.

Hơn hết là nên vô sự và chấm dứt mọi tìm cầu.

Mỗi người trong chúng ta nên tự hỏi là ta đang tìm cầu cái gì? Ta muốn làm giáo thọ? Ta muốn làm trụ trì? Ta muốn trở nên một học giả? Ta muốn trở thành Tổ, thành Bụt? Tất cả đều là sự tìm cầu. Ta thử hỏi đám mây trên trời đang tìm cầu cái gì. Mây muốn trở thành cái gì? Ta thử hỏi bông hoa vừa mới nở sáng nay ở ngoài núi: 'Bông hoa muốn trở thành cái gì? Muốn tìm cầu cái gì?' Thì bông hoa sẽ nói cho ta biết. Nếu ta có chút năng lượng của niệm, của định, của tuệ thì ta nghe được câu trả lời của bông hoa.

Hơn hết là nên vô sự. Bỏ hết tất cả mọi mưu toan, mọi dự án, mọi tìm cầu. Buông hết!

https://thuviensach.vn

Đói thì ăn.

Đói mà được ăn là một trong những chuyện rất mầu nhiệm. Quý vị có biết ăn cơm không? Ngồi ăn thế nào để cho ta trở thành một đức Thế Tôn, một vị Bồ-tát, hoàn toàn không tìm cầu nữa dù ăn muesli hay ăn pancake. Ngồi ăn mà thấy hạnh phúc quá chừng! Được ngồi đây, được ăn chén cháo này, và thành Phật trong khi ăn cháo. Tiếp xúc sâu sắc với Tịnh Độ, với Bản Môn, với pháp giới ngay trong khi ăn bát cháo này. Đừng mong ăn cho mau để còn phải đi làm cái này cái kia. Làm cái gì nữa? Phải ăn làm sao cho có hạnh phúc mới được! Đại chúng đã sắp đặt để ta có thể ăn như vậy trong buổi sáng, để ta có thể ăn như vậy trong buổi trưa. Ở đây, chúng ta học đi, học ngồi, học ăn, học thở như thế nào, để cho ta trở thành Bụt, thành Tổ, ngay trong giây phút hiện tại.

Trong Lâm Tế Lục có một đoạn nói về quan thủ phủ họ Vương tới thăm Tổ, và hỏi:

- Ở đây các thầy có tập tụng kinh không?

Tổ nói:

- Không! Ở đây các thầy không có tập tụng kinh.

- Ở đây các thầy có tập ngồi thiền không?

- Không! Ở đây các thầy không có tập ngồi thiền.

Quan mới nói:

- Tu mà không tụng kinh, không ngồi thiền thì làm cái gì?

Tổ nhìn ông cười nói:

- Ở đây chúng tôi chỉ muốn làm Tổ, làm Bụt thôi chứ không muốn làm gì hết.

May quá! Quan thủ phủ họ Vương hiểu liền. Ông nói:

https://thuviensach.vn

- A, may quá! Té ra vàng bột quý như vậy mà rơi vô mắt mình cũng đui như thường.

Tổ gật đầu, khen:

- Vậy mà bấy lâu tôi cứ tưởng ông là một người tầm thường.

Làm Bụt trong khi mình ăn sáng; làm Tổ trong khi mình chải răng. Đó là sự thực tập của chúng ta.

Này các bạn tu, đừng đi tìm cầu gì trong văn tự để cho tâm mình thêm động, trí mình thêm mệt và phổi mình phải hớp vào những luồng khí lạnh, vô ích. Chi bằng thấy được trong một khoảnh khắc rằng các hiện tượng duyên khởi là vô sinh và siêu việt được cả các vị Bồ-tát quyền học trong ba thừa.

Văn tự tức là kinh điển, là kinh luận mà mình tin là có hàm chứa những tư tưởng uyên áo. Người tu ai cũng muốn học kinh, học luận, và tin tưởng rằng trong khi học kinh, học luận, họ có thể tìm được những tư tưởng uyên áo có thể khai mở trí tuệ cho mình. Đoạn văn này nói ngược lại: đừng hòng tìm giải thoát, giác ngộ, hạnh phúc trong văn tự. Lời tuyên bố này không phải là không có duyên cớ. Đó là cái tật của người đương thời. Họ không chịu thực tập, họ không có khả năng an trú trong giây phút hiện tại để tiếp xúc với những mầu nhiệm của sự sống. Họ không có khả năng sống thảnh thơi, giải thoát. Họ nghĩ rằng giải thoát chỉ có thể tìm thấy trong những tư tưởng uyên áo, vì vậy mới có phong trào học Phật. Chỉ học Phật thôi thì không thể nào giải thoát được. Học Phật, ta có thể trở thành nhà Phật học, ta có thể có bằng tiến sĩ Phật học, nhưng ta không có giải thoát, không có an lạc, không có giác ngộ. Đó là tình trạng đã xảy ra trong thời đại của Tổ.

Chúng ta học rất nhiều: học kinh, học luật, học luận. Có nhiều người trở thành giảng sư, giảng giải rất giỏi, rất hay. Nhưng tất cả những cái họ học không giúp họ tháo gỡ được những phiền não, những khổ đau, không giúp họ dừng lại được, và sống thảnh thơi như một vị Bụt, một vị Bồ-tát, hay một người vô sự. Tình trạng đó nhan nhản

https://thuviensach.vn

trong xã hội thời của Tổ. Nhìn lại tình trạng xã hội trong thời đại chúng ta, chúng ta thấy các hiện tượng đó vẫn còn tiếp tục.

Tại các trường đại học lớn Tây phương đều có chương trình học Phật. Chúng ta có thể đậu bằng tiến sĩ Phật học, chúng ta có thể trở thành học giả, nhưng tất cả những tham giận, kiêu căng, lầm lạc, si mê ở trong ta vẫn còn y nguyên một khối. Ta có khuynh hướng cho rằng có bằng cấp thì ta có một vị thế nói người ta mới nghe, và có bằng cấp thì mới được làm những vai trò quan trọng. Vì vậy sinh ra một cuộc chạy đua để đạt tới một địa vị, danh vọng. Mà chính trong thời đại của chúng ta, cái tệ lậu đó cũng giống y hệt thời đại của Tổ Lâm Tế. Tổ Lâm Tế đang ngồi đó, và ngài đang nói thẳng với chúng ta, chứ không phải ngài chỉ nói với những người đương thời mà thôi. Chúng ta đang tiếp tục lầm lạc như những người đương thời của Tổ. Tuy la rầy, nhưng ngài nói một cách rất dễ thương.

Này các bạn tu, đừng đi tìm cầu gì trong văn tự để cho tâm mình thêm động.

Tâm mình vốn đã động rồi, còn thêm động vì tìm cầu.

Trí mình thêm mệt.

Trí mình đã mệt rồi, học kinh mệt thêm nữa.

Và phối mình phải hớp vào những luồng khí lạnh, vô ích. Chi bằng thấy được trong một khoảnh khắc rằng các hiện tượng duyên khởi là vô sinh và siêu việt được cả các vị Bồ-tát quyền học trong ba thừa.

Tổ khuyên chúng ta hãy nhìn sâu vào sự vật và vào thực tại trong ta và chung quanh ta, để thấy rằng tất cả đều do những nhân duyên hòa hợp làm hiện khởi. Nếu nhìn kỹ, chúng ta sẽ thấy tính vô sinh của tất cả các pháp, trong đó có bản thân ta.

Vô sinh có nghĩa là không phải từ không mà trở thành có, và cũng không thể từ có mà trở thành không. Vô sinh tức là bất diệt. Chữ vô sinh là đại diện cho tám cái không: không sinh, không diệt, không có, không không, không đến, không đi, không một, không nhiều. Cũng

https://thuviensach.vn

như khi nói về con mắt, con mắt là đại diện cho tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Mỗi khi nghe chữ vô sinh, ta biết rằng vô sinh tức là bất diệt, vô khứ, vô lai, phi hữu, phi vô, phi nhất, phi dị. Một cái đại diện cho tám cái. Chứng quả vô sinh tức là chứng quả bất diệt, chứng quả vô lai vô khứ. Đức Thế Tôn có nói là người nào thấy được tự tánh duyên khởi là người đó thấy được Bụt, thấy được tự tánh duyên khởi là thấy được tự tánh vô sinh. Như vậy, chúng ta đâu cần phải học kinh từ năm này sang năm khác, tháng này sang tháng khác, vấn đề là phải quán chiếu.

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta phải có niệm, chúng ta phải có định. Với năng lượng của niệm và định, chúng ta nhìn vào đám mây, hạt sỏi, bông hoa, hay em bé, chúng ta thấy được tính duyên sinh, duyên khởi của tất cả các pháp. Nhìn sâu hơn, chúng ta sẽ thấy được tính vô sinh của chúng. Nếu thấy được như vậy tức là thấy được Bụt nơi đám mây, nơi hạt sỏi, nơi bông hoa, nơi em bé, và ở nơi chính mình. Có cái thấy như vậy rồi, ta không cần phải trải qua những mười giai đoạn tu tập, gọi là mười địa (từ sơ địa cho đến thập địa). 'Mười địa đi lên không khó khăn'. Tổ nói rằng những vị Bồ-tát đi qua mười địa là những vị quyền thừa, những vị quyền học. Tại sao phải cần đi qua mười địa? Ngài còn nói những vị Bồ-tát đi qua mười địa chẳng qua chỉ là những người làm thuê, làm mướn chứ không phải là con nhà giàu. Tổ muốn nhắc cho mình nhớ đến câu chuyện Người Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa.

Tổ Lâm Tế là người đầu tiên dám nói các vị Bồ-tát đi qua mười địa đều là người làm công. Còn làm công là còn mặc cảm. Còn biết mình là con Bụt, mình là Bụt, thì tại sao phải đi qua mười địa ấy? Tại sao không làm Bụt liền trong giây phút hiện tại? Đó mới đích thực là Đốn giáo. Đốn giáo tức là giáo lý viên đốn, thành tựu ngay trong hiện tại mà không cần phải trải qua thời gian. Nếu thật sự có tu tập thì điều này chúng ta có thể làm được. Muốn làm Bụt, ta có thể làm Bụt ngay bây giờ, tại sao phải trải qua vô lượng kiếp mới có thể thành Bụt? Cũng như đợt sóng muốn làm nước, nó làm nước liền lập tức, tại sao phải trải qua mười kiếp sóng thì mới thành nước được? Vô lý lắm!

https://thuviensach.vn

Nếu ta đi tất tả, ta đi với sự lo lắng, chưa dừng lại được, thì ta là chúng sanh. Nếu ta dừng lại được, ta đi được những bước chân thanh thản, an lạc, giải thoát, đó chính là Bụt đang đi. Ta không có mặc cảm gì cả. Nói rằng ta không có khả năng đi như Bụt là không đúng. Ta có khả năng bước những bước trong chánh niệm, tại vì chúng ta đều có hạt giống chánh niệm, chánh định. Chỉ cần chạm vào hạt giống chánh niệm, chánh định thì tức khắc năng lượng niệm, định phát hiện ra, và chúng ta có thể đi như một vị Bụt, đi như con sư tử. Đi như một vị Bụt là chuyện mà chúng ta có thể làm được ngày hôm nay.

Tháng ba năm ngoái (năm 2002), tôi có qua Đại Hàn. Đại Hàn là một nước giàu có, sung túc. Khi tới Đại Hàn, hàng trăm ký giả chĩa những chiếc máy chụp hình tối tân vào tôi. Họ đổ xô lại, vây quanh. Đi trong hoàn cảnh như vậy rất khó. Phía sau mình có cả ngàn người, phía trước mình thì thiên hạ đổ xô, nếu không quen, nếu không thực tập vững thì mình không đi được. Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, tôi nghĩ: 'Tại sao mình phải đi? Tại sao mình không để cho Bụt đi?' Chỉ trong một chớp nhoáng, tôi trở thành Bụt, và tôi đã đi một cách thản nhiên, rất tự tại, không ngán gì cả. Lúc đó, bước tới đâu thì rừng người rẽ ra tới đó để Bụt đi. Tôi nói: 'Đó là Bụt đang đi chứ không phải là chúng sanh đang đi.' Chúng ta có thể làm được như Bụt. Ta muốn thì ta thành Bụt ngay trong tích tắc: có thảnh thơi, có an lạc liền. Tại sao ta cứ tiếp tục tất tả, lo lắng? Sự thực tập của ta là Đã Về Đã Tới. Thật sự, ta đã về đã tới rồi. Nếu ta không tận hưởng sự Đã Về Đã Tới thì uổng biết bao nhiêu. Ta đâu có gì cần phải làm. Ta đâu có gì cần phải tu. Ta có thể thành Bụt trong chốc lát, rất mau. Mỗi bước chân của ta đặt trên mặt đất là thể hiện thần thông. Nó đem tới sự vững chãi, thảnh thơi, và an lạc cho ta, tại sao ta không hưởng thọ mà phải lao tác mệt nhọc? Ta đâu cần phải nỗ lực tu trì. Có chánh niệm phát khởi thì tự nhiên chúng sanh trở thành Bụt liền, không khó.

Đây là điều Tổ căn dặn: Chúng ta có thể làm được như Bụt nếu chúng ta có niệm, có định. Nhìn vào thực tại, chúng ta có thể thấy được tất cả đều là những biểu hiện do nhân duyên tới với nhau mà thành. Nhìn sâu thêm một chút nữa, chúng ta thấy rằng tất cả đều là vô sanh. Bản thân của chúng ta cũng là vô sanh bất diệt. Tại sao chúng ta

https://thuviensach.vn

phải lo lắng? Tại sao chúng ta phải đi tìm giải thoát? Ta đang là vô sanh bất diệt rồi, tại sao ta phải sợ? Sợ cái gì? Đám mây kia biết mình là vô sanh bất diệt, nên nó hạnh phúc vô cùng. Là đám mây bay trên trời, nó cũng vui; đến khi trở thành nước rơi trên ruộng đồng, nó cũng vui. Tại vì nó thấy được tính vô sinh bất diệt của nó. Đó là công việc của người tu: thấy cho được tính vô sinh bất diệt của mình để không còn sợ hãi, không còn lo lắng, không còn chạy tìm. Trong ba cánh cửa giải thoát, có cánh cửa gọi là vô nguyện (apranihita). Vô nguyện là không còn tìm cầu một điều gì. Chúng ta tìm cầu cái gì? Chúng ta tìm cầu chức vụ giám hiệu, hay viện trưởng, hay hòa thượng? Chúng ta có cần được tấn phong lên chức hòa thượng không thì mới có hạnh phúc? Hạnh phúc của chúng ta có thể có được trong giây phút hiện tại. Cũng như đợt sóng không cần tìm cầu nước, tại vì nó là nước trong giây phút hiện tại rồi.

Chi bằng thấy được trong một khoảnh khắc rằng các hiện tượng duyên khởi là vô sinh.

Người nào thấy được tính duyên khởi là người đó thấy được Bụt. Bụt không phải là một thực tại ngoài ta, Bụt là bản chất của chính ta. Đó không phải là chuyện cần học hỏi từ năm này sang năm khác, chỉ cần nhìn cho kỹ, quán chiếu cho sâu hơn. Câu nói này của Tổ mang đến cho chúng ta rất nhiều hy vọng, một đức tự tin lớn: Người suốt đời không tu học, đến giờ hấp hối trên giường bệnh, chỉ còn một giờ nữa là đi, thì người đó vẫn còn cơ hội. Trong một giờ đồng hồ, mình vẫn có thể quán chiếu và có thể thấy được tự tánh duyên khởi là vô sinh, rồi mình ra đi trong sự giác ngộ đó, trong cái thấy đó. Không cần trải qua mười địa, không cần trải qua mười năm Phật học. Đạt tới vô sinh thì khi chết, chết rất bình an, chết với nụ cười. Đây là tiếng nói của lạc quan, hy vọng và hạnh phúc.

Duyên sinh là dịch từ chữ Pratyaya Jāta. Nhưng có chữ hay hơn nữa, đó là chữ khởi và chữ biểu. Khởi là khởi sự, là dấy lên, là bắt đầu có mặt. Duyên sinh cũng là duyên khởi. Sinh khởi tức là từ không có mà trở thành có. Nhưng chúng ta nên dùng chữ 'biểu' hơn là chữ 'khởi'. Biểu (vijnāpti) là biểu hiện. Chữ duyên biểu hay hơn chữ duyên khởi,

https://thuviensach.vn

hay duyên sinh. Duyên biểu nghĩa là khi các điều kiện tập hợp với nhau đầy đủ thì có sự biểu hiện, chứ không phải sinh ra. Biểu hiện (manifestation) tức là từ cái thể ẩn tàng trở thành lộ ra. Nó đã có mặt từ lâu rồi, nhưng ta chưa nhận thức ra đó thôi. Ví dụ, nhìn đám mây, ta chưa thấy mưa, nhưng mưa đã có sẵn ở trong mây rồi. Chỉ cần điều kiện khí lạnh đi tới thì mưa bắt đầu biểu hiện, mưa không phải là từ không mà trở thành có. Nếu dịch ra tiếng Phạn, ta có thể dịch là Pratyaya vijnāpti. Chữ sinh hàm ý từ không mà trở thành có, chữ biểu là từ hình thái này biểu hiện ra hình thái khác. Chỉ có sự biểu hiện chứ không có sự tạo sinh, như câu thơ trong Trường Ca Avril: 'Em không phải tạo sinh mà chỉ là biểu hiện'. You are not a creation, you are a manifestation. Có khi nó chưa biểu hiện, nhưng không phải là nó không có. Những cái chưa biểu hiện, ta gọi là vô biểu (avijnāpti). Ví dụ như trong bàn tay có khả năng viết bút pháp (calligraphy), nhưng ta không thấy. Chỉ khi nào có tờ giấy, có bút lông, có bàn tay cầm bút chấm vô mực, thì bắt đầu có sự biểu hiện của thư pháp. Bàn tay này có khả năng viết, nhưng tại vì những điều kiện chưa đầy đủ để nó biểu hiện nên ta chưa thấy, ta không thể nói là không có.

Người Cơ Đốc giáo nói rằng Chúa sinh ra ở máng lừa. Đó là sinh ra hay là biểu hiện? Trước khi Chúa sinh ra ở máng lừa, Chúa đã có chưa? Cố nhiên, người Cơ Đốc giáo sẽ nói: 'Chúa Giê-su là con của Thượng Đế thì đã có sẵn trước khi sanh rồi.' Nếu vậy thì đó là hình thái Chúa biểu hiện chứ không phải là Chúa mới được sinh ra. Họ phải công nhận sự thật đó. Họ không thể nói trước khi sinh ra ở máng lừa thì Chúa Ky Tô không có. Nếu Chúa biểu hiện dưới hình thức một đứa bé ở trong máng lừa, thì Chúa cũng có thể biểu hiện dưới những hình thức khác.

Có một loại năng lượng, gọi là giới thân. Khi giới tử vừa mới thọ giới xong thì tự nhiên có giới thân sinh ra trong mình. Ta mới thọ xong năm giới, hay mười giới, hay giới lớn, thì trong người ta có một năng lượng rất hùng hậu. Đó là một thứ năng lượng vô biểu, một loại vô biểu sắc. Năng lượng đó được toát ra qua cách biểu lộ niềm hạnh phúc. Khi những người trẻ quỳ xuống để tôi cắt tóc và tiếp nhận mười giới, tự nhiên, khuôn mặt của họ sáng lên, đẹp ra, như có nguồn năng

https://thuviensach.vn

lượng mới. Tất cả chúng ta, ai cũng đã chứng kiến điều ấy. Vừa xong lễ xuất gia, những người mới xuất gia ấy đã biến thành người khác, là nhờ cái vô biểu sắc ở trong con người của họ, căn cứ trên giới pháp mà biểu lộ ra. Gọi là vô biểu sắc, vì khi người đó ngủ mình không trông thấy (không có nghĩa là nó không có). Người ấy thức dậy thì năng lượng của giới biểu hiện ra trong sự đi, đứng, nằm, ngồi, ánh mắt, nụ cười, trong cách hành xử. Nguồn năng lượng ấy nuôi dưỡng người đó trên đường tu tập.

Công phu tu tập của chúng ta là sống đời sống hằng ngày như thế nào để có niệm và có định, để có thể thấy được tất cả các hiện tượng trong ta và chung quanh ta đều là những biểu hiện căn cứ trên duyên khởi. Thấy được như vậy thì tiếp xúc được tính duyên sinh, không còn sợ hãi sinh, tử, tới, đi, còn và mất nữa. Giác ngộ trở thành ra cái mình sống trong từng giây phút của đời sống hằng ngày. Như vậy, chúng ta không phải đi qua những giai đoạn của các vị Bồ-tát quyền học. Quyền tức là phương tiện.

Hôm qua ngồi đọc lại, tôi thấy Lâm Tế Lục như một bản nhạc. Đọc tới đâu, y như ta nghe nhạc tới đó, rất hay, rất vui, rất dễ, không có gì là khó khăn.

Các vị đại đức, đừng chần chừ cho qua ngày tháng.

Tổ nói với ai vậy? Ai động lòng khi nghe câu: đừng chần chừ cho qua ngày tháng?

Ngày xưa, khi chưa thấy đạo, còn đang ở trong vùng mờ mịt đen tối, tôi đã không lúc nào dám làm biếng, bầu máu nóng trong người luôn luôn thúc đẩy tôi bôn ba đi tham cầu học đạo.

Đó là năng lượng của tuổi trẻ. Tổ cũng đi qua những giai đoạn mình đang đi qua. Tổ không làm biếng.

Sau đó nhờ đạt được trí lực, bây giờ mới có dịp ngồi đây nói chuyện với quý vị.

https://thuviensach.vn

Năng lượng ấy đạt được nhờ sự quán chiếu (trí lực), chứ không phải nhờ học hỏi ở trong văn tự. Sở dĩ làm được như vậy, cũng một phần là gặp gỡ được các bậc thiện tri thức (Tổ Hoàng Bá và Tổ Đại Ngu).

Tôi khuyên quý vị là đừng vì chuyện cơm áo và danh lợi mà để thì giờ đi qua.

Cơm áo tức là những tiện nghi về vật chất: một ngôi chánh điện, một ngôi tăng xá, thêm một cây đèn Dược Sư, một chiếc xe hơi. Rất uổng! Chúng ta đi tu không phải để làm chùa, để lập hội, để tổ chức. Mà đi tu là để có hạnh phúc, để có thảnh thơi, để thành Phật.

Gặp được thiện tri thức là một điều hy hữu.

Thiện tri thức là bậc thầy. Bậc thầy đích thực là bậc thầy có thảnh thơi. Đời ta mà được gặp thiện tri thức là ta có phước đức lớn. Mặc dù thiện tri thức đó có thể nhỏ tuổi hơn ta, có thể là sư em của ta. Hy hữu là ít có.

Cũng giống như gặp hoa ưu đàm đang độ nở, lâu lắm mới có một lần.

Ưu đàm, tên khoa học là Ficusglomerata - thuộc về gia đình cây sung - thường cái hoa nằm ở trong trái, ít khi nó nở bung ra. Khi gặp được thiện tri thức, ta phải biết lợi dụng cơ hội ấy, tại vì vị đó có tuệ giác, ta phải nương vào vị đó để cùng có tuệ giác, có thảnh thơi, có vô ưu. Ta không cần những kiếm chác những tình cảm vụn vặt từ người ấy. Ta không cần vị đó tỏ một vài lời khen ngợi; ta không đòi uống trà với vị đó mỗi ngày một lần; ta không cần được đối xử đặc biệt (special treatment), dù ta là đệ tử ruột hay là bạn thân của người ấy cũng vậy. Chỉ cần nhìn vị thiện tri thức ấy hành xử như thế nào trong những trường hợp khác nhau, thì chúng ta học được những tuệ giác khác nhau. Không hẳn là suốt ngày phải ngồi kè kè bên vị đó, bắt vị đó để ý tới ta.

Ngày xưa có một thầy rất mê Bụt. Bụt nói pháp thoại, thầy cứ ngồi đó ngắm Bụt mà không để tâm nghe giảng. Bụt đi đâu thầy cũng muốn đi theo. Thầy có sự vướng mắc (attachment) với Bụt ở trong lòng. Thầy tên là Vakkali. Nhưng Bụt rất tinh ý. Bụt biết là thầy Vakkali bị

https://thuviensach.vn

vướng mắc vào mình, nên Bụt không cho ông làm thị giả nữa, đi đâu Bụt cũng không cho đi theo. Thầy Vakkali thất tình, thầy leo lên núi dự tính nhảy xuống tự tử. Bụt biết và cứu được thầy, và chữa lành được bệnh vướng mắc của thầy. Rốt cuộc, thầy cũng tu hành thành công, dù đã bắt đầu bằng sự vướng mắc vào vị thiện tri thức. Chúng ta cũng vậy. Khi có một vị thiện tri thức, chúng ta phải biết thừa hưởng sự có mặt của người đó, đừng đi tìm những tiện nghi tình cảm, những sự mơn trớn, vỗ về mà uổng. Vị thiện tri thức đó có thể nhỏ tuổi hơn ta, có thể là sư em của ta, cũng có thể là một vị cư sĩ. Ta phải rất cẩn thận, gặp được một vị thiện tri thức trong đời là một hạnh phúc lớn.

Có những vị từ khắp nơi về đây nghe nói có lão già Lâm Tế, liền tìm tới định vấn nạn thử giăng bẫy để lừa tôi nói ra những lời ngôn giáo, nhưng các vị ấy đã hoàn toàn thất bại.

Nghe tiếng Tổ Lâm Tế là người cừ khôi, có rất nhiều người tới để đọ sức. Họ cố lừa để Tổ tuyên bố một câu nào đó về chân lý, để trích dẫn là Tổ Lâm Tế đã nói câu này, Tổ Lâm Tế đã nói điều kia. Nhưng Tổ không bao giờ bị lọt vào những cái bẫy đó. Tổ không tuyên bố một điều gì cả. I have nothing to declare. Tổ là một ông già gân!

Và khi lão tăng này đã đưa toàn thân ra để phơi bày công dụng

Tức là có một cuộc thiền chiến (zen battle) giữa Tổ Lâm Tế với những người tự xưng là thiền sư. Tổ vận dụng hết sức của mình để đối phó với những trường hợp ấy.

Thì quý vị ấy ngồi đó, hai mắt tráo trưng, miệng câm như hến, hoang mang đến nỗi không biết trả lời tôi ra sao.

Ngài chỉ cần hỏi một vài câu là họ bế tắc. Trước đó, họ tự hào tự phụ cho rằng là mình thông hiểu giáo lý, thông hiểu thiền, mình nắm hết tất cả giáo lý của ba thừa, năm tánh. Nhưng đến khi gặp Tổ thì hai mắt của họ tráo trưng, miệng câm như hến, hoang mang đến nỗi Tổ chỉ hỏi một câu thì chịu thua. Thực ra, Tổ không hề hỏi tới một câu

https://thuviensach.vn

giáo lý. Những câu Tổ hỏi như: 'Anh ăn cơm chưa?' thì chịu, không làm sao trả lời được.

Tôi xin nói cho quý vị biết: với sức dẫm đạp của rồng voi thì lừa ngựa không thể nào chịu nổi.

Đối với những người có kiến thức Phật học, chỉ có thể làm ăn ở ngoài đời, chứ đem đọ sức với các thiền sư thứ thiệt, những người có đạo lực, có giải thoát, có giác ngộ, có hùng lực, thì làm sao mà đối trị được.

Các vị ấy (mang danh là đại thiền sư) đã đi khắp nơi, đã trỏ ngực vỗ sườn, nói rằng mình hiểu thiền hiểu đạo. Nhưng các vị ấy đã không thể không tới đây.

Không thể không tới được, tại vì đã lỡ nghe tiếng ông già gân!

Có khi đi thành hai người, có khi đi ba người một lúc, nhưng rốt cuộc tới đây họ cũng chẳng phô trương được một cái gì. Úi chà! Các vị ấy cứ khiêng cái thân và cái tâm ấy của quý vị đi khắp nơi để khua tung hai mảnh da môi, lừa gạt dân trong xóm.

Thiền sư đi làm ăn mà, chỉ có hai mảnh da môi, ngoài ra không có gì hết (lips service!) Úi chà! Các vị ấy cứ khiêng cái thân và cái tâm ấy của quý vị đi khắp nơi. Phải khiêng đi, tại vì cái thân tâm ấy của họ đâu có đi nhẹ nhàng như thân tâm của người giải thoát.

Coi chừng có ngày sẽ bị ăn thiết bổng.

Tề thiên đại thánh có cây thiết bổng (gậy sắt). Mỗi lần Tề thiên phang cho một cái là không còn gì.

Bọn họ không phải là thật người xuất gia đâu, kỳ thực họ đang bị lùa về cảnh giới A-tu-la.

Loài A-tu-la rất ưa tranh đấu, ưa chiến thắng, ưa chứng tỏ rằng: Ta đây là number one, các người không thể nào đối địch với ta. Đó là tâm trạng của A-tu-la, là sẵn sàng đánh nhau. Ta có võ khí tinh vi nhất trên thế giới, ta có quân lực mạnh hơn hết trên thế giới. Ta là đệ

https://thuviensach.vn

nhất, hễ ai nói trái ý ta là không được. A-tu-la có mặt trong giây phút hiện tại, tâm trạng A-tu-la là tâm trạng của nhiều người ngay trong giây phút hiện tại.

Chỗ chí lý (ultimate aim) của đạo không phải là dùng lý luận để đề cao giáo lý của mình và để chinh phục người đạo khác.

'Đạo tôi hay nhất! Đạo tôi là con đường duy nhất để đi tới sự cứu rỗi, giải thoát.' Suốt đời chúng ta đi làm công việc bênh vực một chủ thuyết, một truyền thống. Chúng ta không có thì giờ để sống giải thoát, an lạc và thảnh thơi. Khi chúng ta có một buổi tập hợp, một hội nghị để đối thoại giữa các tôn giáo với nhau, thì ai cũng đều mang theo tâm trạng của A-tu-la. Tuy là nói tập hợp để giao lưu tôn giáo, giao lưu văn hóa và đối thoại, kỳ thực, ai cũng mang tâm niệm muốn chiến thắng, muốn người khác theo đạo mình, bằng cách nêu ra cho mọi người thấy thần học của mình là đệ nhất, giáo lý của mình là tuyệt đối, không có con đường nào hay bằng con đường của mình, không có tôn giáo nào hay bằng tôn giáo của mình... Đó là tâm trạng A-tu-la. Điều ấy không phải chỉ có trong các tôn giáo khác mà có mặt ngay trong Phật giáo. Chỉ muốn làm nhà truyền đạo chứ không muốn làm hành giả (practitioner); chỉ muốn nói chứ không muốn làm. Đó là tâm trạng của rất nhiều người. 'Sẵn sàng đi rao giảng giáo lý của mình, chứ không sẵn sàng sống với giáo lý của mình.' Tổ rầy la ai vậy? Tổ đang rầy la chúng ta đó!

Chư Bụt và chư Tổ nối tiếp nhau cũng (đi theo tinh thần này và) không có chủ đích nào khác. Nếu các ngài có thiết lập ngôn giáo thì những ngôn giáo này cũng chỉ nằm trong những mô thức giáo hóa đưa người vào các phạm trù ba thừa, năm tánh và quả báo trời người.

Ba thừa là Thanh văn thừa, Duyên Giác thừa và Phật thừa. Năm tánh là Bồ-tát định tánh, Độc Giác định tánh, Thanh văn định tánh, Tam thừa bất định tánh và Vô tánh hữu tình.

Đó cũng chỉ là phương tiện, không phải là cứu cánh. Cứu cánh không nằm trong giáo lý, cứu cánh không nằm trong lý thuyết. Cứu cánh tức

https://thuviensach.vn

là sống bằng trí tuệ của mình, sống bằng tình thương của mình, sống với hạnh phúc của mình, ngay trong giây phút hiện tại.

Giáo pháp viên đốn thì không như thế.

Viên là tròn, đốn là lập tức. 'Giáo pháp viên đốn', bốn chữ này cho biết rằng sự thực tập của Tổ là hoàn toàn 'đốn', không cần đi ngang qua những giai đoạn của ba thừa, mười địa. Viên là trong trường hợp nào cũng áp dụng được. Đốn là lập tức bây giờ và ở đây. Nếu có Niết Bàn, thì Niết Bàn có thể được tiếp xúc ngay bây giờ và ở đây. Nếu có Tịnh Độ, thì Tịnh Độ có ngay bây giờ và ở đây. Nếu có giác ngộ, thì giác ngộ có ngay bây giờ và ở đây. Không đợi giây phút nào cả, mau hơn là mì gói ăn liền, cũng như Long nữ thành Phật, mau lắm.

Đồng tử Thiện Tài thật ra chưa từng đi qua một cuộc tham vấn tìm cầu nào cả.

Trong kinh Hoa Nghiêm có chuyện chú bé Sudana đi tham vấn với năm mươi ba vị thiện tri thức. Sudana (Thiện Tài đồng tử) là chú điệu (baby monk) của Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi. Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi nói: 'Con đi tham học với những vị thiện tri thức trên thế giới đi.' Thế là chú bé Thiện Tài bắt đầu đi. Chú đã đi tham vấn với năm mươi ba vị thiện tri thức, trong đó có những người ngoại đạo, có những đứa trẻ. Tổ cho rằng câu chuyện Sudana đi tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức không phải là một sự thật lịch sử, nó chỉ là những dữ kiện xảy ra trong tâm mình. Khi đã đọc qua những giai đoạn tham vấn của Thiện Tài đồng tử đối với các vị thiện tri thức, chúng ta thấy rằng không cần phải đi qua các vị ấy vẫn có thể đạt tới cái thấy viên đốn của Đại thừa. Đối với giáo pháp viên đốn thì không cần đi qua những giai đoạn, thành ra năm mươi ba cuộc tham đó, chỉ xảy ra trong tâm, và xảy ra rất mau. Vì vậy cho nên Tổ mới nói Thiện Tài đồng tử thật ra chưa từng đi qua một cuộc tham vấn tìm cầu nào cả là vậy.

Các vị đại đức! Đừng sử dụng tâm ý một cách lầm lạc.

Tâm ý của chúng ta là phương tiện rất nhiệm mầu. Sử dụng tâm ý để tiếp xúc với những mầu nhiệm của sự sống trong giây phút hiện tại,

https://thuviensach.vn

để có an lạc, giải thoát, giác ngộ ngay trong giây phút này. Đó là sử dụng đúng. Còn sử dụng tâm ý để đi tìm cầu, để chất chứa thêm kiến thức, để so sánh, để thuyết phục..., sử dụng tâm ý như vậy là sai lầm.

Biển lớn không bao giờ chấp nhận tử thi.

Đây là một câu nói của đức Thế Tôn. Người nào không giữ giới, tự nhiên người đó không thể nào ở trong chúng được. Cũng như ta liệng một thây người xuống biển, sóng thế nào cũng đẩy cái thây người đó lên bờ. Nếu ta là một cái xác chết (tử thi), thì ta không thể nào ở trong thế giới của Hoa nghiêm, Tam bảo, của giác ngộ, giải thoát được. Hãy tự hỏi: 'Mình là một cái xác chết hay một sinh vật linh động?'

Mang gánh nặng của tâm lý tìm cầu mà rong ruổi khắp nơi trong thiên hạ, điều này chỉ gây thêm chướng ngại cho cái thấy của chính tâm mình.

Đây là tình trạng của rất nhiều người. Giáo lý của Tổ là không tìm cầu một điều gì; tất cả những cái chúng ta đi tìm cầu, chúng ta đã có sẵn rồi.

Nếu mặt trời không bị mây che thì khắp nơi bầu trời được chiếu sáng.

Chỉ cần mây tan thì mặt trời ló dạng. Chúng ta không cần phải đi tìm mặt trời, tại vì mặt trời đã có sẵn.

Mắt không bị dụi thì sẽ không có hoa đốm trong hư không.

Sở dĩ ta thấy hoa đốm trong hư không là vì ta cứ tiếp tục dụi vào con mắt.

Này các bạn tu! Nếu các bạn muốn sống theo tinh thần của Pháp thì chỉ cần chấm dứt nghi ngờ.

Nghi ngờ cái gì? Nghi ngờ là ta không có một chút giá trị, ta chỉ là một con số không. Không biết ta có thể giác ngộ được không? Giải thoát được không? Hạnh phúc được không? Hay ta mãi mãi sẽ là con ma đói. Người ta nói ta có Phật tánh, có thể thành Phật trong giây lát,

https://thuviensach.vn

ta có thể tin được điều ấy không? Không biết Bụt có đoái tưởng tới ta không? Có thương ta không? Chúng ta có rất nhiều sự nghi ngờ.

Triển khai ra thì ôm lấy cả pháp giới, thu vén lại thì tơ tóc cũng không dung, một mình sáng rỡ, chưa từng thiếu thốn. Cái mà tai không nghe, mắt không thấy, ta gọi nó là cái gì? Người xưa nói: Nói nó là một vật thì cũng không đúng. Quý vị hãy tự mình quán chiếu xem có cái gì khác hơn không? Nói mãi cũng không cùng, mỗi người phải tự nỗ lực. Xin chào quý vị!

Chữ 'trân trọng' có nghĩa là xin giữ gìn cho cẩn thận, tiếng Anh là take good care of yourself. Take good care of yourself trở thành ra goodbye. Do đó chữ 'trân trọng' trở thành ra Xin chào quý vị! Goodbye! Câu cuối này có dáng dấp của một công án. Kỳ thực không phải như vậy. Câu nói sau cùng này không biết có phải là do Tổ nói hay người ta thêm vô sau. Nhưng dù có thêm vô cũng không sao. Nếu đọc kỹ thì câu này ta cũng thấy có bản chất của Niết Bàn: Triển khai ra thì ôm lấy cả pháp giới, thu vén lại thì tơ tóc cũng không dung. Tức là đến khi nó lớn thì nó vô cùng lớn; đến khi nó nhỏ thì nó vô cùng nhỏ.

Cái mà tai không nghe, mắt không thấy, ta gọi nó là cái gì? Trong kinh Như Thật Ngữ, đức Thế Tôn giảng về Niết Bàn. Niết Bàn là cái ta không thể nói được, không thể diễn tả được, tại vì Niết Bàn là sự vắng mặt của tất cả những ngôn từ, những ý niệm về sinh, diệt, tới, đi, có, không, còn, mất. Đức Thế Tôn nói rằng: 'Có một cái không sinh, không diệt, không tới, không đi, không có, không không, không còn, không mất. Nếu không có cái ấy thì sanh, diệt, tới, đi, có, không, còn, mất, không có chỗ để trở về. Cái ấy gọi là Niết Bàn.' Ta không cần phải đi tìm cầu Niết Bàn. Niết Bàn có mặt ngay trong giây phút hiện tại.

Lâm Tế Lục cũng nói giống như vậy. Khi tiếp xúc được bản chất của mình - vì nền tảng hiện hữu của mình là Niết Bàn - thì mình vượt thoát được có, không, còn, mất, tới, đi, sinh và diệt. Và điều ấy đem lại hạnh phúc rất lớn cho mọi người, tại vì nó lấy ra tất cả mọi ưu tư,

https://thuviensach.vn

lo lắng, sợ hãi của con người. Mỗi phút trong đời sống hằng ngày trở thành một niềm vui lớn. Chúng ta không còn đi tìm kiếm một điều gì nữa. Tất cả những điều chúng ta muốn tìm đã có mặt. Cái đó tiếng Anh dịch là This is it! This is it! Tiếng Huế dịch là Hắn tề! tiếng Nam dịch là Nó kìa! Tiếng Bắc dịch là Nó đấy!

Đi tìm gì nữa? Nó kìa! Hắn tề! Nó đấy! Đó là điều Tổ dặn chúng ta phải nhận diện cho ra, chứ không phải đi tìm. Nếu quý vị không có hạnh phúc trong giờ phút hiện tại là tại vì quý vị đó mà thôi.

https://thuviensach.vn

Đối Trị Căn Cơ

Đối trị căn cơ tức là tùy theo trường hợp, tâm lý và hoàn cảnh đặc biệt của người thiền sinh mà đưa ra những biện pháp để giúp người đó tháo gỡ những bế tắc của họ cũng giống như một vị y sĩ. Khi người bệnh tới, vị y sĩ phải biết rõ tình trạng của người bệnh rồi đưa ra những phương dược để trị cho người đó, đó là đối trị căn cơ. Mỗi người có một căn cơ khác nhau: người thì chậm, kẻ thì mau, người thì bị kẹt nhiều, kẻ thì bị kẹt ít. Người có bản tính chậm không có nghĩa là người đó khó, đôi khi họ chậm nhưng họ lại tới trước những người đi mau. Đối với những người chậm, ta có phương pháp giúp cho những người chậm; đối với người những mau, ta có phương pháp giúp cho những người mau; đối với những người có sầu khổ nhiều, ta có những phương pháp khác; đối với những người ham chơi, ta còn có phương pháp khác nữa. Chúng ta phải thấy được căn và cơ của người đó. Căn cơ của một người tức là trường hợp của người đó, tình trạng sức khỏe của người đó, hoàn cảnh của người đó và tình trạng tâm lý (mentality) của người đó nữa.

Quan Phủ Thường Thị họ Vương cùng với các quan thỉnh thiền sư lên pháp tọa. Thiền sư bước lên nói: 'Hôm nay vì việc bất đắc dĩ thuận theo nhân tình cho nên tôi mới lên ngồi trên pháp tòa này. Nếu nói đến chuyện chính thức đề xướng việc lớn của truyền thống tổ tông Thiền, tôi sẽ không thể mở miệng ra được và quý vị cũng sẽ không biết đặt chân vào đâu. Nhưng hôm nay vì quan Thường Thị cứ thỉnh cầu mãi thì làm sao tôi còn có thể dấu kín được tông chỉ cương yếu của Thiền? Vậy thì có vị chiến tướng nào muốn phất cờ mở trận thì hãy xin ra đối diện với đại chúng đây để nêu ra vài chứng cứ xem sao?

Có một vị xuất gia bước ra hỏi :

- Đại ý của Phật pháp là gì?

Thiền sư hét.

Vị xuất gia kia lạy.

https://thuviensach.vn

Thiền sư nói:

- Ông thầy này có thể nói chuyện được đấy.

Quan Phủ Thường Thị họ Vương cùng với các quan thỉnh thiền sư lên pháp tọa. Thời gian này có một nhà chính trị - quan phủ họ Vương - ông rất hâm mộ và thường lui tới với những nhà chức trách khác để cùng học đạo với thiền sư Lâm Tế. Chữ Thường Thị có nghĩa là cố vấn bình thường (ordinary adviser to the King). Ông là quan phủ nhưng cũng có thể làm tai mắt cho vua, cố vấn cho vua về tình trạng địa phương của ông.

Quan Phủ Thường Thị họ Vương cùng với các quan thỉnh thiền sư lên pháp tọa. Thiền sư bước lên nói: Hôm nay vì việc bất đắc dĩ thuận theo nhân tình cho nên tôi mới lên ngồi trên pháp tòa này.

Nghĩa là tôi không muốn lên trên này ngồi đóng vai thiền sư, tôi không thích như vậy. Vì thuận theo nhân tình, tại vì người ta đòi như vậy, cho nên tôi phải làm như vậy. Tại sao ta là thầy tu mà ta không muốn thuyết pháp? Có lẽ vì sự trông chờ, đòi hỏi của người ta mà ta biết là ta không thể thỏa mãn họ được. Không phải vì ta không có khả năng, không có kiến thức, nhưng những cái họ đòi ta không cung cấp được. Thí dụ như họ đòi hỏi kiến thức Phật pháp, mà ta thì đã chán ngấy kiến thức Phật pháp rồi. Ta biết rằng, họ có học thêm bao nhiêu đi nữa thì những tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến của họ cũng trơ trơ không thay đổi. Thành ra ta có lên giảng thêm một giờ đồng hồ nữa cũng không ích lợi gì. Do đó, vị thiền sư không thích. Quý vị có hiểu được tâm trạng của Tổ hay không? Có biết bao nhiêu người trong thời của Tổ đang đánh mất thời gian của họ và đánh mất thời gian của những người tới học với họ. Thuận theo nhân tình tức là vì người ta muốn nên ta phải làm, bất đắc dĩ mà làm nhưng trong bụng không thích. Tại vì có cầu mới có cung và có cung mới có cầu. Cầu tức là những đòi hỏi để được thỏa mãn, và cung là những cái được sản xuất ra để thỏa mãn những đòi hỏi đó. Quần chúng đòi hỏi cái này, ta phải cung cấp cái này. Nhưng trong trường hợp của Tổ, Tổ không muốn cung cấp những cái người ta cầu, vì Tổ biết rõ cái cung cầu đó không

https://thuviensach.vn

đưa người ta đi tới đâu hết. Nói như thi sĩ Lưu Trọng Lưu: Vô ích! Vô ích! Vô ích!

Hôm nay vì việc bất đắc dĩ thuận theo nhân tình cho nên tôi mới lên ngồi trên pháp tòa này. Nếu nói đến chuyện chính thức đề xướng việc lớn của truyền thống tổ tông Thiền, tôi không thể mở miệng ra được.

Chuyện đáng nói, cần nói là đề xướng việc lớn của truyền thống Thiền, tôi không làm được, không nói được, vì chuyện đó không thể thực hiện được bằng nói năng, ngôn ngữ, tại vì mở miệng ra là sai, cho nên tôi chỉ có thể ngồi yên và mỉm cười thôi. Tôi không thể mở miệng ra được và quý vị cũng sẽ không biết đặt chân vào đâu. Quý vị cũng sẽ luống cuống không biết đặt chân vào đâu, vì đây không phải là lĩnh vực của sự học hỏi, đây không phải là lĩnh vực của sự nghiên cứu. Đây là lĩnh vực của giác ngộ, của sự sống. Đây là chuyện thở, chuyện đi, chuyện ăn cơm, chuyện sống mỗi giây phút trong Tịnh Độ, trong an lạc, chứ không phải chuyện để nói và để nghe. Chuyện nói và chuyện nghe là để cho các trường đại học. Các trường đại học có khả năng cấp phát những bằng tiến sĩ Phật học. Nếu muốn chuyện đó, quý vị có thể đi sang trường Harvard hay trường Oxford. Ở đây, tại thiền viện Lâm Tế không làm chuyện đó, không có cung cấp những nhu yếu đó. Vì vậy cho nên tôi mở miệng không được mà quý vị cũng sẽ không biết đặt chân vào chỗ nào. Chỉ khi nào là tri kỷ với nhau, quý vị mới có thể tham dự vào chuyện này được. Còn đòi hỏi điều này, còn cần cung cấp cái kia, quý vị còn đi vòng ngoài thôi. Nhưng hôm nay vì quan Thường Thị cứ thỉnh cầu mãi, làm sao tôi có thể dấu kín được tông chỉ cương yếu của Thiền? Tôi phải làm cái gì đó. Thấy tội không?

Vậy thì có vị chiến tướng nào muốn phất cờ mở trận thì hãy xin ra đối diện với đại chúng đây để nêu ra vài chứng cứ xem sao?

Tức là mở ra một cuộc đối thoại. Có thể trong cuộc đối thoại đó có một ánh lửa xẹt ra, và ánh lửa đó có thể đốt cháy được màn vô minh đang che lấp tâm của ta. Đây gọi là những thiền chiến (Zen battle). Thiền sư sắp mở một trận chiến về thiền. Cuộc chiến là một cuộc đối

https://thuviensach.vn

thoại. Trong những cuộc thiền chiến đó, có khi hai bên đều thua xiểng liểng, có thể trầy da, tróc vẩy, dập đầu, u trán như chơi. Quý vị nào đã từng hành nghề tâm lý trị liệu, quý vị chắc cũng có một ít kinh nghiệm. Đôi khi phải đánh giặc với người kia. Đôi khi cần phải đánh đấm, vật lộn với nhau thật chứ không phải chỉ bằng lời nói thôi. Vậy thì có vị chiến tướng nào muốn phất cờ mở trận. Ta là tướng quân muốn xông ra vòng đạn. Trong trận Thiền chiến là một cuộc đọ sức ngang ngửa giữa thiền sư và thiền sinh, giữa thiện tri thức và học nhân. Vậy thì có vị chiến tướng nào muốn phất cờ mở trận thì hãy xin ra đối diện với đại chúng đây để nêu ra vài chứng cứ xem sao? Ở ngoài đời, khi muốn hỏi một câu gì, ta giơ tay lên ta hỏi. Hỏi xong thì được trả lời. Nếu anh chỉ dùng trí năng để hỏi, để góp nhặt một vài kiến thức, đó là chuyện ở trường học, nhưng trong thiền không phải như vậy. Ở đây, mục đích của ta không phải là đi kiếm chác một ít những kiến thức Phật pháp mà là chiến đấu với thiền sư. Ở Làng Mai, trong những buổi vấn đáp, trên bục giảng thường có để hai chiếc ghế, thầy ngồi một ghế và người hỏi phải lên ngồi một ghế đối diện, đó là thiền chiến. Ta nên đưa ra câu hỏi có thể giúp ta vượt thoát khỏi tình trạng bế tắc và tuyệt vọng; còn nếu ta lên hỏi một câu có tính cách bác học, tìm hiểu một vài ý niệm về Phật pháp thì chỉ làm mất thì giờ của thầy, làm mất thì giờ của ta và làm mất thì giờ của đại chúng. Đây không phải là trường học, không phải là Phật học viện, không phải là trường Cơ Bản Phật học cũng không phải là trường Cao Cấp Phật học, đây là một thiền viện, và đây là một cuộc chiến. Hỏi câu nào phải có khả năng phá vỡ được tù ngục, phải là câu hỏi sống chết, nếu không đừng có lên hỏi. Đừng có hỏi những câu như 'Bát Chánh đạo là gì?', tại vì những câu hỏi như vậy chỉ cần mở Phật học tự điển ra xem là được rồi. Tại sao phải lên hỏi thầy chứ? Vì vậy cho nên, nếu không có câu hỏi thì đừng có lên hỏi. Nếu có hỏi, câu hỏi của ta phải có khả năng xé toang màn vô minh và giải phóng được không phải chỉ cho riêng ta mà đôi khi giải phóng được cho thầy và cho cả đại chúng đang cùng ngồi đó nghe nữa. Cái đó là thiền chiến. Vậy thì có vị chiến tướng nào muốn phất cờ mở trận thì hãy xin ra đối diện với đại chúng đây để nêu ra vài chứng cứ xem sao? Nêu ra những kinh nghiệm của ta, những đau nhức của ta, những thất vọng của ta, những vết thương

https://thuviensach.vn

cũ chưa lành của ta... Đem sự sống ra đây, đừng có đem trí năng, vô ích !

Có một vị xuất gia bước ra hỏi: Đại ý Phật pháp là gì? Thiền sư hét. Chữ đại ý Phật pháp dịch đúng chữ là 'the great idea of the Buddhism'. Chữ đại ý cũng có nghĩa là ý chính (main idea), là cốt lõi, là tinh ba, hay là trái tim của Phật pháp. Có thể vị xuất gia này đã học xong chương trình Phật Pháp Cơ Bản, hay vị này có thể đã học xong Trung Cấp Phật học và đang lên Cao Cấp Phật Học, và thấy rõ những năm học đó không có dính líu gì tới ta hết. Nếu cần đăng đàn thuyết pháp, vị xuất gia này cũng có thể nói về Phật pháp một giờ, hai giờ. Nhưng vị này đang bị lúng túng, không biết cốt lõi của Phật pháp thực sự. Tất cả chúng ta người nào cũng có thể cho một bài pháp thoại về đại ý Phật pháp, về tinh ba của Phật pháp. Chúng ta có thể nói như thế này: "Phật pháp là phương pháp giúp cho ta sống tỉnh thức, an lạc trong giờ phút hiện tại, để ta có định, có tuệ, có khả năng tiếp xúc sâu sắc và hiểu thấu được tính chất bất sinh, bất diệt của thực tại và để ta vượt thoát được những sầu đau, lo sợ." Nói như vậy cũng được. Nhưng nó có ích lợi gì cho người kia hay không? Người kia đem những gì ta nói về có xài được không? Có sử dụng được hay không? Có nhiều khi ta đem hết trái tim của ta ra trình bày một vấn đề, đến khi người đó đứng dậy hỏi thêm một câu, ta rất là tuyệt vọng! Té ra hồi nãy đến giờ, ta cho cả một trái tim, người đó không nhận được một chút tối thiểu nào cả. Chúng ta đã từng biết như vậy, đã từng thấy như vậy, cho nên mới hiểu được Tổ Lâm Tế khi bị hỏi một câu như 'Đại ý Phật pháp là gì? '. Thay vì than 'trời đất ơi!', thiền sư hét. Bây giờ quý vị hiểu chưa? Thiền sư hét. Tức là lấy gươm chặt nó đi. Anh cần cái đó hả? Cái đó có thể giúp được anh hay không? Anh đã có bao nhiêu là định nghĩa về đại ý Phật pháp rồi, bây giờ anh còn muốn có thêm một cái để so sánh với những cái anh đang có hả? Đó không phải là công việc của tôi, tôi không phải là người đi bán những ý niệm, anh đừng hòng mua được một cái từ nơi tôi, tôi không phải là người bán hàng. Tiếng hét đó có nghĩa như vậy. Tiếng hét đó là một lưỡi gươm có khả năng chặt đứt khuynh hướng đi tìm tòi bằng trí năng và chất chứa kiến thức của ta.

https://thuviensach.vn

Vị xuất gia kia lạy. Vị xuất gia này có hiểu hay là không hiểu, điều đó ta không biết được, vì ta không có trực tiếp biết về người đó. Thành ra, cái lạy đó có thể là một sự giác ngộ, cái lạy đó có thể là sợ.

Thiền sư nói: Ông thầy này có thể nói chuyện được đấy. Đây rất là từ bi. Ví dụ như có một người vừa lên hát cho ta nghe, không hay lắm, nhưng ta cũng nói khá hay để khuyến khích người đó. Ví dụ này có thể giúp cho quý vị hiểu được câu nói của thiền sư. Quý vị muốn tìm hiểu tư tưởng uyên áo gì ở trong này? Trong này có ẩn chứa một tư tưởng uyên áo gì hay không? Ông thầy này là ai vậy? Ông có mặt ở trong đại chúng này không? Có thể ông là ta. Vì vậy cho nên khi đã học phần Dạy Chúng (Khai Thị) rồi, chúng ta mới có cơ hội để có thể hiểu được những mẫu đối thoại như vậy.

Trong các buổi Đối Trị Căn Cơ này, phần lớn những người tới hỏi đều đứng hết, chỉ trừ những vị trưởng lão, hay những vị khách quý như quan Thường Thị họ Vương mới được ngồi.

Một vị khác hỏi :

- Thiền sư xướng lên khúc hát của truyền thống nào, và tiếp nối tông phong của ai ?

Sư đáp :

- Ngày xưa hồi tôi còn ở với thầy Hoàng Bích, ba lần tôi đặt câu hỏi, ba lần bị đánh.

Vị này suy nghĩ. Sư liền hét. Sau đó sư còn đánh thêm cho một cái và nói :

- Thầy đừng có mong đóng cọc trong hư không.

Một vị khác hỏi: Thiền sư xướng lên khúc hát của truyền thống nào, và tiếp nối tông phong của ai? Tức là muốn hỏi về bối cảnh và gốc gác của pháp môn, là muốn hiểu về tổ tiên, nguồn gốc của giáo pháp và sự thực tập của Tổ Lâm Tế. Cũng như người ta hỏi ta là đạo Bụt gì: truyền thống Vipassana, hay truyền thống thiền Lâm tế, hay truyền thống thiền Tào Động. Họ muốn dán cho ta một cái nhãn hiệu. Này là

https://thuviensach.vn

thiền Lâm Tế, tôi biết thiền Lâm Tế. Này là thiền Tào Động, tôi biết thiền Tào Động. Đây là Vipassana, tôi biết truyền thống Vipassana. Thành ra, chúng ta đã có sẵn những nhãn hiệu, chỉ việc lấy ra dán vào đây một cái, dán vào kia một cái. Đó là thói quen của chúng ta. Đây là người Mỹ, dán nhãn hiệu Mỹ; đây là người Hòa Lan, dán nhãn hiệu Hòa Lan; đây là người Mễ Tây Cơ, dán nhãn hiệu Mễ Tây Cơ. Làm như là chúng ta đã biết Mỹ là cái gì rồi, Hòa Lan là cái gì rồi, và Mễ Tây Cơ là cái gì rồi vậy. Thật ra chúng ta không hề biết một tí gì về những người đó. Đây là người Cộng sản, đây là người Tư bản, đây là người chống cộng, đây là người theo cộng. Chúng ta đã có sẵn những nhãn hiệu để dán lên cho người ta. Chúng ta thương hay chúng ta ghét là do chúng ta thương cái nhãn hiệu đó, hay chúng ta ghét cái nhãn hiệu đó mà thôi. Chỉ khi nào tôi dán cho anh nhãn hiệu là quân phiến loạn, là quân khủng bố (terrorist), khi đó tôi mới có khả năng bóp cò súng để cho anh chết. Tôi mới có thể nói rằng 'anh không có trên cuộc đời này thì cuộc đời này sẽ đẹp thêm'. Còn nếu tôi thấy được anh là con người có đau khổ, có lo lắng, có vợ, có con cần phải chăm sóc, thì tôi đâu có thể bắn anh. Tất cả đều là vấn đề dán nhãn hiệu. Khi nào chúng ta thấy được con người đích thực ở trong mỗi một con người, lúc đó chúng ta sẽ không làm cái chuyện đi dán nhãn hiệu nữa. Dán nhãn hiệu để chúng ta tôn sùng, hay dán nhãn hiệu để chúng ta tiêu diệt. Vì vậy mục đích của Tổ Lâm Tế là đi tìm con người, chứ không phải là đi dán nhãn hiệu, dù đó là nhãn hiệu Cơ Đốc giáo, Phật giáo, Thiền hay Tịnh Độ. Trong túi của chúng ta có rất nhiều nhãn hiệu. Không biết lấy ở đâu mà chúng ta có nhiều nhãn hiệu quá như vậy, rồi chúng ta đem ra dán. Như vậy là chúng ta hoàn toàn tự cô lập ta. Chúng ta không tìm thấy được con người đích thực. Chúng ta phần lớn đều làm công việc dán nhãn hiệu. Tổ Lâm Tế nói: 'Đừng làm như vậy con. Đừng có dán nhãn hiệu, phải để cho ta được tự do để có cơ hội tiếp xúc với con người thật.' Thiền sư xướng lên khúc hát của truyền thống nào và tiếp nối tông phong của ai? Nghĩ rằng khi có được những câu trả lời, chúng ta có thể sẽ hiểu được thiền sư hơn. Chúng ta có sẵn một cái khuôn khổ rồi đặt thiền sư vào trong khuôn khổ đó cho dễ nhận diện hơn. Khuynh hướng và thói quen đi dán nhãn hiệu biểu hiện rất là rõ qua câu hỏi này. Nhưng thiền sư là

https://thuviensach.vn

một con người đích thực, thiền sư là một chân nhân. Chân nhân, dịch tiếng Anh là true human being. Muốn nhét một con người đích thực vào bất cứ một cái khuôn nào cũng không có được.

Thiền sư xướng lên khúc hát của truyền thống nào và tiếp nối tông phong của ai? Sư đáp: Ngày xưa hồi tôi còn ở với thầy Hoàng Bích, ba lần tôi đặt câu hỏi, ba lần bị đánh.

Tổ trả lời như vậy, chúng ta thấy thương quá. Không phải thương vì Tổ bị đánh mà thương vì cái cách của Tổ nói với người kia. Đáng lý Tổ phải nói rằng: Anh có muốn bị đánh không mà hỏi câu đó? Hỏi như vậy là đáng lý bị ăn đòn. Đi hỏi chuyện dán nhãn hiệu, tìm danh từ, bị ăn đòn là phải rồi. Nhưng Tổ không đánh. Tổ nói: 'Ngày xưa tôi cũng làm như anh vậy, ba lần hỏi ba lần tôi bị thầy tôi đánh.' Vị này suy nghĩ. Suy nghĩ tức là vẫn sử dụng cái đầu của ta như thường. Câu nói của Tổ đáng lý phải làm bung ra một cái thấy, nhưng nó đã thất bại. Nó không làm bung ra một cái thấy, vì ông này lại níu vào câu nói của Tổ, ông tiếp tục suy nghĩ. Sư liền hét, tức là thiền sư hét. Thiền sư dùng tới vũ khí thứ hai. Ban đầu, dùng câu trả lời rất nhẹ nhàng, nhưng đã thất bại, bây giờ dùng biện pháp mạnh hơn là hét một tiếng để cho người kia ngưng suy nghĩ. Cái sào đầu tiên đưa cho người kia nắm lấy để đừng chết đuối, nhưng người kia chụp không được, bây giờ đưa ra cái sào thứ hai, đó là tiếng hét. Sau đó sư còn đánh thêm cho một cái, tức là cái sào thứ ba. Ban đầu là một câu nói rất dễ thương, thất bại rồi cho thêm một tiếng hét, tiếng hét cũng không thành công, mới đánh một cái. Ba lần đều thất bại. Đây là sự thất bại của ai? Có rất nhiều mẫu đối thoại như thế này chứng tỏ là có sự thất bại. Có hết đâu, Tổ còn nói thêm: Thầy đừng có mong đóng cọc trong hư không. Ta đóng một cái cọc vì ta muốn có một chỗ vững chãi để cột một con lừa, hay cột một con bò, hay giăng một cái lều. Phải vậy không? Muốn cắm lều thì phải đóng cọc vào trong đất, chứ đóng vào trong nước thì không được, đóng vào hư không cũng không được. Chúng ta muốn tìm một căn cứ vững chãi để chúng ta nương tựa. Nhưng nếu chúng ta đi tìm những thứ đó trong lĩnh vực của suy tư, của khái niệm, thì chẳng khác gì chúng ta đang đóng cọc trong hư không. Người đóng cọc trong hư không đó là ai? Có phải là ông thầy

https://thuviensach.vn

đó hay là chính ta đây? Hãy thử tự hỏi ta: Lâu nay ta có đang đi tìm cọc để đóng, hay là chỉ đóng cọc trong hư không? Chưa bao giờ ta có một chỗ an tâm lập mạng cho vững chãi, thành ra ta đừng bỏ phí thì giờ đóng cọc trong hư không.

Có vị tọa chủ lên hỏi :

- Giáo lý của ba thừa và của mười hai thể tài không lý không làm sáng lên được tính Bụt trong ta ?

Thiền sư nói :

- Cỏ hoang của (vườn tâm) thầy, thầy chưa từng xới.

Tọa chủ thưa :

- Không có lý Bụt lại đánh lừa người ?

Sư hỏi :

- Bụt ở đâu ?

Vị tọa chủ không nói được.

Sư bảo :

- Có quan Thường Thị ở đây mà thầy lại muốn gạt ông thầy tu già này hả ? Rút lui mau, rút lui mau ! Để chỗ cho người khác hỏi.

Thiền sư lại nói :

- Vì việc lớn cho nên chúng ta mới thiết lập ra buổi tiệc pháp hôm nay. Còn ai muốn hỏi hay nói gì nữa không? Hãy mau ra đây. (Tôi nói trước cho quý vị biết) khi quý vị vừa mở miệng ra, thì quý vị đã đánh mất cái liên hệ rồi. Tại sao? Quý vị có nghe đức Thế Tôn nói rằng 'pháp không dính tới văn tự, không thuộc nhân cũng không do duyên' hay không? Chỉ vì đức tin của quý vị nơi tự thân còn chưa tới, cho nên hôm nay chúng ta chỉ có được những giây leo ký sinh (những lời nói lẻ), chỉ có tác dụng làm ủng trệ cái tâm của quan Thường Thị và của các quan khác,

https://thuviensach.vn

và làm cho Phật tính của quý vị ấy thêm lu mờ. Tốt hơn là nên rút lui.

Rồi thiền sư hét lên và nói : 'Những người niềm tin bạc nhược kia ơi, bỏ ra cả ngày để chỉ nói qua nói lại như vậy cũng vô ích thôi ! Quý vị đứng lâu mỏi chân rồi, vậy xin tạm biệt !'

Có vị tọa chủ lên hỏi (tọa chủ ở đây là một vị giáo thọ, dharma teaher): 'Giáo lý của ba thừa và của mười hai thể tài không lý không làm sáng lên được tính Bụt ở trong ta ?'

Đây là nghề của chàng. Nghề của chàng là đi giảng (dharma teacher). Ta đi giảng pháp thì ta phải tin rằng pháp có khả năng làm sáng lên Phật tánh trong con người ta và trong những người nghe. Nếu ta không tin như vậy, ta sẽ không đi giảng. Nếu người ta không tin như vậy, ai tới nghe lời giảng của ta. Ai lại chịu đi mua một cái vé để tới nghe pháp nếu họ không tin rằng pháp có thể làm sáng lên tâm Bụt ở trong ta. Cả hai bên, giáo thọ và người tới nghe giáo thọ, đều phải tin như vậy. Vị tọa chủ nói như vậy rất hợp lý, nhưng cái lý của vị tọa chủ với cái lý của tổ Lâm Tế rất khác nhau. Giáo lý ba thừa là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa. Giáo lý đó được diễn đạt bằng mười hai thể tài, tức là mười hai cách: chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tụng, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sinh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghị. Giáo lý ba thừa được diễn bày qua mười hai thể tài đó, không lý không có ích lợi gì hết sao? Tức là muốn vấn nạn (challenge) Tổ: 'Thầy nói sự học hỏi không có ích lợi gì hết sao? Đó là nghề của con, không lý con không được đi hành nghề sao?' Giáo lý của ba thừa và của mười hai thể tài không lý không làm sáng lên được tính Bụt ở trong ta? Thiền sư nói: 'Cỏ hoang của (vườn tâm) thầy, thầy chưa từng xới.' Tổ nói ta giảng giải thao thao về giáo lý ba thừa, mười hai thể tài (thập nhị bộ kinh), nhưng những phiền não, đam mê, giận hờn, nghi ngờ, ganh tỵ... còn y nguyên thì ta giảng làm cái gì chứ? Chúng ta nghe giảng để làm gì nếu cái chuyện nghe giảng không dính líu gì tới hạnh phúc, đời sống của chúng ta. Cỏ hoang của (vườn tâm) thầy, thầy chưa từng xới. Quý vị phải biết thở, phải biết nắm lấy bước chân, phải biết nắm lấy tâm ý,

https://thuviensach.vn

phải biết nhận diện những tâm hành của ta và có sự giải thoát. Đó là ý của Tổ. Cỏ hoang của (vườn tâm) thầy, thầy chưa từng xới. Quý vị để gai góc, cỏ hoang mọc đầy trong vườn tâm của ta thì làm sao tánh Bụt ở trong quý vị sáng lên được? Do đó, anh có giảng dạy Phật pháp ba mươi năm cũng vậy, chị có đi nghe giáo lý ba mươi năm cũng vậy. Câu Cỏ hoang của (vườn tâm) thầy, thầy chưa từng xới, rất là hay. Nếu có sự giác ngộ, câu này đủ để cho ta xài rồi, ta nên lạy xuống một cái rồi đi về. Nhưng vị tọa chủ này cứng đầu, còn ráng hỏi thêm một câu. Tọa chủ thưa: Không có lý Bụt lại đánh lừa người? Tức là Bụt có diễn thuyết, có giảng dạy, và những lời giảng dạy của Bụt có ghi vào Tam Tạng kinh điển rõ ràng, không lý tất cả những cái đó đều vô ích, không lý Bụt đi bán hàng giả, đánh lừa người ta. Ông giáo thọ (hay cô giáo thọ) này cứng đầu thiệt!

Sư hỏi: 'Bụt ở đâu ?' Tọa chủ vừa nói đến Bụt, Tổ hỏi liền: Bụt ở đâu? Bụt là một thực thể ngoài thầy hay ở trong thầy? Thầy biết gì về Bụt mà nói. Cũng như trong công án, thoại đầu 'niệm Phật thị thùy', rất nổi tiếng, hiện bây giờ còn được thực tập ở Trung Quốc, ở Đại Hàn và các nước Phật giáo. Niệm Phật thị thùy, dịch là 'Ai là người đang niệm Bụt?' Ai là người đang tụng kinh? Ai là người đang ngồi thiền? Đó là câu hỏi. Câu hỏi đó là một sự mời mọc: mời chúng ta đi trên một chuyến tham khảo và khám phá. Khám phá cái gì? Khám phá ta là ai, người đang niệm Bụt. Đó là một công án thiền, một thoại đầu thiền. Mục đích của công án là giúp cho ta tìm ra mặt mũi ta là ai. Hầu hết những người thực tập công án đó, hay thoại đầu đó, đều vướng vào một cái mà họ không biết. Chuyện niệm Bụt: Nam mô A Di Đà Phật (Namo Amita Fo), đang xảy ra. Khi có niệm là có năng niệm và sở niệm, người niệm và người bị niệm. Có phải vậy không? Sự kiện gì cũng bao gồm năng và sở, nói một cách khác là có chủ thể và đối tượng. Chủ thể niệm và đối tượng niệm. Chủ thể niệm là ai? Ai là người đang niệm Phật? Câu thoại đầu này mời ta đi một chuyến du hành để có thể tìm ra được người đang niệm Bụt là ai. Thoại đầu này sở dĩ có một địa vị quan trọng vì nó đóng vai trò bắt một chiếc cầu giữa Thiền và Tịnh. Tại sao trong thiền lại nói chuyện niệm Bụt làm chi? Tại vì người đề xướng ra thoại đầu thấy rõ ràng là người niệm

https://thuviensach.vn

Bụt cũng có thể hành thiền được. Có những người vừa hành thiền vừa hành Tịnh Độ. Vì vậy cho nên câu thoại đầu này đánh động được sự tò mò không riêng gì người tu thiền mà kể cả người tu Tịnh Độ nữa. Trong Thiền có truyền thống thiền thất, tức là bảy ngày tu thiền liên tiếp. Trong Tịnh Độ có truyền thống Phật thất, tức là niệm Bụt luôn bảy ngày (hiện đang thịnh hành ở Việt Nam). Thoại đầu 'Ai là người niệm Phật?' có mục đích giúp cho ta khám phá bản thân ta là ai. Phần đông chúng ta tưởng ta biết ta là ai rồi. Câu thoại đầu này có ý nói 'Anh chưa biết anh là ai đâu, anh phải đi tìm anh mới được.' Thế là chúng ta đổ xô đi tìm năng niệm (ai) mà quên là trong câu thoại đầu này còn có sở niệm, tức là Bụt. Chúng ta làm như chúng ta biết Bụt là ai rồi vậy. Cái chìa khóa của thoại đầu này là ở chỗ đó, chữ Bụt. Ai là người niệm Bụt? Câu này có năm chữ, phần lớn mũi dùi chĩa về chữ Ai, ít khi chĩa về chữ Bụt, tại vì mọi người đều tự cho là ta biết Bụt là ai rồi.

Có một thầy, người Đại Hàn, đậu bằng tiến sĩ của trường đại học Luân Đôn, kiến thức Phật học rất thâm uyên.. Hôm đó, tại trường đại học Đông Quốc ở Hán Thành, tôi có giảng về đề tài này, 'Ai là người niệm Bụt?'. Tôi có nói một câu bằng tiếng Anh rất đơn sơ làm thầy lúng túng, dịch không được. Chúng ta không thể nào nói tiếng Anh của thầy không giỏi, tại vì thầy đã có bằng tiến sĩ của Anh. Tôi nói như thế này: 'If you think you know who the Buddha is, you are wrong.' Thầy lúng túng, thầy không dịch được. Không phải vì câu đó có gì khó mà vì thầy bị bất ngờ. Ai cũng nghĩ rằng ta biết Bụt là ai rồi, ta chỉ chưa biết ta là ai thôi. Quả thật, nếu ta biết Bụt là ai rồi thì ta cũng biết ta là ai. Con đã tìm ra Thế Tôn, con đã tìm ra con... Hai câu đó phải đi đôi với nhau. Hễ con tìm ra con thì con tìm ra Thế Tôn. Hễ con tìm ra Thế Tôn thì con tìm ra con. Bụt không phải là một thực thể ở ngoài mà ta có thể đi tìm cầu. Cho nên Tổ có ý dạy thầy tọa chủ vì thầy có biết gì về Bụt đâu mà thầy nói. Sư hỏi: Bụt ở đâu? Vị tọa chủ không nói được. Không nói được, vì đây không phải là lĩnh vực của sự tư duy nữa. Xáp trận với thiền sư thì con đường tư duy bị cắt đứt (the path of thinking is blocked). Trong thiền gọi là ngôn ngữ đạo đoạn, tức là con đường ngôn ngữ bị cắt đứt. Người kia đâu còn làm

https://thuviensach.vn

ăn gì được nữa. Họ đã quen tung hoành trong lĩnh vực của ngôn ngữ và tư duy, đến khi tới với thiền sư Lâm Tế, thiền sư cắt đứt con đường đó, thành ra họ đâu có nói cái gì được nữa. Vị tọa chủ không nói được. Sư bảo: Có quan Thường Thị ở đây mà thầy lại muốn gạt ông thầy tu già này hả? Rút lui mau, rút lui mau! Để chỗ cho người khác hỏi. Anh giỏi Phật pháp lắm, anh thao thao bất tuyệt, nhưng chỗ này không phải để cho anh diễn võ dương oai, để khoe khoang kiến thức Phật giáo của anh. Đây là chỗ làm thế nào cho lửa trí tuệ xẹt ra để đốt cháy bức màn vô minh, chứ không phải chỗ để trình diễn kiến thức, thông minh của anh. Rút lui mau! Thầy làm tôi mất thì giờ, thầy làm đại chúng mất thì giờ. Rút lui mau! Để chỗ cho người khác hỏi. Thiền sư lại nói: 'Vì việc lớn cho nên chúng ta mới thiết lập ra buổi tiệc pháp hôm nay'. Có ý định thết đãi vì có quan Thường Thị. Nhà chính trị đâu có thì giờ nhiều. Họ tới đây, ta muốn đãi họ ăn ngon, chứ ta đâu có muốn dọn ra rác rưởi. Vì việc lớn cho nên chúng ta mới thiết lập ra buổi tiệc pháp hôm nay. Còn ai muốn hỏi hay nói gì nữa không? Hãy mau ra đây! Đâu dám nữa. Nghe Tổ nói như vậy là sợ quýnh lên rồi, đâu dám ra nữa. (Tôi nói trước cho quý vị biết) khi quý vị vừa mở miệng ra, thì quý vị đã đánh mất cái liên hệ rồi. Tại sao? Quý vị có nghe đức Thế Tôn nói rằng 'pháp không dính tới văn tự, không thuộc nhân cũng không do duyên' hay không? Những lời khuyên giải, những lời đàm luận của quý vị không phải là pháp. Pháp không dính tới văn tự, không thuộc nhân cũng không do duyên, nghĩa là Pháp không phải là cái mà ta có thể tìm cầu được. Không phải như gieo một hạt bắp thì được một trái bắp, Pháp không phải như vậy. Pháp không có nhân cũng không có duyên. Pháp là một sự thật, hoặc nó biểu hiện hoặc không biểu hiện mà thôi. Chỉ vì đức tin của quý vị nơi tự thân còn chưa tới, cho nên hôm nay chúng ta chỉ có được những giây leo ký sinh (những lời nói lẻ), chỉ có tác dụng làm ủng trệ cái tâm của quan Thường Thị và của các quan khác, và làm cho Phật tính của quý vị ấy thêm lu mờ. Tốt hơn là nên rút lui.

Chỉ vì đức tin của quý vị nơi tự thân còn chưa tới. Chữ tin này nên dịch là confidence, không nên dịch là faith. Đây là niềm tin nơi khả năng tự thân, nơi khả năng Phật tính của ta, nơi hạt giống giác ngộ

https://thuviensach.vn

đang có. Nếu biết tin vào điều đó thì đâu có đi tìm con đường kiến thức khái niệm. Ta sẽ không nghĩ rằng Bụt là một thực thể bên ngoài, còn ta là một con số không. Vì vậy cho nên tin nơi Phật tính của ta, nơi khả năng giác ngộ của ta, là nền tảng của thành công. Nếu thiếu đức tin đó, ta chỉ là một người ăn mày. Ta không thể nào thành công được khi còn ăn mày trí tuệ, ăn mày từ bi và ăn mày hạnh phúc. Tại vì chúng ta không có niềm tin đó, cho nên chúng ta mới đi tìm cầu như vậy. Rốt cuộc những gì chúng ta chế tác ra chỉ toàn là những giây leo ký sinh. Danh từ thiền là 'cát đằng', ở đây dịch là những lời nói lẻ. Trong những buổi pháp đàm, những buổi pháp thoại, chúng ta có thể đưa ra toàn những lời nói lẻ (cát đằng), không ích lợi gì cho ta, không ích lợi gì cho người khác. (Những lời nói lẻ) chỉ có tác dụng làm ủng trệ cái tâm của quan Thường Thị và của các quan khác, và làm cho Phật tính của quý vị ấy thêm lu mờ. Tốt hơn là nên rút lui. Buổi tiệc Pháp này hoàn toàn thất bại. Khi đọc đoạn này, ta có thất bại hay không? Thất bại với ai? Có thể khi đọc những đoạn này, ta đạt tới những gì mà đương sự đã không đạt tới được. Tổ đang nói với ta, ta đang ở trong Pháp hội của Tổ; Tổ đang hét, Tổ đang trợn mắt nhìn ta. Ta đã không tiếp nhận những cát đằng (giây leo), và ta có thể thành công. Ta có thể làm ăn hay hơn ông tọa chủ (dharma teacher) này. Sướng hơn nữa là ta đang được ngồi, tại vì trong Pháp hội của Tổ, mọi người đều phải đứng.

Rồi thiền sư hét lên (tiếng hét cuối cùng của buổi tham vấn) và nói: 'Những người niềm tin bạc nhược kia ơi, bỏ ra cả ngày để chỉ nói qua nói lại như vậy cũng vô ích thôi! Quý vị đứng lâu mỏi chân rồi, vậy xin tạm biệt!' 'Tạm biệt' được dịch từ chữ nho là trân trọng, tiếng Anh là take good care of your self.

Xin quý vị để tâm bình an theo dõi đoạn này. Chúng ta có thể theo dõi bằng mắt. Đừng sử dụng trí năng lý luận để đọc, có như vậy thì trong khi đọc chúng ta xem chúng ta có cái thấy gì không. Giống như đi vào một phòng triển lãm tranh, chúng ta trực tiếp với những bức tranh, nếu không có người hướng dẫn và cắt nghĩa. Đừng đợi người hướng dẫn đến cắt nghĩa cho ta. Hãy trực tiếp với bức tranh, coi thử ta có thấy cái gì không, có cảm cái gì không. Hãy đọc bằng tâm trạng đó.

https://thuviensach.vn

Có lần thiền sư đến Hà phủ. Quan Thường Thị họ Vương thỉnh thiền sư lên pháp tòa.

Lúc bấy giờ có thầy Ma Cốc bước ra hỏi :

- Trong ngàn mắt ngàn tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính ?

Thiền sư nói :

- Trong ngàn mắt ngàn tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính ? Nói mau, nói mau !

Ma Cốc kéo thiền sư xuống tòa rồi tự ngồi lên trên tòa. Thiền sư đến gần, nói : 'Không hiểu'. Ma Cốc còn đang lưỡng lự thì thiền sư kéo Ma Cốc xuống, rồi tự ngồi lên. Ma Cốc đi ra khỏi pháp đường. Thiền sư cũng đi xuống.

Ai thấy gì không, giơ tay lên nói thử! Chữ 'Không hiểu' được dịch từ chữ 'bất thẩm, bất thẩm'. Ở đây, chúng ta có thể hiểu như là một câu hỏi thăm: 'Anh có mạnh giỏi hay không?'. Cho nên ta sửa chữ 'Không hiểu' thành 'Thượng tọa mạnh giỏi không?' Đây là một vở kịch. Ta là Ma Cốc hoặc là Lâm Tế, ta ở trong cuộc chứ không phải đứng ngoài để quan sát.

Từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ thứ XXI, không biết bao nhiêu người đã đọc đoạn này rồi. Có thể nó không có nghĩa gì hết. Có thể căn cơ ta vừa chín tới nên đọc ngang đây ta thấy một cái gì đó. Đây là một bản nhạc, nếu tôi có nói cái gì đi nữa thì cũng như tôi chơi một bản nhạc khác, chứ không phải bản nhạc của tôi là để giải thích bản nhạc này. Bản nhạc không phải dùng để giải thích. Mục đích của một bản nhạc là để đi vào lòng người chứ không phải để giải thích những bản nhạc khác. Để xem quý vị có cơ hội thứ hai không, có thấy một cái gì ở trong bản nhạc hay không. Sau này, nếu con cháu chúng ta hỏi nội dung vở kịch này muốn nói gì, thì chúng ta ít nhất cũng bắt được một bản nhạc khác lên cho họ nghe.

https://thuviensach.vn

Có lần thiền sư đến Hà Phủ. Tức là thiền sư được mời tới trụ sở của quan phủ tỉnh. Quan phủ tỉnh Thường Thị họ Vương có sắp đặt một pháp đường trong phủ, và mời thiền sư lên pháp tòa. Cố nhiên, thầy Lâm Tế có một số thầy khác đi theo, trong đó có thầy Ma Cốc. Ma Cốc là tên của một ngọn núi, trên đó có rất nhiều cây gai (loại dệt bố). Tên của thiền sư là Bảo Triệt, Ma Cốc Bảo Triệt, là con cháu của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. Ta gọi thầy với cái tên của một ngọn núi là để tránh gọi thẳng tên của thầy, nếu không thì có vẻ bất kính đối với thầy. Thầy Ma Cốc là một thầy lớn, có thể bằng tuổi thầy Lâm Tế hoặc có thể hơn. Lúc đó thầy Ma Cốc bước ra hỏi: 'Trong ngàn mắt ngàn tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính?' Đức Đại Bi đây là đức Bồ Tát Quan Thế Âm. Đức Quan Thế Âm được mô tả là có ngàn cánh tay, ngàn con mắt. Ngàn con mắt để thấy được tất cả mọi khía cạnh và thấy được xa. Ngàn cánh tay để có thể cứu độ được nhiều trường hợp trong cùng một lúc. Câu hỏi là: Trong ngàn con mắt đó, con mắt nào là con mắt chính? Trong câu hỏi có ý phân biệt: chính và phụ. Thay vì đưa ra một câu trả lời, thiền sư Lâm Tế hỏi lại câu hỏi đó để cho người hỏi có thể tự tìm ra được câu trả lời mà không cần phải một người khác. Trong này hàm ý rằng: 'Tại sao phải hỏi tôi? Ông có Bụt trong lòng, có tuệ giác trong lòng, tại sao không tự hỏi lại đi hỏi tôi? Hỏi tôi, tôi lại sử dụng biện pháp gì đó để trình bày ra cái thấy của tôi, rồi ông kẹt vào cái thấy đó, ông kẹt vào biện pháp đó, chỉ có hại cho ông thêm. Tại sao ông không tự tìm lấy, vì ở trong ông đã có sẵn tuệ giác đó rồi.' Chúng ta có thể nói những điều này vì nó phù hợp với những lời dạy của Tổ Lâm tế trong những phần đã học. Tức là chúng ta phải có đức tự tin là chúng ta có tuệ giác đó trong con người của ta. Tại sao chúng ta không trở về với con người của ta để tìm, để tự thấy, mà lại vận dụng những ngôn từ và khái niệm để đi tìm cầu từ một người khác? Vì vậy cho nên Tổ lấy câu hỏi của thầy Ma Cốc mà hỏi ngược lại chính thầy. Chúng ta phần lớn đều làm biếng. Chúng ta ưa hỏi thầy, ưa đi tìm hỏi một người khác. Cố nhiên chúng ta tin thầy của ta cho nên chúng ta mới hỏi. Nhưng thầy không thể trao truyền trực tiếp tuệ giác của thầy cho chúng ta được, thầy chỉ có thể dùng một mớ ngôn từ để diễn đạt, và chúng ta có thể kẹt vào mớ ngôn từ đó rồi cũng không giải quyết được gì. Người nào cũng phải qua cầu

https://thuviensach.vn

rồi mới biết. Giống như có đứa nhỏ thấy lửa đẹp quá, nó đưa tay vào rờ lửa, thì tay nó bị phỏng. Lần sau, nó không dám đưa tay vào sờ lửa nữa và nó cũng sẽ hiểu được vì sao người lớn không bao giờ sờ tay vào lửa hết, người lớn lúc nào cũng lấy một cây sắt để xử lý củi và lửa. Khi chưa có kinh nghiệm về lửa, nó có thể hỏi: Tại sao người lớn làm vậy? Và người lớn có thể cắt nghĩa. Nhưng cắt nghĩa không bằng chính nó tự kinh nghiệm lấy. Khi chúng ta tự kinh nghiệm lấy thì không cần hỏi và không cần sự giải thích nữa. Chúng ta đã đi qua cái cầu đó, đã từng khổ đau và đã thực chứng được điều đó, nhưng con em chúng ta thì chưa. Chúng ta rất muốn trao truyền kinh nghiệm của ta, nhưng chúng ta không làm được. Những bậc làm cha mẹ, những bậc làm thầy, thường thường có kinh nghiệm này. Ta thương con, ta trao truyền kinh nghiệm của ta, nhưng con ta không tiếp nhận được. Nếu có, con ta chỉ là tiếp nhận vài ý niệm mơ hồ mà thôi. Nó phải chạm vào lửa, có phỏng tay rồi, nó mới kinh nghiệm trực tiếp được những gì người lớn đã nói. Vì vậy cho nên thủ thuật dùng câu hỏi của người đó để hỏi lại người đó cho người đó tự tìm, rất là phổ thông trong nhà thiền. Nếu đọc ở trong các bộ ngữ lục, chúng ta sẽ thấy phương pháp này được sử dụng bởi rất nhiều thiền sư. Sau này nếu có người hỏi, chúng ta cũng có thể lặp lại câu hỏi đó và hỏi thẳng người đó. Người đó có thể thấy được câu trả lời, và cám ơn ta. Nếu họ tự trả lời được, cái hiểu của họ sâu hơn, thật hơn là khi họ tiếp nhận câu trả lời từ ta. Câu trả lời của người khác phải đi qua trung gian của khái niệm và ngôn từ, thành ra ta tưởng là ta tiếp nhận tuệ giác của người đó rồi, kỳ thật ta chỉ tiếp nhận được một mớ khái niệm và một mớ danh từ, ta chưa có tuệ giác thật sự. Ta đã từng làm thầy, ta rất thương đệ tử; ta đã từng làm cha mẹ, ta rất thương con; ta rất muốn nó tiếp nhận, nhưng trao bằng lời chưa đủ. Phải đợi nó vấp ngã, bị trầy da, phỏng trán, nó mới nhận ra được tình thương đó, sự trao truyền đó. Vì vậy cho nên dùng ngay câu hỏi của người đó hỏi lại người đó, để họ tự tìm ra. Biện pháp đó phù hợp với những điều Tổ vừa mới dạy trong những đoạn văn mà chúng ta đã học. Chúng ta phải có đức tin nơi khả năng hiểu và chứng đạt của ta, và đừng luôn luôn đi tìm cầu ở một người khác. Nhiều khi người đó thương ta nên khai thị cho ta, nhưng ta lại kẹt vào những kiến giải, những ngôn từ

https://thuviensach.vn

của người đó, thì cũng như không. Trong văn học Thiền, phương pháp lặp lại câu hỏi cho đương sự tự nhìn lại được sử dụng rất nhiều.

Thiền sư nói (hỏi trở lại): Trong ngàn mắt ngàn tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính? Nói mau, nói mau! 'Nói mau, nói mau!', Tức là đừng sử dụng trí năng (intellect) của ta, lý luận của ta mà hãy sử dụng trực giác hay tuệ giác của ta để thấy. Con đường suy luận không đưa tới sự thật. Nói mau, nói mau! là không cho thời gian để suy nghĩ. Tức là câu trả lời không phải là một ý niệm, một tư tưởng. Tuệ giác không phải là những tư tưởng. Nói mau, nói mau! tức là một là thấy, hai là không thấy. Cũng như khi ta nghe đàn một bài nhạc. Có người hỏi: Bài nhạc làm sao? Rồi ta ngồi suy nghĩ thì không được. Bản nhạc đó là chỉ trực tiếp, phải vậy không?

Trong giáo lý của Tổ Lâm Tế, ta thấy có chủ và khách. Người hỏi có vị trí của học nhân, tức là thiền khách. Người trả lời có vị trí của thiện tri thức, tức là thiền chủ. Người tới tham vấn là khách, người trả lời tham vấn là chủ. Khách là học trò, chủ là thầy. Một bên là học nhân, một bên là thiện tri thức. Vậy thì, thầy Ma Cốc (người hỏi) là khách. Đáng lý thiền sư Lâm Tế phải trả lời (tức là đứng trong địa vị người chủ), thì thiền sư Lâm Tế lại đi hỏi lại. Như vậy, thiền sư Lâm Tế từ địa vị chủ sang đóng vai trò của khách. Anh hỏi tôi, tức là anh đang đứng vị trí của người khách (học nhân). Bây giờ tôi hỏi lại anh câu đó, nghĩa là tôi bắt anh phải đứng ở vị trí của người chủ, còn tôi đứng vai trò của người khách. Bắt buộc anh phải làm chủ và tôi làm khách. Chính vì vậy cho nên thầy Ma Cốc nói: 'Tại sao thầy đang làm chủ, bây giờ thầy bắt tôi làm chủ? Mà tôi làm chủ thì tôi phải lên ngồi trên tòa'. Cho nên thầy Ma Cốc liền kéo thiền sư Lâm Tế xuống và lên ngồi. Đó là ngôn ngữ của thiền: thầy bắt tôi đứng ở vị trí chủ, thì tôi phải ngồi chỗ này mới đúng. Lúc đó, đáng lý thiền sư Lâm Tế hỏi lại câu hỏi của thầy Ma Cốc: 'Trong ngàn mắt ngàn tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính?' để đóng vai trò khách, nhưng thiền sư không hỏi như vậy mà lại hỏi: 'Thầy có khỏe không?' Làm cho Ma Cốc ngạc nhiên! Ngạc nhiên quá đi! Thành ra, thầy Ma Cốc lưỡng lự, thầy không ngờ tình trạng xoay lại như vậy. Thiền sư không hỏi câu đó nữa mà hỏi câu hỏi khác là để đánh lạc hướng tất cả, để lật ngược lại

https://thuviensach.vn

thế cờ. Và thầy Ma Cốc đã không đóng vai trò thiện tri thức được, tại vì thầy Ma Cốc lưỡng lự. Thầy Ma Cốc không biết thầy này đang muốn nói cái gì nên không trả lời được. Thiền sư không cho thầy Ma Cốc thì giờ ngồi đó để suy nghĩ câu 'Tại sao ông nói câu đó?', tại vì suy nghĩ như vậy thì hóa ra là đang sử dụng trí năng (intellect). Đó là sự thất bại của thầy Ma Cốc. Vì vậy cho nên, trong khi thầy Ma Cốc còn đang lưỡng lự, thiền sư Lâm Tế đã kéo thầy Ma Cốc xuống và ngồi lên tòa lại. Tức là, anh đang ở vai trò khách, tôi nhường anh đóng vai trò chủ để tôi đóng vai trò khách mà anh làm chủ không được, vì vậy cho nên tôi lấy lại vai trò chủ của tôi. Lúc đó là một sự thất bại: thầy Ma Cốc rời khỏi, thầy Lâm Tế cũng rời khỏi.

Đó là một vở kịch, một màn kịch. Đoạn này có liên hệ tới giáo lý Tứ Tân Chủ (bốn trường hợp Khách và Chủ). Ta là khách, nhưng có thể trong một trận chiến, ta bắt buộc phải đứng vào vị trí chủ. Ta là chủ mà đôi khi ta bị dồn vào thế phải đứng vào là khách. Từ học nhân, ta có thể trở thành vị thiện tri thức. Từ vị thiện tri thức, ta phải trở về đóng vai trò của vị học nhân.

Nếu không muốn dùng câu hỏi đó để hỏi lại, ta vẫn có thể dùng phương tiện quyền xảo khác. Nếu không muốn đưa ra một câu trả lời vì sợ người ta nắm lấy câu trả lời đó, hoặc vì người ta chỉ có được kiến thức và khái niệm về câu trả lời đó, thì ta cũng có thể hỏi một câu hỏi khác. Câu trả lời cũng có thể nằm dưới dạng của một câu hỏi. Ví dụ khi nghe thầy Ma Cốc hỏi: 'Trong ngàn mắt ngày tay của đức Đại Bi, con mắt nào là con mắt chính?', thiền sư Lâm Tế có thể hỏi lại một câu hỏi khác: 'Mắt nào mà không phải là mắt chính?' Tại vì trong câu hỏi đó có ý phân biệt rằng trong ngàn con mắt đó, thế nào cũng có con mắt quan trọng hơn. Thành ra có sự phân biệt, có sự kỳ thị trong câu hỏi của thầy Ma Cốc. Vì vậy cho nên chúng ta có thể trả lời bằng cách hỏi lại như: 'Mắt nào mà không phải là mắt chính?' Hoặc là: 'Đây là ở đâu mà nói chính với không chính?'..., những câu như thế đều có thể sử dụng được hết. Vị thiền sư có thể dùng vô số phương tiện quyền xảo để giúp người kia đập vỡ câu hỏi của họ, để họ thấy rằng con đường tìm cầu bằng khái niệm, bằng lý luận không bao giờ đưa tới giác ngộ. Khi quán chiếu, chúng ta thấy được tính tương tức của vạn

https://thuviensach.vn

pháp: cái một chứa đựng được cái tất cả, cái tất cả có thể thấy được trong cái một, lúc đó ý niệm về ta, về người, về chính, về phụ, sẽ tan biến. Đó là vấn đề quán chiếu mà không phải là vấn đề lý luận. Quán chiếu về vô thường, vô ngã và tương tức là những pháp quán chiếu căn bản. Còn thiền công án (hay thoại đầu) có thể đưa người ta đi lạc, tại vì trong đời sống hàng ngày, họ sẽ không được thắp sáng bởi sự quán chiếu về vô thường, vô ngã, nhân duyên và tương tức.

Một hôm thiền sư lên pháp đường nói :

- Trên đống thịt đỏ au này có một con người thật không có vị trí, thường đi ra đi vào ngay trước cửa mặt của quý vị. Ai chưa thấy được thì hãy nhìn kỹ xem, nhìn kỹ xem !

Lúc bấy giờ có một vị xuất gia đi lên, hỏi :

- Con người thật không có vị trí là gì ?

Thiền sư từ thiền sàng bước xuống, nắm lấy vị ấy, bảo :

- Thầy nói đi, thầy nói đi (con người thật không có vị trí là gì ?)

Vị ấy lưỡng lự. Thiền sư bèn thả vị ấy ra rồi nói :

- Con người thật không có vị trí là cái cọng cứt khô gì ?

Nói xong liền quay về phương trượng.

Đoạn này rất nổi tiếng, tại vì có 'cứt khô' ở trong.

Ngày xưa vua Trần Thái Tông có tham cứu về công án này. Và vua đã làm ra một bài kệ kiến giải trong bài Phổ Khuyến Sắc Thân Khóa Hư Lục:

Vô vị chân nhân xích nhục đoàn
Hồng hồng bạch bạch mạc tương man
Thùy tri vân quyện trường không tỉnh
Thúy lộ thiên biên nhất dạng sơn.

Dịch là:

https://thuviensach.vn

Vô vị chân nhân thịt đỏ au
Hồng hồng trắng trắng khéo lừa nhau
Ai hay mây cuốn trời quang tạnh
Hiện rõ bên trời dáng núi cao.

'Vô vị chân nhân thịt đỏ au', tức là con người thật không có vị trí nằm trên đống thịt đỏ au. 'Hồng hồng trắng trắng khéo lừa nhau': Màu hồng và màu trắng của xương thịt có thể đánh lừa ta, có thể cho ta ý niệm ta là sắc thân này. 'Ai hay mây cuốn trời quang tạnh': Gió thổi cuốn hết tất cả mây, trời sáng, không có mưa. 'Hiện rõ bên trời dáng núi cao': Nhìn về phương Đông và phương Tây, ta thấy hiện ra dáng núi rất rõ, tại vì không còn mây che phủ nữa. Ta thấy được sự thật. Ta thấy được con người thật của ta. Đây là một bản nhạc của vua Trần Thái Tông. Nếu có một thiền sinh, một người khách hỏi về đoạn này, chúng ta có thể ngồi yên. Ngồi yên cũng là một bản nhạc. Chúng ta có thể đánh một khúc nhạc khác để giúp cho người đó có cơ hội thấy và chạm được con người thật của họ, không có nghĩa là bản nhạc đó là một lối để giải thích cho bản nhạc kia. Ta phải có bản nhạc của chính ta.

Một hôm thiền sư lên pháp đường nói. Lúc này không có ai hỏi hết, thiền sư tự nói. Tức là thiền sư đưa ra một thoại đầu, một công án, một chủ đề, một đối tượng để quán chiếu. Thể tài này gọi là 'vô vấn tự thuyết'. 'Vô vấn tự thuyết' là không có ai hỏi mà ta tự nói. Trong kinh Kim Cương, thầy Tu Bồ Đề hỏi: 'Những người con trai, những người con gái nhà lành nên dựa vào đâu mà phát khởi tâm bồ đề, mà hàng phục tâm?' do câu hỏi này nên Bụt nói kinh Kim Cương. Có những kinh, như kinh A Di Đà, thì không có ai hỏi cả. Bụt tự gọi các thầy đến mà nói: 'Từ đây đi về phương Tây có một cõi như vậy...', đó gọi là 'vô vấn tự thuyết'. Ở đây cũng vậy, đoạn này là 'vô vấn tự thuyết'. Không có thiền sinh nào lên hỏi, Tổ tự nói thôi. Tổ nói rằng: Trên đống thịt đỏ au này có một con người thật không có vị trí. Đó là bốn chữ 'vô vị chân nhân'. Vị tức là địa vị, hay là vị trí. Chữ vị này có người hiểu là nấc thang địa vị ở trong xã hội: giám đốc, phó giám đốc, nhân viên, thiếu tá, đại úy, hay là lính. Đây là chữ của thiền sư đặt ra mà không dùng danh từ Phật học. Cũng như Làng Mai đặt ra những

https://thuviensach.vn

chữ để sử dụng, như là Tăng Nhãn, hoặc là Làm Mới, hoặc là Soi Sáng, những chữ này không có trong tự điển Phật học. Tổ Lâm Tế cũng vậy. Tổ đặt ra những chữ mới, tại vì chữ cũ đôi khi đã bị lờn, bị bệnh, làm người ta hiểu lầm. Những chữ mới, nếu sử dụng không khéo, mai mốt cũng bị nhiễm trùng (virus), cũng đau, cũng ốm như thường, và ta lại phải tìm những phương pháp để diệt trừ những con vi-rút đó. Nếu chữa không được, ta phải đặt ra chữ mới. Chân nhân là con người thật. Hai chữ này rất quan trọng. Con người thật không có vị trí này, ta không thể đi tìm trong không gian hay trong thời gian mà được. Sắc thân này, ta có thể tìm vị trí của nó trong cái khung không gian và thời gian. Giống như chiếc thuyền trên biển gặp nạn, căn cứ vào tọa độ của chiếc thuyền đang ở độ mấy, góc mấy, người ta tìm tới và cứu giúp. Nhưng với con người thật không có vị trí này, chúng ta tìm không được ở trong không gian và thời gian. Con người thật này, nó có đó chứ không phải không có. Nhưng nếu chúng ta muốn nắm lấy con người thật này bằng những phạm trù không gian, thời gian, có và không, tới và đi, sanh và diệt, thì không được. Chữ 'vô vị' ở đây là không có vị trí, nghĩa là ta không nắm bắt được. Đó là chữ rất hay của Tổ Lâm Tế để thay cho chữ 'bất khả đắc'. Bất khả đắc tức là không thể nắm bắt được, không thể ghì chặt được. Cũng như hạt điện tử của khoa học Vật Lý mới. Một hạt điện tử, chúng ta nắm không được. Chúng ta có thể nắm bắt một con thỏ, một con mèo, nhưng với hạt điện tử thì chúng ta không thể quy định được vị trí, thời gian của nó. Nó như một con ma. Vì vậy cho nên nếu dùng phương pháp bắt thỏ, bắt mèo thì không thể nào nắm được hạt điện tử. Các nhà khoa học vật lý biết rõ điều này. Chúng ta cũng vậy. Chúng ta là người tu, là thiền giả, chúng ta cũng biết rõ là chúng ta không thể nắm bắt được Bụt.

Chúng ta nhớ lại câu chuyện của thầy A Nậu La Độ bị một số các du sĩ ngoại đạo hỏi: 'Đức Thế Tôn sau khi chết là còn, hay không còn, hay vừa còn vừa không còn, hay vừa không còn vừa không không còn?' Phải để đức Thế Tôn vào một trong bốn phạm trù đó thì họ mới có thể nắm được đức Thế Tôn. Cũng may là thầy A Nậu La Độ nói rằng: 'Tôi chưa từng nghe đức Thế Tôn nói là có thể đi tìm đức Thế

https://thuviensach.vn

Tôn ở trong bốn phạm trù đó (còn, không còn, vừa còn vừa không còn, vừa không còn vừa không không còn). Đó là những tọa độ, những vị trí mà chúng ta dùng để đi tìm đức Thế Tôn. Sau khi thầy A Nậu La Độ trở về thuật lại câu chuyện đó với đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn hỏi thầy rằng: 'A Nậu La Độ, thầy có thể tìm được Như Lai trong cái sắc thân này hay không?' Thầy nói: 'Không! Như Lai không phải là sắc thân này'. Sắc thân tức là đống thịt đỏ au như máu, như huyết, như xương, như tủy. Đống thịt đỏ au đó đâu phải là Thế Tôn. Vua Trần Thái Tông cũng nói là 'hồng hồng trắng trắng khéo lừa nhau' (hồng hồng bạch bạch mạc tương man). Phần lớn chúng ta có khuynh hướng đồng nhất ta với cái sắc thân này. Đức Thế Tôn cũng hỏi như vậy: 'Này A Nậu La Độ, con có nghĩ rằng thầy là cái sắc thân này không?' Thầy nói: 'Thưa không phải, đức Thế Tôn không phải là sắc thân này. Tại vì sắc thân này có đó, nhưng mai mốt nó cũng tàn hoại. Vì vậy cho nên không thể đồng nhất hóa đức Thế Tôn với sắc thân của Ngài.' Bụt lại hỏi: 'Như vậy có nên đi tìm Như Lai ngoài sắc thân này hay không?' Thầy nói: 'Thưa không được'. Phi tức phi ly, nghĩa là không phải nó cũng không phải ngoài nó (not identical but not something different). 'Tức' được dịch là identical, something different là 'ly'. Rồi đức Thế Tôn hỏi thêm: 'Không thể tìm Như Lai nơi sắc thì tìm nơi thọ có được không?' Và cứ như thế, Bụt lần lượt đi qua các uẩn còn lại. Thầy A Nậu La Độ thấy rõ là không thể đồng nhất hóa đức Thế Tôn với một trong năm uẩn, cũng không thể nói đức Thế Tôn tồn tại ngoài một trong năm uẩn. Rốt cuộc không tìm được đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn cười nói: 'Như Lai đang ngồi đây mà thầy tìm còn không được. Đợi đến lúc xác thân này tan rã rồi thì làm sao tìm được.' Vì vậy cho nên bản chất của đức Thế Tôn là không thể nắm bắt. Chúng ta không thể nào nắm bắt thực tại bằng khái niệm, bằng những phạm trù không gian và thời gian. Đó là giáo lý Bất Khả Đắc. Đó là vô vị. Ta phải hiểu chữ vô vị là không có vị trí trong không gian và thời gian. Chữ vô vị không có trong kinh, là do Tổ đặt ra, và nó trở thành hai chữ rất quan trọng. Con người thật không phải là năm uẩn cũng không phải ngoài năm uẩn. Nhưng trong đời sống hằng ngày, chúng ta u mê, cho nên chúng ta mới đồng nhất chúng ta với sắc thân này. Người ta khen sắc thân này đẹp, chúng ta nghĩ là ta đẹp; người ta

https://thuviensach.vn

chê sắc thân này không đẹp, chúng ta có mặc cảm ta không đẹp. Như vậy mà chúng ta bị lên xuống hoài. Đối với thọ, tưởng, hành và thức, chúng ta cũng đồng nhất ta với những uẩn đó. Khi buồn, chúng ta nói là ta buồn; khi vui, chúng ta nói ta vui. Chúng ta buồn hay vui, con người thật của chúng ta không phải là những cảm thọ cũng không phải là cái gì khác hơn những cảm thọ. Chúng ta có con người thật của ta, nhưng chúng ta không sống được với nó. Chính vì không nhận thức được con người thật, cho nên chúng ta cứ phải sống với những cái chúng ta tưởng là con người thật của ta, nhưng kỳ thực là không phải. Và chúng ta đã và đang để hết cả cuộc đời của ta sống trong sự u mê đó. Cho nên tu nghĩa là phải làm thế nào để thấy được con người thật của ta. Con người thật không có vị trí. Con người thật không bị những phạm trù có, không, tới, đi, sanh, diệt... điều kiện hóa. Nếu thấy được con người thật rồi, chúng ta rất khỏe. Chúng ta không còn lên xuống nữa, cho dù các uẩn của ta có lên và xuống.

Trên đống thịt đỏ au này có một con người thật không có vị trí, thường đi ra đi vào ngay trước cửa mặt của quý vị. Ai chưa thấy được thì hãy nhìn kỹ xem, nhìn kỹ xem! Tức là hãy sống cho có chánh niệm. Hãy nhận diện con người thật của ta. Khi thấy được con người thật của ta, thì ta không bị trầm luân nữa. Chúng ta có thể nói con người thật đó là Bụt, Bụt của tự thân. Nếu chúng ta nói Bụt của tự thân không phải là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, thì chúng ta sai; nhưng nói Bụt của tự thân nằm ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, và thức, thì chúng ta cũng sai. Bởi vì nói như vậy nghĩa là Bụt tự thân có vị trí rồi. Tổ từng dạy chúng ta: Thần thông diệu dụng có ngay bây giờ, chúng ta có thể sử dụng được sáu đạo thần thông đó ngay trong giờ phút hiện tại. Thí dụ ta ngồi đây, ta biết là ta ngồi đây. Ta ngồi đây, ta biết rằng xung quanh ta là núi, và trên kia là trời xanh. Ta biết rằng, ta đang có mặt với Tăng Thân. Những cái đó là thần thông diệu dụng. Có những người sống một trăm năm, nhưng họ không bao giờ biết rằng họ đang có mặt. Vậy thì chánh niệm cho chúng ta biết rằng chúng ta đang có mặt. Và chúng ta đang có mặt trong sự liên hệ mầu nhiệm với vạn pháp. Chúng ta thấy mây ở trên trời, nhưng mây cũng ở trong mạch máu chúng ta. Chúng ta thấy ánh sáng ở ngoài nhưng

https://thuviensach.vn

chúng ta biết ánh sáng cũng đang ở trong ta. Đó là diệu dụng. Chúng ta biết là ta ngồi đây và tất cả các tổ tiên và con cháu của ta cũng đang ngồi đây. Cái thấy sâu sắc đó là diệu dụng. Có cái diệu dụng tức là có con người thật. Nhưng chúng ta không sống được với con người thật đó, với cái diệu dụng đó, vì chúng ta đã quen chạy theo những cái không phải là con người thật của ta lâu lắm rồi. Con người thật không phải là con người muốn làm gì thì làm: muốn ngủ trưa thì ngủ trưa, muốn chơi cờ tướng thì đánh cờ tướng, muốn trốn thiền thì không ngồi thiền. Những chuyện đó không phải là con người thật. Con người thật là con người mầu nhiệm, tức là sự sống mầu nhiệm phát hiện nơi ta. Năm uẩn của chúng ta có thể đóng vai trò giúp cho sự biểu hiện đó. Nhưng sự tan rã của năm uẩn không động tới được con người mầu nhiệm, tại vì bản chất của con người mầu nhiệm là vô sinh bất diệt. Là người tu, thành tựu lớn nhất là nhận cho ra con người mầu nhiệm đó. Nếu không làm được chuyện đó thì uổng một đời tu. Trong khi ngồi, trong khi đứng, trong khi đi, Tổ mỉm cười nhận diện được con người thật của Tổ, và Tổ muốn tất cả những đệ tử của Tổ cũng làm được như vậy. Thành ra Tổ nói: 'Trên đống thịt đỏ au này có một con người thật không có vị trí, thường đi ra đi vào ngay trước cửa mặt của quý vị.' Rất rõ ràng! Vậy mà chúng ta không thấy, vậy mà chúng ta vẫn không tiếp xúc được. Ai chưa thấy được thì hãy nhìn kỹ xem, nhìn kỹ xem! Tại vì suốt ngày chúng ta quen chạy đi tìm những cái mà chúng ta cho là hạnh phúc. Chúng ta không thấy được cái diệu dụng thần thông đó đang tỏa chiếu mỗi giây phút trong đời sống hàng ngày. Cái diệu dụng thần thông đó, nhiều khi ta tiếp xúc được. Ta biết rằng, cái diệu dụng thần thông có đó thì con người thật của ta có đó. Đó là lời mời mọc thắm thiết: 'Này các con, các con đừng để cho ngày tháng trôi qua trong cuộc đi tìm những tiện nghi tầm thường, những lời khen ngợi không quan trọng. Các con phải làm thế nào để tiếp xúc được với tinh hoa của sự sống đang biểu hiện trong giây phút hiện tại. Nếu không có chánh niệm, không có tỉnh thức thì các con sẽ không tiếp xúc được, sẽ không thấy được, như vậy rất là uổng phí một đời người. Nếu các con chưa thấy được thì nhìn lại đi!'. Đó là một lời mời (invitation).

https://thuviensach.vn

Có một thầy muốn đi tìm bằng trí năng, bước lên hỏi: 'Con người thật không có vị trí là gì?' Người này không có thói quen quán chiếu, vẫn có ý muốn Tổ nói cho ta biết con người thật là cái gì. Tức là cần thêm một cái định nghĩa nữa. 'Tổ nói thêm đi, con người thật không có vị trí đó là cái gì? Tổ nói đi để cho con có thêm một mớ kiến thức, con có thể ghi chép lại rồi con nói lại với người khác'. Tổ đã mời như vậy thì ta nên ngồi quán chiếu, nhưng ta vẫn muốn đi tìm bằng trí năng. Khi nghe thầy này hỏi câu đó thì chúng ta đã thấy 'hỡi ôi!' rồi. 'Chắc là thầy này muốn kiếm thêm những định nghĩa, những tư liệu, để ông viết luận án về con người thật không có vị trí cho văn bằng tiến sĩ.' Thiền sư Lâm Tế thấy tội nghiệp quá. Cho nên phương pháp của thiền sư giúp thầy đó là bước xuống pháp tòa, đi tới nắm lấy thầy đó (tức là không có cho đường thoát nữa) và hỏi: 'Thầy nói đi, thầy nói đi (con người thật không có vị trí là gì?)'. Thầy nói đi. Tại sao phải hỏi tôi? Tức là thiền sư Lâm Tế cho vị đó thêm một cơ hội. Quý vị có thấy không? Thiền có một ngôn ngữ, một phương pháp mà chúng ta có thể nhận diện được. Thiền không phải là sự suy tư. Thiền phải là một cái thấy trực tiếp không đi qua trung gian của suy luận và kiến thức thu lượm được trong khi học hỏi. Tổ không cho phép suy tư: thấy là thấy, không thấy là không thấy, chứ không phải nhờ suy tư mà thấy được. Vị ấy lưỡng lự. Lưỡng lự tức là không thấy. Đưa cho một cái sào, nắm lấy không được. Đưa cho cái sào thứ hai, nắm lấy cũng không được nữa. Đó là hai cái sào. Thiền sư bèn thả vị ấy ra, trong niềm thất vọng rất lớn thiền sư nói: 'Con người thật không có vị trí là cái cọng cứt khô gì?' Trong câu này có giọng hơi bực. Ngày xưa không có giấy đi vệ sinh, thành ra họ dùng cái que gỗ để chùi cho sạch sau khi đi cầu. Chùi xong, rửa cái que sạch lại để dùng cho lần khác. Nó rất là 'sinh thái', không phải phá rừng lấy cây làm giấy. Nhưng cọng cứt khô cũng có thể hiểu là ngày xưa không có nhà cầu nên đi cầu ở ngoài trời, đến khi trời nắng, phân khô lại thành cái cọng vậy thôi. Vậy ta có thể hiểu hai cách: cọng cứt khô, tức là cái que gỗ dùng thay giấy đi cầu, hoặc nó là cọng phân để nhiều ngày dưới nắng. Điều đó chứng tỏ sự thất vọng của vị thầy đến dường nào và cũng để cho người kia đừng bị kẹt thêm nữa. Nó còn có một điểm hay nữa là hình ảnh cọng cứt khô rất trái ngược với hình ảnh con người thật không có vị trí rất

https://thuviensach.vn

tinh khiết, rất cao cả. Khi đưa ra con người thật không có vị trí, người ta dễ bị kẹt vào cái gì thật là tinh khiết, thật là cao cả, tách rời ra những cái gì gọi là tầm thường. Thành ra hình ảnh cọng cứt khô là để trung hòa hóa. Nhưng đó chỉ là ý phụ. Ý chính là không thể đi tìm con người thật bằng kiến thức và khái niệm. Nếu chúng ta vẫn giữ lấy kiến thức và khái niệm của ta về con người thật, thì cái kiến thức và khái niệm đó chỉ có giá trị ngang bằng cọng cứt khô mà thôi.

Thiền sư vừa lên pháp đường thì có một vị xuất gia ra lạy. Sư hét. Vị xuất gia nói :

- Xin lão hòa thượng đừng thử con.

Thiền sư hỏi:

- Thầy nói tôi nghe đi, cái (tiếng hét) ấy đã rơi vào đâu?

Vị xuất gia liền hét.

Trong nguyên văn là một vị tăng ra lạy, nhưng nếu nói là một vị tăng thì không hay lắm thay vì để là một vị xuất gia. Tại vì chữ 'tăng' có nghĩa là đoàn thể, là sangha. 'Một vị tăng' thì nghe hơi kỳ, thành ra chúng ta phải học dùng chữ lại cho đàng hoàng. Cố nhiên là khi thiền sư lên pháp tòa thì có một vị xuất gia ra lạy thôi, chứ chưa hỏi gì hết. Chúng ta không biết được trong tâm vị xuất gia đó có câu hỏi hay không có câu hỏi, hay có mục đích gì khác, mà có thể vị thiền sư cũng không biết luôn, nhưng chắc chắn là có một động cơ nào đó thúc đẩy vị xuất gia này đi ra lạy. Sư hét. Tiếng hét này là để đối phó với cái động cơ đang có ở trong tâm vị xuất gia đó. Động cơ đó có thể là một câu hỏi, hay một ý định đôi khi muốn lên để được người ta thấy như vậy thôi. Có nhiều thiền sinh ở Làng cũng vậy, họ không có câu hỏi gì đặc biệt, nhưng thấy có cái ghế ngồi để gần thầy thì cũng muốn lên ngồi chơi vậy thôi. Thành ra có một động cơ gì đó trong tâm vị xuất gia, và thiền sư hét là hét cái đó. Chúng ta là những người đứng ngoài cuộc, chúng ta không biết vị xuất gia đó nghĩ gì, có ý định gì, nhưng chúng ta biết rõ là phải có cái gì đó cho nên vị xuất gia đó mới đi ra lạy. Tổ đã làm gì? Đó là tiếng hét để giúp cho đương sự nhìn lại cái

https://thuviensach.vn

động cơ (motivation) đã thúc đẩy ta, hay là câu hỏi của ta. Vị xuất gia thấy ngỡ ngàng. Chưa nói gì, ta chỉ mới lạy thôi mà đã bị hét. Vị xuất gia nói: Xin lão hòa thượng đừng thử con. Ta chưa đủ sức để đối phó với một mãnh lực tâm linh rất lớn, như đem vàng thử lửa. Thiền sư hỏi: Thầy nói tôi nghe đi, cái (tiếng hét) ấy đã rơi vào đâu? Tiếng hét của thiền sư rơi vào đâu? Nó có công năng gì hay không? Nó rơi vào trong phạm trù nào: đoạt nhân hay đoạt cảnh, hay là vừa đoạt nhân vừa đoạt cảnh? Bây giờ vị xuất gia hét trở lại. Vị xuất gia hét trở lại là vị xuất gia từ địa vị khách (học nhân) lên đóng vai trò chủ (thiện tri thức), và đối phó với câu hỏi kia của thiền sư. Chúng ta chỉ nên đọc như vậy thôi. Nếu chúng ta nhảy vào vòng chiến để trở thành đương sự thì trong tâm chúng ta có thể sáng ra và chúng ta thấy được một cái gì đó, còn nếu như không thấy gì hết thì chúng ta sẽ 'ghi nhận và cho thông qua'.

Có một vị thầy khác lên hỏi :

- Đại ý của Phật pháp là gì ?

Thiền sư hét. Thầy ấy lạy. Thiền sư hỏi :

- Khuyết điểm là ở chỗ nào ?

Thầy ấy nói :

- Nếu tái phạm sẽ không tha thứ lần nữa.

Thiền sư liền hét.

Có một vị thầy khác lên hỏi: Đại ý của Phật pháp là gì?

Có hai câu hỏi người ta thường hay hỏi, đó là 'Đại ý của Phật pháp là gì?' và 'Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua đây có mục đích gì?' (Tổ sư Tây lai ý). Trong các giới thiền gia có nhiều người nói như sau: 'Mục đích của họ không phải đi tìm một câu trả lời, cũng không phải để tìm một sự thật khách quan. Mục đích của họ là để có một cơ hội được thầy nhìn thấy tâm của họ và làm cho cái tâm đó được sáng tỏ và bình an. Vì vậy cho nên điểm quan trọng ở đây không phải là câu hỏi mà là cơ hội được tiếp xúc với thầy và được thầy soi sáng cho tâm được an để thấy rõ

https://thuviensach.vn

con đường.' Ở Làng Mai, chúng ta đã đề nghị một câu trả lời cho những câu hỏi đó là: mind your own business. Nếu có đệ tử tới hỏi: Bạch thiền sư, chủ đích của Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma qua bên Tàu là cái gì? Thì ta nói: Tại sao con không lo thở đi, không lo đi thiền hành đi, không lo tu tập đi, mà hỏi câu đó làm gì? Vì vậy cho nên ta có thể trả lời bằng câu 'mind your own business'. Tức là lo phần ta đi, hỏi vớ vẩn làm gì. Đó là một trong những câu trả lời. Nó tiết kiệm cho chúng ta không biết bao nhiêu là thì giờ.

Có một vị thầy khác lên hỏi: Đại ý của Phật pháp là gì? Thiền sư hét. Tiếng hét này có thể có nghĩa là hỏi câu đó làm gì, có ích lợi gì cho thầy đâu mà thầy hỏi; tiếng hét đó có thể làm cho người kia thấy rằng giờ phút được tiếp xúc với thầy rất quý báu, đừng để thì giờ hỏi những câu hỏi có tính cách kiến thức khái niệm, rất uổng; tiếng hét đó có thể có dụng ý là: Tại sao không chịu đi con đường kinh nghiệm trực tiếp mà lại đi qua trung gian của suy luận, của tìm tòi như vậy để làm cái gì? Tiếng hét đó có thể có nhiều nghĩa. Thì thầy ấy lạy. Lạy xuống, như là đã hiểu được tiếng hét đó. Thiền sư thấy không có bảo đảm lắm. Thiền sư hỏi: Khuyết điểm là ở chỗ nào? Tức là thầy có lỗi gì mà bị hét, thầy nói thử ra coi. Thầy ấy nói: Nếu tái phạm sẽ không tha thứ lần nữa. Tức là lần sau con sẽ không làm như vậy nữa, hoặc con sẽ không hỏi những câu vớ vẩn như vậy nữa, hoặc con sẽ không có quen thói đi tìm kiếm bằng trí năng, bằng kiến thức khái niệm nữa. Khi thầy ấy trả lời như vậy, thiền sư liền hét một lần nữa. Chúng ta hãy coi như ta đang xem một vở kịch giữa hai người và chúng ta không biết hẳn cái gì đã xảy ra trong tâm của người này hay trong tâm của người kia, người thiện tri thức và người học nhân (chủ và khách). Nhưng trong trường hợp ta đang có một tâm ý gì tương tự, nếu tâm của ta là tâm của thầy (thiện tri thức) hoặc là tâm của học trò (học nhân), thì khi đọc ngang đây chúng ta có thể thấy được một cái gì đó, hoặc không thấy cái gì hết.

Hôm ấy hai vị thủ tọa của hai thiền đường vừa thấy nhau thì đồng thời cùng hét. Có một thầy hỏi thiền sư:

- Trong trường hợp này có chủ có khách đàng hoàng không ?

https://thuviensach.vn

Thiền sư nói:

- Chủ khách rõ ràng đó.

Và thiền sư nói:

- Đại chúng, nếu quý vị muốn biết về nguyên tắc tứ tân chủ thì hãy tới hỏi hai vị thủ tọa hai thiền đường.

Nói xong thiền sư bước xuống.

Hôm ấy hai vị thủ tọa của hai thiền đường vừa thấy nhau thì đồng thời cùng hét. Vị thủ tọa của Đông Đường và vị thủ tọa của Tây Đường, hai vị đi ra vừa gặp nhau đồng thời cùng hét. Thì có một thầy hỏi thiền sư Lâm Tế: Trong trường hợp này có chủ có khách đàng hoàng không? Người hét trước có thể là chủ hoặc là khách, và người hét sau cũng có thể là chủ hoặc là khách. Nhưng ở đây, cả hai người cùng hét một lần thì làm sao phân biệt được ai là chủ, ai là khách, tại vì phương pháp giáo hóa của thiền sư Lâm Tế là phân chủ khách đàng hoàng. Những câu đối thoại chúng ta nghe, chúng ta phải biết bên nào là chủ, bên nào là khách. Chủ là thầy, khách là trò; chủ là thiện tri thức, khách là người đến tham vấn. Có trường hợp chủ trở thành khách, khách đóng vai trò của chủ, và nó đã từng xảy ra trong Thiền tông.

Đông Đường thường thường là chỗ cho thiền sinh thường trú, còn Tây Đường là chỗ vừa có thường trú vừa có thiền sinh khách. Hai vị thủ tọa của hai thiền đường vừa gặp nhau là đồng thời cùng hét. Có một thầy hỏi thiền sư trong trường hợp này có chủ, có khách đàng hoàng không. Thiền sư nói: Chủ khách rõ ràng đó. Tức là trong trường hợp này vẫn có chủ, vẫn có khách. Rồi thiền sư nói: Đại chúng, nếu quý vị muốn biết về nguyên tắc tứ tân chủ thì hãy tới hỏi hai vị thủ tọa hai thiền đường. Nguyên tắc tứ tân chủ tức là nguyên tắc của bốn trường hợp chủ và khách. Đó là phương pháp tiếp xử; đó là phương pháp độ đời; đó là phương pháp học hỏi trong truyền thống Lâm Tế; đó là phương pháp của Tổ Lâm Tế. Tổ nói, muốn biết bốn trường hợp tứ tân chủ thì tới hỏi hai vị thủ tọa, tại vì họ là những

https://thuviensach.vn

đương sự, họ có những kinh nghiệm trực tiếp. Trong giây phút đó, có thể người nào cũng là chủ hoặc người nào cũng là khách, hoặc trong giây phút đó người nào cũng vừa là chủ vừa là khách.

Thiền sư lên pháp đường, có một vị xuất gia hỏi:

- Đại ý Phật pháp là gì ?

Thiền sư đưa phất trần lên. Vị ấy hét và bị thiền sư đánh cho một cái. Lại có một vị xuất gia khác lên hỏi :

- Đại ý Phật pháp là gì ?

Thiền sư cũng đưa phất trần lên. Vị ấy hét. Thiền sư cũng hét. Vị ấy do dự, liền bị thiền sư đánh. Thiền sư mới bảo :

- Này đại chúng, người vì pháp thì không sợ táng thất thân mạng. Hai mươi năm về trước hồi còn ở với tiên sư Hoàng Bích, ba lần tới hỏi về đại ý Phật pháp ba lần tôi được ban cho một gậy, cũng giống như được tiên sư sờ đầu bằng một cành ngải cứu (armoise) vậy. Đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ đến lần được Ngài đánh. Vậy thì ai có thể lên đây giúp tôi sống lại giây phút ấy ?

Lúc bấy giờ có một vị xuất gia rời chỗ ngồi trong chúng đi lên, nói :

- Con đây có thể làm được việc ấy.

Thiền sư cầm gậy đưa cho vị kia. Vị kia ngần ngại khi tiếp nhận cây gậy. Thiền sư liền đánh cho vị ấy một gậy.

Thiền sư lên pháp đường, có một vị xuất gia hỏi: Đại ý Phật pháp là gì? Thiền sư đưa phất trần lên. Vị ấy hét và bị thiền sư đánh cho một cái. Đưa phất trần lên cũng là một cách trả lời, và câu trả lời đó được đáp ứng lại bằng tiếng hét của vị thiền giả. Lại có một vị xuất gia khác lên hỏi: Đại ý Phật pháp là gì? Thiền sư cũng đưa phất trần lên. Vị ấy hét. Thiền sư cũng hét. Cùng một câu hỏi mà có hai cách trả lời: Trước, thiền sư đưa phất trần lên, thiền sinh hét và bị đánh; Sau, thiền sư cũng đưa phất trần lên, thiền sinh hét nhưng thiền sư không đánh mà lại hét. Chúng ta tưởng làm thế này thì thiền sư trả lời như thế này

https://thuviensach.vn

và làm thế kia thì thiền sư trả lời như thế kia. Kỳ thực, phương pháp đối trị không thể nào dò được, nó không phải là một cái máy: làm thế này thì cách trả lời là như thế này, làm thế kia thì cách trả lời sẽ như thế kia... Đôi khi đối với người khác làm như vậy thì phản ứng như thế này, đến khi ta cũng làm như vậy thì phản ứng có thể ngược lại. Đó gọi là ứng cơ, là tùy vào từng trường hợp và căn cơ của người hỏi.

Vị ấy do dự, liền bị thiền sư đánh. Có do dự, tức là người đó có hoang mang, không nắm được ý chỉ và không có cái thấy nào hết. Ví dụ như ta đang chết đuối, có người đưa cho cây sào nhưng ta nắm trật - đó là do dự - nếu nắm được, người trên bờ sẽ kéo lên bờ và ta khỏi chết đuối. Cũng vậy, khi thiền sư hét một tiếng hay nói một câu, cũng như là đưa cho thiền sinh nắm cây sào: một là nắm được, hai là không nắm được. Khi có sự do dự tức là chưa nắm được. Tại vì cái hiểu ở trong thiền không đi qua trung gian suy luận mà là cái biết trực tiếp (trực giác), chứ không phải chờ suy nghĩ một hồi rồi có thể hiểu được. Cái thấy, cái biết ở đây là trực giác và tuệ giác mà không phải là mớ kiến thức khái niệm do tư duy mà ra. Tuệ giác không thể do suy nghĩ mà có thể đạt được. Tuệ giác đến tự nhiên và trực tiếp bằng trực giác.

Thiền sư mới bảo: Này đại chúng, người vì pháp thì không sợ táng thất thân mạng. Những người thật sự khao khát chân lý, những người đó không sợ chết, không sợ nặng nhọc, không sợ khổ đau, không sợ khó khăn. Người vì pháp thì không sợ táng thất thân mạng. Hai mươi năm về trước hồi còn ở với tiên sư Hoàng Bích, ba lần tới hỏi về đại ý Phật pháp ba lần tôi được ban cho một gậy, cũng giống như được tiên sư sờ đầu bằng một cành ngãi cứu (armoise) vậy. Đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ đến lần được Ngài đánh. Vậy thì ai có thể lên đây giúp tôi sống lại giây phút ấy? Nói như vậy thôi, lúc bị đánh Tổ cũng rất là hoang mang. Khi thầy Lâm Tế còn trẻ, có hỏi tổ Hoàng Bích về đại ý Phật Pháp. Lần đó, thầy thủ tọa 'xúi' thầy Lâm Tế: 'Sư chú ở đây lâu rồi mà chưa được trực diện thầy, sư chú viện cớ lên hỏi đi.' Thế là thầy Lâm Tế lên hỏi tổ Hoàng Bích về đại ý Phật Pháp. Hỏi một lần bị đánh, hỏi lần thứ hai cũng bị đánh, hỏi lần thứ ba cũng bị đánh, thầy chán nản xin đi. Thấy vậy, thầy thủ tọa lên bạch với tổ Hoàng Bích: 'Sư chú đó thông minh, rất có lòng, có thể là một pháp khí trong

https://thuviensach.vn

tương lai. Lát nữa sư chú lên chào Thầy xin đi, xin Thầy nói cho một vài câu.' Khi thầy Lâm Tế lên chào từ giã, tổ Hoàng Bích hỏi: 'Đi đâu?' Thầy nói: 'Con chưa biết.' Tổ Hoàng Bích dạy: 'Thôi đi tới chỗ của thầy Đại Ngu đi.' Và thầy Lâm Tế đã đến chỗ của thầy Đại Ngu. Khi bị đánh, Tổ không có hạnh phúc cho nên Tổ đã xin đi. Nhưng khi nói với đại chúng, Tổ nói tựa như được đánh là hạnh phúc lắm.

Tới thầy Đại Ngu, thầy Đại Ngu hỏi: Ở đâu tới vậy?

- Con ở đạo tràng của Thiền Sư Hoàng Bích.

- Tại sao bỏ nơi đó mà tới đây?

- Con ở đó mấy năm rồi mà không có cơ hội để tham vấn, cho nên con đã đánh liều lên tham vấn thầy con. Vừa hỏi xong là bị đánh. Hỏi ba lần, ba lần bị đánh, con chán nản và thất vọng quá nên xin đi. Thầy con dạy con tới đây.

Thầy Đại Ngu nói:

- Con thiệt là dại, lòng từ bi của thầy Hoàng Bích lớn như vậy mà không thấy được, dại quá đi!

Nhờ câu nói này, thầy Lâm Tế hiểu được. Và thầy Lâm Tế đã dám nói ra một câu rất gan: A! Hiểu rồi, thì ra Phật Pháp của thầy Hoàng Bích cũng không có gì ghê gớm lắm.

Thầy Đại Ngu nói: 'Anh chàng này vừa than phiền là không hiểu, là khổ đau, là thất vọng, rồi bây giờ dám nói như vậy.' Nghe như vậy, thầy Lâm Tế đánh thầy Đại Ngu ba cái. Tại sao phải đánh người đã khai ngộ cho ta thấy được cương lĩnh yếu chỉ và lòng từ bi của thầy ta? Nội dung của ba cái đánh này có thể ta chưa hiểu được, nhưng nhờ câu nói sau đây của thầy Đại Ngu, chúng ta mới biết được ba cái đánh này là ba cái đánh thương, tựa như công nhận thầy Đại Ngu là thầy, người đã khai mở tâm trí cho thầy Lâm Tế để có thể hòa nhập vào trong dòng mạng mạch của Phật Pháp. Sau khi thầy Đại Ngu nhận ba cái đánh đó, thầy nói:

https://thuviensach.vn

- Ta không dính líu gì tới chuyện này, con là đệ tử của thầy Hoàng Bích chứ không phải đệ tử của ta.

Thầy Lâm Tế quay về chốn cũ. Thầy Hoàng Bích hỏi: 'Ở đâu về đó?'

- Con từ Thầy Đại Ngu về.

- Thầy Đại Ngu nói gì?

Thầy Lâm Tế kể lại và nói: 'Nhờ thầy Đại Ngu khai mở như vậy, cho nên con mới thấy rõ được tình thương của Thầy lớn như thế nào, mới thấy được ý chỉ Thiền Tông qua lời Thầy.' Tổ Hoàng Bích nói: 'Ừ, anh chàng đó chừng nào gặp ta sẽ biết tay.' Lúc đó thầy Lâm Tế nói: 'Đâu cần phải chờ, gặp liền bây giờ đây nè', rồi đánh thầy mình ba cái. Đây là ba cái đánh tỏ tình. Lúc này thầy Lâm Tế đã thấy được ba cái đánh của thầy mình là tình thương mà không phải là ghét bỏ. Trước đó, ba cái đánh làm cho thầy bơ vơ, thầy bối rối, thầy muốn bỏ chùa đi, vì thầy tưởng đó là ghét bỏ, là không thương, nhưng sau khi bỏ đi năm lần, bảy lượt thì khám phá ra đó là thương yêu. Qua đoạn này, chúng ta thấy rõ là khi giận tưởng đó là roi là vọt, nhưng giác ngộ rồi mới biết đó là ngọt là bùi. Do đó, thiền sư Lâm Tế nói với đại chúng là tổ Hoàng Bích đánh ta ba cái đó như là lấy một cành ngải cú rờ vào đầu, rất là nhẹ nhàng. Đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ đến lần được Ngài đánh. Vậy thì ai có thể lên đây giúp tôi sống lại giây phút ấy? Tức là có ai lên đánh tôi được ba cái như là thầy tôi đã đánh không. Có một thầy dại dột nói lên: Con đây có thể làm được việc ấy. Và vị kia đi lên. Thiền sư cầm gậy đưa cho vị kia. Vị kia ngần ngại khi tiếp nhận cây gậy. Ngần ngại khi lấy gậy là chứng tỏ có sự do dự, không có khả năng làm thầy, không có khả năng đánh thiền sư ba cái. Thế là, thiền sư liền đánh cho vị ấy một gậy.

Đây là lần đầu tiên chúng ta nghe giải thích ba cái đánh đó là một cách tỏ tình (love declaration), vì chưa có vị nào chú giải Lâm Tế Lục như vậy cả. Nhìn quanh, chúng ta thấy số người học giáo lý đạo Bụt rất nhiều, người xuất gia cũng như người tại gia, nhưng họ học giáo lý chỉ để trở thành những nhà Phật học. Học nhiều như vậy đó, nhưng tánh tình của họ vẫn không thay đổi và những khổ đau của họ

https://thuviensach.vn

vẫn còn y nguyên. Tại vì họ không áp dụng được, không tiêu hóa được. Chúng ta hãy tưởng tượng con tằm ăn lá dâu mà không tiêu hóa được thì nó làm sao có thể làm ra những sợi tơ lụa óng ánh. Hầu hết chúng ta đều học Phật theo kiểu đó, cho dù chúng ta đang học Phật học cơ bản hay Phật học cao cấp. Nhét vào rất nhiều những kiến thức khái niệm, nhưng không tiêu hóa được, không giúp ích gì cho ta và không giúp ích gì cho người, trái lại ta dễ trở thành cao ngạo, dễ mắc chứng bệnh bế tắc. Trong bài kệ của ni sư Như Minh có nói về chuyện bế tắc, không tiêu (indigestion), và nhờ mận Làng Mai mới tiêu hóa được những thứ đã thâu lượm, đã tích tụ và làm độc trong người trong bao nhiêu năm qua. Bây giờ nhìn vào các cộng đồng Phật Giáo (ở Việt Nam, ở Pháp cũng như ở Mỹ), chúng ta thấy cái chuyện học Phật cũng còn y nguyên như vậy. Vì vậy cho nên thiền là một cách phản ứng lại với tư trào học Phật như vậy. Theo thiền, tuệ giác không cần phải đi ngang qua sự học hỏi giáo lý, và tuệ giác là sự nối tiếp giữa thầy và trò mà không cần phải đi ngang qua chữ nghĩa. Trong nhà thiền có câu giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự. Bất lập văn tự là không căn cứ trên chữ nghĩa. Câu này có nghĩa là thiền được truyền lại từ thế hệ này qua thế hệ khác mà không hề dính tới giáo lý. 'Giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự' là một phản ứng rất mạnh đối với những người học Phật không tiêu hóa được. Họ học chỉ để nói, để tích trữ, cho nên càng học tính kiêu mạn của họ càng lớn. Họ không chuyển hóa được bản thân, không giúp được người. Thành ra phản ứng đó rất tự nhiên.

Rất nhiều người tin rằng sự đạt đạo không phải là do chất chứa kiến thức, cho nên có một số người đã đi tới thái độ cực đoan là nhất định không đọc một câu kinh, không sờ tới một cuốn kinh, và nghĩ rằng sự chứng ngộ chỉ tới được bằng con đường tâm ấn. Tâm ấn tức là một sự trao truyền trực tiếp từ trái tim của thầy tới trái tim của người đệ tử mà không cần phải chữ nghĩa, không cần phải văn tự. Từ thái độ quá khích đó lại tạo ra một phản ứng khác, thành ra có hai phong trào đi song song với nhau: Thiền tông và Giáo tông. Thiền tông và Giáo tông là hai tông phái đối lập nhau: một bên căn cứ vào sự học hỏi giáo lý để có thể tu tập được, một bên cho sự học hỏi giáo lý là một chướng

https://thuviensach.vn

ngại. Ngay trong thời đại của tổ Lâm Tế đã có những bậc thầy, như thầy Tông Mật, đã nói thiền và giáo có thể đi đôi với nhau một cách tuyệt hảo. Nếu chúng ta học giáo lý với tâm không vướng mắc vào chữ nghĩa, vào khái niệm, thì giáo lý vẫn đi đôi tuyệt hảo với thiền. Đó là một sự thật. Bụt có nói: 'Giáo lý của ta như là ngón tay để chỉ mặt trăng, đừng lầm ngón tay là mặt trăng.' Nếu học giáo lý trong tinh thần đó, chúng ta có thể thấy được tuệ giác trong mỗi lời kinh. Hơn nữa, trong tam tạng kinh điển, nền văn học của Thiền rất lớn, những tác phẩm nói về thiền cũng như những ngữ lục rất nhiều. Sau này, Thiền tông cũng đã sử dụng những kinh điển Đại thừa như là kinh Kim Cương, kinh Bát Nhã và nhất là kinh Hoa Nghiêm, vì vậy mới có phong trào Thiền Giáo Nhất Trí (The Oneness of zen and teaching), tức là Thiền và Giáo đi đôi với nhau.

Trong Lâm Tế Lục, chúng ta thấy khuynh hướng 'ruồng bỏ văn tự, chê trách sự học hỏi' rất là rõ ràng. Pháp môn tu học cũng như những buổi đối đáp giữa thầy và trò biểu lộ rõ rệt cái ý thức là nếu kẹt vào văn chương, ngôn ngữ, giáo lý, thì người đó không thể có cơ hội nắm được chân lý, đạt tới tuệ giác. Với ý thức đó, chúng ta sẽ có cơ hội hiểu được Lâm Tế Lục nhiều hơn, hoặc những bộ Lục khác của Thiền tông. Con đường của chúng ta là con đường Thiền Giáo Nhất Trí. Chúng ta phải biết sử dụng giáo lý một cách thông minh để đừng bị lâm vào tình trạng khó tiêu và làm độc trong cơ thể của ta.

Thiền sư lên pháp đường, và khai thị :

- Một người đứng trên chót vót đỉnh cô phong không có đường ra, còn một người đứng giữa ngã tư không tiến thối được. Giữa hai kẻ ấy, ai tới trước, ai tới sau? Đừng giả bộ làm Duy Ma Cật cũng đừng đóng vai Phó đại sĩ. Xin chào quý vị.

Thiền Sư lên pháp đường, và khai thị. Pháp đường là nơi nói Pháp. Khai thị tức là giảng. Bài giảng này chỉ có một câu thôi, tiếp đó là một câu hỏi. Một người đứng trên chót vót đỉnh cô phong không có đường ra, còn một người đứng giữa ngã tư không tiến thối được.

https://thuviensach.vn

Giữa hai kẻ ấy, ai tới trước, ai tới sau? Đừng giả bộ làm Duy Ma Cật cũng đừng đóng vai Phó đại sĩ. Xin chào quý vị.

Một người đứng trên chót vót đỉnh cô phong không có đường ra. Đỉnh cô phong là một đỉnh núi đơn độc, chỉ có một ngọn núi nên không thể nhảy sang ngọn núi khác được. Đó là trường hợp của một người. Không biết làm ăn ra sao mà người đó tự nhiên thấy mình đang đứng trên một đỉnh núi đơn độc, nguy hiểm, không nẻo tiến thối. Còn một người đứng giữa ngã tư không tiến thối được. Một người khác cũng lâm vào tình trạng như vậy, đứng giữa ngã tư không biết đi về hướng nào, hoàn toàn bối rối. Câu hỏi: Giữa hai kẻ ấy, ai tới trước, ai tới sau? So sánh người nào tới trước và người nào tới sau. Nói xong, thầy Lâm Tế bước xuống pháp tọa và đi về phòng riêng để đại chúng muốn nghĩ sao thì nghĩ.

Trong đại chúng đây, có ai có cảm giác là ta đang ở trong tình trạng đó hay không? Tình trạng tiến thối lưỡng nan. Đó là một trong những bài hát của Trịnh Công Sơn, tiến thối lưỡng nan sau một trận bịnh rất nặng. Có thể ta đang ở trong trạng thái đó. Ta chịu trận, ta chịu chết, ta không có nẻo thoát. Đừng giả bộ làm Duy Ma Cật. Ông Duy Ma Cật rất có biện tài. Mà cũng đừng đóng vai Phó đại sĩ. Phó đại sĩ cũng là một vị cư sĩ rất nổi tiếng, một Duy Ma Cật của Trung Quốc sống vào cuối thế kỷ thứ năm, đầu thế kỷ thứ sáu. Đứng ở trong tình trạng đó, hoàn cảnh đó, tình huống đó, ta không cựa quậy được, ta chết cứng, ta không có nẻo ra. Vậy mà ta cứ khoác lác rằng ta thấy được con đường, ta đang giải thoát, ta đang đứng cao hơn tất cả mọi người. Kỳ thật, ta đang ở trong cái thế hoàn toàn bí.

Thiền sư lên pháp đường, nói :

- Có một người đang mãi mãi ở ngoài đường mà chưa hề lìa khỏi nhà cửa, có một người đã lìa nhà cửa, nhưng mà không đang ở ngoài đường. Trong hai người ấy, ai là kẻ đáng được thiên và nhân cúng dường ?

Nói xong liền bước xuống.

https://thuviensach.vn

Thiền Sư lên pháp đường, nói: Có một người đang mãi mãi ở ngoài đường mà chưa hề lìa khỏi nhà cửa. Ở ngoài đường nhưng chưa rời khỏi nhà bao giờ. Còn có một người đã lìa nhà cửa, nhưng mà không đang ở ngoài đường. Ngộ chưa? Lìa nhà thì phải ở ngoài đường chứ? Ở đây nói lìa nhà rồi mà không phải ở ngoài đường, tôi biết ở đâu? Còn người đang ở ngoài đường mà thiệt chưa từng rời nhà. Trong hai người ấy, ai là kẻ đáng được thiên và nhân cúng dường? Trong hai người đó, người nào đáng được chư thiên và loài người cúng đường? Nói xong thiền sư bước xuống và đi về phương trượng. Phương trượng là chỗ ở của vị trụ trì hay vị tọa chủ.

Đoạn này chắc chắn nói về chuyện xuất gia. Đi ra ngoài đường tức là bỏ nhà, bỏ đời sống gia đình, bỏ đời sống hệ lụy để trở thành một người tự do, một người giải thoát. Xuất gia, tiếng Anh dịch là going forth nghĩa là lên đường. Đứng về phương diện hình thức, người xuất gia đang ở trên đường; đứng về phương diện nội dung, người đó chưa rời khỏi nhà, tức là người đó chưa xuất gia thiệt. Mang tiếng là người xuất gia, đầu cạo trọc, mặc áo nâu, nhưng kỳ thật không phải người xuất gia. Một người đang mãi mãi ở ngoài đường mà chưa hề lìa khỏi nhà cửa. Tức là tự nhận ta là người xuất gia, mang hình thức của người xuất gia mà chưa hề lìa khỏi nhà cửa vì vẫn còn đi tìm những tiện nghi vật chất, những tiện nghi tình cảm. Và có một người đã lìa nhà cửa, nhưng mà không đang ở ngoài đường. Có một người đang sống đời cư sĩ, không mang hình thức xuất gia, nhưng người đó đã xuất gia rồi, vì trong tâm người đó vắng lặng, đã buông bỏ tất cả và không còn ý niệm đi tìm cầu nữa. Trong hai người đó, người nào đáng được chư thiên và loài người cúng dường?

Bài giảng này có một câu thôi, nhưng các thầy và các sư cô đã thấy thấm lắm, phải không? Đâu cần nói nhiều, nói một câu như vậy đủ để cho các thầy, các sư cô ngồi suy nghĩ, xem thử ta đã xuất gia thiệt hay chưa? Còn đối với những người chưa xuất gia, họ có hơn ta hay không? Có thể họ đang hơn ta vì họ có nhiều thảnh thơi và tự tại. Xuất gia rồi nhưng bước chân của ta có thanh thản hay không? Hơi thở của ta có giúp ta an trú trong giây phút hiện tại không? Ta có đang đi tìm kiếm những gì mà người ngoài đời đang đi tìm kiếm hay

https://thuviensach.vn

không? Ta có xứng đáng làm chỗ nương tựa của loài người và loài trời hay không? Những câu hỏi đó có thể tự ta trả lời được. Ta đã thọ giới Sa Di hay Giới Lớn rồi, nhưng ta có nên cạo đầu lại lần nữa hay không? Đó là câu hỏi của thiền sư Lâm Tế.

Xuất gia có nghĩa là ra khỏi nhà. Nhà này là nhà phiền não, nhà đam mê, nhà tham dục, nhà hận thù, nhà u mê. Trong khi chưa xuất gia, ta có thể đang ở trong một tình huống rất khó khăn, không vùng vẫy được. Ta là ai? Ta là người vợ; ta là người chồng; ta là người cha; ta là người con. Ta kẹt cứng, không vùng vẫy được. Và ta mong ước có một hoàn cảnh khác, vì ta không hề có hạnh phúc. Ta đi tìm hạnh phúc trong sự mơ ước, trong mộng tưởng, tại vì thực tế rất phủ phàng. Giống như trường hợp của một đạo hữu, một thiền sinh đang có mặt ở đây:

'Con và nhà con vừa mới ly thân, và nhà con đang mưu mô nói với cảnh sát là con đã đánh, đã dọa nạt, đã hành hạ bả. Bả nói láo như vậy để cho con không có quyền giữ con con và đi thăm mấy đứa con của con. Vì vậy cho nên con rất đau khổ. Con đang muốn làm tất cả những điều con có thể làm để chứng tỏ rằng bà ta là người có lỗi, bà ta nói dối, bà ta lừa gạt, bà ta đang đi theo một người đàn ông khác. Và hai đứa tụi con sẽ ra tòa. Bây giờ con đang ở đây, ở Lộc Uyển. Con làm thế nào để đối phó được với cái niềm đau nỗi khổ, cái chấn động đó khi mà bà ta đang nói dối, đang tìm đủ mọi cách để đem các đứa con con đi và không cho con có cơ hội để gặp con của con. (My wife and I just broke up and she is being very deceptive by telling the police that I have threatened and harassed her. She has lied about this to prevent me from seeing my children. Of course this causes me much great pain. I am filled with desire to do everything I can to expose her to friends and family as a liar as well as a cheat, as she has been seeing another man. We'll be going to court. How do I deal with the shock and hurt that she is lying to keep me away from the children?)'

Đây là một trong những tình trạng khó. Tình trạng này không khác gì với tình trạng đứng ở trên đỉnh núi cô phong, rất là cô đơn, không

https://thuviensach.vn

biết tiến thối thế nào, không biết phải làm gì. Nếu không có gì thay đổi, ta sẽ tiếp tục vùng vẫy như đã từng vùng vẫy trong quá khứ. Nhưng tình trạng bây giờ tiến thối lưỡng nan mà ta càng vùng vẫy thì càng lún sâu thêm nữa. Vậy ta có đường thoát hay không? Theo lời Bụt dạy, tình huống nào cũng có một lối thoát hết. Đừng nghĩ đó là tình huống của người tại gia thôi, thật sự người xuất gia cũng có thể bị kẹt, cũng có thể không biết đường đi, cũng có thể nằm trong sự tranh chấp, cũng có sự buồn giận, cũng có sự tuyệt vọng, cũng đang tìm cầu và không làm sao đứng yên được ở chỗ ta đang đứng, không ngồi yên được ở chỗ ta đang ngồi. Cho nên đây không phải chỉ là vấn đề của người tại gia mà thôi. Và có những người mang hình thức tại gia nhưng trong tâm họ đã xuất gia rồi, còn có những người hình thức là xuất gia nhưng trong tâm họ vẫn còn tại gia. Họ vẫn còn vướng víu, mắc kẹt. Họ ngồi ở chỗ đó như là ngồi trên đống lửa, ngồi trên than hồng, ngồi ở chỗ có gai góc, không cảm thấy thoải mái. Không cảm thấy thoải mái, không có an lạc, không an trú được trong giây phút hiện tại, tức là chưa xuất gia. Trong khi đó, có những người chưa xuất gia nhưng họ thảnh thơi, họ an trú được trong hiện tại, thì họ đã là những người xuất gia rồi. Trong bản chất, họ xứng đáng được loài người và chư thiên cúng dường.

Nếu quý vị hoặc là người xuất gia, hoặc là người tại gia đã từng tu học, đã từng đem áp dụng những pháp môn Bụt dạy, thầy dạy trong đời sống hằng ngày, nếu quý vị đã từng thực tập để thoát ra khỏi những tình huống khó khăn cho chính bản thân, thì khi có một người tới để nhờ quý vị soi sáng và tháo gỡ, như là vị thiền sinh trong lá thư này, thì quý vị sẽ giúp cho người đó như thế nào? Còn nếu quý vị chưa đem những điều mình học vào thực tập, chưa tháo gỡ được cho mình, thì làm sao khi có một người tới cầu xin quý vị giúp đỡ như trong trường hợp này mà có thể giúp đỡ được? Quý vị không thể được gọi là pháp khí. Và có thể là quý vị đang làm giống hệt như người này, quý vị cũng đang bí, cũng đang tranh đấu không ngừng, và càng tranh đấu càng lún xuống. Có thể trường hợp này là một tiếng chuông chánh niệm, trường hợp này đôi khi là trường hợp của chính ta. Trường hợp tôi đâu đến nỗi như vậy! Nhưng bản chất của

https://thuviensach.vn

nó có thể là như vậy, nó có cùng một bản chất. Giống như cái bánh to và cái bánh nhỏ có cùng một bản chất: chất bột và chất đường. Nếu quý vị có thể giải quyết được vấn đề đó trong tầm cỡ này, thì quý vị có thể giải quyết được vấn đề đó ở tầm cỡ lớn hơn.

Một người bạn tu có thể giúp ta thấy được tình trạng để biết rằng ta nên làm gì, hay là không nên làm gì trong tình trạng đó - tình trạng đứng một mình trên đỉnh cô phong không ai đưa tay ra đỡ ta, cứu ta. Trong tình trạng đứng giữa ngã tư đường và hoàn toàn mất phương hướng thì sự có mặt của một sư anh, một sư chị, một sư em, một vị thầy là để giúp ta đi qua trạng huống khó khăn vậy. Nhưng nếu trong trường hợp ta không có một tăng thân, không có một người anh, một người chị hay một người bạn tu, thì ai giúp ta đây? Ví dụ như Đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, ai đã giúp Ngài trong những lúc khó khăn? Năm người cùng tu với Siddhattha đã bỏ đi rồi, còn lại một mình dưới gốc Bồ Đề mà có những khó khăn thì ai giúp? Siddhattha phải tự nương vào mình, vì trong người Siddhattha có Phật tính, có khả năng, có con đường. Con đường đó tuy chưa được phát hiện nhưng đã có ở trong đó. Không có bài toán nào mà không có đáp số. Ra được một bài toán là thế nào cũng có đáp số. Đó là nguyên tắc của Tứ Diệu Đế, và sự thật thứ nhất là một bài toán.

Sự thật thứ nhất là Khổ đế. Đế là sự thật. Khổ đế là bài toán mà Đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phải đọc và phải viết nó xuống cho rõ ràng. Bài toán của ta là bài toán nào? Ta nói ta khổ, nhưng phải biết ta khổ cái gì? Ta phải thấy được cái khổ của ta, ta phải nhận diện cho ra cái khổ của ta. Nếu ta nói ta khổ mà không biết là ta khổ cái gì thì đâu được. Cũng giống như khi ta đau, ta phải nói là tôi đau ở hông bên trái, hay là hông bên phải, đè chỗ này thì đau, đè chỗ kia thì không thấy đau. Vì vậy cho nên phải có một cái nhìn, một sự quán chiếu về cái đau của ta. Khi ra một bài toán, bài toán đó phải đầy đủ chi tiết, lúc đó ta mới tìm ra đáp số được. Cũng như vậy, ta có thể tự quán chiếu xem ta bịnh gì? Ta đau ở chỗ nào? Có những triệu chứng nào? Nếu ta mơ hồ với chính cái bịnh của ta, thì ông bác sĩ có thể đặt ra những câu hỏi để giúp ta thấy rõ bịnh trạng của ta hơn. Ông sẽ làm gì? Ông sẽ làm ba chuyện: Trước tiên là ông quán sát ta - là chuyện

https://thuviensach.vn

mà các bác sĩ ngày xưa hay làm nhất. Nhìn ta, ông đã có một ý niệm rồi. Đó là vọng. Vọng tức là nhìn, là quan sát. Rồi ông nghe ta kể lể, nghe ta than thở: Bác sĩ ơi, tôi đau ở chỗ này; tôi khạc ra cái này... Đó gọi là Văn, tức là ông lắng nghe ta nói. Nghe ta nói xong, ông nghe mạch của ta nhảy, rồi ông hỏi. Đó là vấn. Vấn là đặt câu hỏi. Ông hỏi những câu như: Đau từ hồi nào? Qua ba giai đoạn vọng, văn và vấn, ông bác sĩ có thể tìm ra chân tướng của cái bịnh. Ông quán sát, ông nghe ta than thở, ông đặt những câu hỏi và ông đi tới cái hiểu, rồi ông kết luận ta bịnh gì, sau cùng là ông làm ra bịnh án. Nương vào bịnh án đó ông đưa ra phương thuốc chữa trị, gọi là Thiết. Vọng, văn, vấn và thiết là bốn giai đoạn mà ông thầy thuốc phải đi qua. Nếu ta là người tu ta cũng làm giống hệt như vậy. Còn ta thấy trong người đau nhức, trong người khó chịu nhưng ta chỉ biết vùng vẫy, cựa quậy thì không có ích gì. Ta phải quán chiếu niềm đau nỗi khổ đó và phải gọi tên nó cho được. Đó là những loại đau khổ nào và nó có nguồn gốc từ đâu? Đó là sự thật thứ hai, tập đế. Tập đế tức là những nguyên do đưa tới khổ đau kia. Trường hợp này cũng là một thứ bịnh, một nỗi khổ, nhưng nếu ta chỉ biết nói khổ và vùng vẫy thôi thì không được. Ta phải nhìn cho kỹ cái khổ của ta. Ta phải tự hỏi tại sao chuyện ra cớ sự như vậy? Tại sao khi hai người mới cưới thì chuyện không có như vậy? Tại sao khi mới cưới, hai người có rất nhiều hy vọng, rồi hai người làm ăn ra làm sao mà bây giờ chuyện thành ra như vậy? Ta phải chịu trách nhiệm tới mức độ nào và người kia chịu trách nhiệm tới mức độ nào? Cách ta suy tư, cách ta nói năng, cách ta hành xử như thế nào? Cách người kia suy tư, nói năng, hành sử như thế nào? Cách ta phản ứng như thế nào? Cách người kia phản ứng như thế nào? Áp dụng vọng, văn, vấn và thiết để giải quyết khổ đau của ta. Nếu không ngồi yên lại để quán chiếu, để nhìn cho rõ, để đặt vấn đề, để đưa ra tất cả những chi tiết của bài toán thì không thể nào tìm ra được đáp án. Và vì vậy cho nên tự đặt ra những câu hỏi đó là quán chiếu về khổ, sự thật thứ nhất. Quán chiếu về sự thật thứ nhất để tìm ra được nguyên do của nó, đó là tập đế.

Ta đang có bất an, ta không có hạnh phúc, ta ngồi như ngồi trên đống lửa, ta không có khả năng an trú được, nhưng ta lại không tìm hiểu

https://thuviensach.vn

nguyên do vì sao. Ta có khuynh hướng nghĩ là tại vì ta chưa tới được chỗ đó, chưa làm được chuyện đó cho nên ta đau khổ chứ không biết rằng là khi đến được chỗ đó rồi, ta vẫn tiếp tục đau khổ như thường. Trong khi đang đau khổ ở đây, ta hay nghĩ rằng lúc này không phải lúc của ta, chỗ này không phải là chỗ của ta, nếu ta ở một chỗ khác, hay ở vào một thời điểm khác, thì có thể là nó sẽ không như vậy. Đó là sự tưởng tượng của ta. 'Ở đây nếu không có hạnh phúc thì ta phải ở chỗ khác thôi', ta nói một cách buông xuôi như vậy. Bây giờ không có hạnh phúc thì phải đợi tới tương lai mới có hạnh phúc, đó là cách suy nghĩ thông thường của con người.

Khi ông thầy thuốc đi qua bốn giai đoạn quán sát, nghe ngóng, tìm hiểu và nghiên cứu, tức là ông đi qua giai đoạn quán chiếu khổ đế và tập đế. Khi đã có đầy đủ dữ kiện, ông có cách chữa trị, gọi là đạo đế. Đạo đế tức là con đường để thay đổi tình trạng, chữa lành căn bịnh, chuyển hóa những khổ đau. Đó là đáp số của bài toán. Còn ở đây, đương sự đang đau khổ, đương sự đang lâm vào tình trạng tuyệt vọng, ấy vậy mà đương sự vẫn quyết định tiếp tục tranh đấu. Sự thật là càng tranh đấu thì càng lún xuống. Nếu ta khăng khăng tiếp tục tranh đấu thì ta càng sa lầy sâu hơn, tại vì ta không biết phương hướng thì làm sao ta thấy lối ra, làm sao ta biết rõ tình trạng của ta. Trong tình trạng của vị thiền sinh này, cũng như trong nhiều tình trạng khác cũng vậy, vấn đề không phải là 'Phải làm gì?' mà quan trọng nhất là không nên làm gì hết. Đó là câu trả lời đầu tiên. Không nên làm gì hết! Tại vì anh đang không phải ở trong tư thế để có thể làm bất cứ cái gì hết. Anh càng làm thì càng lún, vì vậy cho nên anh không nên làm gì hết; chị không nên làm gì hết. Đó là câu trả lời của Bụt. Chuyện đâu còn có đó. Án binh bất động. Phải ngồi cho yên. Vì vậy cho nên anh chọn lên ở Lộc Uyển là đúng, nhưng ở Lộc Uyển không phải để suy nghĩ là ta nên làm cái gì. Anh lên Lộc Uyển để được ngồi yên và đem hết tất cả con người, tâm tư của mình để ngồi yên cho được. Ngồi yên được thì khó lắm. 'Con ngồi ở đâu cũng là ngồi trên đống lửa: ở dưới kia cũng là đống lửa, lên trên này vào ngồi trong thiền đường cũng là đống lửa, ngồi ăn cơm trưa với đại chúng cũng là đống lửa... Tình trạng của con như vậy, thầy đã không giúp

https://thuviensach.vn

còn bảo con phải ngồi yên, thì làm sao con ngồi yên đây?' Trước hết, ta phải biết rằng, nếu cái tâm của ta đầy những hờn giận, đầy những thù ghét, đầy những tuyệt vọng, thì không có một hành động nào có thể cứu ta ra được cả, vì vậy cho nên ta phải an cái tâm lại. Đừng làm gì hết là một hành động đòi hỏi rất nhiều nghị lực và nhiều tuệ giác. Có tuệ giác mới có khả năng ngồi yên không làm gì hết trong tình huống gay go như vậy. Tuệ giác đó bắt đầu từ nhận thức là làm bất cứ điều gì trong tình trạng này cũng có thể gây thêm đổ vỡ. Bây giờ ta thấy người đó là kẻ thù và ta quyết một sống một chết với người đó. Nếu ta thắng ta thấy đã, và ta có mấy đứa con cho ta; còn người kia khổ nhiều chừng nào thì càng tốt chừng đó, tại người đó đã dám làm cho ta khổ. Đó là lề lối suy tư của ta đang đi về hướng đó. Người đàn bà đó là một người lăng loàn, là một người không có tình nghĩa, là một người phản phúc, dối trá; người đàn bà đó phải bị trừng phạt, và người đàn bà đó càng khổ nhiều càng tốt. Người đó càng khổ nhiều thì ta càng thấy đã chừng đó. Ta phải làm cho người đó thất bại hoàn toàn. Đó là tâm tư của ta. Với tâm tư đó, nhận thức đó, ta thất bại là thường, cho nên ta hãy lắng nghe xem Bụt dạy như thế nào. Bụt dạy rằng ta phải chiến thắng ta trước, tức là phải vượt thoát những căm thù, những vô minh trước. Ta phải là người chiến thắng, nhưng không phải chiến thắng người kia và làm cho người kia đau khổ mà chiến thắng những vô minh, những giận hờn, những tàn ác ngay trong ta. Ta làm như xưa nay ta chưa từng có vụng về, chưa có lỗi lầm và tất cả những đau khổ của ta là do người kia làm ra cả... Điều đó hoàn toàn không đúng. Ít nhất là ta cũng có một phần trách nhiệm trong sự đổ vỡ này, có thể là năm mươi phần trăm, có thể là nhiều hơn, nhưng không thể nói rằng ta hoàn toàn không có trách nhiệm. Ta phải thấy cho được những điều đó. Và những điều đó là những điều khó thấy. Trong liên hệ anh em, chị em, cha con, hay vợ chồng mà có những khó khăn thì đừng nói tất cả trách nhiệm là quy về người kia, nói như vậy là không đúng. Khi hai tay ta cầm một chiếc đũa, nếu ta muốn bẻ gẫy chiếc đũa đó thì rất dễ. Nhưng nếu chỉ có một tay cầm chiếc đũa thì dù nó có muốn bẻ gẫy bao nhiêu đi nữa mà tay kia không cộng tác thì không bao giờ chiếc đũa gẫy được. Chiếc đũa chỉ có thể bị gẫy khi có sự cộng tác của cả hai tay. Cũng vậy, tại ta cũng

https://thuviensach.vn

muốn bẻ gẫy liên hệ cho nên nó mới gẫy, nếu ta không muốn bẻ gẫy thì liên hệ sẽ không bao giờ gẫy. Tình trạng là như thế đó. Ta không nên hoàn toàn đổ lỗi cho người kia. Sự thật nó đơn giản tới cái mức đó. Anh cứ tới quỳ dưới đức Thế Tôn, rồi nhìn lên, anh thở, anh lắng nghe đi, thì anh sẽ nghe đức Thế Tôn nói:

- Con là một người đáng thương.

Đúng như vậy, anh rất cần tình thương của đức Thế Tôn. Nếu anh ngồi yên, anh thở và anh lắng nghe thêm, đức Thế Tôn sẽ nói:

- Mấy đứa con của con cũng đáng thương lắm, tội nghiệp chúng.

Đức Thế Tôn đã nói thì đúng thôi. Mà nếu anh ngồi lắng nghe thêm, anh sẽ nghe đức Thế Tôn nói:

- Người đàn bà mà con đang hận thù đó cũng rất đáng thương.

Những câu nói đó, nếu anh lắng nghe thì anh nghe được liền: 'Con rất đáng thương, mấy đứa con của con cũng rất đáng thương và người đàn bà đó cũng rất đáng thương. Ta không muốn bất cứ đứa nào đau khổ cả; ta không muốn cho con đau khổ mà ta cũng không muốn cho người đàn bà đó đau khổ, và ta cũng không muốn cho những đứa con con đau khổ. Nếu con là đệ tử của ta, con phải phát nguyện thực tập như thế nào để con thương được cả ba: con, người đàn bà đó và những đứa con con.' Nếu anh nghe được câu nói đó của đức Thế Tôn, chắc chắn anh sẽ lạy xuống cảm ơn Ngài: Con tìm ra đường rồi. Con sẽ sống và thực tập như thế nào để tình thương của con có thể ôm lại được con, con của con và cả người đàn bà đó thì con mới xứng đáng là học trò của đức Thế Tôn. Anh bắt đầu có con đường. Đạo đế hiển hiện. Đó là con đường dập tắt hận thù trong chính bản thân của ta và giúp dập tắt hận thù nơi đối tượng kia nữa. Con đường đó không phải là một sự mơ ước, con đường đó là một cách thực tập rất cụ thể. Có những cách suy tư thực hiện được việc dập tắt hận thù, đó là cách suy tư theo đường hướng của Từ, của Bi, của Hỷ và của Xả. Có những lời nói, những lá thơ, có thể đi theo đường hướng biểu lộ được Từ, được Bi, được Hỷ và được Xả; có những hành động nhẹ nhàng, chăm

https://thuviensach.vn

sóc, đầy từ ái, sẽ cứu anh, cứu được những đứa con của anh và cứu được người mà ngày xưa anh đã nguyện thương yêu. Vì anh đã thất bại, anh đã làm cho người thương trở thành kẻ thù, cho nên anh tới chùa để nghe cho được tiếng nói của đức Thế Tôn. Tiếng nói đó, nó có trong trái tim của mỗi người, tại vì đức Thế Tôn ở trong ta chứ không chỉ ở trên bàn thờ. Bụt ở trong trái tim, lắng nghe Bụt trong tim ta và tiếp nhận được thông điệp đó thì ta thấy được con đường. Thấy được con đường là khoẻ rồi, dù chưa đi bước nào nhưng đã khoẻ, đã giải thoát rồi. Khi anh đã biết nhìn anh bằng con mắt của từ bi và đã phát ra tâm từ bi, thì anh thương được người đó cũng như thương được những đứa con của anh và thấy rằng có một con đường có thể giúp ta ôm lấy cả ba để chuyển hóa, dù lúc đó anh chưa làm gì hết mà anh đã khỏe rồi. Anh bắt đầu có trí tuệ, có sự an tĩnh, và nếu anh chịu học hỏi, thì Tam Bảo sẽ soi sáng cho anh như những lời dạy trong kinh Diệt Trừ Phiền Giận, kinh Soi Gương. Tất cả những kinh như vậy là để soi sáng cho ta, đó là lời Bụt dạy. Tăng thân sẽ soi sáng cho anh. Có những thầy, có những sư cô, có những đạo hữu đã từng đi qua con đường đó, họ soi sáng cho anh, họ chỉ cho anh con đường Từ Bi, con đường của Bụt. Chỉ có Từ Bi mới đáp lại được hận thù thôi. Anh còn mang hận thù thì anh còn khổ và anh còn làm khổ người ta. Anh là người xuất gia cũng vậy; chị là người xuất gia cũng vậy. Đây không phải chỉ là sự thực tập của người tại gia mà thôi. Giáo pháp của đức Thế Tôn rất cụ thể. Tư duy như thế nào để khơi dậy được suối Từ Bi (khơi suối thương yêu). Khi suối thương yêu bắt đầu phun lên là ta đã bớt khổ rồi dù chưa làm gì hết. Thấy được con đường sáng thì thế nào ta cũng giúp được cho người khác. Quan trọng là ta có bớt khổ hay không. Còn đang bị lửa địa ngục đốt cháy thì ta làm gì đi nữa cũng chỉ gây thêm khổ đau cho ta và cho người khác. Vì vậy cho nên lời khuyên đầu tiên của Bụt là anh đừng làm gì hết. Nếu anh đang đứng trên một đỉnh núi cao và anh có lòng thương đó, thì đỉnh núi cao trở thành một chỗ rất thoải mái. Và nhờ đứng trên đỉnh núi cao đó mà anh thấy được rất nhiều cái đẹp, tuy chỗ đó là một cao điểm của đời anh nhưng nó không phải là chỗ bí nữa. Ta ngã ở đâu thì ta phải chống ở đó mà đứng dậy, đừng đi tìm kiếm ở những nơi khác mà lầm tưởng rằng những nơi đó sẽ không có vấp ngã. Sư cô cũng vậy. Sư

https://thuviensach.vn

chú cũng vậy. Đừng nghĩ rằng ta phải tới chỗ đó rồi mới có giải pháp hay ngày mai mới có giải pháp. Không! Giải pháp nằm ngay bây giờ và ở đây. Phải tìm lối thoát ngay trong lúc này và tại chỗ này. Nếu sư chú thất bại, nếu sư cô thất bại thì ngày mai cũng sẽ thất bại, tới được chỗ đó rồi cũng sẽ thất bại.

Giáo lý này dành cho cả giới xuất gia và tại gia, tại vì theo cái thấy của thiền sư Lâm Tế, một vị xuất gia chưa chắc đã xuất gia hoàn toàn và một vị tại gia có thể xứng đáng hơn một vị xuất gia nếu vị đó đã chấm dứt sự tìm cầu, có được thanh thản và an trú được trong giây phút hiện tại.

https://thuviensach.vn

Bốn Phép Độ Người

Trong một buổi tham vấn chiều, thiền sư khai thị: 'Có lúc đoạt người không đoạt cảnh, có lúc đoạt cảnh không đoạt người, có lúc đoạt cả người cả cảnh, có lúc không đoạt người cũng không đoạt cảnh.'

Lúc bấy giờ có một vị xuất gia hỏi: 'Đoạt người không đoạt cảnh là sao?

Thiền Sư đáp:

> *'Nắng dậy gấm thêu đầy mặt đất*
> *Hài nhi tóc rủ bạc như tơ.'*

So sánh các bản dịch với bản văn này, chúng ta thấy có một ít sự sai khác. Sự sai khác này chứng tỏ là ta có cái hiểu và cái thấy khác với các dịch giả khác. Điều này rất quan trọng.

Đoạn này thuộc về bốn phép độ người, gọi là Tứ Liệu Giản, tức là tùy theo trình độ, căn cơ của người đến tham vấn, đến học hỏi mà chúng ta sử dụng một trong bốn pháp đó. Giáo sư Démiville dịch Tứ Liệu Giản là Les Quatre Alternatives de Lin Tsi, tiếng Anh có thể dịch là The Four Kinds Arrangements of Subject and Object.

Trong khi đọc đoạn văn này, chúng ta hãy đọc như là đọc một bài thơ. Đừng cố công tìm hiểu chữ nghĩa nhiều cho mệt óc. Chúng ta không nên quan trọng quá cái chuyện đó. Nếu chúng ta thấy được điều gì đó thì cũng vui, mà không thấy cũng không sao.

Trong một buổi tham vấn chiều, thiền sư khai thị: 'Có lúc đoạt người không đoạt cảnh, có lúc đoạt cảnh không đoạt người, có lúc đoạt cả người cả cảnh, có lúc không đoạt người cũng không đoạt cảnh.'

Câu chuyện xảy ra trong một buổi tham vấn chiều. Buổi sáng, có những sự đối đáp và dạy chúng, còn buổi chiều thì Tổ giảng về cái thấy của Tổ, gọi là vãn tham. Vãn tham tức là tham vấn buổi chiều.

https://thuviensach.vn

Lúc đó có một thầy đứng lên hỏi: 'Bạch thầy, đoạt người không đoạt cảnh là sao?' Tổ trả lời: 'Nắng dậy gấm thêu đầy mặt đất, hài nhi tóc rủ bạc như tơ.'

Đoạt người không đoạt cảnh, tức là đừng để ý tới chủ thể, chỉ để ý tới đối tượng.

Nhận thức luôn luôn bao gồm chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Người đời thường chỉ nhìn cảnh vật, nhìn người, chỉ thấy cảnh mà không thấy tâm. Những cái ta có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm, có thể sờ mó được, thì ta cho là có thật. Ta không thấy đó là do tâm biến hiện ra, và tâm can thiệp vào những sự kiện ấy, trong triết học gọi là Thực Tại Luận Chất Phác (Naive Rèalism).

Sự có mặt của một bông hoa là sự thật, điều đó chúng ta không thể nào chối cãi. Anh có sanh ra đời hay không có sanh ra đời, tôi có sanh ra đời hay không có sanh ra đời, thì bông hoa cũng có đó. Nó độc lập ngoài chủ thể nhận thức của ta. Bông hoa là một thực tại độc lập không dính líu gì tới anh và tôi cả, đó gọi là Thực Tại Luận Chất Phát. Trong trường hợp này, ta không kể đến chủ thể nhận thức, chỉ nói đến đối tượng nhận thức (bông hoa). Có những người đến học, hay đến tham cứu với ta, ta có thể để họ đứng ở trong trường hợp đó, không cần sự can thiệp của tâm họ, chỉ nhận xét sự thật qua đối tượng nhận thức của mình mà thôi, đây là chủ trương của phái Thực Tại (Realism). Ví dụ, có người tới than với tôi rằng: 'Thầy ơi! Tại sao đời con khổ quá? Tại sao cái này như thế này, cái kia như thế kia...?' Nếu đứng trên lập trường Thực Tại Luận, tôi sẽ không trả lời: 'Tại vì cái tâm của con nó sanh ra như vậy.', mà tôi sẽ cắt nghĩa cho họ: 'Cái này liên hệ đến cái kia, cái kia liên hệ đến cái nọ.'

Đoạt người không đoạt cảnh là sao? Lấy đi chủ thể gọi là đoạt người, tức là không chú ý tới chủ thể nhận thức (tâm) chỉ chú ý tới cảnh vật (đối tượng của tâm) là đoạt người không đoạt cảnh. Hình ảnh Tổ Lâm Tế đưa ra là: Nắng dậy gấm thêu đầy mặt đất, hài nhi tóc rủ bạc như tơ. Nghĩa là: Mùa xuân có nắng, cây cối xanh tươi, hoa nở khắp nơi... cảnh vật như gấm thêu. Đó là đối tượng của nhận thức. Trong khi đó,

https://thuviensach.vn

có một cô bé (chú bé) đang chơi ở ngoài nắng với hoa, mà tóc của cô bé (chú bé) lại bạc như tơ. Đối với một em bé Trung Quốc, tóc trắng là một điều không thể xảy ra. Ở Tây Phương thì có thể có những em bé tóc trắng, bên Tàu thì tóc của bé nào cũng đen.

Hình ảnh một em bé chơi trong nắng mai mà tóc lại bạc trắng là một sự phủ nhận. Nó cho ta biết có những mâu thuẫn không thể giải quyết được nếu đứng về lập trường của Thực Tại Luận, tức là ở đây có sự can thiệp của tâm vào cảnh. Cũng như cụ Nguyễn Du nói: 'Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.' Thành ra đứng trên lập trường của Thực Tại Luận, có những trường hợp mâu thuẫn mà ta không thể giải thích được. Ví dụ, tại sao có người nhìn mặt trăng thấy đẹp, thấy vui, lại có người nhìn mặt trăng thấy buồn rầu? Điều ấy là tại mặt trăng hay tại ta?

Đây là điều tiên đoán, chứ không hẳn là ý của Tổ như vậy. Có thể Tổ không có ý gì cả, chỉ đưa ra câu thơ. Thành ra ta đừng bị kẹt. Chính Tổ cũng khuyên ta là đừng bị kẹt vào những ý niệm, những hình ảnh của người khác đưa ra. Nếu ta có thấy thì thấy, không thấy thì thôi, không quan trọng.

Hỏi tiếp: 'Đoạt cảnh không đoạt người là sao?'

Thiền Sư đáp: 'Lệnh vua truyền khắp trong thiên hạ

Biên thùy tướng sĩ khói mây tan.'

Trường hợp thứ hai là đoạt cảnh không đoạt người (đoạt cảnh bất đoạt nhân). Tức là lấy đi đối tượng nhận thức, đưa người tham vấn trở về tâm của họ (chủ thể nhận thức). Lập trường của những nhà Duy Thức là tất cả những cảnh vật mà chúng ta thấy hoàn toàn là do những biến hiện của tâm thức. Những gì anh thấy, anh nghe, anh cảm,... những gì làm khổ anh, làm cho anh chìm đắm, chúng không phải là những thực tại độc lập bên ngoài mà do tâm anh tạo tác ra. Khuynh hướng này là trở về để nhìn tâm, và không công nhận thực tại bên ngoài là một cái gì có thật.

https://thuviensach.vn

Chúng ta thấy trong lịch sử của tư tưởng Phật giáo cũng có những khuynh hướng tương đương như vậy. Phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivāda) chủ trương rằng tất cả là có thật. 'Nhất thiết hữu' nghĩa là tất cả đều có thật, trong đó có khuynh hướng của Thực Tại Luận, còn gọi là khuynh hướng đoạt nhân bất đoạt cảnh. Duy thức luận, Pháp tướng tông thì chủ trương rằng tất đều do tâm, và những cảnh tượng ta thấy, ta nghe, ta cảm đều là những biến hiện của tâm thức. Trường phái Duy Biểu tượng trưng cho lối thực tập thứ hai, gọi là đoạt cảnh bất đoạt nhân. Hình ảnh được Tổ đưa ra là: Lệnh vua truyền khắp trong thiên hạ, biên thùy tướng sĩ khói mây tan. Trong nguyên văn là 'tuyệt yên trần.' Tuyệt tức là hoàn toàn không còn gì, yên tức là khói và trần là bụi. Khói và bụi là những dấu hiệu của chiến tranh. Khi có một đoàn quân xâm nhập vào lĩnh thổ ở biên cương, lính ở biên thùy không có kính viễn vọng như bây giờ, vì vậy họ phải leo lên lầu gác rất cao để nhìn xa, khi thấy bụi cuốn phía chân trời, họ biết quân địch sắp xâm nhập vào biên thùy, thì họ phải báo động về cho trung ương gấp. Ngày xưa không có fax cũng không có điện thoại cầm tay, cho nên lính biên thùy dùng khói làm tín hiệu. Khi có dấu hiệu của sự xâm nhập, họ đốt phân chó sói phơi khô, thì nó tỏa lên một ngọn khói đen ngòm. Đồn canh cách đó mười cây số hay hai mươi cây số thấy khói thì biết là có giặc. Tại đồn canh đó cũng lấy phân chó sói phơi khô để đốt lên,... cứ như vậy mà chuyền về kinh đô để cho nhà vua biết rằng ở biên thùy đang có giặc. Chữ yên ở đây ta phải hiểu là khói, tức là dấu hiệu của chiến tranh. Hồi đó, ở biên thùy luôn luôn có những bộ lạc giặc dấy lên, và đe dọa cho an ninh của đất nước. Tổ Lâm Tế ở miền Tây Bắc không xa biên thùy bao nhiêu, do đó hình ảnh 'khói và bụi' là hình ảnh rất thực tế mà chính Tổ đã trông thấy, đã cảm nhận, cho nên đã đưa vào thi ca, đưa vào trong thiền ngữ.

Hai câu thơ có sự mâu thuẫn nhau. Lệnh vua truyền khắp trong thiên hạ: Khi lệnh vua được ban ra, tức là có chiến tranh, tất cả mọi người đều phải đề cao cảnh giác, đều phải giữ gìn biên thùy cho đàng hoàng. Biên thùy tướng sĩ khói mây tan: Trong khi đó, ở biên thùy, vị chỉ huy trưởng của quân đội lại thấy không có dấu hiệu gì của chiến

https://thuviensach.vn

tranh cả, không có khói cũng không có bụi (tuyệt yên trần). Có sự mâu thuẫn giữa hai bên: một bên ban lệnh phải chuẩn bị chiến tranh, một bên lại không có một dấu tích gì chứng tỏ là có chiến tranh.

Khi chúng ta chỉ đi vào thuần tâm thức thôi mà không có cảnh thì không đúng lắm. Nếu không có cảnh làm gì có tâm, và nếu không có tâm làm gì có cảnh, chủ thể và đối tượng là hai cái phải nương vào nhau. Khi ta thấy thì phải thấy cái gì mới gọi là thấy, khi ta nghe thì phải nghe cái gì mới gọi là nghe, khi ta nghĩ thì phải nghĩ cái gì mới gọi là nghĩ. Chủ thể và đối tượng là hai cái không thể nào tách rời ra, chỉ có chủ thể mà không có đối tượng, điều đó không đúng. Nhưng có những trường hợp ta phải ở với người thiền sinh đó trong tư thế nội quán để dẫn dắt họ, trường hợp này là trường hợp đoạt cảnh bất đoạt nhân, lấy đi đối tượng chỉ giữ lại chủ thể.

Hỏi: 'Còn đoạt cả người cả cảnh là sao?'

Thiền Sư đáp : 'Hai quận Biện Phần không liên lạc

Dân chúng một mình một cõi riêng.'

Đây là trường hợp thứ ba: Lấy luôn cả cảnh cả người. Đó là trường hợp của phi tưởng phi phi tưởng, không phải tri giác mà không phải là không có tri giác. 'Phi tưởng' tức là không có tri giác. Lấy đi chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức rồi thì làm gì còn tri giác nữa, nhưng đây không phải là tình trạng vô tri như gỗ đá, cho nên nói phi tưởng không thôi thì không đúng, vì vậy mới có phi phi tưởng. Cái anh gọi là vật đó thật ra không có, mà cái anh gọi là tâm - nguồn gốc của vật - cũng không có luôn. Tại vì sao có tâm mà không có vật, có vật mà không có tâm? Đó gọi là trường hợp đoạt cả nhân cả cảnh cùng một lúc. Đây là một trạng thái thiền định rất sâu, trong đó chủ thể nhận thức không còn, mà đối tượng nhận thức cũng không còn. Không có ranh giới giữa chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức là phi tưởng (no perception) phi phi tưởng (no non-perception).

https://thuviensach.vn

Trường hợp thứ nhất là chỉ có đối tượng nhận thức; trường hợp thứ hai là chỉ có chủ thể nhận thức; trường hợp thứ ba là không có đối tượng nhận thức cũng không có chủ thể nhận thức.

Hình ảnh 'Hai quận Biện Phần không liên lạc, dân chúng một mình một cõi riêng' diễn tả tình trạng hai tỉnh biên giới hoàn toàn bị cô lập, không liên lạc được với chánh quyền trung ương nên không nhận được lệnh gì của trung ương. Đó là hình ảnh của sự cô lập; hình ảnh của sự không tiếp xúc với thực tại; hình ảnh của một người ngồi trên núi chìm đắm trong thiền quán, không biết chuyện gì xảy ra cho mình và cho cảnh vật xung quanh.

Hỏi: 'Còn không đoạt người cũng không đoạt cảnh là sao?'

Thiền Sư đáp : 'Vua bước lên điện báu

Ông già quê hát ca.'

Hình ảnh thứ tư là hình ảnh hòa bình: Vua bước lên điện báu, hội họp với quần thần; trong khi đó, tại các miền quê có những ông già nhà bảy tám chục tuổi ra đường ca hát với bọn trẻ. Âu ca tức là hát để ca tụng hòa bình. Đây là sự thiết lập trở lại giữa chủ thể và đối tượng, có đối tượng có chủ thể, nhưng không còn sự ngăn cách; không kẹt vào duy vật luận của trường hợp thứ nhất; không kẹt vào duy tâm luận của trường hợp thứ hai; không kẹt vào chủ nghĩa hư vô của trường hợp thứ ba, tuy rằng có công nhận cảnh và người, nhưng người với cảnh trong trường hợp này không phải là người và cảnh của hai trường hợp đầu: có cảnh, nhưng không còn là cảnh của trường hợp thứ nhất (đoạt nhân bất đoạt cảnh); có tâm, nhưng không phải là tâm của trường hợp thứ hai (đoạt cảnh bất đoạt nhân). Trong nhà thiền nói rằng: 'Trước khi tu, tôi thấy núi là núi, sông là sông. Khi tu được một thời gian, tôi thấy núi không còn là núi, sông còn là sông. Sau khi tu chứng rồi, tôi lại thấy núi là núi, sông là sông.' Nghĩa là cái thấy của tôi bây giờ không còn yếu tố của chấp trước nữa, tôi không còn chấp núi chỉ là núi, sông chỉ là sông.

Triết học Ấn Độ có quan niệm Tứ Cú, tức là bốn mệnh đề:

https://thuviensach.vn

1- Mệnh đề thứ nhất là có (being).

2- Mệnh đề thứ hai là không (non-being)

3- Mệnh đề thứ ba là cũng có cũng không, hay vừa có vừa không (both being and non-being).

4- Mệnh đề thứ tư là không có cũng không không (neither being nor non-being).

Tứ Cú rất quan trọng trong nền triết học tư duy của Ấn Độ.

Tứ Liệu Giản (four arrangements) cũng đi theo phương thức đó. Có là một quan niệm, và Không là một quan niệm khác. Quan niệm về Có tương đương với Liệu Giản thứ nhất, cùng quan niệm với Thực Tại Luận Chất Phát, tức là đoạt người không đoạt cảnh. Quan niệm về Không tương đương cho Liệu Giản thứ hai: Cái anh nói có ấy thật sự không có, đó là do tâm của anh biến hiện ra. Liệu Giản thứ ba là không Có cũng không Không, tức là đoạt nhân và đoạt cảnh cùng một lúc. Thứ tư của Tứ Cú thành ra cái thứ ba của Liệu Giản. Thứ tư của Liệu Giản là vừa Có cũng vừa Không; tuy là Có kỳ thực là Không, tuy là Không kỳ thực là Có.

Tứ Pháp Giới trong hệ thống giáo lý Hoa Nghiêm cũng có một quan niệm tương tợ. Tứ Pháp Giới tức là bốn lĩnh vực của hiện hữu:

1- Sự pháp giới: Sự tức là sự vật. Sự là thế giới của hiện tượng.

2- Lý pháp giới: Lý tức là nguyên tắc, là bản thể, là tâm. Lý là thế giới của bản thể.

3- Sự Lý vô ngại: Thế giới của hiện tượng và thế giới của bản thể không chống chọi nhau.

4- Sự Sự vô ngại: Giữa hai hiện tượng không có sự chống nhau.

Chúng ta nhớ lại hình ảnh đầu tiên Tổ đưa ra là: Mùa xuân nắng ấm và hoa nở khắp nơi, có một cô bé đang đùa chơi mà tóc của bé lại bạc trắng, thì có một cái gì mâu thuẫn, chướng ngại. Tại vì ta chưa đi qua lĩnh vực 'Sự Lý vô ngại' cho nên trong Sự vẫn còn mâu thuẫn. Khi nào từ quan niệm về cảnh đi vào quan niệm về nhân, mà ta thấy được

https://thuviensach.vn

giữa cảnh và nhân có sự thông suốt, thì lúc đó ta có khả năng đi tới trình độ gọi là Sự Sự vô ngại, lúc bấy giờ ta sẽ thấy tóc em bé không còn trắng nữa.

Ta tưởng rằng chỉ có thế giới của thực tại, nào ngờ còn có thế giới của tâm. Khi đi vào tâm, ta lại phủ nhận sự thật về thế giới khách quan. Cả hai trường hợp đều có sự mâu thuẫn hết. Nhưng tới được bước thứ ba thì thấy giữa hai bên có sự hòa điệu, giữa Sự và Lý, giữa Nhân và Cảnh. Khi đi tới bước thứ tư (Sự Sự vô ngại), nhìn lại bước đầu (Sự pháp giới) thì thấy không còn mâu thuẫn nữa. Ở Sự pháp giới, ta thấy núi là núi, sông là sông. Đi vào Lý pháp giới, ta thấy núi không còn là núi, sông không còn là sông (tại vì sông nằm trong núi, núi nằm trong sông). Khi đạt tới Sự Sự vô ngại thì khi trở về Sự pháp giới, ta thấy núi trở lại là núi, sông trở lại là sông, nhưng không thấy có sự mâu thuẫn nữa. Đó là một hình ảnh rất thiền.

Tổ Lâm Tế là học trò của Tổ Hoàng Bích. Chúng ta hãy đọc câu này của Tổ Hoàng Bích để thấy rằng Tổ Lâm Tế rõ ràng chịu ảnh hưởng của thầy mình. (Hoàng Bích là tên của một cái núi. Tổ ở trên núi đó nên có tên là Hoàng Bích. Tên của Tổ Lâm Tế cũng vậy. Lâm Tế không phải là pháp danh, Lâm Tế là tên của cái vùng Tổ cư ngụ). Câu này trích trong tác phẩm 'Hoàng Bích Sơn, Đoạn Tế thiền sư truyền tâm pháp yếu'. Tức là những tinh yếu của sự trao truyền tâm ấn, do thiền sư Đoạn Tế ở núi Hoàng Bích nói lại.

Phàm phu thủ cảnh
Đạo nhân thủ tâm
Tâm cảnh song vong
Nãi thị chân pháp
Vong cảnh do dị
Vong tâm chí nan
Nhân bất cảm vong tâm
Khủng lạc không vô lao mô xứ
Bất tri không bổn vô không
Duy nhất chân pháp giới nhỉ.

https://thuviensach.vn

‘Phàm phu thủ cảnh’. Thủ cảnh tức là nắm lấy cảnh, kẹt vào cảnh. Cảnh là đối tượng nhận thức, tiếng Phạn là visaya. Những người phàm phu - thông tục (ordinary people) ngây thơ, thì bị kẹt vào cảnh - đối tượng của tâm (object). Họ thấy núi là núi, sông là sông, người là người. Đây là trường hợp đoạt nhân bất đoạt cảnh.

‘Đạo nhân thủ tâm’. Còn người tu - đạo nhân (the one who practices the path) thì kẹt vào tâm. Đây là trường hợp đoạt cảnh bất đoạt nhân.

‘Tâm cảnh song vong, nãi thị chân pháp’. Song (both) là cả hai. Khi tâm và cảnh đều không còn, thì mới đúng là pháp chân thật.

‘Vong cảnh do dị, vong tâm chí nan’. Vong tức là quên. Quên cảnh thì rất dễ, nhưng quên tâm thì rất khó; cho rằng không cảnh mà có tâm thì dễ, nhưng nói rằng không có tâm luôn thì rất khó (taking away the object is still easy, but taking away the mind is very difficult).

‘Nhân bất cảm vong tâm’. Con người không dám buông tâm. Tại vì sao vậy?

‘Khủng lạc không vô lao mô xứ’. Khủng là sợ; lạc là rơi vào; lao tức là đi tìm, đi mò, đi vớt; mô tức là sờ mó. Tại vì con người sợ rơi vào chỗ không có gì để nương tựa.

‘Bất tri Không bổn vô không, duy nhất chân pháp giới nhỉ’. Con người không biết rằng cái Không đó vốn không phải là không (ngược với cái có), cái Không đó chính là Nhất Chân Pháp Giới (pháp giới chân thật). Con người không dám buông tâm, vì buông tâm rồi thì không còn gì nữa, thành ra họ sợ ý niệm không còn gì cả. Khi đọc câu này của Tổ Hoàng Bích, ta hiểu được Tứ Liệu Giản cũng chịu ảnh hưởng của lời dạy này. ‘Nhất chân pháp giới’, tức là Liệu Giản thứ tư: không phủ nhận cảnh cũng không phủ nhận người, không phủ nhận đối tượng cũng không phủ nhận chủ thể. Ban đầu là phủ nhận chủ thể, nhưng công nhận đối tượng. Thứ hai là phủ nhận đối tượng, nhưng công nhận chủ thể. Thứ ba là phủ nhận cả hai. Và điều đó đưa tới sự sợ hãi, cho nên người ta thường bị kẹt vào đó. Liệu Giản thứ tư cho thấy chủ thể và đối tượng không phải là không. Nếu Liệu Giản

https://thuviensach.vn

đầu là Hữu, thì Liệu Giản thứ tư là Diệu Hữu; Nếu Liệu Giản đầu là Không, thì Liệu Giản thứ tư là Chân Không.

https://thuviensach.vn

Bốn Trường Hợp Khách và Chủ

Này các bạn tu, giả dụ có kẻ học nhân từ nơi khác đến tham học. Sau khi chủ khách đã trông thấy nhau, khách bèn nói ra một câu để thăm dò vị thiện tri thức đang ngồi trước mặt. Kẻ ấy ném ra một câu hiểm hóc vào khóe miệng của vị thiện tri thức, có ý muốn hỏi: 'Thầy có hiểu cái này chăng?' Nếu vị thiện tri thức biết đó là một cái đối tượng (cảnh) thì ông ta sẽ nắm ngay lấy cái đó và liệng nó vào trong hố. Vị học nhân sẽ tìm lại được thái độ bình thường của mình, và sẽ xin vị thiện tri thức nói lên cho một lời. Vị thiện tri thức cũng sẽ làm như đã làm, và sẽ chặt đứt được luôn cái ý muốn tìm cầu mới này. Lúc đó vị học nhân sẽ nói: 'Thầy thật là một vị thượng căn thượng trí, là một vị đại thiện tri thức'. Và vị thiện tri thức sẽ nói: 'Đạo hữu hoàn toàn chẳng phân biệt được cái gì tốt cái gì xấu'.

Đây là một đoạn cùng với những đoạn khác ở trong Lâm Tế Lục nói về Tứ Tân Chủ (bốn trường hợp khách và chủ). Khách và chủ phải phân biệt. Có khi khách không phải là khách; có khi chủ không phải là chủ. Tứ Tân Chủ là bốn cách để đối trị căn cơ trong truyền thống Lâm Tế mà ta phải nắm cho được.

Này các bạn tu, giả dụ có kẻ học nhân từ nơi khác đến tham học.

Học nhân tức là người đi học đạo. Thiện tri thức đây tức là bậc thầy, là người để ta tới tham vấn; thiện tri thức đây còn gọi là chủ, và học nhân là khách; thiện tri thức có thể là nhà phân tâm học, và học nhân là người bệnh được nhà phân tâm phân tích tâm lý.

Sau khi chủ khách đã trông thấy nhau.

Có chủ, có khách. Khách là người bệnh, khách là người tới học. Chủ là thiện tri thức, là nhà tâm lý trị liệu, là pháp sư, là giáo thọ. Có thể trong người mình có cả hai nhân vật đó.

Sau khi chủ khách đã trông thấy nhau, khách bèn nói ra một câu để thăm dò vị thiện tri thức đang ngồi trước mặt.

 https://thuviensach.vn

Ta có một mớ kiến thức, một mớ kinh nghiệm, hay một vài kiến giải và ta muốn đem ra để thử vị thầy.

Kẻ ấy ném ra một câu hiểm hóc vào khóe miệng của vị thiện tri thức.

Kẻ học nhân này đôi khi đã học được một điều gì, và rất lấy làm tâm đắc với những gì mình đã học được, cho nên có ý muốn khoe với thầy để chứng tỏ rằng ta cũng là một người nào đó, ta cũng có một chút giá trị nào đó, ta không phải là con số không. Người bệnh cũng vậy. Người bệnh có thể rất giỏi về lý thuyết tâm lý trị liệu. Tới nhà tâm lý trị liệu rồi hỏi thử một câu chứng tỏ là ta cũng biết nhiều về điều này chứ không phải là một tên khờ dại không biết gì cả.

Có ý muốn hỏi: 'Thầy có hiểu cái này chăng?'

Thầy có biết cái này không? Đây là thái độ của một số đệ tử đi tham học, tới thử thầy.

Nếu vị thiện tri thức biết đó là một đối tượng (cảnh).

Thường thường, kẻ học nhân không phải tới với một cái tâm trống rỗng. Nếu họ tới cầu đạo với cái tâm trống rỗng, không có những thành kiến thì không sao. Nhưng họ thường tới với ý định, họ đưa điều đó ra và thăm dò ý thầy: 'Thầy có biết cái này là cái gì không?' Đó là cảnh. Vị thầy sẽ quyết định là nên đoạt cảnh hay đoạt nhân. Đoạt tức là lấy đi đối tượng đó cho họ chưng hửng. Điều này gọi là tước khí giới.

Nếu vị thiện tri thức biết đó là một cái đối tượng (tạo tác của tâm ý, cái mà người ta bám víu vào, bị kẹt vào) thì ông ta sẽ nắm ngay lấy cái đó và liệng nó vào trong hố.

Là một vị thầy đích thực thì có thể nhận diện được rằng đó là một cái đối tượng (mà bên kia đang khoe), thì vị thầy nắm ngay lấy cái đó và liệng nó vào trong hố. Phương pháp 'nắm lấy và liệng vào hố rác' có thể là một nụ cười, một tiếng hét, hay là một cây gậy.

Vị học nhân sẽ tìm lại được thái độ bình thường của mình.

 https://thuviensach.vn

Nếu vị thầy thành công, thì có sự thay đổi ngay nơi người học đạo. Người ấy không còn dương dương tự đắc, không còn thử vị thầy nữa.

Trong văn mạch của thiền, có những trận gặp gỡ giữa vị thiền sư và thiền sinh, gọi là thiền chiến (zen battle). Đôi khi trận đánh chỉ xảy ra trong một phút. Có khi trận đánh thành công cả thầy lẫn trò; có khi trận đánh thất bại, thì thầy trò đều thất bại.

Nếu vị thiện tri thức biết đó là một cái đối tượng (cảnh) thì ông ta sẽ nắm ngay lấy cái đó và liệng nó vào trong hố (hay thùng rác cũng được). Vị học nhân sẽ tìm lại được thái độ bình thường của mình, và sẽ xin vị thiện tri thức nói lên cho một lời.

'Thôi con chịu thua thầy rồi, thầy dạy cho con đi, con sẽ nương vào lời dạy của thầy.'

Vị thiện tri thức cũng sẽ làm như đã làm, và sẽ chặt đứt được luôn cái ý muốn tìm cầu mới này.

'Ngày xưa anh đã đi tìm cầu, anh đã thỏa mãn đạt được đối tượng tìm cầu của anh. Và anh đem đến khoe với tôi, tôi nhận ra được và tôi đã đem liệng nó vào hố rác. Bây giờ anh lại muốn tìm cầu một cái khác. Anh muốn có một cái khác để thay thế cái anh vừa mới mất hả?'

Họ tới tìm ta với cái bệnh. Ta lấy cái bệnh của họ ra rồi, họ lại xin thêm cái bệnh khác nữa. Ta là thiện tri thức, ta là bậc thầy, không có lý nào ta đã giúp cho người kia buông bỏ cái bệnh ấy rồi, bây giờ ta lại cho người kia ghì thêm một cái bệnh khác nữa? Anh ta là người đã có đầu rồi, anh ta còn muốn đi tìm thêm cái đầu thứ hai nữa. Là người thiện tri thức giỏi, là người thầy giỏi, mà tạo cho người ta chồng thêm một cái đầu nữa, thì trông sao được. Vì vậy cho nên, vị thiện tri thức cũng sẽ làm như đã làm, và sẽ chặt đứt được luôn cái ý muốn tìm cầu mới này.

Lúc đó vị học nhân sẽ nói: 'Thầy thật là một vị thượng căn, thượng trí, là một vị đại thiện tri thức.'

 https://thuviensach.vn

Lúc này kẻ học nhân có tâm trạng tôn sùng vị thiện tri thức: 'Thầy là một vị thượng căn, thượng trí, thầy là một vị đại thiện tri thức, con xin thờ thầy làm thầy suốt đời.' Tâm trạng tôn sùng đó cũng rất nguy hiểm. Không phải nguy hiểm cho vị đệ tử - người đi tìm học - nó nguy hiểm ở chỗ là vị thầy không có những điều mà vị học trò mong ước, và cũng nguy hiểm cho vị thầy nữa. Tại vì nếu vị thầy không thật sự là một vị thiện tri thức, thì vị thầy đó sẽ kẹt vào khái niệm: 'Ta là người có tuệ giác, và anh chàng này đang cung kính ta, là người cần đến ta.'

Vị thiện tri thức sẽ nói: 'Đạo hữu hoàn toàn chẳng phân biệt được cái gì tốt cái gì xấu.'

Chữ đạo hữu, chúng ta phải hiểu theo nghĩa là cả xuất gia và tại gia. Trong ngôn ngữ Phật giáo Việt Nam bây giờ, người ta dùng chữ Phật tử để gọi người cư sĩ, và chữ đạo hữu cũng là gọi cho người cư sĩ. Đó là một sự lầm lạc. Tại vì người xuất gia cũng là Phật tử và cũng có thể là đạo hữu của nhau. Thành ra với người cư sĩ, ta nên gọi là Phật tử cư sĩ, với người xuất gia thì gọi là Phật tử xuất gia. Đừng dùng chữ Phật tử để chỉ cho cư sĩ không thôi, rất là sai lầm, chữ đạo hữu cũng vậy. Cũng như khi chúng ta dùng chữ tăng ni, làm như ni không phải là tăng, nhưng kỳ thực, ni cũng là tăng.

Hoặc vị thiện tri thức có thể đưa ra một đối tượng (cảnh) và đùa bỡn với vị học nhân. Vị học nhân có khả năng nhận diện được rằng đó chỉ là một đối tượng (cảnh), không để mình rơi vào trong cái bẫy của đối tượng đó và từ tư thế khách ông chuyển ra đứng vào tư thế chủ. Vị thiện tri thức bây giờ thị hiện nửa thân, và vị học nhân hét. Vị thiện tri thức cũng có thể lại sử dụng những thứ ngữ ngôn trăm lối của mình mà dằn mặt vị học nhân. Nhưng vị học nhân có thể nói : 'Cái ông thầy sói đầu này chẳng biết phân biệt được cái gì tốt cái gì xấu'. Vị thiện tri thức liền ca ngợi : 'Ngươi thật là một người tu học chân chính'.

Hoặc vị thiện tri thức có thể đưa ra một đối tượng (cảnh) và đùa bỡn với vị học nhân.

 https://thuviensach.vn

Trong trường hợp này, không phải vị học nhân (khách) đưa ra một đối tượng mà chính vị thiện tri thức (chủ) đưa ra một đối tượng.

Theo Luật Tứ Phần, có đủ bốn người gọi là tăng.

Thiền sinh vừa tới là vị thầy muốn đưa ra phương pháp để dạy liền, nếu không người kia không có cơ hội. Trường hợp này, vị thầy đưa ra một đối tượng để đùa bỡn với vị học nhân.

Vị học nhân có khả năng nhận diện được rằng đó chỉ là một đối tượng (cảnh), không để mình rơi vào trong cái bẫy của đối tượng đó.

Đây là một học nhân có bản lĩnh, không bị lừa dối.

Và từ tư thế khách ông chuyển ra đứng vào tư thế chủ.

Giữa hai người chưa biết ai là thầy, người tham vấn hay người được tham vấn.

Trong bản chữ Hán có khóm danh từ 'hạ hạ tác chủ'. Nó có nghĩa là người đó luôn luôn đứng vào tư thế chủ, không để cho bên kia làm cho mình trở thành nạn nhân. Chữ hạ hạ ở đây có nghĩa là bước nào cũng vậy, giây phút nào cũng vậy. Mỗi phút, mỗi giây, trong tiến trình của sự trao đổi đó, thì giây phút nào ta cũng đứng vững trong cái thế không bị kẹt, không bị rơi vào bẫy, gọi là hạ hạ tác chủ.

Vị thiện tri thức cũng giống như nhà phân tích tâm lý (analyst). Còn vị học nhân là người tới để được phân tích, bây giờ không còn là đối tượng của phân tích nữa mà là chủ thể của sự phân tích. Chưa biết ai là người phân tích (analyst), cũng chưa biết ai là người bị phân tích (analyzed). Chưa biết mèo nào cắn mĩu nào; chưa biết nhà tâm lý trị liệu giúp bệnh nhân, hay bệnh nhân giúp nhà tâm lý trị liệu; chưa biết là vị thiện tri thức giúp được học nhân, hay là học nhân giúp được vị thiện tri thức; chưa biết được là thầy sẽ giúp trò, hay trò sẽ giúp thầy.

Trong trường hợp này mình thấy vị học nhân (đệ tử) có bản lĩnh rất lớn. Vì khi vị thầy đưa ra một đối tượng, vị học nhân không bị kẹt vào đó, mà vẫn đứng vững trên lập trường của mình. Vị học nhân có khả năng nhận diện được rằng đó chỉ là một đối tượng (cảnh), không để

 https://thuviensach.vn

mình rơi vào trong cái bẫy của đối tượng đó và từ tư thế của khách, ông chuyển ra đứng vào tư thế chủ. 'Hạ hạ tác chủ bất thọ cảnh hoặc'. Tức là giây phút nào cũng làm chủ được, không bị cảnh đó làm cho mê hoặc.

Vị thiện tri thức bây giờ thị hiện nửa thân, và vị học nhân hét.

Thị hiện nửa thân ở đây không có nghĩa là lột áo sơ mi của mình ra, mà tựa như mặt trăng của ngày mồng bảy mồng tám chỉ lộ ra một nửa khuôn trăng. Thị hiện nửa thân tức là không đem hết con người của mình ra để trình bày mà chỉ hé một nửa để cho người kia thấy, và để cho người kia đoán một nửa còn lại như thế nào.

Thị hiện nửa thân có hai trường hợp:

1- Trường hợp chân chánh: Vị học nhân có đủ khả năng để không cần vị thầy phải đưa ra hết những gì thầy thấy. Vị thầy chỉ đưa ra một ít ánh sáng để cho người học trò có thể thấy được điều ấy là đủ.

2- Trường hợp giả trang: Vị thầy chưa có những chứng đắc sâu sắc, nhưng giả bộ che lấp trong những điều như là mình có chứng đắc: 'Tôi chưa nói cho anh biết có những cái chứng đắc rất sâu sắc, những cái rất mầu nhiệm...'

Có người nói rằng vị thầy thị hiện nửa thân là để đưa ra một tuệ giác, một sự khai thị mà chỉ có đương sự, người tham gia (participant) mới hiểu và mới thấy, còn những người bàng quan (observer) thì không thể hiểu được. Cũng như khi ta nói chuyện với một người, thì chỉ có người này hiểu thôi, còn tất cả những người khác không ai hiểu hết, đó gọi là thị hiện nửa thân. Trong những buổi pháp thoại, có những vị thiền sinh ngồi nghe giảng và nghĩ rằng: 'Điều này là Thầy đang nói riêng cho mình. Tại sao Thầy nói đúng tim đen của mình quá? Chỉ có mình mới có tâm trạng đó thôi.' Vị thiền sinh đó cho rằng thầy đang thị hiện nửa thân và thầy đang nói riêng cho mình.

Vị thiện tri thức bây giờ thị hiện nửa thân, và vị học nhân hét.

Vị học nhân thấy rõ nửa thân này là không xác thật.

 https://thuviensach.vn

Vị thiện tri thức cũng có thể lại sử dụng những thứ ngữ ngôn trăm lối của mình mà dằn mặt vị học nhân.

Chuyện này thường xảy ra lắm. Thấy người kia không phục, ta bèn lôi ra hết những kiến thức mà ta đã được tiếp nhận từ thầy để mà thuyết giảng: 'Tôi có trăm binh ngàn tướng, anh tưởng tôi chỉ có chừng đó thôi hả?' Rồi đem ra những điều mình đã học để dằn mặt vị học nhân như ta là một cái gì đó (I am something).

Nhưng vị học nhân có thể nói: 'Cái ông thầy sói đầu này chẳng biết phân biệt được cái gì tốt cái gì xấu.' Vị thiện tri thức liền ca ngợi: 'Ngươi thật là một người tu học chân chánh.'

Đó là trường hợp khách khán chủ, thay vì chủ khán khách. Đây không phải là trường hợp thầy giúp trò, soi sáng cho trò, mà là trường hợp trò soi sáng cho thầy. Trong trường hợp đầu là trường hợp chủ khán khách. Chủ, khách rõ ràng. Không phải khi ta là chủ thì ta thật là chủ đâu, có thể ta sẽ bị đặt vào trong vị trí của khách; không phải khi ta là khách thì ta luôn luôn là khách đâu, mà ta có thể từng bước từng bước đứng ở vị trí của chủ (hạ hạ tác chủ).

Đó đây có những vị thầy (thiện tri thức) không có khả năng biện biệt được tà chính. Khi có học nhân tới hỏi về cảnh trí của Bồ Đề, Niết Bàn và Ba Thân, các vị lão sư mù này liền tìm mọi cách giải thích. Bị các vị học nhân kia chê trách, họ liền lấy gậy đánh, nói rằng đã đi học đạo mà còn vô lễ. Thật ra, quý vị cũng đừng giận họ, bởi vì họ tuy được gọi là thầy mà chưa có con mắt tuệ, thế thôi.

Đó đây có những vị thầy (thiện tri thức) không có khả năng biện biệt được tà chánh.

Có nhiều vị giáo thọ (dharma teachers) không phân biệt được tà chính, họ chỉ có một mớ kiến thức khái niệm đủ để đi làm ăn.

Khi có học nhân tới hỏi về cảnh trí của Bồ Đề, Niết Bàn và Ba Thân, các vị lão sư mù này liền tìm mọi cách để giải thích.

 https://thuviensach.vn

Họ thao thao bất tuyệt nói Niết Bàn là cái này, Bồ Đề là cái kia, Tam Thân là cái nọ... tại vì họ học đã nhiều rồi. Khi không có tuệ giác, không có giải thoát đích thật, thì những vị thầy ấy bị các vị học nhân kia (khách) chê trách và lấy gậy đánh. Các vị thầy (chủ) bắt chước thiền sư, lấy gậy đánh lại. Nói rằng: 'Đã đi học đạo sao còn vô lễ! Ta là thầy, ngươi là đệ tử, tại sao dám nói ta là không có tuệ giác, không có giải thoát, không có chuyển hóa?'

Thật ra, quý vị cũng đừng giận họ, bởi vì họ tuy họ được gọi là thầy mà chưa có con mắt tuệ, thế thôi.

Thấy Tổ dễ thương không? Trông bề ngoài dữ như vậy, luôn luôn sẵn sàng để hét và đánh, nhưng kỳ thực Tổ rất là hiền lành, và dễ thương.

Này các bạn tu, theo kiến giải của thiền tông, thì sống chết là lẽ tuần hoàn (trong vũ trụ). Ta cần phải để hết tâm ý trong khi tham vấn. Khi chủ và khách gặp nhau, thế nào cũng có lời qua tiếng lại. Hoặc ứng hiện ra những hình tướng khác nhau, hoặc sử dụng toàn thân mà đối phó với đương sự. Có khi lại sử dụng những phương tiện cơ quyền như mừng giận, hoặc hiện nửa thân, hoặc ngồi trên lưng sư tử hay trên lưng voi chúa...

Trong trường hợp một học nhân đích thực thì người này có thể hét lên hoặc đưa ra một cái bẫy (bình keo) trước mặt vị thiện tri thức. Nếu vị này không nhận ra được cái 'cảnh' ấy mà lại rơi vào trong cái bẫy, cứ nương vào cái 'cảnh' ấy đặt ra đủ thứ mô hình, thì vị học nhân lại có thể hét lên nữa. Nếu vị thiện tri thức còn chưa chịu buông bỏ, thì đó thật là trường hợp của một bệnh nan y. Trường hợp này gọi là trường hợp khách khán chủ.

Này các bạn tu, theo kiến giải của thiền tông thì sống chết là lẽ tuần hoàn trong vũ trụ. Ta cần phải để hết tâm ý trong khi tham vấn.

Tham vấn không phải là để có thêm những kiến thức về Phật pháp, mà tham vấn là để có cơ hội vượt thoát được sống và chết.

Khi chủ và khách gặp nhau, thế nào cũng có lời qua và tiếng lại.

 https://thuviensach.vn

Không có lý tới gặp thầy rồi ngồi yên; thầy ngồi yên, trò cũng ngồi yên, không nói lời nào.

Hoặc ứng hiện ra những hình tướng khác nhau, hoặc sử dụng toàn thân mà đối phó với đương sự.

Tại vì đương sự tới với một mục đích gì đó, một căn cơ nào đó, hay họ tới với một tâm trạng khổ đau, hay hoàn cảnh bị bế tắc. Cũng như một người tới với một vị bác sĩ y khoa hay tâm lý trị liệu, tức là người ấy có vấn đề gì đó. Là một vị thầy hay một nhà trị liệu thì ta phải dò hỏi, phải quán sát, phải biết sử dụng con mắt của mình, lỗ tai của mình, và phải biết sử dụng lời nói của mình.

Trong y khoa Đông phương ngày xưa, khi chẩn bệnh có ba yếu tố gọi là vọng, văn và vấn. Vọng tức là phải quán sát nét mặt của người ấy, da mặt của người ấy, tướng của người ấy để coi sức khỏe của họ như thế nào. Văn là nghe tiếng người đó nói: 'Thầy ơi, tôi đau nơi ngực, tôi đau nơi bụng mỗi khi ăn vào.' Sau khi quan sát, sau khi nghe, thì vị y sĩ mới đưa ra những câu hỏi, gọi là vấn. Sau khi vọng, văn và vấn, thì lúc đó vị y sĩ mới đưa ra bệnh án để trị liệu, gọi là thiết. Nhà tâm lý trị liệu thời nay cũng nên làm như vậy. Khi người bệnh tới thì phải quán sát người đó đi, đứng, nằm, ngồi, phản ứng như thế nào. Không cần phải nói, chỉ quán sát thôi cũng hiểu được rất nhiều về con người này. Thiền sư cũng vậy, chỉ cần nhìn con người kia mở cửa đi vô và đóng lại, ngồi xuống thì biết được rất nhiều về người đó rồi. Các vị thầy trong thiền môn nói rằng chỉ cần nhìn một chú sa di đi, đứng, nằm, ngồi và thỉnh chuông, không cần hỏi cũng biết vị này ở trong chùa được mấy tháng. Điều ấy có thật. Chỉ cần nhìn người bệnh hay người đến tham vấn, nương vào câu hỏi, ta biết được tâm trạng của người đó rất rõ. Nếu là một người thầy giỏi, một vị thiện tri thức giỏi, một người biết quán cơ khi nhìn một người, khi nghe người đó hỏi, thì ta đã biết nhiều về người đó rồi, huống hồ là ta hỏi một câu rồi người đó trả lời, thì lại càng biết thêm, không cần tốn nhiều thời gian.

 https://thuviensach.vn

Khi chủ và khách gặp nhau, thế nào cũng có lời qua tiếng lại. Hoặc ứng hiện ra những hình tướng khác nhau, hoặc sử dụng toàn thân mà đối phó với đương sự.

Ta có nhiều phương pháp khác nhau. Khi đi khám bệnh, bác sĩ nói: 'Anh há miệng ra cho tôi xem' hoặc 'Anh thử ho một tiếng'..., tất cả những đòi hỏi ấy là để vị bác sĩ biết được căn bệnh của mình. Người thiền sinh đến tham vấn cũng vậy. Có khi vị thầy phải sử dụng toàn thân để đối phó với đương sự, có khi chỉ hiện nửa thân thôi.

Có khi lại sử dụng những phương tiện cơ quyền như mừng, giận, hoặc hiện nửa thân, hoặc ngồi trên lưng sư tử hay là trên lưng voi chúa.

Những chuyện ấy ta có thể làm được. Ở đây ta thấy có hai danh từ của thiền là Cơ và Quyền. Cơ, nguyên văn đọc là chữ Ki, nhưng ta quen đọc là cơ, có nghĩa là một cái máy (machine), là những dụng cụ được đặt ra để sử dụng. Ví dụ như ở nhà quê khi múc nước dưới giếng sâu, muốn lấy nước lên, dân quê phải dùng cái cần để cột cục đá rất nặng. Khi nâng cục đá lên thì cái gàu đi xuống, đến khi gàu nước đầy thì họ thả cục đá ra, để cái cần rơi xuống kéo gàu nước lên cho khỏi tốn công. Vị thiền sư cũng có những phương tiện quyền xảo đặt ra để có thể khám phá ra chân tướng của thiền sinh. Bác sĩ cũng vậy. Bác sĩ cũng có những phương pháp để tìm hiểu bệnh nhân của mình. Nếu không hiểu được người ấy thì không có cách gì giúp được người ấy cả. Quyền, có nghĩa là một phương tiện sử dụng tạm thời, chứ không phải là vĩnh viễn.

Giáo sư Démiville dịch chữ quyền sang tiếng Pháp là expedience (phương pháp thích hợp), và chữ cơ là mobile (thay đổi). Phương tiện quyền xảo chỉ sử dụng tạm thời thì gọi là phương pháp thích hợp. Nó không hẳn là phải có giá trị muôn đời, nó không phải là chân lý. Ví dụ như có một thiền sinh tới hỏi: 'Bạch thầy, con chó có Phật tánh không?' Người thầy trả lời: 'Không'. Chữ 'Không' đây là quyền. Theo nguyên tắc thì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tại vì người hỏi bị kẹt vào ý niệm 'tất cả chúng sanh có Phật tánh', cái kiến thức đó

 https://thuviensach.vn

không giúp ích gì cho người đó cả về sự tu học mà chỉ chứa chất thêm khái niệm, chỉ làm cho người đó nặng nề thêm thôi. Vì vậy vị thầy nói 'không' là để giúp cho người đó có cơ hội buông bỏ. Chữ 'không' đó có phải là chân lý hay không phải là chân lý không là vấn đề, nó chỉ là một phương pháp giúp cho người hỏi đừng bị kẹt. Đọi là cơ, quyền. Nhưng ta cũng đừng bị kẹt vào những cơ, quyền đó.

Hoặc hiện nửa thân, hoặc ngồi trên lưng sư tử hay trên lưng voi chúa.

Ngồi trên lưng sư tử là hiện thân của đức Văn Thù, tức là thị hiện trí tuệ không còn chỗ nghi ngờ, gọi là đại trí. Ngồi trên lưng voi chúa là hiện thân của đức Phổ Hiền, tượng trưng cho hành động lớn, gọi là đại nguyện. Có khi ta phải hiện thân Văn Thù, có khi ta phải hiện thân Phổ Hiền để độ người, tại vì trong ta có đủ cả Văn Thù và Phổ Hiền. Đôi khi trong ta cũng có Diệm Nhiên Vương. Có khi ta thị hiện như một con quỷ Dạ Xoa, tức là nổi giận lên hay tỏ ra buồn bã. Ví dụ như tôi nói: 'Thầy buồn lắm con ơi, con làm như vậy thầy sống không có nổi!' Đó là tôi thị hiện cái buồn của mình ra để cho đệ tử thấy mà thay đổi. Không hẳn là tôi phải buồn như vậy. Những cái đó đều là cơ quyền. 'Con mà làm như vậy chắc thầy chết quá!' Nhưng kỳ thực tôi đâu cần phải chết, mà tôi chỉ thị hiện như vậy thôi, nhưng không phải là tôi làm bộ. Trong tôi có những điều như vậy: trong tôi có Phổ Hiền, có Văn Thù, có Quan Âm, có Diệm Nhiên Đại Sĩ.

Trong trường hợp một học nhân đích thực thì người này có thể hét lên hoặc đưa ra một cái bẫy (bình keo) trước mặt vị thiện tri thức.

Vị thiện tri thức nếu không phải là chính thống đích thực thì có thể bị kẹt vào cái hố keo của ta như thường. Trong nguyên văn là để ra một cái hố keo để cho thầy dính chơi.

Nếu vị này không nhận ra được cái 'cảnh' ấy mà lại rơi vào trong cái bẫy, cứ nương vào cái 'cảnh' ấy đặt đủ thứ mô hình, thì vị học nhân lại có thể hét lên nữa.

Thầy kia cứ thao thao bất tuyệt, cứ muốn giảng giải cho ta. Thầy cứ đưa ra những cái mà thầy đã học, và rõ ràng là cái bình keo ta đưa ra

 https://thuviensach.vn

thầy bị dính vào đó. Thầy không giải thoát cho thầy được, thì làm sao thầy giúp cho ta giải thoát được?

Nếu vị thiện tri thức còn chưa chịu buông bỏ, thì đó thật là trường hợp của một bệnh nan y.

Trong trường hợp này, chủ không còn là chủ nữa, chủ hoàn toàn thất bại, chủ trở thành khách. Và chính vị học nhân, người đi tìm học, người tới tham vấn, đứng vào phía chủ.

Trường hợp này gọi là trường hợp khách khán chủ.

Chủ không khán khách được mà khách khán chủ. Khán tức là nhìn, là phân tích (analyse).

Có nhiều người bệnh tìm tới nhà tâm lý trị liệu. Nhà tâm lý trị liệu đưa ra nhiều cảnh càng làm cho rắc rối thêm. Người bệnh này không đến nỗi như vậy, người này không vướng vào những gì nhà tâm lý trị liệu đưa ra, lại còn thấy được cái bệnh của nhà tâm lý trị liệu nữa. Trong trường hợp này là khách khán chủ, đệ tử giúp thầy. Tại vì thầy chính là người bị bệnh, thầy chính là người cần được giải thoát.

Hoặc giả vị thiện tri thức chẳng đưa ra cái gì hết, mà cứ đợi kẻ học nhân đưa ra cái gì thì đoạt lấy cái đó. Kẻ học nhân có thể tuy bị tước đoạt tất cả những gì mình muốn đưa ra mà vẫn còn chống cự lại, chết vẫn không chịu buông ra. Trường hợp này là trường hợp chủ khán khách.

Trường hợp này là trường hợp của người học đạo đưa ra rất nhiều đề nghị, và đề nghị nào cũng bị đoạt hết, cũng bị quăng vào hố rác, nhưng mà vị học nhân cứ tiếp tục không chịu thua. Có những người như vậy.

Trường hợp này là trường hợp chủ khán khách.

Trong trường hợp này chủ còn là chủ, nhưng khách không được thừa hưởng gì hết. Trường hợp này là trường hợp nan y. Trường hợp thứ nhất cũng là trường hợp nan y, hai trường hợp này xảy ra rất nhiều. Mà nó xảy ra hầu hết trong các trường hợp.

 https://thuviensach.vn

Hoặc giả kẻ học nhân đứng trước vị thiện tri thức đưa ra một đối tượng (cảnh) thanh tịnh. Vị thiện tri thức nhận ra được đối tượng ấy, nắm lấy và liệng xuống hầm sâu. Vị học nhân liền nói: 'Thầy quả là một vị thầy lớn.' Vị thiện tri thức trả lời: 'Ối chà, anh chẳng biết cái gì là tốt cái gì là xấu.' Vị học nhân bèn lạy xuống. Trường hợp này gọi là chủ khán chủ.

Hoặc giả kẻ học nhân đứng trước vị thiện tri thức đưa ra một đối tượng (cảnh) thanh tịnh.

Có nghĩa là tôi không có cảnh để cho thầy đoạt; tôi không bị vướng vào cảnh (đối tượng) nào hết.

Vị thiện tri thức nhận ra được đối tượng ấy (nói là không có đối tượng nhưng đó cũng là một đối tượng), nắm lấy và liệng xuống hầm sâu. Vị học nhân liền nói: 'Thầy quả là một vị thầy lớn.' Vị thiện tri thức trả lời: 'Ối chà, anh chẳng biết cái gì là tốt và cái gì là xấu.'

Tức là vị thiện tri thức không bị rơi vào trong cái bẫy mà vị học nhân đưa ra: 'Ta là người thầy lớn, còn người kia là người tới tham học với ta. Người kia không có cái mà ta có.' Vì vậy cho nên vị thiện tri thức mới nói: 'Ối chà, anh chẳng biết cái gì là tốt và cái gì là xấu.' 'Anh đừng nói vậy!'

Vị học nhân bèn lạy xuống. Trường hợp này gọi là chủ khán chủ.

Chủ khán chủ tức là chủ thành công, và khách cũng thành công. Cả hai bên đều là chủ cả. Chủ khán chủ: bên này là chủ, bên kia cũng là chủ.

Ngày xưa có hai vị thủ tọa của hai thiền đường: Đông đường và Tây đường. Họ đi ra và đồng thời thấy nhau, thì họ cùng hét lên một lần. (Hai người vừa thấy nhau cùng một lúc và cùng hét lên một lần.) Sau đó có người tới hỏi Tổ: 'Trong hai vị đó có ai là chủ, có ai là khách không?' 'Trong trường hợp đó có phân chủ khách không?' Tổ mỉm cười, nói: 'Chủ khách rõ ràng như vậy mà không thấy sao? Nếu muốn hỏi thêm thì đi theo họ mà hỏi.' Những câu chuyện đó, những mẫu đối thoại đó, ta có thể hiểu nếu ta nắm được tinh yếu của Lâm Tế Lục.

 https://thuviensach.vn

Hoặc kẻ học nhân trình diện trước vị thiện tri thức như một người có mang gông cùm. Vị thiện tri thức thấy thế liền đem tới và đeo thêm cho vài cái gông và vài cái cùm khác. Vị học nhân vui mừng quá đổi đến nỗi không phân biệt được (ai là chủ ai là khách). Trường hợp này gọi là khách khán khách.

Hoặc vị học nhân trình diện trước vị thiện tri thức như một kẻ có mang gông cùm.

'Tôi đã đọc tới ba trăm quyển sách Phật học. Đọc từ Suzuki cho đến Trungpal Rinpoche, Mật tông cho đến Nam Tông, Nhật Bổn... rất nhiều.'

Vị thiện tri thức thấy thế liền đem tới và đeo thêm cho vài cái gông và vài cái cùm khác.

Chuyện này xảy ra rất thường xuyên trong đời sống hàng ngày.

Vị học nhân vui mừng quá đổi đến nỗi không phân biệt được (ai là chủ ai là khách). Trường hợp này gọi là khách khán khách.

Thất bại hoàn toàn! Không có ai là chủ hết. Cả hai đều là khách.

Này các vị đại đức! Những gì tôi vừa nói chỉ là để giúp quý vị nhận diện được ma quái và tà đạo, và phân biệt được tà và chính.

 https://thuviensach.vn

Tinh Yếu Lâm Tế Lục

Tinh yếu tức là phần cốt lõi. Tinh yếu ở đây có nghĩa là trái tim.

Trong Lâm Tế Lục, Tổ có nói rằng mục đích của Tổ là đánh phá, trị bệnh và cởi trói. Như vậy thì mục đích của Tổ không phải là đưa ra những tư tưởng uyên áo để chúng ta học hỏi, đàm luận và mắc kẹt vào đấy. Vì vậy nếu ta học Lâm Tế Lục với mục đích tìm cầu những tư tưởng uyên áo để đàm luận và để mắc kẹt vào chúng là ta đã đi ngược với ý của Tổ. Những giáo lý và những phương tiện thi thiết của người xưa (người xưa ở đây là Bụt và Tổ) sẽ trở thành những cái bẫy sập giam hãm ta, vì vậy ta hãy cẩn thận, hãy nhớ tất cả những thi thiết ấy, dù là tam thân, thập địa, thế giới hoa tạng hay Tịnh Độ..., trước hết đều là những giả danh (Tổ gọi là danh từ suông, văn cú, chữ nghĩa). Nếu ta mắc kẹt vào những thi thiết ấy, cho chúng là những thực tại khách quan có mặt ngoài ta, là ta đã bị sa vào bẫy sập.

Đoạn văn trên có nghĩa là những điều dạy trong Lâm Tế Lục không phải là một sự tập hợp của những giáo điều. Giáo điều, tiếng Anh là dogma. Điều này rất quan trọng. Những điều Tổ nói không được coi như là khuôn vàng thước ngọc để thờ phụng mà chỉ là những dụng cụ, những biện pháp để đánh phá, trị bệnh và cởi trói. Điều này rất đúng với tinh thần đạo Bụt. 'Không được xem những điều Bụt dạy là chân lý tuyệt đối để thờ phụng và bảo vệ, nhất là bảo vệ bằng những phương tiện bạo động để gây ra thánh chiến'. Đó là nội dung giới thứ nhất của mười bốn giới Tiếp Hiện. Giáo lý về vô thường, vô ngã và tương tức không phải là những chân lý để thờ phụng và bảo vệ mà đó là những dụng cụ để chúng ta tự cởi trói cho mình. Khi học giáo lý vô thường, vô ngã và tương tức, chúng ta chỉ mới học qua ý niệm về vô thường, vô ngã và tương tức mà chưa phải là có tuệ giác. Chúng ta đừng lầm cái hiểu và cái ý niệm của chúng ta về vô thường, vô ngã và tương tức là những tuệ giác về vô thường, vô ngã và tương tức. Hai cái rất khác nhau. Những cái mà chúng ta học được và đem đi nói tùm lum đó, không phải là tuệ giác. Đó chỉ là những dụng cụ Bụt đưa ra để chúng ta sử dụng trong thiền quán và thực tập. Ví dụ, Bụt đưa

https://thuviensach.vn

cho chúng ta một cây cuốc để cuốc đất trồng khoai, để có khoai ăn. Mục đích là có khoai, chứ không phải là lấy cái cuốc đem để trên bàn thờ để thờ. Cái cuốc không bao giờ làm cho mình no được hết, mà ta phải biết dùng cái cuốc để cuốc đất trồng khoai. Cho nên quan trọng nhất là khoai mình trồng ra để ăn, chứ không phải là cái cuốc. Cái cuốc chỉ là một dụng cụ thôi. Giáo lý đạo Bụt cũng vậy, là những dụng cụ cho chúng ta sử dụng để khơi mở tuệ giác. Mục đích của giáo lý là những phương tiện mà những phương tiện đó là để đánh phá, khơi mở và chỉ bày. Ví dụ như ngón tay chỉ mặt trăng. Ta thấy rõ ràng ngón tay không phải là mặt trăng, nhưng nếu không có ngón tay thì ta không biết phương hướng để nhìn về mặt trăng. Nhờ ngón tay mà ta nhìn thấy được mặt trăng. Vì vậy những điều Bụt dạy phải coi như là những phương tiện, những chiếc bè để đưa ta qua bờ bên kia. Nhưng chiếc bè không phải là bờ bên kia, có được chiếc bè trong tay rồi không có nghĩa là ta đã qua được bờ bên kia.

Ngay câu đầu tiên này đã nói lên được tinh thần của Tổ Lâm Tế rồi. Ngài dặn rằng, những điều Bụt dạy đó là để đánh phá: đánh phá thành trì của sự cố chấp, đánh phá các chứng bệnh gọi là bệnh không tiêu, bệnh không có đức tin, bệnh đi tìm kiếm ở ngoài. Đánh phá để cởi trói cho ta từ những kiến thức, những thành kiến, những nhận thức sai lạc làm ta không cựa quậy được. Những điều Tổ nói có công dụng như vậy. Bất cứ một điều nào, một câu nói nào, hay một biện pháp nào có thể giúp ta đánh phá được thành trì của sự ngu dốt, của sự cố chấp, trị được bệnh và giúp cho ta thảnh thơi, đều là Phật Pháp, cho dù đó là của Tổ nói hay của bất cứ một người nào nói. Tuy vậy, chúng ta cũng không nên coi đó là khuôn vàng thước ngọc, không được coi là đối tượng của sự thờ phụng, không được coi là chân lý tuyệt đối. Có chiến tranh, có hận thù, phần lớn là do cuồng tín và cố chấp vào một cái thấy, một cái hiểu của mình, và cho đó là chân lý tuyệt đối. Vì vậy ta cho rằng người nào không theo ta là người đó đi theo con đường tà và đáng để cho ta tiêu diệt. Nếu ta là người Tiếp Hiện xuất gia hay tại gia thì ta phải thấy rằng giới đầu tiên của mười bốn giới Tiếp Hiện đã nói lên thái độ tự do, phá chấp của đạo Bụt rồi.

https://thuviensach.vn

Như vậy, mục đích của Tổ không phải là đưa ra những tư tưởng uyên áo để chúng ta học hỏi, đàm luận và bị mắc kẹt vào. Tư tưởng uyên áo tức là những tư tưởng rất sâu xa, rất mầu nhiệm, rất khó hiểu. Chữ mystical thought không dịch được mấy chữ tư tưởng uyên áo. Mystical là thần bí. Tư tưởng uyên áo không phải chỉ có thần bí mà thôi. Trong khi học một kinh hay đọc một bài triết học, ta có khuynh hướng cho rằng trong kinh đó hay trong bài triết học đó có những tư tưởng rất sâu, rất khó hiểu, nó đại diện cho chân lý tuyệt đối, và mục đích của ta là phải nắm cho được những tư tưởng đó, hiểu những tư tưởng đó, vì vậy ta đã để hết tâm trí vào việc đào bới và nắm cho được những tư tưởng đó.

Thái độ đi tìm kiếm những tư tưởng uyên áo để chất chứa làm kho tàng gia bảo của mình, làm kiến thức của mình là thái độ không nên có trong khi đọc Lâm Tế Lục. Nhưng phần lớn chúng ta đều học hỏi với tinh thần đó. Chúng ta đi kiếm chác chân lý, kiếm chác những tư tưởng uyên áo trong kinh điển để chất chứa mà chúng ta không đi tìm thuốc để trị bệnh. Thành ra trong chữ uyên áo này có cái ý profound, mysterious, complicated, precious, absolute. Nếu đọc Lâm Tế Lục với ý niệm đi tìm những tư tưởng uyên áo để chất chứa vào kho kiến thức của mình là sai. Mục đích của Tổ không phải là đưa ra những tư tưởng uyên áo để chúng ta học hỏi, đàm luận và mắc kẹt vào đó.

Hiện nay bên Tàu, bên Nhật, bên Việt Nam và bên Đại Hàn người ta đang học Lâm Tế Lục như đang nghiên cứu một văn bản rất bí hiểm: phân tích từng chữ, từng câu và đàm luận rất nhiều. Đó chính là chuyện Tổ kỵ nhất, ghét nhất. Rất tội nghiệp cho Tổ cũng như rất tội nghiệp cho Bụt. Những điều Bụt dạy trong các kinh điển rất đơn giản, rất thực tế, nhưng đến khi tập hợp lại những điều đó thì ta lại viết ra thành những bộ sách rất khó hiểu. Khi đọc kinh, ta thấy quá dễ dàng, quá đơn giản, nhưng đến khi đọc luận (abhidharma) thì ta thấy 'trời ơi là nhức cái đầu', rất khó chịu. Giống như một sợi tóc chẻ ra làm tám, rồi lấy một phần tám chẻ ra làm tám nữa, rất chi chít và rất mệt. Văn học abhidharma đã rất khô khan. Đáng lý nền văn học abhidharma là để hệ thống hóa và làm cho nền văn học của khế kinh

https://thuviensach.vn

(sutra) dễ hiểu hơn. Nhưng ngược lại, nền văn học abhidharma đã làm cho nền văn học sutra bí hiểm hơn, rắc rối hơn và khó hiểu hơn. Thành ra phận sự của ta là phải đánh phá, phải cởi trói và phải trả lại cho đạo Bụt tính đơn giản (simplicity), tính tự nhiên, tính thực dụng của nó. Đã có rất nhiều người Phật tử đi sâu vào trong công trình nghiên cứu và suy tư, và đã làm cho giáo lý đạo Bụt trở thành một cái gì rất rắc rối. Họ gọi đó là uyên áo, cho đó là mầu nhiệm, mà họ không biết là họ đã làm mất thì giờ của rất nhiều thế hệ học giả và hành giả sau này. Vì vậy, nếu ta học Lâm Tế Lục với mục đích tìm cầu những tư tưởng uyên áo để đàm luận và để mắc kẹt vào là chúng ta đã đi ngược với ý của Tổ.

Đây là một tiếng chuông chánh niệm. Nếu trong khi đọc Lâm Tế Lục mà ta thấy rã ra những khối u mê, ta thấy được chứng bệnh gọi là mắc kẹt, gọi là tiêu hóa không thông bắt đầu được giải tỏa, thì chúng ta biết rằng chúng ta đang học Lâm Tế Lục đúng. Còn nếu càng đọc càng thấy khó, càng đọc càng thấy nhức đầu, đó là ta đang học sai.

Những giáo lý và những phương tiện thi thiết của người xưa (người xưa ở đây là Bụt và Tổ) sẽ trở thành những cái bẫy sập giam hãm ta, vì vậy ta hãy cẩn thận, hãy nhớ tất cả những thi thiết ấy, dù là tam thân, thập địa, thế giới hoa tạng hay Tịnh độ..., trước hết đều là những giả danh (Tổ gọi là danh từ suông, văn cú, chữ nghĩa). Nếu ta mắc kẹt vào những thi thiết ấy, cho chúng là những thực tại khách quan có mặt ngoài ta, là ta đã bị sa vào bẫy sập.

Thi thiết là đặt bày ra. Đặt bày ra với mục đích là giúp người ta hiểu. Ví dụ như khi giảng về tái sinh và luân hồi, ta lấy ra một cây đèn cầy và một tờ giấy rồi đốt tờ giấy đó, và nói là tờ giấy vô sinh bất diệt v.v..., thì tất cả những điều đó đều là thi thiết. Thi thiết tức là những phương tiện quyền xảo (skillful means). Tổ dạy ta là đừng bị kẹt vào những phương tiện quyền xảo đó. Tất cả những danh từ, những ngôn ngữ, những hình ảnh ta đưa ra là muốn giúp cho người kia thấy được sự thật (nhưng người kia có thể bị kẹt vào những ngôn ngữ, hình ảnh, hay tư tưởng đó), cho nên ta phải khéo léo và người nghe cũng phải khéo léo thì mới không sinh ra tình trạng hiểu lầm rồi bị mắc kẹt.

https://thuviensach.vn

Những giáo lý và những phương tiện thi thiết của người xưa (người xưa ở đây là Bụt và Tổ) sẽ trở thành những cái bẫy sập giam hãm ta, vì vậy ta hãy cẩn thận, hãy nhớ tất cả những thi thiết ấy, dù là tam thân, thập địa, thế giới hoa tạng hay Tịnh độ..., trước hết đều là những giả danh (Tổ gọi là danh từ suông, văn cú, chữ nghĩa). Đó chỉ là chữ nghĩa, chỉ là những ý niệm. Khi đưa một ngón tay để chỉ mặt trăng, người đưa ra ngón tay có thiện ý giúp cho người kia thấy được mặt trăng, nhưng nếu người kia nhận lầm ngón tay là mặt trăng, thì có sự thất bại. Sự thất bại của người đưa ngón tay và sự thất bại của người nhìn ngón tay. Lúc đó ngón tay trở thành ngục tù giam hãm người kia. Nếu người kia nắm lấy ngón tay và nghĩ rằng đây là mặt trăng, thì người kia bị rơi vào bẫy sập. Vì vậy tất cả những lời Bụt dạy, tất cả những lời Tổ dạy, dù hay cách mấy, dù khéo cách mấy cũng có thể trở thành những ngục tù, những bẫy sập.

Ý niệm này được diễn tả rất khéo léo trong Kinh Xà Dụ, tức là Kinh Người Bắt Rắn. Đức Thế Tôn nói: 'Giáo lý của ta quý vị phải học hỏi thông minh, áp dụng một cách khéo léo thì mới đưa lại lợi lạc cho quý vị. Còn nếu quý vị không khéo léo, không thông minh thì những giáo lý ấy có thể hại quý vị, có thể trở thành những bẫy sập, những ngục tù cho quý vị. Cũng như một người bắt rắn biết dùng nạng đè lên cổ nó, rồi lấy tay nắm vào cổ nó thì nó không làm được gì người đó; còn nếu nắm lấy đuôi của nó thì thế nào nó cũng quay lại mổ người đó chết'. Chưa có một vị giáo chủ nào, một bậc thầy nào dám ví giáo lý của mình như một con rắn, có thể nguy hiểm. Dù đó là Tứ Đế, Bát Chánh Đạo, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, cũng có thể nguy hiểm nếu không học hỏi một cách thông minh, nếu biến những giáo lý thành những giáo điều để thờ phụng. Đó là thông điệp của kinh Người Bắt Rắn, và đó cũng là thông điệp của kinh Kim Cương. Kinh Kim Cương là sự tiếp nối của kinh Người Bắt Rắn. Kinh Kim Cương là kinh Đại Thừa, còn kinh Người Bắt Rắn là kinh Nguyên Thỉ. Câu nói nổi tiếng của kinh Kim Cương là: 'Giáo lý của ta cũng như chiếc bè để đi qua sông, mình phải có khả năng buông bỏ chiếc bè và đừng có cho chiếc bè là bờ bên kia. Cái gọi là Pháp mà còn phải buông bỏ huống hồ những cái không phải là Pháp'. Pháp thượng

https://thuviensach.vn

vị xả hà huống phi pháp (Pháp đích thật mà còn phải buông bỏ, huống hồ không phải là Pháp đích thật). Câu nói đó là một câu rất nổi tiếng của kinh Kim Cương. Tư tưởng đó nằm ngay ở trong kinh Người Bắt Rắn, một kinh Nguyên Thỉ. Một kinh được coi là kinh Tiểu thừa nhưng lại là mẹ của kinh Đại thừa bởi vì trong đó có tất cả những tư tưởng uyên áo của kinh Đại thừa. Đó là kinh nói về sự phá chấp, nói về phương pháp học hỏi và thực tập sao cho thông minh để đừng bị kẹt vào những cái bẫy sập của các bậc thầy. Các bậc thầy nói ra điều gì, ta đừng có mù quáng tin theo và cho đó là khuôn vàng thước ngọc. Ta phải dùng trí tuệ của mình để hiểu một cách thông minh và đem áp dụng một cách thông minh thì lúc đó ta mới là học trò giỏi.

Nếu ta mắc kẹt vào những thi thiết ấy, cho chúng là những thực tại khách quan có mặt ngoài ta, là ta đã bị sa vào bẫy sập. Điều này rất rõ. Bụt, Pháp và Tăng là ba danh từ. Khi nghe nói Bụt, Pháp và Tăng, ta cúi đầu, chắp tay lại, quỳ xuống, và nghĩ ngay đến Bụt, Pháp và Tăng là ở trên mây hay ở mười phương thế giới, còn ở trong ta chẳng có gì hết. Lúc đó là ta đã rơi vào bẫy sập rồi. Nghe nói Tịnh Độ ở Phương Tây, ta hướng về phương đó nói: 'Thôi, mình phải phát tâm nhàm chán cõi Ta Bà này để sau khi chết qua bên đó cho khỏe'. Nói như vậy là rơi vào bẫy sập rồi. Mà bẫy sập giăng ra khắp nơi và bước một bước là ta có thể rơi vào bẫy sập liền lập tức.

Hiện bây giờ có rất nhiều siêu thị: siêu thị tâm linh, siêu thị tôn giáo v.v..., mà ở đó bày ra biết bao nhiêu món hàng, biết bao nhiêu bẫy sập, ta chỉ cần động chân một cái là rớt vào một cái bẫy, và có thể rơi vào cái bẫy đó suốt đời. Rất nguy hiểm. Cho nên tinh thần của Tổ là tinh thần phá chấp, tinh thần bảo tồn tự do để đừng bị rơi vào những bẫy sập. Tổ Huệ Năng nói: 'Tự quy y Phật' - con về nương Bụt trong con. Đó là một cách chữa lại để giúp ta thoát ra khỏi bẫy sập. Cho rằng Bụt ở ngoài ta, ta cần sự nương tựa và ta phải đi kiếm sự nương tựa đó ở bên ngoài, còn trong ta thì không có gì để nương tựa hết. Đó là rơi vào bẫy sập rồi. Cho nên 'về nương Bụt trong con' là để thấy được trong ta có tự tánh Bụt và ta có thể Quy Y được nơi tuệ giác đó, nơi sự vững chãi đó, nơi hải đảo tự thân đó. Đó là một cách cứu

https://thuviensach.vn

chúng ta thoát khỏi một trong những cái bẫy sập. Vậy thì ta nên hỏi là ta có đang ở trong những cái bẫy sập hay không? Ta có phải là con người tự do hay không?

Các vị đã thọ giới Tiếp Hiện, đã tụng giới Tiếp Hiện năm này sang năm khác, quý vị có thấy tinh thần này ở trong những giới đầu của mười bốn giới Tiếp Hiện hay không? Chúng ta đọc mỗi tháng hai lần, nhưng có thể chúng ta không thấy được chiều sâu của những điều này. Chúng ta đọc như những con vẹt mà không thấy được tinh thần phá chấp, không thấy được bầu trời bao la của tự do ở trong đạo Bụt. Không được vướng vào bất cứ một chủ nghĩa nào, một lý thuyết nào, một ý thức hệ nào dù là những giáo nghĩa Bụt dạy. Có tôn giáo nào, có truyền thống nào dám nói rằng 'đừng có tin mù quáng vào kinh điển của tôi, tin mù quáng vào kinh điển của tôi có thể là nguy hiểm' không? Nhưng trong đạo Bụt các thầy đã nói như vậy đó. Nói rằng kinh điển có thể là con rắn, không khéo là nó có thể trở lại cắn mình.

Tinh thần phá chấp trong đạo Bụt là nét rất đặc thù của truyền thống Phật Giáo. Tự do này không phải là thứ tự do chính trị, tự do này lớn hơn nhiều. Đó là tự do nhận thức, tự do đối với những ý niệm, những lý thuyết, những chủ nghĩa. Những lý thuyết, những chủ nghĩa là những nhà tù rất lớn, nó giam hãm không phải một người, hai người mà là hàng trăm triệu người. Nó làm cho hàng trăm triệu người ngất ngư trong vòng hai chục năm, ba chục năm, bảy chục năm, mà chưa có cơ hội giải tỏa. Rất dễ sợ. Liên bang Xô Viết là một ví dụ. Liên bang Xô Viết bị giam hãm trong ngục tù của ý thức hệ Mác Xít bảy mươi năm, đã tạo ra rất nhiều bi kịch cho chính người dân ở trong nước. Người nào không tin vào chủ nghĩa thì bị đày, bị phạt, bị đưa vào nhà thương điên và cho rằng bi. điên mà thực tế ho. không hề điên gì hết. Đảng không thể chấp nhận được những người nói ngược lại đường lối, chủ thuyết của Đảng. Để tiêu diệt người đó, Đảng nói người đó bi. Bệnh tâm thần và yêu cầu bác sĩ ký một tờ giấy xác nhận là ông này bi. Tâm thần, cần phải đưa vào bệnh viện tâm thần để điều trị. Biết bao nhiêu người đã bị đưa vào bệnh viện tâm thần. Đó là hậu quả của thái độ cuồng tín và cố chấp. Vì vậy mục đích đầu tiên của giáo lý và sự thực tập của đạo Bụt là để công phá thành trì của cuồng tín và cố

https://thuviensach.vn

chấp. Cho nên mục đích của Tổ là đánh phá, mà đánh phá bằng những phương tiện quyền xảo, và Lâm Tế Lục là thứ vũ khí rất lợi hại.

Khi nghe một điều gì hay học một cái gì, ta có khuynh hướng muốn nắm lấy điều đó, giữ lấy cái đó, chứa chấp nó và coi như của gia bảo. Đến khi nghe người khác nói khác cái ta vừa mới học thì ta chịu không nổi, vì ta đã đồng nhất ta với ý niệm đó, giáo lý đó. Ta đã bị rơi vào trong bẫy sập. Nhưng nếu có người đến tìm cách tháo bẫy sập cho ta, ta lại giận người đó, trách người đó: 'Tại sao tôi đang yên lành trong bẫy sập của tôi mà ông lại tới móc tôi ra khỏi làm gì?' Sự thật là sau khi ta thoát ra khỏi cái bẫy sập này, ta có thể lại rơi vào một cái bẫy sập khác. Vì vậy con đường tâm linh có rất nhiều chướng ngại và nguy hiểm mà nếu không có minh sư, không có bạn lành thì ta có thể bị kẹt rất nhiều lần. Do đó ta phải có thái độ phóng khoáng, sẵn sàng học hỏi, sẵn sàng buông bỏ. Và thiện tri thức là để giúp ta vào những lúc đó.

Liên bang Xô Viết đã ôm lấy lý thuyết chủ nghĩa Mác xít trong vòng bảy mươi năm, đã tạo ra biết bao nhiêu khổ đau, bế tắc, và cho đến một ngày mới thấy rõ ràng là ho. đã bỏ ra bảy mươi năm một cách rất oan uổng. Trong bảy mươi năm đó họ vẫn tin tưởng rằng con đường này là con đường duy nhất để đưa tới sự phồn vinh của dân tộc và của đất nước, ngoài ra không còn con đường nào khác. Người học đạo cũng vậy. Người học đạo cũng có thể giam mình bảy mươi năm trong một cái bẫy sập. Xin quý vị nghĩ lại và đặt câu hỏi rằng: Mình có đang ở trong một cái bẫy sập hay không? Mình có đang mắc vào những tiện nghi trong cái bẫy sập đó của mình hay không?

Ta không nên đi tìm cầu Bụt, Tổ, Bồ Tát, tam thân, thập địa, thế giới hoa tạng, lầu các của Di Lặc ngoài ta. Ta phải chấm dứt mọi tìm cầu. Phải ngưng sự tìm cầu ngay và hãy trở về bản thân trong giây phút hiện tại. Bản thân trong giây phút hiện tại chứa đựng tất cả những gì ta muốn tìm cầu: pháp thân, bát nhã, giải thoát, Bụt, Tổ và các cõi nước trang nghiêm. Bản thân ở đây không hẳn là năm uẩn, vì năm uẩn vô thường có đó không đó. Nhưng bản thân cũng không phải là

https://thuviensach.vn

một cái gì có thể nhận thức ngoài năm uẩn, bởi vì nhờ có năm uẩn nương nhau mà ta nhận diện được bản thân ấy vốn là con người thật của chính ta. Con người thật ấy là chân tâm sáng chói có diệu dụng nhận diện và tiếp xúc với mọi mầu nhiệm của sự sống: Tổ gọi đó là cái tinh minh sáng rỡ biểu hiện thành sáu đạo thần quang: khả năng thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và tư duy. Năm uẩn là vô thường nhưng bản tâm biểu hiện nhờ năm uẩn là con người thật của ta thì không sinh, không diệt, không có, không không, vượt thoát mọi khái niệm. Đó là con người thật không có vị trí (nghĩa là không thể được đồng nhất với một uẩn trong năm uẩn hoặc cả năm uẩn). Con người thật đó là Bụt. Bụt không phải là một thực thể có ngoài con người thật đó. Bụt và chúng sinh không phải là hai thực thể riêng biệt (Phật sinh vô nhị). Nếu không thấy được điều này, nếu không có đức tin vững chãi nơi sự thật này, thì không bao giờ chấm dứt được sự tìm cầu, phóng thể, vẫn không dừng lại được để làm một con người vô sự, vẫn còn có khuynh hướng chán phàm yêu thánh, vẫn chưa có được hạnh phúc và an vui thật sự.

Ta không nên đi tìm cầu Bụt, Tổ, Bồ Tát, tam thân, thập địa, thế giới hoa tạng, lầu các của Di Lặc ngoài ta. Đây là lời của Tổ nói. Là người học đạo, ta luôn luôn đi tìm cầu: ta đi tìm cầu Thượng Đế, ta đi tìm cầu Chúa Ki Tô, ta đi tìm cầu Allah, ta đi tìm cầu Thiên Quốc, ta đi tìm cầu Bụt và Bồ Tát v.v..., ở ngoài ta. Đó là tâm trạng của số đông. Ở các giáo lý, ta được học rằng tất cả đều nằm ở trong trái tim của ta: Thượng Đế nằm ở trong trái tim của anh, Thiên Quốc nằm ở trong trái tim của chị, Tịnh Độ là duy tâm, Phật ở trong tâm. Chúng ta nghe những điều đó nhưng chúng ta đâu có tin. Những giáo nghĩa đó đâu phải là không có? Có đó, nhưng vì chúng ta không chịu tin, chúng ta chỉ muốn tin rằng chúng ta là con số không, nghèo đói xác xơ, cho nên muốn đi tìm kiếm một chút tình thương, một chút trí tuệ ở bên ngoài. Đó là thái độ của đa số và đó là thái độ mà Tổ Lâm Tế muốn công phá trước tiên. Thành ra đi tìm cầu Bụt, Tổ, Bồ Tát, tam thân, thập địa ở trong tương lai và ở địa phương khác hay ở một thế giới khác, là lỗi lầm đầu tiên mà chúng ta mắc phải. Nếu chúng ta biết trở về trong giây phút hiện tại, sống cho sâu sắc với giây phút hiện tại, tiếp xúc với

https://thuviensach.vn

những mầu nhiệm của sự sống trong giây phút hiện tại, thì tất cả những gì chúng ta tìm cầu sẽ biểu hiện ra ngay trong giây phút hiện tại đó. Thiên Quốc hay Tịnh Độ, Thượng Đế hay Chúa Ki Tô, Bụt Thích Ca hay Bụt Di Lặc trong tương lai đều có mặt trong giây phút hiện tại.

Ta phải chấm dứt mọi tìm cầu. Đây đích thực là giáo lý của Bụt. Đó là giáo lý Vô Tác (apranihita), một trong Ba Cánh Cửa Giải Thoát. Ba Cánh Cửa Giải Thoát là Không, Vô tướng và Vô tác. Vô tác tức là không đặt trước mình một đối tượng để tìm cầu và chạy theo. Chấm dứt sự tìm cầu, vì cái mà ta tìm cầu đã có sẵn trong ta, ngay trong giây phút hiện tại. Cũng như một đợt sóng: nó bất an, nó khổ đau, nó lo sợ, nó đi tìm cầu giải thoát và một nền tảng vững chãi, nó vươn tới để tìm cầu, nhưng kỳ thực cái nó đi tìm cầu lại chính là bản thân nó. Nếu nó biết nó chính là nước rồi thì nó giải thoát, nó không còn bị những ý niệm sinh, diệt, có, không, còn, mất làm cho thất điên bát đảo nữa. Vả lại, sóng mà đi tìm nước thì thật là buồn cười. Sóng đâu có cần phải vươn tới một phương trời nào khác để đi tìm nước, bởi vì sóng đã là nước ngay trong giây phút hiện tại rồi. Những cái mà chúng ta đi tìm cầu đã đang có mặt ngay trong giây phút hiện tại. Anh đang là cái mà anh muốn trở thành đó. You are already what you want to become. Niết Bàn hay Tịnh Độ đã đang nằm sờ sờ ngay trong bản thân ta và chung quanh ta trong giây phút hiện tại. Cái đó gọi là vô tác, cánh cửa giải thoát thứ ba và cũng là nền tảng của giáo lý Vô Đắc: không có đắc cũng không có sở đắc, không có tìm cầu cũng không có đối tượng của sự tìm cầu.

Ta phải chấm dứt mọi sự tìm cầu, phải ngưng sự tìm cầu ngay và hãy trở về bản thân ngay trong giây phút hiện tại. Bản thân trong giây phút hiện tại chứa đựng tất cả những gì ta muốn tìm cầu: pháp thân, bát nhã, giải thoát, Bụt, Tổ và các cõi nước trang nghiêm. Bản thân ở đây không hẳn là năm uẩn, vì năm uẩn vô thường có đó không đó, nhưng bản thân cũng không phải là một cái gì có thể nhận thức ngoài năm uẩn, bởi vì nhờ có năm uẩn nương nhau mà ta nhận diện được bản thân ấy vốn là con người thật của chính ta.

https://thuviensach.vn

Đây là một đề tài muôn thuở trong đạo Bụt, bởi vì giáo lý đạo Bụt dựa trên tuệ giác gọi là vô ngã. Trong khi đó, ta nói tới bản thân như là một cái ngã. Chúng ta biết có nhiều quan niệm về ngã:

1- Cho rằng năm uẩn này là ta, là ngã. Đó là tà kiến thứ nhất.

2- Cho rằng thân này không phải là ngã mà là của ngã (ngã sở) - thân này không phải là ta nhưng là của ta. Năm uẩn không phải là ta, nhưng năm uẩn là vật sở hữu của ta. Đó là tà kiến thứ hai.

3- Cho rằng thân này không phải là ta, nhưng ta có trong thân này và thân này có trong ta. Cái đó gọi là tương tại. Đó là tà kiến thứ ba.

Tương tại nghĩa là có trong nhau. Ba quan niệm đó được lặp lại nhiều lần trong kinh Bụt dạy cho thầy La Hầu La. Bụt nói rằng: Thân này không phải là ta, không phải là của ta, cũng không phải ở trong ta, mà ta cũng không phải đang ở trong thân này. Đó là ba kiến chấp:

1- Ta là uẩn (ngã)

2- Ta không phải là uẩn nhưng uẩn thuộc về ta (ngã sở).

3- Ta ở trong uẩn, uẩn ở trong ta (tương tại).

Trong tiếng phạn có chữ Atma là ngã, và có chữ Pudgala là người (có khi dùng chữ Purusa). Có khi ta thấy hai cái là một: Atma tức là Pudgala. Pudgala dịch âm là Bổ đặc già la. Trong hai mươi mấy tông phái Phật giáo, có một phái gọi là Pudgalavada, chủ trương có con người và gần như là chủ trương có ngã. Nói như vậy là vì tông phái này tự xưng là căn cứ trên kinh điển và ưa trích dẫn một câu trong kinh Tăng Nhất A Hàm: 'Có một con người trên thế gian mà sự xuất hiện của con người đó đem lại không biết bao nhiêu lợi lạc cho thế gian và cho muôn loài. Người ấy là ai? Người ấy là Bụt'. Câu đó rất nổi tiếng. Họ chỉ cần trích dẫn câu đó, đủ để chứng minh là có con người, tức là có cái ngã của đức Thế Tôn, trong khi giáo lý của đạo Bụt là vô ngã. Tất cả các kinh sư, cũng như các giảng sư, các pháp sư đều diễn thuyết và đều dùng tất cả mọi lý luận có thể có được, để chứng minh là không có ngã, không có con người, thì phái

https://thuviensach.vn

Pudgalavada chủ trương là có con người, có ngã. Phái Pudgalavada gần như được coi là phái không chính thống, vì đã công nhận là có con người và có ngã. Nhưng phái này lại có rất nhiều người theo. Sử ghi chép lại là khi ngài Huyền Trang qua Ấn Độ thỉnh kinh, phái này rất mạnh, có ít nhất là năm mươi ngàn thầy đi theo.

Ý hướng chấp ngã là một ý hướng rất sâu dày, vì vậy tuy Bụt nói vô ngã, nhưng đệ tử của Người cũng cố tìm ra một cái ngã để bám vào. Rất khó suy tư nếu nói là không có ngã, cho nên đã sinh ra một quan niệm rất vi tế về ngã đó là: phi tức phi ly uẩn, gồm hai phần là phi tức uẩn (không phải là uẩn) và phi ly uẩn (không phải ngoài uẩn mà có). Quan niệm này rất tế nhị, nó cố gắng chứng minh là có một cái ngã và đồng thời tìm cách để thoát ra khỏi ba kiến chấp mà Bụt đã dạy trong kinh La Hầu La. Nghĩa là: cái ngã đó có, nhưng nó không phải là uẩn, và cũng không phải lìa uẩn mà có.

Phải ngưng sự tìm cầu ngay và hãy trở về bản thân ngay trong giây phút hiện tại. Mỗi khi nghe nói tới bản thân, chúng ta có thể nghĩ là năm uẩn. Bản thân ở đây không hẳn là năm uẩn, vì năm uẩn vô thường có đó không đó. Chữ hẳn này rất khéo, nó không phải là năm uẩn, nhưng cũng không phải tìm cầu ngoài năm uẩn. Ta không đồng nhất ta với năm uẩn, nhưng ta biết rằng ngoài năm uẩn thì cũng không có bản thân. Phi tức phi ly nghĩa là không phải cái đó, nhưng cũng không phải lìa cái đó mà có được.

Vì năm uẩn vô thường có đó không đó, nhưng bản thân cũng không phải là một cái gì có thể nhận thức ngoài năm uẩn, bởi vì nhờ có năm uẩn nương nhau mà ta nhận diện được bản thân ấy vốn là con người thật của chính ta. Con người thật ấy là chân tâm sáng chói có diệu dụng nhận diện và tiếp xúc với mọi mầu nhiệm của sự sống: Tổ gọi đó là cái tinh minh sáng rỡ biểu hiện thành sáu đạo thần quang: khả năng thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và tư duy. Năm uẩn là vô thường nhưng bản tâm biểu hiện nhờ năm uẩn là con người thật của ta thì không sinh, không diệt, không có, không không, vượt thoát mọi khái niệm. Đó là con người thật không có vị trí.

https://thuviensach.vn

Người thật ở đây là dịch từ chữ chân nhân. Vô vị chân nhân, con người thật không có vị trí. Vô vị nghĩa là không xác định được vị trí trong không gian và thời gian. Các nhà khoa học vật lý, khi nghiên cứu về những vật thể li ti, những chất điểm (elementary particals), những hạt điện tử (electrons), hay những giới tử (mesons), cũng đã nói như vậy: không thể nào xác định được vị trí của một điện tử trong không gian và trong thời gian. Nhưng không thể nói là điện tử không có. Con người thật của chúng ta cũng vậy. Không thể nói là không có con người thật, nhưng xác định nó trong vị trí không gian và thời gian như Lộc Uyển ở Escondido thì không được. Lộc Uyển thì ta có thể nói là ở south California hay Escondido, nhưng đi sâu vào bản thân thực tại của một điện tử, một trung hòa tử, một giới tử thì không thể xác định được vị trí của chúng ở trong không gian và thời gian như vậy. Vị ở đây không phải là một chức vị như chức vị tổng thống, bộ trưởng, tri khố, tri xa, giáo thọ, hay thức xoa ma na. Vị ở đây không phải là một vị trí hay một chức vị. Vô vị chân nhân nghĩa là con người thật không có vị trí, không thể được đồng nhất với một uẩn trong năm uẩn hoặc cả năm uẩn.

Bởi vì nhờ có năm uẩn nương nhau mà ta nhận diện được bản thân ấy vốn là con người thật của chính ta. Con người thật ấy là chân tâm sáng chói, có diệu dụng và có thể tiếp xúc được với mọi mầu nhiệm của sự sống. Ta có chân tâm sáng chói đó, nhưng ta không sử dụng, ta cứ lo sử dụng tâm lo sợ, tâm tìm cầu, tâm tham muốn. Chân tâm sáng chói nghĩa là có công dụng mầu nhiệm, có khả năng tiếp xúc được với tất cả mầu nhiệm của sự sống. Tổ gọi đó là cái tinh minh sáng rỡ, biểu hiện thành sáu đạo thần quang (cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm và cái tư duy). Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần thì biểu hiện ra sáu thức. Với sáu thức đó, ta có thể làm ra tất cả các phép lạ mà chư Bụt và chư Bồ tát đã làm. Ví dụ, ta ngồi đây nhìn núi. Nếu ta biết sử dụng cái thấy của mình thì cái thấy đó có thể trở thành một đạo hào quang, có khả năng chiếu sáng, cho ta nhìn thấy núi là một sự mầu nhiệm. Ngày hôm qua, ngồi với thị giả bên cửa sổ, tôi chỉ cho thị giả thấy ngọn núi ở phương Tây. Tôi nói:

https://thuviensach.vn

- Con nhìn kìa, con có thấy tòa núi đó không? Nó là một cái chung cư vĩ đại, có biết bao nhiêu loài đang sống trong chung cư đó một cách rất tiện nghi. Có hàng triệu sinh vật đang sống ở đó, mỗi loài có chỗ cư trú riêng, có thực phẩm và có quyến thuộc riêng của nó. Nhìn đi con!

Lúc đó, ta thấy được loài người của mình chỉ có mặt chừng năm trăm người trên núi mà thôi, một phần rất nhỏ của núi rừng Lộc Uyển. Ta cũng có một vài cư xá, có kho thức ăn, và cũng đi lên đi xuống. Trong khi đó, trên ngọn núi kia hàng trăm vạn chúng sanh cũng đang làm như vậy một cách rất im lặng. Họ có nền văn minh của họ, và họ có chỗ cư trú riêng. Khi nhìn như vậy, ta thấy rất mầu nhiệm. Ta thấy được liên hệ giữa ta và các loài sinh vật. Ta kính trọng họ, họ kính trọng ta. Vậy thì, cái thấy đó do đâu mà có? Đó là do sử dụng đạo thần quang thứ nhất: cái thấy của ta. Bụt và chư vị Bồ Tát nhìn cuộc đời như vậy. Nhìn bầu trời, nhìn ngân hà, nhìn mặt trăng, nhìn đám mây, nhìn dòng suối, nhìn ngọn núi, v.v... ta thấy được tất cả những nhiệm mầu trong thế giới Hoa Tạng đang có mặt trong giờ phút hiện tại. Cái một nằm trong cái tất cả. Sự sống của con người không thể có mặt nếu thiếu sự có mặt của các loài khác. Không khí chúng ta đang hít thở trong mỗi giây mỗi phút này là do các loài khác cung cấp. Hít vào một hơi thở, chúng ta cảm thấy rất biết ơn: nếu không có những loài cây đứng xung quanh đây và chúng cũng đang thở thì ta không có được dưỡng khí đó để thở. Đó là một phép lạ. Phép lạ đó giúp ta tiếp xúc được với những mầu nhiệm của sự sống trong giây phút hiện tại. Hoàn cảnh đó là Tịnh độ hay là địa ngục thì cũng do ta có biết sử dụng sáu đạo thần quang của mình hay không mà thôi. Sáu đạo thần quang luôn có đó, ta không thể nói là không có. Nếu ta để tâm lo buồn, giận hờn, tìm kiếm, tuyệt vọng, v.v... phát khởi và trấn ngự, đó là ta đang không biết sử dụng sáu đạo thần quang mà chịu chết trong hoàn cảnh của mình. Vấn đề là phải trở về để sử dụng một cách khéo léo sáu đạo thần quang đó, tức là sáu thức. Khi sáu thức bị những phiền não che lấp thì ta sử dụng rất khó khăn. Nhưng nếu được thầy, được bạn chỉ dẫn và nhắc nhở, thì ta bắt đầu biết sử dụng được sáu đạo thần quang đó để có thể nuôi dưỡng và làm biểu hiện thế giới của

https://thuviensach.vn

Hoa Tạng. Những lâu đài của đức Di Lặc, những hàng châu báu trang nghiêm của cõi Tịnh Độ có mặt ngay bây giờ và ngay tại đây.

Chính bản thân năm uẩn của chúng ta cũng rất mầu nhiệm. Những phép thần thông mà chư Bụt và chư Bồ Tát làm được thì ta cũng có thể làm được, và làm được ngay bây giờ và ngay ở đây. Sở dĩ ta làm được là do ta biết sử dụng sáu đạo thần quang. Khi nó bị mê mờ, bị phiền não thì ta gọi nó là thức. Nhưng khi nó tự do thì ta gọi nó là trí. Cũng là nó mà thôi. Cũng như ly nước đục, nếu để cho lắng lại thì thành ly nước trong, nhưng nếu đổ ly nước đục đi thì không còn ly nước nữa, mà cũng không có nước trong. Vì vậy Tổ mới nói rằng: Các vị đang ngồi nghe pháp đây - chính các vị là Phật, là Tổ. Chính các vị có thể sử dụng sáu đạo thần quang để làm cho lâu đài, đền các của đức Di Lặc có mặt trong giờ phút hiện tại. Quý vị có thì giờ ngắm núi hay không? Sử dụng đạo thần quang thứ nhất để ngắm núi đi, rồi các vị sẽ thấy rằng cái mà mình đi tìm cầu nó đang nằm ngay ở tại chỗ. Và nếu ta không có hạnh phúc là tại vì ta chứ không phải tại vì người kia.

Con người thật đó là Bụt. Bụt không phải là một thực thể có ngoài con người thật đó. Bụt và chúng sinh không phải là hai thực thể riêng biệt (Phật Sinh vô nhị). Phật tức là Bụt. Sinh là chúng sinh. Thường thường, chúng ta phân biệt hai cái khác nhau: chúng sinh thì không phải là Bụt, mà Bụt không phải là chúng sinh. Trong giáo lý này, Bụt và chúng sinh không phải là hai cái tách rời nhau: ngoài cái này thì không có cái kia, ngoài cái kia thì không có cái này; ngoài Bụt thì không có chúng sinh, ngoài chúng sinh thì không có Bụt. Vì vậy cái mà ta gọi là người, là ta, là chúng sinh đó, nếu nhìn cho kỹ thì sẽ thấy Bụt ở trong đó.

Nếu không thấy được điều này, nếu không có đức tin vững chãi nơi sự thật này, thì không bao giờ chấm dứt được sự tìm cầu, phóng thể, vẫn không dừng lại được để làm một con người vô sự, vẫn còn có khuynh hướng chán phàm yêu thánh, vẫn chưa có được hạnh phúc và an vui thật sự.

https://thuviensach.vn

Đoạn văn này có thể rất hiện đại. Hiện bây giờ khoa học cũng đang đi tìm nguồn gốc của tâm thức. Có một môn khoa học tên là Neuroscience, khoa học về thần kinh não bộ, đang tìm mọi cách để nghiên cứu và tìm hiểu là thức được phát hiện từ những căn bản nào:

1- Thức có phải là não bộ hay không?

2- Thức và não bộ có phải là hai thực tại khác nhau không?

3- Não bộ nằm trong thức, hay thức nằm trong não bộ?

Khoa học não bộ đang khám phá ra nhiều điều rất hay. Trước hết, họ khám phá ra rằng trong não bộ không có một trung tâm nắm chủ quyền và ra lệnh. Khoa học đã không tìm thấy một trung tâm như vậy ở trong não bộ. Trong quân đội thì có tổng tư lệnh, nơi đưa lệnh xuống cho các đơn vị nhỏ. Ở các đơn vị cũng vậy. Nhưng trong não bộ của chúng ta, không có một trung tâm điều khiển, không có một đại bản doanh, không có một đơn vị đưa lệnh ra. Người ta chỉ thấy có nhiều phần khác nhau của não bộ, mỗi phần có một lĩnh vực hoạt động riêng, và nếu các phần đó không hợp tác với nhau, không có truyền thông với nhau, thì không làm phát sinh được ý thức. Vì vậy khoa học bây giờ, kể cả khoa sinh lý học và khoa học về não bộ, đã cho thấy rõ sự thật về vô ngã.

Ngày xưa, các triết gia có khuynh hướng nghĩ rằng trong đầu mình có một chủ thể, một cái ngã nằm đâu đó trong óc. Cái chủ thể đó nhìn ra bằng cửa con mắt, lắng nghe bằng cửa lỗ tai, và tiếp nhận những dữ kiện của thế giới bên ngoài rồi tự tạo ra hình ảnh của thế giới bên ngoài đó. Thế giới bên ngoài đúng hay sai thì chưa biết, nhưng nhờ sáu cái cửa đó mà cái ngã nhỏ xíu ở bên trong nhận thức được thế giới bên ngoài. Bây giờ khoa học đã chứng minh rõ ràng rằng không có cái anh chàng nhỏ xíu nằm ở trong nhìn ra ngoài cửa sổ để tiếp nhận dữ kiện. Bây giờ khoa học não bộ thường dùng hình ảnh của một dàn nhạc hòa tấu gồm có những nhạc công khác nhau, sử dụng những nhạc khí khác nhau và có sự truyền thông với nhau. Nhìn vào, ta có thể thấy bản nhạc, ta có thể thấy dụng cụ, ta có thể thấy nhạc công, ta thấy đủ tất cả. Nhưng tất cả những cái đó không phải là nhạc. Chỉ khi

https://thuviensach.vn

nào bản nhạc được đánh lên thì chúng ta mới nghe được nhạc. Trước đó, ta không thể nào nhận thức được bản nhạc dù đã có những nốt nhạc, đã có những nhạc khí, đã có những nhạc công ở đó. Chỉ khi nào có sự phối hợp, chỉ khi nào nhạc khí được tấu lên, thì bản nhạc mới hình thành, lúc đó chúng ta mới nghe được bản nhạc. Ý thức (consciousness) cũng vậy. Nó không phải là một cái gì có sẵn ở bên trong, nó không trốn ở trong những tế bào hay trong bộ óc của mình, mà nó là sự truyền thông giữa những tế bào óc với nhau. Mỗi bộ phận, mỗi vùng khác nhau của bộ óc, đi về phía chuyên môn. Một vùng không làm gì được hết, nhưng khi tất cả các vùng hợp tác với nhau và phối hợp với nhau thì tự nhiên phát sinh ra thức. Vì vậy Đức Thế Tôn dạy là thức (cũng như sắc, thọ, tưởng và hành) chỉ là một trong năm uẩn thôi. Nghĩa là thức muốn được biểu hiện thì phải dựa trên sắc, thọ, tưởng, và hành; hành muốn biểu hiện thì phải dựa trên sắc, thọ, tưởng, và thức. Sắc là cơ thể của ta, nếu muốn biểu hiện cũng phải dựa trên thọ, tưởng, hành, và thức. Cho nên không có một uẩn nào trong năm uẩn mà tự mình có mặt, hay độc lập với bốn uẩn kia được. Tất cả các uẩn đều phải dựa trên các uẩn khác mà biểu hiện. Đó là lời dạy của đức Thế Tôn trong rất nhiều kinh điển. Thông thường ta nghĩ rằng khi chết rồi, thì sắc, thọ, tưởng và hành không còn nữa, chỉ còn lại thức và thức sẽ đi đây đó để chờ dịp nhập vào một thân xác mới. Điều đó không đúng! Như vậy là trái với khoa học và Phật pháp. Theo khoa học và Phật pháp thì một uẩn dựa trên năm uẩn kia mà biểu hiện. Thức cũng vậy. Điều đó đã được chứng minh rất rõ ràng trong khoa học về thần kinh não bộ.

Khi chúng ta tư duy theo tinh thần của đạo Bụt, chúng ta sẽ không thấy rằng thức sinh khởi mà chỉ thấy thức biểu hiện. Cũng như sắc, thọ, tưởng và hành, chúng ta không nhìn chúng như có sinh khởi mà là có biểu hiện. Sinh khởi nghĩa là từ không mà trở thành có, còn biểu hiện thì có nghĩa khác. Biểu hiện nghĩa là đang ẩn tàng trong những nhân và những duyên của nó, khi nhân duyên phối hợp với nhau đầy đủ, thì có sự biểu hiện. Biểu hiện như vậy không phải là sinh. Em không phải tạo sinh mà chỉ là biểu hiện. Khi tư duy theo tinh thần đạo Bụt, chúng ta thấy chỉ có sự biểu hiện. Những biểu hiện đó, bản chất

https://thuviensach.vn

của chúng là không sinh, không diệt, không tới, không đi. Thức không từ đâu tới, và sau khi biểu hiện rồi, cũng không đi đâu cả. Vì vậy bản chất của năm uẩn cũng là bất sinh bất diệt. Không những Bụt là bất sinh bất diệt mà năm uẩn cũng bất sinh bất diệt (Phật Sinh vô nhị).

Tổ nói tới sáu đạo thần quang, tức là sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Khi sáu thức bị che lấp, mê mờ, trĩu nặng thì chúng không phải là thần thông; khi sáu thức được giải phóng thì chúng là thần thông. Khi sáu thức bị mê mờ thì được gọi là chúng sinh; khi sáu thức được giải phóng thì được gọi là Bụt. Điều này giúp chúng ta hiểu được ý của Tổ, tức là Bụt cũng từ sáu thức đó mà chúng sinh cũng từ sáu thức đó. Vì vậy đi tìm giải thoát, đi tìm Bụt, đi tìm tịnh độ, đi tìm thập địa, đi tìm tam thân, v.v... ở ngoài năm uẩn, ở ngoài sáu đạo thần quang là một điều không tưởng. Chúng ta phải trở về với năm uẩn, trở về với sáu đạo thần quang để nhận diện rằng những gì mình đi tìm đã đang ở ngay trong tự thân của năm uẩn và sáu đạo thần quang.

Khi đọc đoạn văn trên, chúng ta thấy rằng năm uẩn không phải là ta, sáu đạo thần quang cũng không phải là ta, nhưng Tịnh Độ có mặt trong đó. Ngày xưa có một triết gia người Pháp tên là Descartes, muốn chứng minh rằng có một cái ta, và ông đã chứng minh một cách rất toán học. Công thức toán học của ông là: 'Je pense donc je suis' (tôi đang tư duy, vì vậy cái tôi của tôi đang có mặt). Ông cho rằng 'Tôi tư duy' (je pense) là một sự thật. Điêu khắc gia Auguste Rodin có tạc một tượng một người đang tư duy, gọi là 'Le penseur' (kẻ tư duy). 'Tôi tư duy' - tức là 'tôi là một con người và tôi đang suy tư'. Đó là sự thật. Rõ ràng mình thấy ông đó (Le penseur) đang trầm ngâm, đang tính toán, đang suy nghĩ, thì cái chuyện 'tôi tư duy' là chuyện thật chứ không phải là một chuyện bày đặt ra. Căn cứ trên nhận xét đó, Descartes đi đến kết luận: 'donc je suis'. Nói rằng 'tôi đang tư duy' chứng tỏ rằng 'tôi đang có mặt', tức là phải có cái ngã, phải có cái tôi. Nói rằng 'có tôi đây' nghĩa là có cái ngã đây. Ông là nhà triết học, nhưng ông muốn làm theo kiểu nhà toán học: nếu anh công nhận là anh đang tư duy, thì anh cũng công nhận là anh đang có mặt như một

https://thuviensach.vn

cái ngã. Lý luận sắc bén giống như là không thể nào đập phá được: nếu không có tôi thì ai tư duy?

Trong Duy Biểu học, chúng ta biết rõ là có 51 tâm sở, trong đó có những tâm sở biến hành (xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư), những tâm sở biệt cảnh (dục, thắng giải, niệm, định, tuệ). Năm tâm sở phổ biến nhất và có mặt luôn luôn trong mọi lúc là xúc, tác ý, thọ, tưởng và tư. Xúc tức là sự xúc chạm; tác ý tức là để ý tới; thọ tức là cảm thọ (feeling); tưởng tức là tri giác; tư tức là quyết định. Và những tâm sở khác như là tâm sở thiện (tín, tàm, quý), tâm sở bất thiện (tham, sân, si), tâm sở bất định (hối, miên, tầm, từ). Hối tức là hối hận. Miên tức là buồn ngủ. Hai tâm sở tầm và từ là hai tâm sở thuộc về tư duy. Tầm từ tức là tư duy. Nghĩ tới là tầm (initial thinking), đi sâu vào sự suy nghĩ là từ (applied thinking). Cái tư duy mà Descartes nói đến thuộc về tầm và từ. Trong Duy Biểu học, chúng ta thấy năm mươi mốt tâm sở này đều nằm ở trong tàng thức dưới dạng những hạt giống (chủng tử). Mỗi khi có một hạt giống được tưới tẩm, nó sẽ phát hiện trên ý thức và được gọi là tâm hành (khi nó chưa phát hiện thì gọi là chủng tử). Ví dụ ta có một cái đĩa DVD, trong đó có những dữ kiện đã được cất giữ như hình ảnh và âm thanh. Cầm cái đĩa trong tay, ta không thấy tiếng và hình gì trong đó. Nhưng nếu bỏ cái đĩa vào máy vi tính và mở ra, thì hình ảnh và âm thanh sẽ phát hiện. Khi chưa phát hiện thì chúng được gọi là chủng tử. Ở dạng chủng tử thì chúng ta không thấy được, nhưng không có nghĩa là nó không có mặt đó. Nó đang ở trong thế tiềm tại (hạt giống). Bỏ vào trong máy vi tính, bấm nút hiệu lệnh một cái thì nó biểu hiện ra (hiện hành). Ý thức được ví như là màn ảnh của máy vi tính và tàng thức được ví như là cái đĩa DVD. Chúng ta có năm mươi mốt loại chủng tử mà chúng ta không nhận diện được, không thấy được là tại vì chúng chưa biểu hiện. Ví dụ như cái giận. Khi chủng tử giận biểu hiện thành tâm hành giận thì ta mới thấy được cái giận. Giận là một tâm hành. Khi chủng tử tầm (suy tư) biểu hiện, nó biểu hiện như một tâm hành. Trong Duy Biểu học, chúng ta thấy trong một tâm hành gồm có hai phần: kiến phần (chủ thể) và tướng phần (đối tượng). Kiến phần gọi là darsanabhaga. Tướng phần là nimittabhaga. Vậy thì tâm hành giận có chủ thể giận và đối tượng

https://thuviensach.vn

giận. Chánh niệm cũng vậy. Chánh niệm cũng có kiến phần và tướng phần. Kiến và tướng nương vào nhau và cùng biểu hiện một lượt. Bất cứ tâm sở nào trong năm mươi mốt tâm sở cũng đều như vậy. Khi biểu hiện trên màn ảnh của ý thức nó chỉ là một tâm hành. Nhưng nhìn kỹ vào trong mỗi tâm hành, thì chúng ta thấy có kiến phần và tướng phần, và không cần có một cái ngã nào hết. Vì vậy khi nói về tư duy thì chỉ có tư duy mà không cần có chủ thể của tư duy (there is a thought, but there is no thinker). Cái giận, khi nhìn một cách khoa học thì mình thấy chỉ có tâm hành giận biểu hiện mà không có một cái ngã nằm sẵn đó để nó giận. Cho nên, khi Descartes nói: 'tôi tư duy vì vậy cho nên có tôi', Bụt nói: 'Không phải đâu! chỉ có tầm thôi, không có cái ngã nằm sau tầm; chỉ có từ thôi, không có cái ngã nằm sau từ' (there is only the thought). Điều này rất quan trọng và quý vị có thể thực tập được. Mỗi khi cái giận nổi lên, quý vị nói: 'A! đây là tâm hành giận. Không có ai đứng phía sau cái giận đó hết'. Ví dụ sự chứng đắc quả 'Đã Về - Đã Tới' thì chỉ có hiện tượng 'Đã Về - Đã Tới' chứ không có người chứng đắc. Có quả vị chứng đắc mà không cần có người chứng đắc; có Niết Bàn mà không cần có người đi vào Niết Bàn; có Tịnh Độ mà không cần có người đi vào Tịnh Độ. Không cần có cái ngã. Sự thật là như vậy. Và sự thật này rất khoa học. Khoa học càng ngày càng đi tới gần nhận thức đó. Vậy thì 'je pense donc je suis' là một lý luận sai lầm. Nó sai lầm vì không có cái tôi (je), mà chỉ có cái tư duy (pense). No thinker, only thought. Đạo Bụt dạy rằng chỉ có năm mươi mốt tâm hành thôi, mà không cần có một cái ta núp sau đó. Có hành động mà không có người hành động (there is an action, there is no actor).

Đức Thế Tôn xuất hiện như một hiện tượng mầu nhiệm: có trí tuệ lớn, có tình thương lớn. Những tâm hành tốt đẹp ấy của Đức Thế Tôn liên tiếp phát hiện như một dòng chảy mầu nhiệm, cái đó gọi là Bụt. Đức Thế Tôn không cần có ngã, nhưng ta không thể nói là Đức Thế Tôn không có mặt. Đức Thế Tôn có mặt rất rõ ràng, tại vì tâm từ ấy có thật, tâm bi ấy có thật, sự mầu nhiệm ấy có thật. Vì vậy Đức Thế Tôn vô ngã, và chúng ta cũng vậy. Chúng ta có năm mươi mốt tâm hành, chúng ta phải làm thế nào để những tâm hành tốt luôn luôn có dịp

https://thuviensach.vn

biểu hiện. Làm được như vậy thì chúng ta sẽ rất đẹp và chúng ta sẽ không khác gì Đức Thế Tôn. Khi dùng tuệ giác của đạo Bụt để quán chiếu câu 'je pense donc je suis', chúng ta thấy câu đó sai ngay từ lúc khởi sự. Ta giả định có cái tôi (je), và giả định có hành động tư duy (pense), và cho là hai cái đó khác nhau. Nhưng nhìn cho kỹ, ngoài tư duy không thể nào có cái tôi được và ngoài cái tôi không thể có cái tư duy được. Tác giả làm như có cái tôi (je) riêng và cái tư duy (pense) riêng. Sai lầm là ngay chỗ đó. Cho nên kinh nói rằng có sự chứng ngộ mà không cần có cái ngã để chứng ngộ (có người chứng ngộ). Có thể có niềm vui nhưng không hẳn phải có người có niềm vui đó. Sự thật là chỉ có những tâm hành phát hiện, mà những tâm hành đã phát hiện thì cái này nối tiếp cái kia, trong đó có tâm hành tuệ (hiểu biết). Tâm hành tuệ có thể hướng dẫn, đóng góp phần của nó để có thêm niệm, thêm định, và thêm những cái đẹp, cái hay. Vì vậy chúng ta có thể hy vọng rằng trong những năm kế tiếp, các nhà khoa học thần kinh não bộ có dịp làm việc chung với các nhà tu thiền, các nhà tâm lý học Phật giáo, để đi tới một cái thấy chính xác về tâm thức. Khoa học rất mong mỏi, hiếu kỳ, muốn biết và muốn trả lời được câu hỏi: Tâm thức phát hiện như thế nào? Có ngã hay không? Có ý chí tự do hay không? Nếu tất cả đều là cơ giới (mechanic) thì làm sao có ý chí tự do (free will)? Những nhà tâm lý học Phật giáo làm việc với những nhà khoa học thần kinh não bộ sẽ có thể đưa tới những kết quả rất bất ngờ, rất đẹp.

Người nào có khả năng vận dụng được cái tâm sáng chói và sáu đạo thần quang kia thì có thể ngay tại đây, trong giờ phút này tiếp xúc được với thế giới hoa tạng, với tam thân, với hằng sa Bụt và Bồ tát, có thể ứng thân hiện vật, độ đời, giúp người, và thấy rằng tất cả những cảnh giới này cũng đều là những hình ảnh phản chiếu (quang ảnh) của cái tâm sáng chói và mầu nhiệm kia.

Mỗi ngày của cuộc sống là một cơ hội lớn. Hiện thời, năm uẩn đang phát hiện và sáu đạo thần quang đang có mặt. Nếu ta là một nhà nghệ sĩ đích thực, ta có thể làm biểu hiện ra thế giới Tịnh độ và tam thân. Ta sống một cách rất mầu nhiệm và hướng dẫn một cách rất mầu nhiệm cho người khác cũng được sống như vậy. Ta có thể làm Bụt, làm Bồ Tát ngay trong cuộc sống hiện tại của mình thay vì ngụp lặn

https://thuviensach.vn

trong biển khổ đau vì ta có đầy đủ điều kiện để làm như vậy. Bụt và Bồ Tát không phải là những ý niệm mơ hồ, trừu tượng, không phải là những thực tại nằm ngoài ta. Bụt và Bồ Tát là có thật, ngay trong giây phút hiện tại, ngay trong năm uẩn và sáu đạo thần quang.

Đọc đoạn này, chúng ta nên ghi nhớ hai điều:

1. Chúng ta có thể sống mầu nhiệm ngay trong giây phút hiện tại. Không cần phải đi tìm những mầu nhiệm đó ở một thời gian khác và ở một không gian khác.

2. Chúng ta có thể sống với tuệ giác vô ngã trong từng giây phút của đời sống hàng ngày.

Tuệ giác vô ngã thiết yếu vô cùng cho sự sống của mình và cho sự sống của xã hội. Bởi vì tất cả những sợ hãi, những lo lắng, những buồn khổ, những hờn giận và những bạo động của con người đều có nguồn gốc từ ý niệm về ngã. Sở dĩ con giận cha cũng vì chưa thấy được tính vô ngã của mình và của cha mình. Mình tưởng mình và cha mình là hai thực tại tách biệt, ai ngờ mình chính là cha mình, là sự nối tiếp của cha mình. Nền văn minh của chúng ta hiện nay đang dựa trên ý niệm về ngã. Chủ nghĩa cá nhân đang trấn ngự, và chúng ta đi tìm hạnh phúc cho một cái ngã. Chúng ta không thấy được rằng hạnh phúc chỉ có được trong cái thấy vô ngã mà thôi. Ngay trong lĩnh vực của sự chữa trị tâm lý, người ta cũng sử dụng ý niệm về ngã để chữa trị. Phần lớn những triệu chứng bệnh tâm lý - người ta nói - là do mặc cảm thua kém, mặc cảm tự ti của mình mà ra (low self-esteem). Vì vậy muốn chữa trị mặc cảm tự ti, người ta dùng phương thuốc tự tôn (high self-esteem). Trong khi đó, dưới ánh sáng tuệ giác của đạo Bụt, mặc cảm tự ti cũng như mặc cảm tự tôn đều là những chứng bệnh, tại vì tất cả đều dựa trên ý niệm về ngã. Không những mặc cảm tự ti (liệt mạn) và mặc cảm tự tôn (thắng mạn) đều là bệnh mà mặc cảm mình bằng người khác (đẳng mạn) cũng là bệnh. Ba mặc cảm đó đều dựa trên ý niệm về ngã. Vì vậy chúng ta phải sống đời sống hàng ngày như thế nào để thấy được tính vô ngã của mình và của vạn hữu. Đây là nẻo thoát cho ta và cho nhân loại.

https://thuviensach.vn

Tại Làng Mai, chúng ta đã có những phương pháp thực tập để có thể tiếp xúc được với tính vô ngã, để sống được với tuệ giác vô ngã trong đời sống hàng ngày. Khi nhìn thầy ta, chị ta, em ta, cha ta, mẹ ta, ta có cơ hội để thấy rằng mình không phải là một cái ta riêng biệt. Mỗi khi có tâm hành như tâm hành giận, tâm hành ganh, tâm hành buồn nổi lên, ta có cơ hội để thấy rằng đó chỉ là một tâm hành, không có một cái ngã nằm phía sau. Công phu của chúng ta là ở chỗ đó. Công phu của chúng ta không phải là lao tác mệt nhọc, như là lạy 1080 lạy mỗi ngày cho toát mồ hôi. Công phu của chúng ta là trong mỗi giây phút hàng ngày phải thấy được tính vô ngã. Thấy được tính vô ngã rồi thì giải thoát. Công phu hàng ngày là thấy được rằng hạnh phúc có thể có được ngay trong giờ phút hiện tại. Bụt, Thánh Chúng, Bồ Tát cũng như cõi Tịnh Độ có thể có mặt ngay trong giờ phút hiện tại. Công phu hàng ngày ở đây đưa lại những chuyển hóa, những nuôi dưỡng và hạnh phúc. Công phu hàng ngày ở đây không phải là lao tác mệt nhọc, để rồi mong mỏi có một sự chứng đạo hoặc một kết quả nào đó ở trong tương lai.

Mẫu người lý tưởng trong đạo Bụt nguyên thỉ là vị La Hán, mẫu người lý tưởng trong đạo Bụt đại thừa là vị Bồ Tát, còn mẫu người lý tưởng trong thiền Lâm Tế là con người vô sự. Con người vô sự là con người không chạy theo nắm bắt bất cứ một cái gì nữa cả, dù đó là Bụt, là Tổ, là Niết bàn, là Tam thân, là Tịnh độ. Con người vô sự là người đã dừng lại, không còn dính mắc vào một lý thuyết, một giáo pháp, một đường lối nào nữa hết. Con người vô sự có tự do, có khả năng sống hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại, không bị bất cứ một cái gì có thể kéo đi, kể cả lý tưởng độ sinh, cứu đời. Bởi vì lý tưởng độ sinh cứu đời cũng có thể bắt ta chạy đi tìm cầu, bỏ mất giây phút hiện tại, bỏ mất cái tâm sáng chói và sáu đạo thần quang đang có mặt, vốn là nguồn gốc của tất cả chư Bụt và các Phật độ.

Trong thời Bụt còn tại thế chưa có sự phân chia thành Đại thừa và Tiểu thừa. Những danh từ Đại thừa và Tiểu thừa mới có sau này, và do phái Đại thừa đặt ra. Thường thường, những người thuộc phái Đại thừa nói rằng người thuộc phái Tiểu thừa chỉ biết lo cho mình mà không biết lo cho người khác. Làm như là tất cả những người trong

https://thuviensach.vn

truyền thống Tiểu thừa đều là ích kỷ và những người trong truyền thống Đại thừa đều là Bồ Tát, đều là những người biết lo cho người khác. Sự thật thì dù là Tiểu thừa hay Đại thừa, cái đó tùy thuộc ở thái độ hơn là ở giáo lý. Chúng ta biết rằng trong giáo lý của đạo Bụt, sự thực tập vô ngã là căn bản. Nếu thực tập thành công, chúng ta trở thành vị A La Hán, chúng ta đã bỏ được ý niệm về ngã. Bỏ được ý niệm về ngã rồi thì không còn có sự phân biệt giữa ta và người nữa. Vì vậy không thể nói vị A La Hán chỉ lo cho mình mà không lo cho người. Đại thừa cũng vậy, nếu bỏ được cái ngã rồi thì không còn phân biệt ta và người nữa. Cho nên nói rằng Tiểu thừa chỉ lo cho mình mà không lo cho người là không đúng. Nếu những người Tiểu thừa thực tập thành công và buông bỏ được ý niệm về ngã thì họ không khác gì những người Đại thừa đã thực tập thành công. Trong phái Đại thừa cũng có người thực tập thành công và có người không thành công. Thời Đạo Bụt nguyên thỉ cũng có người thành công và có người không thành công. Do đó sự phân biệt vị Bồ Tát và vị La Hán, hai mẫu người lý tưởng của hai truyền thống, là không đúng lắm. Làm như một vị Bồ Tát lớn hơn vị La Hán, trong khi Đức Thế Tôn cũng được gọi là một vị La Hán. La Hán có nghĩa là ứng cúng và ứng cúng có nghĩa là xứng đáng được cúng dường. Trong mười danh hiệu của Bụt thì có danh hiệu La Hán, mà Đức Thế Tôn đâu phải là kẻ chỉ biết lo cho mình chứ không lo cho người?

Thiền sư Tăng Hội là Tổ sư của dòng thiền Việt Nam. Trong những trước tác của Ngài, Ngài nói rằng: A La Hán chính là vị Bồ Tát. Trong lịch sử văn học Phật giáo thế giới, chỉ mới thấy có thiền sư Tăng Hội nói câu đó, chưa thấy ai nói câu đó cả. Còn mẫu người lý tưởng trong thiền Lâm Tế là con người vô sự. Nếu vị A La Hán chưa phải là con người vô sự, thì chưa phải là con người lý tưởng. Nếu vị Bồ Tát chưa phải là con người vô sự thì cũng chưa phải là con người lý tưởng. Vì vậy nếu những người theo phái thiền Lâm Tế cảm thấy mình thảnh thơi, không còn lo lắng gì nữa, mình là con người vô sự, mình sống an lạc hạnh phúc trong giây phút hiện tại, thì những người ấy đã thành công. Gọi mình là A La Hán cũng được, gọi mình là Bồ Tát cũng được, nhưng gọi mình là người vô sự thì mình thích hơn.

https://thuviensach.vn

Con người vô sự là con người không chạy theo nắm bắt bất cứ một cái gì nữa cả, dù đó là Bụt, là Tổ, là Niết bàn, là Tam thân, là Tịnh độ. Con người vô sự là con người Đã Về Đã Tới, không còn thấy thiếu thốn một cái gì nữa mà phải đi tìm cầu, dù đối tượng tìm cầu đó là Bụt, là Tổ, là Niết Bàn, là Tam thân, là Tịnh độ. Con người vô sự là con người đã tiếp xúc được với tất cả những cái đó ngay trong giây phút hiện tại và ngay trong bản thân. Con người vô sự là con người đã dừng lại, không còn dính mắc vào một giáo pháp, một lý thuyết, một đường lối nào nữa. Con người vô sự không còn đi tìm tòi học hỏi nữa. Con người vô sự là con người vô học. Vô học ở đây có nghĩa là không cần học hỏi nữa, chứ không phải là không có học vấn. Nói như vậy không có nghĩa là con người vô sự không cần đọc sách, không cần đọc kinh, bởi vì đọc sách, đọc kinh không phải là để tìm cầu mà là để tưới tẩm những hạt giống tốt của mình đã có sẵn. Khi học hỏi với tâm niệm là ta không có tuệ giác đó cho nên ta phải đi tìm tuệ giác đó trong sách vở, trong văn chương, trong kinh điển - nghĩ rằng trong kinh điển có những tuệ giác mà ta không có - thì khi đó là ta đang tìm cầu chân lý và tuệ giác qua kinh điển. Nếu ta biết rằng kinh điển hay giáo lý là những phương tiện để giúp cho ta tiếp xúc được với chân lý và tuệ giác có sẵn trong ta, thì kinh điển và giáo lý trở thành có ích lợi. Còn khi ta cho rằng kinh điển và giáo lý chứa đựng chân lý mà ở ta không có, thì khi đó kinh điển và giáo lý trở thành có hại. Ví dụ như ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay có ích lợi nếu ta biết lợi dụng ngón tay để nhìn thấy mặt trăng nhưng nếu không khéo thì ta sẽ bị kẹt vào ngón tay và ta cho ngón tay là mặt trăng. Kinh điển cũng vậy. Kinh điển và giáo lý là ngón tay. Nếu ta nghĩ rằng trong kinh điển có chân lý, có tuệ giác thì ta bị kẹt. Vì vậy khi ta đọc kinh và học hỏi để có cơ hội đánh động được tuệ giác ở trong bản thân mình, để tuệ giác bừng mở, thì kinh điển sẽ có ích lợi. Ta phải học theo phương pháp đó, nếu không ta sẽ còn chạy theo, sẽ chưa dừng lại được.

Con người vô sự là người đã dừng lại, không còn dính mắc vào một lý thuyết, một giáo pháp, một đường lối nào nữa hết. Vì vậy con người vô sự không phải là con người cuồng tín: cuồng tín vào một giáo pháp, cuồng tín vào một chủ thuyết. Khi ta đã có tuệ giác rồi thì

https://thuviensach.vn

kinh điển và giáo lý trở thành vỏ trấu, trở thành rơm rác. Khi đó ta đã biết sử dụng kinh điển và giáo lý một cách rất thông minh, ta không còn bị kẹt vào kinh điển và giáo lý nữa. Những người đi trước ta cũng được hướng dẫn như vậy. Họ sử dụng kinh điển và giáo lý một cách rất thông minh. Họ không cho đó là chân lý, mà họ coi đó là phương tiện, là chiếc bè để đưa họ đi tới bến bờ chân lý.

Con người vô sự có tự do, có khả năng sống hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại, không bị bất cứ một cái gì có thể kéo đi, kể cả lý tưởng độ sinh, cứu đời. Bởi vì lý tưởng độ sinh cứu đời cũng có thể bắt mình chạy đi tìm cầu, bỏ mất giây phút hiện tại, bỏ mất cái tâm sáng chói và sáu đạo thần quang đang có mặt, vốn là nguồn gốc của tất cả chư Bụt và các Phật độ.

Sự kiện là ta dừng lại rồi, ta không còn đi tìm cầu nữa, làm cho ta có cơ hội tiếp xúc sâu sắc với những mầu nhiệm của sự sống trong giây phút hiện tại. Vì vậy con người vô sự là con người có tự do: tự do đối với sự tìm cầu, tự do đối với quá khứ và tương lai, và do đó có khả năng sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại, không bị bất cứ một cái gì kéo đi, kể cả lý tưởng độ sinh, cứu đời. Sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại, sống có chánh niệm, không có nghĩa là ta làm ngơ trước những đau khổ đang xảy ra chung quanh mình. Một cách rất tự nhiên, như hít thở, ăn cơm, uống nước v.v..., những gì ta nói hay làm đều có thể làm vơi bớt khổ đau trong cuộc đời rồi.

Chúng ta làm việc độ sinh và cứu đời, nhưng chúng ta không bị lý tưởng độ sinh và cứu đời kéo chúng ta ra khỏi giây phút hiện tại. Chúng ta không phải là những người vì say mê một lý tưởng, say mê một lý thuyết, say mê một đường hướng, rồi đánh mất sự sống. Có lý tưởng là điều rất đẹp. Nhưng nếu ta bị lý tưởng đó cuốn đi, bỏ mất sự sống trong hiện tại, đó là điều rất đáng tiếc. Bởi vì lý tưởng độ sinh cứu đời cũng có thể bắt mình chạy đi tìm cầu, bỏ mất giây phút hiện tại, bỏ mất cái tâm sáng chói và sáu đạo thần quang đang có mặt, vốn là nguồn gốc của tất cả chư Bụt và các Phật độ. Khi say mê một lý tưởng, ta đánh mất giây phút hiện tại thì ta cũng đánh mất luôn cái tâm sáng chói của ta. Cái tâm thức mầu nhiệm, sáu đạo thần quang

https://thuviensach.vn

đang có mặt, chính là cái tâm sáng chói. Sáu đạo thần quang đó là dụng cụ, là nền tảng của sự sống, của chư Bụt và chư vị Bồ Tát. Chính nó hé mở cho ta cánh cửa Phật độ để ta có cơ hội sống an lạc trong cõi Bụt.

Bụt không phải là đối tượng tìm cầu của ta, đừng lấy Bụt làm mục tiêu lý tưởng của mình, đừng cho Bụt là một thực thể tồn tại ngoài ta. Hình ảnh của ta xây dựng trong đầu về Bụt không phải là Bụt. Bụt ấy có sinh, có trú, có hoại, có diệt, Bụt ấy không đáng là hình ảnh lý tưởng mà ta chạy theo. Bụt ấy là một bóng Ma, gọi là Ma Bụt, có thể hớp hồn ta, vì vậy gặp Ma Bụt ta phải chém đầu liền, gặp Ma Tổ cũng vậy, ta cũng phải chém đầu. Ta phải chém đầu tất cả các loài Ma, bởi vì tất cả những tạo dựng của trí óc, tất cả những thi thiết của cổ nhân chỉ có giá trị của thuốc hay trị bệnh, nếu ta xem những cái đó là những thực tại có thật biệt lập ngoài ta, không phải là những phương tiện chữa trị các căn bệnh si mê, tham ái, sân hận và tìm cầu của ta thì chúng trở thành chướng ngại, trở thành bẫy sập, vì vậy ta phải chặt đầu chúng mỗi khi chúng xuất hiện.

Bụt phải là một thực tại trong giây phút hiện tại. Nếu chúng ta sống có tỉnh thức, có chánh niệm, có an lạc, có hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại, thì chúng ta là Bụt rồi. Nếu chúng ta nghĩ Bụt là cái gì mình chưa có, mình không có, Bụt là cái không thể có mặt trong giây phút hiện tại được, Bụt chỉ có thể có mặt ở trong tương lai và ở một địa phương khác, thì lúc đó Bụt trở thành một chướng ngại cho hạnh phúc của ta. Vì vậy người nào đi tìm Bụt như một thực thể ở bên ngoài và trong tương lai, thì người đó đang đi ngược với giáo lý của Đức Thế Tôn. Hình ảnh của ta xây dựng trong đầu về Bụt không phải là Bụt. Chúng ta có rất nhiều ý niệm về Bụt. Hồi còn ấu thơ, ta có một ý niệm khá ngây thơ về Bụt. Khi lớn lên, ta bỏ ý niệm hồi ấu thơ và có một ý niệm khác. Hiện bây giờ chúng ta cũng đang có một ý niệm về Bụt, và ý niệm về Bụt này cũng cần phải bỏ đi. Tất cả mọi ý niệm về Bụt đều cần phải bỏ đi, tại vì Bụt không thể nào được nhận thức qua một ý niệm. Bụt phải là một thực tại, có mặt trong giây phút hiện tại. Khi ta đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, uống nước mà có chánh niệm, có thong dong, có thảnh thơi, thì đó là Bụt đang đi, đứng, nằm, ngồi, ăn

https://thuviensach.vn

cơm và uống nước. Còn Bụt của ý niệm thì không phải là Bụt. Bụt do ta tạo ra trong đầu thì không phải là Bụt. Bụt ấy có sinh, có trú, có hoại, có diệt, Bụt ấy không đáng là hình ảnh lý tưởng mà ta chạy theo. Bụt ấy là một bóng Ma, gọi là Ma Bụt, có thể hớp hồn ta, vì vậy gặp Ma Bụt ta phải chém đầu liền, gặp Ma Tổ cũng vậy, ta cũng phải chém đầu. Ta phải chém đầu tất cả các loài Ma, bởi vì tất cả những tạo dựng của trí óc, tất cả những thi thiết của cổ nhân chỉ có giá trị của thuốc hay trị bệnh, nếu ta xem những cái đó là những thực tại có thật biệt lập ngoài ta, không phải là những phương tiện chữa trị các căn bệnh si mê, tham ái, sân hận và tìm cầu của ta thì chúng trở thành chướng ngại, trở thành bẫy sập, vì vậy ta phải chặt đầu chúng mỗi khi chúng xuất hiện. Ý niệm về Bụt ở trong ta không phải là Bụt tự thân, không phải là Bụt đích thực, mà đó là hình ảnh về Bụt, đó là Ma Bụt. Ma Bụt có thể hớp hồn ta, khiến cho ta đánh mất sự sống trong giây phút hiện tại, đánh mất Bụt tự thân. Bụt tự thân đang có mặt trong giây phút hiện tại, trong mỗi hơi thở, trong mỗi bước chân, trong mỗi nụ cười, trong Giới, trong Niệm và trong Định. Thường thường người ta nói Ma khác với Bụt, Ma là kẻ thù của Bụt. Nhưng kỳ thực, nếu ta có ý niệm về Bụt, ý niệm đó cũng là Ma. Nếu để một ý niệm về Bụt kéo mình đi, tức là mình bị Ma Bụt hớp hồn, vì vậy gặp Ma Bụt ta phải chém đầu liền. Nếu không chém đầu Ma Bụt, thì Bụt chân thật không thể xuất hiện được. Ý niệm của ta về Bụt là Ma, bỏ ý niệm về Bụt thì ta có Bụt liền, bởi vì Bụt là Bụt tự thân mà không phải là Bụt của ý niệm. Cũng giống như ta có bản đồ của thành phố Paris và ta cho bản đồ này là Paris, thì thất bại. Paris không phải cái bản đồ Paris. Paris là một thực tại. Khi ta có ý niệm về Bụt, thì ý niệm đó không phải là Bụt. Ý niệm đó có thể trở thành đối tượng của sự vướng mắc của ta, cho nên phải chém đầu Ma Bụt. Cũng như cái bản đồ của Paris, phải đốt cái bản đồ đi, và nói: 'Đây không phải là Paris, đây chỉ là bản đồ của Paris thôi'. Tổ cũng vậy. Nếu ta có ý niệm về Tổ, thì đó là Ma Tổ và nếu ta có ý niệm về Ta, thì đó là Ma Ta, có ý niệm về Bạn của ta, thì ý niệm đó là Ma Bạn. Khi ta có ý niệm về một cái gì đó thì cái ý niệm đó là Ma, vì ta chưa tiếp xúc được với thực tại của cái đó. Ta giận con Ma đó, ta ganh với con Ma đó, ta thương con Ma đó, ta chạy theo con Ma đó..., chứ không phải là ta tiếp xúc được với tự tánh

https://thuviensach.vn

của thực tại. Cho nên vấn đề là khi Ma xuất hiện, phải chém đầu liền. Trong Lâm Tế Lục có câu là 'phùng Phật sát Phật', tức là 'gặp Bụt phải chém đầu liền'. Bụt ở đây cố nhiên là Ma Bụt, là ý niệm về Bụt mà ta có. Hồi nhỏ, có em bé tưởng Bụt là cái ông ngồi cả ngày trên bàn thờ và cứ nhìn xuống mấy nải chuối. Nếu ta không chém đầu cái ý niệm đó, thì làm sao ta có được cái thấy sâu sắc hơn về Bụt. Vì vậy tất cả những ý niệm ta có về Bụt đều phải chém đầu hết.

Ở thế kỷ thứ hai mươi, trong văn hóa Tây Phương, cũng có khuynh hướng tương tự như vậy trong Cơ Đốc giáo. Có một ngành thần học gọi là Theology of the Dead of God, tức là nền thần học nói về cái chết của Thượng Đế. Theo nguyên tắc là Thượng Đế không sinh không diệt, tại sao lại nói Thượng Đế chết? Đó là cái ý niệm của mình về Thượng Đế, và cái ý niệm đó phải chết. Chúng ta có ý niệm về Thượng Đế, chúng ta cho đó là sự thật, và chúng ta nhân danh Thượng Đế để chúng ta đi chinh phục, để chúng ta bắt ép, thì Thượng Đế đó là Ma Thượng Đế, cần phải chém đầu liền. Vì vậy cho nên mới có tư trào thần học gọi là Theology of the Dead of God. Cái này tương tự như tinh thần của Lâm Tế. Một bên là sát Phật, một bên là sát Thượng Đế. Có một cuốn sách khác, với nhan đề là Your God Is Too Small, dịch là 'Thượng Đế của anh nhỏ xíu' (nhỏ bằng hột đậu phụng!). Thượng Đế đó không đáng để cho anh tôn thờ, tại vì quan niệm của anh về Thượng Đế quá nhỏ bé. Thượng Đế đó chỉ có đi theo phe anh mà thôi: Chúa chỉ ban phúc cho nước Mỹ thôi (God bless America), Chúa không ban phúc cho các nước khác. Thượng Đế đó nhỏ xíu bằng hột đậu phụng, không đủ để cho mình chiêm ngưỡng. Chừng nào ta phá bỏ tất cả ý niệm của ta về Thượng Đế, thì Thượng Đế tự thân mới có thể biểu hiện được. Chừng nào ta phá bỏ hết ý niệm của ta về Bụt, thì Bụt tự thân mới có thể biểu hiện được. Người vô sự là người đã phá bỏ được hết mọi ý niệm, con người đó có thể an trú được trong hiện tại và tiếp xúc được với Bụt tự thân, không còn bị Ma Bụt hớp hồn, và mỗi ngày không phải chạy Đông, chạy Tây, chạy Nam, chạy Bắc để tìm Bụt nữa. Bụt ấy là một bóng Ma, gọi là Ma Bụt, có thể hớp hồn ta, vì vậy gặp Ma Bụt ta phải chém đầu liền, gặp Ma Tổ cũng vậy, ta cũng phải chém đầu. Ta phải chém đầu tất cả các loài

https://thuviensach.vn

Ma, bởi vì tất cả những tạo dựng của trí óc, tất cả những thi thiết của cổ nhân chỉ có giá trị của thuốc hay trị bệnh, nếu ta xem những cái đó là những thực tại có thực biệt lập ngoài ta, không phải là phương tiện chữa trị các căn bệnh si mê, tham ái, sân hận và tìm cầu của ta thì chúng trở thành chướng ngại, trở thành bẫy sập, vì vậy ta phải chặt đầu chúng mỗi khi chúng xuất hiện.

Tất cả những giáo lý khác cũng vậy. Các tạo tác như ý niệm về tam thân, tam bảo, niết bàn, tam pháp ấn đều là những cái được tạo dựng để giúp đưa chúng ta đi vào trong thế giới của thực tại, của giác ngộ. Nếu chúng ta bị kẹt vào những ý niệm đó, thì chúng ta bị sập vào những cái bẫy của cổ nhân. Cố nhiên, cổ nhân (Bụt và Bồ Tát) không có ý đánh lừa chúng ta, không có ý giương những cái bẫy để chúng ta bị sập vào đó, nhưng vì chúng ta vụng về không biết sử dụng những phương tiện khéo léo của các ngài nên chúng ta mới bị sập vào. Đây cũng là tinh thần của kinh Người Bắt Rắn (Xà Dụ kinh). Trong kinh Bụt nói rằng: 'Giáo lý của ta rất vi diệu. Nó có khả năng giúp cho quý vị đi tới giải thoát. Nhưng nếu quý vị không biết cách học hỏi, cố chấp vào hình tướng của giáo lý, thì quý vị sẽ bị kẹt vào giáo lý đó, và giáo lý đó trở thành nguy hiểm cho quý vị. Giống như người bắt rắn, không biết bắt rắn mà nắm lấy đuôi rắn thì thế nào cũng bị rắn quay lại mổ'. Vì vậy những thi thiết, giáo lý, những phương tiện của cổ nhân đưa ra, chúng ta phải khéo léo tiếp nhận, nếu không thì những cái đó sẽ trở lại hại mình. Cũng trong kinh Người Bắt Rắn, có dùng hình ảnh của chiếc bè (sau này được kinh Kim Cương dùng lại). Chiếc bè không phải là bờ bên kia, nhưng nếu chúng ta nghĩ chiếc bè là bờ bên kia, thì chúng ta sẽ không bao giờ sang được bờ bên kia. Nếu biết rằng chiếc bè không phải là bờ bên kia, thì chúng ta có thể sử dụng chiếc bè một cách thông minh để đi qua bờ bên kia. Nghĩa là những thi thiết, những giáo lý, những phương tiện của cổ nhân (Bụt và Bồ Tát) hiến tặng, chúng ta phải khôn khéo sử dụng như khôn khéo sử dụng chiếc bè. Nếu không, chúng ta sẽ bị rắn cắn, chúng ta sẽ không bao giờ sang được bờ bên kia. Vì vậy, chúng ta cần phải có thanh gươm của trí tuệ và có thái độ sẵn sàng của chàng dũng sĩ cầm gươm trí tuệ, mỗi khi có một bóng Ma xuất hiện thì chặt đầu liền.

https://thuviensach.vn

Con người thật, con người vô sự không bao giờ bị cảnh vật lôi kéo, vì vậy luôn luôn giữ được tự do. Cảnh giới Ma không lôi kéo ta được đã đành, cảnh giới Bụt cũng không lôi kéo ta được. Tại vì ta đã thấy rằng Ma và Bụt tương tức, Ma và Bụt bất nhị, đó là bệnh và thuốc có mặt một lần để trị nhau, để nương nhau. Con người vô sự vì thế thấy Ma cũng mỉm cười và thấy Bụt cũng mỉm cười. Con người vô sự có thể đánh dẹp được cả Ma và cả Bụt.

Ta đã tự do rồi thì có ai lôi kéo được ta đâu. Có tự do là có Bụt. Ma lôi kéo không được mà Bụt lôi kéo cũng không được. Tại sao lại bị Bụt lôi kéo nữa? Còn bị lôi kéo tức là ta còn đang trong tình trạng thiếu thốn, tìm cầu. Tại vì ta đã thấy rằng Ma và Bụt tương tức, Ma và Bụt bất nhị, đó là bệnh và thuốc có mặt một lần để trị nhau, để nương nhau. Con người vô sự vì thế thấy Ma cũng mỉm cười và thấy Bụt cũng mỉm cười. Con người vô sự có thể đánh dẹp được cả Ma và Bụt. Con người vô sự không chạy trốn Ma và cũng không chạy theo Bụt, bởi vì con người vô sự đã dừng lại rồi. Nhìn Ma cũng không sợ tại vì ta biết đó là Ma, nhìn Bụt cũng không ham bởi vì ta biết đó chỉ là một hình ảnh có thể kéo ta đi. Ta có Bụt tự thân rồi, ta không cần phải chạy theo một hình ảnh Bụt nào khác nữa. Bụt không phải là một hình ảnh, không phải là một đối tượng tìm cầu. Cũng như ta có cái đầu rồi, tại sao ta còn đi tìm một cái đầu khác nữa? Trong lúc hoảng hốt, ta nghĩ ta không có đầu và chạy đi tìm cầu cái đầu khác, tức là ta đang bị bệnh tâm thần. Diễn Nhã Đạt Đa là một anh chàng bị bệnh tâm thần. Chúng ta cũng vậy, có thể chúng ta cũng đang bị bệnh tâm thần. Chúng ta có đủ hết vậy mà chúng ta vẫn còn chạy đi tìm: chúng ta đi tìm Thượng Đế, chúng ta đi tìm Thiên quốc, chúng ta đi tìm Niết Bàn, chúng ta đi tìm Bụt. Cũng như đợt sóng đi tìm nước. Đợt sóng mà đi tìm nước thì nghe rất buồn cười, vì đợt sóng ngay trong giây phút hiện tại đã là nước rồi. Con người vô sự là con người không còn đi tìm cầu nữa, con người đứng yên được trong giây phút hiện tại. Con người thật, con người vô sự không bao giờ bị cảnh vật lôi kéo (cảnh vật có thể là Bụt, Bụt có thể là cảnh vật. Cảnh vật này là Ma), vì vậy luôn luôn giữ được tự do. Cảnh giới Ma không lôi kéo ta được đã đành, cảnh giới Bụt cũng không lôi kéo ta được. Tại vì ta đã thấy rằng

https://thuviensach.vn

Ma và Bụt tương tức. Cũng như người làm vườn, thấy rác không sợ, thấy hoa cũng không mừng, vì biết rằng rác kia có thể làm thành hoa, hoa kia sẽ trở thành rác. Cho nên người làm vườn không kỳ thị giữa rác và hoa. Con người thật, con người vô sự cũng không kỳ thị giữa Ma và Bụt. Ma và Bụt không hai. Đó là bệnh và thuốc có mặt một lần để trị nhau, để nương nhau. Con người vô sự vì thế thấy Ma cũng mỉm cười và thấy Bụt cũng mỉm cười. Thấy Ma thì không sợ, không ngán, không ghét và thấy Bụt cũng không ham, cũng không đánh mất mình. Con người vô sự có thể đánh dẹp được cả Ma và cả Bụt. Đánh dẹp Ma đã đành rồi, nhưng đánh dẹp luôn cả Bụt, tại vì Bụt cũng có thể là một thứ Ma, nếu mình để mình kẹt vào một ý niệm về Bụt.

Tổ khuyên mọi người đừng ỷ lại vào kẻ khác, dù họ tự gọi là Bụt, là Tổ, là đại thiền sư, là thánh tăng, đừng đi tìm kiến giải nơi từ chương, nơi kinh điển, nơi văn cú, đừng kẹt vào các danh từ, đừng hy vọng tìm giải thoát và trí tuệ nơi sự học hỏi và nghiên tầm kinh điển. Tìm giải thoát và giác ngộ nơi sự nghiên tầm kinh điển cũng như hy vọng tìm được những giọt nước mát trong một bộ xương khô. Giáo điển chỉ là những bộ xương khô. Phải trở về giây phút hiện tại, vận dụng cái tâm sáng chói đang có mặt ngay tại đây thì mới có thể tiếp xúc được với giải thoát và giác ngộ, tiếp xúc được với Bụt và Tổ đang là những thực thể sống động nơi giây phút này.

Đừng ỷ lại vào kẻ khác, dù họ tự gọi là Bụt, là Tổ, là đại thiền sư, là thánh tăng. Ta tu không phải là vì người kia tu mà vì ta tu. Nếu như thế thì khi người kia không tu nữa ta cũng sẽ không tu nữa? Không nên như vậy. Ví dụ, thầy của ta không tu nữa, không phải vì vậy mà ta không tu nữa. Thầy ta không tu nữa thì kệ thầy, ta cứ tiếp tục tu. Sư anh ta không tu nữa thì kệ sư anh, ta cứ tiếp tục tu. Ta đi tu không phải là vì một người, dù người đó là Bụt hay là thầy. 'Bụt ơi, con đi tu là vì Ngài đó! Thầy ơi, con đi tu là tại vì con thương thầy nên con mới đi tu đó!' - Không nên có thái độ như vậy. Đi tu là vì cái gì chứ không nên vì một người, dù người đó tự xưng là Bụt, là Tổ, là đại thiền sư, là thánh tăng.

https://thuviensach.vn

Đừng đi tìm kiến giải nơi từ chương, nơi kinh điển, nơi văn cú, đừng kẹt vào các danh từ, đừng hy vọng tìm giải thoát và trí tuệ nơi sự học hỏi và nghiên tầm kinh điển. Ta vẫn học hỏi và nghiên tầm kinh điển, nhưng ta cần biết rõ kinh điển là phương tiện, là chiếc bè, là ngón tay. Ta có niềm tin rằng chân lý và tuệ giác đã có sẵn trong ta. Học hỏi và nghiên tầm kinh điển là để có cơ hội đánh động tới những tuệ giác trong người ta và làm cho chúng phát hiện. Không nên đi tìm tuệ giác, đi tìm chân lý dưới dạng những lý thuyết, dưới dạng những tư tưởng uyên áo.

Tìm giải thoát và giác ngộ nơi sự nghiên tầm kinh điển cũng như hy vọng tìm được những giọt nước mát trong một bộ xương khô. Bộ xương khô làm sao mà cất chứa được giọt nước cam lộ? Vì vậy đi tìm tự do, giác ngộ, giải thoát ở lý thuyết, ở chủ nghĩa, ở kinh điển là việc không thể xảy ra. Những cái đó phải ứa ra từ trái tim. Cho nên đọc kinh là để có cơ hội trở về với trái tim. Đọc kinh với tư cách là một con người tự do chứ không phải là một con người nô lệ. Kinh điển cũng rất nguy hiểm. Không phải tất cả những gì trong kinh điển đều phản chiếu tính giác ngộ của Bụt và Bồ Tát. Nhiều khi do truyền thừa sai lầm, có những câu ngược lại với những điều Bụt nói. Khi ta đọc, ta phải mỉm cười và phải thấy được những điều đó. Có những câu nói với con nít, ta phải biết rằng câu này là để nói với con nít. Không phải câu nào được nói ra, ta cũng phải cúi đầu mà nghe, mà tin. Phải căn cứ vào tuệ giác của ta chứ đừng căn cứ vào chữ nghĩa. Cũng như khi nghe một người nói chuyện, ta đừng chấp vào những điều người đó nói, những danh từ người đó dùng để rồi ta giận, ta ganh, ta buồn, và ta hiểu lầm người đó. Phải thấy được tâm của người đó và tâm của mình. Vì vậy trong khi nói chuyện với người kia, ta phải là con người tự do. Ta không để mình trở thành nạn nhân của sự hiểu lầm, của những danh từ mình đang sử dụng, và cách thức mình tiếp nhận những danh từ đó. Giáo điển chỉ là những bộ xương khô. nhưng nếu biết sử dụng giáo điển thì ta có thể làm biểu hiện được da thịt và sự sống. Khi có tuệ giác rồi, tất cả những cái đó là trấu, là rơm, mà không phải là cái gì thần bí hay ghê gớm lắm. Thánh Augustin đã viết một bộ sách về thần học nổi tiếng là Suma Theologyca, dịch là Thần Học

https://thuviensach.vn

Đại Toàn, được nhiều người rất kính phục, vì bộ sách đó nói lên được tinh yếu của giáo lý Cơ Đốc giáo. Khi sắp tịch, Thánh có nói một câu: 'Thôi đừng đọc cái đó nữa. Cái đó là vỏ trấu, cái đó là rơm rác của tôi thôi'. Thánh đã để hết tất cả trái tim và cuộc đời của mình để viết bộ Thần Học Đại Toàn, vậy mà đến giờ phút chót, tự nhiên Thánh có một cái thấy nào đó và từ cái thấy đó Thánh nói: Thôi đừng đọc cái đó nữa, cái đó là rơm, là rác, là vỏ trấu, không đáng để cho quý vị đọc. Vua Trần Anh Tông cũng có sáng tác nhiều bức tranh thủy mạc rất đẹp. Đến khi gần băng hà, vua đã ra lệnh đốt hết tất cả những bức tranh đó. Qua hai chuyện có cùng một thái độ, ta thấy rằng những cái mà ban đầu ta cho là nghệ thuật cao, nhưng sau đó ta lại thấy không là gì hết, bởi vì khi đó ta đã đạt được một cái thấy rất mầu nhiệm và sâu sắc.

Giáo điển chỉ là những bộ xương khô. Bộ xương khô cũng có thể có ích lợi, nhưng nó chỉ là bộ xương khô, nó không phải là sự sống. Phải trở về giây phút hiện tại, vận dụng cái tâm sáng chói đang có mặt ngay tại đây thì mới có thể tiếp xúc được với giải thoát và giác ngộ, tiếp xúc được với Bụt và Tổ đang là những thực thể sống động nơi giây phút này. Đây là sự thực tập trở về trong giây phút hiện tại, vận dụng cái tâm sáng chói (sáu đạo thần quang) đang có mặt ngay tại đây để có thể tiếp xúc được với giải thoát và giác ngộ, tiếp xúc được với Bụt và Tổ, đang là những thực thể sống động nơi giây phút này mà không cần đi tìm cầu ở đâu hết.

Người tu đạo không cần phải dụng công mệt nhọc. Đừng đày đọa thân thể và tâm trí bằng cách chạy đi tìm cầu. Trong tinh thần vô đắc ta phải thấy rằng ta đã là cái ta đang tìm cầu rồi, cũng như đợt sóng tự biết mình là nước, có thể ngưng ngay lại sự bôn ba đi tìm nước. Phương pháp thực tập là dừng lại, bởi vì giây phút hiện tại nào cũng là giây phút trở về ngôi nhà đích thực của chính mình, từ bước chân, hơi thở, cho đến hành động ăn cơm, mặc áo, uống nước, đi cầu. Không cần đi đâu hết, không cần làm gì nữa. Cái mà ta đi tìm đã có sẵn ngay ở đây. Vì vậy ta có thể thực sự là một người vô sự. Nếu ta tiếp tục đày đọa thân tâm vì sự thực tập, vì sự tìm cầu, vì sự nghiên cứu, vì sự dụng công khổ nhọc của mình thì ta đi ngược với con

https://thuviensach.vn

người của Tổ và của Bụt, và ta cách xa với Tổ và Bụt như trời xa cách đất.

Trong khi tu tập nếu ta thấy cực khổ quá, ta than thở là tại sao ta lại đi đày đọa tấm thân này như vậy, thì ta không phải là người tu đạo đích thực. Đày đọa thân thể và tâm trí bằng cách chạy đi tìm cầu là điều không nên làm. Trong tinh thần vô đắc, ta phải thấy rằng ta đã là cái ta đang tìm cầu rồi, cũng như đợt sóng tự biết mình là nước, có thể ngưng ngay lại sự bôn ba đi tìm nước. Nếu sóng biết mình là nước rồi thì đâu cần đi tìm nước nữa. Ta cũng vậy, nếu ta biết ta là Niết Bàn, là giải thoát, là giác ngộ, là Tịnh Độ rồi thì ta không đi tìm cầu nữa. Không đi tìm cầu ở bên ngoài và trong tương lai, ta trở về và tiếp xúc với tất cả những cái đó trong giây phút hiện tại. Phương pháp thực tập là dừng lại (stop), bởi vì giây phút hiện tại nào cũng là giây phút trở về ngôi nhà đích thực của chính mình, từ bước chân, hơi thở, cho đến hành động ăn cơm, mặc áo, uống nước, đi cầu. Đây là giáo lý của Tổ, rất phù hợp với sự thực tập của Làng Mai. Giây phút nào cũng là giây phút trở về. Trở về ngôi nhà đích thực của chính mình. Từng bước chân, từng hơi thở, cho đến những hành động như ăn cơm, mặc áo, uống nước, đi cầu, cũng là để trở về với quê hương đích thực của mình. Không cần đi đâu hết, không cần làm gì nữa. Cái mà ta đi tìm đã có sẵn ngay ở đây, vì vậy ta có thể thực sự là một người vô sự. Nếu ta tiếp tục đày đọa thân tâm vì sự thực tập, vì sự tìm cầu, vì sự nghiên cứu, vì sự dụng công khổ nhọc của mình thì ta đi ngược với con người của Tổ và của Bụt, và ta cách xa với Tổ và Bụt như trời xa cách đất. Đây chính là những lời Tổ nói. Tu làm sao để mỗi giây phút đều có an lạc. Tu làm sao để đừng có cảm tưởng là mình đang lao tác mệt nhọc, mình đang đày đọa thân và tâm của mình. Điều này tùy thuộc vào nhận thức của ta. Ta đang ngồi thiền, mà nếu ta ngồi thiền với tâm niệm tìm cầu, chối bỏ giây phút hiện tại, thì ta sẽ không thấy được chính sự ngồi yên là một điều mầu nhiệm. Còn nếu ta ngồi thiền mà thấy rõ ràng ta đang là Bụt, là Tổ, sự sống mầu nhiệm đang có mặt trong giây phút hiện tại và ta đang được ngồi ở đây, thì tự nhiên buổi ngồi thiền trở thành rất thanh thản, rất nhẹ nhàng; hơi thở cũng như

https://thuviensach.vn

thế ngồi của ta trở thành những cái rất mầu nhiệm, và ta có an lạc và hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại.

Đọc tới đây, chúng ta thấy rõ những điều Tổ nói là những điều có công năng đập phá, cởi trói và trị liệu. Rõ ràng là Tổ không đưa ra một lý thuyết để cho chúng ta học hỏi, tôn thờ, hay kính ngưỡng. Những điều Tổ nói có tác dụng đập phá những thái độ, những nhận thức của ta, đưa lại cho ta tự do. Vì vậy phẩm chất giải thoát trong Lâm Tế Lục rất cao. Lâm Tế Lục cũng có tinh thần của Trung Quán Luận. Trung Quán Luận không đưa ra một lý thuyết, Trung Quán Luận chỉ đập đổ tất cả những khái niệm và những lý thuyết. Các khái niệm về nhân, về quả, về trước, về sau, về tới, về đi, về một, về nhiều, v.v... đều bị đập vỡ hết. Lâm Tế Lục cũng theo tinh thần và theo truyền thống đó. Những người đi theo các truyền thống tâm linh trên thế giới, hầu hết ai cũng có sự mong cầu, ai cũng có niềm hy vọng. Hầu hết ai cũng đều có cảm tưởng rằng mình chỉ là đau khổ, mình chỉ là trống không, mình chỉ là nghèo khó, và sự thực tập hàng ngày của mình là đi tìm cầu, đi xin xỏ, đi nài nỉ, đi ăn mày một ít công đức và hạnh phúc của những người khác: người đó là Bụt, là Tổ, hay là Chúa. Đa số là như vậy. Trong khi đó, Tổ dạy rằng: Con đường ấy không phải là con đường của Bụt. Con đường của Bụt là con đường chấm dứt sự tìm cầu, dừng lại và trở về trong giây phút hiện tại để khám phá bản thân mình là một thực tại mầu nhiệm, để có thể có hạnh phúc bây giờ và ở đây. Đây là tinh thần của giáo lý vô đắc.

Con người vô sự là con người tự do, ở đâu cũng làm chủ được mình. Nếu mình có được cái thấy chân thật (kiến giải chân chính) thì mình không còn bị kẹt vào những tướng sinh, trú, dị, diệt của vạn pháp, kể cả những tướng sinh, trú, dị, diệt của Bụt Thích Ca, và vì vậy mình cũng không bị kẹt vào hóa thân Bụt. Dù sự vật quanh mình và chính bản thân năm uẩn của mình có đang đi ngang qua những tướng sinh, trú, dị, diệt ấy mình cũng không trở thành nạn nhân của sự buồn vui hay thương ghét. Mình không bị cảnh đoạt. Mình luôn luôn đứng vào vị trí chủ động, đứng vững trong chánh kiến của mình và không trở nên nạn nhân của hoàn cảnh, của kẻ khác, không than phiền rằng hoàn cảnh như thế đó, người ta như thế đó cho nên tôi đã phải như

https://thuviensach.vn

thế này. Mình chuyển được hoàn cảnh mà hoàn cảnh không thể chuyển được mình. Mình luôn luôn là con người thật của mình trong bốn động tác đi, đứng, nằm, ngồi, mình không cần phải đóng kịch, dù là đóng vai giải thoát, đóng vai giác ngộ, đóng vai đại thiền sư. Cái này gọi là 'tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân'. Con người thật có nghĩa như thế.

Con người vô sự là con người tự do, ở đâu cũng làm chủ được mình. Chữ tự do đây không phải là tự do chính trị, hay những loại tự do mà chúng ta phải tranh đấu ở ngoài xã hội mới có. Tự do ở đây là tự do đối với những phiền não, những tham vọng, những thèm khát, những giận hờn, những tuyệt vọng, những ganh ti., những lo lắng, những tính toán hơn thiệt. Tất cả những tâm hành đó đều làm cho chúng ta mất tự do. Và con người vô sự trước hết là con người tự do đối với những tâm hành tiêu cực đó. Ở đâu cũng làm chủ được mình. Trong bất cứ hoàn cảnh nào con người vô sự cũng có thể an lạc, cũng có thể mỉm cười, cũng có thể cảm thấy thoải mái được.

Nếu mình có được cái thấy chân thật (kiến giải chân chính) thì mình không còn bị kẹt vào những tướng sinh, trú, dị, diệt của vạn pháp, kể cả những tướng sinh, trú, dị, diệt của Bụt Thích Ca, và vì vậy mình cũng không bị kẹt vào hóa thân Bụt. Kiến giải chân chính là danh từ của Tổ Lâm Tế. Đó là chánh kiến. Tổ không dùng chữ chánh kiến, vì thiên hạ dùng chữ chánh kiến quá nhiều nên chữ đó đã bị lờn, cho nên Tổ đã dùng chữ kiến giải chân chính. Cũng như chữ trí tuệ và từ bi, người ta đã dùng nhiều quá, nên ở Làng Mai chúng ta ưa dùng chữ hiểu và thương hơn, vì nó hiện thực, dễ đi vào lòng người và dễ hiểu hơn. Hiểu và thương tức là trí tuệ và từ bi. Ở đây cũng vậy, có danh từ chánh kiến (right view, samadrsti) nhưng Tổ không dùng, Tổ dùng bốn chữ chân chính kiến giải. Đó là cái thấy chân thật, là tuệ giác. Khi có tuệ giác rồi thì ta không còn bị kẹt vào các tướng sinh, trú, dị, diệt của vạn pháp. Ví dụ, khi ta thấy bông hoa bắt đầu sinh ra, đó là tướng sinh của bông hoa. Khi ta thấy bông hoa lớn lên và nở ra, đó là tướng trú của bông hoa. Và khi ta thấy bông hoa có sinh và có trú thì ta biết thế nào bông hoa cũng có dị, tức là có biến đổi. Cho nên khi bông hoa bắt đầu tàn thì ta sẽ không buồn, và khi bông hoa không

https://thuviensach.vn

còn nữa thì ta cũng không đau khổ. Đó là ta không kẹt vào tướng sinh, trú, dị, diệt của bông hoa. Cũng như vậy, khi ta nhìn một người và nhìn bản thân ta, nếu ta không bị kẹt vào các tướng sinh, trú, dị, diệt, thì ta sẽ không lo lắng và không sợ hãi. Nếu ta có kiến giải chân chính, ta sẽ tiếp xúc được với bản chất bất sinh, bất diệt, và không còn bị lung lay bởi tướng sinh, trú, dị, diệt của người kia và của chính ta nữa. Bụt Thích Ca là một hóa thân mà không phải là pháp thân. Mà ta đã là hóa thân thì ta có sinh, có trú, có dị và có diệt. Cho nên Bụt Thích Ca cũng không phải là đối tượng tìm kiếm của ta. Thành ra Bụt Thích Ca có đó hay không có đó, ta cũng không bị kẹt vào hóa thân của Bụt. Dù sự vật quanh mình và chính bản thân năm uẩn của mình có đang đi ngang qua những tướng sinh, trú, dị, diệt ấy mình cũng không trở thành nạn nhân của sự buồn vui hay thương ghét. Ở đây, ta thấy rõ ràng là kiến giải chân chính tức là cái thấy không bị kẹt vào những tướng sinh, trú, dị và diệt. Trú là tồn tại. Dị nghĩa là khác. Bắt đầu hư hoại gọi là dị. Diệt giống như là không còn nữa. Có kiến giải chân chính thì ta sẽ không còn là nạn nhân của buồn vui hay thương ghét. Đó là con người vô sự, con người tự do, con người không bị cảnh đoạt. Con người bị cảnh đoạt sẽ trở thành nạn nhân của nó. Đoạt tức là lấy đi, là chiếm hữu. Cái cảnh kia không thể làm cho ta bực mình, sợ hãi và tuyệt vọng được nữa. Ta không còn bị cảnh làm cho xao xuyến, sợ hãi, bực bội, và mất hết nhân cách của ta được nữa.

Mình không bị cảnh đoạt. Mình luôn luôn đứng vào vị trí chủ động, đứng vững trong chánh kiến của mình và không trở nên nạn nhân của hoàn cảnh, của kẻ khác, không than phiền rằng hoàn cảnh như thế đó, người ta như thế đó cho nên tôi đã phải như thế này. Ta không đổ lỗi cho người khác. Nếu có những yếu kém, những lỗi lầm là tại vì ta, chứ ta không nên đổ lỗi cho người khác: tại sư anh làm như vậy, cho nên tôi phải làm như vậy; nếu sư anh không làm như vậy, thì tôi đâu có như vậy; nếu sư chị không làm như vậy, thì tôi đâu đến nỗi như vậy. Ta không đổ lỗi cho người khác và cũng không đổ lỗi cho hoàn cảnh. Người vô sự vì vậy đứng vững trong cái thấy của mình, không tìm cách bào chữa cho mình, mình luôn luôn làm chủ chính mình.

https://thuviensach.vn

Mình chuyển được hoàn cảnh mà hoàn cảnh không thể chuyển được mình. Có một thiền sư nói: Một ngày hai mươi bốn giờ đồng hồ không nắm được tôi, nhưng tôi nắm được hai mươi bốn giờ đồng hồ một ngày. Đó là vì ta có chủ quyền, ta thay đổi được hoàn cảnh mà hoàn cảnh không thay đổi được ta. Ta ở trong cuộc đời nhưng không bị cuộc đời làm cho chìm đắm, cũng như hoa sen ở trong bùn nhưng không bị hôi tanh mùi bùn. Đó là con người vô sự, con người tự do, con người có kiến giải chân chính. Mình luôn luôn là con người thật của mình trong bốn động tác đi, đứng, nằm, ngồi. Trong khi đi, chính là ta đang đi; trong khi đứng, chính là ta đang đứng; trong khi nằm, chính là ta đang nằm; trong khi ngồi, chính là ta đang ngồi. Mình không cần phải đóng kịch, dù là đóng vai giải thoát, đóng vai giác ngộ, đóng vai đại thiền sư. Thành ra con người vô sự là con người thật, con người không cần phải đóng kịch. Và cái này gọi là 'tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân'. Đây là danh từ của Tổ. Tùy xứ tác chủ là bất cứ ở trong hoàn cảnh nào ta cũng làm chủ được mình, ta không tìm cách phân minh: Tôi sở dĩ mà hư hỏng, mà tệ như thế này là tại vì hoàn cảnh, tại vì những người khác. Ở đâu ta cũng làm chủ, ở đâu ta cũng có chủ quyền (sovereignty) của mình, gọi là tùy xứ tác chủ. Lập xứ đắc chân là bất cứ chỗ nào, chỗ ta đang đứng, chỗ ta đang ngồi, v.v... ta cũng là con người thật của ta, ta làm chủ hoàn cảnh và ta không cần phải đóng kịch. Đó gọi là tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân. Tám chữ này là nguyên tắc của Tổ. Mà con người thật cũng có nghĩa là như vậy.

Vì mình có khả năng sống với con người thật của mình cho nên mình không cần phải làm dáng làm điệu. Mình đâu có cần phải chứng tỏ mình là giải thoát, là giác ngộ. Mình có thể sống một cuộc sống bình thường, mình chỉ cần làm một con người bình thường. Con người bình thường này là con người vô sự, có giá trị cao hơn cả những vị Bồ tát tự xưng là đang đi trên con đường viên đốn, đang đi ngang qua mười địa, đang đi vào tịnh độ, tại vì các vị này vẫn còn mang theo tâm niệm yêu thánh, ghét phàm, vẫn còn cái nhìn nhị nguyên, vẫn còn đi tìm cầu, chưa dừng lại được. Con người vô sự mới đích thực là con người đáng được chư thiên ca tụng, được địa thần nâng gót, được

https://thuviensach.vn

chư Bụt muôn phương xưng tán. Tại vì con người vô sự là con người hoàn toàn tự do, vô tướng, không làm dáng làm điệu, không cần để lại vết tích gì.

Ta không cần phải giả bộ là cái mà ta không phải. Ta không muốn chứng tỏ cho người ta thấy, ao ước cho người ta thấy ta là một người đặc biệt, một người giải thoát. Cũng như bông hoa kia nở trong ngõ ngách một cách rất tự nhiên. Nó không hề đau khổ khi không có ai nhìn ngắm, và cũng không hãnh diện khi người ta tới ngắm nhìn nó. Mình có thể sống một cuộc sống bình thường, mình chỉ cần làm một con người bình thường. Con người bình thường này là con người vô sự, có giá trị cao hơn cả những vị Bồ Tát tự xưng là đang đi trên con đường viên đốn, đang đi ngang qua mười địa, đang đi vào tịnh độ. Tại vì các vị này vẫn còn mang theo tâm niệm yêu thánh ghét phàm, vẫn còn cái nhìn nhị nguyên, vẫn còn đi tìm cầu, chưa dừng lại được. 'Nếu vị Bồ Tát nào còn thấy mình là Bồ Tát thì vị đó chưa phải là Bồ Tát', đó là một câu ở trong Kinh Kim Cương. Nếu ta là giáo thọ mà ta cứ nghĩ mình là giáo thọ, thì ta chưa phải là giáo thọ. Nếu ta là thầy tu mà ta thấy mình là thầy tu, hơn người, thì ta chưa phải là thầy tu đích thực. Nếu ta tự hào với vị trí đó, danh hiệu đó, hay địa vị đó thì ta chưa thực sự đứng ở vị trí đó, chưa thật sự có danh hiệu đó, hay chưa nằm ở trong địa vị đó. Nếu một vị Bồ Tát đang đi qua mười địa mà còn thấy mình đang đi qua mười địa, thì vị Bồ Tát đó chưa phải là vị Bồ Tát đích thực; nếu một vị thấy rằng mình đã giải thoát, thì vị đó chưa phải là giải thoát, vì vị đó đã bị kẹt vào hai ý niệm giải thoát và không giải thoát, ý niệm về thánh và về phàm, vẫn có cái nhìn nhị nguyên, vẫn còn đi tìm cầu, vẫn chưa dừng lại được. Ở đây, chúng ta thấy định nghĩa con người vô sự là con người không còn đi tìm cầu, không còn phân biệt phàm và thánh, là con người đã dừng lại được. Dừng lại được là một quả vị rất lớn, đã về đã tới, không còn đi tìm cầu nữa, không còn ham muốn nữa. Con người vô sự như vậy rõ ràng là con người đã hoàn toàn về, đã hoàn toàn tới, không có cảm tưởng là mình thấp, cũng không có cảm tưởng là mình cao. Con người vô sự mới đích thực là con người đáng được chư thiên ca tụng, được địa thần nâng gót, được chư Bụt muôn phương xưng tán. Đứng về

https://thuviensach.vn

phương diện hình thức, con người vô sự có dáng dấp rất bình thường, không có gì đặc biệt: không có hào quang, không đội mũ tì lư, không ngồi trên pháp tòa cao ngất. Nhưng chính con người vô sự đó là đối tượng yêu thương, đối tượng cung kính của chư Bụt và chư vị Bồ Tát, đáng được chư Bụt ca ngợi, đáng được địa thần nâng gót chân mỗi khi bước. Vì vậy con người vô sự là con người lý tưởng của Tổ Lâm Tế. Nếu ta là con người vô sự, thì ta có thể nhận diện được những con người vô sự khác, vì ta biết thế nào là con người vô sự, vì họ không cần có một hình tướng bên ngoài. Trong sách luận ngữ có câu: 'Nhân bất tri, nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ', nghĩa là người ta không biết mình là ai, không thấy được cái giá trị của mình mà mình không buồn giận thì mình đích thực là người quân tử. Có rất nhiều tài năng, có rất nhiều đức tính, nhưng không cần người ta phải công nhận là mình có tài năng, có đức tính, mà vẫn có hạnh phúc. 'Nhân bất tri, nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ' có nghĩa tương đương với con người vô sự của Tổ Lâm Tế. Tại vì con người vô sự là con người hoàn toàn tự do, vô tướng, không làm dáng làm điệu, không cần để lại vết tích gì. Đó là những chữ của Tổ dùng: không làm dáng, không làm điệu, không cần được công nhận, không cần để lại dấu vết cho hậu thế trong tương lai, không mong cầu trở thành bất tử trong văn chương, trong lịch sử. Sự nghiệp của ta là giải thoát, là chánh kiến, là trí tuệ, chứ không phải là cái danh mà ta sẽ để lại trong lịch sử. Nó khác với câu thơ của Nguyễn Công Trứ:

Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông

Ta không cần phải có danh với núi sông, ta chỉ cần sống hạnh phúc, sống tự do trong giây phút hiện tại. Có thể là Nguyễn Công Trứ lúc nói hai câu đó đã chưa đạt tới địa vị của con người vô sự, nhưng sau đó thì Nguyễn Công Trứ đã đạt được, và hai câu nói đó đã trở thành quá khứ. Con người vô sự không cần danh, không cần để lại tên tuổi mình trong lịch sử, vì cái đó không có nghĩa gì cả. Vấn đề là ở giây phút hiện tại: giây phút hiện tại có tự do và vô sự là cái quý nhất.

https://thuviensach.vn

Con người vô sự này chính là Bụt, là Tổ đích thực. Ngay trong giờ phút này, con người (vô sự) ấy đang ở trên quê hương của mình, không cần đi tìm cầu gì nữa. Ngay trong giờ phút này, con người ấy có thể ứng thân hiện vật, thể hiện thần thông, tiếp xúc với chư Bụt mười phương, rong chơi nơi mọi cõi nước, và dù năm uẩn của mình vẫn còn là năm uẩn có sinh có diệt, người ấy vẫn có thể ngay trong giờ phút hiện tại, biểu diễn được phép thần thông là đi an lạc ngay trên mặt đất (địa hành thần thông). Người ấy không cần đi đâu hết, không cần phải ra khỏi tam giới. Tam giới đối với người ấy chỉ là quang ảnh. Người ấy có tự do cho nên người ấy thảnh thơi ngay tại nơi này, những yếu tố của tam giới là dục, sắc và vô sắc không động được người ấy.

Con người vô sự này chính là Bụt, là Tổ đích thực. Nhận diện được Bụt và Tổ cũng rất khó, vì ta thường có khuynh hướng đi tìm Bụt và Tổ với những cái vòng hào quang và những hình tướng, trong khi con người vô sự không cần có hào quang, không cần có hình tướng. Bụt như vậy đó. Tổ như vậy đó. Bụt có thể sống ngay bên cạnh ta mà ta không biết. Tổ có thể sống ngay bên cạnh ta mà ta không biết. Tại vì con người vô sự chính là Bụt, chính là Tổ. Nhưng nếu ta không biết quý sự có mặt của con người vô sự, thì ta sẽ không thấy được Bụt và không thấy được Tổ. Ngay trong giờ phút này, con người ấy đang ở trên quê hương của mình, không cần đi tìm cầu gì nữa. Con người vô sự là con người đang có quê hương, là con người không đang đi tìm cầu nữa. Con người đó đã về tới quê hương của mình rồi. Con người vô sự tức là con người đã về, con người đã tới. Và đây là chữ của Tổ: Ngay trong giờ phút này, con người (vô sự) ấy đang ở trên quê hương của mình, không cần đi tìm cầu gì nữa. Nếu anh đang còn đi tìm cầu, thì anh chưa phải là người vô sự: anh chưa về, anh chưa tới. Ngay trong giờ phút này, con người ấy có thể ứng thân hiện vật, thể hiện thần thông, tiếp xúc với chư Bụt mười phương, rong chơi nơi mọi cõi nước. Con người vô sự có phép thần thông, và phép thần thông của người vô sự là sử dụng được sáu đạo thần quang của mình: nhìn trời xanh thấy được trời xanh, nhìn mây trắng thấy được mây trắng; mỗi bước chân có thể bước thanh thản trên Tịnh Độ được liền và mỉm cười

https://thuviensach.vn

khi nghe tiếng chim hót, thông reo, hoa nở. Đó là có tịnh độ ứng thân hiện vật. ng thân tức là có mặt ra. Ta có mặt như một con người, ta có mặt như một cái cây, ta có mặt như một đám mây và ta có mặt như một vị Bồ Tát. Hiện vật là ta có thể biểu hiện ra bất cứ trong hình thức nào. Thể hiện thần thông, tiếp xúc với chư Bụt mười phương, rong chơi nơi mọi cõi nước. Với sáu đạo thần quang thì không có gì là không làm được: muốn có Tịnh độ thì có Tịnh độ, muốn có lầu các của Bồ Tát Di Lặc thì có lầu các của Bồ Tát Di Lặc, muốn có ngày quán niệm thì có ngày quán niệm, muốn có khóa tu thì có khóa tu, muốn đi thiền hành thì có đi thiền hành, muốn có trung tâm tu học thì có trung tâm tu học, v.v... muốn gì thì có đó.

Có thể ứng thân hiện vật, thể hiện thần thông, tiếp xúc với chư Bụt mười phương, rong chơi nơi mọi cõi nước, và dù năm uẩn của mình vẫn còn là năm uẩn có sinh có diệt, người ấy vẫn có thể ngay trong giờ phút hiện tại, biểu diễn được phép thần thông là đi an lạc ngay trên mặt đất (địa hành thần thông).

Đây là bốn chữ ở trong Lâm Tế Lục: Địa hành thần thông. Địa hành thần thông tức là phép lạ đi trên mặt đất. Người ta thường nói phép lạ là đi trên lửa, đi trên nước, đi trên mây, còn Tổ nói phép lạ là đi trên mặt đất. Ai mà không đi trên mặt đất được, nhưng nếu ta đi với niềm lo lắng, niềm sợ hãi, sự tham đắm, thì ta đang không thể hiện thần thông. Nhưng nếu ta là một con người tự do, thì mỗi bước chân đi trên mặt đất là một phép thần thông. Con người vô sự, con người tự do là con người có thể đi một cách hạnh phúc, đi một cách tự do trên mặt đất, và đi như vậy tức là thể hiện thần thông. Cho nên chúng ta mới có bài kệ:

Đặt chân lên mặt đất
Là thể hiện thần thông,
Từng bước chân tỉnh thức
Làm hiển lộ pháp thân

Ta có thể ứng thân hiện vật, thể hiện thần thông, tiếp xúc với chư Bụt mười phương, với tịnh độ mười phương, nếu ta là một con người tự

https://thuviensach.vn

do, nếu ta là một con người vô sự. Người ấy không cần đi đâu hết, không cần phải ra khỏi tam giới. Người ta thường nói tu học là để ra khỏi ba cõi: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Tam giới bất an nghĩa là trong ba cõi không có sự an ổn, giống như cái nhà cháy, mình phải lập tức ra khỏi cái căn nhà cháy đó. Vì vậy mà người ta nghĩ rằng giải thoát tức là ra khỏi ba giới, ba cõi. Trong khi tất cả mọi người đều nói là chúng ta phải làm sao thoát ra khỏi ba cõi thì Tổ nói: 'Đồ ngu, ra khỏi ba cõi thì các anh đi đâu?'. Không cần đi đâu hết, đứng ngay ở trong ba cõi và trở thành con người tự do, thì đám cháy liền tắt và ba cõi trở thành nơi tự do. Điều này rất gần với bản ý của Đức Thế Tôn. Ba cõi là do tâm mình tạo ra và Tịnh độ cũng do tâm mình tạo ra.

Trong tác phẩm Hoàng Tử Bé, hoàng tử bé yêu cầu anh chàng phi công trẻ vẽ cho mình một con cừu, tại vì trên hành tinh của hoàng tử bé chưa có một con cừu. Trong Kinh Hoa Nghiêm Bụt dạy rằng: Tâm là một anh chàng họa sĩ (Tâm như họa sư). Tâm có thể vẽ ra bất cứ một cái gì. Tâm bao gồm tâm cá nhân và tâm cộng đồng. Chính tâm cộng đồng của chúng ta vẽ ra tam giới để thiêu đốt ta, cũng chính tâm cộng đồng của chúng ta vẽ ra một Tịnh độ để ta rong chơi. Ta có thể nói tâm vẽ cho ta một trung tâm tu học, một tăng thân đẹp, v.v... tất cả đều do tâm. Vì vậy ba cõi là một tác phẩm của tâm, Tịnh Độ cũng là tác phẩm của tâm. Nếu tâm ta tự do, an lạc, thì ta vẽ ra cõi Tịnh Độ. Ta đâu cần phải đi đâu, chỉ ngồi ở đây mà vẽ, vẽ cho mình một cõi Tịnh Độ để mình sống an lạc mỗi ngày. Con người tự do, con người vô sự là con người sáng tạo ra tịnh độ cho mình, và cho những người khác. Người ấy không cần đi đâu hết, không cần phải ra khỏi tam giới. Tam giới đối với người ấy chỉ là quang ảnh. Quang ảnh tức là cái sự phản chiếu của tâm. Người ấy có tự do cho nên người ấy thảnh thơi ngay tại nơi này, những yếu tố của tam giới là dục, sắc và vô sắc không động được người ấy.

Tổ Lâm Tế rất có ý thức là những lời nói của Tổ chỉ là những phương tiện đánh phá, cởi trói và trị bệnh, cho nên Tổ không muốn chúng ta xem những lời nói ấy là chân lý tuyệt đối để học hỏi và tôn thờ. Tinh thần này là tinh thần của Kinh Kim Cương: Giáo lý của Bụt là chiếc bè để đưa ta qua bờ bên kia, chứ không phải là đối tượng của sự thờ

https://thuviensach.vn

phụng. Những lời nói của Tổ Lâm Tế không phải là những tư tưởng uyên áo để mà học hỏi, để mà trân quý, để mà cất giữ như một vật sở hữu.

Tổ Lâm Tế rất có ý thức là những lời nói của Tổ chỉ là những phương tiện đánh phá, cởi trói và trị bệnh nên Tổ không muốn chúng ta xem những lời nói ấy là khuôn vàng thước ngọc để học hỏi và tôn thờ. Tổ dạy rằng những lời Tổ nói chỉ là những bức vẽ được thực hiện trong hư không, chúng ta đừng bị kẹt vào chúng. Tổ dạy: Để độ đời, có khi ta phải mặc đủ thứ áo: áo thanh tịnh, áo giải thoát, áo giới luật, áo vô phân biệt... Thấy những chiếc áo ấy người ta phát sinh kiến giải rồi bị mắc kẹt vào những kiến giải ấy. Vì vậy có khi ta phải cởi hết áo ra, để cho người ta thấy được con người. Con người có thể mặc áo. Nhưng con người không phải là áo. Chỉ khi nào thấy được con người, ta mới tiếp xúc được với con người, và với con người trong ta, và chỉ lúc ấy ta mới buông bỏ được tất cả những gông cùm mình từng mang lấy xưa nay, những gông cùm do cổ nhân (Bụt, Tổ) thi thiết và đem tới. Thấy được con người thật, họ mới đạt được quả vị vô sự.

Tổ dạy rằng những lời Tổ nói chỉ là những bức vẽ được thực hiện trong hư không, chúng ta đừng bị kẹt vào chúng. Khi vẽ trên vải hay trên giấy, người ta còn có thể cất giữ được, trưng bày được, nhưng vẽ những bức họa màu trên hư không thì không có cách gì để cất giữ. Tổ muốn nói như vậy. Những điều Tổ nói là để chữa bệnh, để tháo gỡ, và những điều đó chỉ có giá trị của những phương tiện mà không nên cất giữ những điều đó để làm gia bảo. Ví dụ như đem về một chiếc bè, rồi đặt lên bàn thờ để thờ phụng, điều đó rất tức cười. Chiếc bè ấy phải được sử dụng để qua bờ bên kia chứ không phải để cất giữ hoặc để phụng thờ. Cũng vậy, những lời của Tổ nói như là những bức họa màu vẽ ở trên hư không, không ai có thể chiếm hữu để làm của riêng, để mà tự hào.

Tổ dạy: Để độ đời, có khi ta phải mặc đủ thứ áo: áo thanh tịnh, áo giải thoát, áo giới luật, áo vô phân biệt... Thấy những chiếc áo ấy người ta phát sinh kiến giải rồi bị mắc kẹt vào những kiến giải ấy. Vì vậy có khi ta phải cởi hết áo ra, để cho người ta thấy được con người. Con

https://thuviensach.vn

người có thể mặc áo. Nhưng con người không phải là áo. Chỉ khi nào thấy được con người, ta mới tiếp xúc được với con người, và với con người trong ta, và chỉ lúc ấy ta mới buông bỏ được tất cả những gông cùm mình từng mang lấy xưa nay, những gông cùm do cổ nhân (Bụt, Tổ) thi thiết và đem tới. Thấy được con người thật, họ mới đạt được quả vị vô sự.

Đây là nói về những giáo lý trong thánh kinh, trong kinh điển..., những cái mà Tổ gọi là thi thiết, là tạm đặt ra để giúp đời, giúp người. Tất cả những gì các vị thánh nhân thi thiết ra để cứu đời, giúp người chỉ là những phương tiện, vậy mà chúng ta lại cứ xem như là những bảo vật, như là những cứu cánh. Tất cả những điều được dạy như là Tam thân, Tứ Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Địa, Tịnh Độ..., đều là những phương tiện. Nếu ta có thái độ của người tín đồ là nắm bắt và thờ phụng thì ta bị kẹt. Vì vậy con người vô sự là con người có khả năng buông bỏ tất cả những thứ ấy. Những cái đó, Tổ cho là những chiếc áo. Chúng ta có khuynh hướng muốn nhận ra Bụt, nhận ra Tổ qua những chiếc áo. Muốn dạy, muốn hướng dẫn thì phải sử dụng những phương tiện. Nhưng phải dạy và hướng dẫn như thế nào để đưa người ta tới trạng thái giải thoát và an lạc; để người ta thấy rằng giải thoát, an lạc không phải là những chiếc áo; để người ta phân biệt được áo và người, chứ không phải là để người ta mặc thêm vào những chiếc áo đó. Những chiếc áo, những phương tiện, những giáo hóa kia có mục đích duy nhất là giúp cho người ta khám phá ra con người thật của họ. Con người thật đó là Bụt, là con người vô sự, là con người không có lo lắng, không có buồn khổ, không có ganh ti. và không có tham vọng. Bởi vậy quá trình tu tập là quá trình lột áo. Mặc vào một cái áo, ta thấy đẹp quá nên muốn mặc luôn. Rồi khi có cái áo khác thay vào, ta lại thấy cái áo mới đẹp hơn, nên cứ thay áo hoài... Và cứ như vậy, suốt đời ta chỉ là những chiếc áo thôi. Ta phải là cái gì hơn cái áo và cái gì hơn cái áo đó chính là con người thật của mình. Mục đích của Tổ là giúp cho chúng ta thấy được con người thật của mình, cho nên ta phải có can đảm để lột tất cả các áo, dù đó là áo Thiền Sư, áo Bồ Tát, áo Bụt, áo Tổ, áo Giải Thoát, áo Niết Bàn. Lột hết! Vì vậy có khi ta phải cởi hết áo ra, để cho người ta thấy được con

https://thuviensach.vn

người. Con người có thể mặc áo. Nhưng con người không phải là áo. Chỉ khi nào thấy được con người, ta mới tiếp xúc được với con người, và với con người trong ta, và chỉ lúc ấy ta mới buông bỏ được tất cả những gông cùm mình từng mang lấy xưa nay, những gông cùm do cổ nhân (Bụt, Tổ) thi thiết và đem tới. Gông cùm đó là giáo lý, là những khái niệm, những phương tiện, dù đó là Tịnh Độ, là Tam thân, là Tam Bảo, là Thập Địa. Con người thật không phải là con người nô lệ - nô lệ cho những ý thức hệ, nô lệ cho những giáo lý.

Trong giới luật Tiếp Hiện, giới thứ nhất là: Đừng bị kẹt vào bất cứ một chủ nghĩa nào hay một lý thuyết nào, dù đó là giáo nghĩa Bụt dạy. Đó là đi đúng theo tinh thần Tổ Lâm Tế. Chúng ta phải có tự do đối với những lý thuyết, với những chủ nghĩa, dù là với lý thuyết Phật Giáo. Tức là phải cởi áo ra để thấy cho được con người thật của mình. Cổ nhân (Bụt và Tổ) đã thi thiết và đem tới tặng cho ta những chiếc áo đó, ta phải biết cách sử dụng để tìm ra con người thật của mình, rồi cuối cùng ta phải lột bỏ tất cả những chiếc áo đó. Thấy được con người thật, họ mới đạt được quả vị vô sự. Vô sự là quả vị mà chúng ta tìm cầu, nhưng không thể nào tìm cầu ở ngoài được. Vô sự tức là tự do. Vô sự có thể dịch là no bussiness, no projects, no worries, no problems. Chữ sự này có nhiều nghĩa. Ở Làng Mai có bài hát là 'Nowhere to go, nothing to do' (Không đi đâu nữa, có chi để làm) có thể gọi là Vô Sự. Tuy rằng chúng ta cần phải đi đây đi đó, chúng ta cần phải làm cái này cái kia, nhưng chúng ta làm và đi trong tinh thần vô sự. 'Somewhere to go, something to do' (đi đâu cũng tới, thấy chi cũng làm) cũng là Vô Sự. Đây là những chữ mới không có ở trong giáo điển. Khi mình có tuệ giác, có một cái thấy mới thì thường thường mình có những chữ mới để diễn tả cái tuệ giác của mình hay cái thấy của mình một cách rất tươi mát và rất thật. Chữ vô sự cũng như chữ vô vị là những chữ mới của Tổ mà Tổ đã sử dụng để nói ra được cái thấy, cái tự do của Tổ. Cố nhiên là đã có những chữ cũ như giải thoát, như vô đắc, nhưng những chữ đó được dùng nhiều quá rồi. Và vì người ta dùng nhiều quá cho nên hầu như không còn ý nghĩa nữa. Vì vậy khi ta có một kinh nghiệm mới, một cái thấy mới, ta thường có khuynh hướng tìm những chữ mới để nói ra cái kinh

https://thuviensach.vn

nghiệm, cái sở đắc đó. Đối với Tổ Lâm Tế, chúng ta thấy có những danh từ rất mới, như danh từ vô sự, danh từ phùng Phật sát Phật (gặp Bụt thì giết Bụt). Chúng ta thấy rõ là Tổ Lâm Tế có đức vô úy rất lớn. Khi đã nắm được sự thật rồi thì ta không sợ chữ nghĩa nữa, ta có thể sử dụng bất cứ chữ nào mà không ngại người ta hiểu lầm mình. Những danh từ như là địa hành thần thông, lập xứ đắc chân, tùy xứ tác chủ, vô vị chân nhân, v.v... là những danh từ rất mới. Nhờ những danh từ đó, Tổ có thể truyền đi được cái thấy của Tổ.

Không nên đi tìm Văn Thù trên Ngũ Đài Sơn, không nên đi tìm Quan Âm ngoài biển Nam Hải, không nên đi tìm Phổ Hiền ở Nga Mi Sơn. Các vị làm gì có mặt trên đó. Các vị đang có mặt tại đây, trong giờ phút này, trước mặt chúng ta, trong tâm chúng ta. Phải tiếp xúc với các vị ngay trong giờ phút này. Nếu thất bại thì sẽ thất bại mãi mãi trong tương lai, tại vì Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm không có trong tương lai và không thể tiếp xúc được trong tương lai. Ta là kẻ đại trượng phu, tại sao ta phải đi tìm Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm ngoài ta. Ta chính là Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm ngay tại đây, trong giây phút hiện tại.

Ở Trung Quốc, bốn vị Bồ Tát lớn được coi như là đang trấn ngự bốn ngọn núi thiêng. Trước hết, Ngũ Đài Sơn là chỗ của Bồ Tát Văn Thù; Phổ Đà Sơn ngoài biển Nam Hải là chỗ của Bồ Tát Quan Âm; Nga My Sơn là chỗ của Bồ Tát Phổ Hiền; Cửu Hoa Sơn là chỗ của Bồ Tát Địa Tạng. Sự thực tập của phần lớn người Phật tử Trung Quốc là đi hành hương, vì họ nghĩ rằng các vị Bồ Tát đang có mặt ở các nơi linh thiêng đó. Điều này không phải chỉ đúng trong đạo Bụt mà cũng đúng trong các tôn giáo khác. Người ta đi tìm các thánh địa, người ta tin tưởng rằng các đức thiêng liêng có mặt ở tại những thánh địa đó. Ở nhiều nước Phật giáo, có nhiều người tìm tới những vùng đất thiêng liêng với tâm niệm hết sức cung kính. Có nhiều người đi ba bước lạy một lạy (tam bộ nhất bái). Đi bao nhiêu ngày cũng được, miễn là tới nơi thì thôi.

Tổ Lâm Tế dạy: Trên Ngũ Đài Sơn không có đức Văn Thù đâu, đừng đi tới đó cho uổng công. Trên Phổ Đà Sơn không có đức Quan Âm

https://thuviensach.vn

đâu, đừng đi tới đó cho mất công; Nga My Sơn và Cửu Hoa Sơn cũng vậy, ở những nơi ấy không có đức Phổ Hiền và Địa Tạng đâu, đừng đi cho mất công. Nhưng người ta vẫn đi (mà đệ tử của thiền sư Lâm Tế hình như đi còn nhiều hơn những người khác nữa!). Theo tinh thần này, Tổ dạy là các vị Bồ Tát đó đang có mặt trong giây phút hiện tại, và có mặt ngay tại đây, chúng ta không cần đi tới các nơi đó. Nếu muốn tiếp xúc với các vị bồ tát kia, chúng ta chỉ cần an trú trong hiện tại và ngay tại đây. Tại vì các vị ấy đang có mặt trong tâm của mình. Nếu tất cả mọi người đều theo lời dạy của Tổ Lâm Tế, thì các ngành hoạt động du lịch sẽ bị tê liệt. Hiện bây giờ, một số nước - nhất là Trung Quốc, rất muốn phát triển ngành du lịch (Tourism) vì người ta cho rằng những miền đất thiêng, các ngôi chùa cổ là những nguồn lợi rất lớn. Vì vậy người ta đã có những buổi hội thảo về du lịch, gọi là Đạo Bụt và Du Lịch (Buddhism and Tourism) - người ta cho rằng đạo Bụt có thể là một nguồn lợi rất lớn cho ngành du lịch. Cũng vì vậy mà những tu viện, những ngôi chùa nổi tiếng luôn đầy khách du lịch và không còn giữ được tính cách thiêng liêng của một nơi tu tập nữa. Đó là điều rất đáng tiếc! Việt Nam cũng có khuynh hướng bắt chước bên Trung Quốc, vì du lịch đem lại nguồn lợi rất lớn cho đất nước. Vì vậy nếu người Phật tử không biết gìn giữ tính cách thiêng liêng của ngôi chùa thì sẽ biến ngôi chùa của mình thành một trung tâm du lịch và điều đó rất đáng tiếc. Sự thật là khi mình tới chùa hay tới những nơi thanh tú thì cảnh vật ở những nơi ấy dễ làm cho tâm hồn và thân thể mình nhẹ nhàng. Điều đó rất tốt. Chùa thường được thành lập ở trên những ngọn núi cao, cho nên khi người dân thành phố rời được thành phố để lên được chùa trên núi, thì trong thân và trong tâm của họ có sự an lạc. Hành hương cũng có ích lợi cho sức khỏe tâm linh chứ không phải không. Nhưng cái ích lợi này không dính dáng tới chuyện đi tìm các vị Bồ Tát ở những nơi đó. Sống ở thành phố, hệ thần kinh của mình bị căng thẳng nhiều, vì lo lắng và vất vả, và vì cuộc đời rất nhiêu khê và khó khăn. Vì vậy những ngôi chùa ở ngoại ô thành phố hoặc ở trên núi, thanh vắng và đẹp đẽ, là một nguồn an ủi rất lớn cho dân thành phố. Các ngôi chùa đó đóng một vai trò rất quan trọng là làm êm dịu hệ thần kinh của thị dân. Điều đó chúng ta phải công nhận. Có nhiều thầy trụ trì, nhiều sư cô trụ trì chăm sóc chùa rất hết

https://thuviensach.vn

lòng, đã làm cho chùa trở thành một nơi mát mẻ và êm dịu. Ta tới chùa để đi bộ, nghe tiếng chuông, nghe tiếng tụng kinh..., để tâm hồn mình dịu xuống. Chuyện này là chuyện có thật. Nhưng chuyện này không dính líu tới chuyện đi tìm các vị Bồ Tát. Còn chuyện tam bộ nhất bái (ba bước lạy một lạy) là một sự thực tập. Từ chỗ ta ở lên tới địa điểm của các vị Bồ Tát kia nhiều khi phải đi tới mười lăm hay ba mươi ngày, và nếu ta đi ba bước lạy xuống một lạy thì đó là một cơ hội để mình thực tập thiền lạy. Vị Bồ Tát hay ngôi chùa đó trở thành đối tượng thực tập của mình. Sự thực tập tam bộ nhất bái này cũng đem tới nhiều ích lợi. Nhưng chuyện này cũng không dính líu tới chuyện vị Bồ Tát kia có mặt ở đó hay không. Trước khi ?ức Thế Tôn nhập diệt, ngài A Nan có hỏi: 'Bạch ?ức Thế Tôn, sau này nếu có người muốn niệm Bụt, thì những người đó làm thế nào trong phương pháp thực tập niệm Bụt (Buddhànussati)?'. Đức Thế Tôn nói: 'Có bốn nơi mà họ có thể đi thăm: nơi ta sinh ra, nơi ta thành đạo, nơi ta chuyển pháp luân và nơi ta nhập niết bàn. Đệ tử của ta sau này, nếu muốn thì có thể tới thăm những chỗ đó'. Hiện bây giờ Phật tử trên thế giới hay đi về Ấn Độ và Nepal để thăm bốn địa điểm này: nơi đức Thích Ca giáng sinh, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập diệt. Đến những nơi ấy là để tiếp xúc với Bụt tự thân nhiều hơn, chứ hoàn toàn không có nghĩa là Bụt chỉ có mặt ở bốn nơi ấy mà không có ở những nơi khác. Thành ra, hành hương là một sự thực tập đem lại nhiều lợi ích, nhưng không có nghĩa là các vị Bồ Tát và Đức Thế Tôn đang có mặt ở những nơi ấy mà không có mặt nơi mình đang cư trú hay những nơi khác. Lời dạy của Tổ rất quan trọng và có giá trị rất lớn. Nhưng có bao nhiêu người có thể làm được? Đại đa số các Phật tử Trung Quốc bây giờ đều đang thực tập hành hương và thăm viếng bốn ngọn danh sơn kia. Có một số rất ít người ngồi yên tại chỗ và nói: 'Khỏi cần phải đi tới đấy, khỏi tốn tiền máy bay, khỏi tốn tiền xe hơi, khỏi mất thì giờ đi. Mình chỉ cần ngồi ở đây và tiếp xúc với vị Bồ Tát mà mình ngưỡng mộ'. Tổ nói: 'Các vị Bồ Tát làm gì có mặt trên đó'. Đối với Tổ Lâm Tế, phải đi ra Phổ Đà Sơn mới gặp được đức Quan Thế Âm và phải đi lên Ngũ Đài Sơn mới gặp được đức Văn Thù là chuyện rất ngây thơ. Điều đó rất rõ ràng, nhưng có mấy ai nghe Ngài đâu. Có mấy ai thật sự là đệ tử của thiền sư Lâm Tế! Tổ nói thì Tổ nói,

https://thuviensach.vn

mình đi thì mình cứ đi. Xã hội, đất nước không thích lời khuyên này của Tổ. Làm theo lời dạy của Tổ thì sẽ không có ngành du lịch, người ta sẽ không có công ăn việc làm và ngoại tệ sẽ không đi vào đất nước của mình. Vì vậy cho nên Lâm Tế Lục không có lợi ích cho ngành du lịch.

Không nên đi tìm Văn Thù trên Ngũ Đài Sơn, không nên đi tìm Quan Âm ngoài biển Nam Hải, không nên đi tìm Phổ Hiền ở Nga Mi Sơn. Các vị làm gì có mặt trên đó. Các vị đang có mặt tại đây, trong giờ phút này trước mặt chúng ta, trong tâm chúng ta. Phải tiếp xúc với các vị ngay trong giờ phút này. Nếu thất bại thì sẽ thất bại mãi mãi trong tương lai, tại vì Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm không có trong tương lai và không thể tiếp xúc được trong tương lai.

Tương lai chỉ ở trong tương lai, không bao giờ là hiện tại. Và khi nó trở thành hiện tại rồi thì nó không còn là tương lai nữa. Ta là kẻ đại trượng phu, tức là người có can đảm, vậy tại sao ta phải đi tìm Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm ngoài ta? Ta chính là Văn Thù, Phổ Hiền và Quan Âm ngay tại đây, trong giây phút hiện tại. Nếu Văn Thù là trí tuệ, thì trong ta có hạt giống trí tuệ; nếu Phổ Hiền là hành động, thì trong ta có hạt giống của hành động; nếu Quan Âm là tình thương, thì ta có hạt giống của tình thương trong tâm ta. Ta chỉ cần tiếp xúc, tưới tẩm và làm cho những hạt giống đó biểu hiện là ta đang tiếp xúc với đức Văn Thù, đức Phổ Hiền và đức Quan Âm ngay tại đây và trong giây phút hiện tại.

Từ bỏ sự tìm kiếm bên ngoài không phải là để bắt đầu một sự tìm kiếm bên trong. Cái mà ta tìm cầu bên ngoài đã không có thì bên trong làm gì có! Trong và ngoài chỉ là hai ý niệm. Động cũng không phải là nó mà tĩnh cũng không phải là nó. Đừng tưởng tĩnh là cửa ngõ và bức màn vén cho ta thấy sự thật. Sự thật vượt ra ngoài động và tĩnh, vượt ra khỏi trong và ngoài. Công án cũng như mặc chiếu đều là sự tìm cầu, không thể đưa ta tới trạng thái vô sự.

Khi nghe nói không nên tìm Bụt và Tổ bên ngoài, ta sẽ tự bảo: 'Thôi bây giờ mình nên đi tìm Bụt và Tổ bên trong mình'. Sau khi bị chặn

https://thuviensach.vn

một ngã rồi, con chuột quay lui đi ra ngã khác, thì Ngài lại giơ tay chân luôn cái ngã còn lại. Cái mà ta tìm cầu bên ngoài đã không có thì bên trong làm gì có! Trong và ngoài chỉ là hai ý niệm. Ta nghĩ Ngũ Đài Sơn là ở ngoài, còn năm uẩn của ta là ở bên trong. Kẹt vào ý niệm về ngoài và ý niệm về trong cũng không nên. Ngoài là ngoài cái gì, trong là trong cái gì? Động cũng không phải là nó mà tĩnh cũng không phải là nó. Đừng tưởng tĩnh là cửa ngõ và bức màn vén cho ta thấy sự thật. Đi tìm sự thật ở trong cái động cũng không có, mà đi tìm ở trong cái tĩnh cũng không có. Sự thật vượt ra ngoài động và tĩnh, vượt ra khỏi trong và ngoài. Đi tìm ở ngoài là động, trở về với bản thân là tĩnh. Tìm ở cái động không có, thì người ta nghĩ rằng nên tìm ở cái tĩnh. Nhưng Tổ nói: 'Động và tĩnh không phải là những xứ sở mà ta có thể đi tìm được'. Cũng như trong, ngoài không phải là chỗ ta đi tìm. Nếu ngoài không phải là chỗ ta đi tìm và trong cũng không phải là chỗ ta đi tìm, thì công án cũng như mặc chiếu đều chỉ là sự tìm cầu, không thể đưa ta tới trạng thái vô sự. Bây giờ, người ta vẫn còn nói tới hai khuynh hướng thiền: công án và mặc chiếu. Công án tức là đưa ra một đề tài để quán chiếu. Mặc chiếu là không cần đề tài, không cần đầu đề. Mặc chiếu tức là ngồi yên và lấy tâm của mình soi chiếu một cách yên lặng (silence shining). Đó là hai khuynh hướng thiền có từ đời Đường cho đến bây giờ. Có người nghĩ rằng, công án có gốc từ Tổ Lâm Tế (trong khi đó, Tổ Lâm Tế nói: 'Đừng có làm vậy!'); còn mặc chiếu có gốc từ Tổ Tào Động (Tào Sơn và Động Sơn). Trong quá khứ, đã có sự kiện thiền công án lên án thiền mặc chiếu và thiền mặc chiếu công kích thiền công án. Bắt đầu từ đời Đường, hai khuynh hướng đó chống đối nhau. Nhưng có một lúc trong giới thực tập thiền mặc chiếu người ta lại bắt đầu thực tập thiền công án, và trong thiền công án người ta cũng bắt đầu thực tập thiền mặc chiếu. Trong khi đó, tinh thần của Tổ: Ngoài không phải là chỗ ta đi tìm, trong cũng không phải là chỗ ta đi tìm. Động không phải là chỗ ta đi tìm, mà tĩnh cũng không phải là chỗ ta đi tìm. Nếu ta bị kẹt vào ý niệm trong và ngoài, động và tĩnh, thì ta vẫn thất bại như thường. Quan trọng là ở chỗ không còn tìm cầu, hễ còn tìm cầu thì còn thất bại, dù tìm ở ngoài hay ở trong, ở động hay ở tĩnh. Theo tinh thần của Tổ, phương pháp mặc chiếu là tĩnh, phương pháp công án là động, và cả hai phương pháp

https://thuviensach.vn

đều là sự tìm cầu. Công án là tìm cầu, mặc chiếu cũng là tìm cầu. Đã là tìm cầu thì không thể đưa ta tới trạng thái vô sự được. Còn tìm cầu tức là còn chạy. Nhưng phần lớn đệ tử của thiền sư Lâm Tế đều làm ngược lại lời dạy này, đều đang tìm cầu bằng những công án, tại vì ai cũng nghĩ rằng công án là thiền Lâm Tế. Trong khi đó, giáo lý căn bản của Tổ Lâm Tế rõ ràng là giáo lý không tìm cầu.

Để độ người, ta có thể hoặc đoạt cảnh, hoặc đoạt nhân, hoặc đoạt cả cảnh và nhân, hoặc không cần đoạt cái gì hết. Đoạt cảnh là giúp cho người ta chấm dứt sự tìm cầu bên ngoài. Con chó có Phật tính không? Đại ý của Phật pháp là gì? Chủ ý của Tổ Đạt Ma là gì? Tất cả những cái ấy đều là bẫy sập. Tìm hiểu tất cả những cái đó không có ích lợi gì cho sự thực hiện tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân cả. Phải đoạt tất cả những cảnh đó. Nếu cần thì đánh. Nếu cần thì hét. Nhưng học nhân có thể trở về và mắc kẹt vào chủ thể nhận thức, nghĩ rằng mình đã thoát được đối tượng nhận thức. Nhưng chủ thể làm gì có, nếu đối tượng không có? Cho nên đoạt cảnh xong cũng phải đoạt người. Đoạt cảnh mà giúp người ta đừng kẹt vào người thì hay rồi, nhưng nếu người ấy còn kẹt vào nội hướng, vào chủ thể thì phải đoạt luôn. Có khi đoạt người có thể giúp kẻ kia thoát luôn cả cảnh cùng một lúc. Đó là những phương tiện đánh phá, cởi trói, trị bệnh, có gì là thần kỳ bí hiểm?

Đoạt tức là lấy đi để không có chỗ bám víu, để có cơ hội buông bỏ nhận thức sai lầm. Đoạt cảnh là giúp cho người ta chấm dứt sự tìm cầu bên ngoài. Ví dụ như có người đi tìm cầu Bụt Thích Ca, mình nói: 'Bụt Thích Ca có phải là đối tượng tìm cầu của anh đâu! Bụt Thích Ca là một con người sinh ra, lớn lên, già và chết. Anh đi tìm một hiện tượng sinh, trú, dị, diệt để làm gì? Có phải anh đang đi tìm cầu một cái gì tuyệt đối, một cái gì bất sinh, bất diệt, phải không?' Mình làm cho người kia khủng hoảng tinh thần. Khủng hoảng tinh thần thì buông bỏ được sự tìm cầu và có một cơ hội mới. Đó gọi là đoạt cảnh.

Con chó có Phật tính không? Đại ý của Phật pháp là gì? Chủ ý của Tổ Đạt Ma là gì? Tất cả những cái ấy đều là bẫy sập. Đây là ba công án nổi tiếng. Có một vị thiền sinh tới hỏi: 'Con chó có Phật tính hay

https://thuviensach.vn

không?' Thiền sư trả lời 'có'. Tại vì các loài đều có Phật tính, không những loài người mà loài động vật, thực vật và đất đá đều có Phật tính cả. Thiền sư nói như vậy là để cho chúng ta có thêm niềm tin, để cho chúng ta thấy được là ta cũng có thể đạt được cái mà Bụt và Tổ có thể đạt được, tức là Phật sinh bất nhị - không có sự khác biệt giữa Phật và chúng sinh. Chúng sinh giác ngộ thì thành Phật, Phật mà không giác ngộ thì là chúng sinh. Đó là một nền tảng, đó là một sự khích lệ, đó là một nhận thức căn bản, từ đó ta có niềm tin mà đi tới. Nhưng nếu ta cho đó là giáo lý cần phải học hỏi, cần phải truyền bá, cần phải đàm luận, thì câu trả lời đó trở thành giáo điều, trở thành bẫy sập. Vì vậy khi có thiền sinh thứ hai lên hỏi: 'Con chó có Phật tính không?' thì thiền sư thấy rằng, nếu nói có thì người này sẽ kẹt vào chữ 'có' và sẽ không có lợi ích gì cho anh ta hết, cho nên thiền sư đã nói không (vô). Và chữ vô đó, vô tình trở thành ra một công án rất nổi tiếng. Tiếng Nhật Bổn là Mu. Biết bao nhiêu thế hệ đã tham công án Cẩu tử Phật tánh và chữ vô đó. Làm mất thì giờ của không biết bao nhiêu người, vì trong khi tham cứu, họ đi tìm cầu. Nếu sử dụng công án để đừng đi tìm cầu nữa, thì rất hay. Nhưng nếu công án là một sự mời mọc người ta đi tìm cầu cái mà họ không có, thì điều đó đi ngược lại với tinh thần của Tổ Lâm Tế. Con chó có Phật tánh không? Đó là cái bẫy sập. Không biết bao nhiêu người đã rơi vào cái bẫy sập đó mà không biết, đã bỏ phí không biết bao nhiêu thì giờ và tâm lực vào trong sự tham cứu công án ấy. Công án này đã trở thành trò chơi của một số người 'ăn không ngồi rồi' đi tìm sự thành đạt tâm linh.

Khi người thiền sinh đến hỏi: 'Con chó có Phật tánh không?', vị đó tin rằng thầy mình sẽ nói có, và câu hỏi đó là để một lần nữa cho vị này xác quyết cái quan điểm của họ, cái thấy (view) của họ. Để cho người đệ tử bị kẹt vào trong cái thấy (kiến chấp) tức là hại người đệ tử đó, vì vậy thiền sư đã dùng chữ không (vô) để cho người đệ tử này thất điên bát đảo. Thái độ anh ta chắc ăn quá! Anh ta hỏi câu đó là muốn chứng tỏ cho thầy thấy là mình cũng biết giáo lý 'tất cả chúng sinh đều có Phật tính', thì thế nào thầy cũng khen. Ai dè thầy nói 'không' khiến anh ta thất điên bát đảo. Cái đó gọi là đoạt cảnh. Đoạt cảnh tức là làm

https://thuviensach.vn

cho xính vính người (nhân) hỏi. Khi đối tượng nhận thức được lấy đi, thì chủ thể nhận thức bị sụp đổ.

Đại ý (cốt tủy) của Phật pháp là gì? Câu hỏi đó thường được đưa ra hỏi. Có cơ hội được tham vấn với một thiền sư là một điều rất quý giá, nhưng vì không biết hỏi câu gì cho đáng, cho nên cứ hỏi câu hỏi đó cho rồi. Có nhiều người trong chúng ta thật sự không có câu hỏi. Câu hỏi thật sự là mũi tên cắm vào cơ thể của ta, làm cho ta đau nhức. Câu hỏi làm cho mình mất ăn mất ngủ, câu hỏi của đời mình, cái thao thức lớn của mình, thì câu hỏi đó mới thật sự là một câu hỏi. Có những người không có câu hỏi nhưng mà có cơ hội được gặp thiền sư, và vì không biết hỏi câu gì nên cứ hỏi: Đại ý của Phật pháp là gì? Rất dại! Thường thường, ai hỏi câu đó đều bị đánh. Tổ Lâm Tế ngày xưa cũng đã bị đánh vì câu hỏi đó.

Có một vị thiền sinh hỏi: Mục đích của Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ qua bên Tàu để làm gì? Có rất nhiều câu trả lời cho câu hỏi này. Có nhiều câu trả lời rất hay. Thiền sư hỏi lại: 'Ông ấy qua hồi nào?' Anh thiền sinh kia khựng lại. 'Qua hồi nào, nói tôi nghe'. Cái đó gọi là đoạt cảnh. Hoặc giả thiền sư có thể trả lời: 'Anh hỏi như thế để làm gì? Anh hỏi Tổ qua có chủ đích gì có ích lợi gì cho anh không?' Đó cũng là một cách trả lời trong tinh thần đoạt cảnh. Có một vị hỏi: 'Chủ đích của Tổ Đạt Ma qua bên Tàu là gì?' thì bị đánh. Bị đánh xong rồi nhưng cũng còn nói: 'Đánh thì đánh, nhưng con vẫn chưa biết được chủ đích của Tổ'. Thầy bèn đánh thêm. Cứng đầu vô cùng. Cảnh đã bị đoạt rồi, lại mọc ra lần nữa. Giống như cây hẹ, cắt lá hẹ này thì lá hẹ khác mọc ra. Đó là những chứng bệnh trầm kha của con người. Lòi ra một cái đầu, vừa chặt đứt cái đầu này lại lòi ra một cái đầu khác.

Tất cả những cái đó đều là bẫy sập. Tìm hiểu tất cả những cái đó không có ích lợi gì cho sự thực hiện tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân cả. Dù biết được con chó có Phật tánh hay không có Phật tánh, dù biết được đại ý Phật pháp là gì, dù biết được chủ ý của tổ Đạt Ma là gì, thì những cái đó đều không giúp gì được cho ta trong phương diện tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân (chỗ nào mình cũng làm chủ được mình, và ở vào vị trí nào mình cũng giữ được con người chân thật của mình,

https://thuviensach.vn

cũng giữ được nhân cách của mình). Đắc chân là bảo tồn được con người thật của mình. Ta không bán rẻ linh hồn của ta, dù ở địa vị nào ta cũng có thể làm được như vậy. Phải đoạt tất cả những cảnh đó. Khi người thiền sinh hỏi một câu hỏi, nếu câu hỏi đó có mục đích tìm cầu, có mục đích thỏa mãn một giáo điều, thỏa mãn những tìm cầu của tri thức, thì vị thiền sư phải chặt cho đứt, phải đoạt cho được cái cảnh đó, vì những cái đó vô ích. Người ta đã phí hết cuộc đời của họ trong sự tìm cầu, ta phải đoạt cho hết những cái đó. Nếu cần thì đánh. Nếu cần thì hét. Có khi đoạt bằng cây gậy, có khi đoạt bằng tiếng hét. Đó là những phương tiện rất mạnh. Nếu cần thì đánh, nếu cần thì hét. Đánh và hét, người ta nói đó là những thi thiết thuộc về thiền Lâm Tế. Làng Mai cũng thuộc thiền Lâm Tế, nhưng không có đánh và cũng không có hét. Nhưng học nhân có thể trở về và mắc kẹt vào chủ thể nhận thức, nghĩ rằng mình đã thoát được đối tượng nhận thức. Khi cảnh bị đoạt rồi, ta nghĩ rằng ta đã thoát được đối tượng nhận thức. Nhưng chủ thể nhận thức làm gì có, nếu đối tượng nhận thức không có? Ví dụ, ta ăn xôi hay là ăn muesli. Cảnh tức là xôi hay muesli. Nếu bỏ xôi, bỏ muesli đi, thì không có chuyện ăn. Ăn, luôn luôn là ăn cái gì. Không có xôi, không có mueslei, thì sẽ không có chuyện ăn. Thành ra, không có đối tượng nhận thức thì chủ thể nhận thức cũng không có. Cho nên trở về để bám víu vào chủ thể nhận thức cũng không được. Cho nên đoạt cảnh xong cũng phải đoạt người. Tâm của ta luôn luôn có đối tượng. Tâm không có đối tượng thì không phải là tâm. Ví dụ, khi giận là ta giận cái gì, giận ai, thì mới có cái giận được. Khi buồn là ta buồn ai, và buồn cái gì, thì mới có cái buồn được. Không thể có giận, có buồn mà không có đối tượng của cái giận, của cái buồn được. Khi nhận thức một điều gì, ta phải có đối tượng nhận thức thì mới có nhận thức. Người Tây phương cũng thấy được điều đó. Người Tây phương nói rằng: 'Consciousness is always consciousness of something'. Tức là không thể nào có chủ thể nhận thức nếu không có đối tượng nhận thức. Điều này rất căn bản, là điều Bụt dạy. Hầu hết mọi người nghĩ rằng có một cái tâm sẵn đó: cái tâm đó đi ra ngoài để thấy, nghe, suy nghĩ và đi tìm đối tượng. Giống như ta có sẵn một cái thước ở trong túi và có thể lấy cái thước đó ra để đo bề ngang, bề dọc, bề dài, bề cao. Cái tâm không phải như cái thước. Nó không có sẵn

https://thuviensach.vn

bên trong để ta đem ra nhận thức cái này hay cái kia. Nhận thức luôn luôn bao hàm đối tượng nhận thức và chủ thể nhận thức. Chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức nương vào nhau mà có mặt cùng một lần. Cũng như là phải với trái, trên với dưới, hai cái phải đi đôi với nhau, không thể nào có một cái trước rồi cái kia có sau được. Vì vậy cho nên đoạt cảnh tức là đoạt luôn cả người (đoạt nhân). Nếu ta nghĩ rằng cảnh đã đoạt rồi, mà người vẫn còn, thì vẫn thất bại. Cho nên đoạt cảnh xong cũng phải đoạt người. Người ta không bị kẹt vào trần cảnh, nhưng người ta cũng có thể bị kẹt vào chủ thể (tâm). Tâm là kiến phần, cảnh là tướng phần. Nếu nghĩ rằng bỏ tướng phần để có thể trở về kiến phần là không đúng, vì kiến phần không thể nào có được nếu không có tướng phần. Đoạt cảnh mà giúp người ta đừng kẹt vào người thì hay rồi, nhưng nếu người ấy còn kẹt vào nội hướng, vào chủ thể thì phải đoạt luôn. Vì vậy đoạt cảnh rồi phải đoạt nhân luôn. Có khi đoạt người có thể giúp cho người kia thoát luôn cả cảnh cùng một lúc. Đó là những phương tiện đánh phá, cởi trói, trị bệnh, có gì là thần kỳ bí hiểm? Nếu ta coi những công án, những tiếng hét, những cái đánh là thần kỳ bí hiểm, thì ta lầm. Tất cả những cái ấy đều là phương tiện để đoạt cảnh và đoạt nhân, giống như cây búa, cái cưa, không có gì là bí hiểm cả. Không có gì bí hiểm mà phải đi tìm cầu. Nếu ta đọc những đoạn văn ấy để rồi đi tìm cầu những ý nghĩa sâu sắc mà ta tin là có mặt bên trong đó là thất bại. Đọc một công án rồi đi tìm cầu những ý nghĩa triết học sâu sắc nằm trong công án, đó là một thất bại, vì đó là sự tìm cầu. Sự tìm cầu đó là cảnh. Do đó phải đoạt cảnh, đoạt cảnh xong phải đoạt luôn cả nhân.

Kiến giải chân chính không phải là kết quả của công phu nghiên tầm học hỏi. Kiến giải chân chính là cái thấy sâu sắc về tính không sinh không diệt, không người không ta, không có không không của vạn pháp. Thấy được là thấy ngay, không thấy được thì có nói qua nói lại nhiều lần cũng vô ích. Cho nên đệ nhất cú, câu khai thị đầu, là cơ hội duy nhất. Đánh mất cơ hội này thì đánh mất hết. Đệ nhị cú là sự vớt vát. Đệ nhị cú chỉ là sự an ủi. Đệ tam cú là sự thất bại hoàn toàn. Tứ liệu giản không có gì bí hiểm thì tam huyền, tam yếu cũng như tiếng hét và cây gậy, cũng không có gì là bí hiểm. Trong quá trình học hỏi

https://thuviensach.vn

và tu chứng, công phu tham vấn được dựa trên nguyên tắc chủ và khách. Chủ đáng lý là phải độ được khách. Chủ là người thiện tri thức và khách là người đến tham vấn. Có khi khách giúp được chủ. Có khi khách giúp được khách. Có khi chủ giúp được khách. Có khi chủ giúp được chủ. Có khi chủ và khách đều giúp được nhau. Có khi chủ và khách làm hại cho nhau. Đó là những trường hợp ta có thể nhận diện nếu ta có được trực giác của chánh kiến. Cũng không có gì là bí hiểm trong tứ tân chủ.

Kiến giải chân chính là chánh kiến. Chánh kiến chỉ có thể có được do công phu tu chỉ và tu quán mà không phải là kết quả của công phu nghiên tầm học hỏi. Kiến giải chân chính là cái thấy sâu sắc về tính không sinh không diệt, không người không ta, không có không không của vạn pháp. Cái thấy này không phải là kiến thức khái niệm. Cái thấy này là tuệ giác. Tuệ giác về tính không sinh không diệt, không người không ta, không có không không. Mà thấy được là thấy ngay, không thấy được thì có nói qua nói lại nhiều lần cũng vô ích. Cho nên đệ nhất cú, câu khai thị đầu, là cơ hội duy nhất. Trong truyền thống thiền Lâm Tế, người ta nói tới tam cú tức là ba câu nói. Câu thứ nhất (đệ nhất cú) là phương tiện khai mở. Nhờ câu nói này mà ta có cơ hội thấy được, ta có cơ hội có được tuệ giác, có được sự giác ngộ. Nếu câu nói đầu không có khả năng giúp cho ta khai mở được cái thấy là ta thất bại rồi. Cho nên vị thiền sư có cố gắng nói câu thứ hai và thứ ba cũng vô ích mà thôi. Cho nên đệ nhất cú, câu khai thị đầu, là cơ hội duy nhất, đánh mất cơ hội này thì đánh mất hết. Khi thầy nói với ta một câu mà ta ngơ ngơ ngẩn ngẩn thì cũng giống như khi ta đang chết đuối được thầy đưa cho một cây sào mà ta bắt trượt. Đó là câu khai thị đầu. Thành ra có nói qua nói lại, có giải thích cũng vô ích, vì ta đã thất bại rồi. Giống như bật đèn, nếu bóng sẵn sàng và không bị hư, thì khi bật công tắc nó sẽ sáng liền, còn nếu bóng bị hư thì có bật năm sáu lần nó cũng không sáng. Vậy thì đừng tiếp tục vô ích, đừng có hỏi đi hỏi lại. Câu đầu là đủ rồi. Câu đầu là cơ hội duy nhất của ta. Đệ nhất cú là quan trọng. Trong liên hệ với thầy, câu khai thị đầu của thầy là câu quan trọng nhất. Nếu ta không thấy, không đạt được tuệ

https://thuviensach.vn

giác ngay từ đầu, thì thầy có cố gắng nói thêm một vài câu nữa cũng vô ích.

Có một lần, vua Lý Thái Tông đi vào gặp một vị thiền sư ở trong núi. Nhà vua hỏi: 'Thiền sư ở trong núi này được bao nhiêu năm rồi?' Thiền sư trả lời bằng hai câu thơ:

Đản tri kim nhật nguyệt
Hà thức cựu xuân thu?

Đản tri kim nhật nguyệt là chỉ biết ngày hôm nay, giờ hôm nay. Hà thức cựu xuân thu là tại sao phải đi tìm những mùa xuân, những mùa thu ở trong quá khứ. Ý của thiền sư là: Vua hỏi câu đó để làm gì? Quan trọng là giây phút hiện tại, chúng ta đang có cơ hội ngồi với nhau bây giờ và ở đây này. Tại sao phải hỏi những câu đó? Hỏi có ích lợi gì đâu. Ta phải biết an trú trong hiện tại. Cho nên gặp tôi mà hỏi 'Thầy về Loubès Bernac được bao nhiêu năm rồi?' là rất vô ích. Hỏi như vậy tức là mình không có câu hỏi nào khác. Vua lại hỏi: 'Như vậy nghĩa là làm sao? Xin thầy cắt nghĩa cho'. Thiền sư nói: 'Đa ngôn (nói nhiều) vô ích'. Không nói nữa. Vì vậy ăn thua là ở câu đầu. Câu đầu mà trượt rồi thì có nói thêm cũng vô ích. Nói thêm chẳng qua chỉ để cho người ta góp nhặt thêm một vài kiến thức, khái niệm, còn tuệ giác thì không có. Thấy được là thấy ngay, không thấy được thì có nói qua nói lại nhiều lần cũng vô ích. Cho nên khi pháp đàm, mình phải thấy được tinh thần đó. Người nói, phải có cái gì đó để nói thì mới nói, mà cái ta nói đó không đánh động được tuệ giác trong con người của ta và của kẻ khác thì đó là một sự thất bại, thất bại cho cả hai bên.

Đệ nhị cú là sự vớt vát. Câu thứ hai là sự vớt vát. Nó chỉ cho ta thêm một vài khái niệm. Nó làm thỏa mãn một vài nhu yếu của trí năng. Trong tinh thần của thiền, đệ nhất cú là cơ hội duy nhất. Nếu trượt qua rồi, hỏi thêm để có câu trả lời thứ hai thì đó chi? là sự vớt vát. Đệ nhị cú là một sự an ủi, vớt vát. Đệ tam cú là sự thất bại hoàn toàn. Đó là tinh thần của tam cú.

Nếu tứ liệu giản không có gì bí hiểm thì tam huyền, tam yếu cũng như tiếng hét và cây gậy, cũng không có gì là bí hiểm. Tứ liệu giản là

https://thuviensach.vn

bốn phương pháp tiếp xử và giúp cho thiền sinh: đoạt cảnh bất đoạt nhân, đoạt nhân bất đoạt cảnh, nhân cảnh câu đoạt và nhân cảnh bất câu đoạt. Thứ nhất là đoạt cảnh không đoạt người, thứ hai là đoạt người không đoạt cảnh, thứ ba là vừa đoạt người vừa đoạt cảnh và thứ tư là không đoạt người cũng không đoạt cảnh. Không đoạt cảnh cũng không đoạt người vì người đó là một cao sĩ, người đó là một thiện tri thức, người đó không cần bị đoạt cái gì hết. Đó là bốn cách tiếp xử của thiền sư Lâm Tế. Đây là những phương pháp tiếp xử của Tổ mà không phải là những tư tưởng kỳ bí khiến ta phải nặn óc mà học hỏi. Có khi là tứ liệu giản, có khi là tam huyền, có khi là tam yếu và có khi là sử dụng tiếng hét và cây gậy, tất cả những cái đó đều là những dụng cụ, những phương tiện để cởi trói và trị liệu, không có gì là bí hiểm. Vì vậy một thiền sinh mà đi học hỏi và tìm hiểu những tư tưởng huyền bí trong đó thì người ấy đã đi lạc đường.

Trong quá trình học hỏi và tu chứng, công phu tham vấn được dựa trên nguyên tắc chủ và khách. Chủ đáng lý là phải độ được khách. Chủ là thiện tri thức, là thầy. Khách là thiền sinh. Chủ là người thiện tri thức và khách là người đến tham vấn. Có khi khách giúp được chủ. Đôi khi ta là giáo thọ, nhưng kỳ thực ta còn dở hơn người thiền sinh đến tham vấn mình. Có khi khách giúp được khách. Có khi chủ giúp được khách. Có khi chủ giúp được chủ. Có những trường hợp như vậy. Có khi chủ và khách đều giúp được nhau. Có khi chủ và khách làm hại cho nhau. Cột cho nhau thêm những sợi dây khác nữa. Đó là điều ta có thể thấy được trong khi ta đọc những câu vấn đáp, nghe những cuộc đàm luận. Đó là những trường hợp ta có thể nhận diện nếu ta có được trực giác của chánh kiến. Cũng không có gì là bí hiểm trong tứ tân chủ. Trong bốn liên hệ khách và chủ (tứ tân chủ) cũng vậy, không có gì là bí hiểm cả.

Tuệ giác không phải là kiến thức khái niệm. Tuệ giác có khả năng mang tới sống động và tự do trong giây phút hiện tại. Kiến thức không làm được việc ấy. Cho nên không hiểu thì bị đòn đã đành mà hiểu cũng bị đòn như thường, nếu 'hiểu' chỉ là kiến thức suông mà không phải tuệ giác. Nếu thấy được điều này, ta có thể cảm thông được với những gì đang xảy ra trong các cuộc đối diện: Ta không nên

https://thuviensach.vn

cố tìm trong các mẫu đối thoại và hành xử (khám biện) ấy những tư tưởng đặc thù hoặc những ý chỉ sâu sắc. Những gì ta thấy đang xảy ra giữa các đương sự là cơ hội của họ. Nếu đứng ngoài mà quán sát ta sẽ không thấy được gì. Nếu ta bước vào trong, đem hết sự sống của ta ra tham dự thì ta có thể có một cơ hội để tuệ giác bừng mở. Nếu bước vào trong mà ta không cảm được một cái gì hết, thì có nghĩa là trường hợp đó không phải là trường hợp của ta, thế thôi. Cũng như khi ta đứng ngắm một bức tranh siêu thực, ta đừng cố tìm hiểu nghĩa lý. Ta đừng nói là 'ta không hiểu'. Hiểu hay không hiểu ta cũng lãnh ba mươi gậy như thường. Tổ không có ý muốn khuyên ta chấm dứt sự học hỏi và thực tập giới, định và tuệ. Tổ chỉ muốn ta đừng mắc kẹt vào sự học hỏi và thực tập mà thôi. Học hỏi để trở thành học giả, tam tạng pháp sư, thuyết giảng thao thao bất tuyệt, Tổ không cần cái đó. Cái đó Tổ gọi là nghiệp địa ngục. Bản chất của nó là sự tìm cầu, không hẳn là sự tìm giải thoát mà là sự tìm cầu danh lợi. Ta cần học hỏi, ta cần hành trì, nhưng sự học hỏi và hành trì ấy phải có tác dụng giúp ta trở thành con người vô sự, con người giải thoát. Bằng không, những học hỏi và những thực tập đó chỉ là gông cùm.

Khi học Phật học tại các trường đại học, chúng ta có thể có được những kiến thức khái niệm về Phật pháp khá sâu sắc. Bây giờ đây, ở các trường đại học, người ta dạy một cách khá khoa học. Đứng về phương diện bác ngữ học (philology) cũng như về phương diện sử học (history), ta có thể nắm vững những gì ta đã học về Phật học, và khi nói ra có bằng cớ, bằng chứng rõ rệt. Đó là cái học ở các trường đại học. Nhưng cái học ở trong tu viện thì khác. Trong tu viện, ta đem những gì ta học ra và áp dụng ngay vào trong đời sống hàng ngày. Có thể trong tu viện, ta học không có tính khoa học bằng các trường đại học. Điều này ta cần phải sửa đổi: ta phải học cho có khoa học. Ta phải biết lợi dụng những khám phá mới của khoa học khảo cổ và khoa học bác ngữ. Điều này là điều chúng ta mong muốn sẽ xảy ra trong các Phật học viện trong những năm tới. Khoa khảo cổ học và khoa bác ngữ học soi sáng cho mình rất nhiều, đứng về phương diện tính chất xác thật của văn bản mình đang học. Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Suramgama) có hai bản: một bản là Lăng Nghiêm Tam Muội

https://thuviensach.vn

(Lăng nghiêm đại định) - có bản tiếng Phạn, phát xuất từ Ấn Độ; một bản là Đại Phật Đỉnh Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm, rất nổi tiếng ở Trung Quốc và Việt Nam. Kinh Thủ Lăng Nghiêm được sáng chế tại Trung Quốc. Đó là một sự thật mà các nhà khảo cổ học và các nhà bác ngữ học đều công nhận. Khi ta biết được như vậy thì rất có lợi ích cho ta về phương diện hiểu được tiến trình của tư tưởng Phật giáo. Bây giờ nhờ khoa bác ngữ học (philology) và khoa khảo cổ học (archaeology) mà người ta khám phá ra được nhiều điều về các kinh điển đại thừa: kinh nào xuất hiện ở địa phương nào và vào thời điểm nào ở Ấn Độ; đồng thời khám phá ra được những đoạn nào người ta thêm vào sau, và những đoạn nào có trước. Tất cả những điều đó ngày xưa tại các Phật học viện chúng ta không biết nhiều. Hiện bây giờ, các Phật học viện cần phải cải tiến, phải biết lợi dụng những khám phá mới khoa học để mà học Phật. Tuy nhiên, tu viện có đặc điểm mà các trường đại học không có được là khi mình học một kinh gì hay một giáo lý gì, chúng ta có thể đem ra thực tập liền. Thực tập như vậy có thể thay đổi được con người của ta, giúp ta chuyển hóa được những phiền não. Còn học ở trường đại học thì để có kiến thức khái niệm và bằng cấp. Ta có thể đậu bằng tiến sĩ Phật học, có thể giảng dạy được, có thể khảo cứu được, nhưng ta không có cơ hội chuyển hóa những khổ đau ở trong chính con người mình. Cho nên người tu không học theo kiểu chất chứa những kiến thức khái niệm mà là để chuyển hóa thân tâm. Trong Lâm Tế Lục, Tổ nói rằng kiến thức khái niệm là một chuyện mà tuệ giác là một chuyện khác. Tuệ giác tức là bát nhã (insight). Tuệ giác đó không thể do học mà có được, tuệ giác phải do thực tập mà có. Thực tập nhìn sâu thì có tuệ giác. Ví dụ, vô thường, vô ngã là những tuệ giác mà không phải là những kiến thức khái niệm. Chúng ta có thể học và hiểu rất thấu đáo về giáo lý vô thường và vô ngã; chúng ta có thể nói thao thao bất tuyệt về vô thường và vô ngã và có thể giảng những bài giảng rất hay về vô thường và vô ngã, nhưng chất liệu của những bài giảng đó hay những bài viết đó chỉ là kiến thức khái niệm. Trong lúc đó, trong đời sống hàng ngày, chúng ta vẫn sống như chúng ta không biết vô thường là gì, vô ngã là gì. Nhìn sự vật, chúng ta thấy sự vật là thường và chúng ta đối xử với những người khác như là những cái

https://thuviensach.vn

ngã biệt lập, và chính chúng ta, chúng ta cũng là một cái ngã. Vì vậy kiến thức khái niệm không thể chuyển đổi được con người của ta. Tuệ giác có khả năng mang tới sống động và tự do trong giây phút hiện tại. Nó làm ta trở thành con người sống động (alive) và tự do (free) trong giây phút hiện tại. Cái tự do đó, cái sống động đó xảy ra được trong giây phút hiện tại. Ta là người tu, ta phải cảm nhận được sự sống động đó và sự tự do đó trong giây phút hiện tại. Nếu trong giờ phút hiện tại mà ta bị ràng buộc, ta thấy không có sức sống, ta cảm thấy bị những phiền não sai sử, thì lúc đó tuy ta có học Phật nhiều, nhưng cái học của ta chỉ là những kiến thức khái niệm. Ta chưa biết áp dụng chúng vào trong đời sống hàng ngày. Ta không khác gì những người đi học Phật học tại trường đại học. Ta không có sự sống linh động: mắt ta không sáng, hai chân ta bước không có niềm tin, ta không có nụ cười, ta không có niềm vui và nhất là ta không có tự do, không có tự do đối với phiền não, tham, sân, và ganh tỵ. Trong giây phút hiện tại, ta không có hạnh phúc. Do đó ta biết là ta không có tuệ giác, ta chỉ có kiến thức mà thôi. Kiến thức không làm được việc đó, đó là việc của tuệ giác làm.

Ngày hôm kia, tôi có nói chuyện với một vị thượng tọa. Vị thượng tọa này nói rằng vị giáo thọ ngày xưa của ông ta nổi tiếng là một nhà khảo cứu Phật học, và công trình biên tập cũng như viết lách của vị giáo thọ đó đã được thế giới công nhận. Hiện bây giờ đến tuổi tám mươi hòa thượng đó (vị giáo thọ ngày xưa) lại không có hạnh phúc. Sức lực của vị hòa thượng đó không còn nữa, hai tay và hai chân ngài run rẩy. Những cái ngày xưa chưa thấy bộc lộ nơi hòa thượng bây giờ được bộc lộ ra. Ví dụ như cái ngã, cái sân, cái ích kỷ, cái dục, v.v... Ngày xưa còn trẻ, vị hòa thượng đã tìm cách trấn ngự chúng, không cho chúng biểu lộ, nhưng không có nghĩa là chúng đã được chuyển hóa và tiêu diệt. Bây giờ vì sức lực thân thể không còn, vị hòa thượng đó không có khả năng kiềm chế, cho nên cái ngã và những tâm hành phiền não, ham muốn, ích kỷ, sân hận kia biểu lộ ra. Vị thượng tọa rất lấy làm thất vọng về thầy của mình.

Vị hòa thượng kia đã thành công như là một nhà học giả (scholar), một nhà hành động (activist), nhưng chưa thành công như là một

https://thuviensach.vn

người tu. Đến tuổi bảy mươi, tám mươi mà chưa thành công, thì có thể coi như là một sự thất bại. Những người tu còn trẻ phải biết điều này: mục đích của người tu không phải để trở thành một nhà học giả, tuy rằng làm một nhà học giả cũng có ích lợi cho đời. Mục đích của người tu cũng không phải để hoàn thành những sự nghiệp nghiên cứu, mặc dù hoàn thành sự nghiệp nghiên cứu cũng có ích lợi cho đời. Ta học tiếng Phạn, học chữ Nho, học tiếng Tây Tạng, ta nghiên cứu, ta sáng tác, ta giảng dạy hay, v.v... cũng có ích lợi lắm. Nhưng những ích lợi đó không phải là sự giải thoát, không phải là sự chuyển hóa, vì mục đích đi tu lúc ban đầu của ta là để chuyển hóa bản thân và để giúp đời. Ta học tiếng Pali, tiếng Sanskrit, học chữ Hán hay học kinh điển; ta say mê, ta muốn thành công, ta muốn trở thành một vị pháp sư giỏi, một nhà nghiên cứu hay, v.v... chuyện đó cũng không có hại gì vì những cái đó đều có thể giúp cho sự nghiệp hành đạo của ta. Nhưng nếu bỏ chuyện tu đi, để cho sự nghiệp nghiên cứu và học hỏi trở thành mục tiêu chính của đời mình, thì ta sẽ đánh mất mục đích chính của đời ta là chuyển hóa những phiền não, đam mê, sân hận, ích kỷ... trong con người mình. Như vậy không thể gọi ta là một hành giả thành công được. Ví dụ, quý vị đang ở dưới lầu và quý vị cần một cuốn kinh ở thư viện trên lầu. Quý vị đứng dậy và đi lên cầu thang để tìm cuốn kinh đó. Mục đích của quý vị khi đi tìm cuốn kinh là gì? Quý vị đọc cuốn kinh đó là để tra cứu và hiểu rõ thêm để áp dụng vào đời sống hàng ngày hay là để giảng dạy? Từ chỗ quý vị đứng dậy, rồi đi lên lầu để lấy cuốn kinh đó, quý vị đi như thế nào? Quý vị đi một cách thảnh thơi hay là quý vị sẽ chạy hoặc là nhảy một lần hai, ba bậc cấp để lấy được cuốn kinh? Lấy cuốn kinh là mục đích của quý vị lúc đó, nhưng mục đích chính của quý vị là sống an lạc và thảnh thơi trong từng giây phút. Một ví dụ khác: trong lúc quý vị đang nấu ăn cho đại chúng và quý vị cần mươi trái cà chua ngoài vườn. Cái cách quý vị đi từ nhà bếp ra vườn rau để hái cà chua chứng tỏ quý vị có khả năng sống tự do trong giây phút hiện tại hay không. Nếu đi ra vườn hái cà chua mà trong mỗi bước đi có an lạc, có thảnh thơi, có tự do, có sự sống, đó là quý vị đang áp dụng cái hiểu, cái biết, cái thấy của mình về giáo lý trong từng bước chân. Điều đó quan trọng nhất. Còn nếu quý vị hấp tấp chạy ra vườn để có cà chua, thì quý vị phải tự

https://thuviensach.vn

hỏi lại mình rằng mục đích của mình là có cà chua hay là có tự do và giải thoát? Không lẽ mục đích của ta lúc đó chỉ là những trái cà chua nhỏ bé thôi sao? Cũng như vậy, mục đích của ta không phải chỉ là cuốn kinh. Mục đích của ta là có được sự sống tự do ngay trong giây phút hiện tại. Sống an lạc được trong giây phút hiện tại thì mới có cơ hội để chuyển hóa tâm hành bộp chộp và tập khí đi tìm hạnh phúc trong tương lai của ta. Vì vậy mỗi khi quý vị gấp gáp đi lấy một cái gì, đi tìm một cái gì, hay đi làm một việc gì, quý vị hãy tự hỏi mình: Mục đích của mình là cái đó, hay là an trú thảnh thơi trong giây phút hiện tại? Tôi rất cần mấy trái cà chua, nhưng không phải vì mấy trái cà chua mà tôi đánh mất sự thực tập của tôi, đánh mất sự sống của tôi. Lấy cuốn kinh cũng là quan trọng, nhưng không phải vì đi lấy cuốn kinh mà tôi đánh mất sự sống trong giây phút hiện tại, đánh mất tự do của tôi. Chỉ nghĩ tới trái cà chua hay là cuốn kinh, thì lúc đó ta đã bỏ mất mục đích chính của đời mình để đi theo mục đích phụ. Trở thành một nhà học giả cũng vậy, cũng không phải là mục đích chính của ta, dù làm một nhà học giả cũng có những niềm vui.

Tuệ giác có khả năng mang tới sống động và tự do trong giây phút hiện tại. Kiến thức không làm được việc ấy. Vì vậy cho nên không hiểu thì bị đòn đã đành mà hiểu cũng bị đòn như thường, nếu 'hiểu' chỉ là kiến thức suông mà không phải tuệ giác. Khi thiền sư nói ra một câu nào đó, ta có thể hiểu hay là không hiểu. Không hiểu thì ba mươi gậy, hiểu cũng bị ba mươi gậy. Đó là một đoạn trong Lâm Tế Lục. Ta không hiểu thiền sư nói gì thì bị đánh là thường, mà ta hiểu cũng bị đánh như thường. Tại vì sao? Tại vì cái hiểu đó là cái hiểu khái niệm. Vì thế khi thầy hỏi ta một câu, mục đích của thầy là để làm cho ta khơi mở được tuệ giác. Ta chạm được tuệ giác, thì ta thành công và thầy cũng thành công. Còn nếu ta đi tìm một câu trả lời trong khái niệm, thì tìm ra hay không tìm ra cũng đều là sự thất bại của mình và của thầy, vì cái mà thầy muốn không phải là một câu trả lời, hay một cái hiểu khái niệm. Cái mà thầy muốn là tuệ giác ta đạt được. Khi thầy hỏi một câu, không phải là thầy muốn ta trả bài. Thầy không có ý kiểm tra xem ta có thuộc bài hay không, mà câu hỏi đó là để giúp ta chạm được tới tuệ giác trong con người mình. Trong trường hợp ta

https://thuviensach.vn

nói là mình không hiểu thì ta thất bại đã đành, nhưng trong trường hợp ta nói mình hiểu (hiểu theo cái hiểu khái niệm) thì cũng thất bại luôn. Những mẩu đối thoại giữa thiền sư và thiền sinh thường là như vậy. Khi đệ tử của thiền sư Triệu Châu hỏi: 'Mục đích của tổ Đạt Ma khi sang Tàu là gì?', thì thiền sư Triệu Châu nói với đệ tử: 'Nhìn cây tùng ngoài sân kìa!' (Đình tiền bách thọ tử). Câu nói này là để giúp cho người đệ tử tỉnh thức, chứ không phải để cho đệ tử thấy rằng: 'A! có một cây tùng đang đứng trước ngõ'. Thiền sư thấy chúng ta đang bị kẹt vào những suy tư và những tìm cầu kiến thức, thiền sư thấy rất tội nghiệp cho chúng ta nên thiền sư mới chỉ ra ngoài: 'Nhìn cây tùng trước sân kìa', hy vọng là ta có thể trở về được với giây phút hiện tại. Chạm được vào cây tùng nghĩa là chạm được tới sự sống màu nhiệm thì ta thấy được là có sự sống ở trong mình và chung quanh mình, để ta không còn bị kẹt vào những tìm kiếm, đeo đuổi. Nhìn cây tùng mà chạm được sự sống thì ta có tự do, ta có tuệ giác. Còn nếu ta nói: 'A! Thầy vừa chỉ cho mình cây tùng, thì chắc là có ý nghĩa triết học gì sâu sắc lắm trong câu nói của thầy'. Trong trường hợp này ta cũng kẹt luôn. Câu 'Đình tiền bách thọ tử' đã trở thành một công án rất nổi tiếng bên Tàu ngày xưa. Câu chuyện truyền đi xa, và khắp nơi trong nước, trong giới hành giả, ai cũng đều bàn luận sôi nổi về câu 'đình tiền bách thọ tử'. Người ta mắc kẹt vào trong câu nói đó và cứ hỏi không biết có nghĩa lý gì sâu sắc ở trong câu nói đó hay không. Ai cũng cố gắng đi tìm cái nghĩa lý sâu sắc ở trong năm chữ đó. Mục đích của thiền sư là giải phóng người đệ tử, nhưng khi nói ra năm chữ đó thì thiền sư đã trói buộc không biết bao nhiêu người. Họ đi tìm kiến thức khái niệm, họ đi tìm nghĩa lý thâm uyên của năm chữ đó. Có phải là tai hại không? Thà rằng đừng nói gì hết.

Có một hành giả ở rất xa, tận miền Đông Nam, nghe công án đó thì rất thao thức muốn biết nghĩa lý thâm uyên của nó nên đã lên đường tìm về chùa Bách Lâm (nơi thiền sư Triệu Châu ở). Đi hết mấy tháng trời, nhưng khi vị ấy tới nơi thì thiền sư Triệu Châu đã tịch. Mục đích của vị đó là muốn gặp trực tiếp thầy Triệu Châu để hỏi cho ra ý nghĩa 'đình tiền bách thọ tử', vì ở địa phương của vị đó, người ta đàm luận quá nhiều mà không ai đồng ý với ai hết về nội dung của năm chữ

https://thuviensach.vn

kia. Lúc đó, một vị đệ tử lớn của thiền sư Triệu Châu ra tiếp vị khách tăng này. Cố nhiên là vị khách tăng rất thất vọng khi nghe nói thiền sư Triệu Châu đã viên tịch. Thiền sư tịch rồi thì mình đành phải hỏi vị đệ tử lớn thôi, cho nên vị ấy đã đưa công án ra hỏi:

- Bạch thượng tọa, 'cây tùng ngoài sân trước' là có nghĩa gì?

Vị thượng tọa hỏi:

- Cây tùng nào?

- Cây tùng mà thiền sư đã nói trong câu 'cây tùng ngoài sân trước' đó.

Vị thượng tọa nói:

- Tôi đâu có nghe thầy tôi nói về cây tùng nào đâu.

- Đâu có lý như vậy! Cả nước đều nghe câu đó hết mà?

Vị thượng tọa nói:

- Thầy đừng có vu oan giá họa cho thầy tôi. Thầy tôi chưa bao giờ nói về cây tùng ở sân trước hết.

Vị thượng tọa này thấy rằng, năm chữ 'đình tiền bách thọ tử' đã gây ra tác hại rất nhiều, đã trói buộc rất nhiều người, vì vậy ông quyết định giết cây tùng này. Tuy rằng ông biết ngày xưa thầy mình có nói câu đó, nhưng mà ông cứ chối phăng: 'Ông đừng có vu oan giá họa cho thầy tôi. Thầy tôi chưa bao giờ nói về cây tùng ở sân trước hết'. Đạo Bụt có mục đích giúp cho người ta đạt tới tuệ giác. Nhưng phần lớn chúng ta đều là những người đi tìm kiếm kiến thức khái niệm để rồi bị kẹt. Chúng ta phải ý thức rằng chúng ta đừng nên tiếp tục đi tìm kiến thức khái niệm nữa. Khi gặp một thiền sư thứ thiệt thì ta đừng bỏ phí thì giờ để học hỏi những kiến thức khái niệm. Cái đó học ở trường đại học đã có đủ rồi. Ta nên học những gì để có thể chuyển hóa những khổ đau và những bế tắc của mình. Những lời thầy ta nói, nếu thầy ta quả là thiện tri thức, thì những lời đó có tác dụng giúp ta chạm được vào sự sống, bỏ được những thành kiến, chuyển hóa được

https://thuviensach.vn

những phiền giận và tập khí. Vì mục đích của vị thầy là giúp người đệ tử chuyển hóa, chứ không phải để trao truyền những kiến thức khái niệm. Thiền sư (zen master) không phải là giáo sư (professor). Thiền sư Lâm Tế đã nói rất rõ: 'Mục đích của tôi không phải là trao truyền những kiến thức khái niệm cho mấy ông. Mục đích của tôi là đánh, là phá, là cởi trói, là trị liệu cho các ông.'

Nếu thấy được điều này, ta có thể cảm thông được với những gì đang xảy ra trong các cuộc đối thoại. Đọc trong các ngữ lục, chúng ta thường thấy có những cuộc đối thoại giữa thiền sư và đệ tử. Chúng ta cũng tò mò muốn biết ý nghĩa của các cuộc đối thoại đó, và nếu đọc những đoạn đối thoại đó với mục đích tìm kiếm ý nghĩa của cuộc đối thoại đó thì ta thất bại. Trong cuộc đối thoại có hai người: một vị thầy và một người đệ tử, một vị thiện tri thức và một người cầu học hay một người chủ và một người khách. Chủ, theo nguyên tắc, là phải giúp cho khách. Nhưng đôi khi cũng xảy ra trường hợp là khách giúp cho chủ, tức là người tìm học có thể giúp được cho thiền sư. Trong những trường hợp đó, hai người trực tiếp đối diện với nhau, và họ có những tâm tư đặc biệt của họ, còn ta là người đứng ngoài. Khi đọc một mẫu đối thoại giữa thiền sư và người đệ tử, ta là người đứng ngoài. Nếu đứng ngoài với tư cách một quan sát viên để tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, thì mình sẽ thất bại. Nhưng nếu đặt được ta vào trong trường hợp của người hỏi, người đệ tử, thì ta có cơ hội hơn. Nghĩa là khi nghe thiền sư hỏi câu đó, ta đặt được ta vào trong trường hợp của người đệ tử tới tham học, thì ta có một cơ hội để tiếp xúc với tuệ giác của mình. Ta có thể cũng sẽ thất bại như người ở trong cuộc, nhưng ta cũng có cơ hội thành công. Ta trở thành người đệ tử kia, và thiền sư Triệu Châu hiện đang nói với ta chứ không phải là đang nói với người đệ tử kia. Người đệ tử ở trong truyện có thể thất bại, nhưng ta có thể thành công. Thiền sư nói câu đó một ngàn ba trăm năm về trước với vị thiền khách kia, nhưng vị thiền khách kia đã thất bại. Đến khi ta đọc lại câu chuyện mà ta không đọc với thái độ tìm kiếm kiến thức khái niệm, thì ta có thể có cơ hội thành công. Ta 'làm ăn' có thể khá hơn vị thiền khách kia nếu ta đưa tất cả tấm lòng ra đón nhận câu nói của thiền sư. Có những điều Bụt nói trong thời của Bụt mà có

https://thuviensach.vn

người không hiểu, nhưng khi ta nghe, ta có thể hiểu được nếu ta thấy rằng Bụt đang nói cho mình. Cố nhiên, khi Bụt nói cho một người nào đó là Bụt đang đối trị căn cơ của người đó, nhưng đôi khi căn cơ ta phù hợp với căn cơ đó thì ta có cơ hội thấy được, cảm được điều Bụt nói. Vì vậy khi đọc ngữ lục, phải đọc với tâm niệm mình là đương sự. Và nếu chạm được tuệ giác, thì đó là điều may mắn, còn không chạm được tuệ giác thì thôi, đừng cố tìm hiểu nghĩa lý huyền bí gì ở trong đó, vì nếu ta có tìm ra được gì đi nữa thì đó cũng chỉ là kiến thức khái niệm mà thôi. Đừng nên đi tìm! Vậy mà hầu hết các nhà học giả bây giờ đọc Lâm Tế Ngữ Lục và những ngữ lục khác với mục đích là đi tìm kiếm. Đi tìm để biết Tổ nói cái gì trong đó. Tổ có nói gì đâu. Tổ chỉ đánh, chỉ đập, chỉ hét, chỉ khai mở, chỉ cởi trói. Tổ không nói gì mà ta đi tìm cái Tổ nói là hỏng rồi. Mục đích của Tổ là đập vỡ khối u mê của ta, cởi trói cho ta. Vì vậy khi đọc những mẫu đối thoại kia, ta có một cơ hội. Nhưng nếu ta không ở vào căn cơ đó, đọc mà không cảm thấy gì hết, thì ta cứ cho qua thôi, đừng tự cho là mình dốt, mình không hiểu gì hết, mình ngu. Không nên có mặc cảm! Công án đó, câu chuyện đó có thể không phải là để cho ta. Cũng như khi nghe một bản nhạc mà thấy hay thì nó hay, còn không thấy hay thì thôi, đừng cho là mình ngu, mình không biết thưởng thức bản nhạc này. Hoặc là ta nghe nói có một bức họa bán rất đắt tiền, cả triệu đồng, ta nghĩ chắc là nó phải đẹp lắm, nên người ta mới bán với giá đó, và ta tới xem. Nhưng ta không thấy đẹp, rồi ta tự trách: tại sao mình ngu vậy, bức họa này rất đẹp, mà sao mình không thấy đẹp? Không cần phải tự trách như vậy. Nếu ta thấy nó đẹp, thì nó đẹp. Nếu ta không thấy nó đẹp, thì thôi. Đừng có đi tìm hiểu tại sao nó đẹp mà ta không thấy là nó đẹp. Đi tìm hiểu thì không khác gì ta là đồ ngu thiệt. Thành ra, khi đọc các mẫu đối thoại trong các ngữ lục thì phải coi như là ta đang đi xem trăng, đang nghe nhạc: một là cảm được, hai là không cảm thấy gì hết, và ta hãy đi qua bức tranh khác, đi qua bản nhạc khác. Như vậy ta đỡ tốn thì giờ rất nhiều. Vì vậy cho nên không hiểu thì bị đòn đã đành mà hiểu cũng bị đòn như thường, nếu 'hiểu' chỉ là kiến thức suông mà không phải tuệ giác. Nếu thấy được điều này, ta có thể cảm thông được với những gì đang xảy ra trong các cuộc đối thoại: Ta không nên cố tìm trong các mẫu đối thoại và hành xử (khám biện) ấy

https://thuviensach.vn

những tư tưởng đặc thù hoặc những ý chỉ sâu sắc. Những gì ta thấy đang xảy ra giữa các đương sự là cơ hội của họ. Nếu đứng ngoài mà quán sát ta sẽ không thấy được gì. Nếu ta bước vào trong, đem hết sự sống của ta ra tham dự thì ta có thể có một cơ hội để tuệ giác bừng mở. Nếu bước vào trong mà ta không cảm được một cái gì hết, thì có nghĩa là trường hợp đó không phải là trường hợp của ta, thế thôi. Cũng như khi ta đứng ngắm một bức tranh siêu thực, ta đừng cố tìm hiểu nghĩa lý. Ta đừng nói là 'ta không hiểu'. Hiểu hay không hiểu ta cũng lãnh ba mươi gậy như thường. Tổ không có ý muốn khuyên ta chấm dứt sự học hỏi và thực tập giới, định và tuệ. Tổ chỉ muốn ta đừng mắc kẹt vào sự học hỏi và thực tập mà thôi.

Đừng nói Tổ bảo ta không nên học. Ta phải học như thường. Ta vẫn phải học chữ Hán, tiếng Pháp, tiếng Sanskrit, tiếng Pali, và ta phải học kinh, học giới và học luật như thường. Nhưng phải học theo tinh thần Tổ dạy: học để mà tu, chứ không phải học để thành học giả. Tổ chỉ muốn ta đừng mắc kẹt vào sự học hỏi và thực tập mà thôi. Học hỏi để trở thành học giả, tam tạng pháp sư, thuyết giảng thao thao bất tuyệt, Tổ không cần cái đó. Cái đó Tổ gọi là nghiệp địa ngục. Muốn trở thành, muốn làm học giả, anh cũng xuống địa ngục như thường, vì anh tham danh, vì anh muốn làm nhà lãnh đạo. Làm tam tạng pháp sư anh cũng đi xuống địa ngục như thường. Cái đó Tổ gọi là nghiệp địa ngục. Bản chất của nó là sự tìm cầu, không hẳn là sự tìm cầu giải thoát mà là sự tìm cầu danh lợi. Ta cần học hỏi, ta cần hành trì, nhưng sự học hỏi và hành trì ấy phải có tác dụng giúp ta trở thành con người vô sự, con người giải thoát. Bằng không, những học hỏi và những thực tập đó chỉ là gông cùm. Chuyện này ta làm được. Nếu sư cô muốn hái cà chua, thì sư cô cứ ra vườn hái, nhưng đi từ bếp ra vườn phải thảnh thơi, an lạc, giải thoát trong từng bước chân. Mục đích của sư cô không phải là trái cà chua mà mục đích của sư cô là thảnh thơi, an lạc. Có phải như vậy không? Sư chú lên lầu lấy cuốn kinh. Điều đó được chứ sao không. Nhưng lấy cuốn kinh không phải là mục đích của đời mình. Lấy cuốn kinh là việc thứ yếu, cái việc chính là an lạc, giải thoát. Vì vậy từ chỗ đang ngồi, đứng dậy, lên lầu lấy cuốn kinh sư chú phải đi từng bước, đi cho có giải thoát, có an lạc. Đối trị được

https://thuviensach.vn

cái tập khí muốn chạy theo danh lợi, chạy về tương lai, sự thực tập giải thoát này phải có trong từng giây từng phút. Cái gì là mục đích chính của đời ta? Mục đích chính của đời ta là trở thành người học giả, người lãnh đạo, hay mục đích chính của đời ta là có được an lạc, hạnh phúc, tự do? An lạc, hạnh phúc, tự do có thể có trong giây phút hiện tại, chứ không phải trong tương lai.

Trong khóa tu tiếng Pháp tại Làng vừa rồi, các thiền sinh rất hạnh phúc. Thiền sinh Pháp về Làng trong khóa tu giống như là con về nhà cha mẹ mỗi năm. Họ rất vui. Họ không thể không về được. Người Pháp được về dự khóa tu tiếng Pháp thì rất hạnh phúc. Cũng giống như người Việt về dự khóa tu tiếng Việt. Tạo hạnh phúc cho một người đã là chuyện may mắn, chuyện hy hữu rồi, huống hồ là có cơ hội tạo hạnh phúc cho cả sáu bảy trăm người. Trong khóa tu ấy, tất cả chúng thường trú chúng ta, các thầy, các sư cô, các cư sĩ, người nào cũng đem hết tài năng của mình ra để đóng góp. Ban nấu nướng làm đủ mọi cách để làm hạnh phúc cho thiền sinh. Ban văn phòng làm hết tất cả những gì mình có thể làm được để thiền sinh có hạnh phúc. Ban giáo thọ cũng vậy. Và mỗi người trong chúng, trong cương vị của mình, sử dụng tài năng và trái tim của mình để làm cho thiền sinh có hạnh phúc. Công trình đó là công trình của tập thể, không phải là công trình một người ở trong chúng. Điều này là một điều rất đẹp. Chúng ta làm như vậy không phải là để được tiếng khen, dầu là khi nghe khen, mình cũng thấy vui vui. Nhưng sự thật làm như thế là để thực tập. Khi chúng ta thấy được và biết được qua ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, những người thiền sinh có chuyển hóa, thì ta có rất nhiều niềm tin vào pháp môn của mình. Niềm tin đó được tưới tẩm. Đó là một điều ích lợi. Ta biết rất rõ là nếu ta không thảnh thơi, không an lạc, thì ta không thể nào giúp được cho những thiền sinh tới với mình. Và ta biết rằng, nếu niềm an lạc, sự thảnh thơi của ta càng lớn, thì những người thiền sinh tới với ta càng được thừa hưởng nhiều. Cho nên sự có mặt của những người thiền sinh cũng là trợ duyên cho chúng ta tu tập. Một khóa tu thành công, không phải chỉ là thành công cho những người thiền sinh mà cũng là thành công cho chính chúng ta. Chúng ta thấy được rằng chúng ta đang đi trên

https://thuviensach.vn

một con đường chân chính, một con đường đẹp, một con đường đáng đi. Chúng ta thấy được rằng, nếu muốn sự nghiệp hành đạo của chúng ta thành công hơn trong tương lai, chúng ta phải hạ thủ công phu về phương diện tu tập trong giây phút hiện tại. Bởi vì mỗi bước chân, mỗi hơi thở, mỗi nụ cười của chúng ta đều có thể đem lại hạnh phúc cho chúng ta và cho những người khác. Do đó, những buồn phiền, những giận hờn, những bế tắc của ta, ta phải biết xử lý nó. Đó chính là đối tượng của sự tu học của ta, và ta đã có những pháp môn rất rõ ràng, rất hữu hiệu để làm được chuyện này. Vì vậy mỗi ngày chúng ta đều có tiến bộ trong công trình chuyển hóa, đồng thời sự học hỏi của chúng ta sẽ có ý nghĩa hơn và sẽ giúp cho chúng ta thêm trong vấn đề tu tập chuyển hóa. Còn nếu chúng ta chỉ nghĩ đến sự học hỏi kiến thức khái niệm, thì chúng ta cũng sẽ như vị hòa thượng kia, tới bảy mươi, tám mươi tuổi rồi, có danh, có địa vị, nhưng không có giải thoát. Đó là một điều đáng tiếc.

Con người vô sự là con người tùy xứ tác chủ nên không phải là con người thụ động. Trái lại, người ấy luôn luôn đứng về phía chủ động. Ta không thể nào nói rằng: nếu người tu đạo không theo đuổi một chí hướng, không thao thức thực hiện một lý tưởng, không có mục đích theo đuổi, thì ai sẽ là người tế độ chúng sinh, cứu vớt những loài đang chìm đắm trong biển khổ? Bụt là một người vô sự, không tìm kiếm một cái gì. Nhưng Bụt là một người hoạt động độ sinh không ngừng nghỉ. Con người vô sự tuy rất tích cực trong việc giúp đời độ người, nhưng không bao giờ bị kéo theo hoàn cảnh và công việc, không bao giờ đánh mất mình trong mong cầu, trong dự án, trong công việc. Con người vô sự luôn luôn còn là mình, còn tự do, không bao giờ bị 'burn out' (hết xí quách), cho nên con người vô sự còn mãi thong dong.

Chữ vô sự ở đây có thể hiểu là tự do, có thể hiểu là không bị những tham muốn, những dự án kéo mình đi. Tùy xứ tác chủ là bất cứ ở đâu ta cũng làm chủ được mình. Vì vậy người nào có thể tùy xứ tác chủ thì người đó đích thực là người vô sự. Ta đã là người vô sự rồi thì ta có khả năng tùy xứ tác chủ, ta không phải là con người thụ động (passive). Thụ động tức là để cho người ta kéo đi, để cho hoàn cảnh

https://thuviensach.vn

kéo đi, ta không tự chủ được. Ta thấy ta là nạn nhân của hoàn cảnh, là nạn nhân của người khác. Ta than phiền rằng: tại vì hoàn cảnh như thế kia cho nên tôi mới như thế này; tại vì người kia như thế kia, cho nên tôi mới phải lao đao khốn khổ như thế này. Ta cảm thấy ta là nạn nhân. Và khi thấy mình là nạn nhân thì ta sẽ oán trời trách đất, nguyền rủa xã hội, nguyền rủa hoàn cảnh, nguyền rủa con người. Con người vô sự là con người không thấy mình là nạn nhân. Thấy mình là nạn nhân rồi thì ta không có ý chí, ta không còn chủ động (active), ta trở nên thụ động (passive). Trái lại con người ấy luôn luôn đứng về phía chủ động. Con người đó luôn luôn đặt ra câu hỏi: Trong tình trạng này, mình phải làm gì? Mình phải làm gì để cho tình trạng tốt đẹp ra? Mình phải làm gì để cho tình trạng chuyển đổi? Mình phải làm gì để có thể thay đổi được tình trạng, thay đổi được những người chung quanh? Nếu nhìn lại cho kỹ, ta sẽ thấy rằng không có người nào mà đã không là nạn nhân của xã hội và của những người khác. Tại vì trong xã hội có những u mê, có những bạo động, có những căm thù, có những thèm khát, và con người bị trấn ngự bởi những yếu tố đó, cho nên con người làm khổ nhau, làm khổ những loài khác, làm khổ cho hoàn cảnh. Vì vậy nói tới nạn nhân thì không có ai không là nạn nhân. Bị người ta hành hạ, bị người ta đè nén, bị người ta lạm dụng, bị người ta làm cho bầm dập..., không có người nào tránh thoát được những trường hợp như vậy, kể cả Siddhartha (Tất đạt đa). Siddhartha trước khi thành Phật và ngay sau khi thành Phật cũng đã từng bị như vậy. Ta nên nhớ rằng trong ta cũng đang có những yếu tố của vướng mắc, của tham dục, của thèm khát, của giận hờn, của bạo động và của kỳ thị. Vì vậy có những người đã từng là nạn nhân của ta, có những người đang là nạn nhân của ta. Vì ta có u mê, có giận hờn, có vụng về và kỳ thị trong tự thân, cho nên ta đã gây khổ đau cho chính ta và cho người khác. Nạn nhân đầu tiên của ta là chính ta. Ta làm khổ mình, và ta làm khổ những người khác. Nếu nói rằng: 'Chỉ có tôi là nạn nhân thôi, tất cả những người khác, họ không có cái đau khổ của tôi. Họ chỉ làm cho tôi đau khổ thôi', đó không phải là cái thấy đúng, không phải là chánh kiến. Cho nên khi nào ta cảm thấy ta là nạn nhân, thì ta phải ngồi lại, suy nghĩ và quán chiếu để thấy rằng ai cũng có thể là nạn nhân cả. Ta có thể là nạn nhân của chính mình.

https://thuviensach.vn

Nếu ta phát tâm bồ đề, có ý chí muốn được chuyển hóa, thì ta có thể tự cứu được mình, và có thể cứu được những người và những loài khác. Khi ta phát được tâm bồ đề, phát ra được cái ý chí vĩ đại đó, thì ta không còn là nạn nhân, ta không còn thụ động nữa mà ta bắt đầu đóng vai trò chủ động. Cho nên bồ đề tâm, ý chí muốn hành động, muốn thay đổi, rất quan trọng. Ta chưa làm gì hết, ta mới chỉ có nhận thức thôi, mới có ý chí thôi, mà khổ đau đã giảm thiểu đến tám mươi, chín mươi phần trăm rồi. Vì vậy thay đổi nhận thức là một việc làm rất quan trọng. Biết bao nhiêu người chết đuối trong biển khổ của sự thất vọng, chỉ vì nghĩ rằng mình là nạn nhân. Có những người nói: Tôi bị lạm dụng từ khi còn nhỏ, bị người này hiếp đáp, bị người kia hiếp đáp; cả đời tôi, tôi chỉ là nạn nhân, nạn nhân của cha mẹ, nạn nhân của anh em, nạn nhân của bạn bè, nạn nhân của xã hội, nạn nhân của hoàn cảnh, nạn nhân của chiến tranh, cho nên bây giờ tôi mới như thế này, tôi bất lực, tôi không làm được gì cả. Những người ấy sống mà chỉ đóng vai trò của một nạn nhân và chìm ngập trong biển khổ của sự tuyệt vọng.

Mỗi lần ngã là một lần đứng dậy,
Để cuộc đời nhường một bước đi lên.

Đó là thái độ của người chủ động. Tuy là có những khổ nhục, nhưng ta không bị chết chìm trong biển khổ nhục đó, ta đứng dậy. Đứng dậy như một vị anh hùng, một vị Bồ Tát, và khi cái tâm đại trượng phu ấy được phát khởi, thì tự nhiên đau khổ rơi rụng rất mau. Chưa làm gì hết, nhưng khổ đau đã rơi rụng rất nhiều. Nếu ta là nhà tâm lý trị liệu, ta phải thấy được điều này. Phần lớn những người có bệnh tâm thần cứ nghĩ rằng mình là nạn nhân của sự lạm dụng, của sự đè ép, của sự bủa vây của người khác, và cho rằng đã bị như vậy rồi thì mình sẽ phải mang những vết thương suốt đời, mình không thể nào lành được, cho nên mình phải khóc thật nhiều, mình phải biểu lộ cho được cái niềm đau nỗi khổ đó ra, thì mình mới bớt bệnh được. Nhưng sự thật là mỗi khi ta than khóc, ta biểu lộ niềm đau, ta tưới tẩm hạt giống của niềm tin rằng mình là nạn nhân, thì hạt giống của sự đau khổ càng lớn. Ta chỉ cần ý thức rằng tuy có sự vụng về từ phía mình,

https://thuviensach.vn

và có sự vụng về từ phía những người khác nhưng ta vẫn có thể đứng dậy được.

Đứng dậy em ơi sống cõi đời
Đời dù khổ nhục đến mười mươi
Em nên điểm phấn tô son lại
Ngạo với nhân gian một nụ cười

Hãy đứng dậy, đừng làm nạn nhân nữa. Đó là thái độ cần có. Khi ta có ý chí đó, thì bệnh ta bắt đầu thuyên giảm liền. Nếu ta là một nhà tâm lý trị liệu giỏi, ta có thể tạo ra được sự chuyển biến này trong tâm hồn của người bệnh. Nếu không thì ta chỉ có thể nói: 'Anh nên khóc đi, khóc cho đỡ đau đi, nói ra đi cho nó nhẹ bớt'. Càng khóc, càng nói ra thì ta càng khổ. Nói như vậy không có nghĩa là ta không được khóc, không được nói. Khóc một lần thôi, nói một lần thôi. Tại sao ngày nào ta cũng phải khóc, ngày nào ta cũng phải nói để tưới tẩm những hạt giống đã quá chín muồi đó? Người ta chỉ có khả năng nghe ta được một vài lần thôi, lặp lại nhiều lần người ta nghe hoài cũng ngán lắm. Chỉ có những nhà tâm lý trị liệu mới chịu khó ngồi nghe, còn những người khác thì chỉ có thể nghe một vài lần là đủ.

Khi quán chiếu ta thấy rằng không phải ta là người duy nhất có niềm đau. Người kia, người đã từng hãm hại ta, lạm dụng ta, làm tình làm tội ta, cũng có những niềm đau. Người đó có thể là cha, là mẹ, là chồng, hay là vợ của ta. Và khi quán chiếu như vậy, thấy được nỗi khổ niềm đau của người kia, thì ta làm phát sinh ra hiểu biết và từ bi. Ta thấy rằng người đó cũng đang cùng ngồi trên một chiếc thuyền với mình, đồng hội đồng thuyền, đồng khổ với nhau, thì sự hận thù, sự trừng phạt không cần nữa. Chất bạo động trong người không còn thì ta thấy rằng ta cần phải làm một cái gì đó để giúp mình, cứu mình và để giúp được người kia. Cái quán chiếu đó phát sinh tâm từ, tâm bi. Tâm từ là tâm muốn cho người kia có được hạnh phúc. Tâm bi là tâm muốn cho người kia khỏi khổ đau. Không những ta muốn cho ta không khổ, được vui, mà ta cũng muốn cho người kia cũng được như thế. Khi có tâm từ và tâm bi thì tự nhiên đau khổ tan rã, rơi rụng. Đó chỉ mới là kết quả của công phu quán chiếu thôi. Rất hay. Vậy thì con

https://thuviensach.vn

người vô sự là con người đứng vào trường hợp nào cũng đóng vai chủ động. Tùy xứ tác chủ, tức là chủ động, không than phiền và luôn có khả năng mỉm được nụ cười.

Ta không thể nào nói rằng: nếu người tu đạo không theo đuổi một chí hướng, không thao thức thực hiện một lý tưởng, không có mục đích theo đuổi, thì ai sẽ là người tế độ chúng sinh, cứu vớt những loài đang chìm đắm trong biển khổ? Có phải khi vô sự thì ta khỏi phải làm gì hết, khỏi phải có một kế hoạch nào, một dự án nào, vậy thì ai đứng ra lo giúp đời? Người ta hay chủ trương rằng phải có thao thức, phải có một chí hướng, phải có một lý tưởng, thì ta mới có được một nguồn năng lượng trong tự thân, thì ta mới làm việc được.

Bụt là một người vô sự, không tìm kiếm một cái gì. Nhưng Bụt là một người hoạt động độ sinh không ngừng nghỉ. Chúng ta biết rằng trong ba cánh cửa giải thoát có một cánh cửa gọi là vô nguyện. Vô nguyện tức là không có đối tượng để theo đuổi (aimlessness). Khi ta thực hiện được vô nguyện, không tìm cầu nữa, thì ta thật sự có hạnh phúc, ta là người vô sự. Bụt là người vô sự, nhưng không phải là một người nhàn cư không làm gì hết. Trong bốn mươi lăm năm, Bụt đã làm rất nhiều, đã không ngừng công việc hóa độ của Người. Đến giờ phút lâm chung cũng còn độ được một người xuất gia. Như vậy người vô sự không phải là người không có từ, không có bi. Mà từ và bi chính là hai động lực rất mạnh, khiến cho ta trở thành một con người hành động, một con người chủ động. Người vô sự không phải là người không có năng lượng. Năng lượng của người vô sự là năng lượng từ, bi và trí tuệ. Ở đây ta thấy rõ rằng con người giải thoát, con người vô sự là một con người rất hoạt động. Lý do là con người này có năng lượng của từ, của bi, và của trí tuệ. Có những người không có năng lượng từ, bi và trí tuệ, nhưng cũng rất hoạt động, vì nguồn năng lượng trong họ là nguồn năng lượng của dục. Họ thèm khát danh, cho nên họ rất siêng năng, họ rất hoạt động. Họ thèm khát giàu sang, cho nên họ rất hoạt động, làm việc cả ngày cả đêm. Họ muốn có quyền hành, vì vậy họ rất hoạt động, họ để hết thì giờ để xây dựng quyền hành của họ. Họ thèm khát sắc dục, vì vậy họ rất hoạt động, họ làm đủ mọi cách để chiếm hữu, để thành công. Cho nên ta phải phân biệt

https://thuviensach.vn

hai nguồn năng lượng: một là năng lượng dục, hai là năng lượng từ bi. Con người vô sự không có dục, nhưng có rất nhiều từ bi. Người có từ bi có thể hy sinh thân mạng của mình để cứu độ chúng sinh, vì vậy năng lượng của từ bi rất lớn. Khi ta nói một bài pháp thoại, bài pháp thoại này có thể được nói với năng lượng của từ bi, hay là với năng lượng của dục. Pháp thoại là Phật pháp, nhưng nếu ta nói pháp với tâm niệm là phô bày kiến thức của mình, để cho người ta khâm phục, để cho người ta khen ngợi, thì tuy ta cũng hăng hái nói bài pháp đó, nhưng nguồn năng lượng này không phải là một nguồn năng lượng lành. Nghe bài pháp thoại người ta cũng thấy rõ là trong bài pháp này không thật sự có từ, có bi, cho dù là đề tài của bài pháp là từ bi. Tại vì người nói pháp đã nói với cái ý muốn phô bày kiến thức của mình về từ và về bi. Khi thấy người ta khổ, ta nói một bài pháp có công năng giúp cho người ta bớt khổ, thì người ta nghe sẽ bớt khổ liền, vì người ta thấy được con đường chuyển hóa. Bài pháp không phải được nói với tâm niệm ham danh, cầu mong sự khen ngợi, mà được nói với động lực của từ bi. Một vị giáo thọ trẻ có thể nói với động lực đầu, tức là muốn cho người ta thấy mình cũng là giáo thọ giỏi, cũng không thua sư anh, sư chị của mình, không thua thầy của mình. Nói pháp như vậy chưa phải là nói một bài pháp đích thực, dầu trong bài pháp không có gì sai lạc, câu nào cũng nói đúng với kinh điển. Nhưng động lực của bài pháp chưa phải là từ, là bi đích thực, mà là sự phô trương. Khi còn trẻ, ta có thể đi qua giai đoạn đó. Nhưng khi đã lớn tuổi rồi, ta không thấy có sự cần thiết của lời khen ngợi nữa, và ta sẽ nói với tâm từ bi. Nói pháp như thế nào để có ích lợi, vì ta không muốn mất thì giờ của ta, cũng không muốn mất thì giờ của người khác. Vì vậy bài pháp của ta đích thực là một bài pháp. Khi nghe một bài pháp, ta có thể thấy được tính phô trương, tính thực tế hay mục đích cứu độ của bài pháp. Cho nên nói pháp là tốt hay là không tốt, điều đó còn tùy. Làm chùa cũng vậy. Làm chùa cũng có thể làm bằng từ bi, hoặc làm bằng tâm niệm chủ chùa, muốn chiếm hữu và muốn có niềm vui vì chùa mình đẹp, chùa mình lớn, chung quanh vùng này không có chùa nào được bằng chùa mình. Làm chùa như vậy không có phước bao nhiêu, có thể còn có tội nữa. Còn làm chùa với thao thức là có một cơ sở để người ta tới tu học, và động lực làm chùa là tâm niệm từ bi,

https://thuviensach.vn

thì làm chùa là một hành động rất đẹp. Học hỏi cũng vậy. Học hỏi để có khả năng hiểu được giáo lý, đem ra thực tập và để cứu người, thì học hỏi đó là từ bi. Còn học hỏi để có bằng cấp, có danh lợi, để chứng tỏ mình hơn người, thì cái học hỏi đó không phải là cái học hỏi của người vô sự. Người vô sự không có nghĩa là người làm biếng học. Người vô sự cũng học nhiều, nhưng học với ý chí lớn.

Con người vô sự tuy rất tích cực trong công việc giúp đời độ người, nhưng không bao giờ bị kéo theo hoàn cảnh và công việc, không bao giờ đánh mất mình trong mong cầu, trong dự án, trong công việc. Không bao giờ đánh mất mình trong dự án, trong mong cầu, trong công việc là điều rất quan trọng. Ta làm không phải vì tiếng khen, vì danh lợi, vì quyền thế, mà vì tình thương. Sống trong chúng, ta cũng biết rằng khi ta làm với tình thương thì ta có hạnh phúc lớn, còn khi làm không có tình thương thì ta sẽ đau khổ. Ta tự hỏi tại sao việc này chỉ có một mình ta làm mà người khác không chịu làm. Như vậy dù ta có đang làm đi nữa, thì cũng không có công đức bao nhiêu, vì ta làm không phải là do động lực của tình thương đẩy tới. Quan trọng là khi hành động thì hành động đó không làm cho ta đánh mất mình. Ta vẫn 'tùy xứ tác chủ', trường hợp nào ta cũng tự làm chủ được. Vì vậy chàng dũng sĩ xuống núi độ đời phải là người vô sự. Nếu chàng dũng sĩ xuống núi độ đời không phải là người vô sự, thì chàng dũng sĩ cũng có thể bị kéo theo danh vọng, quyền hành và sắc dục, và chàng sẽ đánh mất mình.

Con người vô sự luôn luôn còn là mình, còn tự do, không bao giờ bị 'burn out' (hết xí quách), cho nên con người vô sự còn mãi mãi thong dong. Tổ khuyên chúng ta: đừng chạy theo danh lợi, đừng chạy theo sự nghiệp, đừng bỏ thì giờ mua vui (đi tìm cái vui), đừng ham xây cất chùa lớn. Thật ra có chùa lớn cũng vui. Nếu ta xây cất chùa lớn với lòng từ bi chứ không phải để khoe khoang thì hay lắm. Đừng vận động làm tăng thống. Đừng vận động làm trụ trì, làm hòa thượng. Đừng cố thi đậu bằng tiến sĩ, đừng cầu mong chức vụ đại thiền sư. Nếu chuyện đó phải xảy ra thì cũng được, nhưng đừng có mong cầu. Đó là những cái người đời tìm kiếm, còn ta đi tu rồi, không lý ta cũng tìm kiếm cái đó hay sao? Chỉ cần mỗi ngày một bát cơm, một manh

https://thuviensach.vn

áo, một chiếc giường nhỏ. Sống đơn giản như vậy, không đòi hỏi tiện nghi nhiều, ta có rất nhiều thì giờ để làm con người tự do, để hết thì giờ vào công phu học hỏi và tu tập hàng ngày. Bụt đã sống như vậy, và Bụt đã dạy mình như vậy. Tổ đã sống như vậy, và Tổ cũng dạy ta như vậy. Tại sao ta lại muốn đi tìm cho nhiều? Để thì giờ để sống thật với mình. Sống thật với mình tức là lập xứ đắc chân. Ở chỗ nào ta cũng là ta. Ta không đóng kịch, ta không đóng một vai trò khác, ta muốn ta là con người thật của mình, ta muốn người ta thấy ta trong con người thật của mình, chứ không muốn người ta thấy ta là một con người khác. Tùy xứ tác chủ, lập xứ đắc chân. Đứng trong hoàn cảnh nào, địa vị nào, ta cũng vẫn là con người thật (chân nhân) của mình. Để thì giờ để sống thật với mình, để trở thành con người vô sự, giải thoát thật sự. Vô sự đây có nghĩa là giải thoát. Đối với sự nghiệp, với những dự án, v.v... không còn có gì lôi kéo ta đi được nữa, tuy rằng ta vẫn làm, vẫn sống, vẫn phụng sự. Niềm vui của ta là do tâm từ, tâm bi đem lại. Thấy người ta bớt khổ, ta có niềm vui; thấy người ta mỉm cười được, ta có niềm vui. Ta được nuôi dưỡng bởi những niềm vui đó, chứ không phải là niềm vui được người khen ngợi và trọng vọng.

Tất cả những công phu học hỏi và tu tập đều phải giúp cho mình trở nên thong dong, đem lại hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại. Con người vô sự là con người có khả năng sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại, vì con người đó không còn bị những dự án, những mong cầu kéo đi. Sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại nhưng vẫn tạo ra những lợi lạc cho các loài hữu tình. Sống hạnh phúc trong hiện tại, không gây khổ đau cho những người khác và hạnh phúc của ta lan tới người khác. Trên căn bản hạnh phúc đó, ta có thể làm được những việc khiến cho người ta bớt khổ và có niềm vui. Nếu không làm được như vậy, thì tất cả đều chỉ là gông cùm. Chùa cũng là gông cùm, pháp cũng là gông cùm, lý tưởng cũng là gông cùm, mà dự án cũng là gông cùm, vì những thứ này khiến cho ta đánh mất mình, làm ta không còn tự do, ta không còn là con người thật của mình nữa. Vì vậy cái mà ta tưởng là đẹp lắm, cái mà ta gọi là lý tưởng, cũng là gông cùm, vì cái đó làm cho ta đánh mất sự sống trong giây phút hiện tại. Con người thật của ta, vô vị chân nhân, cũng như con người thật của

https://thuviensach.vn

Bụt, đang có mặt đích thật trong giờ phút hiện tại. Đó không phải là cái ta đi kiếm trong tương lai hay ở một chỗ khác. Hạt giống đó có thật ở trong ta. Hãy trở về vận dụng cái tâm sáng chói với sáu đạo thần quang để nhận diện nó. Nó có đó. Con người thật của ta (vô vị chân nhân), con người tự do, con người thong dong đang có mặt trong ta, phải tiếp xúc với nó, phải nhận diện nó. Nhận diện bằng cái gì? Ta nhận diện bằng nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức của ta. Đó là sáu đạo thần quang. Nó không phải là sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp) đang mang tính thành, trú, hoại, không. Con người thong dong đó, con người thật đó là Phật tự thân. Nó không phải là một vật. Vì vậy gọi nó là một vật thì không đúng. Tại vì nó không phải là đối tượng của sáu giác quan. Trong khoa học thần kinh não bộ (neuroscience) bây giờ người ta cũng nói như vậy. Họ nói: tâm thức không phải là một vật. Nó là một sự biểu hiện. Nếu ta muốn nắm bắt nó như nắm một vật thì không bao giờ nắm được, bất khả đắc. Nhưng nó có mặt thật sự. Khi ta nhận diện được nó, thì ta trở thành con người tự do. Tại vì ta vốn là tự do. Nhưng nó đang có mặt kia, và ta chỉ cần nhận diện nó. Nhận diện ở đây tức là thức dậy và ý thức được rằng cái đó đang có mặt. Cái đó không phải là một vật.

Câu cuối cùng trong phần khai thị của Lâm Tế Lục giống như là một công án. Con người thật của mình, ta gọi là vô vị chân nhân, đang có mặt. Vấn đề là ta có nhận diện được hay không? Trong khi ngồi thiền, trong khi đi thiền, trong khi hái rau, trong khi cắt cỏ, và trong khi rửa chén, ta phải ngồi thiền, đi thiền, hái rau, cắt cỏ, và rửa chén như thế nào để con người thật của mình được hiện rõ ra. Khi có thể tiếp xúc được với con người thật của mình thì ta mới chấm dứt được tất cả mọi tìm cầu, mới có được an lạc và hạnh phúc, và những đau khổ của ta mới rơi rụng hết.

https://thuviensach.vn

Lời Cuối

Phần lớn chúng ta đều là con cháu của Tổ Lâm Tế. Vị nào có pháp danh bắt đầu bằng chữ Tâm, chữ Nguyên, chữ Quảng, chữ Nhuận đều là cháu của thiền sư Lâm Tế. Vì vậy cho nên sau này, quý vị có sư em, có đệ tử, quý vị có bổn phận phải dạy Lâm Tế Lục cho họ. Tại vì con em của chúng ta phải biết một ít về gốc rễ cội nguồn tâm linh của họ.

Vấn đề đặt ra là vào thời điểm nào có thể đem Lâm Tế Lục ra để dạy cho các em, các cháu? Bởi vì Lâm Tế Lục giống như một thứ thuốc khá mạnh, một loại thuốc xổ. Chúng ta phải biết cách sử dụng thuốc và liều lượng của thuốc. Cố nhiên, khi ta có một truyền thống tâm linh nào thì ta phải học hỏi, phải thực tập theo truyền thống đó, nhưng những điều ta học có thể bị tích tụ khá nhiều trong ta và ta không có khả năng tiêu hóa. Tưởng tượng những con tằm ăn lá dâu mà không tiêu hóa được thì không bao giờ con tằm đó có thể làm ra tơ, và con tằm sẽ chết vì số lượng lá dâu tích tụ trong mình nó. Chúng ta cũng vậy. Những điều chúng ta học mà không hiểu, không áp dụng được vào trong sự thực tập để chuyển hóa thân tâm, thì những điều đó tích tụ lại trong con người chúng ta và sẽ làm ra trạng thái bế tắc, khó tiêu (indigestion). Vì vậy cho nên những lúc đó là những lúc chúng ta cần có 'một liều' (dose) thuốc của Lâm Tế Lục. Lâm Tế Lục không phải là một loại thuốc bổ mà là một loại thuốc xổ! Càng uống thuốc bổ có thể bệnh càng tăng, đứng về phương diện Tây y cũng vậy, mà đứng về phương diện Đông y cũng vậy. Chúng ta đừng có tin rằng hễ uống thuốc bổ là khỏe, có thể càng uống thì càng bệnh. Vì vậy cho nên có những lúc phải cần đến thuốc xổ.

Các sư chú, sư cô khi mới vào tu thì được học Quy Sơn Cảnh Sách. Quy Sơn Cảnh Sách không phải là một văn bản của thiền phái Lâm Tế Lục mà là của phái Quy Ngưỡng (tông phái Quy Ngưỡng được lập ra bởi hai thiền sư là Quy Sơn và Ngưỡng Sơn). Trong truyền thống Lâm Tế, các sư chú sư cô nào cũng được học Quy Sơn Cảnh Sách ngay từ lúc bắt đầu làm sa di, sa di ni. Các sư chú sư cô phải đọc tụng những

https://thuviensach.vn

lời khích lệ của thiền sư Quy Sơn mỗi mười lăm ngày, và phải học thuộc lòng. Trong lúc đó, các sư chú sư cô không biết Lâm Tế Lục là gì trong khi mình là con cháu trực tiếp của Ngài Lâm Tế. Lý do một phần là vì Lâm Tế Lục là một loại thuốc xổ, và phải tới một lúc nào đó quý vị mới cần thuốc xổ mà thôi. Tuy nhiên, nếu chúng ta nghiên cứu Lâm Tế Lục cho kỹ lưỡng thì chúng ta biết được đường hướng và phương pháp của Tổ. Và trong khi giảng dạy, hướng dẫn cho con em của chúng ta, tuy chưa trực tiếp giảng dạy về Lâm Tế Lục, nhưng tất cả những gì chúng ta hướng dẫn, giảng dạy đều phải đi theo tinh thần của Lâm Tế Lục. Điều này rất quan trọng. Chúng ta phải hướng dẫn, giáo huấn và thực tập theo tinh thần của Lâm Tế Lục, như vậy sẽ không có trạng thái bế tắc và không cần tới thuốc xổ. Nhưng trong một đại chúng thế nào cũng có những người bị bế tắc vì không tiêu hóa được những gì đã học là vì phần lớn chúng ta đều là những người ham chất chứa kiến thức.

Sau này quý vị nên biến Lâm Tế Lục thành ra một cuốn sách giáo khoa (manual book) để cho những người trẻ sau khi đọc sách xong thì họ đã được hướng dẫn bởi tinh thần của Tổ Lâm Tế, một tinh thần vô cùng phóng khoáng tự do, ngay từ khi họ còn trẻ, và vì vậy cho nên sự học hỏi và tu tập của họ sẽ không bị bế tắc. Chứ không phải để cho đến khi tinh thần họ bị bế tắc thì mới đem Lâm Tế Lục ra để giảng. Nói tóm lại, chúng ta ngừa bệnh hơn là trị bệnh.

Trong những tháng vừa qua, khi học Lâm Tế Lục, chúng ta đã thấy rằng chúng ta rất gần gũi với tinh thần của Tổ giảng dạy. Tổ dạy chúng ta không nên đi tìm cầu ở ngoài và tìm cầu ở tương lai; chúng ta phải có đức tin ở bản thân mình và phải biết an trú trong giây phút hiện tại; chúng ta phải biết sử dụng tâm thức của mình để có thể sống một cách sâu sắc và biến sự sống thành ra một phép lạ. Mỗi giây phút của đời sống mình trở thành ra một phép lạ. Tinh thần 'Đã Về Đã Tới' trong Lâm Tế Lục rất rõ. Chúng ta cảm thấy rất gần Tổ; chúng ta cảm thấy chúng ta là sự tiếp nối đích thực của Tổ. Điều này không chối cãi được. Tại Làng Mai, chúng ta có những biện pháp thực tập cụ thể để có thể thực hiện được những lời Tổ dạy, để có thể tin tưởng nơi bản thân, để có thể đem Tịnh Độ về trong giây phút hiện tại, để có thể Đã

https://thuviensach.vn

Về Đã Tới trong giây phút hiện tại, để có thể trong bất cứ nơi nào chúng ta cũng có thể làm chủ được mình mà không cần phải tìm kiếm và nương tựa vào những thế lực ở ngoài.

Vì vậy cho nên trong sách giáo khoa về Lâm Tế Lục, chúng ta phải trình bày hai phần: phần đầu là nguyên tắc, đường hướng của sự thực tập; phần thứ hai trình bày về những phương pháp cụ thể, những sự hành trì cụ thể để có thể thực hiện được những lời Tổ dạy, và hai phần đó phải đi đôi với nhau. Sau này, nếu chúng ta cho các em, các cháu, chúng ta đọc Tinh Yếu Lâm Tế Lục mà nếu họ hiểu được rồi, thì đến khi đi vào nguyên văn của Lâm Tế Lục, họ sẽ cảm thấy không có khó khăn.

https://thuviensach.vn